LỄ HỘI
THĂNG LONG

Nhà xuất bản
HÀ NỘI

LỄ HỘI
THĂNG LONG

LỄ HỘI
THĂNG LONG

Tái bản có bổ sung

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI - 2001

PGS Lê Trung Vũ (Chủ biên)

* Nguyễn Thị Hồng Hạnh
* Thanh Hương
* Trần Văn My
* Nguyễn Văn Phái
* Trần Đồng Quang
* Văn Sáu
* Tố Uyên
* Văn Hậu
* Hoàng Lê. Lê Hồng Lý (Tiến sĩ)
* Vũ Kiêm Ninh
* Nguyễn Thị Phương
* Phạm Thanh Quy
* Nguyễn Hữu Thức (Tiến sĩ)
* Bạch Vân

LỜI GIỚI THIỆU

"Đây hồ Gươm, Hồng hà, hồ Tây,
Đây lắng hồn núi sông ngàn năm..."(1)

Lời ca ấy vang lên trên nửa thế kỷ nay, càng làm chúng ta hiểu sâu hơn về Thăng Long - Hà Nội yêu quý của mình.

Thăng Long - Hà Nội, chốn đế đô địa linh nhân kiệt đang cùng cả nước bước vào thiên niên kỷ mới trong niềm hân hoan lớn, bởi trong tất cả các tỉnh thành, chỉ riêng Hà Nội - đúng hơn là Thăng Long - Hà Nội - sẽ đón mừng tuổi thọ ngàn năm (2010). Thật là một kinh thành hiếm quý trên thế giới. Với ngót một niên kỷ tạo dựng, kinh thành đã là nơi giao lưu văn hóa của đất nước, và về nhiều mặt, có thể coi như trung tâm của nền văn minh sông Hồng.

Người Hà Nội nhìn lại lịch sử từ thuở Thăng Long trong niềm tự hào, bởi từ nơi đó, trải qua nhiều thế kỷ các vương triều mạnh nhất đã tiếp nối nhau trị vì, bảo vệ, kiến thiết để có một Thăng Long - Hà Nội văn hiến với

---

(1) Lời bài hát "Người Hà Nội" của Nguyễn Đình Thi - 1946.

36 phố phường, cùng nhiều kiến trúc văn hóa, tôn giáo độc đáo, cảnh quan thơ mộng, gắn với nhiều hoạt động của con người cùng nhiều truyền thuyết như Văn Miếu - Quốc Tử Giám, chùa Một Cột, quán Trấn Vũ, đền Phù Đổng, tháp Rùa, hồ Gươm, hồ Tây...

Con người Thăng Long - Hà Nội được hun đúc trong nền văn minh đó cũng trở nên sáng láng, thanh lịch cùng với những hoạt động văn hóa mang bản sắc kinh thành của mình, mà một trong những nội dung ấy là lễ hội.

Chỉ có Thăng Long - Hà Nội có tứ trấn, một phương thức sáng tạo không gian thiêng phủ lên bốn phương trời, từ đó sinh ra sức mạnh huyền diệu, thần quyền, hỗ trợ cho thế quyền, để uy lực triều đình ngày càng vững mạnh, đất nước ngày càng yên vui. Lễ hội tứ trấn (đền Bạch Mã (phương đông), đền Voi Phục (phương tây), quán Trấn Vũ (phương bắc), đền Kim Liên (phương nam) có đặc điểm là vẫn giữ bền mối tương quan nội lực đó tới ngày nay.

Ngoài ra, trong các đấng anh hùng thiên thần hay nhân thần, huyền thoại hay lịch sử có công với dân với nước đã được tôn vinh, người ta lại chọn ra "tứ bất tử" - bốn vị thần không phai mờ trong tâm thức Việt Nam - cũng được đưa vào lễ hội Thăng Long - Hà Nội, như muốn thêm một điểm sáng nữa trong sinh hoạt văn hóa chốn kinh kỳ. Đó là thánh Tản Viên (hội Tầm Xá), thánh Gióng (hội Phù Đổng), Liễu Hạnh (hội phủ Tây hồ), Chử Đồng Tử (hội Chử Đồng Tử).

Nói tới Thăng Long - Hà Nội cũng không thể quên

sự mở rộng quy mô ngày một lớn về nhiều mặt của kinh đô, trong đó có sự mở rộng vùng địa lý. Hiện tượng rất đặc sắc là sự hình thành "Thập tam trại" ở phía tây kinh thành do chàng trai nông dân Hoàng Phúc Trung, người làng Lệ Mật (huyện Gia Lâm) xây dựng nên (hội Lệ Mật). Chàng đã lập được 13 trại dân[1], đóng góp vào sự phát triển cơ sở vật chất cho kinh thành. Do đó, cũng chỉ Hà Nội có lễ hội Thập tam trại.

Nói tới đất đế đô này cũng không thể quên được câu chuyện tình thời cổ đại đầy bi thảm của công chúa Mỵ Châu và ông vua tài năng An Dương vương Thục Phán phải chịu một kết cục đen tối đến thế. Phản ánh câu chuyện cổ pha màu huyền thoại này chúng ta có hai lễ hội đặc sắc là "Hội đền An Dương vương" và "Hội núi Sái".

Nằm trong nền văn minh lúa nước nên hội về nước vào loại cổ cũng thấy mở đầu ở Thăng Long với lệ đua thuyền hàng năm trên sông Nhị từ thế kỷ XI.

Ngoài những đặc điểm nêu trên, công trình giới thiệu những lễ hội của cả nội ngoại thành, để từng bước cung cấp cho bạn đọc cái nhìn toàn cảnh hơn. Bạn đọc sẽ cùng các tác giả tham dự nhiều lễ hội có những nét riêng kỳ thú như hội của Đạo giáo tại "Bích Câu đạo quán", kỷ niệm mối tình thần tiên giữa Tú Uyên và Giáng Kiều; cũng như một số hội thi nấu cơm, đề tài tuy quen thuộc

---

(1) Thập tam trại gồm: Liễu Giai, Giảng Võ, Đại Yên, Thủ Lệ, Vạn Phúc, Cống Vị, Hữu Tiệp, Cống Yên, Ngọc Hà, Yên Biểu, Hữu Phúc, Hào Nam, Kim Mã (thượng, hạ).

song kỹ thuật đun nấu có khác nhau; hoặc như một hội chùa, nhưng là chùa thờ vua, không phải vua trị nước, mà là vua giỏi chơi cờ: Đế Thích (Hội chùa Vua). Hoặc cũng là hội chùa, song lại chủ yếu ghi nhận một thảm kịch, một xung đột nào đó giữa cửa thiền và Đạo giáo (Hội chùa Láng)

Để độc giả tiện theo dõi, chúng tôi sắp xếp các lễ hội theo trình tự thời gian. Ngày tháng được nêu trong các bài viết đều theo âm lịch - cách tính của các lễ hội truyền thống ở nước ta.

Chúng tôi, nhóm tác giả, chân thành cảm ơn Ban Giám đốc Nhà xuất bản Hà Nội đã đỡ đầu cho công trình này ra mắt bạn đọc trong năm 2001, như một món quà nhỏ đón mừng lễ lớn kỷ niệm 1000 năm tuổi sẽ tới của đô thành Thăng Long - Hà Nội.

Đồng thời chúng tôi cũng hy vọng có sự góp ý của bạn đọc gần xa, để các tác giả có thể cải tiến, nâng cao nội dung trong các công trình mới.

Hà Nội ngày 21 - 12 - 2000

TM NHÓM TÁC GIẢ

Chủ biên

PGS LÊ TRUNG VŨ

1 - HỘI LÀNG NGHÈ

Thờ: - Tướng quân Trần Công Tích
- Hoàng hậu Hồng nương. Phu nhân Quế nương

Địa điểm: - Làng Nghè (thôn Trung Nha), phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy

Thời gian: Ngày 4 tháng Giêng

Đặc điểm: Một nam, hai nữ và cách kéo lửa, nấu cơm thi.

Làng Nghè, tên chữ là Trung Nha, thuộc phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy. Xưa kia, trai làng giỏi nghề canh cửi, ngoài ra lại biết nghề làm giấy. Loại giấy bền, dai, dùng viết sắc chỉ, sớ tấu, biểu lệnh... Bản Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh in trên loại giấy này.

- Trai làng Nghè dệt cửi kéo hoa
An Phú nấu kẹo mạch nha ngọt lừ.

hoặc:

- Trung Kính làm giấy vàng hương
Nghĩa Đô làm giấy để làng tả văn.

"Nghè" là tiếng đập của hai chày tay do hai người giã vào xếp giấy cho mỏng tang.

Các cụ cho biết, ngày ấy có gia đình ông bà Lê Nghiêm và Nguyễn Thị Minh sinh đôi hai gái, đặt tên là Hồng nương và Quế nương. Hai chị em càng lớn càng xinh,

lại nổi tiếng nết na, giỏi việc nội trợ nên vào tuổi trưởng thành nhiều bà mẹ có con trai muốn xin các cô về làm dâu.

Song cũng vào thời điểm này (thế kỷ X), tình hình đất nước rối ren vì thù trong giặc ngoài. Hai cha con vua Đinh bị nội phản hãm hại. Ấu chúa Đinh Toàn sáu tuổi nối ngôi làm vì. Vùng ải bắc hàng chục vạn quân Tống rình rập đổ quân vào nước ta. Quan lại hoang mang, triều chính rối bời.

Tổ quốc lâm nguy...

Thái hậu Dương Vân Nga, thể theo nguyện vọng tướng sĩ, đã khoác áo cẩm bào và trao ấn kiếm cho thập đạo tướng quân Lê Hoàn, người có đủ uy tín và tài trí lấy lại được lòng dân, bảo vệ được non sông gấm vóc. Lê Hoàn làm lễ đăng quang, xưng là Đại Hành hoàng đế, cử ngay đoàn quân tinh nhuệ giao cho tướng Trần Công Tích thống lĩnh.

Từ kinh đô Hoa Lư (Ninh Bình), tướng Trần Công Tích hành quân gấp ra Đại La (Hà Nội) bằng đường thủy qua các sông Hoàng Long, sông Nhuệ, sông Tô, sông Thiên Phù, sông Hồng, sông Cán Khê (Cà Lồ)... rồi lập doanh trại ở Nghĩa Đô để tuyển thêm binh sĩ, lo thêm võ khí và quân lương.

Nghĩa Đô vừa là căn cứ tập kết, luyện quân, vừa như một tiền đồn bảo vệ phía bắc thành Đại La. Ông tổ chức các cuộc thi để chiêu mộ người tài ra cứu nước. Hội thi nấu cơm để lấy người chuyên lo việc bếp núc cho quân

đội cũng được xem trọng.

Hai chị em Hồng nương, Quế nương không bỏ lỡ cơ hội. Họ đã đoạt giải nhất trong cuộc thi này và được tuyển ngay vào quân ngũ.

Tháng Ba năm Tân Tỵ (981) đạo tiền quân vững mạnh của ta đã bí mật ngược lên chiến tuyến bắc, đến Phù Lỗ (sông Cầu).

Quả nhiên quân Tống mắc mưu, tiến sâu vào trận địa mai phục của ta, với thái độ ngạo mạn và chủ quan. Quân ta đã mở mặt trận ở Bình Lỗ.

Trong cuộc huyết chiến đó, tướng giặc Hầu Nhân Bảo đã bị chém tại trận, quân giặc tử vong quá nhiều, bọn còn lại như rắn không đầu, bỏ chạy tan tác và trốn về nước.

Quân ta toàn thắng. Đất nước thanh bình.

Tướng quân Trần Công Tích cho quân trở về doanh trại Nghĩa Đô nghỉ ngơi, làm sớ báo tiệp về triều đình và xin nhà vua ban thưởng quân sĩ, đặc biệt lưu ý công lao của Hồng nương, Quế nương.

Triều đình duyệt y sớ tấu. Sau đó ông được giao trấn giữ vùng ngoại vi thành Đại La. Cùng thời gian này ông làm lễ thành hôn với hai chị em và sống tại đây.

Hương ước ghi:

"Thánh ông sinh ngày 10 tháng Mười, hóa ngày 2 tháng Tám.

Ngài được phong là "Dương cảnh thành hoàng lục tích hiển ứng kính chương, thượng đẳng phúc thần đại

vương".

Vật dâng cúng gồm xôi, thịt, rượu trắng. Tế lễ trong ba ngày.

Hai thánh bà sinh ngày 3 tháng Ba. Hóa ngày 25 tháng Một.

Vật dâng cúng là bánh dày, chè kho và hương hoa.

Thánh bà Hồng nương được phong là "Tả hoàng hậu đoan trang tôn linh công chúa".

Thánh bà Quế nương là "Hữu phu nhân ý thiện tôn linh công chúa".

Đình làng Nghè đã bị phá năm 1947. Nay còn lại đền ở xóm Trong, dựng ngay trên nền nhà của ông bà Nghiêm và Minh gọi là đền Trung Nha. Đền gồm ba gian, trước sân có giếng gạch tròn xây, quanh năm nước trong xanh. Hậu cung đặt ba ngai thờ, có bát hương tả quan, hữu quan và một quả chuông cổ. Bức hoành phi khắc bốn đại tự "Bình Tống, hưng Lê" (Dẹp giặc Tống, chấn hưng nhà Lê). Câu đối đền Trung Nha cũng nói rõ ý chí người xưa:

- Nghĩa khí bách niên phù Đẩu vọng
Đô thành thiên cổ tụ thần quang.

Tạm dịch:

- "Ngửa trông nghĩa khí trăm năm như ánh sao Đẩu.
Nơi đô thành ngàn đời ngưng tụ ánh sáng thần linh".

Và:

- Bình Tống, hưng Lê, công thần phụ quốc huân cao linh ứng

Đương cảnh thành hoàng ngũ lục lưu truyền sắc chỉ đại vương.

Tạm dịch:

- Dẹp giặc Tống, chấn hưng nhà Lê, giữ nước công cao linh ứng

Làm đương cảnh thành hoàng, sắc chỉ đại vương vẫn còn dấu chữ lưu truyền.

***

Hàng năm làng vào hội ngày mồng 4 tháng Giêng.

Sau khi tế lễ, đám rước được cử hành long trọng. Ba kiệu bát cống trên đặt ba long ngai. Trên mỗi long ngai đặt mũ áo của thánh. Thánh ông mũ áo vóc vàng. Hai thánh bà mũ áo vóc đỏ và xanh.

Đám rước cử hành từ đình qua miếu cửa rừng "Ông Cụ" (?) qua cổng làng vào đền xóm Trong (nơi thờ ba vị). Tại đây làm lễ dâng hương. Tiếp, rước kiệu qua văn chỉ, qua quán Nghè ở gò Phượng Đảo, đợi lấy nước ở giếng Đá, xong là về Bãi cơm thi.

Cả bốn giáp Nhất, Nhì, Ba, Tư đều dự thi nấu cơm. Mỗi giáp cử một nhóm ba người (một nam, hai nữ). Các dụng cụ và các thứ cần chuẩn bị đều phải giống nhau, như nhau về kích cỡ, hình dáng, chất liệu và dung lượng... gồm: niêu gốm, dũa cả, rế, bùi nhùi (từ tre nạo ra), hai sợi giang, khúc tre có lỗ, ba cọc (dài 40cm/cọc) làm kiềng, dùi đóng, ba bó đuốc nứa, ba đấu gạo tám Mễ Trì.

Không thi lấy nước, chỉ cần ra giếng Đá gần đó chuyển về để sẵn.

Thi kéo lửa, cần hai người, khi sợi giang kéo qua lỗ khúc tre, người giữ, người kéo. Bùi nhùi để sát lỗ tre để tia lửa phát ra gặp bùi nhùi là bén ngay được.

Đến đây có cuộc thi nhỏ. Khi có lửa thì bốn người (của bốn giáp) cầm ngay bùi nhùi ấy chạy lên trước đại bái đốt cháy lá cờ đuôi nheo nhỏ bằng giấy (của giáp mình) treo ở đó. Ai đốt cháy hết cờ (không cháy dở) chạy về trước là được.

Tiếp, là cuộc thi nấu cơm. Bùi nhùi tiếp lửa vào tinh tro bào từ cây tre khô. Như vậy là người đàn ông trong nhóm thi chuyên lo việc cạo tinh tre bào thành vỏ bào làm củi đốt.

Bếp cũng khác mọi nơi. Đó là ba chiếc cọc tre dài bằng nhau. Khoảng 40cm, chôn xuống đất rồi, còn khoảng 25cm trên đất, như ba ông đầu rau, phía trên hơi chụm lại, đặt vừa trôn chiếc niêu nấu cơm thi. Đốt cháy cờ xong, người cầm lửa chạy về bếp mình. Hai người đã đóng xong cọc. Chiếc niêu đã có nước, gạo, đặt lên bếp. Cuộc nấu bắt đầu. Người bào vỏ tre vẫn bào lấy vỏ bào làm củi đun cho tới lúc cơm chín. Một hồi trống báo, bốn bát cơm thi đem bày trước ban giám khảo. Bát cơm được giải nhất phải xuê, thơm, đầy đặn. Đó là bát cơm dâng cúng. Thật vinh dự và may mắn cho giáp nào được dâng cơm cúng thánh.

Giải thưởng là một quả dừa nặng nước (các cụ nói,

đó là tượng trưng đôi nhũ của đàn bà). Dân chúng hò reo, la hét chúc mừng.

- Giáp thắng cuộc cử hai người nam, nữ mặc chỉnh tề bê khay đựng quả dừa giải đặt lên bàn thờ, thắp hương, tạ ơn thánh. Tàn tuần hương, mới nhận dừa về.

Hội tan, người ta bàn tán, chia tay nhau trong niềm vui chung và hẹn sang năm lại gặp nhau trong cuộc thi mới.

2 - HỘI LÀNG MAI ĐỘNG

Thờ: Tam Trinh - tướng của Hai Bà Trưng
Địa điểm: Đình Mai Động, quận Hai Bà Trưng
Thời gian: 4 - 6 tháng Giêng
Đặc điểm: Võ vật

Vào sáng mồng 4 Tết hàng năm, nhân dân phường Mai Động, quận Hai Bà Trưng tổ chức rước rất trọng thể tưởng niệm tướng Tam Trinh - người đã cùng Hai Bà Trưng phất cờ khởi nghĩa đánh tan quân Tô Định, thu phục sáu mươi nhăm thành trì.

Tướng Tam Trinh sinh ra và được rèn luyện tại lò vật võ huyện Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa. Những năm đầu công nguyên ông đi thăm thú khắp nơi và dừng chân tại hương Cổ Mai (trong đó có làng Mai Động ngày nay). Thuở ấy, nơi đây là những rừng mơ bạt ngàn. Ông mở trường bên bờ sông Kim Ngưu dạy văn, dạy võ cho con em trong

vùng. Người theo học rất đông. Mùa xuân năm 40, hưởng ứng lời hiệu triệu của Hai Bà, ông đưa ba nghìn tráng đinh cùng nhiều bô lão lên Hát Môn ứng nghĩa. Biết ông là người hiếu nghĩa, lại có tài, Hai Bà Trưng cử ông làm tướng, dẫn một đạo quân lớn, tiến thẳng tới trị sở giặc ở Luy Lâu. Trước sức tiến công như gió bão, lại bị bất ngờ, quân nhà Hán tan chạy. Nhưng đất nước thanh bình không được bao lâu, năm 43 Mã Viện lại kéo quân sang cướp nước ta. Tướng Tam Trinh được Hai Bà Trưng cử về trấn giữ vùng đất phía nam Hà Nội ngày nay. Ít lâu sau, ông về Mai Động đào hào đắp lũy cùng nhân dân chống giặc. Khi nghe tin Hai Bà Trưng tuẫn tiết trên sông Hát, đô Tam Trinh quyết chiến một trận và hy sinh vào đêm 10 tháng Hai năm Quý Mão (43).

Tưởng nhớ ông, nhân dân Mai Động dựng đình thờ ông làm thành hoàng. Nhân dân đất Việt tôn vinh ông là tổ vật của cả nước. Đôi câu đối ở đình ghi:

"Đức bác thánh văn truyền Việt địa
Ung dung thần vũ trấn Nam thiên".

Tạm dịch:

"Văn thánh đức cao truyền đất Việt
Võ thần vui mạnh dậy trời Nam"

Ngày nay, sau nhiều cơn binh lửa, Mai Động vẫn còn giữ được Nghè là nơi ông ngự, giếng Ngọc là nơi ông cùng quân sĩ tắm mát ngày xưa, ngôi đình làng bề thế, được trùng tu đúng một trăm năm trước còn nguyên vẹn đến ngày nay. Nhằm bảo tồn cụm di tích quý này, năm

1986. Nhà nước đã quyết định xếp hạng đình, nghè Mai Động và cấp một phần kinh phí tôn tạo. Năm 1990, con đường lớn nằm bên sông Kim Ngưu, chạy qua chiến trường xưa đã được thành phố Hà Nội đặt tên là đường Tam Trinh. Do có nghề làm đậu phụ, có từ thời Tam Trinh truyền lại nên đến nay đời sống dân làng vẫn khá sung túc. Toàn bộ đường làng đã được lát gạch, đổ bê tông. Bên những vườn quả sum suê là những nhà tầng kiến trúc đẹp, đua nhau mọc lên.

Đặc biệt nhằm ghi nhớ truyền thống hào hùng, hàng năm Mai Động mở hội vật vào các ngày 4, 5, 6 tháng Giêng. Ngày trước, sau cuộc rước và tế cáo yết thành hoàng, các cuộc đấu được diễn ra trên Đống Vật. Hội làng Mai Động đã trở thành nỗi nhớ niềm thương của nhiều thế hệ. Những năm đất nước còn cách chia, nhà văn Vũ Bằng từ đất Bắc di cư vào sống ở xứ sở mai vàng đã tả tâm trạng trong "*Thương nhớ mười hai*": - Tôi thích mơ về một thuở thanh bình xưa cũ đi về Mai Động xem thi vật (...). Bây giờ ngồi nghĩ lại những tay đô ấy, thực quả tôi không biết bắt đầu từ đâu và nói thế nào cho hết được cái mê say, cảm phục của tôi hồi đó. Tôi chỉ biết rằng nếu tôi nhắm mắt lại, đến tận bây giờ tôi vẫn còn mường tượng được cái màu da đỏ như táo tầu của họ, những bắp thịt ở tay lúc thường mà chạy đi chạy lại như con chuột và cái bụng lép kèm kẹp cũng có những bắp thịt chạy dọc chạy ngang (...) và tôi nhớ cả nữ đô Tô Thị Hằng vật nhau một buổi với chín đô đàn ông bằng những

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN
VNo DO/8571

phép "cuốn chỉ", "ra ràng", "vào tay tư", "bắt bò" biến hóa như thần mà đến lúc lĩnh giải vẫn cười nói thong thả như một người mới đi chơi về".

Năm nay, do được chuẩn bị chu đáo, hội Mai Động diễn ra sôi nổi hào hùng. Dẫu trời rét đậm, nhưng vẫn có khoảng một trăm đô từ Bắc Ninh, Từ Liêm, Thanh trì, trong đó có đô ở tuổi thiếu niên về dự giải. Người tới xem và cổ vũ khá đông, sân đình chỉ chứa được một phần, số còn lại đứng chật đường quanh đình nghe tường thuật qua loa phóng thanh. Trước ngày mở hội, nhiều tổ chức và cá nhân đã tài trợ cho giải. Trong khi thi đấu, nhiều miếng hay được người xem tán thưởng và có người đóng góp thêm cho giải nhất.

Các đô ở các quận, huyện nội, ngoại thành Hà Nội và các tỉnh khác đều về thi đấu từ mồng 4 đến mồng 6 Tết ở làng Mai Động (nay là phường Mai Động).

Đến nay, hội vật làng Mai Động vẫn giữ được dáng vẻ riêng. Vào mùa hội tới, nếu được Sở Thể dục Thể thao Hà Nội tổ chức lại sới vật theo quy mô xưa, các đô đăng ký dự giải được tập huấn thì tin chắc hội vật Mai Động sẽ thu hút hàng vạn người tới dự.

3 - HỘI LÀNG HẢI BỐI

Thờ: - Triệu Nguyên
- Triệu Chính
- Triệu Lệnh

Địa điểm: Xã Hải Bối - huyện Đông Anh

Thời gian: 4 - 6 tháng Giêng

Đặc điểm: Hát giao duyên

Đồn rằng chợ Bởi vui thay
Đằng Đông có miếu đằng Tây có chùa
Giữa chợ có đền thờ Vua
Dưới sông nước chảy đò đưa dập dìu.
(Ca dao)

Xã Hải Bối (tên nôm là Bởi) một miền quê gồm các làng Đồng Nhân, Cổ Điển. Hải Bối, Yên Hà, ở phía tây huyện Đông Anh này đã có lịch sử từ ngàn năm xưa. Thời cổ Hải Bối gọi là trang "Hạ Long". Từ thời Lý Thái Tổ, người dân vùng quê sông Hồng nhìn thấy rồng vàng trên bầu trời Hồ Tây sau khi hiển hiện lại đậu xuống vùng đất Bãi Bởi này. Đường đến Hải Bối từ Hồ Gươm qua cầu Chương Dương, hoặc cầu Thăng Long khoảng trên hai mươi kilômét.

Theo lời kể của các cụ ngày xưa có ba anh em họ Triệu là Triệu Nguyên, Triệu Chính, Triệu Lệnh. Thân phụ họ là bạn thân của Thi Sách. Sau khi Thi Sách bị Tô

Định giết hại, hưởng ứng lời kêu gọi của Hai Bà Trưng, bốn cha con họ Triệu tuyển mộ trai đinh trong làng và các vùng lân cận gia nhập nghĩa quân. Họ lập được nhiều chiến công ở vùng sông Hồng, sông Đuống. Triệu Nguyên được phong làm Thượng tướng quân, Triệu Chính làm Tỏa đô đài tướng quân, Triệu Lệnh là Đại phu tướng quân. Đội quân thủy chiến của phó tướng Lưu Long đã bạt vía kinh hồn khi gặp thủy quân của họ Triệu. Lưu Long đã phải lui về địa phận sông Đuống. Cuộc chiến ngày càng quyết liệt. Tô Định trực tiếp tổ chức phản công lại vào ngày 15 tháng Tư năm 42, cha con họ Triệu lãnh đạo thủy quân, chiến đấu đến phút cuối cùng, hy sinh trên sông nước. Nhớ ơn công lao của họ, nhân dân Hải Bối đã suy tôn các vị này làm thành hoàng làng. Đình còn phụ thờ các tướng thời Mạc, thời Lê như Phan Ngạc, Vũ Công Tể, vì có công dẹp loạn, mở mang xóm làng. Câu đối ở đình ghi, tạm dịch:

- Mệnh trời soi sáng triều vua (?), thần núi Tam Đảo xuống trần làm Đại tướng.

- Đầu bờ cõi giương cờ họ Triệu, đồn binh Hải Bối đánh cho giặc nát tan.

Hội làng Hải Bối tổ chức vào ngày 4 tháng Giêng. Trước đó có sự chuẩn bị của các giáp trong việc hậu cần, tế lễ, rước thánh và lễ tân. Đúng bảy giờ sáng kiệu bát cống do mười sáu trai đinh khiêng, mang theo hai chóe tiến từ Đình Tứ ra Đình Nhị rồi vòng ra bãi sông Hồng. Dẫn đầu đoàn rước là một bô lão, mặt hóa trang ông Địa

to như cái mẹt. hai tay cầm chiếc cần câu có buộc con cá to bằng chiếc mo cau để tạo không khí sôi nổi. Người cầm cá, thả bên trái, thả bên phải dẹp đường để đoàn rước khi tiến khi lùi. Khi đoàn rước ra đến bờ sông, một bô lão làm lễ tạ, rồi bốn trai đinh khiêng chóe lên thuyền ra giữa sông Hồng lấy nước trong để về làm lễ mộc dục. Hội Hải Bối rã đám vào ngày 6 tháng Giêng, cuốn hút hàng nghìn người quanh vùng tới tham gia với những trò vui dân tộc. Ban ngày có thi đấu cờ người, leo cột mỡ. Tối có diễn tuồng cổ, hát trống quân. Đặc biệt hội làng Bối có hát ví giao duyên giữa các thanh niên nam nữ. Hai bên hát đối với nhau qua một sợi chỉ dài, nối với chiếc ống bơ được bịt bằng da ếch gọi là "hát ống". Họ hát những câu ca giàu chất dân ca xứ Bắc. Hát đối đáp hết đôi này đến đôi khác. Giọng ca ví qua nhiều chặng: ví mời chào, ví làm quen, ví hát lỡm, ví xe kết, ví chia tay. Hội làng Hải Bối giúp cho mọi người thư giãn sau một năm vất vả với ruộng đồng sông bãi. Vùng quê Hải Bối từ năm 1941 đến 1945 là ATK (An toàn khu) của Trung ương Đảng ta. Quán cơm bà Đỗ Thị Điểm (bà Tấc) trở thành nơi lui tới của cán bộ ta từ Hà Nội đi Việt Bắc. Cây gạo chợ Bỏi đã được gắn bia di tích. Quanh gốc gạo có vườn hoa cây cảnh, bình cắm hương để ghi nhớ tấm lòng của người dân Hải Bối với Đảng thời kỳ tiền khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám.

4 - HỘI ĐỀN XUÂN LAI

Thờ: Thánh Gióng
Địa điểm: Thôn Xuân Lai, xã Xuân Thu, huyện Sóc Sơn
Thời gian: 4 tháng Giêng
Đặc điểm: Thổi cơm thi, kéo mỏ

Xuân Thu là một trong hai mươi nhăm xã thuộc huyện Sóc Sơn, phía bắc giáp xã Kim Lũ, tây và nam giáp hai xã Xuân Nộn và Thụy Lâm huyện Đông Anh, phía đông giáp xã Hòa Bình huyện Yên Phong tỉnh Bắc Ninh. Xã gồm ba thôn: Xuân Lai, Thu Thủy và Yên Phú. Trước Cách mạng Tháng Tám nguyên là đất ba xã trùng tên thôn thuộc tổng Xuân Lai, phủ Đa Phúc, tỉnh Phúc Yên. Từ năm 1979 nhập vào Hà Nội.

Đền hàng tổng ở thôn Xuân Lai; tương truyền là nơi thánh Gióng truy đuổi giặc dừng chân. Dân làng đem chiếu ra trải mời thánh Gióng nghỉ ngơi nên làng có tên nôm là "Kẻ Trải". Sau dân gian đọc chệch thành Sải, hiện vùng này vẫn còn chợ Sải.

Ngôi đền nhỏ xinh xắn tọa lạc ở giữa vùng dân cư đông đúc, quay hướng tây bắc, gồm tam quan, sân, nhà tiền tế, hậu cung. Tiếc thay trải qua dâu bể nên hiện nay chỉ còn sân gạch và hậu cung. Nhưng trong đền vẫn còn lưu giữ được nhiều di vật quý gồm: long ngai, bài vị, tượng thánh, bát hương, ba cỗ kiệu long đình và một số sắc phong...

Hội làng Xuân Lai mở vào đầu năm nên không có lệ

mở cửa đền. Sáng sớm tinh sương ngày 4 tháng Giêng, khi những giọt mưa xuân đầu tiên còn đọng trên cành lá thì tiếng chiêng, trống hội làng đã vang dậy. Từ xóm Đá, xóm Đoài, xóm Cạnh... người ta rước kiệu long đình, bầy hương hoa, lễ vật về dâng thánh. Mỗi đám rước đều có cờ thần, bát bửu, chiêng, trống, tiền hô hậu ủng. Trước mỗi kiệu đều có một ông võ tướng cùng với đám công sai múa dẹp đường - nét đặc trưng này gần giống với "quân phù giá" và "làng áo đỏ" ở hội Gióng Phù Đổng.

Tới nơi, sau khi đưa lễ vật vào đền, các cụ ông tế nhập tịch. Ngoài sân cuộc đấu vật thờ bắt đầu được tiến hành. Đô vật là những chàng trai chưa vợ, cha mẹ song toàn, bản thân cũng là người tài đức. Họ vờn nhau như múa, thỉnh thoảng cũng có anh "lấm lưng trắng bụng". Đấu vật thờ không mang tính thắng, thua quyết liệt của cuộc thi tài mà là nghi thức ở đây. Tuy hội đền Hàng Tổng chỉ diễn ra trong một ngày nhưng cũng khiến dân chúng say mê với các trò chơi phong phú. Có trò thi lấy nước, kéo lửa thổi cơm. Quy định như sau: mỗi xóm thành một đội có ba người, một người chạy lấy nước, hai người kia kéo lửa nhóm bếp rồi cùng nấu cơm. Ai nấu nhanh cơm chín, dẻo được giải thưởng và đưa vào lễ thánh. Ban tổ chức đã lấy nước ở giếng chùa chứa trong những chiếc lọ để sẵn ở cánh đồng Lim (cách đền chừng 500m). Dứt một hồi ba tiếng trống, cuộc chạy đua lấy nước bắt đầu. Người còn lại lấy hai thanh tre cọ sát vào nhau kỳ đến khi tóe lửa bắt vào bùi nhùi nhóm bếp. Ngọn lửa hồng cũng là lúc nước đã được đưa về. Họ cùng vo gạo, bắc nồi treo

ở chiếc chạc ba lơ lửng trên mặt đất. Cầm củi hơ dưới đáy nồi, giữa từ bề gió thổi phải làm sao lửa không tắt, cơm chín nhanh, điều đó đòi hỏi ở sự nhanh nhẹn khéo léo của mỗi người. Được giải trong cuộc thi nấu cơm được coi là điều may mắn cho cả năm.

Cuộc thi cướp cờ cũng hào hứng không kém: hàng cờ đuôi nheo cắm ở giữa, mỗi xóm kết thành một đội đứng dàn đều hai bên. Theo hiệu lệnh cùng chạy thật nhanh vào cướp, đội nào được nhiều cờ hơn ấy là dành phần thắng. Nhưng có lẽ náo nhiệt nhất ở đây là trò kéo "mở". Cũng chia hai đội như các cuộc kéo co nhưng không dùng dây mà dùng "mở". "Mở" là hai cây tre bánh tẻ, phải thật thẳng, đã được róc nhẵn các đầu mặt, chỉ để lại một tay tre ở gần gốc tạo thành một chiếc chạc. Hai đội quay vào nhau, tay cầm đằng ngọn, gốc quay vào giữa, néo hai chiếc chạc của hai chiếc cây tre vào với nhau. Được lệnh, quân hai bên cùng gò lưng, mắm môi mắm lợi ra sức kéo. Cuộc chơi thật quyết liệt, mãi bên tả mới kéo đi được một ly thì bên hữu lại kéo về. Có lúc hăng quá ngã lăn chiêng ra đất, lúc ấy tiếng hò reo cổ vũ hòa với tiếng trống âm vang cả một vùng.

Cuộc thi kéo mở sau khi đã phân định thắng thua, trò đấu vật tranh giải được tiến hành như các hội khác. Các trò vui liên tục từ sáng đến khoảng ba, bốn giờ chiều thì dừng lại. Dân chúng vào đền vái tạ rồi xóm nào rước lễ về xóm ấy cùng thụ lộc để buổi tối còn đi xem đội tuồng của thôn biểu diễn. Thường là tích "*Tả Ôn Đình trảm Khương Linh Tá*" hoặc "*Mộc Quế Anh dâng cây*"...

Xuân Lai một làng cổ có bề dày hàng nghìn năm, một

vùng quê như còn ghi dấu chân của một vị thánh trong "tứ bất tử" của Việt Nam: mới lên ba nghe tin nước có biến đã vươn mình đứng dậy giết giặc cứu dân. Ngựa phi đến đâu giặc Ân tan đến đấy. Và thánh Gióng cũng nổi tiếng ăn khỏe hết "bảy nong cơm, ba nong cà". Những truyền thuyết ấy cho chúng ta biết để thắng giặc ngoại xâm ngoài tinh thần yêu nước, mưu trí dũng cảm còn cần phải có sức lực. Vì thế nơi nào thánh Gióng dừng chân đều bày cho dân trò chơi để rèn luyện sức khỏe: cầu húc ở Xuân Dục, kéo co ở đền Thanh Nhàn, kéo mỏ, cướp cờ ở đền Hàng Tổng. Muốn quân bền, việc chăm lo cuộc sống vật chất cho tướng sĩ được hết sức đề cao. Ở bất kỳ địa thế nào quân sĩ cũng được ăn no đánh thắng. Nhiều trò tái hiện như thổi cơm lơ lửng trên không như ở Xuân Lai, đuổi bắt gà làm thịt, kéo lửa thổi cơm thi ở Lương Quy (Đông Anh).

5 - HỘI LÀNG XUÂN DỤC

Thờ: Lạc Long Quân - Âu Cơ
Địa điểm: làng Xuân Dục, xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn
Thời gian: 12 - 14 tháng Mười tưởng niệm Quốc tổ
Hội xuân 3-5 tháng Giêng
Chính hội 4 tháng Giêng
Đặc điểm: Quả cầu rất to. Ngâm dưới Ao Tiên

Làng Xuân Dục Đông, xa xưa có tên gọi Xuân Đán Trang nay thuộc xã Tân Minh, huyện Sóc

Sơn, Hà Nội. Xuân Dục là điểm tụ cư của người Việt cổ, là điểm nối giữa vùng đất tổ Phong Châu với vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng. Đình Xuân Dục thờ Lạc Long Quân và Âu Cơ. Hàng năm, làng mở hội tưởng niệm các vị quốc tổ vào ngày 12 đến 14 tháng Mười. Lễ vật chỉ có oản quả đặt lên kiệu bát cống rước từ chùa về đình. Hội xưa có nhiều trò chơi: ban ngày có múa rối, bắt phỗng, bịt mắt bắt dê; buổi tối có hát tuồng chèo. Vào ngày mồng 3 Tết, ở Xuân Dục còn có hội húc cầu gỗ.

Huyền thoại xưa kể rằng, vào thời Hùng Vương, có một cánh quân của thánh Gióng do tướng Hữu Lâm chỉ huy, một buổi chiều giáp Tết hành quân qua Xuân Đán Trang. Vị chủ tướng thấy nơi đây có rừng già, phong cảnh đẹp bèn cho quân dừng chân nghỉ lại. Để quân dân cùng vui, dân làng đem cơm nắm, cà muối ra thết nghĩa quân (nay ở Xuân Dục còn có địa danh Rừng Cơm). Các phụ lão ở đây còn kể, các chiến binh thấy trẻ mục đồng túm năm tụm ba, bèn nghĩ ra trò chơi húc cầu. Lúc đầu, quả cầu được tạo bằng củ chuối lá mọc giữa rừng có đường kính khoảng 30cm. Dụng cụ để cướp cầu là một que tre ở đầu có móc nhọn. Sau khi que tre gãy người ta dùng sức người để đẩy. Ai khéo dùng mẹo lừa cướp được cầu đẩy vào lỗ phía bên kia là thắng cuộc. Nhưng quả cầu làm bằng củ chuối không để được lâu, người ta nghĩ ra cách chế quả cầu bằng gỗ lục thông (cây thông to ở rừng) đường kính khoảng 50cm nặng 60 đến 70 kg sơn màu đỏ.

Làng Xuân Dục có bốn giáp chia thành hai đội (nhân

dân địa phương gọi là tứ giáp lưỡng đoàn). Mỗi đội cử mười trai đinh khỏe mạnh, không dị tật, gia đình không trở tang. Chỉ huy mỗi đội là một ông cai. Giáp Đông, giáp Điềm giữ lồ phía đông; giáp Đoài, giáp Bắc giữ lồ phía tây. Cuộc chơi diễn ra trên một thửa đất năm sào liền trước cửa đình. Chiều mồng 3 Tết, lễ đào lồ diễn ra hết sức trang nghiêm. Theo tục lệ ở đây, lễ đào lồ đồng thời cũng là lễ động thổ. Từ đây, có việc cần thiết phải ra đồng, người ta được tự do cày cuốc, không còn phải kiêng cữ. Hai lồ nằm theo hướng đông - tây. Mỗi lồ sâu nửa mét rộng tám mươi xăngtimét. Lồ nọ cách lồ kia hai mươi nhăm mét. Cùng với lễ động thổ, các chức sắc còn tổ chức lễ vớt cầu từ ao Tiên, rửa sạch, lau khô rồi đặt lên chiếu hoa trước hậu cung đình. Lúc ấy, trên ban thờ đã bày biện cỗ chay gồm: bánh dày, bánh rán, bánh khảo cùng một buồng chuối lá. Tục truyền, bánh dày tượng trưng cho cơm nắm, bánh rán tượng trưng cho cà ghém mà thuở xưa dân làng đã úy lạo quân ông Gióng. Lễ thần xong, đêm mồng 3 Tết, ông từ cùng các phụ lão phải đèn nhang thờ phụng và canh quả cầu suốt đêm.

Sáng mồng 4 Tết, sau khi các quan viên hương lão tế thần xong lúc mười giờ thì hai đội tiến ra sân đình lễ vua. Các cầu thủ đầu quấn khăn đầu rìu, thắt lưng đỏ xếp hàng ngang chờ cụ chủ tế đánh hai tiếng trống thì chắp tay lên ngực, đánh ba tiếng trống mọi người cùng lễ vua cho đều. Sau lễ trình là cuộc đấu sức đua tài diễn ra hết sức sôi nổi, hào hứng. Điều hành cuộc chơi là cụ chủ tế,

còn người đánh trống chầu là hai ông đăng cai thay phiên nhau. Trong tiếng trống thì thùng khoan nhặt, các khán giả đủ các lứa tuổi tha hồ mà chen chúc xô đẩy, miệng hò reo cổ vũ ầm ĩ. Trong khi đó, các cầu thủ tìm mọi cách trườn bò, luồn lách cốt sao đẩy được quả cầu gỗ trúng lồ phía bên kia. Mẹo chơi duy nhất là một người ôm chặt quả cầu, ba bốn người cùng đội tập trung sức lôi phốc cả người ôm cầu chạy nhanh về lồ phía kia. Nhưng trước sự cảnh giác của đội bạn, cách "lừa" trên không phải bao giờ cũng giành được thắng lợi. Cuộc đua tranh được dừng ngay khi có bên thắng bên thua. Nhưng tới bốn giờ chiều vẫn không phân thắng bại thì cuộc đua vẫn kết thúc. Cụ chủ tế lấy một cành lá tươi (làng gọi là cây nêu) đánh dấu chỗ quả cầu đang đậu và lấy lễ vật trên ban thờ phân phát cho mọi người.

Sáng mồng 5, mọi nghi lễ lại được tiến hành như ngày mồng 4. Vào chiều ngày mồng 5, sau khi lễ tạ và phát lộc, cụ chủ tế còn lấy buồng chuối lá từ ban thờ thần tung mạnh ra giữa sân. Mọi người dự hội lại được dịp xô lấn, cướp và giật. Ai cướp, bẻ được nhiều quả thì năm đó người ta tin là sẽ gặp được nhiều may mắn.

Cũng buổi chiều ngày mồng 5, sau khi bê quả cầu trở lại nằm dưới Ao Tiên thì cũng là lúc các trai đinh về nhà chuẩn bị khăn áo để ba giờ sáng hôm sau, họ đốt đuốc rước kiệu "hoa trúc" về đền Sóc Sơn lấy lộc. Hoa trúc được chế từ những thanh tre dài 70cm, bông tua được nhuộm vàng, nhuộm đỏ. Bó hoa trúc có từ 150 đến

200 bông. Dự lễ xong, kiệu làng Xuân Dục rước ra đến giữa sân đền Sóc. Nam thanh nữ tú ở khắp nơi về dự hội hô nhau xô vào cướp. Và ai cũng cố cướp được ít nhất là một cái rồi mới bỏ chạy. Người ta tin rằng, đi hội mà cướp được hoa trúc thì năm đó bản thân gặp nhiều hạnh phúc, may mắn.

Hội húc cầu gỗ ở Xuân Dục thể hiện ước mong từ ngàn đời của người dân chuyên trồng lúa nước: mong mưa thuận gió hòa; quả cầu đỏ tượng trưng cho mặt trời chuyển động từ đông sang tây. Người Xuân Dục lấy sự thắng, thua của hội như là một sự dự báo thời tiết trong năm:

- Bên Tây thua báo hiệu vụ mùa khó khăn, nước ít, sâu bệnh nhiều.

- Bên Đông thua là năm đó được mùa, nước nôi đầy đủ, không sâu bệnh.

- Hai bên hòa là năm đó khí hậu bình thường, dân làng bình tĩnh sản xuất và chăn nuôi.

Trong những năm chống Pháp, đình Xuân Dục Đông đã bị giặc phá hủy để lấy gạch xây bốt Núi Đôi. Dân làng chỉ còn giữ được ba quả cầu ở Ao Tiên. Sau năm 1954, đình Xuân Dục đã được dựng lại. Hàng năm, hội húc cầu ở đây vẫn được tổ chức trước sân đình.

Xuân Dục, mảnh đất lịch sử - ở đó không chỉ có "Núi chồng núi vợ đứng song đôi" mà còn có hội húc cầu độc dáo mỗi năm Tết đến xuân về thu hút hàng ngàn người trong vùng đến dự.

6 - LỄ HỘI ĐỐNG ĐA

Thờ: Hoàng đế Quang Trung (Nguyễn Huệ)

Địa điểm: Hai nơi

- Hà Nội: - gò Đống Đa, quận Đống Đa
- Bình Định: - làng Kiên Mỹ, huyện Tây Sơn

Thời gian: 5 tháng Giêng

Đặc điểm: - Rước rồng lửa. Cúng cháo thờ

- Múa trống võ (12 cái)

Quang Trung - Nguyễn Huệ sinh năm 1753 tại ấp Tây Sơn, làng Kiên Mỹ, huyện Bình Khê, nay là huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Mùa xuân năm 1771, ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ đã dựng cờ khởi nghĩa với khẩu hiệu lấy của nhà giàu chia cho nhà nghèo và kể tội Trương Phúc Loan trong lời hịch truyền đi khắp nơi. Cuộc khởi nghĩa được các tầng lớp nhân dân Kinh. Thượng nhanh chóng hưởng ứng. Từ cuộc khởi nghĩa này, Nguyễn Huệ trở thành lãnh tụ kiệt xuất của phong trào nông dân thế kỷ XVIII.

Nguyễn Huệ là nhà quân sự thiên tài, đã từng chỉ huy nghĩa quân đánh thắng quân xâm lược Xiêm ở trận Rạch Gầm - Xoài Mút, tiêu diệt năm vạn quân thủy bộ cùng ba trăm chiến thuyền năm 1785. Bốn năm sau (1789) tiếp đến một chiến công lừng lẫy khác, hai mươi vạn quân Thanh bị tiêu diệt trong trận Đống Đa. Trưa mồng 5 Tết Kỷ Dậu, vua Quang Trung cùng tướng sĩ, chiến bào nhuộm đen khói súng, tiến vào Thăng Long.

Vua quang Trung còn là một nhà chính trị sáng suốt. Sau khi cuộc kháng chiến kết thúc, ông đưa ra nhiều chủ trương khoan sức dân, xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa dân tộc. Nhưng tiếc thay, khi đất nước đang trên đà chuyển mình, thì ngày 16 tháng Chín năm 1792, ông đột ngột từ trần, lúc đó ông mới ba mươi chín tuổi.

Lễ hội Quang Trung hằng năm diễn ra ở hai nơi: tại gò Đống Đa (Hà Nội), chiến trường đẫm máu quân giặc năm xưa và tại làng Kiên Mỹ, huyện Tây Sơn (tỉnh Bình Định) nơi quê hương và cũng là nơi phát tích của cuộc khởi nghĩa Tây Sơn.

I. Hội Đống Đa

Hằng năm, cứ vào mồng 5 Tết Nguyên đán, khi phố phường thủ đô chưa nhạt màu xác pháo, những cành đào xuân vẫn đâm lộc nở hồng, thì người Hà Nội sớm ấy, đều nô nức đổ về phía tây nam thành phố đến gò Đống Đa (thuộc quận Đống Đa) dự hội. Đây là lễ hội chiến thắng, mừng công tích lẫy lừng trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc, do Quang Trung - Nguyễn Huệ, người anh hùng áo vải Tây Sơn lãnh đạo. Cách đây hơn hai thế kỷ, nơi đây đã là chiến trường đẫm máu quân thù. Đêm 4 rạng ngày 5 Tết Kỷ Dậu (29 - 30 tháng Giêng, năm 1789) đồn trại giặc ở Khương Thượng bị hạ. Tên thái thú Điền châu Sầm Nghi Đống thắt cổ tự tử, còn chủ soái Tôn Sĩ Nghị trong thành hốt hoảng tháo thân, chuồn về nước không còn mảnh giáp. Đống Đa thành di tích lịch sử vẻ

vang, nơi hai mươi vạn quân Thanh đã bị tiêu diệt, xương của chúng bị vùi lấp thành mười hai gò, đống quanh đây. Chiều mồng 4 Tết, vị chủ tế cùng một cụ từ đình Khương Thượng đã chuẩn bị các đồ thờ (kiệu, lọng, cờ, bát bửu...) cho lễ rước ngày mai. Sau đó, hai người cùng sang chùa Bộc thắp hương trước bàn thờ tượng vua Quang Trung; bức tượng được nhân dân gìn giữ và bảo vệ an toàn qua nhiều biến cố lịch sử.

Tinh mơ sáng mồng 5, cửa đình làng Khương Thượng rộng mở, khói hương thơm ngát tỏa lan. Lá cờ đại cao ngất trước đình chào mừng ngày hội lớn. Cờ ngũ hành cắm la liệt quanh sân đình. Sáng rõ mặt người, bô lão và các vị chức sắc trong làng đã tề tựu đông đủ. Chiêng trống báo hội dóng dả vang lên. Sau tuần hương, cuộc đại lễ bắt đầu bằng lễ tế thần. Hội lệ quy định dâng sáu tuần rượu. Cuối giờ Thìn (gần mười hai giờ), mọi việc hoàn tất để chuẩn bị đám rước thần mừng chiến thắng.

Quá Ngọ, đám rước khởi hành từ đình Khương Thượng đến gò Đống Đa. Cờ, biểu, tàn, tán, lọng, kiệu và quân gia đã sẵn sàng. Quân chấp kích, quan viên người nào việc ấy, gọn gàng trong trang phục lễ hội, chờ lệnh. Ba hồi chín tiếng trống âm vang báo hiệu. Dân làng đốt một bánh pháo tượng trưng cho lệnh ra quân.

Thật đúng là quang cảnh trống dong, cờ mở. Đám rước lên đường. Dẫn đầu là cờ tiết, cờ mao, biểu hiện uy đức thần linh. Tiếp theo là cờ ngũ hành, cờ tứ linh. Các chân cờ đều đội nón dấu, áo nâu, nẹp đỏ, thắt lưng bó que. Tiếp, hai

thanh niên vác hai biển "tinh túc" và "hồi tị", gìn giữ an ninh trật tự. Sau cờ, biển, là trống cái do hai người khiêng. Hiệu trống, hiệu chiêng điểm nhịp từng tiếng một. Các chấp kích đi liền ngay vác bát bửu. Phường nhạc hòa cùng tiếng thanh la, trống bản, sênh tiền nghe thật vui tai. Rồi đến long đình do bốn người khiêng, mùi trầm tỏa hương thoang thoảng. Hai bên long đình có hai lọng vàng che.

Nối theo là hàng bô lão, chức sắc chậm rãi bước đi trong bộ lễ phục như một lực lượng hộ tống tạo nên quang cảnh trọn vẹn mang ý nghĩa lịch sử và thẩm mỹ, gây một ấn tượng sâu đậm về sự hoàn thiện trong thái độ ứng xử đối với người anh hùng xưa. Dân làng đủ mọi lứa tuổi, đặc biệt là trẻ con, đi theo đoàn rước suốt cuộc hành trình, hồn nhiên và sảng khoái.

Đám rước dài, trật tự, uy nghiêm, rực rỡ sắc màu, diễu hành chậm rãi mang tính hoành tráng của cuộc mừng đón chiến công.

Rộn rã nhất là tốp đi sau cùng với "con rồng lửa" của thanh niên hai làng Khương Thượng và Đồng Quang bện bằng nùi rơm, mo nang và giấy bồi trang trí bằng nhiều màu sắc sặc sỡ, vừa đi vừa múa theo nhịp sênh tiền. Một tốp thanh niên mặc võ phục đi quanh con rồng lửa, biểu diễn côn quyền như thể tái hiện hình ảnh cuộc chiến đấu đã qua.

Đám rước là vang bóng hào hùng của trận tấn công mùa xuân Kỷ Dậu của nghĩa quân Tây Sơn.

Trong khi đó, ở chùa Đồng Quang đối diện với gò

Đống Đa, qua trục đường Tây Sơn cũng khói hương nghi ngút. Tín đồ tấp nập vào ra, tiếng mõ hòa với lời cầu kinh, cầu hồn cho anh linh các nghĩa quân. Ở đây cũng làm lễ "cúng cháo thí" cho cô hồn quân chiến bại, như một hành động nhân nghĩa, đạo đức truyền thống của nhân dân.

Còn chùa Bộc lúc này cũng đầy người chen chúc dâng hương hoa, tưởng niệm và tôn vinh vua Quang Trung rước bức tượng ngài.

Khi đám rước về đến khu trung tâm - gò Đống Đa - thì một tràng pháo dài nổ ròn rã chào mừng. Dưới chân tượng đài Quang Trung, dàn quân nhạc tấu lễ. Đoàn đại biểu trung ương và thành phố làm lễ dâng hương. Tiếp theo là lễ đọc văn kể lại sự tích của chiến công Kỷ Dậu (1789) ca ngợi thiên tài quân sự của anh hùng dân tộc Quang Trung - Nguyễn Huệ.

Sau đó là những trò chơi và các cuộc biểu diễn nghệ thuật như múa rồng, múa lân, múa con đĩ đánh bồng; rồi tới các cuộc đua tài: đánh đu, đấu vật, chơi cờ, chọi gà... cho tới tối.

II. Hội Tây Sơn

Nếu như Đống Đa là nơi còn lưu lại nhiều dấu tích của một trận chiến thắng lẫy lừng trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc (đánh tan hơn hai mươi vạn quân Thanh), thì Tây Sơn chính là quê hương đã sinh ra người anh hùng kiệt xuất Nguyễn Huệ, nhà quân sự thiên tài, tác giả của chiến công huy hoàng ấy.

Nếu Đống Đa là đỉnh cao chói lọi của một chiến công bất hủ làm cho quân cướp nước mỗi lần nhớ lại phải kinh hồn bạt vía, thì Tây Sơn chính là mảnh đất ươm mầm, là cái nôi phát sinh và nuôi dưỡng phong trào nông dân yêu nước cuối thế kỷ XVIII, để rồi cuối cùng phong trào ấy đã trở thành động lực quyết định của lịch sử trong sự nghiệp chiến thắng ngoại xâm, thống nhất đất nước lúc bấy giờ.

Khách hành hương đến Đống Đa để tưởng niệm, chiêm ngưỡng, lắng nghe tiếng vang vọng của lịch sử hào hùng về chiến thắng mùa xuân năm Kỷ Dậu của nghĩa quân, còn khách đến Tây Sơn là để chứng kiến tận mắt những chứng tích, những địa danh, những sự kiện lịch sử cùng tấm lòng của bao người anh hùng, hào kiệt của một vùng đất giàu truyền thống thượng võ và văn hiến.

Huyện Bình Khê, nay đổi tên thành huyện Tây Sơn, quê hương của người anh hùng áo vải cờ đào Nguyễn Huệ, nằm ở phía tây tỉnh Bình Định, đông giáp huyện An Nhơn, tây giáp huyện Vĩnh Thạnh và huyện An Khê (tỉnh Gia Lai), bắc giáp huyện Phù Cát, nam giáp tỉnh Phú Yên. Du khách có thể đến đây bằng ô tô, hoặc tàu lửa, theo quốc lộ 1, đến ngã ba Cầu Ghềnh thì rẽ theo quốc lộ 19 đi Gia Lai - Kon Tum, thêm hai mươi tám kilômét đến thị trấn Phú Phong, huyện lỵ Tây Sơn. Con đường mang tên Đống Đa, nối quốc lộ 19 ở giữa thị trấn hướng về phía bắc một đoạn đến cầu Kiên Mỹ: đây là chiếc cầu nhỏ xinh xắn nối đôi bờ sông Côn, sẽ đưa khách đến nhà bảo tàng Quang Trung. Bảo tàng được xây từ năm 1977, không xa nền nhà cũ của

gia đình anh em Nguyễn Huệ. Nơi đây hiện còn cây me đã hơn hai trăm tuổi, có chu vi ở gốc đến bốn mét và một giếng nước gắn liền với tuổi ấu thơ của người anh hùng.

Gần nhà bảo tàng còn có điện thờ Tây Sơn (được xây từ năm 1960) quy mô nhỏ hơn, nhưng ấm cúng và trang nghiêm. Trước sân điện khá rộng có xây tam quan, bên trong là nhà bia ghi công lao người anh hùng dân tộc Quang Trung - Nguyễn Huệ. Phía sau nhà bia là tiền sảnh nối với trung tâm chính điện, gồm ba gian: ở giữa thờ Quang Trung, hai gian bên thờ Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ. Điện thờ được xây trên nền nhà cũ của đình làng Kiên Mỹ - một ngôi đình xưa nổi tiếng về mặt kiến trúc và điêu khắc. Điều này được ghi lại trong câu ca: "*Hạc chợ Đình, cột đình Kiên Mỹ*". Nay, đình Kiên Mỹ chỉ còn là kỷ niệm của quá khứ, nhưng cây me cổ thụ vẫn sai quả, tỏa bóng mát che cả một góc vườn. Tại làng Kiên Mỹ còn có di tích Bến Trầu - nơi tương truyền ngày xưa Nguyễn Nhạc thường đưa trầu từ phía thượng nguồn về bán ở vùng An Thái, An Nhơn... cho nên Nguyễn Nhạc còn có tên là "anh Hai Trầu". Câu hát xưa còn in đậm trong ký ức nhân dân vùng này:

Cây me cũ, Bến Trầu xưa
Không nên tình nghĩa, cũng đón đưa cho trọn niềm.

Ở thị trấn Phú Phong - trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của huyện Tây Sơn - tên những người anh hùng, tướng sĩ thời Tây Sơn như Bùi Thị Xuân, Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng được đặt cho những con đường đẹp nhất.

Về thăm mảnh đất Tây Sơn, du khách còn được xem,

được nghe kể về những truyền thuyết, giai thoại, về các địa danh lịch sử như *Bãi tập voi* và *Trường võ*, nơi nữ tướng Bùi Thị Xuân, người đã từng chỉ huy đội tượng binh trong đoàn quân chủ lực của Tây Sơn làm nên đại thắng Ngọc Hồi - Đống Đa: *hòn Tam Phước* (thuộc xã Bình Giang), nơi đặt những lò rèn bí mật rèn khí giới chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa; *đồng Cô Hầu* (xã Tú An, huyện An Khê), nơi Nguyễn Nhạc giao cho người vợ thứ, con gái của một tù trưởng Bana, quản lý việc sản xuất lương thực nuôi quân: *hòn Yến, hòn Lãnh Lương*, tương truyền nơi Nguyễn Nhạc phát lương và khao thưởng quân sĩ; *gò Dinh, gò Đá Đen*, những bãi tập luyện của đội quân nông dân vào buổi đầu khởi nghĩa.

Đã hơn hai trăm năm trôi qua mà các cụ già nơi đây vẫn còn nhớ và say sưa kể lại cho con cháu những mẩu chuyện, những con người trong phong trào Tây Sơn.

Hằng năm, đến ngày mồng 5 tháng Giêng, cùng dịp với lễ hội Đống Đa tưng bừng ở thủ đô Hà Nội, tại nhiều nơi ở tỉnh Bình Định như làng Kiên Mỹ, thành Hoàng Đế (tức thành Đồ Bàn xưa), nơi quân Tây Sơn đặt bản doanh thời kỳ đầu cuộc khởi nghĩa, thành phố Quy Nhơn... đều có tổ chức lễ hội kỷ niệm chiến công oanh liệt của Quang Trung - Nguyễn Huệ. Nhưng đông đảo và tưng bừng nhất vẫn là lễ hội tại làng Kiên Mỹ - quê hương và cũng là nơi dấy binh của ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ.

Ngay từ ngày mồng 3 và mồng 4 Tết, nơi đây đã nhộn nhịp trong không khí chuẩn bị cho ngày hội. Người

ta chăng đèn, kết hoa, treo cờ, dựng cổng chào, quét dọn, sửa sang đường sá, điện thờ, dựng sân khấu, trại, cả mô hình miêu tả lại trận đánh Ngọc Hồi - Đống Đa lịch sử trên bãi cát bên bờ sông Côn v.v... Từ chiều mồng 4, tại huyện lỵ Tây Sơn, khách từ các nơi xa cũng đã bắt đầu tề tựu về. Đến sáng mồng 5 thì những dòng người từ phía Quy Nhơn và các huyện đồng bằng ngược lên, từ phía An Khê, Plây ku đổ xuống với đủ loại các phương tiện. Người ta thấy có mặt đầy đủ các tầng lớp già, trẻ, gái trai ăn mặc đẹp đẽ về dự hội. Có những đoàn đại biểu từ các tỉnh bạn như Quảng Nam - Đà Nẵng, Phú Yên, Khánh Hòa, có cả những đoàn khách từ Huế vào, từ Sài Gòn ra. Đặc biệt, các thầy cô nhiều trường học nhân dịp này, đưa học sinh của mình đến dự lễ như tham gia một buổi ngoại khóa về lịch sử sinh động nhất, nhằm nâng cao tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc chính đáng cũng như lòng biết ơn đối với tiền nhân. Vào những năm kỷ niệm chẵn, khách dự lễ còn gặp đoàn đại biểu của dân tộc Bana với trang phục ngày lễ độc đáo từ phía Tây Sơn thượng đạo về dự lễ, mang theo cả dàn cồng chiêng và những điệu múa thượng võ của họ.

Sau dây pháo nổ kéo dài đến mười phút đồng hồ, tiếng trống đại vang lên giục giã báo hiệu buổi lễ khai mạc. Trong không khí trang nghiêm thơm ngát mùi trầm, hàng ngàn người đứng trước sân điện thờ và nhà bảo tàng cúi đầu tưởng niệm vua Quang Trung và những tướng lĩnh, những chiến hữu của ngài. Sau khi vị chánh tế đọc

bài văn tế ôn lại quá trình phát triển của phong trào Tây Sơn mà đỉnh cao là chiến thắng Đống Đa cùng những thành tựu về các mặt quân sự, kinh tế, văn hóa của triều đại Tây Sơn, các đoàn đại biểu bắt đầu dâng hương trước điện thờ. Cùng lúc đó, dàn nhạc võ 12 trống vang lên các khúc thúc quân và khúc khải hoàn.

Khách dự hội bắt đầu tỏa ra tham quan các di tích chung quanh, nhà bảo tàng Quang Trung, ôn lại một thời đại hào hùng trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.

Đến dự hội, du khách còn có dịp thưởng thức điệu múa trống võ Tây Sơn qua tài nghệ của một thiếu nữ tuổi vừa đôi tám, mặc áo chẽn đỏ, quần màu hồng nhạt, lưng thắt dải khăn xanh, hai tay cầm dùi lướt trên mười hai mặt trống một cách điêu luyện. Từng tốp nam nữ thiếu niên và thanh niên biểu diễn song kiếm, côn, quyền, đại đao v.v... Đây là lớp môn sinh của những lò võ nổi tiếng từ nhiều thế kỷ qua của một vùng đất giàu truyền thống thượng võ từng in dấu trong ký ức dân gian: "*Roi Thuận Truyền, quyền An Thái*".

Đất Tây Sơn cũng là cái nôi của nghệ thuật hát bội đặc sắc. Khách về đây dự hội cũng là dịp để thưởng thức những đêm biểu diễn tuồng, hát bài chòi, nhắm rượu Bàu Đá nổi tiếng với món thịt bò thưng cuốn với bánh tráng. Thịt bò thưng là món thịt bò rim khô với nước mắm ngon, đường, hạt tiêu và mè rang, đã có một thời là món "lương khô" của nghĩa quân Tây Sơn trên đường hành quân thần tốc.

7 - LỄ HỘI CHÙA VUA

Thờ: Đế Thích
Địa điểm: Chùa Vua - phường Phố Huế - quận Hai Bà
Thời gian: 5 đến 9 tháng Giêng
Đặc điểm: Cờ người

Ngày xưa, chùa Vua thuộc địa phận làng Thịnh Yên, tổng Hậu Nghiêm, huyện Thọ Xương, nay thuộc phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng Hà Nội, nằm trong khu vực chợ Giời. Cũng do tọa lạc nơi này mà mỗi thời gian dài diện tích chùa bị lấn chiếm hàng héc-ta, chuyện vẫn tồn tại tới nay.

Năm 1992, chùa Vua được nhà nước xếp hạng di tích lịch sử. Kể từ đó công cuộc trùng tu, tôn tạo và bảo vệ mới được tiến hành khẩn trương và nghiêm túc.

Theo sử sách, chùa Vua xây dựng từ đời Lê (1428-1527) thờ Đế Thích, vua cờ của các dân tộc miền Á Đông. Tương truyền, một vị hoàng tử nhà Lê đã chọn chùa Vua làm trung tâm đấu cờ tướng của kinh đô Thăng Long. Sau này dân làng Thịnh Yên có tục mở hội kể kỷ niệm và tiến hành đấu cờ trong dịp đầu xuân. Hội đấu cờ đã thu hút nhiều danh thủ nổi tiếng ở Hà Nội và nhiều tỉnh miền Bắc.

Hội chùa mở từ ngày mồng 5 đến mồng 9 tháng Giêng. Ngoài các sinh hoạt thông thường, đấu cờ được coi là nội dung chính của hội. Ngoài những giải thưởng từng

kỳ, từng năm: lệ còn để ra là những danh thủ đoạt giải ba năm liền thì được khắc tên vào bia đá của chùa. Truyền thống đấu cờ đã ăn sâu vào tâm thức của dân làng Thịnh Yên tới mức những năm chiến tranh loạn lạc, chùa bị phá hư hỏng nặng, đất chùa bị lấn chiếm, hội không mở được song dân làng vẫn không quên lệ đấu cờ. Cứ Tết Nguyên đán xong dù không mở được hội lớn, dân làng và những người ưa chuộng môn cờ tướng vẫn đến đây dâng hương đấu cờ trong chùa để thi tài, thưởng xuân.

Từ khi được công nhận là di tích lịch sử, khu vực chùa đã mở rộng thêm, do đó khu vực hội cũng đã nới ra thoải mái hơn.

Sau cuộc tế lễ là tới hội cờ: cờ tướng, cờ người, chọi gà, múa sư tử cùng các trò chơi khác. Hội chùa Vua đang dần dần lấy lại phong độ cũ của mình trên bình diện mới, phù hợp với cuộc sống hiện đại hơn.

Trong hội thi cờ, cờ người đặc sắc hơn. Ngoài ý nghĩa trí tuệ mà các kỳ thủ phải vận dụng, nó còn mang ý nghĩa nghệ thuật cao qua trang phục của quân cờ do người đóng.

Một bàn cờ kẻ bằng vạch vôi trên sân chùa, ba mươi hai quân cờ được kẻ vẽ trên các biển gỗ có cọc cắm để người đóng vai làm quân cờ cầm theo. Người cầm quân cờ là những cô gái xinh đẹp, trang phục lộng lẫy, giống nhau; riêng vai tướng thì mô phỏng giống lệ bộ của quân bài tướng. Càng cầu kỳ trong ăn mặc bao nhiêu thì màu sắc hội càng phong phú bấy nhiêu. Vì quân cờ toàn tuyển các cô gái có nhan sắc nên các chàng trai cứ vòng trong vòng ngoài không xa

rời bàn cờ được! Người thì mải xem các nước đi, thế cờ của người chơi; người lại mải ngắm quân cờ.

Khi đã sắp xếp xong vị trí trên bàn cờ, các quân cờ ngồi xuống ghế đúng ô, điểm của mình. Hai người đấu cờ đi đi lại lại, ngắm nghía, tính toán từng nước cờ. Khi họ đi quân nào thì quân cờ ấy tiến theo yêu cầu của họ. Cũng có khi người chơi ngồi ở một bàn cao hô nước đi của mình, thì trên bàn cờ có người dẫn quân cờ đi theo ý đồ đó. Quân cờ nào bị đối phương "ăn" thì ra khỏi bàn cờ. Cứ như vậy, người đứng xem vừa bình phẩm to nhỏ về các "quân cờ", vừa đánh giá nước đi của đấu thủ mà hồi hộp mong đợi kết quả cuộc đấu. Có những chàng trai láu lỉnh tiến sát vào bàn cờ, phía quân cờ mình thích để trêu đùa các quân cờ. Không khí vừa ồn ào sôi nổi, vừa căng thẳng, trí tuệ. Ban tổ chức cuộc đấu thì tùy theo tình hình từng năm, dựa vào số lượng người đăng ký dự đấu mà phân từng cặp đấu thủ. Có khi là các cặp đấu cá nhân; có khi là hai làng đăng ký đấu với nhau tranh giải. Thi đấu cũng có nhiều kiểu, tùy thuộc vào sự quyết định của ban tổ chức, dựa trên ý kiến tham khảo của người am hiểu hoặc luật chơi hội đã định ra. Có thể là đấu loại, đấu vòng tròn hay thách đấu bất kỳ của mỗi cá nhân. Cuộc đấu cờ được dân chủ bàn bạc nên càng hấp dẫn khách dự hội.

Năm 1993 tại lễ hội này, người ta đã tổ chức một cuộc rước long trọng. Cuộc rước do hai phường Phố Huế và Lê Đại Hành tiến hành, cùng sự tham gia của nhà hát Tuồng gần Trung tâm triển lãm Vân Hồ. Đám rước diễu

hành từ chùa Vua ra khu triển lãm nhằm tôn vinh nền thể thao nước nhà. nhất là ngành cờ tướng với vị vua cờ Đế Thích đang được thờ tại chùa. Sau lễ rước ấy. Câu lạc bộ cờ chùa Vua đã tổ chức cuộc đấu cờ chung kết giữa hai quán quân cờ 1992 Đào Thanh Hùng và 1993 Lê Hùng.

Những năm gần đây hội chùa Vua đều đông vui vì chùa đã được sửa sang tu bổ nhiều. lại nằm ở giữa khu chợ. do đó khách xem thuộc nhiều tầng lớp xã hội đã đến dự. vừa xem hội. vừa cầu lộc. cầu tài...

8 - HỘI ĐỀN AN DƯƠNG VƯƠNG

Thờ: An Dương vương (Thục Phán)
Địa điểm: Xã Cổ Loa, huyện Đông Anh
Thời gian: Từ 6 đến 18 tháng Giêng
Chính hội: 6 tháng Giêng
Đặc điểm: Đám rước lớn mười hai xóm. Cỗ bỏng, chè lam

Từ thủ đô, theo đường quốc lộ số 2 Hà Nội - Lào Cai, tới cây số 17 rẽ tay phải đi tiếp khoảng một cây số, ta sẽ đến đền Cổ Loa. Khu vực này có mái đình cổ kính dựng trên đất vốn là đế đô của vua Thục.

Đền thuộc xã Cổ Loa, huyện Đông Anh. Xã Cổ Loa gồm ba làng Chùa, Đông và Đoài. Xưa, ba làng gồm mười hai xóm mà tới nay tên gọi vẫn còn như chứng tích của lịch sử: Thượng, Nhồi, Dõng, Gà, Lan Trì, Chùa, Chợ,

Vang, Hương, Mít, Bãi và Trại. Mười hai xóm ấy xưa nay vẫn cùng nhau thờ phụng, trông coi di tích nổi tiếng này của cả nước và hàng năm cứ mồng 6 tháng Giêng lại mở hội để tưởng nhớ An Dương vương, nhớ một trang sử cổ đại vừa oai hùng, vừa bi thảm của đất nước gắn liền với một mối tình éo le, nổi tiếng, đồng thời là một bài học lớn về tinh thần cảnh giác.

Trong thần tích về Hùng vương và An Dương vương cùng truyền thuyết dân gian, thì Thục Phán là một bộ chúa dòng dõi nhà Hùng. Nhân nước Văn Lang suy yếu, Thục Phán cử binh đánh Hùng vương. Nhưng cả hai lần Thục Phán đều bị thánh Tản Viên đánh bại, sau đó, xin cầu hòa, giao hiếu.

Vua Hùng thứ 18 không có con trai nên đã nhường ngôi cho Thục Phán. Lên ngôi vua, Thục Phán xưng là An Dương vương, nhập hai liên minh Âu Lạc (Nam Cương) và Lạc Việt (Văn Lang) làm nước Âu Lạc định đô ở Cổ Loa.

"Vua muốn xây thành ốc, theo truyền thuyết đã gặp yêu quái quấy phá liên tục, nên mất bao công sức vô ích, cứ xây xong thành lại đổ. Vua buồn lắm, bèn lập đàn trai giới cầu đảo bách thần. Ngày mồng 7 tháng Ba bỗng thấy một cụ già từ phương đông đi tới trước cửa thành mà than rằng "Xây dựng thành này biết bao giờ cho xong được!" Biết tin, vua mừng rỡ đón vào điện, thi lễ, hỏi rằng: "Ta đắp thành này đã nhiều lần băng lở, tốn nhiều công sức mà không thành, thế là cớ làm sao?". Cụ già đáp "Sẽ có sứ Thanh Giang tới xây cùng nhà vua mới thành công"... sau

đó. được sự giúp đỡ của Rùa Vàng từ phương đông tới, nổi lên mặt nước. xưng là Thanh Giang. thông tỏ việc trời đất. âm dương. quỷ thần. Thành xây xong nhanh chóng. rộng hơn ngàn trượng. bề thế. xoắn như hình trôn ốc, nên gọi là Loa thành.

Vua cảm tạ. Lúc Rùa Vàng từ biệt, vua băn khoăn nói: "Nay nếu có giặc ngoài vào thì lấy gì mà chống?". Rùa vàng đáp: "Vận nước suy thịnh. xã tắc an nguy đều do mệnh trời, con người có thể tu đức mà kéo dài thời vận...". Nói rồi bèn tháo vuốt đưa tặng nhà vua và nói: "Dùng vật này làm lẫy nỏ. nhằm quân giặc mà bắn,thì bách phát bách trúng lo gì không giữ được thành".

Vua sai Cao Lỗ làm nỏ. lấy vuốt rùa làm lẫy gọi là "Linh quang Kim Quy thần cơ". Về sau Triệu Đà sang xâm lược, ào ạt tiến quân. Vua sai mang nỏ thần ra bắn. quân Đà tan tác. phải lui xin hòa. Ít lâu sau, Đà cầu hôn. Vua vô tình gả con gái là Mỵ Châu cho con trai Đà là Trọng Thủy. Trọng Thủy dỗ vợ cho xem trộm nỏ thần rồi ngầm làm một cái lẫy nỏ khác thay vuốt rùa vàng. Rồi nói dối vợ là về phương Bắc thăm cha.

Trước lúc lên đường Thủy hỏi: "Tình vợ chồng không dễ lãng quên, nghĩa mẹ cha không thể dứt bỏ. Ta nay trở về thăm cha, nếu chẳng may hai nước bất hòa, bắc nam cách biệt, ta đi tìm nàng, lấy gì làm dấu?". Mỵ Châu buồn bã trả lời: "Thiếp phận nữ nhi, nếu gặp cảnh biệt ly thì đau đớn khôn xiết. Thiếp có áo quý bằng lông ngỗng, thường mặc trên mình, đi đến đâu sẽ dứt lông mà rắc ở ngã ba

đường để làm dấu, như vậy sẽ có thể cứu được nhau".

Trọng Thủy về nước. Đà được lấy cả mừng, bèn cử binh sang đánh Âu Lạc. Vua cậy có nỏ thần vẫn điềm nhiên đánh cờ, cười mà nói rằng: "Đà không sợ nỏ thần sao?". Quân Đà tiến sát, vua cầm lấy nỏ bắn không nghiệm biết lẫy thần đã mất, bèn phải lên ngựa bỏ chạy. Mỵ Châu ngồi đằng sau phụ vương, ngựa phi về phương Nam.

Trọng Thủy cứ theo dấu lông ngỗng mà đuổi. Vua chạy tới bờ biển, đường cùng, không có thuyền qua, bèn kêu rằng: "Trời hại ta, sứ Thanh Giang ở đâu mau mau lại cứu". Rùa Vàng hiện lên mặt nước, thét lớn: "Kẻ ngồi sau ngựa chính là giặc đó! Vua bèn tuốt kiếm chém Mỵ Châu. Mỵ Châu khấn rằng: "Thiếp là phận gái nếu có lòng phản nghịch mưu hại cha, chết đi sẽ biến thành cát bụi. Nếu một lòng trung hiếu mà bị người lừa dối thì chết đi sẽ biến thành châu ngọc để rửa sạch mối nhục thù". Mỵ Châu chết ở bờ biển, máu chảy xuống nước, trai sò ăn được đều biến thành hạt châu. Vua cầm sừng tê bảy tấc. Rùa Vàng rẽ nước dẫn vua xuống biển.

Người sau truyền rằng nơi đó là đất Dạ Sơn, xã Cao Xá, phủ Diễn Châu (Nghệ An). Quân Đà kéo tới đấy không thấy bóng vết gì, ngoài xác Mỵ Châu. Trọng Thủy ôm thi hài vợ đem về táng ở Loa thành. Thi hài biến thành ngọc thạch. Trọng Thủy không sao quên được người vợ hiền dịu, bèn lao đầu xuống giếng tự tử. Người đời sau mò được ngọc ở biển Đông lấy nước giếng này mà rửa thì thấy trong sáng thêm, nhân kiêng tên Mỵ Châu cho nên gọi ngọc

minh châu là đại cữu và tiểu cữu. [1]

***

Vùng Cổ Loa còn giữ được nhiều di tích có giá trị mà truyền thuyết đã nhắc đến. Đó là đền thờ Thục Phán An Dương vương. am Bà Chúa thờ Mỵ Châu, đường Mèn... (nơi phát hiện ra hàng vạn mũi tên đồng, vũ khí vua Thục...).

Đền thờ An Dương vương nằm trên địa phận xóm Chùa, còn gọi là đền Thượng. Trước đền là hai con rồng đá, sân đền lát đá xanh, theo bia ký, đền xây dựng năm 1687 và sửa lại năm 1893.

Đền được xây dựng trên một gò đất cao dưới chân lũy thành cũ, góc tây - nam. Theo dân gian đó là đầu con rồng. Qua cổng ngoài của đền sẽ tới tam quan cổ kính với lầu thượng cao, hai bên lối đi có hai giếng mắt rồng đối xứng nhau. Bước qua tam quan là vào sân đền, hai bên sân có nhà khách cho người thập phương dừng chân sửa lễ.

Nơi thờ An Dương vương gồm có hạ điện làmột ngôi nhà ba gian to, cao, cột lim đồ sộ, tám mái cong vút. Từ tả hữu của hạ điện có hai dãy nhà hành lang phía ngoài xây kín nối với thượng điện. Khoảng vuông ở giữa là một ngôi nhà chồng diêm tám mái cao. Trên bàn thờ có tượng rùa vàng bằng gỗ sơn son thếp vàng và một chiếc nỏ đặt sẵn tên. Đó là bàn thờ thần Kim Quy. Thượng điện cũng

---

(1) Vũ Quỳnh, Kiều Phú: *Lĩnh Nam chích quái*, H. 1990, Trang 65.

ba gian, bàn thờ An Dương vương đặt giữa, bên đông thờ hoàng hậu, bên tây thờ thái thượng hoàng. Tượng An Dương vương là pho tượng bằng đồng mặc triều phục.

Phía tây đền An Dương vương trên một gò đất cao, xưa kia vua lập miếu thờ Thần Nông, là nhà bia.

Cách cổng đền không xa, trước mặt là ao tròn, chính giữa là một cồn đất tròn có giếng nhỏ ở giữa xây gạch. Tương truyền đó là giếng Ngọc, nơi xưa kia Trọng Thủy nhớ Mỵ Châu đã nhảy xuống tự tử.

Cách đền vài trăm mét là am Bà Chúa ở cạnh đình Cổ Loa. Nơi đây có một cây đa cổ thụ trùm bóng mát lên am. Am Bà Chúa cũng có thượng điện và hạ điện. Hạ điện là ngôi nhà nhỏ ba gian, ở giữa là bàn thờ. Cách đó một sân nhỏ là thượng điện cũng ba gian. Gian giữa đặt bàn thờ công chúa Mỵ Châu, phủ vải vàng lên bức tượng. Tượng chỉ là hòn đá tự nhiên có hình kỳ dị như pho tượng cụt đầu. Hai bên là mười hai nàng hầu. Sau bàn thờ công chúa, vén bức màn ta sẽ thấy một khối đá. Khối đá có ba bề xây kín, đó là mộ Mỵ Châu theo lời tương truyền của dân gian. Đình Cổ Loa cũng nằm trong cụm di tích thờ An Dương vương. Đình trông về hướng nam, trước có tam quan, nay đã bị phá. Như trên đã trình bày, đình được xây cất trên đất mà tương truyền là nơi vua ngự triều. Tiếp theo là một lớp cửa xây kiểu tam quan, có cửa kín ở giữa và hai cửa nhỏ hai bên. Cửa giữa xây hai trụ gạch kiểu lồng đèn cao; cửa hai bên kiểu tò vào mái giả. Sau lần cửa là sân gạch rộng.

Quanh những di tích này, xưa kia dân làng mở hội để tưởng nhớ An Dương vương và những sự tích xung quanh ông. Khu di tích lịch sử này nổi tiếng từ lâu đời, thu hút lớp lớp người nhiều thế hệ đến đây, như ca dao xưa truyền lại:

Ai về qua huyện Đông Anh
Ghé thăm phong cảnh Loa thành Thục vương.
Cổ Loa thành cũ khác thường
Trải bao năm tháng dấu thành còn đây.

***

Từ lâu trong dân gian đã lưu truyền câu: "Chết thì bỏ con bỏ cháu, sống thì không bỏ mồng 6 tháng Giêng" để nói lên sự hấp dẫn của lễ hội Cổ Loa. Xưa, hội bắt đầu từ ngày mồng 6 đến hết ngày 18 tháng Giêng. Tương truyền ngày 6 tháng Giêng là ngày Thục Phán nhập cung và ngày mồng 9 tháng Giêng là ngày ông lên ngôi, khao toàn bộ binh sĩ. Cho nên để nhớ ngày long trọng ấy dân Cổ Loa cùng tám xã hộ nhi rước kiệu mở hội đông vui cả một vùng.

Cũng từ lâu các triều đại phong kiến hết sức chú ý giúp dân địa phương chăm lo hương khói tại đền. Chỉ dụ lâu đời nhất đề niên hiệu Lê Thần Đức (1614) còn ghi: cấp cho xã Cổ Loa năm mươi mẫu ruộng tế điền miễn thuế để trông coi đền miếu. Các đời vua Vĩnh Tộ (1620), Phúc Thái (1649), Cảnh Trị (1673), Vĩnh Thịnh (1708), Long Đức (1735), Vĩnh Hựu (1793) đều có chỉ dụ nhắc lại.

Lễ vật dùng cho tế lễ ngoài sự đóng góp của các giáp còn có hoa lợi của số ruộng đã kể trên. Trong đó có hai mươi mốt mẫu dùng cho làm cỗ bỏng, hai mươi nhăm mẫu dành cho lễ. Ngoài ra là để hương khói ngày thánh sinh, thánh hóa.

Cổ Loa còn kết chạ với tám xã khác ở xung quanh vùng thờ An Dương vương từ ngày mồng 6 tháng Giêng. Do vậy hội đền An Dương vương là một hội lớn trong vùng với sự tham gia không chỉ riêng dân xã Cổ Loa mà của các làng kết nghĩa nữa.

Ngày mồng 6 tháng Giêng là ngày chính hội nhưng dân làng đã tiến hành lễ nhập tịch từ ngày 14 tháng Chạp. Năm phong đăng hòa cốc thì lễ nhập tịch được tiến hành rất long trọng. Khắp nơi trong làng đường sá được sửa sang, quét dọn sạch sẽ. Các di tích được quét dọn, lau chùi tu bổ, đồ tế khí, cờ quạt được trưng bày... để chuẩn bị.

Ngày 18 tháng Chạp là ngày lễ gia quan. Áo mũ của thần được đem ra đặt lên kiệu rước về đền nơi thần ngự. Những người khiêng kiệu hôm đó phải chay tịnh từ trước. Các người hành lễ cũng phải giữ thanh khiết, bịt miệng bằng vải đỏ trong lúc phong bao áo mũ cho thần. Sau đó được tiến hành một tuần tế - tế gia quan.

Lễ rước văn và rước kiệu của các làng

Trước hội, phe tư văn trong làng đã lựa chọn người văn hay chữ tốt viết chúc văn tế thần. Người đó còn phải là người đỗ đạt cao, có tài văn chương được mọi người tín nhiệm. Phe tư văn có văn chỉ và có ruộng tư văn ba mẫu

để chi vào việc hội họp và nghi lễ trong năm.

Từ sớm ngày mồng 6, một đoàn người mang lễ phục cầm cờ quạt, tàn, lọng đình, dẫn đầu là chủ lễ mặc áo thụng xanh, đội mũ tế đến nhà ông diễn văn rước bản văn ra đền. Đám rước rất nghiêm trang và lộng lẫy. Một hồi tù và rúc lên, báo hiệu đám rước văn đã tới. Ông cai đám ở đền Thượng ra nghênh tiếp bản văn và rước vào, trịnh trọng đặt lên hương án. Đoàn người lần lượt lễ thần rồi lui ra.

Trong khi dân làng Cổ Loa rước văn ra đền, thì bảy xã lân cận cũng tiến hành cuộc rước kiệu của mình tới đền Cổ Loa. Từ khắp các ngả đường, đâu đâu người ta cũng gặp các đám rước với cờ quạt, nghi trượng, kiệu, phường bát âm và màu cờ sắc áo lễ phục rực rỡ của mọi người tạo nên quang cảnh ngoạn mục giữa tiết trời xuân. Đám rước của các xã đến đầu làng thì Cổ Loa cử người ra nghênh đón và đưa vào đền Thượng. Trước cửa đền Thượng là hai con ngựa gỗ to như ngựa thật được trang trí đủ ngũ, đai thêu kim tuyến rất đẹp. Trên lối đi vào nội điện là hai hàng cờ quạt, chấp kích xếp hàng song song. Khoảng giữa sân là kiệu của các xã. Trước cửa đền là hương án lớn bày bộ ngũ sự bằng đồng và các lễ vật cùng hộp kính đựng hia vàng. Bên cạnh là hương án nhỏ trên bày chiếc đỉnh và đôi hạc đồng cùng chiếc nỏ, bó tên và một thanh kiếm. Nỏ sơn son thếp vàng, biểu trưng của chiếc nỏ thần xưa. Không khí hội thật nhộn nhịp, quang cảnh thật là hoành tráng.

Điều đáng lưu ý là lễ vật dâng lên ngoài hương, hoa, oản, quả và xôi thịt, còn có cỗ bánh dày, cỗ bỏng và chè

lam. tương truyền đó là những thứ mà An Dương vương dùng để khao quân.

Mặt khác theo nghi thức. đây là tế hội đồng. bảy xã cùng với Cổ Loa thay phiên nhau hành lễ. Thường Cổ Loa là chủ nên được tế trước. nhưng bao giờ cũng vậy, Cổ Loa mời làng Quậy (Liên Hà) tế đầu tiên. Vì người làng Quậy mới là dân gốc ở đây. Cuộc đại tế đến quá ngọ (mười hai giờ trưa) mới hoàn tất. mỗi xã cử bốn quan viên vào lễ tạ. Mọi động tác nghi lễ đều tuân theo hiệu trống. chiêng. Trong lúc đó. ở nội tự. đại diện các xã cầu nguyện nhà vua phù hộ cho làng mình được bình yên. thịnh vượng. Tiếp là lễ nghênh rước thần từ đền sang đình để thần dự hội. Đám rước này khá đặc biệt. từ đền Thượng đi vòng qua giếng Ngọc ra đến đầu làng rồi thần về ngự tại đình Cổ Loa. Tuy đường ngắn nhưng đám rước đi rất chậm và kéo dài thời gian. Tất cả kiệu của các làng đều dự rước. Đây là đám rước uy nghiêm và lớn nhất. Đến tam quan. các kiệu dự lễ ban phúc trước lúc ra về. Ông chủ tế của làng Cổ Loa thắp hương. xóc thẻ. rồi ban phúc cho các xã bằng cách cắm cho mỗi kiệu ba nén hương. Hương này đủ cháy cho đến khi kiệu về tới xã mình. Sau đó. Cổ Loa vào tế một tuần cuối cùng tại đình. kết thúc nghi lễ ngày chính hội. Kể từ đó cho hết hội tại đền và đình tiến hành lễ túc trực. và lễ của các phe. giáp. các dòng họ cũng như các đoàn thể khác và khách thập phương cùng lễ vật tự lo liệu.

Trong suốt mười hai ngày đêm tại đền và đình đều có lễ túc trực. Đến 18 tháng Giêng. người ta tổ chức một

đại tế giã đám tại đền. Các nghi thức của buổi lễ cử hành y như đại lễ ngày chính hội. Sau cùng thần vị được rước hoàn cung và kết thúc hội. Ngày nay, làng mở tiệc ăn uống vui vẻ, mọi người cùng nhau hưởng lộc thánh lấy khước cho một năm làm ăn với nhiều hy vọng. Ngoài lễ hội lớn này, tại đền trong năm còn có những kỳ tế khác, đó là ngày 11 tháng Tám tục truyền là sinh nhật của An Dương vương mà mồng 7 tháng Ba là ngày thánh hóa. Riêng ngày thánh sinh, ở đây dân làng còn tổ chức nhiều trò vui vẻ đặc sắc và tổ chức ăn uống linh đình để mừng thánh ra đời. Còn ngày thánh hóa chỉ tế lễ mà không có tiệc tùng ca hát gì. Dân Cổ Loa còn có phong tục đặc sắc nữa là lễ "ăn sêu bà Chúa" tức là lễ ăn hỏi công chúa My Châu vào ngày 13 tháng Tám.

***

Các trò vui hội hè ở Cổ Loa được tiến hành tại sân đình và xung quanh các nơi thờ tự. Cũng như các hội làng ở Bắc bộ, hội Cổ Loa có những trò vui như cờ người, đấu vật, chọi gà, đu, tổ tôm, hát tuồng, chèo...

Cờ người là cuộc thi thú vị diễn ra tại sân đền. Tùy theo từng năm số người đăng ký đấu nhiều hay ít mà người ta phân bảng hay đấu vòng. Thường thường số người chơi không nhiều mà thời gian hội dài nên người ta tổ chức đấu vòng. Ai muốn dự thi phải được khảo, nếu là người cao cờ mới được chơi. Trước khi vào cuộc đấu, phải vào lễ thánh.

Cứ lần lượt đấu loại nhau. những người giữ giải đến ngày cuối là người thắng cuộc. Ngày cuối cùng đông vui nhất vì là ngày phá giải cờ. Ai phá giải thì được suy tôn là người giỏi cờ nhất hội năm đó. Thường thường vì danh dự nên các làng đều cử những tay cờ giỏi nhất của mình đến tham gia. Thắng cờ là niềm vinh dự lớn cho cả làng.

Trò đấu vật lại diễn ra ở bãi đất ngoài đình. Nếu như ở giải cờ là cuộc người ta đấu trí thông minh, thì ở giải vật là tinh thần thượng võ, sức khỏe, sự nhanh nhẹn và không kém phần thông minh. Do vậy giải vật cũng là một giải mang vinh dự lớn cho các đô và dân làng. Giải vật chỉ ba bậc: giải cọc, giải thứ và giải cuộc. Mỗi bậc có thể có nhiều người được giải. Giải cuộc là giải cho tất cả các đô vật vào gióng, dù là thắng hay thua. Giải thưởng thường là ấm đồng, mâm thau, vò rượu hay thùng gạo nếp... Các chàng trai đua nhau đọ sức so tài không chỉ vì giải mà còn là dịp để phô bày sức khỏe và tài nghệ của mình trước bàn dân thiên hạ, trước mắt các cô gái trong vùng. Đối với họ đó là niềm vui, niềm vinh dự mà hội làng mang đến, chứ không chỉ là sự ăn thua.

Chọi gà cũng là một trong những trò vui nổi tiếng ở hội đền Cổ Loa. Vùng này cũng là vùng hay tổ chức đấu gà chọi và nuôi gà chọi. Do vậy dịp hội người ta đem đến đây những cặp gà đã được nuôi nấng, luyện tập rất công phu để tranh giải. Các cụ cho biết thời xa xưa hội Cổ Loa có đánh trống đồng, nam nữ từng đôi "giã trống" (như giã cối gạo chày tay). Tiếng trống đồng trầm hùng vang vang,

như thời con người ở núi, ở rừng.

Ngoài những cuộc vui trên, trong hội Cổ Loa còn nhiều trò và cuộc đua tài khác không kém phần hấp dẫn như tổ tôm điếm thu hút các cụ già, nhún đu lôi kéo các trai thanh gái lịch, múa rối nước, hát cửa đình... Ban đêm có hát tuồng, chèo. Đây là những đêm hội mà xưa kia, người dân quê ai ai cũng say mê đến mức có thể "bỏ con bỏ cháu" để về với hội. Những trò vui ấy kéo dài suốt từ ngày mở đám cho đến ngày giã hội.

9 - HỘI LÀNG RUỘNG

Thờ: - Nội Hầu và Ả Nương
- Đống Công
- Vực Công

Địa điểm: Thôn Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh

Thời gian: 6 - 16 tháng Giêng và 12 tháng Tám

Chính hội: 6 tháng Giêng

Đặc điểm: Đua thuyền nữ

Làng Ruộng thuộc thôn Ngọc Chi và Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Ngọc. Tuy là hai thôn nhưng ranh giới là con đường làng nên rất gần nhau.

Miếu Vĩnh Thanh và đình Ngọc Chi đều thờ ba cha con tướng Nội Hầu. Nội Hầu là con ông Đào Hoằng và bà Hoàng Thị Trung từ Tuyên Quang dời về trang Hương

Canh, phủ Tam Đới, đạo Sơn Tây. Vợ chồng ông Hoằng tuy nghèo nhưng là gia đình làm ăn lương thiện. Một hôm bà Trung nằm mơ thấy ráng đỏ đầy nhà, có con rồng vàng uốn mình bò tới gần, rồi biến thành đôi chim công. Bà tỉnh dậy, kể chuyện đó với chồng. Ông bà đều thầm nghĩ điềm lành đến với mình. Từ đó bà Hoàng có thai, đủ một trăm ngày sinh được con trai, vẻ mặt khôi ngô, tuấn tú. Ông bà đặt tên con là Hãn Công.

Ngày tháng trôi qua, Hãn khôn lớn, tìm thầy theo học. Vốn thông minh, Hãn học biết rộng, thông binh pháp lại khỏe nổi tiếng một vùng, dân gian thường gọi là "Đô". Năm Hãn hai mươi tuổi cha mẹ đều mất. Hãn Công thờ phụng cha mẹ ba năm, được dân làng khen là người con có hiếu. Năm Hãn Công hai lăm tuổi, vào lúc vua Thục hạ chiếu truyền trong thần dân thiên hạ chọn người tài giỏi ra giúp nước, trang Hương Canh cử Hãn Công ứng thí. Trúng tuyển, vua Thục phong cho Hãn chức Nội Hầu. Thời gian ở kinh Cổ Loa, Nội Hầu tỏ ra là một tướng tài giỏi, giúp vua Thục được nhiều việc lớn. Bởi vậy vua Thục rất tin cẩn Nội Hầu.

Một hôm Nội Hầu về trang Chiêm Trạch, gặp cô gái xinh đẹp tên là Ả Nương, nàng là con ông Nguyễn Khang và bà Dương Thị Chiên là người làng Ngọc Chi. Chẳng may vợ chồng ông bà Khang - Chiên mất sớm, Ả Nương phải ở với người cậu ruột. Từ khi hai người quen biết nhau, Nội Hầu mê sắc đẹp, Ả Nương chuộng danh tiếng. Mối tình tương hợp, hai người chọn ngày lành tháng tốt tổ

chức lễ thành hôn.

Thành vợ chồng rồi, Nội Hầu lập cung riêng tại trang Chiêm Trạch. Tuy ở quê vợ nhưng Nội Hầu được dân làng yêu mến, quý trọng. Bởi ở nơi quan trường, khi về làng không hề kiêu ngạo, bổng lộc được hưởng, Nội Hầu đem chia hết cho người nghèo khổ, mảy may không làm việc gì hại cho người khác. Việc làm phúc giúp người thì Nội Hầu không tiếc sức mình.

Một hôm Nội Hầu nằm mơ tại cung điện nguy nga có vị thần nói với Nội Hầu rằng: - Nhà ngươi có đầy phúc, trời đã biết đến. Trời cho hai giai đồng đầu thai vào nhà ngươi làm con, sau này giúp dân, giúp nước. Vừa nghe dứt lời, bỗng nghe ba tiếng trống đồng rót vào tai, Nội Hầu tỉnh dậy biết mình nằm mơ...

Nội Hầu đem chuyện đó kể lại với Ả Nương, họ đều mừng là điềm lành. Từ đó Ả Nương có thai và quả nhiên sinh đôi được hai con trai, đều khôi ngô, tuấn tú. Bà đặt tên cho con mình là Đống Công và Vực Công.

Ngày tháng trôi qua, Đống, Vực khôn lớn. Nội Hầu cho hai con theo học thầy Tĩnh Hiên tiên sinh tại kinh thành Cổ Loa. Vốn thông minh lại ham học, chẳng bao lâu Đống, Vực thuộc thiên kinh vạn quyển, võ lược kiêm toàn, danh tiếng lừng lẫy. Đống và Vực là người tài giỏi, được vua Thục trọng dụng và phong cho Đống là Vinh Lộc đại phu, phong cho Vực là Ly Vực đại phu. Cả ba cha con đồng triều. Nhà vua yêu mến đã phong thực ấp cho tam công ở trang Chiêm Trạch (Vĩnh Thanh và

Ngọc Chi).

Trước họa xâm lăng của Triệu Đà, tam công đều tình nguyện xin đi đánh giặc.

Sau khi tuyển chọn được bốn mươi hai người trong mười ba dòng họ ở làng, tam công vào triều bái tạ và xin vua Thục An Dương vương cho xuất binh đánh quân Triệu Đà.

Vua Thục trao cả hàng vạn tinh binh được trang bị cung, nỏ khỏe, mũi tên đồng sắc, dưới sự chỉ huy của tam công.

Theo sử chép, năm 209 trước công nguyên Triệu Đà đem quân bao vây thành Cổ Loa. An Dương vương dựa vào quân sĩ có mũi tên đồng, có thành cao, hào sâu nên đã đánh đuổi được quân Triệu Đà xâm lược.

Rồi năm 184 trước công nguyên, Triệu Đà đem quân thủy bộ sang xâm lược nước Âu Lạc. Không đợi giặc đến kinh thành Cổ Loa, An Dương vương phái tướng sĩ đánh địch đang trên đường hành quân. Hàng vạn tướng quân sĩ của Âu Lạc dưới sự chỉ huy của tam công tiến về phía Tiên Du nơi đóng quân của Triệu Đà. Quân sĩ Âu Lạc được trang bị cung, nỏ tốt, mũi tên đồng sắc lại tẩm thuộc độc, trúng tên giặc nào, tên ấy chết ngay khoảnh khắc. Mới vài trận giao chiến, quân Triệu Đà thua to nên phải rút quân cố thủ. Triệu Đà nhận biết ra điều là không thể dùng quân sự chiếm Loa thành được, bèn sai sứ đến kinh thành Cổ Loa xin cầu hòa, An Dương vương chấp nhận.

Triệu Đà cho con trai là Trọng Thủy đến Cổ Loa làm rể vua Thục. Bề ngoài là thông hiếu, nhưng bề trong Trọng Thủy luôn tìm kế thực hiện ý đồ của cha. Nhiều trung thần khẳng khái can ngăn An Dương vương không nên gả Mỵ Châu cho Trọng Thủy.

Tướng Nội Hầu, Đống, Vực cũng tâu với An Dương vương: "Lòng người khó dò biết, không nên nhẹ dạ cả tin. Triệu Đà mượn cớ cầu hôn cốt dò xét nội tình nước ta, học cho được bí quyết chế tác cung nỏ để chờ cơ hội cướp nước ta thôi".

An Dương vương không nghe lời can ngăn của các trung thần. Cuối cùng tướng Nội Hầu vô cùng buồn bã, cáo bệnh để bỏ các buổi chầu. Hai con ông là Đống, Vực cũng treo ấn từ quan rồi ba cha con lui về ở trang Chiêm Trạch ẩn danh.

Từ đó triều đình Âu Lạc sa sút, tướng sĩ chán nản, vua thì bảo thủ, mất cảnh giác, các trung thần bị nhà vua đối xử bạc bẽo, không ai muốn can ngăn vua nữa.

Trọng Thủy ở rể ba năm, đã dò biết được bí quyết chế tạo cung nỏ của vua Thục và hiểu rõ nội tình nước Âu Lạc, bèn xin An Dương vương cho về Bắc quốc thăm nhà.

Vào năm 179 trước công nguyên, Triệu Đà đem quân sang đánh Âu Lạc, An Dương vương thất thế, mang theo Mỵ Châu bỏ kinh đô mà chạy.

Chiếm được Loa thành, Triệu Đà lên ngôi vua. Để ổn định lòng dân ở nước Âu Lạc, Triệu Đà cho sứ đến Chiêm Trạch vời tam công ra làm quan với nhà Triệu. Nội

Hầu chỉ vào mặt sứ mà mắng rằng: "Triệu Đà là sất phu. bất nghĩa, vong ân bội phản. Ta hận là chưa chém được đầu hắn để báo đền nghĩa lớn. mặt mũi nào mà ta lại làm bề tôi cho quân xâm lược".

Sứ về tâu với Triệu Đà. y phái quân đến bao vây trang Chiêm Trạch để bắt tam công. Tam công đã quyết liệt chống lại. Cuối cùng trước sức mạnh của kẻ thù, cả ba cha con tam công đều hy sinh anh dũng. Nội Hầu và vợ hóa ngày 4 tháng Giêng. hai con hóa ngày 6 tháng Giêng.

Nhớ công ơn của tam công. vì nghĩa lớn đối với đất nước dân làng Ngọc Chi và Vĩnh Thanh lập đền thờ và suy tôn tam công là thành hoàng. thờ cả ở đình làng Ngọc Chi - Vĩnh Thanh. Nhiều triều đại phong kiến sau đã phong sắc và truy tặng mỹ tự.

Triều vua Lê Trang Tông gia phong mỹ tự cho Tam công.

Nội Hầu là: LINH THÔNG PHỔ HÓA
MINH MẪN ĐẠI VƯƠNG

Đống là: PHỔ TRỊ AN DÂN ĐẠI VƯƠNG

Vực là: BẢO ĐẠI ĐỊNH CÔNG ĐẠI VƯƠNG

Hội làng Ruộng tổ chức hàng năm từ 6 tháng Giêng đến 16 tháng Giêng được dân tứ xứ về dự rất đông. Ngày 6 tháng Giêng sau khi tế lễ có tổ chức hội đua thuyền ở hồ Vĩnh Thanh trước miếu. Thuyền bơi là cây gỗ tạc hình thoi, bốn giáp dự thi. Hai giáp có mũi thuyền đầu hạc, cờ nheo màu vàng hoa hiên, hai giáp, mũi thuyền đầu rồng,

cờ nheo màu đỏ tía. Nhà thủy tọa trang trí cờ hoa. Tiếng trống cái âm vang. Dòng người đứng xem đông như nêm cối, có người lội sâu ra hồ. Thuyền bơi có một lái, một phụ, một ông bay[1], một ông lệnh, một ông mõ, một ông phất cờ, một ông tát nước và mười hai đô bơi. Đô bơi là các cô gái chưa chồng tuổi dưới hai mươi, áo cánh màu chàm, quần đen buộc túm, thắt lưng, dải yếm hoa hiên. Cờ lệnh phất, đô bơi đập mái chèo vào mạn thuyền rồi bốn thuyền lướt sóng quanh vòng hồ dài ước sáu trăm mét. Tiếng cổ vũ âm vang cùng nhịp trống, tiếng dân chúng reo hò. Thi ba ngày liền. Ngày thứ ba thuyền nào nhiều điểm nhất thì được trao giải. Ngoài trò bơi còn chọi gà, tổ tôm điếm và trò rối nước hấp dẫn ở trước chùa Vĩnh Thanh.

Hội làng Ruộng (Đông Anh) là nét đẹp gợi truyền thống thượng võ từ thời nhà nước Âu Lạc, buổi bình minh của lịch sử, tới nay vẫn được nhân dân nhắc nhở mỗi năm làng vào đám, hội xuân...

---

(1) Ông bay: còn gọi là ông nạng, khi bơi chải, tay phải ông chống nạng xuống sạp thuyền, tay trái vung lên phía trước hô bơi.

10 - HỘI LÀNG BỒ ĐỀ

Thờ: Cao Sơn, nàng Càn Mỹ nương, Dung Hoa
Địa điểm: Làng Phú Viên, xã Bồ Đề, huyện Gia Lâm
Thời gian: 6 tháng Giêng
Đặc điểm: Đua thuyền

Bồ Đề là tên nôm của làng Phú Viên, từ năm 1964 Bồ Đề được lấy làm tên xã. Cái tên nôm của làng đã đi vào sử sách và ăn sâu trong lòng dân suốt năm thế kỷ nay. Mặc dầu hai cây bồ đề cao ngang với tháp Báo Thiên ở phía kinh thành Thăng Long nay không còn nữa, do nước lũ sông Hồng cuốn trôi đi từ lâu, nhưng nhiều người mỗi lần qua lại vẫn thăm hỏi chuyện cũ, bởi muốn nhớ lại một thời lịch sử oanh liệt của dân tộc. Năm 1427, Lê Lợi và Nguyễn Trãi đã đặt bản doanh tại Bồ Đề, lập các tầng lầu cao trên hai cây bồ đề để quan sát giặc Minh đang bị vây trong thành Đông Quan. Sau khi chiến thắng, Lê Lợi còn đặt triều đình nhà Lê ở đây một thời gian rồi mới trở về thành cũ. Từ đấy về sau trên dinh cũ Bồ Đề, khi thì xây dựng hành cung, khi thì đặt trạm dịch, trạm binh... đều mang tên Bồ Đề, cả bến nước Bồ Đề, sông Bồ Đề (chỉ đoạn sông Hồng chảy qua vùng đất ấy) và cuối cùng lưu truyền câu ca chiến thắng:

Giặc sang thì giặc phải về,
Giặc đến Bồ Đề thì giặc phải tan.

Tất cả những địa chỉ ấy cùng thơ ca và sự tích vẫn thấp thoáng hình bóng cuộc sống thời xưa, nhắc nhở một

quá khứ huy hoàng vang ngân những chiến công hiển hách... khắc sâu trong trí nhớ của các vị cố lão, còn truyền tụng cho con cháu tới hôm nay.

Làng Bồ Đề (nay gọi là Phú Viên) thờ Cao Sơn, nàng Cân Mỹ Nương, Dung Hoa. Hàng năm mở hội vào ngày 6 tháng Giêng. Ở xứ Bắc có câu ca về niên lịch cổ truyền, nhắc nhở nhau nhớ ngày xuân trẩy hội. Tháng Giêng có:

Mồng bốn là hội kéo co,
Mồng năm hội Ó chẳng cho nhau về.
Mồng sáu đi hội Bồ Đề,
Mồng bảy trở về đi hội Đống Cao.

...

Mùa xuân tràn ngập không khí hội hè, có ngày hai ba nơi cùng mở hội như hội Bồ Đề trùng với hội Cổ Loa. Trong dân gian thường nói: "Chết thì bỏ con bỏ cháu, sống thì không bỏ mồng 6 tháng Giêng". Như vậy, đủ biết ngày hội có sức cuốn hút biết dường nào. Cả dân làng, già trẻ, lớn bé, gái trai tụ tập quanh đình giữa sân bãi, bên bờ ao, dọc bờ sông, trên đường làng và cả ở chùa, miếu... không khí tưng bừng nhộn nhịp không chỉ một phạm vi nhỏ của một làng mà là chung cho cả vùng quê rộng lớn, vượt ra ngoài xã huyện mình.

Làng ta mở hội vui mừng,
Chiêng kêu, trống dóng vang lừng đôi bên,..

Trong khung cảnh hội hè, phần cúng bái rước xách chỉ là một phần và dành cho chức sắc, bô lão, con hương đệ tử thập phương... còn đại đa số dân làng (và người tứ

xứ) vẫn dồn hết vào các trò vui. Ở đó, ý nghĩa tích cực nhất của hội làng được thể hiện rõ nét nhất, những tình cảm nồng thắm, chân thực, thuần phác, tinh thần cộng cảm bộc lộ tự nhiên mà sâu đậm. Hội Bồ Đề có trò chơi đánh đu: cây đu được dựng chắc chắn trên một bãi rộng, cao từ ba đến bốn mét. Trò chơi không thể chỉ chơi có một người và cũng không phải giới nào chơi riêng giới ấy. Phải có nam có nữ mới nên "Xoan", trai gái cùng đứng sát đối mặt trên một cây đu, cùng dún đu, xung quanh bao nhiêu cặp mắt nhìn, cười nói, hò hét động viên khích lệ sôi nổi đúng như "bà chúa thơ nôm" Hồ Xuân Hương đã tả:

Trai đu gối hạc khom khom cật
Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng
Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới
Hai hàng chân ngọc duỗi song song...

Trò chơi này đã vứt bỏ sự kiêng kỵ ngày thường, để ra bên cái lễ giáo phong kiến "nam nữ thụ thụ bất thân". Âu cũng là phản ánh lối sống cộng đồng công xã thuở xưa.

Bồ Đề còn có trò thi bơi: bơi lội và đua thuyền. Dọc bờ sông Hồng từ đền Ghềnh (nơi thờ bà Liễu Hạnh và Mẫu Thoải nhưng thực chất bên trong thờ bà Ngọc Hân - vợ vua Quang Trung) đến thôn Lâm Du cùng xã, trên đoạn dài hàng cây số có cắm cờ, người chen nhau đứng xem các cuộc đua tài. Pháo nổ đì đẹt, trống dóng từng hồi, từng tốp trai làng, mình trần đóng khố, đua nhau sải dài cánh tay trên sóng nước, để vượt lên nhanh giành phần thắng nhất, nhì, ba. Rồi sau đó, còn sôi nổi hơn đưa niềm

vui lên đỉnh cao, là đua thuyền. Vẫn trên đoạn sông này, hai đầu có hai thuyền và bốn người túc trực phòng cứu hộ. Dự thi có từ năm đến tám đội. Mỗi đội một thuyền của một thôn trong xã (cũng có cả nơi khác đăng ký) thuyền dự thi phải theo quy cách thống nhất về độ dài với mười hai chỗ ngồi. Ngoài ra còn một lái, một người chỉ huy, cầm trống con và cờ lệnh nhỏ, vừa phất cờ vừa đánh trống vừa hô điều khiển các tay chèo lướt sóng. Các tay chèo vận áo nâu hoặc xanh vàng đỏ tím, áo có nẹp viền màu sắc tương phản với áo, đóng khố, đầu chít khăn đỏ. Điểm xuất phát có cờ thần và trống cái, điểm tới đích có dây ngũ sắc chăng ngang, quy định rõ đích và đường bơi. Cả mặt sông xao động, bọt sóng tung trắng xóa tiếng trống cơm đệm nhịp tiếng hò trên thuyền, tiếng reo trên bờ âm vang một khúc sông: "Ớ khoan - khoan khoan cho đều - ớ khoan..." hoặc là: "Thẳng cánh ra - dô huầy: sắp vai xuống - dô huầy: ngẩng cổ lên - dô huầy...", lái và các tay bơi theo cờ mà điều khiển tay chèo, gắng đưa thuyền mình lướt thật nhanh để sớm về đích. Trong cuộc đua còn phải biết sử dụng một số miếng ghìm đầu thuyền bạn, cản thuyền đối phương để thuyền mình vượt lên và làm cho thuyền đối phương chòng chành, không tiến được. Thậm chí có khi thuyền bị lật, đắm thì quân bơi nhảy xuống sông, cùng nhau lật thuyền lại, tát nước và đua tiếp. Người nào mệt thì nhảy xuống sông bơi vào, người trong bờ lội ra nhảy lên thuyền thay thế, nhưng chỉ là hãn hữu, bởi thay người dù muốn hay không muốn, cũng làm chậm tốc độ của

thuyền đang đua.

Giải thưởng là rượu, vải, xôi gà, có khi cả con lợn..., cái chính là được tiếng tăm và cầu may cả năm. Việc đua thuyền này và bơi sải chủ yếu là rèn luyện thân thể cho những người ở gần sông nước, riêng với Bồ Đề là gắn với sự tích vua Lê vượt sông đánh vào thành Đông Quan hồi thế kỷ XV. Bồ Đề là cửa ngõ của Đế đô, tiếp giáp với thị trấn Gia Lâm, ngày nay kinh tế thị trường phát triển nên thoát ly dần sông nước, do vậy mà hội thi bơi bị lãng quên dần, hội vật cũng vậy, có chăng chỉ còn là "vang bóng một thời". Văn hóa phát triển theo lối gối sóng, từ sau hòa bình (1954) Bồ Đề có thêm các trò vui mới như chạy hóa trang. Khi hiệu trống đã nổi lên, trai gái dự thi bắt đầu chạy từ điểm A đến điểm B, trên chặng đường AB đó có nhiều bọc đó, có thể là áo quần bà già, hay ông lão, hoặc áo quần con gái, con trai... cái buồn cười nhất là gặp nghịch cảnh và sự lúng ta lúng túng trong khi chạy, nên mặc trái, mặc xốc xếch chẳng đúng chẳng giống ai cả, trong tiếng cười vui, tiếng trống giục, già trẻ mặt như hoa. Hội Bồ Đề còn có trò tung còn, trai gái tụ họp thành hai phía, nam một bên, nữ một bên. Quả còn làm bằng bông hoặc bằng lụa, to bằng nắm tay trẻ con, trên đính các giải lụa ngũ sắc. Cầm quay quay ném vọt lên cao, sao cho quả còn lọt qua vòng tròn bằng vành nón, gắn trên cây tre ở độ cao bốn mét. Gái trai tung còn và bắt còn vui mà khá trật tự. Tung kém, bắt không được là trống khua rầm rĩ tiếng cười cũng rộ lên. Một trò vui

khác nữa ở Bồ Đề là đi cầu tre đốt pháo. Chiếc cầu là một cây tre to, dài chừng bốn đến năm mét để nằm ngang mặt nước hồ ao, gốc cây cắm sâu vào bờ, để ngọn nhô ra hồ. khi người đi lên cây tre bập bềnh, ngọn có thể bị chìm xuống nước, đi sao không ngã xuống hồ ướt người đã không dễ, lại còn cầm hương ra tận cùng châm vào ngòi pháo đã treo sẵn cho đến khi pháo nổ mới đoạt được giải. Khi châm ngòi pháo có linh động cho phép được vịn vào cây tre treo pháo, khó như vậy mà vẫn có người đạt được, dĩ nhiên là không nhiều lắm. Châm ngòi pháo nổ, người giật mình lăn tùm xuống ướt như chuột, song rất vui, hấp dẫn người xem.

Hội làng Bồ Đề chỉ tập trung có vài ba ngày, nhưng trên thực tế thì gần như suốt tháng Giêng lúc nào cũng có người đến lễ ở các chùa miếu và du ngoạn trong những ngày xuân, bởi nơi đây nhiều cảnh đẹp, đường sá dễ đi, dịch vụ ăn uống lại sẵn... Ngày xuân, muốn vui xuân phải tìm đến cảnh xuân, trong cảnh xuân tươi đẹp, có người đã ước ao: một năm mười hai tháng cả bốn mùa là xuân. Về Bồ Đề không phải để "Cưỡi ngựa nhong nhong" hay để "cắt cỏ" mà để dự hội, xem các cuộc đua tài lý thú.

Hội làng Bồ Đề có cái gì đó rất xa xưa mà cũng rất mới mẻ, vừa lạ vừa quen, vừa có tính chất của một làng quê nông nghiệp, vừa có tính chất của một phường phố bán buôn, hai yếu tố đó đan chen vào nhau tạo nên bản sắc của Bồ Đề hôm nay mà vẫn rất Bồ Đề vậy.

11 - HỘI ĐỀN THANH NHÀN

Thờ: Phù Đổng thiên vương
Địa điểm: Thôn Thanh Nhàn, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn
Chính hội: 6 tháng Giêng
Đặc điểm: Rước chín làng

Đền Thanh Nhàn thờ Phù Đổng thiên vương còn có tên gọi là đền Tam Tổng vì có ba tổng phục vụ lễ hội và thờ cúng. Đền Thanh Nhàn được xây dựng trên quả đồi cao, quang cảnh thoáng rộng, nên thơ, thuộc địa phận thôn Thanh Nhàn, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn.

Đền Thanh Nhàn tương truyền là nơi ngày xưa thánh Gióng trên đường đi đánh giặc Ân qua đây nghỉ ngơi lấy thêm quân trong làng. Theo thần tích (năm 1574) và truyền thuyết dân gian địa phương thì trước khi đến Sóc Sơn, Gióng còn đi qua Nhạn Tái và ghé vào làng Khốn. Lúc bấy giờ trời nắng to, Gióng gặp bọn trẻ chăn trâu nói chuyện và mượn nón xuống khe múc nước uống. Gióng hỏi bọn trẻ:

- Làng này tên gọi là gì?

Bọn trẻ đáp:

- Kẻ Khốn.

- Mát thế này sao gọi là Khốn? Các em hãy về bảo với các cụ già đổi tên là làng Mát đi.

Sau câu chuyện ấy, làng Khốn được đổi tên là Kẻ Mát và mang tên "Thanh Nhàn" và từ ngày ấy người ta

tin rằng hễ cứ giao cho trẻ chăn trâu cầu đảo thì bao giờ trời cũng mưa. Hai bên bờ khe làng Thanh Nhàn hiện còn chi chít nhiều vết hằn trên đá. Nhân dân đồn rằng đó là dấu chân người và dấu chân ngựa của ông Gióng.

Sử sách cũ cho biết đền Thanh Nhàn được xây dựng từ thế kỷ XVI. Tất cả khu di tích đền và chùa có đến hàng trăm gian nhà, nhưng đến năm 1947 thực dân Pháp đã phá hủy ngôi đền rất nặng nề. Sau này nhân dân tu sửa lại và hiện nay đền có bốn cung được sắp xếp theo kiểu chữ tam gồm: cung tiền tế, cung đệ tam, cung đệ nhị và cung đệ nhất. Cả bốn cung đều nằm trên một nền đất theo thế cao lên của quả đồi. Ba cung đệ nhị, đệ tam và tiền tế cùng có ba gian, hai dĩ, gian chính giữa rộng. Các vì kèo của ba cung đều làm theo kiểu kèo suốt quá giang gối cột có tiền kẻ, hậu bảy bào trơn đóng bén, kiểu thức đơn giản.

Ngay từ khi mới xây dựng đền thì tượng Đức Thánh bằng đồng đã được đúc. Pho tượng được đúc liền với án gốc thành một thể thống nhất, án ngồi có kích thước cao 0,4m, rộng 0,6cm, dài 1m. Quanh hai đầu án có trang trí hoa văn cúc dây trổ thủng. Pho tượng cao 2,05m, nang vai là 0,72m dưới nếp áo ngang là 1,3m và từ sau ra trước là 1,05m. Trọng lượng pho tượng khoảng 2,5 tấn kể cả án ngồi.

So sánh với các pho tượng đồng khác ở Hà Nội như: tượng Trấn Vũ ở đền Quán Thánh cao 3,7m, nặng bốn tấn được đúc năm 1667; tượng Trấn Vũ ở Linh Cự, Gia Lâm

cao 3.8m, nặng hơn bốn tấn được đúc năm 1788, thì tượng Phù Đổng ở đền Thanh Nhàn là một trong những pho tượng có trọng lượng lớn, có niên đại đúc sớm trong các pho tượng đồng lớn của Hà Nội.

Ngoài tượng Phù Đổng bằng đồng, ở đền Thanh Nhàn còn có đôi ngựa hồng, bạch cũng được đúc bằng đồng. Theo bia Long Đức 6 (1634) thì đôi ngựa này được đúc năm 1595. Ngựa cao 1,95m, nặng chừng một tấn. So với các đình, đền, chùa khác ở trong nước thì ở đây mới thấy xuất hiện ngựa đồng.

Ngoài tượng Phù Đổng và đôi ngựa bằng đồng, ở đền Thanh Nhàn còn có một số hiện vật khác có giá trị như: hai quan vệ sĩ giám mã bằng gỗ. Hai đôi rồng đá Hậu Lê (một đôi mây hóa rồng, một đôi rồng yên ngựa) - theo tấm bia dựng năm Long Đức 1634 thì đôi rồng này được dựng năm 1629. Một quyển thần tích viết năm Hồng Phúc nguyên niên (1574) do Nguyễn Bính soạn thảo. Bảy đạo sắc phong, trong đạo cổ nhất làm năm Chính Hòa thứ 4 (1683). Một quyển hương ước của địa phương, một bát hương đá, tám đôi câu đối... Ngoài những di vật đồ thờ có trong đền ra thì ở đền Thanh Nhàn còn có: "Hòn đá vết chân người, ngựa".

Hòn đá cuội to có một chân người và một vết lõm chân ngựa được đặt dưới gốc cây lộc vừng. Tương truyền thánh Gióng đã quỳ vào hòn đá, cúi xuống sông Nguyệt Đức uống nước. Hiện nay dân gian vẫn chiêm bái, tín vọng.

Tục truyền từ khi có ngôi đền hàng năm nhân dân

trong tổng tổ chức lễ hội ngày 6 tháng Giêng.

Trước khi lễ hội diễn ra khoảng một tháng thì công tác tổ chức đã được chuẩn bị. Ban tổ chức gồm ba thôn sở tại và các làng khác thuộc ba tổng là Xây. Cổ Bái. Linh Cảm. Thắng Hữu. Hiền Lương. Gia Thượng...

Mỗi nơi có một cụ trong ban tổ chức để đôn đốc nghi lễ của thôn mình. Lễ rước đã được quy định. chiều ngày 5 tháng Giêng dân sở tại được rước trước. Kiệu rước của dân sở tại gồm: oản quả. hương hoa. Tiếp theo đến sáng mồng 6 gồm các thôn: Cổ Bái. Hiền Lương. Linh Cảm. Thạch Lỗi được rước lễ. Sáng ngày mồng 7 các thôn Gia Thượng. Xây rước lễ.

Thường các đám rước được bố trí như sau: đi trước là cờ. trống kèn. siêu đao. bát bửu. sau đó đến kiệu. tiếp là các cụ mặc quần thâm. khăn xếp áo the. Và sau cùng đoàn rước là các đoàn thể và quần chúng nhân dân.

Khi các đoàn rước vào trong đền làm lễ thì ở ngoài sân các hoạt động của lễ hội cũng đồng thời diễn ra như chơi cờ tướng. vật tự do. cầu lông. bóng chuyền...

Cả một quả đồi rộng mà hôm nay đông kín người. Trẻ con chạy tung tăng mua quà. người lớn xem đấu vật. không khí ngày hội thật vui tươi náo nhiệt.

Hàng năm lễ hội đền Thanh Nhàn được mở. nó gợi cho nhân dân nhớ về cội nguồn, về truyền thống đánh giặc giữ nước của ông cha ta. Đây là một món ăn tinh thần của nhân dân địa phương và cũng là một nét đẹp văn hóa cần được giữ gìn và phát huy.

12 - HỘI LÀNG THÚY LĨNH

Thờ: Linh Lang đại vương
- Thần Bạch Hổ (đức thánh Hai)

Địa điểm: - Xã Lĩnh Nam, huyện Thanh Trì

Thời gian: - 6 - 8 tháng Giêng và 15 tháng Hai
- Chính hội 7 tháng Giêng

Đặc điểm: - Vật cầu (Cướp cầu)

Nằm bên hữu ngạn sông Hồng, làng Thúy Ái (sau đổi là Thúy Lĩnh) là một làng cổ. Những đồng trinh Khải Nguyên chi bảo có niên hiệu Đường Huyền Tông (thế kỷ VIII) và Chí Hòa nguyên bảo đời Tống Chân Tông (thế kỷ XI) tìm thấy trong lòng đất Thúy Ái năm 1992 đã minh chứng nhận định này. Nhưng ít nhất là từ sáu thế kỷ nay, Thúy Ái đã trở thành một địa danh lịch sử, gắn liền với những thăng trầm của đất nước. Năm 1470, vua Lê Thánh Tông mở cuộc hành trình về phương Nam, quân bộ quân thủy cũng xuất phát từ nơi này. Mùa xuân năm 1491, nhà vua về bái yết Sơn Lăng ở Thanh Hóa, tháng Ba xa giá trở về kinh đô "ngày 10 dừng thuyền ở bến Thúy Ái, các quan ra đón lạy, dân chúng tụ tập xem, ta bèn viết ra năm mươi sáu chữ để ghi việc ấy". Nhà vua lại làm thơ có câu:

Gió đông dìu dịu, mặt trời chan hòa ánh nắng,

Bên sông trăm quan ra nghênh đón với áo triều màu tía, màu hồng.

Năm 1786, Thúy Ái chứng kiến trận thủy chiến giữa quân Tây Sơn và quân Lê - Trịnh. Dầu đã dàn hàng trăm thuyền nghênh chiến nhưng trước sức tiến công như vũ bão của quân Tây Sơn, quân Trịnh tan vỡ nhanh chóng. Tướng Ngô Cảnh Hoàng (Lê - Trịnh) cầm đao đứng ở đầu thuyền chỉ huy, trúng đạn súng lớn đã tử trận gần bến đò Thúy Ái, tin dữ về đến quê nhà, cả làng thương khóc, riêng bà Phạm Thị Thuấn (vợ hai) năm ấy hai mươi tuổi vẫn thản nhiên như không có chuyện gì. Rồi bà ra Bắc, đến chùa Kiến Sơ ở làng Phù Đổng, nơi vợ cả của Ngô Cảnh Hoàn tu hành làm lễ cầu siêu cho chồng. Ngày hôm sau, bà về bến Thúy Ái, làm lễ khấn cáo gia tiên và nói: "Chồng thiếp chết vì việc nước, thiếp xin đi theo để trọn nghĩa cùng chồng". Đoạn, bà chèo thuyền con ra giữa sông gieo mình xuống dòng nước xiết. Vua Chiêu Thống lên ngôi phong bà là "Tiết liệt phu nhân". Ở xã Thúy Ái (Thanh Trì) và xã Trảo Nha (huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh) đều lập đền thờ bà. Triều Nguyễn phong bà là "Dực bảo trung hưng Thượng đẳng phúc thần". Đền thờ ở Trảo Nha có thêm biển vàng "Tiết liệt nhất gia" và hoành phi đề chữ lớn "Lê Triều tiết liệt phu nhân Phạm Thị chi từ" tạo năm Tự Đức thứ 12 (1859).

Du khách cảm thông với những số phận éo le trong lịch sử nay có tìm về thăm bến sông xưa sẽ ngỡ ngàng. Từ lâu, không rõ nguyên cớ gì, Thúy Ái đã được đổi thành Thúy Lĩnh. Đền bà Phạm Thị Thuấn, sau bao cuộc bể dâu cũng không còn nữa. Nhưng may sao, giữa

vùng đê ven sông hiền hòa, sum suê màu xanh của cây trái vẫn còn đó một mái đình cổ kính. Nơi đây còn bảo lưu được nhiều bức chạm khắc, ngai thờ, kiệu, nghi tượng sơn son thiếp vàng có giá trị. Đình Thúy Lính thờ đức Linh Lang. Ngài là hiện thân của Thái tử Hoằng Chân, con trai thứ tư của vua Lý Thánh Tông (1054-1072) và con của bà phi thứ chín họ Nguyễn quê ở Bồng Lai (huyện Hoài Đức). Hoằng Chân có công lớn trong cuộc phạt Tống bình Chiêm, khi mất được nhân dân hai trăm sáu mươi chín làng lập đền thờ và tôn vinh ngài là Linh Lang đại vương. Ở hậu cung đình Thúy Lĩnh, bên ngai chính thờ thánh Linh Lang, còn có ngai thờ thần Bạch Hổ. Theo các cụ ở làng, Bạch Hổ chính là bày tôi của Linh Lang nên dân làng thường gọi ngài là Đức Thánh Hai. Ở Thúy Lĩnh có tục kiêng húy. Trong câu chuyện, người ta gọi "hổ" là "hể" "khoai lang" gọi là "khoai dây"; gia cầm nuôi không có hai màu...

Lại nói, lúc luyện quân theo chủ tướng đi đánh giặc, tương truyền Đức Thánh Hai cùng quân sĩ thích chơi môn vật cầu. Nhằm tưởng nhớ công đức của người xưa, hàng năm, mỗi lần tết đến, người Thúy Lĩnh lại tổ chức hội cướp bóng và vật cầu vào các ngày mồng 6, mồng 7 và mồng 8 tháng Giêng.

Ngày trước, mỗi lần vào hội, cả làng được phân ra ba thành: thành Thượng, thành Trung, thành Cải Lương. Mỗi thành cử bốn phiên. Mỗi phiên hai người. Họ là những trai tráng, mặc quần trắng, thắt lưng đỏ, ở trần tượng

trưng cho tám ông mãnh hổ cướp bóng, cướp cầu. Bóng gồm bốn quả lần lượt cướp từng quả một hết bốn quả bóng mới tới cướp cầu. Quả cầu được tiện bằng gỗ đường kính khoảng ba mươi nhăm xăngtimét, sơn son.

Khi làng vào đám, mỗi thành (tương đương như cụm dân cư) đăng cai hội một ngày. Tùy theo khả năng, mỗi thành viên đóng góp tiền, gạo để sắm lễ vật và giải thưởng. Lễ vật gồm lợn, xôi, hương hoa dâng lên đình từ sáng sớm để quan viên hương lão tế lễ. Tế xong vào khoảng trưa, hội vật mới bắt đầu. Cuộc đua tranh diễn ra trên sân trước đình. Quả cầu được đặt vào lỗ cái ở giữa sân, rộng 80cm. Từ lỗ cái, hướng ra bốn góc là bốn lỗ con, tạo thành một hình vuông, mỗi cạnh khoảng 15m. Bên sân chơi là lễ đài, nơi đặt hương án. Giải là hiện vật hoặc tiền cũng đặt tại đây. Người đánh trống chầu là một cụ già cao tuổi mặc áo the, đầu chít khăn đỏ. Tùy cuộc chiến diễn ra trên sân mà tiếng trống lúc khoan, lúc nhặt, lúc dồn dập, thúc bách. Theo sát mọi diễn biến trên sân là một trọng tài, cầm cờ lệnh. Các đấu thủ cố luồn lách, lừa trước đón sau, có lúc cả tám người đè lấn lên nhau cố cướp bằng được quả cầu trong tay một người đang ôm chặt; có lúc quả cầu ở ngay trên đầu, hơn chục bàn tay giơ lên, họ kiễng, họ nhảy lên cao để đón bằng được. Người của phiên nào cướp được cầu về đặt vào lỗ của phiên mình thì được một giải con. Mỗi lần cướp được cầu, cả hai người vào lễ thánh hai vái và nhận giải. Phiên nào cướp được cầu ba lần liền thì lúc nhận giải lần thứ ba đồng thời cũng là giải cái. Cuộc chơi

chỉ có vậy mà diễn ra suốt ba ngày, người xem chật kín sân đình. Người xem đủ các lứa tuổi reo hò xô lấn, cổ vũ mê say không lúc nào ngớt. Chỉ đến khi màn đêm buông xuống thì cuộc đua mới dừng mà thôi. Vật cầu là môn thể thao rèn trí, rèn lực, phiên vào vì sơ xuất không bố trí đủ người thì bị phạt, phải chi toàn bộ giải cho ngày hôm đó. Cái lõi chìm sâu của cuộc tranh cướp này là một cổ tục. Bóng và cầu đều là biểu tượng. Bóng biểu tượng của nước. Cầu là biểu tượng mặt trời. Nước và ánh sáng là hai nhu cầu không thể thiếu của nghề nông và đây là lễ nghi nông nghiệp.

Vào rằm tháng Hai, ở Thúy Lĩnh còn có hội rước nước. Ngày trước, Thúy Lĩnh có đất canh tác ở bãi sông bên bờ Bắc (nay thuộc xã Đông Dư, huyện Gia Lâm). Tại đây có đền Mẫu Thoải. Ngay từ sáng sớm, đoàn rước xuất phát từ đình, đi ngược đê sông Hồng độ 3km, đến lò bát ông Thiếm thì xuống thuyền. Chín mười thuyền lớn chở kiệu long đình, kiệu rước, phù trang lễ vật cùng hàng trăm cụ ông, cụ bà sang sông. Cặp bến, đoàn rước vào đền tế lễ, xong quay ra thuyền và xuôi giữa dòng sông. Mặt sông mùa xuân âm vang tiếng trống, trống bát âm, trong khi đó, một cụ già cứ bình thản múc từng gáo nước đổ vào chóe.

Cùng hội ngày 15 tháng Hai còn có làng Nam Dư Thượng, Nam Dư Hạ gắn với tục kết chạ "Tam dân giao hảo". Người có công gây dựng lễ đẹp này là cụ giáo họ Đoàn. Hồi đầu thế kỷ, sau phong trào Duy Tân, cụ lánh

về Thúy Lĩnh dạy học cho con em ba làng. Tại đây, cụ còn hướng cho dân Thúy Lĩnh mở đường lớn nối làng với đê sông Hồng. Hàng năm, vào ngày hội, theo lệ luân phiên, hai làng bên mang phù trang hương hoa oản quả, kiệu long đình có đặt bát hương rước đến đình làng đăng cai. Đến nơi bát hương của hai làng đặt vào hai bên bát hương của vị thành hoàng làng sở tại. Tế lễ xong, chủ khách đều ăn cỗ. Nhiều năm, khách làng bên đến ngồi gần hai mươi chiếu. Mỗi chiếu sáu người. Thù tiếp xong, quan anh quan em bịn rịn chia tay, kiệu long đình vừa qua tới sân cũng bay đi bay lại[1]. Người đời càng tin, các vị thần linh thấy nhân khang, vật thịnh cũng vui niềm vui trần thế, không muốn trở về. Hai làng Nam Dư Hạ đều ở trong đê, mỗi năm rước kiệu ra sông Hồng lấy nước, đều phải qua làng Thúy Lĩnh. Khi qua cửa đình, đoàn rước dừng lại, lễ vọng vào đình. Cùng lúc đó, nhân dân Thúy Lĩnh, ăn mặc đẹp, có khi đặt cả hương án trên đường làng làm lễ phụng nghênh đoàn rước đi qua.

Vì có công lớn như vậy, nên xưa ở Từ Vũ cạnh đình Thúy Ái có phối thờ cụ Đoàn, làng tổ chức tế lễ giỗ cụ vào tháng Ba.

---

(1) Một cách chuyển động, do chân kiệu vận động nhanh lên, người ta gọi là "kiệu bay".

13 - HỘI LÀNG ĐẠI LAN

Thờ: - Minh Hồ
- Linh Chiêu
- Chà Mục

Địa điểm: Thôn Đại Lan, xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì

Thời gian: 6 - 8 tháng Giêng

Chính hội 7 tháng Giêng

Đặc điểm: Rước và làm cỗ cá lăng

Từ những năm xa xưa, nhân dân làng Đại Lan (trước thuộc tổng Vạn Phúc, nay thuộc xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì) có truyền thống giữ gìn những giá trị văn hóa mà tổ tiên đã tạo dựng qua nhiều thế kỷ bám đất dựng làng. Làng ở ven sông Hồng. Do con sông thay đổi dòng chảy nên nhiều lần đất làng lở cả xuống sông. Tiếp đến là những năm mòn mỏi đợi chờ. Đợi đếnkhi vùng đất sa bồi hình thành ở phía bờ đối diện, người làng lại đến đó gieo trồng ngô, khoai, rau, đậu. Giữa thế kỷ trước, một vị túc nho đã diễn tả cảnh bãi bể nương dâu qua mấy lời cảm thán:

Hóa công sao lạ lùng,
Chung đúc sao khéo vậy
Cùng một dải núi sông
Bắc Nam thành đôi ngả
Năm qua xuân sông Bắc,
Năm này đẹp bờ Nam
Nam sông bờ cõi cũ,
Bắc sông lũy mới xây...

Nhưng dẫu ở bờ Nam (huyện Thanh Đàm) hay ở bờ Bắc (huyện Văn Giang xứ kinh Bắc) đã có làng là có đình. Lúc đời sống gieo neo, đình chỉ dựng bằng tranh, tre. Vào các năm 1873, 1874 kẻ cướp đã lập mưu đốt đình để ăn cướp ở làng, các cụ đã mưu trí chia đôi số người vừa giữ làng vừa giữ đình.

Việc thay đổi đất đai diễn ra lớn nhất vào thời vua Lê Hiển Tông (1740-1786). Đến năm 1868, theo bản đồ thời đó, làng vẫn thuộc phủ Thuận An.

Đầu thế kỷ XX, làng lại di sang bờ Nam, làm nhà ở nhờ đất làng Vạn Phúc 18 năm. Hai làng làm lễ kết nghĩa anh em. Hàng năm, tết đến, người Đại Lan mua lễ vật đến đình Vạn Phúc tạ vị thành hoàng làng. Lúc người Đại Lan gieo trồng ở bãi Hà Tắc (bãi bồi nổi ở giữa sông) làng còn kết nghĩa với làng Khuyến Lương. Khi người Đại Lan dựng nhà ở vùng đất mới, mỗi người Khuyến Lương góp giúp một cây tre, một cái tranh. Chính vì tình cảm tốt đẹp đó mà người ba làng ngày nay vẫn gắn bó, quý trọng nhau. Trong văn tế ở đình làng Đại Lan, chúng ta thấy có tên ông Lê Sạn người làng Vạn Phúc, đậu bảng nhãn làm quan đến thượng thư bộ Hộ năm 1517.

Năm 1918, đời sống ở bờ Nam tương đối ổn định, làng có xây đình, chùa và văn chỉ thờ 18 vị khoa bảng của làng. Nhưng các kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng này cũng chỉ tồn tại được 40 năm. Năm 1958, đất làng lại bị lở, đình chùa lại phải chuyển sâu vào Xóm Nghè.

Làng Đại Lan thờ ba vị thần là Linh Hồ, Minh Chiêu

và Chà Mục, các danh tướng thời Hùng Vương.

Theo thần tích, thân phụ của ba vị thần họ Trương, húy Long, ngụ tại hương Lưu Xá, huyện Thượng Hiền, phủ Nghĩa Hưng. Ông bà làm nghề đánh cá, vì muộn con, có đi cầu tự ở chùa Sài Sơn, khi về, bà mang thai, sinh con trai là Linh Hồ. Thần tích cho biết, Linh Hồ là con bà cả, còn Minh Chiêu và Chà Mục là con bà thứ. Lớn lên, ba vị đều thông minh khỏe mạnh hơn người. Bấy giờ người Tây Thục xâm chiếm Phong Châu, vua Hùng ban chiếu, tìm tướng tài giỏi, ba vị bèn ra ứng tuyển. Linh Hồ được vua phong là Tiền bộ trưởng tá quan; Minh Chiêu là Tả bộ trưởng tá quan; Chà Mục là Hữu bộ trưởng tá quan. Khi Linh Hồ dẫn quân tiến đến sông Lô thì bị quân Thục vây chặt. Quân bị ốm đã năm ngày. Linh Hồ bèn ngửa mặt lên trời: "Nếu như nước Nam còn thì trời đất thần linh nước Nam hãy giúp cho quân thắng trận; nếu như nước Nam phải nhập với Bắc quốc thì quyết sống mái một trận". Chỉ trong khoảnh khắc, bỗng thấy mẹ con con bò từ trên núi lao thẳng xuống. Tiền bộ tá quan vắt sữa bò để quân uống. Tự nhiên tâm thần binh lính hùng dũng hẳn. Trong nháy mặt, mẹ con bò thần biến mất. Sau đó quân tiếp viện tới, đôi bên đánh nhau dữ dội. Quân Thục tan vỡ, tháo chạy tán loạn. Quân ta thừa thắng, tiến đến cửa trại, quân Thục bị dẹp hết. Nước Văn Lang lại yên ổn, ca khúc khải hoàn, mừng công ban thưởng. Sau khi thành cong, nhớ Thần Bò giúp trận, dân làng thấy thịt bò đều không ăn. Và ba vị tướng vừa kể, khi về già mất đi, vua

Hùng nhớ công ơn đã phong thần ban sắc cho dân các trang ấp thờ phụng, ghi vào tự điển cúng tế. Các triều vua sau đều có sắc phong: thời Lê 9 đạo; thời Tây Sơn 3 đạo; thời Nguyễn 6 đạo.

Tưởng nhớ các anh hùng có công với nước, hàng năm, hội làng Đại Lan được mở vào các ngày mồng 6, mồng 7 và mồng 8 tháng Giêng.

Ngày mồng sáu là ngày khai hạ
Ngày mồng bảy là ngạy lạy thần

Buổi chiều ngày mồng 6 có rước cá lăng, loại cá chỉ có ở vùng sông rộng, sóng to như sông Đại Lan. Tương truyền khi thân mẫu các vị thần có mang, bà thích ăn loại cá này và gọi cá lăng, vì thế trong bài văn tế ngày kỵ thần có câu: "Khải thánh chi tư, đàn tư chi kính, dụng thân nghi khôn chi thành". Nghĩa: "Nhớ đức thánh mở mang, kính dâng lễ cá để tỏ lòng thành".

Tùy từng năm, cá có trọng lượng từ 7 đến 25kg, nhân dân thường đặt trước ở vạn chài đánh bắt từ trước và dòng theo thuyền để cá sống nguyên. Chiều mồng 6, cùng với lễ rước ở bến sông, các giáp lo sắm cá lăng ra lễ trình ở đình. Cá đặt trên án thư, buộc bằng vải đỏ. Lễ trình xong, cứ ba giáp một cá về làm cỗ, trong cỗ thế nào cũng có gỏi cá lăng. Cá sống được pha được lọc kỹ càng. Thịt cá thái miếng đều đặn ướp với nghệ rồi đun chín, gắp vào đĩa, rắc giềng giã nhỏ lên trên. Vây, xương, thủ cá được băm nhỏ và vê thành những viên đều nhau. Lòng cá nấu với rau cần, mỗi bát sáu viên. Rau cần

đệm ở dưới bát. Những công đoạn chế biến trên được tiến hành cẩn thận, chu đáo. Sáng sớm hôm sau, lễ cá được đặt vào mâm có chân, sơn son thếp vàng. Ban khánh tiết của làng cử phường bát âm, tới gia đình đăng cai làm cỗ, rước lễ cá ra đình. Mâm thùng được hai trai đinh khiêng. Những người này mặc áo the khăn xếp, thắt lưng đỏ, hai đầu có lọng che.

Sau khi tế rước xong, làng thường tổ chức hội vật, đánh gậy, múa roi, gợi nhớ một thời các tráng đinh của làng lúc còn ở tổng Đại Quan, châu huyện Văn Giang xuôi đê sông Hồng, theo ông Tán Thuật đánh Pháp. Trong ngày hội, các đội vật võ ở các làng khác được mời đến đua tài như Trung Quan, Chử Xá, Yên Mỹ, Vạn Phúc... Đội võ gậy của Đại Lan có lúc đông tới 50 người từng nổi tiếng khắp vùng với cách bổ trượng và xuyên tâm.

Hội làng Đại Lan, có sức sống bền bỉ, đầu những năm 60, làng vẫn tổ chức hội với nghi lễ và sắc thái riêng phản ánh sinh động lệ đẹp của mảnh đất ven sông chuyên sống bằng nghề nông và đánh cá. Hiện ở làng có các ông Ba Cố, ông Xiềm, ông Nghi, ông Ve là những tay vật võ nổi tiếng một thời, được dân làng hết sức mến mộ.

14 - HỘI ĐÌNH THƯỢNG LÃO

Thờ: - An Dương vương
- Cao Sơn

Địa điểm: Thôn Lực Canh, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh

Thời gian: 6 - 8 tháng Giêng. Chính hội 7 tháng Giêng

Đặc điểm: Ca trù

Từ trung tâm Thủ đô theo hướng Bắc qua cầu Chương Dương, cầu Đuống đến dốc Vân, ta đi tiếp trên đê sông Hồng độ 5km là đến vùng quê Xuân Canh, huyện Đông Anh. Xã Xuân Canh gồm thôn Lực Canh (làng Dâu), thôn Vạn Lộc, thôn Xuân Canh và các thôn Văn Tĩnh, Văn Thượng, Xuân Trạch. Lực Canh và Vạn Lộc thờ vua An Dương vương. Xuân Canh gồm Văn Tĩnh - Xuân Canh, thờ thần Cao Sơn, theo truyền thuyết ông là một vị quan vốn gốc ở Quảng Tây Trung Quốc. Năm 20 tuổi làm quan trong triều đình nhà Tống. Vua sai đi sứ nước Nam. Một đêm trăng trong gió mát đang dạo chơi dòng Nguyệt Giang, ông bỗng nghe bách quan An Nam ngồi trong miếu bình bài thơ "*Nam quốc sơn hà*" của tướng quân Lý Thường Kiệt. Ông có sự đồng cảm với ý chí của người dân Nam. Ông mang bài thơ đi bình cho nho sĩ ở vùng đất Từ Sơn rồi làm thầy đồ dạy văn sách cho dân làng Thượng Lão. Thời vua Lý Nhân Tông, nước Chiêm Thành mang quân xâm lược, ông được triều đình cử đi đánh giặc. Trên đường tiến quân, ông dừng chân ở đất Xuân Canh tuyển dân binh, xây đồn phòng ngự. Nhiều

trai làng theo quân ông đi dẹp giặc. Thắng trận, vua mời ông và binh sĩ về kinh đô tặng thưởng, khao quân. Vua cho ông hưởng lộc làm quan ở Tiên Sơn, đặt huyện đường. Vào một ngày xuân theo đám mây vàng, ông hóa về trời. Vua Lý Nhân Tông phong mỹ tự "Cao Sơn tế thế hộ quốc dực thánh, bảo cảnh hiển ứng văn trường, kinh quang đại vương, thượng đẳng thần" (Thánh Cao Sơn là người phò vua giúp nước, ông hiển thánh về trời, sắc phong thượng đẳng thần).

Từ xa ta nhìn thấy đình Thượng Lão bề thế vững chãi. Trước cửa đình là ao, tiếp đến tam quan tứ trụ mở ra lối vào sân. Hai dãy tảo mạc quây quanh tạo cảnh tôn nghiêm đầm ấm. Xưa đình bố cục chữ đinh, do chiến tranh tàn phá mất hậu cung, chỉ còn lại đình. Nhà ba gian, hai chái, bốn góc đao cong, bốn cửa bức bàn chắc khỏe, đình kết cấu bởi bốn cột to khỏe đỡ hai bộ kèo và vì chính, các thanh kẻ, cốn được trang trí tứ linh, tứ quý, rồng bay phượng múa... tạo tác từ đầu thế kỷ XVIII.

"Chết thì bỏ con bỏ cháu
Không bỏ mồng sáu tháng Giêng".

Câu ca vùng Kẻ Chủ xưa phản ánh tính chất gắn bó của cộng đồng dân cư quanh cổ đô Loa Thành. Hội khuyến khích tám làng cùng tham gia tế lễ ở đền gọi là "Bát xã hộ nhi": Cổ Loa. Mạch Tràng. Cầu Cả, Săn Giã, Thư Cưu, Đài Bi, Văn Thượng, Ngoại Sát. Đám rước với long đình, hương án, kiệu xuống đình ngự triều. Quan viên đội mũ tế, áo thụng xanh mang cung nỏ, kiếm tên, đi vòng qua

giếng Ngọc am Mỵ Châu, kéo dài trên bức thành cổ. Cuộc tế hội long trọng trang nghiêm. Ngày 7 tháng Giêng chính hội, các làng tổ chức trò vui tại đình làng mình với đấu vật, kéo co, múa võ, chơi cờ người, thả diều... Đêm thường mời tốp ca trù từ Lỗ Khê tới biểu diễn. Ca Trùlà hát à đào, người ca phải là thiếu nữ duyên dáng chưa lập gia đình. Thường là anh đàn em ca, cha đàn con ca... Ca sĩ vừa hát vừa róc phách lựa nhịp của người đàn. Các cụ già ở Xuân Canh cầm trống chầu, sắm vai người thưởng thức. Người cầm chầu phải sành lời thơ, tiếng nhạc. Người dân Xuân Canh xốn xang với lời thơ của Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Chu Mạnh Trinh, Nguyễn Khuyến, Tú Xương... Và có khi bâng khuâng từ lời thơ Bạch Cư Dị, nhà thờ đời Đường, Trung Quốc:

Tiếng chi đó nghe liền sớm tối
Cuốc kêu sầu vượn hót véo con
Hoa xuân nở, nguyệt thu tròn
Lần lần tay chuốc chén son ngập ngừng.

(Tì Bà hành - *bản dịch*)

15 - HỘI ĐẠI MỖ

Thờ: Ả Lã nàng Đê. Thủy Hải Long vương. Nguyễn Quý Đức. Nguyễn Quý Ân. Nguyễn Quý Kính

Địa điểm: Xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm

Thời gian: 6 - 8 tháng Giêng

Chính hội: 7 tháng Giêng

Đặc điểm: Thi thổi xôi

Hữu Hưng dệt lụa hoa hiên
Cò bay bướm lượn in trên hoa đào

(Ca dao Hà Nội)

Đại Mỗ (trước đây là Hữu Hưng) cách Hồ Gươm 20km về hướng tây, có thể đi tới qua con đường rẽ ở Cầu Diễn hay chợ Hà Đông. Dưới triều Lê, Đại Mỗ thuộc Thiên Mỗ (phủ Quốc Oai) huyện Từ Liêm, trấn Sơn Tây. Năm 1848 triều Tự Đức đổi từ Thiên Mỗ sang Đại Mỗ. Thành hoàng của làng là ả Lã nàng Đê, Thủy Hải Long vương và ba ông cháu dòng họ Nguyễn Quý: - Nguyễn Quý Đức (1648 - 1720), Nguyễn Quý Ân (1673 - 1722), Nguyễn Quý Kính (1693 - 1766). Nguyễn Quý Đức là một nhân vật nổi tiếng trong lịch sử nước nhà, một người văn võ song toàn, có đạo đức, yêu nước, thương dân. Ông đỗ đầu khoa thi Đình năm Bính Dần nhưng chỉ được thám hoa (khoa này không lấy trạng nguyên, bảng nhãn), Nguyễn Quý Đức cùng Lê Hy viết tiếp Đại Việt sử ký (tục biên) là người đứng ra sửa trường Quốc Tử Giám, Văn Miếu... Năm Đinh Dậu

(1717) khai giảng trường Quốc Tử Giám, ông được giảng đầu tiên. Nguyễn Quý Đức là tể tướng rất nghiêm minh khiến dân gian có câu: "Tể tướng Lê Hy thiên hạ sầu bi, tể tướng Quý Đức thiên hạ hưu tức". Ông nhận chức 4 năm, xét rõ việc tà khúc, giải quyết những việc trì trệ, thiên hạ được thái bình. (Bia do Hà Tôn Huân - bảng nhãn khoa thi năm Giáp Thìn (1724) soạn). Ngày 10 tháng Bảy năm 1716, hồi làm Hộ bộ thượng thư, Kim đông các đại học sĩ, hành tham tụng sự, thiếu phó kiêm đường hầu, Nguyễn Quý Đức dâng tờ khải xin dựng tiếp các tấm bia đề danh tiến sĩ từ khoa Đinh Mùi (1667) đến khoa Bính Thân (1716). Tuân mệnh vua, ông nhuận sắc rồi cho đem khắc 21 tấm bia tiến sĩ được dựng ở Văn Miếu. Là người có đạo đức, khi về hưu ông sống thanh đạm, chia sẻ vui buồn cùng dân làng. Được 30 mẫu lộc điền, ông cắt 4 mẫu để lập chợ Khánh Nguyên, số ruộng còn lại đem chia cho 8 giáp làm ruộng công. Vào năm Bính Tý, lúc đó Nguyễn Quý Đức đương làm đô ngự sử chuyên dàn xếp quan lại vua chúa. Có người làm sai trái mang của đút lót, ông liền mang tang vật giải nộp trình bày với triều đình, ai cũng khen. Khi làm tế tửu Quốc Tử Giám, một lần Nguyễn Quý Đức đang ngồi ở nhà Minh Luân cùng các quan ra đầu bài cho sĩ tử tập, nhân nghe thấy tiếng mọt nghiến cột nhà, ông xướng thơ:

Khai thông khổng khiếu hiền nhân chí
(Chí người hiền: khai thông năng khiếu)
Lúc ấy giờ thám hoa Vũ Thạnh đối lại:
Hóa dục côn trùng tạo hóa công
(Công thợ tạo: hóa dục côn trùng).

Gia phả dòng họ Nguyễn Quý còn ghi lại nhiều bài thơ của ông lúc ở triều. lúc đi sứ. lúc về hưu. lúc giúp vợ canh cửi. Khi thăm hồ Động Đình Trung quốc. ông cảm xúc:

Gương ngọc rung rinh nước một bầu
Giữa thành hồ lọt Động Đình sâu
Đông Tây bốn cảnh mây mờ nhạn
Trên dưới trời liền sóng rỡn châu.

(Động Đình tu sắc - bản dịch)

Khi về trí sĩ tại quê nhà ông chan hòa cùng thiên nhiên:

Ơn chúa nay đà vẹn đạo tôi
Non xanh nước bạc tháng ngày rồi
Bể hoa hâm rượu khi xuân sớm
Tưới nước trồng lan buổi nắng oi.

(Quý nhàn tự thuật - bản dịch)

Đình Đại Mỗ có kết cấu hình chữ nhị gồm đại đình và hậu cung. Trước đây, tòa nhà này vốn là tiền đình, đến khi giặc Pháp phá hủy đại đình thì tiền đình nhận chức năng của kiến trúc đã mất. Nhà đại đình có quy mô kiến trúc lớn kiểu hai tầng 8 mái với các góc đao cong ngược lên. Nhà có mái lợp ngói ta, bờ nóc đắp dạng bờ dinh, giữa có hàng hoa chạm thủng chạy suốt và sang cả bờ giải. Chính giữa bờ nóc đắp mặt trời lửa trên đầu hổ phù, hai hồi có hai đầu kìm hướng vào. Đầu của các đao đều đắp nổi hình rồng lá, rồng mây nom cân đối, đẹp mắt. Dọc theo thân các bờ dải đặt những tượng nghê nhỏ, phần cổ diềm giữa hai mái làm hàng chấn song con tiện để tăng ánh sáng cho không gian. Bộ khung nhà đại đình được

định vị rất vững chắc. Đỡ các mái trên là phần kết cấu gỗ dựng trên hai hàng cột cái. Hai vì hồi làm kiểu cốn mê đỡ hoành, các vì trong có dạng "chồng giường, giá nghiên". Dưới câu đầu của mỗi vì lại vươn ra hai bảy ngang ngắn đỡ 4 mái dưới có hệ thống cốn nách đặt trên xà ngang. Các xà này có một đầu ăn mộng sâu vào thân cột cái, đầu kia đặt trực tiếp lên tường bao. Mỗi góc nhà đều đặt một kẻ xó to dày để tăng thêm sức chịu lực cho các góc đao. Các hộ vì nhà được liên kết bằng hệ thống xà đại thượng hạ chạy ngang dọc theo diện tích của tòa nhà.

Hội đình Đại Mỗ tổ chức vào ngày 9 tháng Giêng và 14 tháng Tám. Chín chi họ (chín lò) tổ chức Hội thi kéo lửa bằng dang nứa và thổi xôi bằng ống nứa. Xôi đổ ra phải dẻo ngon, hạt nhộng, nắm xôi tròn như quả trứng. Hội làng thường kiệu các vị đại vương từ Đình Mỗ về miếu Hàm Rồng bên dòng sông Nhuệ lấy nước bài ban mộc dục. Đình Đại Mỗ ngày 25/5/1954 bị giặc Pháp đốt phá trước khi rút đi. Hiện nay dân làng đã khôi phục lại được một phần. Đình được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa ngày 21/6/1993. Hoàng Thị Minh Khanh, nữ sĩ quê hương vùng Đại Mỗ có cảm xúc khi về thăm.

Làng tôi như bao nhiêu làng khác
Mỗi lần về tôi lại thấy yêu hơn
Sống cảnh xa hoa ở giữa phố phường
Tôi vẫn mang bóng hình về quê mẹ.

(Làng Tôi)

16 - HỘI ĐÌNH PHÚ ĐÔ

Thờ: Lý Thiên Bảo, Đinh Dự, Nguyễn Thị An, Nguyễn Thị Phương

Địa điểm: Thôn Phú Đô, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm

Thời gian: 6 - 8 tháng Giêng
Chính hội 7 tháng Giêng

Đặc điểm: Hát ả đào

"*Cá sông Đôi, xôi kẻ Quánh, hành kẻ Láng, bánh rán Cầu Khâu*" (tục ngữ Hà Nội). Sông Đôi là sông Nhuệ, kẻ Quánh là tên cổ của thôn Phú Đô, Mễ Trì. Xưa, làng có tên là An Hương, rồi Quả Hương. Năm 1426 đổi là Hồng Đô. Đầu thế kỷ XIX đổi là Phú Đô cho đến nay. Đường về Phú Đô từ Hồ Gươm đến là 10km. Đình Phú Đô được Nhà nước xếp hạng di tích lịch sử văn hóa tháng 4/1992. Kiến trúc đẹp so với nhiều di tích Hà Nội. Nhà phương đình có kích thước lớn, được làm trên nền gạch cao hơn sân 0,50m. Mái nhà kiểu chồng diêm hai tầng với 8 lá mái, tạo thành hình bát giác. Các góc mái uốn cong tạo thành dao gắn hình đầu rồng dao mác. Chính giữa đình bát giác đắp nổi hình bốn con chim phượng đầu hướng về bốn phương Đông Tây Nam Bắc, cánh xòe đuôi chụm hướng lên trời như một trái dành lớn. Bốn đầu đao của bốn mái dưới uốn cong mềm mại được trang trí bốn con rồng đầu nghênh cao hướng lên đầu đao. Mái trên thân rồng gắn mảnh bát lam xanh. Dọc theo bờ chảy là bốn hình nghê phủ phục đắp bằng vữa tô vàng.

Thành hoàng là Lý Thiên Bảo, anh trai Lý Nam Đế: Đinh Dự con trai của Đinh Lễ một tướng tài của khởi nghĩa Lam Sơn, hai bà hoàng - vợ vua Lê Anh Tông (1556 - 1573). Theo truyền thuyết bà Phương vừa cắt cỏ vừa hát ở vùng Cót, công tử Lê Duy Bang dạo chơi bên bờ sông Tô thấy người đẹp bèn đem về làm vợ. Bà Phương muộn mằn sinh nở nên hoàng tử lại cưới cô em là bà Nguyễn Thị An. Năm 1556 Trịnh Kiểm đưa Lê Duy Bang lên ngôi là vua Lê Anh Tông. Bà Phương được phong làm hoàng hậu, bà An làm tuyên phi. Năm 1573 Trịnh Tùng đưa Lê Duy Đàm lên ngôi. Lê Anh Tông bỏ trốn vào Nghệ An. Hai bà hoàng đưa ba con về quê sinh sống. Đinh Dự, vị tổ sư ca trù là con Đinh Lễ sinh ngày 6 tháng Tư năm Quý Tỵ 1413. Đinh Lễ từng giúp vua Lê đánh đông dẹp bắc. Thời gian cha đi chiến trận, vợ chồng Đinh Dự và Đường Hoa về Lỗ Khê (Đông Anh) mở giáo phường sau truyền nghề về Phú Mỹ, Phú Đô (huyện Từ Liêm) và nhiều nơi khác. Đình làng Phú Đô vẫn còn nhiều sắc phong: sắc năm 1787 phong cho Đinh Dự là "Thanh xà đại vương", vợ là "Mãn Đường Hoa công chúa". Đạo sắc Duy Tân (1909) cho biết thêm bà Đường Hoa còn được phụng thờ ở số 1 phố Hàng Cót. Sắc phong Khải Định 1924 phong cho bà Phương là "Bế uyển tự phong công chúa", bà An là "Khánh hiển linh ứng tôn thần". Hai bà được giáo phường Lỗ Khê truyền nghề, sau đó hai bà mở hội ca trù lập nhà thờ tổ ca công. Hát à đào rất thịnh hành ở Hà Nội từ thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XX. Luật lệ giáo phường khi ca thường là chồng đàn vợ hát, anh đàn em hát, bố đàn con

hát. Khi vào đám cô đào tạm nghỉ việc cấy trồng, sửa soạn quần áo, khăn nón, tay nải lên đường đi hát. Hát ở cửa đình phải kiêng tên các thành hoàng. Đào kép hát xong cứ việc ra về, mọi việc giao thưởng, chế độ là do quản giáp lo lắng. Ngày xưa các cụ dùng thẻ làm bằng mảnh tre ghi chữ để thưởng kép hát chứ không đưa tiền ngay. Quan viên bô lão nếu thú vị thì gõ trống khẩu rồi ném thẻ xuống (thẻ là trù). Tiếng ca trù có từ đó. Xong cuộc hát cứ theo số trù mà thưởng tiền cho nghệ nhân. Hát cửa đình trong hội làng có nhiều thể loại: giáo trống, giáo hương, dâng hương, thét nhạc, đọc phú, múa bỏ bộ, múa bài bông, múa tứ linh, tấu nhạc. Họ thường lấy thơ của các thi nhân như Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Chu Mạnh Trinh để hát. Đây là lối hát thanh tao, lịch sự của những người yêu thơ, yêu nhạc. Ở Phú Đô trước năm 1945 hát ca trù rất nổi tiếng với nghệ nhân Nguyễn Thị Tình, Sáu Tí, Lý Mực. Ngày hội làng đội ca trù vừa hát vừa múa trước cửa đình làng. Ca trù Phú Đô biểu diễn ở vùng Mỗ, La, Canh, Cót ven sông Nhuệ, sông Tô. Ngày hội làng 7 tháng Giêng có cảnh rước kiệu thánh về miếu Cầu Đôi và kiệu hai bà về đền Am. Kiệu hai bà bay ngang bay dọc theo nhịp chiêng trống, bao giờ kiệu ông dừng thì kiệu bà cũng dừng. Ngày nay hát ca trù đã được khôi phục ở Lỗ Khê (Đông Anh), đền Bích Câu (quận Đống Đa). Rất mong hát ả đào Phú Đô được khôi phục và ngày càng được nâng cao về nghệ thuật để truyền thống văn hóa dân tộc ngày càng phong phú, đa dạng.

17 - HỘI LÀNG PHÚ MỸ - KIỀU MAI

Thờ: Lý Nam Đế, Lý Phật Tử, ả Lã nàng Đê, Bạch Hạc tam giang

Địa điểm: Phú Mỹ (xã Mỹ Đình), Kiều Mai (xã Phú Diễn), huyện Từ Liêm

Thời gian: 7 tháng Giêng và 10 tháng Hai

Chính hội: 7 tháng Giêng

Đặc điểm: Thi cây xôi

Phú Mỹ (xã Mỹ Đình) xưa có tên làng Quả Hối thuộc tổng Phương Canh (Từ Liêm). Đầu thế kỷ XV, Lê Nhị khởi nghĩa từ Thanh Oai tạt qua đây để chống quân xâm lược Minh. Nhân dân dâng gạo, lợn, rượu để nuôi quân nên được tướng quân đổi Quả Hối thành Phú Mỹ trang. Năm 1956 thuộc xã Hòa Bình, năm 1965 thuộc xã Mỹ Đình.

Cụm di tích Phú Mỹ có "Cổ Miếu linh từ" tương truyền miếu có từ thời Lý. Chính nhà vua qua đây đã hạ chiếu phong thần, ban tiền, đặt địa điểm và cắm hương. Miếu vốn thờ 3 vị thần, sau này bài vị rước về đình, làm thờ làm thành hoàng. Miếu xưa rộng rãi, đằng trước có tiền tế nhưng nay đã bị phá, chỉ còn cung thờ phía sau được sửa lại năm 1989.

Di tích chính là đình Phú Mỹ, một kiến trúc khang trang có đủ hợp thể tiền tế - đại đình - hậu cung, đình được làm vào ngày tốt mùa hạ năm Ất Sửu đời vua Khải

Định (1925). Song thực ra đấy là lần làm lại, từ nhiều thế kỷ trước ở đây đã có đình rồi mà bằng chứng còn cả loạt sắc phong và nhiều hình chạm trang trí. Hiện đình còn giữ được 12 đạo sắc, sớm nhất là 2 đạo sắc năm Cảnh Hưng nguyên niên (1740); còn lại là thời Nguyễn các đời Thiệu Trị, Tự Đức, Đồng Khánh, Duy Tân, Khải Định. Như vậy, ít ra từ giữa thế kỷ XVIII đình Phú Mỹ đã được triều đình Lê mạt "liệt hạng". Trong cấu trúc kiến trúc, 4 vì nóc của 3 gian chính làm theo kiểu giá chiêng trông đơn giản phù hợp niên đại 1925 thì hai vì của các hồi phải và trái lại mang dấu ấn cuối thế kỷ XVII đầu XVIII được dùng lại và có một cấu trúc đặc biệt: Từ câu đầu trở lên vẫn giá chiêng nhưng trong giá chiêng nhô ra một đầu rồng, hai cánh chim to, đặc biệt phía dưới câu đầu một khoảng được lắp một cây xà khỏe làm cho 2 cột cái được gắn bó với nhau chắc chắn, phần nào như ảnh hưởng lối nhà miền Trung. Chính khoảng giữa nhà và câu đầu được lắp ván chạm dày đặc các hình rồng đàn, rồng ổ xen vào đó có một số hoạt cảnh của người như tiên nữ cưỡi rồng, chàng trai ngồi bó gối cười... Tất cả được chạm bong kênh nhô cao bay bướm. Khi làm lại đình ở đầu thế kỷ XX, người ta đã cố ý giữ lại một số kết cấu cũ với những mảng chạm đẹp. Hậu cung có 3 ngai với các bài vị: Quốc vương thiên tử đại vương tức Lý Nam Đế (544 - 548), Diêm La thiên tử đại vương tức Lý Phật Tử (? - 571) và ả Lã nàng Đê (4 - 43).

Đi qua cánh đồng rẽ đường Xuân Thủy qua Cầu

Diễn, ta tới Kiều Mai (xã Phú Diễn), một làng nằm ven sông Nhuệ xưa tên là Mai Trang trại, làng cũ ở giáp Cầu Diễn. Làng gần khu rừng Mai nên gọi là Kiều Mai. Trước 1945 Kiều Mai cùng với 6 làng khác (Phương Canh) thuộc tổng Cổ Nhuế phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông, sau đó lại thuộc xã Minh Khai, huyện Đan Phượng. Năm 1961 nhập vào huyện Từ Liêm; 1978 thuộc xã Phú Diễn và năm 1982 đến nay thuộc xã Phú Diễn.

Đình Kiều Mai thờ dọc như đình Yên Phụ (quận Ba Đình) rất hiếm thấy ở Hà Nội. Tòa đại đình trên cao hai mét. Từ sân đi lên ta gặp những tảng đá liền khối tam cấp, 2 đầu chạm hổ phù miệng ngậm, mắt lồi, đỉnh đầu chạm 4 đường vân xoáy, 7 túm tóc, đuôi xoắn tít. Bậc đá cổ có niên đại từ thế kỷ XVIII. Bên trong đình năm gian 2 chái, cột gỗ đặt trên những tảng đá xanh mịn. Trang trí đầu hồi là hình mặt nguyệt hổ phù, nghê múa và rồng ổ. Bức cốn có tứ linh, rồng cuốn thủy, long mã chở tiên. Cung có khám thờ, bài vị thành hoàng và 10 đạo sắc phong từ Quang Trung 1792 đến Cảnh Thịnh 1802. Sắc phong tặng cho vị thần: "Hộ quốc tý dân anh minh hiên tước thượng đẳng phúc thần". Truyền rằng đời Hùng vương thứ 18 ở Kinh Môn - Hải Dương có Đào Bột, một con người chí khí. Ông về kinh đô thi tuyển sau được cất nhắc làm huyện phó Hoan Châu rồi bộ trưởng bộ Hải Dương. Ông lấy bà Nguyễn Thị Hương sinh năm người con đặt tên là Đào Cư, Đào Hồng, Đào Trường, Đào Khanh, Đào Lân. Lúc họ 16-20 tuổi, bố mẹ qua đời.

Đất nước có giặc, năm anh em theo Hùng Duệ vương xung binh. Riêng Đào Trường được làm Thổ Lệnh cai quản trấn Sơn Nam. Vài năm sau ba người mất chỉ còn Đào Trường, Đào Khanh. Hai võ tướng lập nhiều chiến công bảo vệ nước Văn Lang. Sau khi dẹp loạn ở Hồng Chân, Đào Trường trở về quê hương trao binh quyền cho em rồi hóa ở Tôn Thất trang.

Hội làng Phú Mỹ, Kiều Mai:
Tháng Giêng em đến, tháng Hai chị về
(Ca dao).

Chùa Lưu Bái (Kiều Mai) có bản giao ước (Duy Tân thứ 5 (1911)) quy định ngày 7 tháng Giêng làng Kiều Mai rước xuống Phú Mỹ; còn 20 tháng Hai làng Phú Mỹ rước xuống Kiều Mai. Thần tích kể ông Nguyễn Viên, châu Ái (Thanh Hóa) đi ra Cổ Châu, Quốc Oai, Hà Đông làm chức quan nhỏ thời Hán. Ông liên kết các lực lượng tù trưởng chống lại Tô Định. Khi qua đời, ông để lại vợ và hai con là ả Lã nàng Đê và Quốc Công. Bà mẹ tần tảo nuôi hai con khôn lớn. Ả Lã đẹp người đẹp nết, võ nghệ cao cường. Khi Hai Bà Trưng truyền hịch khởi nghĩa, hai chị em chiêu mộ dân binh dọc sông Nhuệ kéo về cửa sông Hát. Ả Lã được phong làm Phương Anh phu nhân còn em trai được phong làm Quốc Công. Hai người có công trong việc giải phóng đất nước Văn Lang. Hai Bà Trưng ban thưởng bổng lộc cho về lập ấp ở Yên Lộ. Khi Mã Viện kéo quân sang, Hai Bà Trưng thất trận, ả Lã và Quốc Công cũng hy sinh. Ven bờ sông Đáy, sông Nhuệ có gần mười làng lập miếu

thờ hai chị em. Lễ hội Phú Mỹ, Kiều Mai có những trò dân gian, cờ bói, bắt vịt. Tuy nhiên hội kết chạ vùng này cũng có những phong tục khá độc đáo. Thôn Phú Mỹ có nhà thờ "Ca Công Sứ" với sắc phong của nhà vua: "Nam quốc danh ca Đào Thị Mẫu - Đông phương hài hước Tế Tinh Quân". Từ thế kỷ XVI, những cô gái đẹp hát giỏi ca trù của họ Vũ được nhà vua tuyển vào cung ca hát. Có cô đã trở thành vợ vua. Khi về già được hưởng lộc, được lập đền thờ. Văn bia ở đình Phú Mỹ quy định: Hội có mười ván xôi, mười con gà thì những người này nhận một ván xôi, một con gà. Hội có một bò thì được một cổ bò, hội có một lợn thì được một cổ lợn (nọng). Họ Vũ thường chọn cô bé mười tuổi có sắc, có thanh giọng tròn vành, rõ tiếng để học nghệ nhân già. Thường là năm năm hát ở hội làng sau đó thi tuyển để đi hát ở các hội khác trong vùng Từ Liêm. Cụ Tư Vò (đã khuất) còn lưu băng bài ca trù "Thiên Thai" của Tống Ung. "Xích Bích phú" của Tô Đông Pha, rồi các bài "Hồ Gươm", "Đền Hùng", "Chơi Hương Tích". Dự một buổi hát ca trù trước cửa đình Phú Mỹ, ta thấy xúc động bởi hồi trống, hồi chiêng, tiếng đàn đáy, tiếng phách. Mở đầu một tốp ca sau người quản giáp cầm trống chầu giơ ngang mặt gõ, gằn giọng hát giáo trống:

- Gió thuận mưa hòa
Biển lặng sông trong
Đã dẹp xong
Lũ kiến đàn ong
Nay vỗ cửa tôi xin giáo trống!

Quán giáp hát bài "giáo Hương". còn các cô á đào ca múa dâng hoa lên thành hoàng. Tinh thần dân tộc ý chí chống xâm lăng dồn dập thôi thúc trong nhịp trống. nhịp sênh. nhịp phách cùng đào luồn kép với:

- Một cơn gió bẻ chồi khô
Ải Lăng, đứt dâu, ngựa Hồ vào ra
Bốn phương phẳng lặng can qua
Theo cùng nếp cũ lại ra Long Thành.

(Theo thần phả ở Phú Mỹ)

Kiều Mai có tục thi xôi cây của giáp Đông giáp Đoài. Năm 1932 là hội cuối cùng. Vào tháng Chín. làng cử sáu gia đình sinh con trai nhận khu ruộng Dân (ruộng xôi mới để cấy nếp hoa vàng). Từng gia đình thổi xôi trắng dâng lễ vào đình dự thi. Từng gia đình đội mâm xôi ra đình. Ván ép xôi thành cây. Mâm có bốn vì chân đỡ ở dưới xôi cây cao dần lên. gia đình nào cao trước thì được điểm. Làng cho phần thưởng một bánh pháo hoặc một vuông vải điều làm khước. Giải tuy nhỏ nhưng giáp nào thắng cuộc cũng trống chiêng dồn dập. Hội xong các cụ già thụ lộc trong đình với xôi trắng thịt thủ và đĩa muối. Còn chia toàn bộ cho dân làng từ trẻ ẵm ngửa trở lên mỗi xuất một nắm xôi. một miếng thịt lợn bọc trong lá chuối.

Hội kết chạ Phú Mỹ - Kiều Mai là nét đẹp của văn hóa Thăng Long bên bờ sông Nhuệ. Các làng chung cánh đồng qua hội càng thêm thương yêu đùm bọc nuôi dưỡng tâm thức về tình nghĩa anh em thiêng liêng cao quý.

Làng bên làng, phố bên phố, phường bên phường. Cao hơn là sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc Việt Nam trong việc xây dựng và bảo vệ quê hương. Phú Mỹ - Kiều Mai kết chạ với nhau qua dòng sông Nhuệ. Cánh đồng hai làng xen kẽ, ruộng Phú Mỹ có 1091 mẫu, ruộng Kiều Mai chỉ có 280 mẫu. Hai làng coi như hai anh em ruột thịt. Có lần Kiều Mai bị hỏa hoạn, hàng chục ngôi nhà bị cháy, dân Quá Hối mang tre nứa, rơm, rạ và nhân công sang dựng lại. Có lần lại mang Trâu bò sang cày bừa giúp vì bên ấy trâu bò bị bệnh dịch. Ngược lại Kiều Mai mang trâu bò, thợ cày, thợ cấy sang giúp để Phú Mỹ kịp thời vụ. Từ năm 1989 tới nay, hội kết chạ Phú Mỹ - Kiều Mai được khôi phục đã cuốn hút hàng ngàn người dân các nơi về tham quan dự lễ.

18 - HỘI CƯỚP CẦU VIÊN NỘI

Thờ: Đại tướng quân Đống Vĩnh
Đại tướng quân Chung Bảo
Địa điểm: Thôn Viên Nội, xã Vân Nội, huyện Đông Anh
Thời gian: Ngày 8 tháng Giêng
Đặc điểm: Ông quả, ông Móc

"Dân em vào đám đại trà
Vừa "vào, vừa "giã", vừa "ra" mười ngày
Mồng sáu nhập tiệc vui thay
Sang đến mồng tám nhập ngay tế thần
Ở xa cho chí ở gần
Ai ai cũng đến xem dân "cướp cầu"
Cướp ở lầu mẹ đem về lầu con
"Quả cầu" gieo mãi chẳng mòn
Dân thôn tứ giáp như con một nhà..."

Lễ hội - một loại hình văn hóa tín ngưỡng truyền thống của người dân Việt. Di tích và lễ hội là sự đan xen văn hóa quá khứ và hiện tại. Hội "cướp cầu" Viên Nội - lễ hội dân gian độc đáo của huyện Đông Anh ngoại thành Hà Nội được nhân dân truyền tụng bằng bài ca dao trên từ đời này qua đời khác.

Viên Nội là một thôn của xã Vân Nội, miền quê có dấu ấn của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng những năm đầu công nguyên, trải bao biến cố thăng trầm của lịch sử, cho đến thời kỳ tiền khởi nghĩa (1941 - 1945) Viên Nội là

cái nôi của Cách mạng Việt Nam, nơi in báo "Cờ Giải Phóng", nơi khởi thảo chỉ thị "Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" góp phần không nhỏ vào thắng lợi chung của toàn dân tộc.

Người dân Viên Nội tự hào nơi mảnh đất thiêng đã từng là đồn lũy chống xâm lăng, lại là nơi hội tụ và giữ được những nét đặc trưng của văn hóa truyền thống.

Truyền thuyết kể rằng: Viên Nội xưa kia là tiền đồn quan trọng của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, nơi các tướng lĩnh đầu quân tụ hội trong đó có nhị vị đại tướng quân là Đống Vĩnh và Chung Bảo. Hai ông đã cùng bà Diệu La công chúa chiêu mộ và luyện quân giúp Hai Bà Trưng đánh giặc. Hiện ở Viên Nội các xứ đồng có tên mang ý nghĩa trên như: Quần Lưu, Quần Chối, Quần Từa, Quần Nội, Đầu Ông, Quần Giang...

Sau khi chiến thắng quân giặc, hai ông về đóng quân tại rừng Am Thông và hóa tại đây. Hiện nơi này còn dấu tích hai ngôi mộ được nhân dân gìn giữ cẩn thận.

Trong trận quyết chiến với giặc, thế ta yếu, quân giặc mạnh, bà Diệu La công chúa khẩn cầu thần Kim Quy đến giúp. Vừa cầu xong bỗng trên bầu trời làng Viên Nội có một đám mây đen bay đến, liền đó xuất hiện một đàn "xà giảo" khoang đen trắng và quả "ngọc cầu". Bà cùng binh lính xung trận. Quả "ngọc cầu" lăn đến đâu, đàn "xà giảo" tiến theo tới đó, quân ta thừa thắng xông lên. Quân giặc khiếp vía kinh hồn tháo chạy, quân ta chiến thắng vẻ vang.

Về sau dân làng Viên Nội thờ hai ông đại tướng quân

là Đống Vĩnh, Chung Bảo và bà Diệu La công chúa làm thành hoàng làng, hàng năm mở lễ hội vào đầu xuân để tưởng nhớ những người anh hùng có công với dân với nước.

Hội "cướp cầu Viên Nội" được tổ chức vào 8 tháng Giêng.

"Quả thần cầu" hay còn gọi là "ông Quả" được làm bằng gỗ, chất gỗ được chọn kỹ mà khi ném xuống đâu cũng không bị nứt, vỡ. "Thần Cầu" được đặt trên ngai thờ, phủ vải đỏ. Hàng năm gần đến ngày lễ hội các bô lão trong làng mới làm lễ "mộc dục thần Cầu" bằng nước gừng, nước quế.

Đi cùng với "thần Cầu" có "ông Móc" chính là "xà giảo" (rắn khoang đen trắng) được làm bằng tre non, không bị kiến, phải có móc phía dưới gốc. Tre phải được trồng ở nơi sạch sẽ thoáng đãng, sau khi đẵn tre chuốt gọt cẩn thận, sơn khoang đen trắng, tất cả gồm 200 "ông Móc" được phân công cho các gia đình "sạch sẽ" (không có tang, gia đình gương mẫu về mọi mặt được làng chọn) làm dần, mỗi năm bổ sung 12 "ông Móc mới".

Để chọn được người chứa "thần Cầu" phải qua rất nhiều khâu bình chọn khắt khe: phải là người cao vai trong họ, còn song toàn cụ ông cụ bà, con cái đầy đủ, gia đình gương mẫu.

Làng chia làm bốn phe trong hai giáp: một giáp chứa "thần Cầu", một giáp chứa "ông Móc". Người khiêng kiệu các giáp cử ra phải là người tốt khỏe mạnh, là thanh niên trai tráng trong làng.

Chiều ngày 7 tháng Giêng, giáp chứa "thần Cầu" mang kiệu rước "thần Cầu" vào làng để tại nhà ông "chứa

quả". Đám rước có cờ, nhạc bát âm, chiêng, trống, tám thanh niên mặc áo lậu đỏ thay nhau rước kiệu đưa "thần Cầu" về "ngự" tại nhà ông "chứa quả" để một đêm tế lễ...

Rạng sáng ngày 8 tháng Giêng, kiệu long đình đã chờ sẵn tại cổng nhà ông "chứa quả".

Cuộc hành lễ bắt đầu: Thanh niên ở giáp "chứa móc" mỗi người rước một "ông Móc" chờ nhau ở cổng nhà ông "chứa quả". Khi đã đủ móc họ cùng vào nhà dùng móc nhằm ông "chứa quả" để móc. Phe "chứa quả" phải cử người chống đỡ. Lúc bấy giờ người "chứa quả" ôm "thần Cầu" đi ra chỗ để kiệu long đình để vào trong kiệu. Trong quá trình đó vẫn diễn ra việc người bị móc và người đỡ lại cho đến khi "thần Cầu" được đưa vào trong kiệu. Đám rước "thần Cầu" đi trong tiếng trống chiêng, thanh la, sáo, nhị... Trong quá trình rước kiệu ra đình vẫn diễn cảnh phe "chứa quả" chịu bị móc và chống lại... Đám rước đến đình làng, kiệu hạ xuống, chiêng, trống nổi lên từng hồi, người "chứa quả" hạ đài xuống và "gieo cầu". Quả cầu được tung lên, liền đó thanh niên trai tráng ở các phe, giáp trong làng thi nhau giành cầu. Cứ thế cả một khoảng sân đình và ruộng ao quanh đó náo nhiệt bởi tiếng reo hò cổ vũ, cùng tiếng trống, chiêng... Và cuốicùng thì "thần Cầu" cũng được đưa vào trong đình. Trong đình làng có bốn gian chia cho bốn phe trong làng, qui định "thần Cầu" được gieo vào gian nào thì phe đó được quyền chứa "ông Quả" cho năm sau. Theo quan niệm của dân gian thì năm ấy phe được chứa "thần Cầu" làm

ăn thịnh vượng.

Ngày lễ hội qua đi, ai nấy đều phấn khởi, mang trong mình dư âm của hội, của ý thức đoàn kết cộng đồng, ngầm nhắc nhau gìn giữ bản sắc văn hóa của cha ông, phát huy phong tục tốt đẹp của quê hương yêu dấu.

19 - HỘI LÀNG THỤY HÀ

Thờ: Thần Cao Sơn - Tam Giang

Địa điểm: Thôn Thụy Hà, xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh

Thời gian: Từ 8-13 tháng Giêng

Chính hội 8 tháng Giêng

Đặc điểm: Diễn tích xưa, rước kiệu đuốc đêm...

Làng Thụy Hà xưa kia thuộc tổng Đông Đô, huyện Kim Hoa, phủ Bắc Hà, xứ Kinh bắc. Phía bắc có con sông Cà Lồ uốn lượn quanh làng. Phía tây có dải đất cao mang dáng hình tựa rồng ôm lấy làng. Đây đó còn rải rác một số gò đống mang tên cổ: gò Trống, gò Chiêng, gò Con Qui, gò Vườn Sách, gò Nghiên Bút...

Đình Thụy Hà nằm trên gò đất cao thoáng đãng, kề đó là chùa Tổ Long tạo nên một quần thể di tích tôn giáo tín ngưỡng đáp ứng nhu cầu tâm linh của người dân Thụy Hà.

Truyền thuyết kể rằng thời Hùng vương khi nước Văn Lang còn thù trong giặc ngoài nhòm ngó, có vị Lạc

tướng chuyên coi việc binh, thấy vị trí đất Thụy Hà lúc bấy giờ có nhiều điểm thuận lợi nên ngài đã chọn làm nơi đóng binh ngày đêm luyện tập quân sĩ. Phía nam làng Thụy Hà tại khu đồng Rộc có một trận quyết chiến với giặc; rất đông trai làng theo ông đánh giặc. Ngay từ buổi đầu sơ khai ấy ông cha ta đã biết dùng hỏa công vì nơi này trước đây là rừng rậm, ông đã cùng quân sĩ bài binh bố trận đốt xung quanh rừng dồn giặc vào vị trí xung yếu để tiêu diệt. Thắng trận lẫy lừng, ông khao thưởng quân sĩ và các dòng họ ở làng Thụy Hà. Vị Lạc tướng đó là thần Cao Sơn. Nhớ công lao một thuở giữ nước ông được dân làng tôn vinh làm thành hoàng làng, được sắc phong thượng đẳng thần. Trong đình làng, bên cạnh thần Cao Sơn, nhân dân còn thờ thánh Tam Giang - tướng của Hai Bà Trưng. Ông là người được phân công trấn giữ suốt hai bờ sông từ thượng nguồn sông Mít (Phú Thọ) đến Ngã Ba Xà (Bắc Giang) dẹp giặc bảo vệ tính mạng và tài sản cho nhân dân, được sắc phong trung đẳng thần.

Các dòng họ trong làng Thụy Hà đời nối đời kế tiếp theo gương các bậc tiền nhân chăm chỉ làm ăn, lo việc nước. Nhiều nho khoa đỗ đạt dưới triều Lê, Nguyễn... mà tiêu biểu là cụ Nguyễn Cơ Khoa đỗ tiến sĩ xuất thân dưới triều vua Vĩnh Thịnh thứ 8 được ghi danh tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Làng Thụy Hà có sáu dòng họ được lưu truyền từ xưa, mỗi dòng họ có nhà thờ riêng, có phả tộc và bia ký. Riêng hệ thống văn vật này là một kho tài liệu vô giá cho các nhà nghiên cứu tìm về cội nguồn xa xưa của

dân tộc. Mỗi dòng họ có đặc thù riêng, căn cứ vào sự học hành, đỗ đạt mà làng sắp xếp theo thứ tự:

1. Họ Nguyễn Duy (chi trên)
2. Họ Nguyễn Dương
3. Họ Nguyễn Đức
4. Họ Nguyễn Duy (chi dưới)
5. Họ Nguyễn Văn
6. Họ Nguyễn Thế
7. Họ Nguyễn Thịnh (hương lão tự thuần Mỹ Đức bà vợ chúa Trịnh Kiểm).

Còn dòng họ thứ 8 là họ Nguyễn Tiến mới đến sau.

Lễ hội Thụy Hà được tổ chức trong năm ngày, nguyên do là đức Cao Sơn dẹp giặc và thắng trận tại cánh đồng Rộc (phía nam của làng) vào ngày mồng 8 tháng Giêng rồi đóng doanh trại lưu tại nơi đây năm ngày, mở hội mừng công thắng trận, để bình ổn dân binh. Đến ngày 13 tháng Giêng, người cùng nghĩa quân rời Thụy Hà để tiếp tục lên đường.

Không khí chuẩn bị hội náo nức từ những ngày trước đó, các dòng tộc chọn người, tập nghi thức rước lễ... Tất cả nhộn nhịp trong tiếng trống, chiêng tạo nên âm thanh rộn rã, làm nức lòng dân làng.

Ban tổ chức lễ hội được thành lập theo qui định của làng dưới sự lãnh đạo của các cấp chính quyền địa phương. Thành lập một ban giám khảo chấm thi (có thưởng) cho các dòng tộc làm tốt phần nghi lễ.

Năm nào cũng vậy, dân làng tổ chức nghi lễ "Rước

đám Rậm" vào sáng sớm ngày 8 tháng Giêng, diễn lại tích thần Cao Sơn thắng trận tại khu đồng Rộc phía nam làng. Các dòng tộc cử người tham gia đám rước theo sự phân công của làng. Đám rước đi theo thứ tự: đi đầu là cờ thần các loại, tiếp đến là đồ tế khí, đội nhạc lễ, bốn người ở bốn giáp vác gươm trường, tiếp theo là kiệu bành rước cô, kiệu bát cống rước bài vị của thần Cao Sơn. Đám rước đi đến nơi, hạ kiệu. Đoàn quan viên làm lễ tế thần sau đó bốn người múa gươm diễn lại tích thần Cao Sơn đánh giặc và ăn mừng thắng trận trong tiếng trống, chiêng và reo hò của quân sĩ. Tiết mục múa gươm xong, đoàn quan viên làm lễ tạ thần rồi kiệu được rước về đình. Các quan viên sau khi làm lễ thành hoàng mới tỏa về các nhà thờ họ lễ tổ và tham gia hành lễ cùng dòng tộc.

8h30 kiệu được tiến hành xuất phát từ các nhà thờ họ ra tập trung ở cổng làng theo thứ tự định sẵn.

Ban tổ chức hội chọn cử một người cầm cờ chỉ huy, nhất nhất phải tuân theo mệnh lệnh, nếu họ nào sai sẽ bị giáng cấp (trừ điểm thi đua).

Đúng chín giờ cuộc hành hội bắt đầu, theo thứ tự: đám ông nghè (họ Nguyễn Duy chi trên) đi đầu tiếp đến là ông cống (họ Nguyễn Dương), quan tấn nhất (họ Nguyễn Đức), họ Nguyễn Duy chi dưới, họ Nguyễn Thế, họ Nguyễn Thịnh và sau cùng là họ Nguyễn Tiến. Nhạc khí dùng trong đám rước cũng được quy định cụ thể như: tiến sĩ dùng khánh, hương cống dùng đạc, quan võ dưới hương cống dùng chuông, các dòng tộc cùng tổ tiên dùng trống.

Quần, áo, tàn, lọng, cờ, quạt, kiệu rước mỗi họ một vẻ khác nhau tạo nên một bức tranh đủ màu sắc. Riêng họ Nguyễn Thịnh có trang phục màu xanh khác hẳn vì dòng họ này có người được chọn làm thiếp của chúa Trịnh Kiểm.

Đám rước đi trong tiếng nhạc hội vừa như giục giã lại như khoan thai. Một không khí tưng bừng náo nhiệt, đầm ấm tình người, ai cũng như được tìm lại cội nguồn, nhớ ơn tổ tiên đã sinh thành ra lớp con cháu hôm nay.

Đám rước ra đến đình làng, kiệu được lần lượt hạ xuống. Thứ tự từng dòng họ rước nồi hương vào trong đình.

Nhất bắc đình (bên phía bắc của đình làng) có: Họ Nguyễn Dương, họ Nguyễn Duy (chi trên), họ Nguyễn Đức.

Nhị nam đình (bên phía nam của đình làng) có: Họ Nguyễn Di, họ Nguyễn Văn, họ Nguyễn Thế, họ Nguyễn Thịnh, họ Nguyễn Tiến.

Sau khi đã yên vị, ban tổ chức khai mạc hội làng truyền thống thôn Thụy Hà. Đoàn quan viên của làng (mỗi họ chọn cử hai cụ tham gia) làm lễ tế thần. Tế trong năm ngày mỗi ngày một lần vào buổi sáng.

Trong những ngày này dân làng tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao truyền thống như hát tuồng, quan họ, chơi đu, cờ tướng, chọi gà, nam nữ hát giao duyên.

Đến ngày 13 tháng Giêng theo truyền thuyết là ngày thần Cao Sơn cùng nghĩa quân rời Thụy Hà đi nơi khác cũng là ngày giã hội. Khoảng 13h chiều đoàn tế của làng tế giã đám, hóa mã xin được rước nồi hương của các dòng

họ về nhà thờ.

Lại lần lượt các dòng họ rước nồi hương lên kiệu. Đúng 18h30 chiêng trống nổi lên, kiệu lần lượt lên vai đi một vòng quanh sân đình để "từ thần" trở về các nhà thờ họ. Đi được hai phần đường đến đầu "Cầu Cháy" thì ban lệnh "nổi đuốc". Hàng trăm ngọn lửa thắp sáng cả đoạn đường như đêm hội hoa đăng. Tiếng trống, tiếng chiêng, sáo nhị như được ngân vang hơn bởi ánh đuốc bập bùng, đoàn người trẩy hội như được tiếp thêm sức mạnh. Ai nấy đều phấn khởi hân hoan như nhớ lại thế trận thuở nào ông cha ta đánh giặc, thắp sáng trong tim mỗi người niềm tự hào về mảnh đất quê hương đã gìn giữ một trang sử hào hùng của vùng quê Kinh Bắc.

Đám rước đến đầu làng tách dần tỏa về các nhà thờ họ. Nồi hương lại được thận trọng rước vào nhà thờ làm lễ an vị.

Lễ hội làng Thụy Hà đã qua đi nhưng âm hưởng còn mãi với thời gian. Sau lễ hội dòng họ nào được giải cao thì năm đó dòng họ được thịnh vượng và những người xa quê không thể nào quên một lễ hội làng mang đậm nét dân gian như vậy. Nhìn vào lễ hội ta không khỏi chạnh lòng dẫu cuộc sống còn nhiều vất vả song họ đã vượt lên tất cả để gìn giữ vốn cổ truyền của cha ông nhằm giáo dục thế hệ trẻ ngày hôm nay.

20 - HỘI THỊ CẤM

Thờ: Phan Tây Nhạc
Địa điểm: Thôn Hòe Thị, xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm
Thời gian: Chính hội 8 tháng Giêng
Đặc điểm: Treo nồi trước mặt, vừa đi vừa nấu

Tôi hiểu câu "xuân khứ, xuân lai, xuân bất tận" không chỉ là xuân còn mãi mãi, xuân của đất trời với đào mai khoe sắc, với oanh én liệng trời xanh... mà còn là xuân của lòng người. Đâu đâu cũng náo nức vào hội: hội pháo ở Bình Đà, Đồng Kỵ; hội chen ở Nga Hoàng; hội bơi ở Lạng Giang; hội vật ở Mai Động; hội rước nước ở Thị Cầu; hội thi cỗ mặn cỗ chay ở nhiều vùng quê Bắc Ninh, đặc biệt hội thi thổi cơm ở Thị Cấm, Hòe Thị (Xuân Phương, Từ Liêm).

Hội thi thổi cơm nơi đây thường tổ chức sau ngày câu nêu, tức là mồng 8 tháng Giêng. Đây là dịp biểu lộ lòng thành kính biết ơn tưởng niệm công đức đối với người anh hùng cứu nước Phan Tây Nhạc và củng cố khối cộng đồng làng xã nhằm làm tăng thêm sức mạnh.

Vào thời Hùng vương thứ 8 ở Thị Cấm có một chàng trai là Phan Tây Nhạc có sức khỏe hơn người, lại có tài văn võ được vua Hùng phong làm tướng, cho cầm ba vạn quân đi đánh giặc. Vị tướng soái này luyện quân rất nghiêm, không chỉ chú ý về võ nghệ binh pháp mà còn quan tâm đến cả hậu cần phục vụ, thường xuyên tổ chức thi thổi cơm

để chọn người hậu cần giỏi. Bởi vậy mà khi ông qua đời được quê hương tôn thờ làm thành hoàng và hàng năm đều mở hội thi thổi cơm để tưởng niệm người anh hùng cứu nước. người con tài ba của quê hương. hội thi thổi cơm trình diễn lại cảnh thi mà thuở xa xưa ông đã tổ chức trong quân ngũ và những dịp khao quân mừng thắng trận.

Ban giám khảo là cụ tiên chỉ làng cùng với các vị chức sắc và quan viên tư văn. Ban giám khảo có phân công nhau chuẩn bị một số điều kiện cần thiết như bình nước, niêu đồng. thể lệ cuộc thi. các giải thi. thông báo cho toàn dân để các giáp xin đăng cai. Thế là cả tháng trước và nhất là trong bảy ngày trước. giáp nào cũng nhộn nhịp chọn người sẽ giã gạo. sẽ kéo lúa. sẽ lấy nước. sẽ thổi cơm. sẽ rước kiệu thánh... Giã gạo phải là trai tân. rước kiệu phải là gái tân... chuẩn bị cờ quạt áo quần. chày cối. hội họp trao đổi. tập luyện làm cho không khí của làng xóm vui nhộn hẳn lên.

Đúng ngày giờ quy định. bốn giáp đem thóc của mình đến trước cửa đình mà chỉ một loại gạo tám thơm. đem cối giã dùng tay đến để đúng vị trí quy định. đội ngũ trai gái dự thi tề chỉnh sẵn sàng. Khi có pháo hiệu khởi động. ban giám khảo trộn đều thóc của bốn giáp rồi chia đều thành bốn cối. Pháo lệnh lại nổ. cùng nổ. cùng một lúc diễn ra hoạt động giã gạo. đi lấy nước. kéo lửa. nấu cơm. Bốn chàng trai khỏe mạnh. phục sức kiểu cổ. quì ở sân đình lúc này nhất tề chạy lại cầm chày giang thẳng cánh giã gạo. Gạo giã được chuyển sang sàng sẩy do các cô gái đảm nhiệm. Bốn chàng trai khác đóng khố thắt lưng màu (xanh. điều. vàng. tím) thì lại nhận

mỗi người một bình đồng có thể chứa đúng một lít nước bắt đầu chạy từ đình đến giếng cách xa 800 mét làm sao nhanh nhất mà không làm đổ vơi mất nước. Khi nước đã lấy về thì thóc giã cũng phải đã thành gạo trắng trong để kịp cho vào niêu mốt bằng đồng mà ban giám khảo phát, đồng thời người kéo lửa bằng hai thanh giang cọ xát vào nhau dưới có mồi rơm cũng phải kéo phát được lửa (tuyệt đối không được dùng diêm quẹt). Khâu lấy nước và khâu kéo phát lửa ai về trước hay xong trước được giải, ai chậm coi như thua, được phép xin của người thắng. Còn khâu gạo phụ thuộc vào nồi cơm. Cơm cạn vùi vào tro rơm nếp cho chín. Có thể làm nhiều đống tro vùi để ban giám khảo không thể biết đống tro nào có nồi cơm vùi trong đó. Thời gian qui định lấy cây hương đốt làm chuẩn. Hương cháy đến tầm nào thì ban giám khảo bắt đầu ra bê nồi cơm vào. Bê đủ cả bốn nồi, ban giám khảo chỉ vào đống tro vùi nào nếu có nồi cơm trong đó thì phải đưa vào ngay, nếu không có ban giám khảo lại phải đi một vòng qua các giáp khác rồi mới trở lại chọn.

Mỗi lần ban giám khảo chọn không đúng là một dịp rộ lên cười nói phấn khởi vì giáp nào cũng muốn kéo dài thêm thời gian để cơm chín tốt. Khi đã đưa vào đủ bốn nồi của bốn giáp, người được chỉ định mở nồi xới cơm đơm vào bát thờ để dâng thánh. Lúc này mới hồi hộp làm sao, hàng ngàn con mắt nhìn vào bốn bát cơm ấy chờ đợi ban giám khảo xem xét và tuyên bố kết quả.

Nồi cơm của giáp nào chín nhất, đều nhất, trắng nhất mới đủ tiêu chuẩn để đoạt giải nhất (không có giải

nhì, ba...). Mọi người tin rằng nếu trong hội thi thổi cơm này, giáp mình thắng thì năm đó dân làm ăn thịnh vượng.

Có thể có giáp thắng trong cuộc thi giã gạo hoặc cuộc thi chạy lấy nước hay cuộc thi kéo giang phát lửa nhưng thắng lợi lớn nhất mang tính tổng hợp và có hiệu quả cao là ở cơm. Cơm sẽ bị loại nếu gạo giã dối, sàng sẩy không kỹ còn đầu mày. Cuộc thi khó khăn là thế mà giáp Trung thường thường vẫn đoạt được, giáp Đoài thường hay đạt giải kéo phát lửa...

Hội thi thổi cơm ở Thị Cấm (Xuân Phương) thật không giống với Thuận Thành [1], Văn Giang và cả ở Tây Hồ [2], càng khác với hội thi thổi xôi ở Khắc Niệm (Tiên Sơn). Mỗi nơi một vẻ, có những quy ước giống và khác nhau. Nhưng xét cho cùng đều là truyền thống đẹp, có sức thu hút mãnh liệt, vừa đoàn kết tốt, vừa thi đua tốt, phát huy được thể lực trí lực, tạo cho mỗi người nơi đây biết tổ chức điều hành công việc... Phải chăng hội thi trên đã góp phần giữ gìn kỷ cương của một làng quê ven sông Nhuệ, đã góp phần giáo dục trai gái Xuân Phương tháo vát đảm đang và duyên dáng.

Nếu ai chưa đến, xin một lần qua thôi, vào dịp xuân sẽ thấy sức xuân trỗi dậy khỏe đẹp biết nhường nào.

---

(1) Ở đây mỗi người đeo một cần trúc ở sau lưng, đầu cần vắt ra đằng trước, treo một nồi nhỏ ở đầu cần, một tay cầm đuốc, vừa nấu vừa múa hát. Bên ngoài thì trống đánh vây quanh.

Có nơi vừa nấu cơm vừa giữ cho con cóc không ra khỏi vòng tròn đã vẽ.

(2) Ở Tây Hồ vừa đi thuyền vừa thổi cơm. Có vũ nữ.

21 - HỘI LÀNG BÀ GIÀ

Thờ: - Trang Mục đại vương một vị tướng phù thánh Gióng
- Bà chúa tằm Quỳnh Hoa

Địa điểm: Đình Phú Gia, quận Tây Hồ

Thời gian: 9 - 11 tháng Giêng

Đặc điểm: - Rước nước
- Hát ả đào (nhả tơ)

Cái tên "Bà Già hương" vẫn còn lại với khách khi đến vùng đất này. Kẻ Gạ, cái tên đó có từ thời Hùng vương của vùng quê nằm bên tả ngạn sông Hồng, nơi giao lưu của nền văn hóa Thăng Long và nền văn hóa Kinh Bắc, bến đò Xù đầu làng Gạ được ghi trong sách "*Đại Nam nhất thống chí*". Kẻ Gạ sau đổi là Bà Già hương. Đầu thế kỷ thứ VII (nhà Đường), Thứ sử Lư Anh đến ngủ ở làng, buổi trưa ông nằm mơ được gặp vị thành hoàng, tự xưng là người cai quản làng này. Tỉnh dậy, ông cho lập đình thờ và đổi tên làng là An Dưỡng phường, giáp hai huyện Long Đỗ và Từ Liêm. Đến thế kỷ XIII, khi nhà Nguyên xâm lược, dân làng đi đắp thành Đại La, bến Đông Bộ Đầu được vua Trần đổi thành Phú Gia xã. Năm 1942 làng này thuộc tổng Phú Gia, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông. Năm 1955 thuộc xã Phú Thượng, quận 5 ngoại thành Hà Nội. Từ năm 1961 thuộc huyện Từ Liêm, nay thuộc quận Tây Hồ. Mảnh đất của nền văn minh lúa nước sông Hồng

đã in đậm dấu ấn qua tục ngữ, ca dao, thần thoại và các nghề cổ truyền. "Ráo mồ hôi là hết tiền", cả làng đi cưa đi bổ để kiếm miếng cơm manh áo. "Đình Phú Gia, điền Phú Mỹ" ruộng đất ít nên trai làng phải vào Phú Mỹ để cày thuê cuốc mướn. Nghề ươm tơ dệt lụa được nhắc tới:

Xù, Gạ thì giỏi chăn tằm
Làng La canh cửu, làng Đăm bơi thuyền.

Có câu ca về hội làng:

Mồng bảy rước hội Quán La
Mồng mười hội Gạ kéo qua làng Xù.

Đình làng còn truyền tụng sự tích một vị thánh theo Phù Đổng đánh giặc Ân. Ngài bị chém ở cổ, khi về đến gốc gạo, dân chúng nhìn thấy máu loang đỏ bờ vai, ông phi ngựa đến giữa làng rồi ngã xuống. Ngày kỵ thánh làng là mồng 10 tháng Giêng, dân làng gọi chữ "chết" thành chữ "chít". Vị thánh có tên là Quán Đình Nhự. Bài vị ở đình ghi: "Khai nguyên địch giáo long trứ, uy hiển trung vũ hùng nghị Trang Mục đại vương" (Hoàng Tuấn dịch 2-1997). Bài vị này giúp xác định vị thành hoàng mà trong sách "*Việt điện u linh*" ghi nhận nhưng chưa xác định rõ ở làng nào.

Ngày hội đầu xuân phấp phới cờ ngũ sắc, già trẻ ăn mặc quần áo đẹp. Nhiều trò vui như: múa lân, múa sư tử, đấu võ, đấu vật, hát ả đào (hát nhả tơ), hát chèo. Đám rước có tàn, tán, phướn, cờ lọng, hai kiệu bát cống đi theo nhịp chiêng trống từ đình làng tới miếu Thượng ở Bãi Non, vòng qua đê tới miếu Vọng Giang ở Bãi Mật, lấy nước giữa sông Hồng để về làm lễ bài ban mộc dục.

Cỗ làng do 18 giáp đóng góp, mỗi giáp thịt hai lợn. Lợn luộc cả con cắt làm sáu, quả thủ (đầu lợn) phủ vải điều. Bò thui cả con. Xôi oản trắng. Hai làng kết chạ là Hải Bối và Quán La sang dự (ăn giải).

Các cụ kể về bà Chúa Tằm: Quỳnh Hoa là con Ngọc Hoàng đầu thai xuống nhà họ Trần được gả cho Liễu Nghị - tiến sĩ Hà Trung. Lúc quân Chiêm đánh Thăng Long, Trần Vĩ (cha Quỳnh Hoa) được sắc chỉ cầm quân chặn đường quân giặc. Quỳnh Hoa búi tóc giả trai chỉ huy quân đánh giặc. Khi về, triều đình phong Trần Vĩ làm Đô đài Ngự sử sau là phủ doãn phủ Phụng Thiên. Được ít lâu sau Liễu Nghị mất, Quỳnh Hoa xin về Nghi Tàm - nơi chồng dạy học, giúp dân thôn phát triển nghề tầm tang. Bà mất, được tôn làm nữ thần, có sắc phong của nhà vua: "Thượng đẳng phúc thần dực quốc" "Đổng hưu Quỳnh Hoa phu nhân" Có tới 60 đền thờ bà Chúa Tằm ở vùng ven sông Hồng.

Chùa Bà Già dựng từ đời Trần (1258), trước đây ở Quán La, đến đời Lê được di chuyển về đây, quả chuông ghi rõ Lê Chính Hòa (năm 1680 - 1705). Tấm bia đá khắc năm 1683 do Nguyễn Phác Phu - một thầy giáo từng dạy học ở Văn Miếu Quốc Tử Giám soạn ra. Văn chỉ xây năm Minh Mệnh 1835. Bản hương ước cổ ghi rõ 10 điều răn, hàng năm đọc để dân làng trừ bỏ hủ tục, xây nếp sống thuần phong mỹ tục. Làng nổi tiếng với nghề thổi xôi nấu chè, nấu rượu nếp, trồng hoa đào, hoa cúc. Gạo nếp chọn từ bến Bỏi, Vân Trì, men rượu mua từ Bồng Lai, Bá Giang. Hạt gạo là thứ nếp cái, nếp hoa vàng. Bà con bấm thời vụ

để gánh xôi đi bán rong trong các phố. Tháng Giêng, Hai: xôi đỗ xanh, xôi lạc; tháng Ba, tháng Chín: xôi đỗ đen, tháng Một, Chạp: xôi gấc. Xôi gấc Phú Gia để ba ngày vẫn dẻo thơm. Bà con hàng phố đón chờ mua để cúng giao thừa.

22 - HỘI ĐÌNH KIM MÃ HẠ

Thờ: Bố Cái đại vương, Hoàng Phúc Trung và đại vương Linh Lang
Địa điểm: Số 6 phố Kim Mã, quận Ba Đình
Thời gian: 10 tháng Giêng và 12 tháng Hai
Chính hội 10 tháng Giêng
Đặc điểm: Leo cầu. Thi thuyền nan. Thịt bò thui

Hội Kim Mã Hạ, phường Kim Mã, quận Ba Đình mở đầu cho lễ hội Thập Tam Trại trong những ngày đầu xuân. Kim Mã xưa nằm trong khu vực "Nhất xã tam thôn" gồm Giảng Võ, Kim Mã và Ngọc Khánh.

Đình Kim Mã Hạ thờ ba vị thành hoàng: - Phùng Hưng, Hoàng Phúc Trung và đại vương Linh Lang. Phùng Hưng (761 - 802) là vị anh hùng dân tộc được dân ta tôn kính như bậc cha mẹ dân. Năm Nhâm Tuất (602) Tùy Văn Đế phong Lưu Phương làm đại tổng quản thống suất 27 doanh quân xâm lược nước ta. Nhà Tùy đặt chức Giao Châu đại tổng quản. Năm 618 nhà Tùy mất. Nhà Đường đổi Giao Châu sang An Nam đô hộ phủ. Năm 722 ở Thiên

Lộc (Hà Tĩnh) Mai Thúc Loan nổi dậy chiếm Hoan Châu xây thành đắp lũy xưng là Mai Hắc Đế, được bảy năm thì mất. Đến đời Đường Đại lịch (766 - 799) hào trưởng Đường Lâm, xứ Đoài Sơn Tây là Phùng Hưng gia tư giàu có, sức khỏe phi thường. vật đổ trâu cày, đánh chết hổ dữ. Vì căm giận Cao Chính Bình thi hành thuế má nặng nề, hình phạt dã man, ông xưng là Đô Quan khởi nghĩa nhằm lật đổ chính quyền đô hộ. Nhân dân các ấp láng giềng theo về rất đông. Phùng Hưng mang quân tiến về Tống Bình. Suốt dọc đường hành quân, dân chúng nô nức đón mừng như đi trẩy hội. Nhiều người gia nhập nghĩa quân. Thành Tống Bình bị bao vây chặt, phủ đô hộ như cù lao giữa biển người mang khí giới trùng trùng điệp điệp. Cao Chính Bình lo sợ, ốm chết. Đô Quan Phùng Hưng giải phóng thành dựng nền tự chủ, đất nước yên bình. Được bảy năm ngài mất, nhân dân ta thương xót như mất cha mất mẹ. Niên hiệu Đô Quan là Bố Cái đại vương. Tấm bia mới phát hiện ở đình Quảng Bá cũng thờ Phùng Hưng cho biết thêm những điều chính sử chưa ghi rõ: "- Năm Tân Mùi (791) Cao Chính Bình chính sự bạo tàn, thuế khóa nặng nề, trăm họ không chịu nổi. Phùng Hưng họp các tướng bàn cách đánh giặc. Người hiến kế là Đỗ Anh Hàn. Dưới trướng có nhiều tướng như Thiệu An, Lăng Bình, Đỗ Nhưng, Triệu Cử, Hà Trại, Lục Thành, Lục Kiều... Phùng Hưng đốc suất đại binh chia làm ba cánh quân từ Sơn Tây kéo về. Có hai vệ quân do ông Thì, ông Điển bố trí đóng quân phía đông ngòi sông Tô để chặn đường quân giặc...". Đình Kim Mã cũng như nhiều địa phương Phùng Hưng đóng quân sau

này đều được nhân dânta dựng đền thờ. Đình xưa có ba gian thờ dọc, mái lợp ngói âm dương cổ kính. Năm 1946 giặc Pháp phá hủy. Dân làng vẫn giữ được thần phả, sắc phong cùng nhiều đồ thờ quý giá. Cỗ ngai cao 1,2m có nét hoa văn đầu thế kỷ XIX.

Hội Kim Mã Hạ hàng năm tổ chức vào 10 tháng Giêng đầu xuân và 12 tháng Hai giữa xuân. Ngay từ tháng Chạp. ban đại diện của tám dòng họ họp chuẩn bị lễ hội. Ba mươi hai trai gái khỏe mạnh, chưa có gia đình, hạnh kiểm tốt, nhà sạch bụi... phải ăn chay. tập luyện hàng ngày. Ngày 5 tháng Giêng, một đoàn các cụ già mang lễ tới chùa Kim Sơn. am Vạn Linh để tế, cúng tam sinh cho linh hồn các nghĩa quân Tây Sơn tử trận trong trận Ngọc Hồi - Đống Đa mùa xuân Kỷ Dậu (1789). Chính hội tổ chức vào ngày 10 tháng Giêng, kỷ niệm ngày Phùng Hưng mở tiệc khao quân chiến thắng. Một cụ già cầm cờ lệnh đi giật lùi trước đám rước hô Ha! Ha! Ha! Hi! Hi! Hi! Tiếng tù và rúc từng hồi. Đoàn rước rời khỏi đình làng với kiệu bát cống, sư tử, đi đánh bồng, tàn lọng, hỏa bài, cờ ngũ sắc. Rồi đội tế, đội dâng hương, quan viên chức sắc, đại diện của nơi kết nghĩa: Quảng Bá, Triều Khúc, Đường Lâm... mười hai làng của Thập Tam Trại. Đi hơn một cây số thì tới lăng Phùng Hưng (nay trong sân của Nhà máy đông lạnh Long Biên). "Phùng vương cố lăng" có cây si, cây đa, cây lan um tùm. Bệ tế ngoài trời, hai cột ghi câu đối:

Sự nghiệp anh hùng truyền vạn thuở
Tôn xưng cha mẹ hợp muôn dân

(Bản dịch)

Dân làng làm lễ thập bái xin chân nhang để rước về đình làng. Buổi trưa thụ lộc với thịt bò thui chấm tương gừng, xôi trắng dẻo. Chiều tối tưng bừng với nhiều trò vui dân gian: Tại ao tròn tổ chức đi cầu tre bập bênh. Ba giáp (Trung, Thượng, Văn) cử người đi ra giữa ao để giật cờ hồng. Ai thắng được thưởng vịt bầu Bến. Tại hồ đầu làng có thi thuyền nan. Ai về nhất được thưởng vuông nhiễu điều...

Hội Kim Mã Hạ nhằm tưởng nhớ Bố Cái đại vương, người anh hùng của dân tộc ở thế kỷ VIII. Người dân Kim Mã còn nhớ cố chủ tịch Trường Chinh khi về thăm nhà máy cơ khí Long Biên, người có dừng chân bên cố lăng đọc câu đối. Chủ tịch nói: "Thủ đô Hà Nội có hai di sản quí - lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và lăng Bố Cái đại vương, ta cần khảo cứu để giữ gìn tôn tạo cho các thế hệ mai sau".

23 - HỘI ĐỀN SÁI

Thờ: Huyền Thiên Trấn Vũ

Địa điểm: Làng Thụy Lôi, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh

Thời gian: 8 tháng Giêng - lễ các đền lân cận
Chính hội 11 tháng Giêng

Đặc điểm: - Rước vua giả, chúa giả
- Lễ ướm gươm

Từ đầu công nguyên huyện Đông Anh đã là đất Phong Khê, qua nhiều biến thiên của lịch sử để rồi đến thế kỷ XV gọi là huyện Đông Ngàn.

Nói đến Đông Ngàn là nói đến đất văn hiến, đã bao nhiêu tiến sĩ, thám hoa, bảng nhãn, cử nhân được sinh ra, thành đạt phụng sự cho nước nhà dưới các triều Lý, Trần, Lê, Nguyễn... và trong dòng chảy của lịch sử, từ buổi đầu dựng nước nói đến Loa thành không ai có thể quên núi Sái, nơi thờ đức thánh Huyền Thiên Trấn Vũ - một vị thánh tối thiêng của Đạo Lão, một trong bốn vị thần trấn giữ đất Thăng Long được mệnh danh là "Thăng Long tứ trấn".

Núi Sái hay còn gọi là Thất Diệu sơn nằm ở phía đông bắc của làng Nhội (làng Thụy Lôi, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh) một làng cổ có lịch sử lâu đời và truyền thống yêu nước, hiếu học. Câu chuyện Rùa Vàng gắn liền với sự tích vua An Dương vương xây thành Cổ Loa có liên quan chặt chẽ với địa danh núi Sái.

Truyền thuyết kể rằng: "Bấy giờ Thục vương đắp thành ở đất Việt Thường rộng nghìn trượng cuốn tròn như hình con ốc nên gọi Loa thành... thành cứ đắp xong lại sụp, vua lấy làm lo mới trai giới để khấn trời đất và thần kỳ núi sông rồi khởi công đắp lại... vua hỏi về nguyên do thành sụp, Rùa Vàng đáp đó là tinh khí của núi sông vùng này bị con vua trước phụ vào để báo oán nấp ở núi Thất Diệu. Trong núi có con quỷ, chúng có thể gọi lâu la họp đàn lũ quấy nhiễu làm cho thành sụp... Được thần Kim Quy trợ giúp trừ Bạch Kê Tinh nên thành ốc xây xong. Để tưởng nhớ đến công tích đó nhà vua đã cho xây đền thờ Huyền Thiên trên đỉnh núi Sái (gọi là núi Sái vì khi xưa Huyền Thiên làm sãi tu trên núi, sãi biến âm

thành sái. Ngôi đền ở trên núi nên gọi là núi Sái) đúc tượng thờ và hàng năm cứ vào mùa xuân là lại đích thân xa giá về bái yết. Nhưng về sau thấy đi lại làm hao phí tiền của, công sức của nhân dân nên đã cho phép dân làng Thụy Lôi thực hành nghi việc thiên tử, xưng quan tước, theo lệ vua mà làm cho mạch nước bền dân cư yên ổn mãi mãi như lệ.

Chính vì vậy có thể coi lễ hội rước "vua giả" hay còn gọi là rước" vua sống" của dân làng xa xưa là theo chiếu chỉ, theo lệnh của vua, về sau thành tập tục. thành lễ hội, thành sinh hoạt văn hóa của làng, của cả một vùng rộng lớn.

Mùa xuân sang, mùa của lễ hội, dân làng Nhội cũng náo nức hòa chung vui không khí hội hè. Công việc chuẩn bị rước "vua sống" có nhiều khâu, nhiều việc song việc quan trọng nhất là chọn "vua giả", "chúa giả" và các quan. Tập tục làng quy định các ông lão vào tuổi 55, ngày mồng 8 tết phải sửa hai mâm cỗ, mâm lớn dâng lên đền Sái, mâm nhỏ cúng thành hoàng làng. Mâm cỗ cúng thành hoàng sau đó được khao dân. Sau khi hoàn thành lệ làng người đó được gọi là quan thượng thính. Những người đã qua lễ thượng thính đến tuổi 60 được đóng làm quan "tứ trụ".

Quan tứ trụ gồm bốn người:

+ *Quan trấn thủ* - là người trấn ải biên thùy hàng năm được triệu về bảo vệ vua đi bái yết thánh.

+ *Quan tán lý* là người được bàn bạc công việc lớn của triều đình

+ *Quan đề lĩnh* là người lĩnh ấn tiên phong thi hành

nhiệm vụ

+ *Quan tự vệ* là người được đi sát vua, vừa là người bảo vệ vua.

Sau bốn năm làm quan mới được đóng làm chúa, vai chúa trước đây phải tự sắm lấy trang phục (thường là màu vàng), kiệu của chúa không lộng lẫy bằng kiệu của vua.

Người được đóng làm vua phải là người khỏe mạnh, không dị tật (khâu chọn người này từ lúc người làm lễ thượng thính, qua các lần đóng làm quan và chúa). Người có độ tuổi là 71 tự sắm lấy áo thụng, mũ cánh chuồn và một đôi hia, kiệu rước vua lọng lẫy sơn son thếp vàng.

Trong hội rước "vua giả" tất cả các động tác, tình tiết đều nhằm diễn lại tích xưa, ấy là việc vua cùng đoàn tùy tùng về bái kiến đức thánh Huyền Thiên; vì vậy, các ngôi thứ, võng lọng đều phỏng theo lối của triều đình.

Ngày 8 tháng Giêng các quan tổ chức đi lễ ở các đền xung quanh đền Sái như đền Thủy, đền Trung, đền Thượng...

"Vua giả" phải lo nuôi một trâu, một lợn, "chúa giả" phải lo một bò, một lợn để sáng 11 làm lễ giết trâu, bò, lợn tế thánh sau đó khao dân làng. Khoảng chín giờ sáng từ trong các ngõ không khí tưng bừng náo nhiệt, các dòng họ có người được chọn làm "vua", "chúa", "quan" lần lượt rước kiệu, võng ra tập trung tại đầu làng để bắt đầu cuộc hành hương rước lễ đi bái yết đức thánh Huyền Thiên.

Đi đầu đám rước là cờ, tiếp đến là kiệu chúa sau đó là kiệu vua có che tàn lọng sặc sỡ, uy nghiêm và sau cùng là

võng các quan: trấn ải, tự vệ, tán lý, đề lĩnh. Vua, chúa đi kiệu, các quan đi bằng võng, ăn mặc theo đúng tích xưa. Người khiêng kiệu và võng là các thanh niên trai tráng khỏe mạnh được trong họ chọn cử ra đảm nhiệm. Đám rước đi khoan thai trong tiếng nhạc, tiếng trống, chiêng và rợp trời cờ xí. Thỉnh thoảng kiệu "chúa giả" được tung hô, quay một hai vòng làm cho không khí càng thêm sống động. Động tác tung hô này thể hiện tính xông pha, tinh thần xung trận của "chúa" vừa có ý dẹp đường để "vua" đi.

Đám rước đến Đồng Châu, "vua" xuống kiệu lên gò Bái Vọng làm lễ bái vọng đức thánh Huyền Thiên trên đền Sái.

"Chúa" ngồi trên kiệu đến đền Thượng. "chúa" xuống làm lễ "ướm gươm" vào hòn đá ở sau đền (tượng trưng cho Bạch Kê tinh). Chúa chém ba nhát rồi đổ phẩm đỏ xuống đá, tục truyền ấy là động tác giết gà trắng. Sau khi làm lễ ướm gươm, "chúa" vào đền đứng vái trước bài vị của Cao Sơn đại vương rồi "biến mất". Dân làng khiêng kiệu không về đình.

Sau khi làm lễ bái vọng, "vua" cùng các "quan" về đình "ngự" để hành lễ. Cuối ngày 12 tháng Giêng diễn lại tích "chúa" đi hành hội trừ yêu quái: Sau khi đi hành hội ba vòng quanh đình có tứ giáp trong làng mang mào gà trắng đến trình "vua" coi như "chúa" đã diệt được ma gà và yêu quái.

Hội lễ rước "vua giả" được đông đảo mọi người tham dự. Hội thu hút một số lượng lớn nhân dân quanh vùng đền Sái và một vài tỉnh, huyện lân cận.

Ngày nay hội rước "vua giả" cứ mỗi năm một lần tổ chức theo nghi lễ cổ truyền song cũng giản tiện hơn xưa nhiều, như việc chọn người hoặc sắm đồ cúng lễ, khao làng... tất cả những trang thiết bị cần thiết cho một cuộc hành lễ được ban tổ chức hội chuẩn bị chu đáo. Tuy nhiên nó không mất đi vẻ đẹp riêng cũng như giá trị thẩm mỹ thiêng liêng của một lễ hội cổ truyền. Năm nào cũng "rước vua" trình tự cũng như vậy song khách thập phương không ngừng về trẩy hội và ngày càng đông hơn.

Cụm di tích đền Sái với lễ hội rước "vua giả" là địa chỉ hành hương du lịch hấp dẫn của huyện Đông Anh và thủ đô Hà Nội.

24 - HỘI LÀNG QUẬY

Thờ: Thủy Hải, Đăng Giang, Khổng Chúng, Tam Giang và Đông Hải
Địa điểm: Đại Vĩ, xã Liên Hà, huyện Đông Anh
Thời gian: 12 - 18 tháng Giêng
Chính hội 12 tháng Giêng
Đặc điểm: Nhiều trò vui

Làng Quậy xã Liên Hà đã được sát nhập về huyện Đông Anh năm 1961, xa xưa thuộc vùng đất cổ phủ Đông Ngàn gồm ba xóm có tên gọi riêng Quậy cá, Quậy sau, Quậy rào. Từ năm 1961 trở về trước thuộc huyện

Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Có diện tích tự nhiên khoảng 3,5km^2 với trên 3000 dân cư, sống đoàn tụ hàng ngàn đời nay, có truyền thống lịch sử lâu đời gắn bó mật thiết với di tích lịch sử Cổ Loa.

Theo truyền thuyết lệ rằng: Khi Thục Phán dời đô từ Bạch Hạc (Việt Trì) xuống đã chọn vùng đất Cổ Loa để xây dựng kinh thành. Người dân Cổ Loa xưa theo chiếu chỉ vua ban, đã dời làng đến vùng đất mới. Dân làng tâu lên: "Thánh thượng cho dân làng chúng con được ở nơi đâu". Liền đó được đức vua dùng hòn đá cuội, ném chỉ hướng về phía đông bắc. Điểm mới của làng cách trung tâm kinh thành Cổ Loa theo đường chim bay 6,5km. Từ đó làng Cổ Loa xưa được gọi tên mới là làng Cuội. Do gọi từ Cuội mọi người dân làng phát âm rất khó, nên đã đọc chệch thành Quậy cho dễ gọi.

Tên làng Quậy còn có một giả thuyết nữa, khi thực hiện chiếu chỉ, dân Cổ Loa xưa chưa thật yên lòng, vẫn còn điều buồn bực, tức dỗi, "cả quẫy". Không muốn mang cái tên chứa ẩn ý không đẹp, lời chưa hay, từ bao đời nay dân làng ở đây đã gọi chệch sang thành "Quậy" như tên gọi ngày nay.

Hàng năm cứ đến ngày mồng 6 tháng Giêng lễ hội Cổ Loa được tổ chức, làng Quậy đều tiến cử một đoàn bô lão gồm 12 cụ ra làm lễ đức vua An Dương vương. Đoàn được nhân dân sở tại "Cổ Loa" đón tiếp ân cần như tình anh em ruột thịt và rất vinh dự được làm lễ đầu tiên ở trên chiếu nhất, được đọc mật khẩu đức vua trao truyền

trên 2000 năm để lại trước anh linh của ngài. Làng Quậy ngày nay ngoài nghề nông, còn có những nghề phụ như mộc, nề, sơn mài, chạm khắc gỗ... Đình làng là một công trình kiến trúc nghệ thuật cổ kính đậm đà bản sắc dân tộc và đã được nhà nước công nhận xếp hạng di tích lịch sử văn hóa năm 1987. Đình làng thờ năm vị thần. Ba vị: Thủy Hải, Đăng Giang, Khổng Chúng là trai làng theo Hai Bà Trưng đánh đuổi quân xâm lược. Hai vị tướng Thủy Hải, Đăng Giang đã anh dũng hy sinh nơi trận tiền, còn Khổng Chúng tập hợp binh sỹ chiến đấu chống giặc tại quê nhà, cho đến khi người qua đời. Ba tấm gương sáng ngời lòng yêu nước kiên trung, chí khí quật cường, không khuất phục trước quân thù, con cháu truyền nhau gìn giữ và noi theo. Hai vị thánh nữa là đức thánh Tam Giang và Đông Hải là những bậc tiền nhân có công với nước.

Dân làng Cổ Loa thực hiện chiếu chỉ vua ban đến lập quê mới, nay là làng Quậy xã Liên Hà. Trước đó nơi đây gọi là ngõ Nguyên Hương (quê gốc) hay "Quậy trước". Khi đã có người ở hay dân Cổ Loa xưa vào lập làng mới gọi là "Quậy sau". Theo các mối quan hệ "nội-ngoại" dân người làng Quậy đã bao đời sát cánh bên nhau chung sống thuận hòa.

Hàng năm cứ mỗi độ xuân về, làng lại tổ chức tế lễ, dâng hương trước anh linh các vị thánh.

Ba xóm làng Quậy có chung một ngôi đình là nơi thờ chính của ngũ vị đại vương, một đôi nghè thờ vọng. Chuẩn bị vào đám, các giáp cử 12 vị ở độ tuổi 49 làm quan điều hành mọi mặt. Mọi việc được bàn định rất sớm, từ

ngày 10 tháng Mười âm lịch.

Từ tinh mơ ngày 12 tháng Giêng đám rước anh linh năm vị thánh từ nghè Quậy sau, sang đình Quậy đã diễn ra sôi nổi. Đi đầu đám rước là bộ phận dẹp đường gồm 2 - 3 ông, phục trang quần áo, người đi câu, đánh cá, gây sức hấp dẫn cho người xem hội.

Tiếp là đội múa nam, múa nữ. Nam mặc áo nâu, quần bó chít ống chân, nữ mặc áo tứ thân, váy đen. Họ đều mang thắt lưng bao nhiều màu sắc rực rỡ xanh đỏ, hoa hiên, hoa đào... rồi phường bát âm, tiếng nhạc đưa đoàn người bước theo nhịp trống hội. Tiếp theo là hương án và năm ngai thờ trên cỗ kiệu bát cống sơn son thếp vàng uy nghi. Cuộc rước bắt đầu từ sáng sớm nhưng phải đến mười giờ mới hạ kiệu hoàn cung. Sau đó là lễ tế.

Các quan đám đã túc trực trước hương án. Vị chủ tế đọc văn tế ca ngợi công đức các thánh.

Hội làng Quậy diễn ra trong bảy ngày.

Trong những ngày hội làng, không khí tưng bừng náo nhiệt gây sự hứng khởi tự hào về tổ tiên, về quê hương cho mọi người. Trong hội ban ngày có chọi gà, đấu cờ người, bịt mắt bắt dê, bơi ao, bắt vịt. Đặc biệt có hát giao duyên do các nam thanh, nữ tú đối đáp trực tiếp, hoặc qua hai đầu ống xuyên bằng một dây chỉ nhỏ có độ dài khoảng 10m. Đầu mặt căng sợi chỉ của hai bên nam nữ được bưng mặt ống bằng da ếch hoặc da trăn. Các liền anh, liền chị thường hát thâu đêm, suốt sáng theo điệu hát ví, sa mạc, trống quân.

Hội làng Quậy ngày nay đã có sự điều chỉnh: chỉ tổ chức trong ba ngày, riêng phần hội diễn ra một ngày. Buổi chiều ngày cuối, các quan đám lễ tạ và hội kết thúc.

25 - HỘI CỐNG YÊN

Thờ: Đại vương thánh Quảng Hồng

Địa điểm: Đền Cống Yên, Vĩnh Phúc, phường Cống Vị, quận Ba Đình

Thời gian: 13 tháng Giêng và 12 tháng Mười

Chính hội 13 tháng Giêng

Đặc điểm: - Ca trù

- Thi chọi chim

- Tổng Nội chín trại chớ nhầm
Liễu Giai, Giảng Võ lại gần Đại An
Thủ Lệ, Cống Vị là năm
Hữu Tiệp, Vạn Bảo, Cống An, Ngọc Hà

(Ca dao)

Cống An là trại Cống Yên nay thuộc khu Vĩnh Phúc 1, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội; trước năm 1945 thuộc xã Vĩnh Phúc, huyện Hoàn Long, Hà Đông. Xa xưa hơn thuộc Phố Khôi huyện Quảng Đức, kinh đô Thăng Long. Đền Cống Yên thờ đại vương Quảng Hồng thời Trần với di tích Bãi Võ, Ao Than, Giếng Ngọc...

Thời bấy giờ, tương truyền ở xã Lâm Xá, huyện Yên Định, phủ Thiệu Yên, đất Ái Châu, có người họ Nguyễn tên Châu, vợ là Bùi Thị Huấn. Ông bà là người phúc hậu, bản tính nhân từ, hay làm việc phúc, gắng làm điều nhân, phàm là việc cứu người làm phúc, đều hết sức làm theo, mọi việc mọi sự đều gắng làm điều thiện, duy chỉ hiềm nhà nghèo cảnh khó, không kế sinh nhai. Vợ chồng bèn nhặt nhạnh gia tư dắt nhau đi nơi khác lập nghiệp, kiếm ăn. Đi liền ba, bốn ngày thì tới khu Cống An, huyện Quảng Đức, phủ Phụng Thiên, thành Thăng Long. Vợ chồng thấy cảnh trí nơi đây phong tục thuần lương, liền vào làng xin được cư trú. Từ đó trở đi, vợ chồng làm nghề buôn bán kiếm sống qua ngày. Khi ấy, người vợ vừa tròn 38 tuổi, bà bỗng thấy trong người khang khác, rồi sau có mang. Bà sinh bé trai ngày 13 tháng Giêng năm Bính Ngọ. Cậu bé mặt mũi phương phi, hình dung tuấn tú, khác hẳn người thường. Bấy giờ bà vui mừng cho rằng phúc hữu trùng lai, thực là trời ban nên hết lòng chăm sóc. Đến khi lên ba tuổi thì đặt tên là Quảng Công (ông Quảng). Tháng ngày thấm thoát, đến khi ông vừa tròn 18 tuổi, thì võ nghệ tinh thông, tài năng nhất cõi, hùng tài dũng lược, sức mạnh siêu quần, vượt xa người khác.

Thời đó, vào năm Trùng Hưng triều vua Trần Nhân Tông 1285-1293 bỗng có giặc Nguyên là Ô Mã Nhi sang xâm lược nước ta. Tin biên giới báo về kinh đô, làm cho nhà vua đêm ngày lo lắng, phải đích thân cầm quân chinh phạt. Khi đi qua địa phận bản khu, lập đền hạ trại đóng quân,

nghe chuyện bản khu có người tài giỏi, nhà vua liền cho triệu ông cùng tham gia chinh phạt. Vua phong tước cho ngài là đại tướng. Đoàn quân Đại Việt tiến tới cửa sông Bạch Đằng. Ngài dẫn quân xông thẳng vào đồn địch. Quân giặc bị tấn công bất ngờ chết rất nhiều. máu chảy đầy sông, số còn lại kinh hoàng tháo chạy về nước. Giặc giã đã tan, nhà vua ngự giá tiến binh về triều, mở tiệc lớn khao thưởng binh sĩ cùng nhân dân, ban cho phẩm tước. So đó ngài dâng biểu tấu xin trở về quê quán thăm viếng phần mộ cha mẹ. Nhà vua bằng lòng và còn ban cho một bài thơ:

- Phong vân vận hội chọn hiền nhân
Vua bậc minh quân, tôi trung thần.
Yến tiệc liên hoan vui vẻ thế.
Anh hùng hội ngộ mãi ngàn xuân?

(Bản dịch)

Ngay ngày hôm ấy, ngài cùng đoàn hộ tống về quê bái vọng phần mộ tổ tiên, mở tiệc khao thưởng phụ lão cùng mọi người trong thôn. Nhân lúc nhàn nhã, ngài đi thăm thú các nơi, thấy một thế đất hình Qui (con rùa). Lúc ấy đang là giữa trưa, trên trời xuất hiện một đám mây vàng, rồi trời đất tối sầm, gió mưa sấm chớp nổi lên, thế là ngài hóa ngay tại nơi đó, ngày 12 tháng Mười. Một lát sau, trời quang mây tạnh, mây gió tan hết. Nơi ngài hóa mối đã đùn lên thành mộ[1]. Bấy giờ, nhân dân liền

---

(1) Mộ của đại vương, thánh Quảng Hồng vẫn còn hiện nay nằm trong khu Trường đào tạo công nhân Gốm Sứ... (Vĩnh Phúc I) cách đình 100m.

dâng biểu tâu triều đình. Nhà vua thương xót vị công thần có công lớn giúp nước, một lòng trung nghĩa, liền cử sứ giả mang sắc chỉ tới bản khu, truyền cho nhân dân lập miếu ngay tại xứ Phố Khôi để phụng thờ, còn ban thêm cho 100 quan làm tiền hương hỏa bao phong mỹ tự, ngàn đời thờ cúng.

Tên húy của ngài là "Quảng Hồng" cấm dùng,
Kiêng tên cha đức thánh là chữ "Châu",
Húy tên mẹ đức thánh là chữ "Huấn".

Miếu dựng tại xứ Phố Khôi, theo hướng Quý - Đinh (Bắc-Nam)

(Bản dịch của Nguyễn Thị Măng, Mai Xuân Hải)

Đền hiện lưu sắc phong: Thành Thái 1889, Duy Tân 1909 và Khải Định 1924... Nơi thờ đại vương, thánh Quảng Hồng là bệ lộ thiên ngoài trời, chung quanh um tùm bởi cây lim, cây gạo, cây dâu da. Hội Cống Yên tổ chức vào 13 tháng Giêng (ngày sinh) và 12 tháng Mười (ngày hóa). Dân làng tổ chức đoàn rước ba hòm sắc trên kiệu từ tam bảo chùa Phúc An qua đền, rồi quay lại nơi thờ đức thượng đẳng phúc thần.

Sau đội tế nam quan, tế nữ quan là các trò vui: hát ca trù, chọi chim, chọi gà. Giáo phường Phú Mỹ (huyện Từ Liêm) về hát thờ từ 8, 9 giờ tối đến sáng. Suốt đêm khói hương nghi ngút, trống lớn, chiêng to tấu điểm. Đào, kép, nhạc công thay phiên biểu diễn không nghỉ, các bản: Giáo trống, giáo hương, dâng hương, thất nhạc,hát giai, đọc phú, đọc thơ, gửi thư, múa đại thạch, múa bở bộ, múa

bài bông, tấu nhạc, múa tứ linh.

Không khí chiến thắng, tự hào sau những trận diệt thù cứu nước bừng bừng trong những hồi trống chiêng kèm lời ca tôn kính:

- Sinh võ từ thuở vị thành niên
Lớn lên lừng lẫy cả phụng thiên
Yêu nước, diệt thù hưng Đại Việt
Quảng Hồng ngời sáng đất rồng thiêng.

26 - HỘI LÀNG TẢ THANH OAI

Thờ: Đô Hồ phu nhân và vua Lê Đại Hành
Địa điểm: Làng Tả Thanh Oai, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì Hà Nội
Thời gian: Từ 14 - 16 tháng Giêng
Đặc điểm: Rước đêm

Làng Tả Thanh Oai cách trung tâm Hà Nội khoảng 13 cây số về phía tây nam, tên nôm là Kẻ Tó, có một thời gọi là ấp Hoa Xá. Đình Hoa Xá ở giữa làng bên phải đường bờ tả dòng sông Nhuệ. "Minh Ngự lâu" nghĩa là "lầu Ngự Sáng", nơi ở cũ của bà Đô Hồ, cách đình Hoa Xá chừng 500m.

Dòng sông Nhuệ quanh năm đỏ đậm phù sa, nơi ngày đêm thuyền bè qua lại, đã ghi dấu tích chiến thuyền của vua Lê Đại Hành đi đánh giặc Tống, vua Lê Lợi chống nhà

Minh. Chẳng biết từ bao giờ nơi đây lưu truyền câu ca:

Nhuệ Giang nước chảy quanh co
Nào ai xuôi ngược có đò em đưa...

Dòng sông, bến nước, con đò nơi xuất xứ của câu ca tình tứ ấy đã chứng kiến mối tình thơ mộng của vị vua nhà Tiền Lê với cô con gái làng Tó, thường mò hến ven sông Nhuệ, có công giúp vua làm nên nghiệp lớn nên trở thành Đô Hồ phu nhân. Dân làng hai bên tả, hữu sông Nhuệ nhiều nơi thờ vua Lê Đai Hành và bà chúa Tó. Cuộc đời của bà được dân chúng lưu truyền như chuyện cô Tấm của cổ tích Việt Nam. Nhưng không dừng lại ở chuyện kể dân gian, cô gái Tó - bà chúa Hến đã đi vào thơ văn bác học ở đình, ghi trên câu đối hoành phi, bài châm, thần phả... luôn được đặt trang trọng ngang với vua Lê Đại Hành.

Trong cuốn: "*Hoa Xá Lê đế phi miếu phả lục*" (tức phả lục miếu thờ vua nhà Lê ở Hoa Xá) do Hàn lâm đông các đại học sĩ Nguyễn Bính phụng soạn năm Hồng Phúc nguyên niên (1572) và được quan giám bách thần Nguyễn Hiền sao chép vào năm Vĩnh Hựu (1740) ghi rõ: "... Vua Lê Đại Hành mở kỷ nguyên Thiên Phúc, vẫn đóng đô ở Hoa Lư: Ngài cho quân đẵn gỗ làm cọc ngăn sông, thân làm tướng cầm quân đánh giặc. Tháng 10 năm ấy ngài ra quân, đồng thời sai người đi sứ lập kế hoãn binh.

Tháng Ba năm sau, quân Tống gồm thủy, bộ, tràn sang. Hầu Nhân Bảo và Tôn Toàn Hưng vào Lạng Sơn... Vua trực tiếp chỉ huy tướng sĩ đánh giặc, quân Tống thua to.

Bấy giờ vua Lê hành quân theo dòng sông Nhuệ. Dân các ấp dọc theo hai bờ sông đều đem tài lực ra giúp. Một lần, vua qua ấp Hoa Xá, tạm dừng quân để lấy binh lương, giờ ngọ, thấy một cô gái gánh gạo trong đám dân binh. Cô đội nón lá mặc áo vải thô, mắt sáng, mày thanh, mặt xinh như ngọc, miệng cười như hoa. Trong lúc nghỉ chân, cô xuống sông vốc nước rửa tay, có đám mây ngũ sắc che đầu. Nhà vua cho rằng người con gái ấy không phải tầm thường, và lưu tâm chuyện ấy.

Ít lâu sau, đánh tan giặc ở sông Đỗ Lỗ, thiên hạ thái bình, quân sĩ reo ca khúc khải hoàn rước vua về kinh đô Hoa Lư. Triều đình mở tiệc, thưởng người có công, rồi chọn ngày lành ngự giá Bắc tuần, về ấp Hoa Xá, bên tả giang mời dân làng ngự yến. Vua cho vời cô gái năm xưa, ban quần áo ngự, phong làm quý phi, sai bà tắm gội, thay áo mũ cùng xa giá về kinh. Lúc đó bà con, dân ấp vui mừng lấy làm vinh hiển. Vua Lê lại cấp tiền, ruộng đất để lập cung điện nơi vườn cũ gọi là "Đô Hồ phi cung".

Tháng Ba năm Ất Tỵ, niên hiệu Thiên Phúc, vua Lê băng hà tại điện Trường Xuân, táng tại lăng núi Trường Yên, từ đó nhiều nơi lập đền thờ. Dân ấp Hoa Xá lập đền thờ để ghi tạc công lao phá Tống giúp dân của ngài. Ngài là thánh vua đệ nhất thành hoàng.

Lúc thánh phi mất, dân làng hàng năm cúng giỗ, nơi ở cũ dựng lầu Minh Ngự, nhà cung phi sửa thành miếu điện.

Tục truyền phu nhân còn linh hiển giúp nhà Trần đánh giặc Nguyên, phù giúp vua Lê Lợi phá giặc Minh ở

Đông Đô, Ninh Kiều, Chúc Động... Lê Thái Tổ đã gia phong mỹ tự, sắc chỉ cho dân ấp sửa sang miếu điện phụng thờ.

Về Đại Hành hoàng đế, sử sách đã ghi nhiều, ông họ Lê húy là Hoàn, người châu Ái, cha là Mịch, mẹ họ Đặng, sinh ngày 15/7/941 (Tân Sửu). Một vài năm sau song thân lần lượt qua đời, ông bơ vơ không nơi nương tựa. Được viên quan họ Lê nhận làm con nuôi, chăm sóc dạy dỗ như con đẻ. Lớn lên theo Đinh Bộ Lĩnh, tính tình phóng khoáng được Tiên Hoàng khen là trí dũng bèn giao cho cai quản hai nghìn quân sĩ và rồi được thăng dần đến chức thập đạo tướng quân. Nhà Tống xâm lược, ông đem quân chống cự, rồi thay nhà Đinh làm vua, đóng đô ở Hoa Lư, ở ngôi 24 năm, thọ 65 tuổi.

Lê Hoàn lên làm vua năm Thiên Phúc thứ hai (981); một năm sau (982) lập thái hậu nhà Đinh làm Đại Thắng minh hoàng hậu cùng với Phụng Càn chí hoàng hậu, Thuận Thánh minh đạo hoàng hậu, Trịnh Quốc hoàng hậu, Phạm hoàng hậu - là năm hoàng hậu. Chúng ta biết Dương Vân Nga đã khoác áo long bào cho Lê Hoàn. Còn bà Đô Hồ vận động bên hữu giang đóng thuyền, bên tả giang góp gạo, chế ra bánh chè lam làm lương thảo cho quân sĩ góp phần vào sự nghiệp chống ngoại xâm của vua Lê. Liệu bà có phải là một trong bốn hoàng hậu còn lại hay không vẫn còn là ẩn số? Chỉ biết ở ấp Hoa Xá này, bà được thờ làm thánh hoàng cùng với vua Lê: thần phả, sắc phong, nhiều câu đối ca ngợi bà có công với dân với nước, đặt ngang hàng với vua Lê, trong đó có câu:

Đế, hậu đồng tôn tiền Lý hậu Đinh lưu thánh tích
Miếu, đình vọng tại khâm Tô đới Nhuệ thánh thần cư

Dịch nghĩa:

Vua, hậu chung thời trước Lý, sau Đinh lưu thánh tích.

Miếu, đình còn vọng vạt Tô, giải Nhuệ đẹp nhà thiêng.

Thần phả đình Hoa Xá không nói gì đến con cái của bà, nhưng ở đình Tổ Thị đầu làng, nơi thờ một vị tướng cùng xông pha trận mạc với vua Lê là Trần Phố Huế với bà vợ họ Ngô. Thần phú đình Tô thị cho ta biết thêm mối tình nồng thắm của bà với vua Lê và sinh được một người con gái, "... Đế quân, đế phi ngày càng yêu mến nhau, như đàn sắt đàn cầm, như chim loan chim phượng. Sinh hạ được một Lê công chúa, yểu điệu đoan trang, đến năm 12 tuổi bị ốm chết. Lúc công chúa mới sinh, đế phi giao cho phu nhân của Trần Phố Huế nuôi dạy, có nhiều công lao nên được vua Lê ban: Ngô Thượng Ban nhũ mẫu..."

Đình Hoa Xá quay hướng nam, tọa lạc trên khu đất rộng, địa thế đẹp về phong thủy. Toàn bộ các công trình kiến trúc được phân bổ từ ngoài vào trong một khuôn viên bề thế, khang trang theo chiều sâu gồm: Giếng đình - cổng ngọ môn - sân ngoài - tam quan - sân trong - hai dãy tả, hữu mạc - đại đình thiên hương - hậu cung - vườn. Một bên kề với dường làng, bên kia sát mép sông, hệ thống tường hương bao bọc ba phía tạo cho ngôi đình ở vị thế biệt lập, nép bóng dưới hàng cây muỗm cổ thụ.

Giếng đình theo quan niệm tụ thủy của người xưa. Qua ba bậc tam cấp đến cổng ngọ môn, bốn trụ xây cao, hai trụ chính cao đến 5m, đỉnh trụ đắp nổi hai con nghê quay vào nhau. Xuống ba bậc tam cấp gặp sân ngoài với hành lang và khu tạp cảnh chạy dài tới tam quan. Tam quan xây bề thế, hai trụ chính xây vuông, đỉnh trụ đắp hai con nghê, dưới trang trí tứ linh. Từ cổng lớn tam quan vào sân trong có hai ngựa đá đứng đón với đầy đủ yên cương, quả nhạc. Đôi ngựa này do Ngô Thì Nhậm cung tiến vào năm 1798 với bài "Cung tiến thạch mã văn" của ông. Sân trong rộng, lát gạch Bát Tràng, hai bên song song hai dãy tả mạc, hữu mạc. Đại đình nền cao 1m so với sân, thềm hiên bó đá hộc làm vỉa, có đôi rồng đá chầu phía trước. Đại đình kiến trúc kiểu chữ công, ba gian, bốn chái mái lợp ngói mũi hài, các đầu đao cong vút, giữa nóc mái đắp nổi hai rồng chầu mặt trời. Nhà thiên hương hai gian nối gian giữa của đại đình với hậu cung, ở vị trí cao nhất giữa tòa hậu cung ba gian để hai khám thờ có bài vị: "Đại Hành hoàng đế thầnvị" và "Đô Hồ phu nhân thần vị".

Minh Ngự lâu ở bên trái đường làng, lọt vào giữa vùng dân cư đông đúc. Xưa kia là miếu thờ bà chúa Tó, tương truyền là nơi ở cũ khi bà còn sống với cha mẹ. Trong "ngọc phả cổ lục" đã ghi rõ: "... Nơi ở cũ dựng lầu Minh Ngự, nhà cung phi sửa thành miếu điện..." Minh Ngự lâu là hai nếp nhà ba gian, hiện nay nhà sau đã bị hỏng. Như vậy khi bà qua đời, dân làng vẫn gìn giữ nhà ở, nơi thờ.

Tiếc rằng ngay chính quê hương bà, tư liệu về bà không được lưu giữ. Dân làng tưởng nhớ bà, lấy ngày 15 tháng Giêng tổ chức lễ hội là theo quan niệm "tết quanh năm không bằng rằm tháng Giêng".

Trong đình còn giữ được nhiều di vật quý gồm: thần phả, 16 đạo sắc phong, nhang án; khám thờ, hai cỗ hiệu; 8 đôi câu đối, cuốn thư, hoành phi... Những tư liệu thành văn về ngày tháng khởi dựng ngôi đình đã bị thất lạc. Nhưng dựa vào truyền thuyết, những chứng tích lịch sử cho ta biết những di tích ở đây đã có hàng nghìn năm. Còn hiện tại cụm di tích có phong cách kiến trúc thời Hậu Lê. Qua nhiều đợt trùng tu, sửa chữa nên đan xen một đôi nét kiến trúc thời đầu nhà Nguyễn.

Hội làng Tả Thanh Oai tổ chức từ ngày 14 đến 16 tháng Giêng. Năm nào cũng thế, cứ ăn tết xong, ngày mồng 4 tết, các vị chức sắc đã họp với các cụ cao niên bàn việc mở hội. Rồi sau đó phân bổ quân kiệu, chấp kích cho các giáp, phải trai tài gái giỏi mới được lựa chọn. Từ ngày mồng 10 đến 12 dân làng rẫy cỏ, sửa sang đường làng ngõ xóm, phát quang cây cối, tết cổng chào, cắm cờ chuối. Xem trong hai ngày 12, 13, ngày nào tốt thì làm lễ nhập tịch, mở cửa đình, lau chùi đồ thờ, sửa sang tàn, kiệu. Khi tập chồng kiệu, hàng giáp đến thị giá, tập kiệu theo hiệu lệnh đánh trống trở vai qua đầu từ sân trong đến cổng ngọ môn.

Lệ làng ngày xưa để hai mẫu ruộng giữa đồng chuyển cấy lúa nếp dành ngày lễ thánh. Đến ngày hội, số

lúa nếp ấy làm được 4 mâm cỗ, mỗi mâm 24 chiếc bánh dày, 24 chiếc bánh chưng, chè kho. Lễ thức cúng bà là mâm cỗ ngọc phải có chè kho, cà muối, canh đậu xanh, để ghi nhớ công người đã chăm lo lương thảo cho tướng sĩ phù vua Lê đi phạt Tống, bình Chiêm. Và cũng là một chu trình của cư dân trồng lúa nước: Dâng sản vật - cầu cho mùa tới được mùa - lễ tạ ơn.

Từ chập tối ngày 14 tháng Giêng, dân làng và khách thập phương đã tề tựu ở đình. Đến nửa đêm theo lệ rước thánh về Minh Ngự lâu. Đầu tiên là năm lá cờ ngũ hành, đến chiêng, trống đều có lọng che, thú kiệu vừa đi vừa đánh. Sau trống, chiêng tới gươm vàng, bát bửu, dùi đồng, tay văn, tay võ đi thành hai hàng. Cờ vía ghi tên hiệu đức ông được một tàn, một tán, một lọng che đi trước. Phường đồng văn vừa đi vừa múa sênh tiền, đánh trống cơm. Phường bát âm vừa đi vừa thổi sáo, kéo nhị, gẩy đàn. Kiệu long đình bày hương hoa, do bốn người khiêng. Bốn người nữa khiêng kiệu giá cổ ngọc. Kiệu hương án, bày bài vị, sắc phong cũng do bốn người khiêng. Kiệu ông do tám người khiêng, che một tàn và hai quạt vả. Kiệu bà đi sau kiệu ông cũng được che tàn và quạt vả, do nữ quan khiêng. Đi sau kiệu bà là các cụ "bát", cụ "thất" rồi đến dân làng và khách.

Đám rước hội đi giữa đường làng, bên phải nơi sinh sống của dân cư, nhà cửa san sát, bên kia dòng sông Nhuệ uốn quanh. Đám rước đi đến đâu tiếng chiêng, tiếng trống vang lừng, tiếng đàn sáo réo rắt đến đấy. Ở các

ngõ nhỏ, dân làng đốt đuốc, bày hương án thắp hương vái lạy khi kiệu thánh đi qua. Trong ánh lửa bập bùng, tiếng bước chân hòa nhịp với tiếng chiêng trống hào hùng. Đám rước với đủ sắc màu rực rỡ của cờ quạt, tán lọng và trang phục: bửu đầu đội khăn xếp, quần trắng, áo the đen thắt lưng bỏ giọt. Giai kiệu thì quần trắng, áo nỉ đỏ thêu chỉ vàng thắt lưng bên cạnh, đầu đội mũ, "thị giá". Nữ quan khiêng kiệu đầu vấn khăn nhung, áo mớ ba mớ bảy thắt lưng hoa lý.

Đến Minh Ngự lâu, kiệu ông, kiệu bà về ngự ở nhà trong, nhà ngoài để hương án, kiệu long đình và kiệu giá cỗ ngọc. Sáng sớm tinh mơ ngày 15, đoàn thị giá lên chùa rước nước ngũ sắc về để làm lễ bao sái, mộc dục, rồi đội mũ, đi hia, mặc áo hoàng bào cho thánh ông, thánh bà. Các giáp trong làng lần lượt khiêng cỗ về lễ thánh. Còn ở dưới đình tổ chức nhiều trò chơi: đánh cờ bỏi, đánh cờ người, đập niêu, bắt vịt, hát trống quân hai bên nam nữ đối đáp, bên nào thắng được thưởng.

Chập tối ngày 15 tháng Giêng: Rước thánh từ Minh Ngự lâu về đình. Đám rước đội hình như hôm rước lên. Đến nửa đêm tế, làm lễ "giải ngự bào". Sáng ngày 16 lễ tạ.

Vùng tả, hữu Nhuệ Giang đã ghi nhiều dấu tích của vua Lê Đại Hành từ kinh đô Hoa Lư đi phạt Tống: Đình Hữu Thanh Oai là nơi vua dừng kiệu, đóng trại, đi sang bên tả giang bị rơi giày ở làng Phú Diễn. Làng Hữu Thanh Oai, Phú Diễn lấy ngày hóa của vua Lê...(ngày 8 tháng

Ba) mở hội. Còn ở Tả Thanh Oai, tuy cũng thờ vua Lê nhưng lại mở hội vào ngày 15 tháng Giêng là ngày lễ trọng của cả năm để tỏ lòng thành kính với người con gái nghèo khổ, thường bắt cua mò hến vì có lòng yêu nước thương dân nên trở thành bà chúa Tó - bà chúa Hến, thành hoàng hậu của vị vua tài ba lỗi lạc nhà tiền Lê như ở trong thần thoại. Hiếm có nơi nào còn gìn giữ được những di tích độc đáo và cổ kính như ở đây. Và cũng hiếm làng quê nào lại tổ chức lễ hội với đám rước ngoạn mục vào ban đêm như ở Tả Thanh Oai. Đình Hoa Xá đã được công nhận di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật năm 1993.

27 - HỘI NGŨ XÃ NAM TRÀNG

Thờ: Phật Adiđà
- Thánh tổ Nguyễn Chí Thành

Địa điểm: - Đình, chùa Ngũ Xã, quận Ba Đình

Thời gian: 1 - 17 tháng Giêng
Chính hội 17 tháng Giêng

Đặc điểm: - Triển lãm sản phẩm đúc
- Chọi gà

Ngũ Xã bừng lên trong ngày giỗ tổ thánh sư nghề đúc đồng. Cổng chào đón khách từ đường Ngũ Xã ngang Trúc Bạch, khẩu hiệu chăng dài các ngả phố "Giỗ tổ nghề đúc Ngũ Xã" cùng cờ ngũ sắc, quốc kỳ. Không

phải chỉ có người dân Ngũ Xã Nam Tràng mà người xa xứ từ Hòn Gai, Hải Phòng, từ Thành phố Hồ Chí Minh, từ chốn quê tổ năm làng bên Thuận Thành (Bắc Ninh), Mỹ Văn (Hưng Yên) cũng rủ nhau về dự hội.

Nam Tràng - làng trong phố lọt thỏm trong khuôn viên của hồ Trúc Bạch đối diện với đền Cẩu Nhi (thời vua Lý Thái Tổ) chùa Trấn Quốc (thời Lý Bí) rồi đền Quán Thánh. Vào đầu thế kỷ XVII (có thể xa hơn) đất hẹp hơn bây giờ, còn những mỏm đình vàng, cỏ gianh mọc lút đầungười. Theo những người cao tuổi nói đường vào làng độc đạo, chỉ có chiếc cầu tre vắt qua lạch nước, nối phố Trúc Bạch và Lạc Chính. Sau mới làm cống xi măng rồi làm cầu xi măng. Các gia đình thợ đầu tiên từ Đào Viên, Đông Mai, Châu Mỹ, Long Thượng, Diên Tiến tức các làng cổ: làng Vườn, làng Đông, làng Mé, làng Rồng, làng Dí... bên Kinh Bắc vượt sông Nhị về kinh đô Thăng Long sinh cơ lập nghiệp. Nay là các phố Lạc Chính, Nam Tràng, Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Khắc Hiếu, Trần Tế Xương.

Phường đúc đồng Ngũ Xã nổi tiếng Việt Nam có thể so với phường gò đồng ở Đại Bái, Trà Đông, Cù Lao Phố, Phước Kiều. Nguyễn Huy Lượng tả:

Sen vũng nọ nảy tiền xanh lác đác, lửa đóm ghen năm xã gây lò...

(Tụng Tây Hồ phú)

Người Ngũ Xã có thể đến từ trước thế kỷ XVIII khi

hồ Tây, hồ Trúc Bạch thông nhau. Đường Cổ Ngư đắp năm Vĩnh Tộ (1620)... Bao bàn tay thợ tài hoa đã đúc tượng đồng đen Trấn Võ Huyền Thiên ở đền Quán Thánh năm 1667. Tượng cao 3,96m, nặng bốn tấn. Tượng mặc áo đạo sĩ, đen, xõa tóc, không đội mũ, tay giơ lên bắt quyết, tay chống kiếm xuống lưng con rùa... Người thợ cả là ông trùm Trọng đúc tượng cũng được làm tượng thờ bên cạnh thánh. Có một ngày hội khó quên với giới đúc là ngày chủ nhật 26/10/1952. 144 thợ Hà Nội và thợ các tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương, Sơn Tây cùng tham gia. Cụ Nguyễn Phú Hiếu tạo mẫu tượng; ba anh em ruột thợ cả có cụ Tùy, cụ Đối, cụ Tiếp. Đứng trên vai tượng rót đồng là ông Tuyết, ông Bột. Pho tượng đồng A Di Đà đặt ở chùa liền khối lớn nhất nước ta cao 3,95m, chu vi 11,6m, nặng 12,3 tấn đồng (có cả vàng do bà con công đức ném vào).

Thời điểm đúc tượng Bụt ở chùa Thần Quang, người đến đông như nêm cối. Thiện nam tín nữ đến cúng lễ và chứng kiến. Trên ban thờ nghi ngút khói hương, các lò nấu rực lửa ngọn xanh biếc... lâu lâu chiêng trống nổi lên động viên. Trong lúc đó đoàn thợ đúc 144 người luôn tay làm việc cần mẫn quy củ nhịp nhàng theo lệnh truyền từ máy phóng thanh. Đúng là một cuộc hành quân mà bao nhiêu động tác được tính toán và thi hành chính xác từng phút một để đảm bảo chỉ trong vòng ba tiếng đồng hồ, pho tượng khổng lồ phải đúc xong. Cao điểm của công tác đúc tượng là khi đúc đến vai Bụt thì vị Thượng tọa Thích Vĩnh Tường chủ trì, trịnh trọng bước lên bậc thềm cao nhất, nơi có sáu

lỗ đậu để rót đồng chảy vào, đúc đầu Bụt. Chính vào thời điểm cực kỳ quan trọng đó, vị sư mới bỏ những vật quý bằng vàng và bạc vào đồng chảy để chúng phân phối từ đầu tới toàn thân tượng. Ai cũng bùi ngùi xúc động với một cảm tưởng đi ngược dòng lịch sử của dân tộc Việt để trở lại với đời Hùng vương, mường tượng lại cảnh người dân Lạc Việt đúc trống đồng Đông Sơn ở châu thổ sông Hồng, đúc mũi tên đồng bảo vệ Cổ Loa, đúc súng đồng.

Đình Ngũ Xã tọa lạc trên phía đông của đảo, quay phía đông bắc, tiền tế năm gian, đại đình năm gian, ống muống và sâu bên trong là cung cấm có tượng đức thánh tổ bằng gỗ cao 1,7m. Đức thánh tổ là Nguyễn Chí Thành, hiệu Minh Không, tu ở chùa Keo. Theo lịch sử và truyền thuyết thì ngài quê ở làng Diềm, Gia Viễn, Ninh Bình, sinh ngày 14 tháng Chín năm Bính Thìn (1016) họ hàng ở Hán Lý, Phú Ninh Giang, Hải Dương. Gia đình làm nghề chài lưới. 29 tuổi học thiền phái Tì Ni Đa Lưu Chi. Năm 1057 theo Thảo Đường, từng tu ở chùa Hạ Trạch, Duyên Phúc. Chùa Diên Phúc sau là chùa Keo Thần Quang ở làng Hộ Xá. Năm 1062 cùng sư Nguyễn Giác Hải và Từ Đạo Hạnh sang Tây Trúc thỉnh kinh. Năm 1063 xây dựng chùa Nghiêm Quang sau là chùa Keo (đổi thành Thần Quang tự) ở Dũng Nhuệ (Thái Bình). Sông bên lở bên bồi ở thế kỷ XVII nên bên tả ngạn xây chùa Keo Hành Thiện cũng gọi chùa Thần Quang (Nam Định). Có nhiều sự tích về thánh tổ. Ngài cùng thợ đúc Việt Nam tạo ra tứ khí

thời Lý: tháp Báo Thiên, vạc Phổ Minh, tượng Di Lặc, chuông Qui Điền:

Túi đồng đã quẩy về Nam
Đúc nên tứ khí để làm chân tâm.

(Ca dao)

Năm 1138, Nguyễn Minh Không chữa khỏi bệnh cho vua Lý Thần Tông nên được phong là quốc sư. Ngài mất 22 tháng Tám năm Tân Dậu (1141). Đền ở 50 phố Lý Quốc Sư (Hà Nội) cũng thờ ngài.

Trong đình, hậu cung thờ thánh tổ còn gian hai bên phối hưởng thờ Yết Kiêu, đại vương Trần triều, mẫu nhị Vương Cô, tiên hiền, sơn thần thổ địa và tam thánh (Quan Công, Châu Xương, Quan Bình). Đình dựng năm 1677; trải qua nhiều đợt trùng tu: 1943, 1952, 1993... Cây đa dễ có từ khi lập làng vừa vòng tay của hàng chục người ôm tỏa bóng che đình làng, chùa làng. Từ bên đường Yên Phụ, đường Thanh Niên cũng nhìn rõ ngọn cây bên những nhà cao tầng lô nhô. Người dân Ngũ Xã tụ hội trong ngày giỗ tổ 1 tháng Một và hội xuân 17 tháng Giêng với nhiều trò vui dân gian: hát chèo, cờ người, chọi gà... Theo các cụ cao niên Nguyễn Thu Năng, cụ Nguyễn Phú Hiếu, cụ Lưu Văn Cần... xa xưa hơn không giỗ tổ ngày 1 tháng Một (ngày xây lại đình) mà giỗ vào 22 tháng Tám ngày kỵ thánh. Khoảng năm 1943 làng mở hội, giai kiệu gồm 36 người thay nhau ba lần khênh kiệu bát cống rước quanh năm làng,

họ mặc áo the, thắt lưng đỏ bỏ giọt. Ngày ấy giống như hội ở đền Lý Quốc Sư kỷ niệm thánh tổ. Ngày giỗ ăn xôi, thịt thủ lợn luộc chấm muối và giá dưa chua. Cụ trưởng Tập (đã khuất) đăng cai nuôi quân. Người ở tuổi 49 ra lệnh từ sáng sớm, mang hương hoa oản quả theo từng tốp vào lễ tổ. Nếu ở xa thì gửi hương và lễ vật về. Việc tế tổ phân công cho các trưởng chi họ hay các cụ trùm. Chức sắc không nhận vì không đại diện cho nghề. Lễ vật dâng ngày lễ tổ là cỗ soạn của các dòng họ: Nguyễn, Trần, Lê. Mỗi dòng họ biện một mâm ngoài xôi trắng, gà sống thiến có thể thêm phong bánh khảo, bánh đậu, xâu bánh gai để dâng cụ trùm. Người học nghề, ngày nhập môn rất trang trọng. Mở đầu: đốt pháo. Nếu mẻ đồng rót vào khuôn, đốt tiếp bánh pháo. Sau hội xuân, khoảng 20 tháng Giêng mới bắt đầu khai lò. Câu đối ở chùa Thần Quang (Ngũ Xã) cũng gợi về tổ nghề:

"Trăng sông Nhị chiếu cửa chùa, sử nhà Lý chép chuyện xưa thạch thất

Mây núi Nùng vờn cột trụ, trang Lĩnh Nam ghi chuyện cũ túi đồng!"

(Bản dịch)

Dọc phố Mạc Đĩnh Chi, Nam Tràng... người ta quây sới để tổ chức chọi gà, có khi đến mười đám. Họ chọn gà nòi di truyền của gà bố, gà mẹ. Chăm sóc gà chọi rất tốn công. Vào hội, người chủ có gà phải biết cái mạnh cái yếu của gà mình để chọn đối thủ. Gà chọi cũng như đô vật, có các miếng võ và lối đánh sở trường. Người xem xúm đông,

xúm đỏ, co vào, dãn ra, bình luận sôi nổi theo tiếng vỗ cánh, tiếng đạp chân của gà chọi. Người chủ thả gà vào chọi đến lúc mang gà về đều ân cần như với đứa con cưng của mình. Về dự hội xuân Ngũ Xã, ta còn được xem triển lãm nhỏ của các gia đình thợ đúc. Họ bày sản phẩm trên dãy bàn trải vải điều: đỉnh, lọ, nến, hạc, tượng lực sĩ Hy Lạp, tượng Phật, hổ, rồng, hươu, nai, trâu... và đặc biệt tượng đồng A Di Đà loại tiểu. Đi trong làng phố ta thấy khói lò phơ phất, tiếng máy âm vang của các tổ hợp đúc đồng, đột dập nhôm: Thành Đồng, Nguyệt Đức... Ra bãi An Dương, Nghĩa Dũng lại gặp tổ hợp Trúc Sơn và lò đúc của nhiều gia đình người Ngũ Xã... Người dân tự hào bởi đã đúc thành công chuông chùa Keo (Cổ Lễ), tượng Bác Hồ toàn thân ở đồi "79 mùa xuân" Thanh Tước, tượng Quan Âm ở chùa Hương, tượng Liễu Hạnh ở phủ Tây Hồ... Gần đây bà Ngô Thị Đan được phong danh hiệu "Bàn tay vàng" bởi các sản phẩm đúc đồng mỹ nghệ truyền thống.

28 - HỘI CHỬ ĐỒNG TỬ

Thờ: - Đức thánh Chử Đồng Tử (một trong Tứ bất tử).
Công chúa Tiên Dung. Tiên Sa, Mẫu y thiên hạ

Địa điểm và thời gian mở hội:

1. Hội làng Chử Xá, xã Văn Đức, huyện Gia Lâm.
Ba ngày 17 - 19 tháng Giêng
Chính hội 18 tháng Giêng
2. Hội làng Đa Hòa, xã Bình Minh, huyện
Châu Giang, Hưng Yên. Từ 10 đến 15 tháng Ba
3. Hội làng Dạ Trạch, xã Dạ Trạch, huyện
Châu Giang, Hưng Yên từ 10 đến 12 tháng Hai

Đặc điểm: - Thi bánh dày
- Lễ rước nước trên sông
- Lễ rước phát du

1. Hội làng Chử Xá

Chử Xá nghĩa là nhà ở của họ Chử. Nhưng Chử Xá là tên một làng. Không rõ từ bao giờ Chử Xá đã trở thành tên ấp, tên làng, nhưng một điều có thể khẳng định: làng cổ ở ven sông Nhị Hà (tức sông Hồng), làng này còn có tên nôm là làng Sứa. Chử Xá là làng quê gắn liền với truyền thuyết Chử Đồng Tử, một trong bốn vị thánh bất tử trong tâm thức dân gian Việt Nam. Chàng không chỉ là con người hiếu thảo, nhân ái, thuần hậu, chinh phục được lòng người, mà còn là biểu tượng của một chí hướng phát triển mới của cả cộng đồng xã hội.

Sách *Lĩnh Nam chích quái* ghi: "Vua Hùng thứ 18, có người con gái tên là Tiên Dung, nhân sắc tuyệt trần, đến mười tám tuổi nhưng không có ý định lấy chồng, chỉ thích du ngoạn những thắng cảnh của đất nước. Lúc bấy giờ ở làng Chử Xá có chàng trai tên là Chử Đồng Tử, mẹ mất sớm, nhà nghèo, hai cha con chỉ có một cái khố vải. Vì thế, khi nào ai đi đâu ra khỏi nhà, mới dùng khố. Ngày nọ, người cha ốm nặng, dặn con: "Khi nào cha chết, con cứ chôn mình trần, giữ khố lại mà mặc". Thương cha nên khi chết, Chử Đồng Tử vẫn quấn khố chôn cha tử tế, còn mình đành chịu rét. Một hôm, đang ngâm mình mò cá dưới sông, chàng nghe vang tiếng trống, chiêng, tiếng đàn sáo, rồi một chiếc thuyền lớn đầy kẻ hầu hạ tiến tới. Đó là du thuyền của công chúa Tiên Dung. Chử Đồng Tử hoảng hốt bèn chạy tới khóm lau thưa trên bãi, bới cát thành hố, nằm xuống rồi phủ cát lên mình. Thấy cảnh đẹp, Tiên Dung ra lệnh cắm thuyền dạo chơi trên bãi cát, rồi cho vây màn ở khóm lau mà tắm. Nước dội làm trôi cát đi, để lộ thân hình chàng trai cường tráng. Cả hai đều ở trong tư thế tự nhiên như lúc lọt lòng mẹ. Sau cơn bàng hoàng, công chúa hỏi: "Ngươi là ai, sao lại ở chốn này?" Chử Đồng Tử kể lại hoàn cảnh của mình.

Nghe xong công chúa cảm động mà rằng: "Ta đã nguyện không lấy chồng, nhưng nay có sự thế này có lẽ do trời xui khiến", bèn sai người lấy quần áo cho Chử Đồng Tử rồi mời chàng lên thuyền, mở tiệc ăn mừng cuộc giai ngộ chưa từng có.

Tin này truyền đến kinh đô, làm cho vua cha nổi cơn thịnh nộ. Hay tin, Tiên Dung lo sợ, không dám về, cùng chồng mở hiệu buôn bán. Rồi Chử Đồng Tử theo một nhà buôn, đi tới các vùng biển xa xôi được một nhà sư truyền đạo. Khi về chàng được tặng một cây trượng và một chiếc nón.

Chử Đồng Tử bàn với Tiên Dung, bỏ cơ nghiệp để tìm thầy học đạo. Trên đường viễn hành, trời tối, xa làng xóm, hai người bèn cắm gậy, che nón tạm trú ở giữa đường, đến canh ba bỗng thấy xuất hiện thành quách lâu đài, có đủ tướng sĩ, thị vệ, văn võ bá quan như một triều đình thực thụ.

Hùng Vương nghe tin, cho rằng con gái làm loạn, bèn sai quân đến dẹp. Nhưng nửa đêm, có một cơn gió lớn nổi lên chỉ trong khoảnh khắc, cả thành quách cùng người, vật, bay tản lên trời, đất chỗ đó chỉ còn là bãi cát và một cái đầm lầy lớn. Người đời sau gọi nơi này là bãi Tự Nhiên và đầm Nhất Dạ (Nhất Dạ trạch, đầm sinh ra trong một đêm).

Thần tích do Nguyễn Bính soạn vào đầu thế kỷ XVI còn kể thêm: "Trên đường chu du, hai người đã gặp một thanh nữ xưng là tiên nữ Tây cung, sau đó nàng bằng lòng làm thiếp Chử Đồng Tử theo lời đề nghị của Tiên Dung. Tiên nữ Tây cung còn gọi là Tây Sa - giỏi nghề thuốc được suy tôn là Mẫu y thiên hạ. Với cây gậy thần, cùng tài năng bản thân, ba vợ chồng Chử Đồng Tử đã cứu hàng trăm dân lành bị bệnh dịch và dạy dân trồng lúa, nuôi tằm, dệt vải. Về sau, cả ba người đều bay về trời.

Sau khi đã về trời, tương truyền Chử Đồng Tử nhiều

lần hiển linh cứu giúp đất nước chống giặc ngoại xâm. Thế kỷ thứ VI, Triệu Quang Phục tới vùng đầm lầy Nhật Dạ làm căn cứ chống lại quân xâm lược nhà Lương, Chử Đồng Tử đã hiển linh trao cho Triệu Việt vương chiếc móng rồng để gắn vào chóp mũ, từ đó Triệu Quang Phục có thêm sức mạnh, uy tín, đánh bại đối thủ, chặt đầu Dương Sằn, quân thù bỏ chạy tán loạn. Tương truyền khi quân xâm lược nhà Minh sang xâm lược tiêu diệt nhà Hồ, chiếm đóng nước ta, Nguyễn Trãi quyết định đi tìm minh chủ, mưu đồ giải phóng đất nước. Ông và Trần Nguyên Hãn đã đến nằm mộng ở đền Chử Đồng Tử. Họ đã được báo mộng là Lê Lợi ở Lam Sơn sẽ ra tay cứu nước và lên làm vua, nhờ thế họ đã tìm gặp Lê Lợi và phò giúp Lê Lợi làm nên nghiệp lớn.

Đền thờ Chử Đồng Tử - Tiên Dung - tiên nữ Tây cung ở làng Chử Xá trước thuộc tổng Đại Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh; sau năm 1945 thuộc về tỉnh Hưng Yên, từ năm 1961 thuộc xã Văn Đức, huyện Gia Lâm - Hà Nội. Qua cầu Chương Dương rẽ tay phải theo đê sông Hồng về Bát Tràng làng gốm, đi thêm chừng ba cây số là tới Chử Xá - một vùng quê êm ả, sông nước hữu tình, đất bãi bồi mênh mông, bát ngát màu xanh của ngô và rau. Đền có ba dãy (mỗi dãy gồm năm gian) và một hậu cung, các cột đều sơn son, kè bẩy chạm trổ [1], lợp ngói

---

(1) Kè bẩy chạm trổ: mấu nối giữa cột ngang - cột dọc ngôi đền có trang trí hoa văn.

ta, nhìn ra bãi Tự Nhiên và gần đầm Dạ Trạch (thuộc làng Đa Hòa, huyện Châu Giang, Hưng Yên). Trong đền còn giữ được nhiều hoành phi, câu đối thờ, khám thờ, long ngai các vị thánh và bài vị. Cách đền 800 mét có lăng mộ và tượng thân phụ, thân mẫu Chử Đồng Tử. Hàng năm lễ hội diễn ra vào ba ngày liền là 17, 18, 19 tháng Giêng.

Dù ai đi ở nơi đâu
Tháng Giêng, mười tám bảo nhau mà về
Dù ai lâu đã xa quê
Nhớ lấy mà về: mười tám tháng Giêng.

Ngày 18 là ngày chính hội, đông vui nhất. Hàng tháng trước, cả làng đã chung lo cho ngày hội của làng mình. Đường sá phát quang, dọn sạch, cờ ngũ sắc cắm từ cổng làng, dọc theo đường làng, xung quanh đền và lăng. Đó là những ngày phấn chấn nhất, già như trẻ lại, trẻ như khỏe thêm. Xóm làng nhộn nhịp từ lúc gà gáy tan canh cho đến tận đêm khuya.

Ngày 17: làng vào hội. Đầu tiên là lễ rước nước. Lần lượt hàng cờ đi trước, tiếp đến hàng bát bửu rồi đội chống chiêng và kiệu thánh. Đi sau kiệu là các cụ bô lão, các chức sắc, các vị tư văn rồi tới dân làng. Tất cả nhằm hướng bờ sông mà tiến theo nhịp trống chiêng. Một con thuyền gỗ có cắm cờ thần, đợi sẵn bến sông. Cụ chủ tế mặc áo quần đỏ, đội mũ đi hia tế bước lên thuyền cùng một số trai làng gọn gàng trong y phục trắng có nẹp viền đỏ xanh vàng. Thuyền chèo ra giữa sông, chọn dòng nước trong, cắm sào dừng lại để cụ chủ tế múc nước vào cái chóe nhỏ.

Rồi đoàn rước nước quay về đền, bắt đầu làm lễ mộc dục.

Ngày 18: làng rước kiệu thánh từ đền đến lăng và tế lễ với ý con chào bố mẹ. Đặc biệt ở Chử Xá có tục dâng cúng bánh dày. Bánh dày là cỗ thi của bảy giáp. Mỗi giáp một mâm cỗ. Đây là loại mâm bàn sơn son và chạm trổ. Hoa quả để ở trên, bốn cạnh mâm có lỗ vuông đăng đối gồm 22 lỗ, mỗi lỗ đặt một bánh dày, cả mâm là 22 bánh. Khiêng mâm bàn này là 8 thanh nữ, mặc áo quần trắng, thắt lưng đỏ, đầu bịt khăn xanh. Khênh bằng 3 đòn cái, 4 đòn con. Ban hội đồng (gồm tiên chỉ và chức dịch của làng) kiểm soát lễ vật dâng cúng để thưởng và phạt, thưởng thường là mấy vuông vải điều, hoặc chai rượu, phạt cũng chỉ có sửa chầu rượu để tạ mà thôi, nhưng về tinh thần có ý nghĩa lớn lao, mọi người tin rằng năm đó, giáp mình sẽ làm ăn thịnh vượng hay suy giảm, do đó ai cũng phải cẩn trọng trong cuộc thi này. Từ việc chọn từng hạt gạo nếp, ngâm gạo nước trong, vớt cho ráo, rồi cho vào cái thống (40kg gạo) đồ chín thành xôi, đem giã nhuyễn mịn, xoa tay bằng lòng trắng trứng gà để vắt thành từng chiếc bánh dày, làm sao cho bánh trắng, mịn nhuyễn, đẹp...

Bánh dày ở Chử Xã ăn với dừ. Theo người cao tuổi làng kể thì dừ là một loại cháo gạo nếp nấu với mỡ, ăn vừa béo vừa thơm (dừ hay là nhừ chăng?)

Ngày 19: lễ tạ và đóng cửa đền.

Từ chiều ngày 17 cho đến hết ngày 19 tháng Giêng, ngoài các nghi thức tế lễ còn nhiều trò chơi, trò diễn làm vui cho hội như đánh gậy, xếp chữ... đánh gậy là biểu hiện

tinh thần thượng võ, mục đích xưa kia là để rèn luyện thân thể và để giữ làng giữ xóm, chống tệ nạn cướp từ nơi khác đến. Nhờ thế mà khi quốc gia lâm biến, trai làng sẵn sàng lên đường cứu nước. Ví như vào năm 1370 đời Trần Nghệ Tôn, vua đi từ Đà Giang theo đường sông vào Thăng Long dẹp loạn Hôn Đức công Dương Nhật Lễ, trai làng với gậy tre thô sơ đã kéo theo sau thuyền vua đi dẹp loạn, sau còn theo giúp nghĩa quân Nguyễn Thiện Thuật...

Tre làm gậy phải là tre đực, mắt đều, thân thẳng rồi chặt về đẽo gọt cẩn thận, hơ vào lửa nắn chỗ nào cong. Khi tập phải có võ sư hướng dẫn cách đánh, cách đỡ, cách tiến, cách lui, cách một chọi ba hoặc trong bốn ngoài ba, trong ba ngoài hai v.v... Đội múa trống gồm 18 người, 10 người mang trống con, hai người mang trống cơm, bốn người mang thanh la và hai người đánh bồng. Khi đội nam và đội nữ tế xong thì đến lượt đội múa trống, vừa múa vừa đánh trống và lượn xếp thành chữ. Đó là bốn chữ Hán "thiên hạ thái bình". Đội này phải chọn các cô gái xinh đẹp, người thon, mặc áo mớ bảy mớ ba, thắt khăn bao màu.

Xin mời du khách hành hương về Chử Xá. Tới đây sẽ thấy tâm hồn thư giãn trước cảnh quan thiên nhiên khoáng đạt, các di tích lịch sử văn hóa được bảo tồn và Chử Xá đang trên đà đổi mới, đã xóa xong nạn đói nghèo. Người dân Chử Xá hồn hậu, chất phác, trọng nghĩa tình và mến khách.

2. Hội làng Đa Hòa

Đền Đa Hòa được dựng trên một khu đất bằng phẳng rộng hơn 18.000m^2, mang nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc thời Nguyễn, 18 ngôi nhà lớn nhỏ, có nóc hình con thuyền mũi cong, biểu tượng của sông nước, mái lợp ngói vẩy cá, bên trong kèo, cột, cửa võng, hương án đều chạm trổ rất tinh vi. Di tích chia làm hai khu. Khu ngoài không có tường bao, rộng trên 7.000m^2 có nhà bia, có cửa trổ ra bốn hướng, nằm dưới bóng đa cổ thụ, phía trước là dòng sông Hồng mênh mông. Khu trong gồm có ngọ môn, nhà Đại lễ, tòa Thiêu hương, cung Đệ Nhị, Đệ Tam. Các pho tượng của Chử Đồng Tử và nhị vị phu nhân có độ cao bằng nhau được đúc bằng đồng, mặtđược sơn màu da, kẻ mắt, đặt ở hậu cung.

Trước năm 1945, cứ ba năm một lần, đền Đa Hòa mở hội hàng tổng từ 10 đến 15 tháng Ba. Trong hội có tổ chức lễ rước kiệu của tám làng thuộc tổng Mễ Sở cũ về Đa Hòa để trình Đức Thánh.

Mấy năm gần đây, hội mở lại, đông vui như xưa, sau lễ khai mạc ôn lại truyền thuyết về cuộc đời của đức thánh Chử Đồng Tử và nhị vị phu nhân là lễ rước nước từ giữa dòng sông Hồng về đền để tắm tượng (mộc dục).

Đi đầu đám rước là hai con rồng vàng lộng lẫy do mười người điều khiển, uốn lượn theo nhịp trống phách dồn dập. Tiếp đến là đội tế nữ trong những bộ xiêm y dài đủ màu sắc. Rồi đến ban nhạc lễ dẫn kiệu thánh có lọng che hai bên cùng bát bửu, chấp kích. Ché đựng nước được

treo bằng bốn dải lụa đỏ trên kiệu do 8 cô gái khiêng. Dân chúng nối nhau theo đám rước kéo dài ra tận bến sông.

Bên kia sông, trên bãi Tự Nhiên, thuộc làng Ngự Dội, một đoàn cờ xí rợp trời đang chờ để tham gia đoàn rước về trình thánh.

Đám rước được chở trên hàng chục chiếc thuyền với nguyên cờ xí và đồ lễ tự. Sau tràng pháo nổ, tiếp theo mấy hồi trống cùng tiếng nhạc, đoàn thuyền bắt đầu rời bến, lượn vòng trên mặt nước như để diễn lại cảnh du ngoạn của công chúa Tiên Dung thuở nào khi chiếc thuyền mang ché ra đến giữa dòng để lấy nước thì các thuyền khác lượn quanh thành một vòng tròn.

Một cụ già trên thuyền mặc lễ phục, tay cầm chiếc gáo sơn đỏ, múc từng gáo giữa dòng nước chảy, trân trọng đổ vào ché. Xong, đoàn thuyền quay về bến cũ để trở về đền trong tiếng trống chiêng, pháo nổ vang rền.

Lễ rước nước đưa người xem trở về không khí hội làng xưa. Trong bản chất, lễ này mang rõ nét tín ngưỡng cầu nước của cư dân nông nghiệp lúa nước. Sau lễ dâng hương là các trò chơi như vật, đánh gậy, cờ người... diễn ra trên sân tòa Thiêu hương. Đêm đến có hát ả đào hoặc hát chèo.

3. Hội làng Dạ Trạch

Sách *Lĩnh Nam chích quái* ghi về ngôi đền làng Dạ Trạch: "Sau khi Chử Đồng Tử và nhị vị phu nhân bay về trời, thổ dân lập đền thờ bốn mùa cúng lễ, nơi đây gọi là

chằm Nhất Dạ". Sách *Đại Nam nhất thống chí* có đoạn: "Đền Dạ Trạch ở huyện Đông Viên... thờ Chử Đồng Tử và Tiên Dung công chúa".

Nhà nước ta đã công nhận đền Dạ Trạch là di tích lịch sử văn hóa năm 1988.

Ngôi đền hiện nay với kiến trúc cận hiện đại, được trùng tu vào năm 1890. Hướng đền quay về phía đông, bên trong có hai bia đá đề niên hiệu Gia Long thứ 17 (1819) và một chuông đồng lớn đúc năm Thành Thái thứ 14 (1902). Trước đền có hồ bán nguyệt, qua hồ bán nguyệt đến sân. Đền được xây theo kiểu chữ công, gồm ba tòa nhà, trên mái có đắp hình long, phượng, chạm trổ tinh vi. Gian ngoài cũng là nơi đặt bàn thờ các vị thần Trời và thần Biển. Gian thứ hai là nơi phối tự, có bàn thờ công đồng, bàn thờ Thổ công và bàn thờ Ông Bế (tín ngưỡng thờ Cá nguyên thủy của cư dân đầm lầy) và bàn thờ Phật. Gian cuối là hậu cung, bên phải thờ hai vị thân sinh Chử Đồng Tử, bên trái là bàn thờ Triệu Việt vương (Triệu Quang Phục), chính giữa là ba pho tượng đức thánh Chử Đồng Tử, công chúa Tiên Dung và tiên nữ Tây cung.

Tại đền Dạ Trạch, hàng năm vẫn tiến hành việc thờ cúng vào các ngày:

12 tháng Tám: ngày sinh Chử Đồng Tử.

17 tháng Một: ngày "hóa" (cả ba vị bay về trời).

Nhưng lễ hội chính, tưng bừng náo nhiệt nhất, thu hút khách thập phương đông nhất, được mở vào các ngày 10, 11, 12 tháng Ba. Mở đầu là lễ rước nước. Đám rước

tương tự ở hội đền Đa Hòa. Ngoài ra, đi theo kiệu thánh có ba cặp "con đĩ đánh bồng", vừa đánh trống, vừa múa rất dẻo. Trong lễ dâng hương có múa sênh tiền và múa cánh tiên. Sang ngày thứ hai, có tổ chức đám rước "phát du" (rước kiệu thánh du ngoạn, từ đền tới làng Đông Kim, tương truyền là quê hương của Tây cung tiên nữ, vòng qua dầm Nhất Dạ rồi trở về).

Lễ hội Chử Đồng Tử tổ chức ở đền Chử Xá, đền Dạ Trạch, đền Đa Hòa đã lần lượt diễn ra trong ba tháng xuân, đều chứa đựng một ý chung là để tưởng nhớ công lao của một anh hùng văn hóa và anh hùng khai phá chinh phục đầm lầy, mở nghề nông và có nhiều công sức với dân với nước, được hiển thánh, từng góp phần đáng kể trong việc ổn định đời sống của cộng đồng dân cư trên dải phù sa màu mỡ bên bờ sông Hồng.

Thiên tình sử say đắm, đầy khát vọng nhân bản cùng các truyền thuyết vừa ảo vừa thực, đan xen vào nhau, đã tạo thêm sức hấp dẫn của một hội lễ diễn ra ở một vùng quê có sông rộng, bãi dài, đầm nước, bóng đa cổ thụ, đền miếu trang nghiêm với làng mạc trù phú của một vùng châu thổ.

Hình ảnh Chử Đồng Tử đã đi vào tâm trí dân gian, có sức trường tồn qua bao biến thiên của lịch sử, vẫn còn giá trị là một điểm tựa tinh thần đầy sức sống của cư dân nơi đây trong cuộc sống hôm qua và cả hôm nay.

29 - HỘI BÊN NÚI SƯA

Thờ: Huyền Thiên Hắc Công

Địa điểm: Núi Sưa (Bách Thảo), phường Ngọc Hà, quận Ba Đình

Thời gian: Chính hội: 19 tháng Giên

Đặc điểm: Thi cây thế, thổi xôi

Phường Ngọc Hà (Ba Đình, Hà Nội) vốn là đất cổ của kinh thành Thăng Long, vùng đất ven Hồ Tây này trước có rừng lim, sưa rậm rạp. Người dân lập trại trồng hoa cung cấp cho các dinh trại của các ông hoàng bà chúa. Thi sĩ Huyền Quang đời Trần từng có thơ khi về chùa Diên Hựu (chùa Một Cột).

Trời thu đêm vắng tiếng chuông buông
Ánh nguyệt lung lay đỏ lá bàng.

(Dịch)

Trong vườn Bách Thảo có gò núi cao, dân gian quen gọi núi Nùng, đúng ra là núi Sưa (Sư Sơn). Trên núi có đền thờ thần Hắc Đế với đôi câu đối:

Chùa Một Cột ứng mộng ra đời, sống gửi núi Sưa tích truyền ngọc phả,

Mây chín tầng buông là xuống thấp, phò tá nhà Lý nước lặng sóng yên.

(Dịch)

Ngọc phả lưu ở đình Xuân Sơn kể: Hắc Công có cha là Lý Phục, mẹ là Hoàng Thị Quý, bà được thờ ở Hữu Tiệp, huyện Quảng Đức, phủ Phụng Thiên, thành Thăng

Long. Huyền Thiên Hắc Công sinh ngày 19 tháng Giêng năm Bính Dần. Cậu có nước da bánh mật, người lanh lẹn mê săn bắn. Hàng ngày thường vào rừng leo lên núi Sưa chơi. Năm lên tám chẳng may trèo cao trên cây trượt ngã và hóa vào ngày 21 tháng Mười Một. Dân làng thương xót những người chết trẻ bèn lập ban miếu thờ trên núi, dân lễ bái đông vì cầu sao ứng vậy. Khi vua Lý Thánh Tông dẫn quân đi dẹp giặc Chiêm ở biên giới phương nam, đêm nằm mộng có cậu bé nước da đen xin đến phò vua cứu nước. Khi vào trận, vua thấy có đám mây đen bao phủ bầu trời, che kín mắt quân thù. Ta nhìn rõ chúng, chúng không nhìn rõ ta. Trận đại thắng góp phần giữ yên nước Đại Việt. Vua cho là giấc mộng ứng với giấc mơ gặp thiên sứ bèn ban cho trang Khán Xuân 100 quan tiền, xây lại miếu trên núi Sưa, ban cho Huyền Thiên Hắc Đế là thượng đẳng phúc thần, các nơi trong vùng hương khói thờ tự. Đình Ngọc Hà xây từ xa xưa, bên một câu đối ghi ngày trùng tu 16 tháng Mười 1898. Đình tọa lạc trên dải đất sum suê bóng dừa, bóng cây bụt mọc. Từ ngoài vào phải qua cầu. Trước đình có tấm bình phong đắp nổi. Ông hổ trong lùm cây như sắp nhảy ra. Voi đá trong tư thế quỳ trông rất sống động. Ta bỗng nhớ tới *Chiếu dời đô* của Lý Thái Tổ khi nói cái thế "Long bàn hổ cứ" của kinh đô. Qua tam quan là hai bên giải vũ, mỗi tòa ba gian. Khu trong được xây theo kiểu trùng thiềm diệp ốc. Cấu trúc bên trong theo phương cách trên giường dưới kẻ. Vào tòa tiền tế thấy hoành phi, câu đối hương án sơn son thếp vàng rực

rõ, chạm khắc tỉ mỉ. Tiếp là phương đình kiểu chồng diêm ba tầng, ở góc mái có rồng bay, mây xoắn. Trên đỉnh có bầu rượu, đôi chim phượng, một quyển sách mở, một bên là bút một bên là kiếm. Đỡ bốn góc bên đỉnh là hình rồng trang trí dài trên 2m, trong lòng nhà trang trí cuốn thư, hoa trái bốn mùa. Cỗ kiệu bát cống chạm khắc rồng, phong cách thế kỷ XVIII. Tòa hậu cung được đắp nổi trang trí trên đỉnh cột: sư tử, đầu rồng, cá chép hóa rồng, mãnh hổ hạ sơn. Đình Ngọc Hà được xếp hạng di tích ngày 15/2/1992.

Khán Xuân xưa nằm trong khu vườn Bách Thảo, giặc Pháp xâm chiếm Hà Thành, làng phải chuyển dời. Tên làng Khán Xuân và tên làng Yên Biểu giờ thành Xuân Biểu. Đình làng ở số 3 gác 2 phố Sơn Tây (phường Kim Mã). Làng thờ Bố Cái đại vương và song thân của ngài. Hậu cung có ngai, ba ban thờ đức thánh, hai bộ hạ phía ngoài thờ công đồng tứ phủ, thổ thần. Tấm bia đá 1,2m x 80cm tạo dựng năm 1940 ghi quá trình xây đình:

Kìa như tấm đá trơ trơ
Phong ba chẳng chuyển, nắng mưa chẳng mòn
Lại như quả phúc đầy tròn
Nghìn năm đình đó chắc còn ngợi khen.

(Bia đình)

Đình Hữu Tiệp là một ngôi đình to đẹp, cột đình bằng gỗ lim, kiến trúc có mái cong cong, đầu mái vuốt rồng. Cổng trụ lớn chỉ mở khi có lễ hội. Đình bị giặc phá năm 1946. Bên cạnh đình là đền Cát Triệu thờ thánh mẫu sinh Huyền Thiên còn nguyên vạn dáng dấp như phủ Tây

Hồ. Hậu cung có thánh mẫu đặt trong khung kính rồi ban thờ tam tòa. đức Trần triều. Phía ngoài là miếu thờ sơn trang canh trực các cửa rừng. Giữa làng là hồ Hữu Tiệp nay là di tích lịch sử hạ máy bay B52.

Theo ký ức các cụ già, hội tam thôn đã hai lần tổ chức đại hội vào năm 1942 và 1951. Từ trước đó 15 ngày, đình được quét dọn trang trí, các đội thanh niên nam nữ tập luyện. Đúng ngày 19 tháng Giêng, từ cửa đình tập hợp đám rước với phường bát âm, mùa sênh tiền, đĩ đánh bồng, giai kiệu, gái kiệu. Vốn cùng dải đất do ong Hoàng Lệ Mật sang khai phá nên đại biểu của Thập Tam Trại tới dự: Vạn Phúc, Thủ Lệ, Cống Vị, Cống Yên, Vĩnh Phúc, Liễu Giai... Các đoàn đi nhịp nhàng theo tiếng tù và rúc, tiếng trống chiêng náo nức. Tập trung tại Cây Gạo (nay là khu vườn Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn) sau đó đám rước quay vòng lại đình rồi nối thành hàng ngũ tiến vào Bách Thảo. Hàng ngày người đứng chật bên núi Sưa và trong vườn cây. Lần lượt các đoàn dâng mâm cúng, lễ trước sân đền thờ Huyền Thiên Hắc Đế. Tại sân đình, buổi tối và các hôm sau có nhiều trò vui: hát chèo "Quan Âm Thị Kính", hát ca trù, thi chọi chim họa mi... Đặc sắc nhất là thi cây thế và gà luộc. Các bà các chị khéo tay làm con giống to như thật từ cây cỏ thiên nhiên. Cụ Sáu Dị, cụ Thêu... từng tham gia. Đôi rồng làm bằng những khúc chuối cắt ghép lại ở tư thế uốn cong bay lượn: sừng (ớt đỏ), mắt (đỗ đen), vây móng (đỗ trắng), vẩy (vỏ hạt đỗ xanh... Kỳ lân đan bằng rơm mới tuốt, nguyên liệu tạo mắt, vẩy, chân... cũng như khi làm rồng. Ba giáp của ba thôn cử các gia đình

thi thổi xôi trắng và làm gà cúng. Một mâm thường có 3kg xôi trắng, hạt xôi sao cho tơi, dẻo, trắng mịn. Khi đơm vào đĩa thì dùng khuôn là bát sứ khiến đĩa xôi đầy đặn. Gà trống phải trên 2kg, luộc sao cho chín vàng không nứt thịt. Sau khi luộc thì dùng mỡ gà trộn nghệ giã thoa lên. Cúng thánh xong, các chức sắc tuyên bố giải: nhất được đầu cánh, nhì được đùi, ba được nửa con gà. Hàng chức sắc và bô lão từ 70 trở lên được thụ lộc trong đình làng. Hát quan họ ở hội tam thôn cũng vận dụng những bài ca về trại Hàng Hoa Ngọc Hà:

Vào vườn hoa cúc hoa na
Đưa chân xuống ruộng hoa cà hoa vông.
Khát khao những đứng mà trông
Thương người quân tử nặng lòng sớm trưa.
Yêu hoa quen nết khôn chừa
Khát khao những tưởng hoa dừa hoa cau.
Nhìn lên hoa bí hoa bầu
Cúi xuống những ngắm hoa dâu, hoa vừng!

(Theo cụ bà Tô Thị Qui)

Hội tam thôn Ngọc Hà, Hữu Tiệp, Xuân Biểu bên núi Sưa là do tục kết chạ xa xưa của các làng quê ở châu thổ sông Hồng. Nó nhằm tăng cường mối đoàn kết tương thân, tương ái trong việc chống thiên tai địch họa. Mùa xuân gặp gỡ nhau vui chơi ca hát kể cho nhau nghe kinh nghiệm về mùa màng. Đó là nét đẹp văn hóa của hội làng truyền thống Thăng Long - Hà Nội từ xa xưa, bền vững tới hôm nay.

30 - HỘI YÊN MỸ

Thờ: Cao Sơn
Địa điểm: Xã Yên Mỹ, huyện Thanh Trì
Thời gian: 22 tháng Giêng và 17 tháng Ba
Đặc điểm: Thổi cơm thi

Yên Mỹ là một làng nằm ngoài đê sông Hồng. Nơi xưa kia có những bãi cỏ bạt ngàn nên nghề nuôi trâu phát triển. Ngạn ngữ Hà Nội có câu: "*Lúa đồng Ngâu, trâu Yên Mỹ*". Hơn bốn thế kỷ trước, làng có tên Tiểu Lan Châu, huyện Thanh Đàm (nay là huyện Thanh Trì). Làng ở ven sông, dăm bảy chục năm, do sông Hồng đổi dòng, đất làng sụp đổ xuống sông. Nhiều lần người Tiểu Lan phải dời sang bờ bắc, huyện Văn Giang. Khi bờ nam có đất sa bồi họ lại trở về cố hương. Người dân ước ao có cuộc sống thanh bình nên giữa thế kỷ XV, Tiểu Lan Châu được đổi làm Yên Mỹ Châu, Yên do chữ An mà ra, Mỹ là đẹp đẽ. Đình Yên Mỹ nằm bên đầm lớn. Đứng trên đê sông Hồng, người từ Yên Sở xuống, Đông Mỹ lên, thị trấn Văn Điển ra đều nhận được dáng dấp bề thế của ngôi đình giữa vòm nhãn sum suê ẩn hiện. Tòa đại bái năm gian làm năm Khải Định thứ 9 (1942). Ở các đầu rui có chạm rồng ngậm ngọc, các bức cốn chạm hổ phù, rồng hoa lá. Mỗi bức chạm, nét khắc mềm mại, uyển chuyển. Năm 1971 lụt lớn, đình từng bị chìm trong nước nhưng đến nay

vóc dáng hầu như nguyên vẹn. Hoành phi, câu đối khắc chữ chân chữ triện ở các cột, các xà chính. Trước hậu cung là cuốn thư khảm trai: "Thiên cổ mỹ" (nghìn năm mỹ lệ), bức hoành: "Hựu quốc tăng long" (giúp cho Tổ quốc ngày một thịnh vượng). Hậu cung gồm ba gian, tạo năm Minh Mệnh thứ 17 (1836). Nơi đây đặtđỉnh, bát hương cỡ lớn có khắc chữ "An Mỹ Châu xã". Phía trong khám có bài vị đề: "Cao Sơn đại vương".

Sự tích thần Cao Sơn do Lê Trung, thừa tuyên xứ Thanh Hóa, Quốc Tử Giám tế tửu, soạn năm 1510, cho ta biết thần có công âm phù Giản Tu, giúp ông lên ngôi hoàng đế giữ yên Thăng Long. Văn bia ghi rõ: Lê Mẫn (1505 - 1509) - dân gian quen gọi là vua Quỷ càn rỡ, thất đức làm kẻ ngoại thích chuyên quyền, công thần bị giết hại, hàng triệu người dân khốn đốn. Năm Kỷ Tỵ, vua Lê Tương Dực lánh nạn ở Tây Đô, Trường Lạc Điện (vợ vua Lê Thánh Tông) cùng Nguyễn Bá Lân, Nguyễn Hoàng Dụ dấy binh được thần Cao Sơn (truyền là con Lạc Long Quân) phù trợ nên khôi phục được nhà Lê Trung Hưng:

Hương bay danh rạng
Giúp nước hùng cường
Ngàn năm ban phúc
Mọi chốn gió lành.

(Bản dịch)

Không riêng gì Yên Mỹ, còn 171 nơi lập đền thờ ngài. Hội Yên Mỹ xưa kia tổ chức vào ngày 11 tháng Giêng và 17 tháng Ba. Có nhiều trò chơi và cuộc đua tài như chọi

chim, thổi cơm thi, bắt vịt, đi cầu bập bênh, dập nồi đất.

Vui nhất là hội thổi cơm thi. Người dự thi phải có tinh thần đồng đội cao và cả trí thông minh nữa. Xưa quy định cho bốn giáp lo liệu, mỗi giápcử người như sau: bốn người xay thóc giã gạo, hai người kéo lửa (bằng cật cây giang hoặc nứa), một người chạy lấy nước, một người dần sàng, hai người nấu cơm. Theo lệ người dự thi chít khăn xanh, đỏ, vàng, tím tượng trưng cho từng giáp. Chủ khảo đánh trống lệnh và các nhóm chấm thi từng khâu: xay thóc, giã gạo, dần sàng. Giáp nào làm nhanh, gạo trắng là được giải. Tiếp theo là cuộc thi kéo lửa và lấy nước ở giếng làng cách nơi thi độ 300m. Cuối cùng là thi nấu cơm, giáp nào nấu nhanh, cơm dẻo thì được đưa cơm vào đình cúng thần. Phần kết thúc hội thi nấu cơm rất ngoạn mục. Các giáp rải rơm khắp sân đình. Tuy có nồi cơm con, nhưng họ đốt rơm làm nhiều đống rồi gạt tro để ủ nồi cơm và nghi binh giấu nồi cơm. Ban tổ chức khi thu nồi cơm chấm thì họ dùng khói cản để nồi cơm chín thêm và khó phân biệt nồi cơm của giáp nào. Diễn biến toàn cục từ lúc khai mạc đến lúc kết thúc là tiếng trống chiêng dồn vang, khói rơm nghi ngút, lửa nóng và mùi khói rơm thơm nồng... làm người thi, người chấm, người xem hồi hộp, sôi nổi khoảng hai giờ. Một cụ già đã nói vần, tóm tắt cuộc thi:

Que diêm là que nứa
Bùi nhùi là rạ rơm
Khói cay mùi bếp thơm
Ai nấu cơm kéo lửa

Mười ngón tay dẻo múa
Nhịp nghìn năm vua Hùng

Hội thi nấu cơm Yên Mỹ không phân biệt nam nữ. Việc bếp núc thường ngày là của các cô gái nhưng khi vào lễ hội dân gian, theo tín ngưỡng, người ta tin sẽ là sự thắng lợi của mùa màng chứ không chỉ là cuộc thi phe giáp. Tục nấu cơm thi, làm cỗ thi, làm bánh thi, thi mổ trâu, mổ lợn phản ánh làng chạ định hình với tinh thần công xã đông vui. Hạt lúa "một sương hai nắng" được chế biến tinh xảo từ bàn tay khéo léo của con người thành hạt cơm - của ngọc thực để dâng vị thần dòng vua tổ, Hùng Duệ vương.

31 - HỘI CHÙA THÁNH CHÚA

Thờ: Phật và Ỷ Lan nguyên phi
Địa điểm: Phường Mai Dịch và Dịch Vọng, quận Cầu Giấy
Thời gian: 25 tháng Giêng. Từ 1 đến 3 ngày
Đặc điểm: Hát chèo đò, múa hoa sen, múa chim phượng

Chùa Thánh Chúa nằm trên một khu đất rộng hơn 1.000m^2, trong khu vực trường Đại học Sư phạm I giáp đường Hà Nội - Sơn Tây, cách trung tâm Thủ đô 8km. Chùa được xây dựng từ thời Lý trước năm 1064 tại làng Vòng (Dịch Vọng), một làng cổ, nơi sản sinh ra cốm Vòng nổi tiếng, một thời đã là sản phẩm tiến vua.

Về lịch sử liên quan đến chùa, *Đại Việt sử ký toàn thư* tập I có chép: "Quý Mão chương Thánh gia khánh năm thứ 5 (1064) Tống Gia Hựu năm thứ 8. Bấy giờ vua xuân thu đã nhiều, tuổi 40 mà chưa có con trai nối dõi, sai tri hậu nội thần Nguyễn Bông làm lễ cầu tự ở chùa Thánh Chúa, sau đó Ỷ Lan phu nhân có mang sinh hoàng tử Càn Đức - tức Nhân Tông".

Chùa tọa lạc trên một gò đất cao, xung quanh cây cối xanh tươi rậm rạp, sát chùa có hồ trồng sen, nước trong xanh, mùa sen nở tỏa hương thơm ngát. Thời ấy xóm thôn còn thưa thớt, đồng ruộng gò đống mênh mông, cảnh chùa thật trang nghiêm u tịch, sớm chiều tiếng chuông thong thả ngân nga, làm tăng vẻ đẹp của cảnh thiên nhiên. Chính điều kiện ấy, mà vua Lý Thánh Tông cùng nguyên phi Ỷ Lan, đã thường xuyên về chùa nghỉ ngơi vãn cảnh và nghiên cứu Phật pháp, là nơi nguyên phi làm lễ cầu tự, nơi lui tới của nguyên phi khi vua Lý đi đánh giặc phương xa, để bà thay vua buông rèm nhiếp chính, là người có công lớn trong nhiều chính sách tiến bộ, giữ an đất nước thời ấy.

Gần 400 năm sau, chùa lại là nơi ẩn lánh của bà Ngô Thị Ngọc Giao cùng con là thái tử Lê Tư Thành, bởi loạn Nghi Dân.

Sau loạn, thái tử được hai vị tôi trung của triều đình là Đinh Liệt và Nguyễn Xí rước về lên ngôi hiệu là Lê Thánh Tông. Ông là một vị anh quân đã minh oan cho quan nhập nội hành khiển Nguyễn Trãi trong vụ án Lệ Chi Viên thuở trước. Sử gia Ngô Sĩ Liên đã hết lời ca ngợi:

"Vua sáng lập chế độ, mở mang đất đai bờ cõi khá rộng, văn vật tốt đẹp, thật là vua anh hùng tài lược".

Sau khi về cung, vua nhớ ơn đã phong tặng cho sư sãi, và trùng tu lại chùa.

Chùa Thánh Chúa là một ngôi chùa có lịch sử dài lâu, là nơi lui tới của nhiều minh quân triều Lý, triều Lê, chùa lại được chính nguyên phi Ỷ Lan cho tu sửa, như đối câu đối tiền đường còn ghi:

Lý triều ngự giá quang lâm tích niên bút lục.
Bắc quốc tượng công kiến trúc kim nhật trùng tu

Dịch là:

(Xa giá của vua triều Lý đến đây năm xưa ghi lại
Thợ của nước phương Bắc xây dựng ngày nay trùng tu).

Chùa Thánh Chúa còn là nơi tập kết của nghĩa quân thời Pháp mới chiếm Hà Nội, là nơi đề ra kế hoạch phục giết tên quan năm Pháp ngày 19 tháng 5 năm 1883. Đây cũng là nơi tập kết của du kích hồi kháng chiến 9 năm, là trạm giao liên, là trụ sở của quận ủy Trấn Tây, thường xuyên liên lạc giữa quận ủy và thành ủy Hà Nội, giữa vùng tạm chiếm và vùng tự do.

Trải thời gian gió mưa biến đổi, chùa được trùng tu nhiều lần nên cổ vật còn lại rất hiếm. Lần trùng tu gần đây nhất vào năm 1991 - 1992. Hiện giờ có 7 gian tiền đường chưa kể hậu cung với 77 pho tượng lớn nhỏ, và nhiều hoành phi câu đối, ghi lại công đức Phật. Trên tam quan chùa còn treo một quả chuông được đúc năm Minh Mạng thứ 9 (1828) có khắc bài minh do tiến sĩ Nguyễn

Huy Trạc soạn. Một khánh đồng đúc kiểu cánh dơi nặng 125 cân, niên hiệu Thiệu Trị thứ 5 (1844) có khắc bài minh ghi niên đại và những người công đức.

Khác với nhiều chùa, gian chính điện thờ ba vị tam thế: gian chính diện chùa Thánh Chúa có bức tượng A Di Đà lớn thếp vàng, còn hệ thống tượng gần tương tự như các chùa khác, ngoài ra, điện phía ngoài bên phải có bàn thờ nguyên phi Ỷ Lan, phía trong là bàn thờ bà chúa Thượng Ngàn.

Chùa Thánh Chúa cũng là niềm tự hào của người dân địa phương mà đến nay còn lưu lại với câu ca dao:

"Ngàn năm nay có mấy chùa
Có chùa Thánh Chúa hai vua tôn thờ"

Vì theo *Đại Việt sử ký toàn thư* thì chùa đã có từ trước năm 1064, đã là nơi lui tới của hai vua triều Lý, triều Lê, đặc biệt có bài minh, khắc trên quả chuông của chùa mang đầy tính thiện và tính văn học. Bản dịch như sau:

"Từng nghe: chuông là tiếng của nhạc. Hễ khua lên là có tiếng ngân vang. Thiện là tiếng của người. Chớ bảo việc nhỏ mà không bàn đến. Cho nên, bỏ cái cũ mưu tìm cái mới, âu cũng là trở lại cái xưa, dựng lại cái hỏng".

Ngẫm từ xưa, chuông vàng mới đúc thì danh lam cổ sái khắp bốn phương xa vọng tiếng kình. Xảy cơn binh hỏa bất kỳ, thì gác khói song mây cũng ít thấy hào quang chiếu rọi.

Cùng nhau bàn chuyện cũ ngày xưa, lòng xúc động mà nảy sinh mối thiện, nhà chùa quyên góp công góp của,

được ít nhiều do tự phát lương tâm.

Lấy lửa văn lửa võ mà điều hòa khuôn đúc, nên phúc quả đã được vẹn tròn. Chỉ hai tháng cố gắng tạo thành, đạt ý nguyện muôn năm hòa bình chung hưởng.

Khi thong thả trăng thanh gió mát, nghe ngân nga văng vẳng tiếng kình nghê, lúc vui vầy cõi thọ đài xuân, thấy rạng vẻ hà sa bày phúc lớn.

Được thấy muôn vẻ tốt lành tụ hội, toàn nhờ tam bảo chứng minh.

Minh Mệnh thứ 9
Tháng Chạp, ngày lành, giờ tốt.
Nguyễn Duy Trạc soạn

(Người dịch: Hoàng Hữu Xứng)

Chùa Thánh Chúa hiện là chùa chung của hai phường Dịch Vọng và Mai Dịch, đây là một ngôi chùa đẹp, một danh thắng của thủ đô. Một người nghiên cứu nước ngoài khi đến thăm chùa đã nhận xét: "Chùa là một viên ngọc nằm giữa trung tâm văn hóa". Ngày 21 tháng 1 năm 1989, chùa đã được Bộ Văn hóa thông tin xếp hạng là một di tích văn hóa lịch sử.

Như thành nếp, cứ đến ngày rằm mồng một các tăng ni phật tử, tín nữ thiện nam lại về chùa tham quan và lễ phật cầu tài cầu lộc rất đông đúc.

Hội chính được mở vào ngày 25 tháng Giêng. Vào hội, suốt từ ngoài cổng đến tam quan, cờ và phướn nhà Phật bay rợp đất. Người khắp nơi đến dự hội rất đông. Trong hội, có hát chèo đò đưa thuyền về Tây Trúc của các

vãi bà. Và múa hoa sen tượng trưng cho sự tinh khiết.

Múa chim phượng tượng trưng cho sự ấm no hạnh phúc, và hát chèo tích Phật, giúp con người luôn hướng thiện, với nhiều trò chơi thể thao dân gian. Hội ngày xưa diễn ra ba ngày, từ 24 đến 26 tháng Giêng.

Giờ đây, mỗi lần mở hội, trong tiếng trống gọi xuân náo nức của bao miền đất nước, thì hội chùa Thánh Chúa, là một nét đẹp của di sản văn hóa, một dấu tích của thủ đô ngàn năm văn hiến, và cũng là niềm tự hào của người dân địa phương.

32 - HỘI CHÙA NÀNH

Thờ: Phật Pháp Vân
Địa điểm: Xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm
Thời gian: 4 - 6 tháng Hai
Chính hội: 4 tháng Hai
Đặc điểm: - Lễ tục cúng
- Nâng cây phan

Ninh Hiệp là một xã nằm ở phía tả ngạn sông Đuống. Từ Hà Nội theo đường Hà Nội - Lạng Sơn, qua cầu Đuống đến gần cây số 13 rẽ phải đi thêm khoảng 4km nữa là đến Ninh Hiệp. Còn nếu theo bờ đê sông Đuống từ cầu Đuống đi thêm 2km, rồi rẽ trái theo một bờ kênh qua xã Đình Xuyên cũng tới Ninh Hiệp -

làng Nành với chợ vải nổi tiếng.

Trước đây Ninh Hiệp thuộc xã Phù Ninh, tổng Hạ Dương gồm: Ninh Hiệp, Ninh Giành, Hiệp Phù, Công Đình, Đình Xuyên, Tế Xuyên và Hạ Dương Thượng, Trung, Hạ. Ninh Hiệp nay là đất của Ninh Hiệp, Hiệp Phù và Ninh Giàng, hầu như không còn ranh giới của ba xã nữa, thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội. Người dân trong vùng quen gọi là làng Nành. Chợ Nành và chùa Nành nổi tiếng một vùng.

Trước đây cả xã có tới bảy chùa, sáu đình và hai nhà từ vũ với rất nhiều đồ tế khí, tượng. Di tích còn giữ được khá nguyên vẹn hơn cả là chùa Nành với lễ hội hàng năm ở đó.

Chùa Nành là một ngôi chùa trăm gian. Tương truyền là một trong bốn chùa lớn ở nước ta: Dâu - Keo - Đậu - Nành. Chùa xây theo kiểu chữ công nhưng trước mặt, hai bên và đằng sau lại còn những dãy nhà liên tiếp liền nhau quây xung quanh chùa. Trước chùa là một sân rộng, có cổng rất lớn. Đối diện cổng là ao chùa có nhà thủy đình dùng để biểu diễn múa rối như ở đền Gióng. Song song với dãy nhà bao quanh chùa ở bên phải là dãy nhà tổ nơi thờ các vị đã từng có công ở chùa và những vị tu hành đức độ. Chùa thờ đức Phật bà Pháp Vân (thường gọi là bà Nành).

Hội chùa Nành bắt đầu vào tối mồng 4 tháng Hai nhưng dân làng đã rục rịch chuẩn bị từ trước đó như việc treo cờ trong và ngoài chùa, tiếp đón sư sãi các nơi và

khách thập phương về dự, chuẩn bị tế lễ, dựng phướn... Hội lệ được mở hàng năm kéo dài từ mồng 4 đến hết ngày mồng 6 tháng Hai, những năm tổ chức to gọi là hội đại với phạm vi rộng từ chùa cho tới bãi Quang Bụt (hay gọi là bãi cây vông) cách chùa khoảng 200m.

Vào tối ngày mồng 4 tháng Hai việc đầu tiên khi mở hội là đám rước hương hoa từ xóm 6 và xóm 7 trong làng và từ nhà tổ lên chùa. Đèn, nến, hương nghi ngút thấp thoáng màu sắc của hoa làm đám rước vừa huyền bí vừa sinh động:

Cảnh chùa nghi ngút hương đăng
Trống chiêng nhộn nhịp, cờ giăng rợp trời

Khi tiến hương hoa thì đặt hương hoa vào giá rồi rước. Các cụ kết hoa thành đài, khi rước đi quanh cây phướn lớn chôn ở giữa sân chùa, cách đi như trò xếp chữ rất đẹp.

Sau đám rước là buổi giảng báng (giảng mười điều nhân đức của nhà Phật) khuyên răn con người làm điều thiện, tránh điều ác.

Sáng mồng 5 là buổi tế lễ đầu tiên, người tập trung tại chùa rất đông. Lễ tế được tiến hành trang trọng dưới sự điều khiển của ba ông chủ tế, đó là ba người đại diện cho ba thôn thay nhau mỗi khi vào hội người ta chọn một lần. Vào dịp hội, ngày hai buổi sáng tối dùng trống hiến để cúng lễ, các nhà sư làm lễ tưởng niệm. Sáng mồng 5 là ngày đại lễ của cả làng cùng các nhà sư. Sau khi tế lễ xong mọi người rước giá ngự (kiệu) của bà Pháp Vân từ chùa ra đặt tại thạch sàng (giường đá) - đó là một tảng đá

lớn to như tấm phản còn giữ được đến ngày nay, có mái che tại bãi cây vông (ngay lối đi gần UBND xã ngày nay).

Giá ngự yên vị là đến lễ rước nước từ giếng chùa Cả đem ra thạch sàng. Tiếp, là lễ kéo ngựa. Đó là con ngựa gỗ lớn như thật hàng ngày để trong chùa, nay được trang trí rất đẹp và rước ra bãi vông. Đám rước do một cụ già mặc áo dài chít khăn lượt dẫn đầu với 16 người chia làm hai hàng cầm dây kéo ngựa trên phản gỗ có bánh xe.

Ngày mồng 6 các cụ bà đi khuyến giáo hoa tại các nhà trong làng về chùa. Hoa đem về được các cụ dùng kim chỉ xâu tết thành hai cây hoa hình khum tròn như cái lồng. Buổi chiều hoa cùng với năm thứ nữa làm thành lục cúng (hoa, hương, đăng, trà, quả và thực) rước từ nhà tổ ra sân chùa đi vòng quanh cây phướn rồi đặt lên bàn phía ngoài tam bảo để làm lễ lục cúng vào buổi tối.

Lễ lục cúng bắt đầu bằng lễ dâng hoa. Hai cây hoa do hai nhà sư mặc áo cà sa trịnh trọng dâng lên tam bảo bằng một điệu múa gọi là múa dâng hoa rất phức tạp và đẹp mắt. Ánh sáng của đèn, nến pha trộn với màu sắc của quần áo người dự lễ và dân làng làm không khí buổi lễ vừa trang nghiêm rực rỡ vừa huyền bí.

Sau lễ dâng hoa là dâng hương, đăng, trà, quả, thực cũng được tiến hành riêng, do đó lễ lục cúng kéo dài cho đến khuya mới xong.

Ngoài những nghi lễ rước xách ở trong chùa, vào hội, cả khu vực xung quanh đó trở thành một sân khấu lớn cho mọi người dự hội với không khí tưng bừng, náo

nhiệt. Nhiều trò vui như đánh vật, cờ người, thi hát, chọi gà, bơi thuyền, tổ tôm, rối nước thu hút đông đảo khách thập phương.

Đặc biệt ở hội làng Nành là trò nâng cây phan. Đó là một bó gồm khoảng 60 cây tre để nguyên cả cây chỉ róc gai, nhưng để ngọn. Chúng được buộc lại bằng tám cái đai vững chắc đặt sẵn ở một bãi rộng. Trên ngọn cao nhất của bó tre buộc một lá cờ đỏ. Gốc phan là một hố được đào sẵn sâu khoảng một mét. Trò nâng phan được tiến hành bởi vài chục trai đinh quần trắng, áo thâm, chít khăn đầu rìu, tay cầm một gậy tre dài hơn một mét, khỏe có chạc nhô ra như gậy đánh phết. Họ đứng xung quanh cây phan và khi có hiệu lệnh thì phải hợp sức nâng bó tre lớn ấy đứng dậy lọt vào trong hố. Sau đó những người này phải dùng gậy đảo cây phan xoay theo vòng từ đông sang tây sao cho lá cờ trên ngọn phan phải luôn bay, cây phan đảo đều mà không đổ trước sự cổ vũ cuồng nhiệt của dân làng và khách xem hội, cùng tiếng trống, chiêng, thanh la và reo hò của những người tham gia.

Đây là một trò diễn rất hấp dẫn, vừa rèn luyện sức khỏe cũng như tài khéo léo đồng bộ của những người tham gia. Đồng thời cũng đòi hỏi sự đoàn kết và sự đồng tâm hiệp lực của mọi người và vì thế rất lôi cuốn người xem. Hội kết thúc bằng lễ dâng hương tự do vào đêm mồng 6.

33 - HỘI HAI BÀ TRƯNG

Thờ: Hai Bà Trưng

Địa điểm và thời gian:

- Hội diễn ra ở ba nơi

1. Hội đền Đồng Nhân - phường Đồng Nhân - quận Hai Bà Trưng

- Từ ngày 3 - 6 tháng Hai

Chính hội 5 tháng Hai

2. Hội đền Hạ Lôi - xã Hạ Lôi - huyện Mê Linh - Vĩnh Phú

- Ngày 6 tháng Giêng

3. Hội đền Hát Môn - xã Hát Môn - huyện Phúc Thọ - Hà Tây

- Ngày 6 tháng Ba: Giỗ vua Bà
- Ngày 4 tháng Chín: Lập đàn thề
- Ngày 24 tháng Chạp: Lễ chiến thắng

Đặc điểm: Thả bánh trôi trên sông (hội Hát Môn)

- Rước giao kiệu (hội Mê Linh)
- Múa đèn thờ (hội Đồng Nhân)

Đầu công lịch, nước ta bị nhà Đông Hán đô hộ. Tô Định, tên thái thú quận Giao Chỉ tham tàn, bạo ngược, tội ác chất chồng không kể xiết.

Bà Trưng Trắc cùng em là Trưng Nhị, dòng dõi vua Hùng, là những phụ nữ can đảm, mưu trí, từ lâu nung nấu hận thù quân giặc, lại thêm, chồng bà là Thi Sách bị Tô Định hãm hại, bà đã cùng em dấy cờ nghĩa, đền nợ

nước, trả thù nhà.

Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng năm 39 chống quân xâm lược thắng lợi, giành quyền tự do cho đất nước, dù ngắn ngủi (năm 39 - 43) đã nuôi dưỡng, đề cao ý chí độc lập cho dân tộc, làm vẻ vang cho nòi giống, cho nữ giới Việt Nam, làm rạng ngời trang chính sử buổi đầu dựng nước.

Nhân dân tưởng nhớ Hai Bà cùng các tướng lĩnh, lập đền thờ, mở hội ở khắp nơi, từ Vĩnh Phú (hội phết Hiền Quang, thờ nữ tướng Thiều Hoa); rồi Hải Phòng (hội đền Nghè, thờ nữ tướng Lê Chân); đến Thái Bình (hội Tiên La, thờ công chúa Bát Nạn)... nhưng nổi tiếng cả nước thì phải kể đến ba ngôi đền chính, đó là đền Đồng Nhân ở Hà Nội, đền Hạ Lôi ở Vĩnh Phú, đến Hát Môn ở Hà Tây.

1. Hội đền Đồng Nhân

Đền Đồng Nhân dựng năm 1160. Theo huyền tích, đêm mồng 6 tháng Hai năm ấy, có hai pho tượng đá trôi theo dòng sông Hồng, dạt vào bờ, tỏa sáng bãi Đồng Nhân. Cho là điềm quý lạ, dân làng làm lễ rước tượng, và được báo mộng đó là tượng hai bà. Biết chuyện, vua Lý Anh Tông truyền lập đền thờ tại chỗ.

Từ đó thành lệ, cứ dịp này làng vào đám.

Năm 1819, bãi sông lở, đền chuyển về sở Võ (Giảng Võ đường thời Lê), thôn Hoàng Viên, nay thuộc phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Hội đền Đồng Nhân kéo dài bốn ngày, từ mồng 3 tới

mồng 6 tháng Hai.

Ngày mồng 3: Lễ mở cửa đền, thắp hương.

Ngày mồng 5: Chính hội. Làm lễ tắm tượng, tế và múa đèn.

Từ sớm mồng 5, chủ lễ cùng các chức sắc, bô lão đã tề tựu đông đủ. Các chân kiệu, chân cờ, người vác lọng và phường nhạc đã đứng đâu vào đấy. Đám rước thánh giá cử hành uy nghi, từ đền ra sông Hồng. Sau đó, thánh giá được khiêng xuống thuyền, có chủ lễ, cụ từ cùng mấy chức sắc bô lão đi theo. Tới giữa dòng nước sạch, các cụ tắm tượng. Xong thuyền quay vào bờ, đám rước trở về... Suốt dọc đường đám rước diễu qua, các thôn đều đặt hương án bái vọng.

Tới đền, khi thánh giã yên vị rồi, là bắt đầu cuộc tế. Năm phong đăng hòa cốc, mà làng cử chọn được đủ các bà, các chị đúng tiêu chuẩn (đạo đức, không tang chế) thì có tế nữ quan. Từ chủ tế đến các chấp sự đều là nữ, chủ trì lễ thức trang trọng này.

Lễ mục đặc sắc, tươi vui nhất của hội Đồng Nhân là múa đèn thờ. Đoàn múa đèn khoảng mười người, đều là các cô gái tuổi thanh xuân, đẹp, tầm vóc như nhau, tập luyện chu đáo. Nữ vũ công mặc áo dài đen, quần hồng, thắt lưng đỏ, buộc nút cạnh sườn, đầu chít khăn lụa (hoặc sa tanh) màu. Đèn là những chiếc đài gỗ nhỏ, xinh, dán hoa giấy màu bọc quanh. Ngọn nến thắp sáng cắm giữa lòng đài: mỗi người cầm hai đèn ở hai tay, xếp hàng đôi trước hương án. Người múa uyển chuyển bước lên, bước

xuống, lúc đan chéo nhau, lúc nhập một hàng, lúc tách hàng hai theo tiếng trống cơm bập bùng, nhịp nhàng của "con đĩ đánh bồng" [1] dẫn đầu... Vai "đĩ đánh bồng" là một vũ công giỏi, nam đóng giả nữ, điều khiển cuộc trình diễn nghệ thuật. Nhân vật này mặc áo the quần trắng, khăn lượt thắt lưng xanh buộc múi bên sườn, đeo ngang lưng chiếc trống cơm bằng những dải lụa nhiều màu quàng qua cổ. Sau lưng cắm hai hoặc bốn lá cờ đuôi nheo nhỏ, vừa đi uốn éo vừa lấy hai tay vỗ vào hai mặt trống, tạo nên âm thanh "bập bùng" giữ nhịp cho đoàn múa. Cùng lúc ấy, nhân dân - nhất là các bà - đứng sát bậc cửa đình, bước đến trước hương án vái lễ.

Ngày mồng 6 giã đám, có tế và lễ dâng hương kết thúc.

2. Hội đền Hạ Lôi (Mê Linh)

Thần tích cho biết, thân phụ Hai Bà Trưng quê ở làng Hạ Lôi, phủ Yên Lãng, tỉnh Phúc Yên cũ (nay thuộc Vĩnh Phú).

Đền ở gần sông Hồng, cách bến Chèm (huyện Từ Liêm) 9km về phía tây. Theo bia khắc năm 1899 thì đó là năm sửa lại đền, còn năm xây không rõ. Hàng năm, dân trong vùng kéo đến rất đông xem lễ, dự hội.

Hội có lệ cúng bánh dày, có những trò vui cổ truyền như đấu cờ, nhún đu... Nhưng dân chúng chờ đợi một tiết

---

(1) Thằng cu, con đĩ, tiếng gọi con trai, con gái dân dã thuở xưa, không có hàm ý xấu.

mục đặc sắc là tục rước kiệu hội đồng. Từ giữa tháng Chạp, làng đã chọn cử xong 150 cô gái xinh đẹp và 70 chàng trai tuấn tú làm chân kiệu, chân cờ, lọng... và cho tập luyện thành thục. Đền có ba cỗ kiệu: hai kiệu rước thánh vị Hai Bà, kiệu thứ ba rước thánh vị ông Thi Sách, chồng bà Trưng Trắc. Kiệu Thi Sách sơn đen tuyền [1], kiệu Hai Bà sơn son thếp vàng.

Hội đền mở ngày 6 tháng Giêng, tương truyền là ngày yến hạ khao quân.

Sớm ấy, sau tiệc tế ba tuần rượu; trống chiêng nổi ba hồi chín tiếng sửa soạn cuộc "rước hội đồng".

Dẫn đầu đám rước là hàng dài cờ hội. Ba kiệu cử hành từ sân đền, theo thứ tự: kiệu ông Thi Sách, kiệu bà Trưng Trắc, kiệu bà Trưng Nhị.

Kiệu ông Thi Sách do 32 trai làng khiêng, kèm với 32 người dự bị. Họ mang đồng phục nghi lễ, áo dài đen, quần trắng, thắt lưng màu ra ngoài, buộc thành múi bên sườn, đầu chít khăn lượt. Kiệu Hai Bà do các cô gái khiêng, cùng với số lượng như vậy, trang đồng phục: áo dài tứ thân nâu, sống (váy) đen, hai vạt thắt lưng màu buộc ra sau, đầu chít khăn màu.

Đám rước vẫn từ từ chuyển động rực rỡ, hoành tráng trong tiếng trống chiêng vang động cùng phường bát âm rộn rã. Qua cửa tam quan tới đường cái - đường Trống Quân, tên của làng - thì kiệu ông Thi Sách dừng lại, để

---

(1) Thi Sách chết vì đao kiếm, nên kiệu kiêng màu đỏ, phải sơn đen.

kiệu Hai Bà lên trước. Tục này gọi là "giao kiệu" [1], hành động lễ nghĩa, theo lý "nội gia huynh độ, ngoại quốc quân thần" ("trong nhà là (tình) anh em, ra ngoài (việc nước) là (nghĩa) vua tôi") "Trong nhà" được hiểu là khoảng không gian tượng trưng từ cửa đền tới tam quan. Còn từ tam quan ra đường làng là tượng trưng cho xã hội, quốc gia. Trong nhà, ông Thi Sách là chồng, là anh, nên xếp kiệu ông đi trước. Nhưng tới việc nước thì Hai Bà là thủ lĩnh nghĩa quân, hơn thế, là Hai Vua Bà, nên kiệu Hai Bà phải xếp trước. Đám rước tiếp tục lên đường, trang nghiêm như một cuộc hành quân lớn, tiến thẳng về đình để Hai Bà "hội đồng" với bốn vị thành hoàng (là Đô, Hồ, Bạch, Hạc) và thánh Cốt Tung [2].

Điều hấp dẫn của đám rước còn ở chỗ trong khi vừa múa, đội quân nam - nữ này còn hát một khúc ca cổ, tương truyền có từ đầu công nguyên, người ta đặt ra để nam nữ hát đối đáp nhau, cổ vũ quân lính.

Bên nữ hát:

- Ta lên núi
Ta lên núi
Đuổi đàn hươu
Đuổi đàn hươu
Chị em ta nào quản sớm chiều.

---

(1) Đổi vị trí, kiệu Ông dừng lại nhường hai kiệu Bà đi trước.

(2) Đồ, Hồ, Bạch, Hạc là bốn người đầu tiên lập ra làng Hạ Lôi. Cốt Tung là phụ tá vua Hùng Duệ vương (vua Hùng thứ 18) chống Thục.

Bên Nam đáp:

- Ta lên núi
Ta lên núi
Đuổi đàn nai
Đuổi đàn nai
Anh em ta khó nhọc bao nài

Nam nữ đồng ca:

Nỗi niềm tâm sự than thở cùng ai?
Đoái trông phương Đông: nước rộng mênh mông,
Đoái trông phương Tây: đá trắng gồ ghề,
Đoái trông phương Nam: mây che đầu ngàn,
Đoái trông phương Bắc: núi non cao ngất!

Nhân dân trẩy hội Hạ Lôi, nhất là các bà, các chị, bao giờ tới đoạn giao kiệu cũng hào hứng, tự hào về hai nữ anh hùng mở đầu truyền thống yêu nước của nhân dân và phụ nữ Việt Nam trong chính sử. Nhưng điều không kém phần sâu sắc là lễ hội Hạ Lôi đã để lại trong lòng người ấn tượng về một lối sống có đạo đức trong gia đình và có kỷ cương ngoài xã hội. Tình vợ chồng đã chu đáo mà nghĩa vua tôi cũng vẹn toàn vậy.

3. Hội đền Hát Môn

a/ Hội 6 tháng Ba: Giỗ Vua Bà

Nơi Hai Bà trẫm mình là đoạn sông Hát, thuộc giang phận xã Hát Môn huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây cũ, nay thuộc Hà Tây. Hát Môn là cửa sông Đáy, phụ lưu sông Hồng. Đền Hát Môn cách Hà Nội khoảng 20km, theo đường

quốc lộ Hà Nội - Sơn Tây. Ban đầu, là một đền nhỏ. Khoảng đầu thế kỷ XI, làng mới tu bổ xây gạch. Đời Lê Thần Tông (1623 - 1657), dựng bia đá ghi công đức Hai Bà. Cao Bá Quát, một thánh thơ, nhân cách anh hùng, đã cúng đền đôi câu đối, vẫn còn ở đôi cột trụ cửa đền, đọc lên, âm vang khí phách hào hùng.

"*Túng bất kim đao, thiên khải vận*
Ưng vô đồng tục, địa phân cương"

("Nếu không có kim đao do Hai Bà (ví như trời) mở vận; thì đâu có được đất nước này một cõi bờ riêng" - Theo Quách Vinh).

Hôm ấy là ngày giỗ Hai Vua Bà.

Từ sớm, đền đã mở cửa thắp hương, cử hành lễ tế, trong lễ vật dâng cúng đặc biệt có tiệc bánh trôi, còn gọi là bánh tù tì. Cả làng cùng làm để dâng cúng. Tục này sinh ra từ truyền thuyết cảm động. Trước lúc nghĩa quân lên đường, có một bà già nghèo dâng mừng cả gánh bánh trôi để tỏ lòng mến mộ... Hai Bà cảm ơn, vui vẻ nhận và cùng quân sĩ ăn trước lúc ra trận. Nay ở gốc đa trước đền Hát vẫn còn ngôi miếu nhỏ thờ bà hàng bánh trôi [1]. Khác mọi nơi, bánh trôi dâng cúng ở đây nặn theo hình quả trứng, và trong lễ trình lên bàn thờ, bánh được nặn đúng 100 viên nhỏ, tượng trưng 100 trứng, theo sự tích Lạc Long Quân - Âu Cơ. Sau lễ tế thần, chủ tế cùng chức sắc lấy

---

(1) Thuyết khác, nói đây là đền "các cô bán hàng" (bánh trôi), nơi Hai Bà ăn bánh trôi ngày 6 tháng Ba, trước lúc tuẫn tiết.

49 viên đặt vào lòng bông hoa sen thả theo sông Hát, để sen trôi ra biển - tượng trưng 49 người con theo cha Lạc Long Quân về biển. Mọi người trầm lặng nhìn theo, tưởng nhớ Hai Vua Bà, nhớ đến dòng dõi con Rồng cháu Tiên. Nay, trên bàn thờ chính gian giữa có bức đại tự bốn chữ "Lạc Hùng chính thống".

Cũng vì vậy, dân Hát Môn không ăn bánh trôi vào Tết mồng 3 tháng Ba. Chỉ đến ngày 6 tháng Ba, sau khi dâng cúng Hai Bà xong, các gia đình mới vui vẻ mở tiệc "bánh trôi".

Xin mời khách hành hương dự đám rước đặc sắc và khác thường này, cử hành sau cuộc tế.

Dẫn đầu là đoàn nữ binh quân trang gọn gàng, cầm cờ lệnh. Tiếp ngay là hai con ngựa trắng, yên cương, chuông nhạc đầy đủ như nhau - đây là di vật đẹp nhất của đền. Ngựa cốt tết bằng mây, bồi vải, sơn trắng, mà tới nay trải gần 500 năm (theo truyền thuyết) vẫn đẹp và uy nghi. Sau đôi ngựa lại đoàn nữ binh vác binh khí và tự khí bát bửu, lỗ bộ, rồi tới hai long ngai, đầu rồng chạm đều quay vào trong. Tiếp là hai kiệu rước Hai Bà. Đáng lưu ý là người khiêng ở đầu mỗi kiệu đều đi giật lùi. Các cụ cho biết, đó là những "hèm" của hội. Đầu rồng ở tay ngai quay vào trong, tượng trưng việc Hai Bà nhìn lại non sông đất nước lần cuối. Còn việc người đầu kiệu đi giật lùi, là theo nghi lễ tang cổ truyền "cha đưa mẹ đón". Hai Bà được sùng kính như Mẹ. Đây như lễ "Đón Mẹ", một đức độ truyền thống của dân ta.

Lại nữa, tất cả long ngai, hương án, kiệu đều sơn đen để ghi nhận trận huyết chiến quyết liệt, hào hùng, máu đổ nhiều, phải kiêng màu đỏ. Và vì là lễ rước Hai Vua Bà nên mọi chi tiết trong nghi thức đều phải là hai. Trước tiên, phải cử hai chủ lễ, hai người đọc văn ca ngợi công đức Hai Bà. Lúc này có hai người cầm quạt che (cho người đọc văn) và hai đội nữ binh có binh khí tề chỉnh dàn hai bên hương án. Còn trong đám rước, theo sau kiệu là những cô gái thanh tân bưng hai đôi hài, hai hộp gương lược, hai hộp trầu cau, phục dịch Vua Bà trên đường chiến trận...

Sau cùng là chức sắc, bô lão và dân làng hồ hởi đi theo với niềm vui được tưởng nhớ công ơn to lớn của Hai Bà đối với non sông đất nước một thuở...

b / Hội mồng 4 tháng Chín: Lập đàn thề

Tương truyền ngày 4 tháng Chín năm Kỷ Hợi (năm 39 dương lịch) là ngày hội quân - tướng của nghĩa quân. Quân của Hai Bà rút từ Tây Hồ về tập kết cùng 7 vạn tân binh do thân mẫu của Hai Bà (là bà Man Thiện) tuyển lựa.

Để khích lệ quân sĩ, Bà Trưng chủ trì lễ tế cáo trời đất, truyền lệnh, kêu gọi anh hùng hào kiệt các nơi và tuyên đọc bốn lời thề:

* *Thề rửa sạch mối thù đất nước,*
* *Thề khôi phục cơ nghiệp nhà Hùng.*
* *Thề trả thù cho chồng.*
* *Thề quyết đoạt thắng lợi.*

("Một xin rửa sạch quốc thù
Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng
Ba kẻo oan ức lòng chồng
Bốn xin vẹn vẹn thửa công lênh này").

(Thiên Nam ngữ lục)

Rồi sai mổ trâu khao quân.

Ngày nay mở hội, đền kéo cờ đại uy nghi, khắp đường làng cắm cờ ngũ sắc rực rỡ, trống chiêng nổi lên vang vang đúng nghi thức ngày hội lớn, cùng nhiều trò chơi như đấu cờ, đánh vật...

c/ Hội 24 tháng Chạp: Lễ chiến thắng.

Đây là hội lớn, long trọng nhất trong năm. Vào ngày này năm Kỷ Hợi, kẻ thù quyết đánh một trận lớn tiêu diệt hậu cứ nghĩa quân.

Tại đây, Hai Bà bố trí trận địa, dồn quân các nơi về, như quân bà Cao Nhị, Lê Chân, thân mẫu Man Thiệp, lập một chiến tuyến vững mạnh, đồng bộ. Quả nhiên sau trận đụng độ quyết liệt, quân giặc đại bại.

Dân làng Hát Môn và khách thập phương chờ đợi lễ hội cuối năm này.

Hàng ngàn trai gái đã được tập trung, chia xếp theo tuổi, tầm vóc, giới tính, tập dượt nhiều ngày trước cho thật thuần thục. Vào hội, họ đóng nghĩa quân lập thành đạo tiền binh, hậu binh, nam binh, nữ binh... theo đồng phục riêng. Các vai tướng uy nghiêm với quân phục và giáo gươm phù giá. Làng chọn tám cô gái thanh tân, xinh đẹp nhất hầu kiệu Hai Bà.

Đúng nửa đêm 24, nghe trống hiệu, lập tức trai gái xếp thành quân ngũ, các chân cờ, chân kiệu, hiệu trống, hiệu chiêng... đều răm rắp trong hàng. Đám rước cử hành trong ánh đuốc sáng rực trời khuya, giữa tiếng lễ nhạc âm vang trầm bổng, đúng như cuộc hành quân lớn, tràn đầy khí thế hùng ca, biểu dương sức mạnh cộng đồng. Đám rước đã tái hiện lễ mừng chiến thắng vinh quang của dân tộc.

Tượng thánh được rước ra sông làm lễ mộc dục, rồi rước về đền làm lễ dâng tế, chúc tụng...

34 - HỘI LÀNG LƯƠNG QUY

Thờ: Ông Thống, ông Quy, ông Giang
(Ba vị thánh là anh em sinh ba)
Địa điểm: Thôn Lương Quy, xã Xuân Nội, huyện Đông Anh
Thời gian: 5 - 6 tháng Hai
Đặc điểm: Qua 7 cuộc thi tài.

Làng Lương Quy, xã Xuân Nội, huyện Đông Anh là một làng cổ nằm trong khu vực gần Loa thành xưa. Từ Hà Nội, theo đường quốc lộ số 1, đến thị trấn Đông Anh rẽ tay phải đi khoảng sáu cây số nữa, du khách tới làng. Hội làng xưa thường kéo dài năm, sáu ngày, nhưng nay chỉ mở hai ngày, 5 và 6 tháng Hai. Thành hoàng làng là ba vị thánh: ông Thống, ông Duy

và ông Giang. Tục truyền rằng đó là những anh em sinh ba đã có công cùng thánh Gióng đánh đuổi giặc Ân được vua Hùng trọng thưởng. Sau đó được dân làng tôn làm những vị thần bảo mệnh cho mình. Vào dịp hội có nhiều tục lệ như yến lão, vật lèo, hát chèo trong đình, tế lễ có múa bồng và đặc biệt là tục thổi cơm thi vào ngày mồng sáu tháng Hai. Tục thổi cơm thi nhằm nhắc lại sự tích rèn luyện các quân sĩ của ba vị tướng trong thời gian họ tham gia đánh giặc.

Sáng mồng 6 tháng Hai, sau khi tế lễ và múa bồng kết thúc, là tới cuộc thi thổi cơm vô cùng náo nhiệt và độc đáo. Cuộc thi diễn ra tại sân đình làng trong một vòng tròn có đường kính khoảng 9-10m. Người dự thi gồm toàn trai tráng của các giáp tham gia. Làng có bốn giáp là Đông, Tây, Nam, Bắc. Mỗi giáp cử ra hơn một chục trai tráng khỏe trẻ, khéo léo và nhanh nhẹn để dự thi. Dân làng và khách thập phương vây quanh thành một vòng tròn theo dõi và cổ vũ rất nồng nhiệt. Cuộc thi chia thành bảy giai đoạn như sau:

1. Thi bổ cau têm trầu

Việc này có vẻ không liên quan đến thi thổi cơm, nhưng nó lại được xếp vào đầu cuộc thi. Bốn giáp cử mỗi giáp hai cô gái đồng trinh, xinh đẹp, khéo tay, mặc quần áo ngày hội vào tham dự. Ngoài hai cô, mỗi giáp còn được cử một người phụ nữ đứng tuổi cùng tham gia với tư cách như một người hướng dẫn. Người đàn bà này chỉ có quyền

chỉ bảo chứ không được làm hộ hai cô gái kia. Tất cả những người tham gia đứng xếp hàng dọc theo từng giáp trước mặt bàn ban giám khảo tại cửa đình. Mặt họ hướng thẳng vào trong đình đồng thời cũng là nhìn đối diện ban giám khảo. Ban này gồm các vị chức sắc cùng các cụ cao tuổi, có kinh nghiệm và hiểu biết luật tục của làng. Bốn đĩa trầu, cau được xếp ngay ngắn trên bàn ban giám khảo. Một tràng pháo nổ ròn rã báo hiệu cuộc thi bắt đầu. Những người dự thi tiến về bàn ban giám khảo. Họ cùng đồng loạt hướng vào đình lễ thánh và nhận trầu cau đi về chỗ qui định cho giáp mình. Vị trí của các giáp được đặt theo tên gọi của giáp và tại đó người ta kê một chiếc bàn trên có che một chiếc lọng to để người xem đứng từ xa có thể nhận biết. Thời gian quy định cho thi bổ cau têm trầu khoảng hai mươi phút. Tiêu chuẩn phải là cau bổ ba, sao cho ba phần phải thật bằng nhau, hạt không được long khỏi cùi cau. Trầu têm thật khéo, miếng bẻ và cuốn thật đẹp, hình cánh phượng, đặt trên đĩa ôm lấy ba miếng cau. Quan trọng nhất là quả cau bổ làm ba sao cho thật cân đối và bằng nhau. Ban giám khảo nhiều khi phải dùng tới cân tiểu ly để xác định xem ba miếng cau có đều nhau không mà quyết định giải. Giáp nào xong trước, cau đều miếng, trầu têm đẹp thì được giải. Điều thú vị là trong lúc các cô gái bổ cau têm trầu thì hàng trăm con mắt đổ dồn vào hai cô. Họ theo dõi từng ly từng tí để nhắc nhở, chỉ dẫn, song đồng thời cũng để bình phẩm, kén chọn tài sắc của các cô. Đó cũng là dịp để các chàng trai chưa vợ chọn bạn trăm năm và gia

đình có dịp tìm hiểu người con dâu tương lai.

2. Thi chạy thẻ

Sau thi têm trầu là thi chạy thẻ. Chạy thẻ là chạy đi lấy thẻ về nộp cho ban giám khảo. Mỗi giáp cử một thanh niên khỏe mạnh, nhanh nhẹn tham gia. Bốn chàng trai của bốn giáp xếp hàng ngang trước mặt ban giám khảo. Sau khi dứt một hồi ba tiếng trống thì nhanh chóng hướng vào đình lễ ba lễ và quay ngoắt lại chạy thẳng hướng trước cửa đình. Đằng xa một cây số dân làng đã cử người đứng cầm bốn thẻ đợi sẵn ở đó. Tương truyền xưa kia ở chỗ đó có một ngôi miếu không rõ thờ ai. Thẻ là một thanh tre dài khoảng 20cm. rộng 3cm được dán giấy hồng xung quanh trên đó có ghi một chữ nhất, nhị, tam, tứ bằng chữ nho. Những người chạy thẻ phải chạy qua những thửa ruộng mấp mô vì đã cày đang để ải. Trời tháng Hai se lạnh, đất cày mấp mô, người chạy đi chân đất, nếu không khéo léo sẽ bị ngã vấp, mất tốc độ. Dân làng reo hò, trống đánh dồn dập, thôi thúc nhiều trai tráng trong giáp chạy theo để cổ vũ người của giáp mình. Không khí thật nhộn nhịp, sôi nổi. Khi chạy đến nơi, người thi phải cố nhặt thẻ thứ bậc cao rồi lập tức quay đầu chạy về đình, nộp thẻ cho ban giám khảo trong tiếng reo vang chào mừng của toàn thể dân làng. Sau đó, chàng hướng vào đình cúi lạy thánh ba lần. Chàng được người đưa ngay về vị trí của giáp mình trong sự tán thưởng và chăm sóc của cả giáp.

Do muốn nhanh chân hơn người khác cho nên có

người lễ không đủ ba lần trước khi chạy hoặc vội vã quá mà lễ không nghiêm chỉnh, tất cả các chi tiết đó đều được ban giám khảo theo dõi kỹ càng để cho điểm.

3. Thi kéo nước

Tiếp theo thi chạy thể là thi kéo nước. Địa điểm lấy nước ở gần sân đình hơn. Đó là cái giếng lấy nước ăn của làng. Gầu múc nước là một cái nồi gốm mỏng được buộc dây xung quanh. Cũng như các lần thi trước, bốn cái nồi gốm được để sẵn trên chiếc chiếu trước bàn ban giám khảo. Bốn chàng trai khác được cử ra, họ cũng đứng trước chiếu. Sau một hồi ba tiếng trống, tất cả cùng mau chóng lễ ba lễ và vố lấy nồi chạy như bay về phía giếng nước. Đó là những chiếc nồi đất nung cho nên khi thả xuống nước nó tròng trành khó lật để lấy được nước nhanh. Hơn thế nữa khi lắc và khi kéo lên nếu không thận trọng sẽ bị va đập mà vỡ. Khó hơn nữa là khi vừa cầm nồi nước đầy vừa chạy làm sao phải vừa nhìn đường để không ngã, giữ nồi cho chắc và thăng bằng để nước không sánh, nồi không rơi. Đó quả thực là những đòi hỏi hết sức cao đối với người dự thi. Người nào không khéo léo nhanh nhẹn thì hoặc là vỡ nồi hoặc là về sau cùng. Ai về trước với chiếc nồi nhiều nước nhất quả là một kỳ công và được dân làng chào đón nhiệt liệt, hàng giáp sung sướng tự hào về người của giáp mình. Vì thế người ta reo hò, cổ vũ nhưng cũng luôn luôn nhắc nhở chàng trai trong lúc thi. Nồi nước về đầu tiên được đặt trên bàn ban giám khảo trong tiếng trống thúc

dồn dập hòa cùng tiếng trống khẩu của các giáp hưởng ứng càng làm cho cuộc thi thêm náo nhiệt. Chàng trai sau khi trao nước cho ban giám khảo rồi hướng vào đình lễ ba lễ và quay về vị trí của giáp mình.

4. Thi xay thóc, giã gạo

Các giáp chuẩn bị sẵn chày, cối, nia, dần, sàng đem đặt trước mặt bàn ban giám khảo. Những thứ này đều có kiểu dáng và kích thước giống nhau. Sau khi được ban giám khảo xem xét kỹ, các giáp chuyển các dụng cụ ấy về vị trí của giáp mình. Trong quá trình thi, ban giám khảo theo dõi rất cẩn thận, tránh tình trạng gian dối hay những hành động sai phạm khác.

Cuộc thi này mỗi giáp cử ra bốn trai đinh. Khi tất cả đã sẵn sàng, ban tổ chức đem đặt trên chiếu trước bàn ban giám khảo bốn rá thóc, mỗi rá khoảng năm cân. Sau khi các chàng trai xếp hàng trước các rá thóc, một hồi ba tiếng trống vang lên. Dứt tiếng trống cuối cùng, tất cả cùng lạy ba lạy và chuyển nhanh rá thóc về khu vực của giáp mình. Lập tức người ta đổ thóc vào cối. Hai chàng trai liên tục thay nhau giã bằng chày tay. Trong khi đó hai người kia chuẩn bị dần, sàng, nia và che chắn xung quanh cho thóc khỏi tung ra ngoài cối. Tùy theo kỹ thuật và sự tính toán của từng nhóm mà họ chia thóc ra giã làm một hay hai lần. Nếu là hai lần thì trong lúc hai người giã cối thứ hai, hai người còn lại tiến hành sàng, sẩy số thóc vừa giã. Tiếng trống to, trống khẩu, tù và cùng tiếng pháo,

tiếng người reo hò, nhắc nhở rất sôi động. Những người dự thi phải biết tính toán một cách hợp lý và bình tĩnh trong lúc làm, nếu không sẽ bị đổ, bị rơi vãi hoặc có những động tác thừa, gây chậm trễ cho công việc.

Giáp nào xong đem gạo đến nộp lên ban giám khảo. Tiêu chuẩn được giải phải là xong trước về thời gian, gạo không nát, sạch trấu, cám, thóc và sạn, đồng thời phải đủ cân lạng qui định. Giáp nào xong trước mà đạt được cả các tiêu chuẩn trên là thắng cuộc. Nếu những người dự thi không biết tính toán các động tác, xếp sắp không hợp lý, hành động không khéo léo thì rất khó đoạt giải.

5. Thi kéo lửa

Sau giã gạo là kéo lửa. Mỗi giáp cử ba thanh niên khỏe mạnh, có kỹ thuật để dự thi. Dụng cụ kéo lửa là một thanh giang được buộc tay cầm ở hai đầu, một đoạn gỗ hoặc tre khô, rơm và bùi nhùi. Những thứ đó của mỗi giáp cũng được tập trung trên chiếu trước mặt ban giám khảo. Sau khi dụng cụ được kiểm tra đầy đủ, những thí sinh đứng trước chiếu đợi lệnh. Dứt hồi trống lệnh, họ vội vã cầm các vật dụng ấy chạy nhanh về vị trí giáp mình. Một người đặt ngay rơm và bùi nhùi xuống đất. Người thứ hai cầm thanh gỗ đè lên bùi nhùi và rơm, đồng thời anh ta luồn thanh giang khô xuống dưới thanh gỗ, lấy chân đè lên thanh gỗ đó và bắt đầu dùng tay cầm hai đầu thanh giang kéo qua kéo lại nhanh và mạnh. Người đặt rơm và bùi nhùi lúc này ngồi trước mặt người kéo vừa vun rơm và

bùi nhùi xung quanh thanh gỗ để hứng tia lửa phát ra. Người thứ ba ôm chặt ngang lưng người kéo lửa để giữ cho anh ta thăng bằng tập trung sức lực kéo lửa. Tù và, trống, pháo nổ náo nhiệt cả một vùng. Tiếng người hàng giáp nhắc nhở, gào thét vô cùng hăng hái. Khi lửa bén, chàng trai ngồi trước mặt người kéo lửa phải nhanh nhẹn vun bùi nhùi và rơm sao cho lửa mau bén, đồng thời phải lựa chiều mà thổi liên tục cho lửa chóng bốc thành ngọn. Ai kéo được lửa cháy trước thì mang ra trình ban giám khảo, giáp ấy sẽ thắng cuộc. Khói bụi mù mịt cả một góc sân, mồ hôi nhễ nhại trên khuôn mặt đỏ bừng của các chàng trai, song mọi người đều hớn hở và hết sức vui vẻ. Không khí cuộc thi mỗi lúc một hấp dẫn và náo nhiệt. Tiếng ồn ào, tiếng reo hò cùng đủ mọi âm thanh khác làm người xem từ khắp các ngả dồn dập đổ về, vì càng về cuối càng vui và quyết liệt. Cả cái sân đình rộng lớn, nay đã trở nên quá chật chội bởi số lượng khán giả từ mọi ngả kéo tới xem rất đông.

6. Thi bắt gà và thịt gà

Tiếp theo là thi bắt và thịt gà. Đây là một cuộc thi độc đáo và đầy hứng thú. Một người trong ban tổ chức cầm chiếc lồng trong đó có bốn con gà bước ra khỏi vòng người trong sân, đi về phía hàng cây cuối sân đình. Anh ta cầm lồng gà và trèo lên một cây cao. Sau khi tìm một vị trí ở ngang chừng cây, anh ta đứng đó đợi lệnh. Dưới gốc cây, mỗi giáp được cử bốn hoặc năm thanh niên đứng chuẩn

bị bắt gà. Người xem cũng đứng tạo thành một vòng quanh những người dự thi. Khi tất cả đã sẵn sàng, tiếng trống lệnh từ trong đình phát ra, người giữ lồng gà trên cây liền mở nắp thả bốn con gà xuống. Từ trên cao gà vừa có lực bay, lại thấy đám đông người ồn ào nên chúng bay tứ tung. Các chàng trai xông vào bắt gà. Tiếng hò hét, tiếng chân chạy, trống thúc càng làm gà sợ hãi và cố sức để thoát. Bốn con gà đều được chọn những con to, khỏe, trước cảnh cuồng nhiệt của người càng làm chúng tán loạn, gây khó khăn cho người bắt. Nhóm người của từng giáp phải chia nhau săn, đón, đuổi rất vất vả. Giáp nào bắt được gà trước nhanh chóng đem về vị trí của giáp mình bắc nước làm lông. Các chàng trai dùng mảnh nứa sắc cắt tiết và mổ gà. Khi cắt tiết xong người ta nhúng tiết vào nước sôi và đưa lên bàn thờ thánh kê bên bàn ban giám khảo. Các chàng trai ra tay làm thịt gà trong tiếng reo hò, khích lệ và chỉ dẫn của hàng giáp. Gà thịt phải được vặt lông thật sạch, luộc không quá chín để bị tróc da. Vết mổ gà không được quá to và nát, lòng gà và các bộ phận bên trong cũng phải được làm sạch sẽ. Luộc chín rồi, gà được xếp lên đĩa thật khéo, hai cánh cong lên, đầu hướng về phía trước, miệng ngậm bông hồng đỏ tươi, được đưa lên bàn giám khảo. Sau khi chấm xong, gà đem bày lên bàn thờ lễ thánh. Giáp nào xong trước mà đạt các tiêu chuẩn đã định thì đoạt giải nhất.

7. Thi thổi cơm

Cuối cùng là thi thổi cơm. Cũng như các lần trước,

lần này mỗi giáp cử ra ba hoặc bốn người. Những người này vẫn là các chàng trai chứ không phải các cô gái. Họ đứng xếp hàng trước ban giám khảo chờ đợi. Trước mặt họ là chiếc chiếu để bốn chiếc nồi đã được buộc sẵn quanh miệng một tay cầm bằng tre tươi để khi đun khỏi bị cháy. Ngoài ra phần bao quanh nồi, đoạn tre tươi ấy còn được bọc một lớp bẹ chuối tươi để bảo đảm cho khỏi bén lửa. Ở vị trí của các giáp, người ta đã chuẩn bị sẵn hai bó nứa khô làm đuốc. Gạo đã sẵn trong nồi. Dứt một hồi ba tiếng trống, các chàng trai nhanh chóng hướng vào đình cúi lạy ba lạy rồi cầm nồi chạy về vị trí của giáp mình. Họ khẩn trương vo gạo và châm đuốc, bắt đầu nấu. Khi nấu không được đứng yên tại chỗ mà phải vừa đi vừa nấu. Tùy theo sự thuận tay của người cầm nồi cơm mà anh ta có thể đi giữa còn hai người cầm đuốc cháy đốt dưới trôn nồi đi hai bên. Cũng có thể người cầm nồi đi trước hướng về hai người cầm đuốc và đi giật lùi. Hai người cầm đuốc thay phiên nhau đốt dưới đáy nồi cho cơm mau sôi. Điều bắt buộc là luôn luôn phải đi nấu và đi vòng tròn ngược chiều kim đồng hồ. Mọi việc như ghế (đảo) cơm, sửa vung... đều phải vừa đi vừa làm, không được dừng lại, ai dừng sẽ bị bắt lỗi. Khi cơm chín mới được dừng lại, vớt ra một tấm vải ướt và nắm sao cho thật chắc, tròn và mịn rồi nộp ban giám khảo. Cơm chấm xong được dâng lên bàn thờ thánh.

Cơm phải dẻo, sạch và chín. Nhão, nát hay sống là bị loại ngay. Điều khó ở đây là khi cơm sôi làm sao vừa đi

vừa đảo cơm mà không đổ cơm, đổ nước, tàn lửa, tro than không bay vào. Người cầm nồi đã khó giữ cho nồi thăng bằng trong động tác vừa cầm, vừa đi, vì mỏi tay. Người đảo cơm phải chịu sức nóng của lửa đuốc táp vào người, vào tay không khéo sẽ lúng túng mà làm đổ cơm. Người cầm đuốc làm sao giữ cả bó đuốc dài, to điều khiển cho lửa cháy đúng dưới nồi, lúc cần to, lúc phải nhỏ để nước không trào ra làm tắt đuốc hỏng cơm. Đuốc bó không khéo tàn đuốc sẽ rơi vào nồi, hoặc lửa cháy quá to làm khê và cháy cơm v.v... Phải nói đây là giai đoạn quyết định và có vô vàn khó khăn đòi hỏi người dự thi phải hết sức khéo léo và có kỹ thuật đồng bộ. Thiếu những cái đó sẽ khó lòng mà thành công được.

Sau khi chấm tất cả bảy lần thi, ban giám khảo cộng điểm và tuyên bố kết quả cho các giáp. Giải không lớn nhưng ý nghĩa của nó thì rất quan trọng. Đó là niềm tự hào của cả giáp và mang lại sự thịnh vượng trong cả năm cho toàn giáp. Khỏi phải nói là người ta sung sướng đến nhường nào.

35 - HỘI LÀNG ĐÔNG DƯ

Thờ: - Cao Sơn
- Bạch Đa
- Linh Lang đại vương

Địa điểm: - Xã Đông Dư - huyện Gia Lâm

Thời gian: - 7 - 13 tháng Hai
- Chính hội: 8 tháng Hai

Đặc điểm: - Rước nước, đấu cờ

Đông Dư là một xã của huyện Gia Lâm - Hà Nội; bắc giáp xã Cự Khối, nam giáp xã Bát Tràng, đông giáp xã Trâu Quỳ, tây giáp sông Hồng. Trước năm 1945 nguyên là đất các xã Đông Dư Thượng, Đông Dư Hạ thuộc tổng Đông Dư, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh. Sau năm 1945 được ghép thêm một ấp của đồn điền Marty vào thành thôn Thuận Phúc. Năm 1961 nhập vào Hà Nội có tên gọi là xã Thừa Thiên, năm 1965 lại lấy lại tên cũ là Đông Dư. Thời xa xưa còn gọi là Gỏi.

Đây là vùng đất bãi bồi của phù sa sông Hồng nên từ lâu đời đã có nghề trồng rau rất phát triển, sau này phát triển thêm các loại cây trái khác như táo, ổi, doi... làm cho cảnh quan xóm làng thêm đẹp, thêm xanh.

Đến Đông Dư có thể theo đê sông Hồng từ phía bắc cầu Chương Dương xuôi về Bát Tràng chừng bảy cây số. Nơi đây là quê hương cụ Nguyễn Huy Trinh và Nguyễn Huy Chiểu "phụ tử đồng khoa", cụ Trinh đỗ khoa Đinh

Mão (1807) làm quan tả tham tri bộ Hình. là ông ngoại của quan hoàng giáp Nguyễn Tư Giản (1823 - 1890). Nguyễn Tư Giản quê ở Du Lâm huyện Đông Ngàn nhưng lúc nhỏ ở với ông ngoại. Khi đỗ đạt giữ nhiều trọng trách ở triều Nguyễn như Hàn lâm viện thị giảng học sĩ, tham biện Nội các sự vụ... Ông vẫn nhớ sâu sắc cái làng Đông Dư, nơi có chùa Phổ Quang được kiến tạo từ thời Lê, mà ông thường ra chơi đá cầu, cưỡi ngựa tre ở sân chùa. Kỷ niệm thời ấu thơ ấy, ông ghi trong bài *Đề Phổ Quang tự* như sau:

Chung lâu cổ các trúc hồ tân,
Tổng quát hoan du tích dĩ trần.
Nhị thập dư niên trùng phỏng cựu,
Bích ba phương thảo bất thăng xuân.

Dịch:

Lầu chuông gác trống vẫn trơ,
Bóng người em nhỏ chơi đùa nào đâu?
Cỏ thơm sông biếc dãi dầu,
Hai mươi năm lẻ biệt nhau lại về.

Ngôi chùa Phổ Quang ấy trải bao biến thiên lịch sử vẫn tồn tại, nay đang được tôn tạo lại, gác chuông không còn nhưng quả chuông đồng đúc năm Tự Đức thứ 34 (1881) vẫn được nhân dân giữ gìn cùng với các pho tượng Phật và cổ vật khác. Chùa nằm kề đình ở ngay đầu làng Đông Dư Hạ. Đình bị tàn phá trong hai cuộc chiến chống Pháp và Mỹ nay chỉ còn trơ lại nền cũ và giếng hình bán nguyệt khá thơ mộng. Đình thôn Thượng cũng điêu tàn như vậy,

bởi chưa có nơi nào trên đất Gia Lâm ngày ấy lại có nhiều đồn bốt đóng dày như vậy (bốn bốt Tây, bốt bảo an). Dân làng phải phiêu bạt đi nhiều nơi; thế mà các cụ còn giữ được 32 đạo sắc phong cho bốn vị thành hoàng của làng. Trong số đó sắc thời Lê nhiều nhất (13) sớm nhất vào năm 1730. Sắc quý hiếm là thời Tây Sơn cũng có đến bảy chiếc, số sắc còn lại là của thời Nguyễn qua năm triều vua, muộn nhất là năm 1917. Sắc phong cho các vị thành hoàng: Bạch Đa - vị tướng đã từng có công lao giúp Đinh Bộ Lĩnh thống nhất sơn hà, dẹp được 12 sứ quân cát cứ các vùng sau khi Ngô Quyền mất (944) và Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi vua, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, chuẩn bị cuộc kháng chiến chống Tống vào năm 981.

Cao Sơn là một trong ba vị Quốc chúa thượng đẳng thần, em con ông chú của thánh Tản Viên, đã cùng thánh Tản và Quý Minh gắn bó máu thịt với nhau, cùng cai quản vùng núi Ba Vì, dạy dân cách làm ăn. Cũng như thánh Tản và Quý Minh (em ruột), ngài được nhiều nơi tôn thờ.

Linh Lang đại vương vốn là vị hoàng tử nhà Lý, con vua Lý Thánh Tông và bà Hạo nương cung phi sinh ra. Ngài có công giúp vua dẹp giặc Trinh Vĩnh, khi ngài hóa, được 269 nơi thờ. Đó là một vị thánh có nhiều huyền tích lung linh nhưng đượm chất nhân văn Việt Nam. Từ khi sinh đến khi dẹp giặc và hóa thân phảng phất một cái gì giống thánh Gióng.

Còn một vị thánh nữa chỉ có duệ hiệu là Đức Khương

Trí, kiêm Đông Tây Nam Bắc quản đô đại thành hoàng; chưa tường sự tích..

Hàng năm cứ đến mồng 7 tháng Hai là mở lễ hội. Lễ và hội thường đi kèm nhau. Ngày nào cũng có lễ thánh và sau đó là hội, dường như không có lễ thì không thành hội và không có hội thì lễ sẽ tẻ nhạt. Phần lễ thường làm vào sáng và ngắn gọn hơn, còn phần hội thì diễn ra cả ngày lẫn đêm, thường suốt tới sáng. Lễ hội xưa đâu chỉ có một ngày mà kéo dài hàng tuần lễ, cho đến ngày 13 tháng Hai mới giã đám. Nay thì đơn giản hơn, chỉ tiến hành từ một đến hai ngày. Ông già bà cả của Đông Dư vẫn nhớ hội làng ngày xưa rành rọt cụ thể, mặc dầu lần cuối cùng tổ chức quy mô là năm 1940.

Ngày 7 tháng Hai: lễ rước nước của hai thôn để về "mộc dục" (tắm) cho thánh. Từ mờ sáng tinh sương, xóm làng như bừng dậy, đâu đâu cũng nhộn nhịp khác thường, làng Thượng cũng như làng Hạ, già trẻ đã ăn vận nghiêm trang, tề tựu đông đủ ở sân đình, sân đền, sân chùa. Dưới sự điều hành của vị chủ đám, người vác cờ, người khiêng kiệu, người khiêng chóe, khiêng trống, chiêng... từ ba điểm khác nhau lên tập kết tại đê; đoàn rước nước của hai thôn nhập làm một theo trật tự trước sau cùng tiến qua bãi, ra sông Cái (sông Hồng) lên thuyền.

Đoàn thuyền gồm sáu chiếc chèo ra giữa dòng sông, tiến hành thủ tục nghi lễ múc nước rồi quay thuyền vào và rước kéo dài cho đến chiều mới xong. Từ mồng 8 tháng Hai cho đến ngày giã đám là 13 tháng Hai sáng nào cũng

có tế, mỗi giáp tế một ngày, thôn có sáu giáp tế sáu ngày. Thường lễ chỉ có hương hoa, trầu rượu và xôi gà, nhưng đặc biệt chính hội là ngày 11 tháng Hai thì tế có lợn (gọi là ông Ỷ). Giáp nào đến phiên luân lưu đã biết từ năm trước, nên đã có sự phân công nuôi lợn, bao giờ cũng dự phòng nên hai hoặc ba nhà cùng nuôi, nếu không may gần ngày vào đám mà lợn bị dịch bệnh là phải có con khác thay thế, trong giáp không có lợn đạt tiêu chuẩn thì cấp tốc tìm mua trong xã. Nuôi "ông Ỷ" để tế, thật không đơn giản như nuôi lợn khác, từ chuồng trại đến việc tắm rửa và nhất là việc cho ăn, kén rau bèo cám bã. Lại đến khi mổ cũng khá cầu kỳ, dùng nước sôi thế nào, cạo lông ra sao, lợn mổ xong bày đặt trên mâm thế nào, rắc hoa bưởi xung quanh v.v... Hôm ấy, các giáp khác cũng phải dâng lễ xôi lợn và có thi nhất, nhì, ba. Lợn nhất là phải trên một tạ, thịt hồng tươi, béo ("con lợn có béo thì lòng mới ngon") theo quan niệm cổ truyền. Xôi phải 20 gánh. Gạo nếp cái trắng thơm không lẫn thóc hay gạo tẻ, vo đãi kỹ, xôi phải dẻo... Tế lễ xong, hạ cỗ cúng xuống ăn uống và chia phần mang về. Quy định như sau: lợn nhất dành cho các vị tiên chỉ cùng chức sắc trong làng; lợn nhì dành cho các cụ từ 55 tuổi trở lên; lợn ba dành cho số người còn lại; lợn bốn chia về cho các giáp. Có vị ở hai ba ngôi thứ nên phần mang về khá nhiều, đã có người được 20 cân thịt và tới 50 cân xôi, về biếu hết nội lẫn ngoại vẫn còn phải đem làm mấy chum tương ăn dần.

Ngày 12 tháng Hai tế bò, nói là tế bò nhưng chỉ là

xôi và thủ bò. Từ sau cách mạng đến nay việc cỗ bàn tế lễ như xưa đã bỏ, giản tiện nhiều, không còn là mối lo cho dân như trước nữa.

Sau khi đã tế lễ thành kính, biểu lộ lòng tôn sùng các vị thánh là những bậc tiền bối có công lao với nước với dân, biểu lộ sự tri ân của hậu thế xong, dân làng bước vào phần hội hè. Trong phần này dân làng đã bộc lộ tình cảm nồng thắm, chân thực mà cốt lõi là tinh thần cộng cảm sâu sắc. Dân làng đón phường chèo, phường tuồng có tiếng trong vùng về diễn... Có năm hội làng có hàng chục phường đến xin đám. Các phường cứ diễn những tích hay nhất của phường mình, dân sở tại góp gạo thịt cho mỗi phường ăn, hay thì có thưởng gọi là "lộc thánh" ban; do vậy mà phường nào cũng trổ hết tài nghệ của phường mình, một cuộc thi lặng lẽ với nhau từ áo quần, mũ mãng cho đẹp, đào kép giỏi, tích diễn hay...

Hội làng còn có đánh đu, trò chơi mà trai gái làng ưa thích. Họ thi nhau đu đôi nam nữ hoặc hai nam, hai nữ. Họ mời nhau đu là có ý muốn làm quen nhau, hay muốn tỏ tình với nhau, cũng có khi là để tranh tài cao thấp. Người đu lẫn người xem đều hào hứng. Chỗ khác có đấu cờ tướng. Loại cờ này xưa kia được nhiều người ca ngợi là thú chơi thanh cao, đua tài đua trí. Song vui hơn, sôi nổi hơn có lẽ ở đám chọi gà - nơi họp mặt của nhiều người nuôi gà, chơi gà. Từ nhiều nơi, mọi người đem gà hay về đá chọi. Đây là thú chơi cuốn hút lớp trung niên...

Nhưng có lẽ độc đáo nhất ở hội này là đấu võ: đấu kiếm, đấu côn, đấu quyền, múa khiên... mang truyền thống thượng võ. Có khi chỉ là trình diễn nhưng cũng có khi là tỉ thí giật giải. Người dự đấu thường là trai tráng khỏe mạnh, tập luyện có bài bản, đã từng thụ nghiệp với một võ sư. Trước đây, ở Văn Đức (cùng huyện) có một lò võ, ở Mai Động (nay thuộc quận Hai Bà Trưng) cũng có một lò... Trước khi vào đấu hai bên chắp tay xá nhau theo lễ nghi nhà võ; tiếp là múa hoa để gây không khí vui nhộn cho người xem, vừa để áp đảo tinh thần đối phương. Trọng tài điều khiển trận đấu cầm trống, đánh dồn ba tiếng một là thúc giục hai bên, trống đánh đổ hồi là kết thúc. Bên thắng có phần thưởng nhỏ đó là mấy bao chè, mấy phong thuốc, mấy thước vải điều... Sau cuộc đấu, các võ sĩ thường dự cơm rượu với nhau, giữ bền tình đồng nghiệp.

Phải chăng thuở sơ khai, người Việt cổ thường tổ chức trong nội bộ công xã những nghi lễ buộc trai trẻ mới vào đời phải một phen trổ tài trước quần chúng, chứng tỏ là đã có tập luyện công phu, xứng đáng được chấp nhận vào tuổi trưởng thành. Dấu xưa ấy còn phần nào thể hiện trong hội làng Đông Dư ngày nay, khác chăng là ở ý nghĩa: khuyến khích tinh thần thượng võ, sự tháo vát nhanh nhẹn, luyện tập thân thể, rèn sức dẻo dai để khi hữu sự đem ra thi thố... Ngoài ra là để mua vui trong ngày hội xuân - xuân của tự nhiên mà cũng là xuân của con người Đông Dư vậy.

36 - HỘI LÀNG THỌ AM

Thờ: ướng quân Đoàn Thượng, quan nghè Nguyễn Phục và Lã thị phu nhân

Địa điểm: Làng Thọ Am, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì - Hà Nội

Thời gian: Từ mồng 7 đến mồng 10 tháng Hai: chính hội 8 tháng Hai

Đặc điểm: Rước kiệu

Từ Hà Nội đi đường quốc lộ số 1, qua thị trấn Văn Điển, gặp ngã ba Ngọc Hồi, rẽ trái, đi chừng 2km là đến cống Om. Qua cống rẽ phải chừng 800m là đến đình Thọ Am. Làng Thọ Am có tên là Kẻ Om, hồi cuối Lê đầu Nguyễn thuộc phủ Thường Tín, trấn Sơn Nam thượng. Đầu thế kỷ XIX thuộc huyện Thanh Đàm, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông. Nay là xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Đình Thọ Am tọa lạc trên khu đất cao ở giữa làng theo hướng nam, kiến trúc kiểu "nội công ngoại quốc", còn nguyên dáng vẻ cổ kính. Có hồ bán nguyệt xây gạch nghiêng trước cửa đình và sáu cây muỗng cổ thụ trồng đối xứng tỏa bóng trên nền sân gạch Bát Tràng. Đình khá đồ sộ do những tòa nhà ngang, dọc tạo thành. Đại đình năm gian, hai chái xây kiểu đầu hồi bít đốc mái lợp ngói ta, bờ nóc hai dải đắp dạng chữ đinh, chính giữa nóc mái đắp hình hổ phù ngậm vành trăng. Trong đình có nhiều hoành phi câu đối và thần vị quan nghè Nguyễn Phục mặc áo màu vàng và nhiều di

vật quý gồm: hương án chạm rồng thế kỷ XVIII, lư hương đồng ghi niên hiệu Tuyên Đức thời Minh (1428-1439), hai cỗ long ngai chạm rồng, một cỗ long đình chạm thủng rồng mây hoa lá thế kỷ XVIII, thần phả, 34 đạo sắc phong, sớm nhất là năm Dương Hòa tam niên (1637) muộn nhất là năm Chiêu Thống nguyên niên (1787). Như vậy, cho dù những tư liệu về năm xây dựng đình đã bị thất lạc, nhưng những tư liệu thành văn trên đã giúp chúng ta đoán định được thời gian xây dựng đình vào đầu thế kỷ XVII. Còn các cụ già trong làng căn cứ vào hệ thống gia phả đã khẳng định đình được khởi dựng nào năm 1600. Sau đó còn được trùng tu sửa chữa nhiều lần vào các năm 1843, 1861 và 1886. Đền thờ Lã thị phu nhân ở bên phải sát hậu cung đình. Trước đây bà được thờ ở đình, sau này dân xây đền và rước bà về ngự. Thời điểm xây đền được ghi lại trên thượng lương của nhà tiền tế: Hoàng triều Khải Định bát niên (1923). Ngôi đền xinh xắn với tòa tiền tế ba gian hậu cung hai gian xây dọc nối với nhà tiền tế. Tượng bà đặt ở hậu cung, được tạc đẹp như khuôn mẫu "Mẫu nghi thiên hạ, hiền thục đoan trang".

Miếu thờ tướng quân Đoàn Thượng ở đầu làng, trong miếu có thần vị của ông khoác áo đỏ. Miếu cũ đã bị giặc phá, sau xây làm trạm bơm, miếu hiện nay xây sát cạnh nền miếu cũ.

Làng Thọ Am thờ hai vị thành hoàng là tướng quân Đoàn Thượng và quan nghè Nguyễn Phục. Thần tích của hai vị đã được ghi nhiều trong sử sách và được thờ ở nhiều

nơi. Tướng quân Đoàn Thượng hiệu là Đông Hải đại vương, ngoài "*Đại Việt sử ký toàn thư*" còn được chép kỹ ở "*Dư địa chí huyện Cẩm Giàng*", tỉnh Hải Dương (tr. 37) và "*Quỳnh Côi dư địa chí*" của Ngô Vi Liễn (tr.27). Ông là người làng Hồng Thị xứ Hồng Châu (nay là Tràng Tân, Gia Lộc, Hải Dương), bố là Đoàn Trung, mẹ là Phạm Thị Đoan [1] gia đình quan lại. Nhà Lý mất, ông không quý phục nhà Trần nên giữ lại châu ấy. Quan thái sư nhà Trần là Trần Thủ Độ đã mua chuộc được Nguyễn Nộn - người giữ đạo Kinh Bắc. Nguyễn Nộn vờ mời ông đến để hội kiến chống nhà Trần. Ông vô tình tới nơi, bị Nguyễn Nộn đem trọng binh đánh úp. Ông vừa đánh trả quân Nguyễn Nộn, vừa chống đỡ quân nhà Trần từ phía Hưng Yên lên. Không cân sức, ông bị chém gần đứt cổ, phải lấy đai lưng buộc đỡ, cưỡi ngựa chạy về đến làng An Nhân, gặp một ông già đội mũ thắt đai đứng bên đường nói: "Tướng quân là bậc trung liệt, Thượng đế cất nhắc đấy", lại chỉ gò đất bên đường bảo: "Đây là huyết thực của ngài, chớ bỏ qua". Tướng quân vâng lời xuống ngựa, gối giáo mà nằm, liền có mối xông thành mộ... Do sự linh ứng của ngài nên triều Lê phong làm thượng đẳng thần. Ở huyện Thanh Trì tướng quân còn được thờ ở đình Nhân Hòa, xã Tả Thanh Oai; đình Định Công Thượng, Định Công Hạ xã Định Công và đình Nội Am cùng xã Liên Ninh.

---

(1) Thần tích ở đình Nhân Hòa lại nói thân phụ của tướng quân Đoàn Thượng là Đoàn Hiền, thân mẫu là Nguyễn Thị Dự?

Quan nghè Nguyễn Phục là vị thần đã được ghi ở "*Đại Việt sử ký toàn thư*", và sách "*Tang thương ngẫu lục*"... dựa vào những tư liệu trên và từ thần tích, truyền thuyết ở địa phương có thể phác họa đôi nét công tích của ông. Nguyễn Phục hiệu là Tùng Giang, người xã Hoàn Lâm, huyện Gia Phúc, xứ Hải Dương. Ông xuất thân trong gia đình có truyền thống nho học, mẹ ông người Kẻ Om, Thanh Trì. Lúc nhỏ ông học rất thông minh chăm chỉ, lớn lên ông đi thi và đã đỗ thứ ba trong số những tiến sỹ của khoa thi năm Quý Dậu (1453), sau đó ông được vời giảng sách trong cung. Năm Quang Thuận thứ nhất (1460) tháng Chín ngày 21 ông đi sứ triều Minh, sau còn đi sứ hai lần nữa. Những ngày ở Trung Quốc, ông đã học được nghề trồng dâu, nuôi tằm, kéo tơ, dệt vải về dạy cho dân nên đã nhiều nơi tôn ông làm tổ nghề. Năm 1463, thi đình, ông được cử làm giám thị. Năm 1464 ông làm tham chính xứ Thanh Hóa. Năm 1470, ông được bổ chức cẩm y vệ đô chỉ huy sứ. Cũng năm này vua Lê Thánh Tông thân dẫn quân đi đánh Chiêm Thành. Ông được giao nhiệm vụ quan trọng là vận chuyển quân lương. Khi ông và đoàn thuyền đến cửa Tư Vinh thì gặp bão lớn, quân sỹ cố chèo vì sợ lỗi hẹn bị tội chết. Biết cho đoàn thuyền ra khơi lúc này thì quân sỹ, thuyền bè, lương thực sẽ bị chôn vùi đáy biển nên ông cho neo thuyền lại và nói: "Thà để mình ta trái mệnh chịu tội trước ba thước gươm, còn hơn để bao người vô tội chết oan". Tan bão, đoàn thuyền lương an toàn cập bến đất Chiêm Thành. Lương chậm, quân sỹ bị đói nên vua Lê rất

tức giận đã lệnh giam Nguyễn Phục chờ ngày xét xử. Khi nguôi giận, biết ông bị oan nên vua Lê Thánh Tông ra lệnh cởi trói tha mạng thì ông đã chết..

Lễ hội làng Thọ Am được tổ chức từ ngày 7 đến 10 tháng Hai. Chiều mồng 7 rước nước từ giếng cuối làng về làm lễ mộc dục. Sáng mồng 8 lên miếu thờ tướng quân Đoàn Thượng rước ngài về đình tế lễ. Sáng mồng 10 lại rước thánh hoàn cung.

Đi đầu đám rước là tám trai đinh vác tám lá cờ thần, rồi đến kiệu long đình có hai tàn một lọng che. Thần vị tướng quân Đoàn Thượng đầu đội mũ cánh chuồn, mặc áo bào đỏ ngự trên kiệu ngai do 16 đô nam mặc áo lương xanh, đầu đội khăn xếp thay nhau khiêng. Tiếp theo kiệu ngai thần vị quan nghè Nguyễn Phục, đội mũ cánh chuồn, áo bào màu vàng, đô khiêng kiệu ngài mặc áo the đen. Đô tùy nữ mặc áo dài nâu thắt lưng hoa lý bỏ múi bên cạnh,

đầu vấn khăn nhung khiêng kiệu võng của Lã thị phu nhân tiếp theo.

Dân làng Thọ Am phụng thờ những vị nhân thần ở các giai đoạn lịch sử khác nhau. Tướng quân Đoàn Thượng sống ở cuối triều Lý nối sang đầu triều Trần, quan nghè Nguyễn Phục ở thời kỳ Lê sơ, tuy hai vị có thánh tích khác nhau nhưng đều là tấm gương sáng để hậu thế noi theo ở tinh thần trung với dân với nước.

Đình, đền Thọ Am đã được Bộ Văn hóa thông tin xếp hạng là: Di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật năm 1991.

37 - HỘI ĐÌNH VẠN PHÚC

Thờ: Linh lang, Mẫu Thiên Tiên Lý Huệ Tông
Địa điểm: *32 Đội Cấn, quận Ba Đình*
Thời gian: 9 tháng Hai và 20 tháng Tám, chính hội 9 tháng Hai
Đặc điểm: Rước, múa trống, cướp lụa đỏ

Thủ Lệ, Cống Vị là năm
Hữu Tiệp, Vạn Bảo, Cống An, Ngọc Hà.
(Ca dao)

Trại Vạn Bảo sau đổi là trại Vạn Phúc có đình hàng tổng của khu Thập Tam Trại. Vạn Phúc có bốn xóm tương đương bốn giáp: giáp Thượng, giáp Hạ, giáp Trung, giáp Nam. Làng rộng, đất đai nhiều song lại kẹt vào hai giải hồ, hồ lớn quen gọi là đầm Cây Khế và hồ nhỏ quen gọi là hồ Trước Cửa. Khi phố Sơn Tây mở mang thì hồ Trước Cửa bị san lấp. Cụm di tích Vạn Phúc gồm đình Vạn Phúc, miếu Trắng và chùa Bát Tháp. Đình có nguồn gốc xa xưa từ thời xây dựng kinh đô Thăng Long. Khu vực này có ngôi đền thờ Linh Lang đại vương. Theo truyền thuyết, người là Hoàng Chân con thứ tư của vua Lý Thánh Tông (1054-1073), thân mẫu là Cảo nương, người làng Bồng Lai, Đan Phượng, Hà Tây. Khi quân Tống xâm lược, Linh Lang xin với vua cho đi dẹp giặc dưới sự chỉ huy của thái úy Lý Thường Kiệt. Vua ban cho voi và cờ để ra trận. Voi được dẫn tới, Linh Lang phất cờ, voi quì

phục đón chào chủ tướng. Linh Lang cưỡi voi ra trận đã lùi được quân binh của giặc Tống là Triệu Tiết, Quách Quì. Chiều cuối năm 1077, Linh Lang cùng Chiêu Văn hy sinh tại bến sông Như Nguyệt. 269 nơi thờ ngài, trong đó có đền Vạn Phúc. Trải qua nhiều thời kỳ biến động, đền bị hư hỏng. Nhân dân địa phương sửa lại khu đền thành khu đình khang trang. Tòa tiền tế phía trước đại đình xây dựng vào triều vua Minh Mạng năm thứ 7 (1826). Còn hậu cung tôn tạo niên hiệu Thành Thái thứ 6 (1904). Đình có cổng, tam quan, sân, hai dãy tảo mạc, nhà tiền tế. Trong di tích còn nhiều di vật, các mảng chạm khắc long, ly, qui, công phu. Miếu Trắng trước ở bên đường Ngọc Khánh. Do việc mở mang giao thông miếu chuyển vào cạnh đình Vạn Phúc. Miếu thờ Liễu Hạnh, chúa Sơn Trang, đức Trần Hưng Đạo, chúa Bảo Hà, mẫu Thiên Tiên cửu trùng. Trên phố Đội Cấn cách đình, miếu 500m có chùa Bát Tháp. Bài minh trên quả chuông (1803) cho biết chùa là một danh lam cổ tích huyền thiên thắng cảnh được lập từ triều Lý. Tấm bia đã gắn trên tường chùa lập năm Thành Thái thứ 9 (1897) ghi rõ chùa Núi Voi, trại Vạn Phúc, tổng Nội huyện Vĩnh Thuận là danh lam được nhập vào chùa Bát Tháp. Chùa Núi Voi chính là chùa Chân Giáo dựng năm Thuận Thiên 15 (1024) để vua Lý tiện đường ngự giá xem tụng kinh cầu Phật. Sau ông vua cuối cùng của triều Lý là Lý Huệ Tông nhường ngôi cho con gái (Lý Chiêu Hoàng) ra tu ở chùa này. Tam quan chùa là ba khối tháp hai tầng, khối giữa tầng trên có ba vòm cửa làm gác chuông,

tầng dưới hai cột trụ áp bên, hai khối bên tầng trên cửa tròn, tầng dưới nhỏ hơn cửa chính.

Cụm di tích của đình, miếu, chùa hàng tổng xa xưa gắn liền với lễ hội đền Voi Phục (Thủ Lệ) một trong tứ trấn Thăng Long. Đại hội phải vài chục năm mới có một kỳ, được sự thỏa thuận chung tất cả các làng trong hàng tổng. Một tháng trước hội, làng Thủ Lệ và làng Thụy Khuê sắp xếp đô kiệu. Có sáu hàng đô là thanh niên từ mười tám tuổi trở lên phải đẹp trai, khỏe mạnh, không vết sẹo trên mặt. Hai cai đám là hai cụ già đẹp lão, khỏe mạnh, gia đình song toàn. Hàng đô tập khênh kiệu bát cống trong một tháng, khi rước mình khoác mặc khố bao đỏ, khăn vắt màu đỏ hoặc màu cánh sen. Đó là mảnh vải dài quá gối dùng ghim cài. Mũ hình bầu dục bằng vải đen, cầm quạt tầu màu xanh đỏ, đeo túi mạng tam tòng. Cụ cai mặc áo thụng đi hia, mũ tề, tay cầm trống khẩu điều khiển đô tùy. Ba giờ sáng ngày 10 tháng Hai phong áo bài vị để vào kiệu của Thủ Lệ rồi đợi đến bảy giờ sáng, có hàng đô của Thụy Khuê tới thay vai kiệu. Các hàng đô thay nhau giữ vai từng lớp tám người một, ai đỡ khéo không làm sóng bát nước thì được khen thưởng. Bảy giờ ba mươi phút, đám rước đi từ đền Voi Phục đến đình hàng tổng Vạn Phúc. Đi đầu là lá cờ lệnh to bằng chiếc chiếu, cờ nền trắng viền xanh đỏ có chữ "Lệnh" rồi đến quân lộ bộ. Hai bên đội trống, phường bát âm. Tiếp, đội ngũ cờ ngũ hành, đồng văn đeo trống kiệu, mười lăm quân cờ nữ, mười lăm quân cờ nam, một tướng cờ nữ, một tướng cờ nam. Quân

cờ mặc áo đỏ, hai ngựa gỗ đặt trên hai xe có bánh, một đỏ, một trắng đi trước kiệu bát cống. Rồi một ông voi đan bằng mây đặt trên xe. Cờ tán tròn, cán trúc che cho kiệu đức ngài. Dọc đường từ Thủ Lệ tới Vạn Phúc dân làng cắm cờ đuôi nheo bát quái, ngũ sắc. Kiệu đi trong tiếng nhạc "lưu thủy hành vân" tưng bừng thôi thúc. Đám rước đi tới núi Bò, đô kiệu phải vừa khiêng vừa bò lên. Tám người bò, hai mươi tư người khênh, bò hai chân, một tay khác vịn kiệu (bò kiểu tượng trưng). Kiệu qua núi Bò đến núi Ngựa thì nghỉ thụ lộc.

Bảy giờ tối, đám rước vào đình trong ánh sáng lung linh của hàng trăm ngọn đuốc. Bài vị trong khám được rước vào hậu cung. Tại sân đình tổ chức hát nhả tơ, tổ tôm, xóc đĩa, cờ người. Bảy giờ tối ngày 26 tháng Hai tổ chức đọc văn tế thánh. Tám giờ tối 29 tháng Hai, một cụ già áo thụng đỏ, quần đỏ, khăn đỏ làm lễ. Lễ xong, cụ già thay quần áo thường còn tung bộ áo đỏ, quần đỏ, khăn đỏ để cho mọi người xô vào xé ra từng mảnh, về may vào quần áo cho con cháu để lấy khước. Sáng ngày 30 tháng Hai rước kiệu hồi cung đền Thủ Lệ, lần này không phải bò.

Ngày nay do điều kiện đô thị hóa, đường sá không như xưa nên lễ hội Vạn Phúc cải biên theo hình thức mới. Ngày hội tổ chức vào ba ngày với sự tham gia của mười ba làng trại và nhiều cộng đồng di tích khác như ở Đình Bảng (Bắc Ninh) Bồng Lai (Hà Tây) cùng về dự. Ngày 8 tháng Hai, tám giờ tổ chức rước nước từ chùa Bát Tháp về đình Vạn Phúc. Mười giờ ba mươi phút tổ dược-sư của phụ lão

tụng kinh tại đình, miếu, cầu quốc thái dân an. Mười ba giờ ba mươi phút đội nữ dâng hương. Ngày 9 tháng Hai, tám giờ làm lễ khai mạc đón các cộng đồng di tích, đại diện của chính quyền địa phương và các đoàn thể. Chín giờ ba mươi phút, dâng lễ của các dòng họ và các trại. Từ mười giờ có cuộc rước kiệu hành hương từ đình qua miếu tới chùa Bát Tháp. Trong nhịp chiêng, nhịp trống, trong khói trầm hương, không khí ngày hội rất huyền ảo. Tiếng trống ngũ lôi dồn dập lúc khoan thai, lúc dìu dặt. Xen giữa trống tế là trống cơm, trống bồng, tiếng thanh la, não bạt... rồi tiếng trống đại trầm hùng, tiếng chiêng cồng ngân nga. Điệu múa sênh tiền, mõ lộn, vui tai. Một thanh niên trang phục rực rỡ, hai tay múa sênh tiền theo nhạc bát âm, chân nhún nhảy. Một thanh niên khác trang phục múa đối xứng, gõ mõ hòa nhịp với động tác nhảy lộn ngược chiều với người gõ sênh tiền. Rồi một chàng trai hóa trang thành cô gái, áo mớ ba mớ bảy, má phấn môi son răng hạt huyền khăn mỏ quạ, quàng qua vai những dải lụa ngũ sắc, đeo trước ngực chiếc trống bồng, sau lưng cắm chéo hai lá cờ đuôi nheo. Dáng điệu duyên dáng, mềm mại, tục xưa gọi "đĩ đánh bồng". Điệu múa làm người ta có cảm giác thần linh ở đình, chùa gần dân hơn và có sự tôn vinh từ hai phía.

Hội đình hàng tổng Vạn Phúc gợi cho chúng ta niềm tự hào dân tộc, sự đoàn kết của các làng trại ở phía tây kinh thành Thăng Long ngàn xưa. Tiếng trống ngũ lôi với tám nhịp làm gốc gợi nhớ thời huy hoàng nước Đại Việt thời Lý, Trần.

38 - HỘI LÀNG NGỌC TRÌ

Thờ: Huyền Thiên Trấn Vũ
Địa điểm: Xã Thạch Bàn - huyện Gia Lâm
Thời gian: 5 - 14 tháng Hai
Chính hội: 9 tháng Hai
Đặc điểm: - Rước tượng đồng, kéo co

Ngọc Trì còn có tên nôm là Đìa,thuộc xã Cự Linh cũ, nay thuộc xã Thạch Bàn, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Làng giáp đê sông Hồng. Đến Ngọc Trì có thể theo đê sông Hồng từ phía bắc cầu Chương Dương, xuôi về làng gốm Bát Tràng; độ sáu cây số rẽ trái xuống dốc, theo lối ra quốc lộ 5. Cũng có thể theo đường 5 đi Hải Phòng, đến cây số 9 rẽ phải, ra mạn đê sông Hồng.

Làng Ngọc Trì có đền Trấn Vũ ở chân dốc trong đê, là một di tích lịch sử văn hóa lâu đời đã được Bộ Văn hóa xếp hạng số 1539/VHQĐ năm 1990. Nơi đây còn lưu giữ được nhiều di vật quý hiếm, đặc biệt nhất là pho tượng Trấn Vũ đúc bằng đồng cao 3,80m, chu vi 8 mét, nặng 4 tấn, tạc ngài ở tư thế ngồi trên bệ, lưng thẳng, đầu trần, mặc long bào màu đen có đai, hai bàn chân để trần, tay để trước ngực, xòe ngón trỏ ấn quyết, tay phải cầm gươm thất tinh, mũi gươm chống trên lưng rùa. Theo văn bia tại đền cho biết thì tượng được đúc năm Mậu Thân (1788) đến năm Nhâm Tuất (1802) mới xong, 14 năm lao động sáng tạo của những bậc thầy trong nghề đúc đồng. Ngoài

pho tượng đồng giá trị trên, nơi đây còn 10 pho tượng đất; mỗi pho tượng vẽ mặt khác nhau: mặt ngựa, mặt chim, một đầu có nhiều mặt thật là kỳ quái... và hai tượng đá.

Hàng năm có lễ thánh sau Tết Nguyên đán, lễ thánh vào dịp tất niên, lễ thánh vào ngày sinh (mồng 3 tháng Ba), ngày hóa (mồng 9 tháng Chín). Xưa kia lễ kéo dài dăm ba ngày tùy vào năm đó được mùa, nay chỉ diễn ra trong một ngày. Còn lễ hội lớn mới đây đã được khôi phục năm năm một lần, tổ chức vào tháng Hai từ mồng 5 đến 14. Ngày đầu tiên phải tế lễ ở đền Trấn Vũ. Ngày 7 hành lễ ở đền Cự Linh. Ngày 8 rước ba vị đại vương ở ba nghè về hội đình. Ngày 9 là chính tế.

Làng Ngọc Trì vào đám có nhiều trò hội nhưng đặc sắc hơn cả là trò kéo co, một trò hiếm thấy ở địa phương khác, góp phần hào hứng nhất cho đám hội. Năm giáp cử ra ba mươi tráng đinh có phẩm hạnh (hoặc là bốn mươi tám) gọi là giai kéo co, chia làm hai phe đều nhau. Một phe gọi là mạn đường phe kia gọi là mạn chợ. Giai kéo co đóng khố điều (sau này mặc quần đùi), chít khăn điều. Mỗi phe có một người điều khiển là cụ già khỏe mạnh, tháo vát, am tường nghệ thuật chỉ huy, gọi là tổng cờ. Tổng cờ mặc áo đỏ, đội khăn đỏ, quần trắng, cầm cờ lệnh màu đỏ. Làng cử ra một vị tiên chỉ cầm trịch, dùng trống khẩu lệnh. Tiên chỉ mặc áo thụng xanh, đội mũ tế. Sau khi tế tựu tại đình, hai phe đi theo hai con đường riêng, vòng qua thôn, lên đền trình thánh.

Ở sân đền, hai phe xếp thành hai hàng dọc, hai tổng cờ đứng trước. Tất cả chắp tay cung kính lễ bái. Lễ xong, hai phe theo đường cũ trở về đình và bắt đầu hội kéo. Vật để kéo là một dây song to nhẵn, dài độ 30m. Cột mốc là một trụ gỗ lim, to như cột đình, thân cột đục một lỗ tròn để luồn dây song, cột chôn chắc xuống đất, lỗ luồn dây ở tầm đầu gối người lớn khi đứng. Trước khi kéo, dây song được nêm chặt ở lỗ cột. Giai kéo co ngồi chân co chân duỗi. Trong đội hình từng phe ngồi xen kẽ, người quay mặt bên này, người quay mặt bên kia của dây. Mỗi người một tay duỗi thẳng, tay kia co trước ngực, nắm chặt dây, dây được kẹp chặt dưới nách của tay co. Sau khi tiên chỉ phát lệnh bằng ba hồi trống khẩu, nêm được tháo ra. Hai tổng cờ phất cờ và hô "í a, kéo". Tổng cờ chạy lên chạy xuống, quệt lá cờ lệnh vào sát mặt các giai kéo của phe mình. Các bà các cô, kẻ dùng quạt, quạt cho giai kéo, người dùng khăn lau mồ hôi cho người phe mình, rồi còn bón cam chanh... cho giai kéo co, không những thế, còn lấy dầm khoét đất ở bàn chân giai kéo co, tạo ra chỗ tì cho họ. Thường thường có phe thắng phe thua. Nếu phe thắng là mạn đường (mạn gốc) thì được xem là năm đó làng được phúc lớn. Có khi dây song đứt, hai phe ngã chổng kềnh, được mẻ cười, đám hội càng vui. Vai trò của tổng cờ đáng chú ý lắm, biết khi nào cần dồn sức dành phần thắng. Giai đình ngồi đầu phe (gần mốc), phải biết ghìm dây (bẻ quặt dây) để phe kia không kéo được. Chẳng may phe

mình đuối sức, anh ta phải biết buông tay kịp thời, để tránh bị thương. Thời gian cầm dự khá lâu, nếu như phe kia đã kéo nhích được một chút là họ có cơ thắng. Đã từng có phe rút tuồn tuột dây song về phía mình, giữa tiếng reo hò của mọi người. Hội vui náo nức, hấp dẫn nhiều người.

Nếu như ở làng Nha (xã Long Biên bên cạnh) coi môn vật là môn luyện nhiều đức tính can đảm, táo bạo, nhanh trí và nhất là khỏe... thì ở Ngọc Trì này cũng coi trò vui dân gian kéo co là một thử thách về lòng dũng cảm, mưu trí, kiên trì, tháo vát và phải đồng tâm hiệp lực mới dành được thắng lợi. Trò chơi là để mua vui nhưng cũng là để giáo dục mọi người biết sống gắn bó nhau.

Hội hè là phong tục truyền thống đã giữ lại cho ta một số chứng liệu về nếp sống tinh thần, mang một ý nghĩa lịch sử và văn hóa một biểu hiện của nền văn hiến lâu đời. Vui hội mùa xuân với những nghi lễ tưởng niệm các bậc tiền bối đã dày công xây dựng đất nước... với các trò diễn hun đúc trí thông minh, tài khéo léo, rèn luyện thể lực, trao đổi tình cảm... đã góp phần củng cố tinh thần cộng đồng của làng quê Việt Nam.

39 - HỘI LÀNG THỔ KHỐI

Thờ: - Bố Cái đại vương
- Đào Duy Trinh
- Cao Sơn
- Linh Lang đại vương
- Bạch Đa

Địa điểm: Xã Cự Khối, huyện Gia Lâm

Thời gian: 8 - 10 tháng Hai
- Chính hội 9 tháng Hai

Đặc điểm: - Đua thuyền
- Không cúng gà trắng

Đê sông Hồng như một con rồng uốn khúc trải dài mà xóm làng ở ven sông thì tựa như những đám mây xanh, cảnh quan thật ngoạn mục. Thổ Khối là một trong số những đám mây nâng đỡ con rồng bay lên đó. Quần thể di tích đền-miếu-chùa của Thổ Khối nằm ở khúc quanh của con đê sông Hồng. Chùa Sùng Khúc là ngôi chùa cổ kính ẩn mình trong những cây cổ thụ, nép mình dưới chân đê, hướng nhìn ra sông Hồng. Đền miếu trong đê cũng liền kề nhau trên một khuôn viên không lấy gì làm to rộng, tạo nên sự đăng đối, mà đoạn đê là trục chính. Từ trên cao hay từ xa mà nhìn quả thật giống nhân rồng ở hai bên. Ở cổng đền, có câu đối nói rõ tên làng và vị trí của làng như sau:

Thổ Khối thiên niên chung tú khí
Nhĩ Hà nhất đới dẫn văn lan.

Tạm dịch:

Đất Thổ Khối ngàn năm tụ hội khí tốt

Dòng NHị Hà như vành đai dẫn mạch văn thơm.

Trước đền có giếng sâu, đến sân dài, đền có bốn dãy nhà ngang xây gạch cột gỗ, có kè bẩy chạm trổ tinh vi. Dãy đầu tiên gồm bảy gian, ba gian chính giữa đột khởi lên tạo thành một tầng lầu như kiểu tam quan...

Thổ Khối trước năm 1945 thuộc tổng Cự Linh, sau nhập thành xã Cự Khối (Cự Linh và Thổ Khối) thuộc huyện Gia Lâm thành phố Hà Nội, cách Hà Nội sáu cây số, theo đường chim bay không đến một cây số về phía bắc. Thổ Khối thờ sáu vị thành hoàng, trong đó có Cao Sơn là vị thần thứ hai được thờ ở núi, bên tả thánh Tản Viên. Thổ Khối còn thờ cả Bố Cái đại vương ở vào thế kỷ thứ VIII, thờ Linh Lang đại vương thời Lý, thờ Bạch Đa và Dị Mệ đại vương là các vị quan thổ người dân tộc miền núi đã từng trú ngụ nơi đây mỗi khi về triều để chầu vua. Dựa trên cơ sở các vị được tôn thờ làm thành hoàng đó có thể nghĩ rằng đây là vùng đất cổ của nền văn minh sông Hồng, còn tên ấp tên làng xuất hiện về sau kể từ ngài Đào Duy Trinh ở thế kỷ XV. Theo thần tích, ngài vốn nguyên quán ở Thổ Khối, tổng Trung Bạn, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, ngài đã có công chở đò qua sông cứu vua Lê (?) thoát nạn. Vua phong chức tước cho, ngài không nhận, chỉ xin được ở nơi đây khai hoang khẩn hóa, lập ấp lập làng. Nhà vua chuẩn y và còn cho quyền khi có việc quân được quyền huy động dân đinh ven sông từ nơi đây trở lên đến Tuyên Quang, trở xuống đến Tuần Vương (Thái Bình) cứu

trợ. Ngài đã đặt tên làng là Thổ Khối, không ngoài ý để luôn luôn nhớ quê cha đất tổ đã sinh ra mình, Thổ Khối nơi đây là quê hương thứ hai. Cư dân tụ hội ngày càng đông đúc, nhờ công lao bảo trợ và chỉ vẽ cho cách làm ăn sinh sống cũng như việc giữ làng giữ nước. Ngài là thủy tổ của họ Đào ở đây và khi mất được dân thờ là Đào thành hoàng. Hàng năm có mở hội vào ba ngày là mồng 8, 9, 10 tháng Hai, ngày hội chính là mồng 9. Xưa kia ba năm một kỳ mở lễ hội lớn (nay năm năm một lần). Vì làng thờ những sáu vị thành hoàng nên không thể lấy ngày hóa của một vị nào mà mở hội được, nên chọn vào tháng Hai là khi thời vụ cày cấy đã qua, gặt hái thì chưa đến, vào thời điểm nông nhàn, tiết trời xuân ấm áp, nắng dịu, hoa xuân nở, lá xuân xanh, cây khô lại đâm chồi biếc, lá cành vẫy gọi chim chóc tới, rộn rã tiếng hót và rực rỡ sắc màu.

Mở đầu hội làng là lễ cáo yết thần linh bản thổ, có rước nước lấy nước từ giữa sông Hồng mang về: cờ quạt cắm từ đền (sau là đình) dọc đường đê và ra tận sông Hồng trên quãng dài hai cây số. Chóe nước được trịnh trọng đặt lên kiệu rước về đình. Nước đó được đem đun với trầm hương cho thơm, chuẩn bị làm lễ mộc dục. Làng có sáu giáp nên phải xin âm dương xem thần cho giáp nào được quyền làm lễ này. Tiếp là lễ tế. Các ngày sau, ngày nào cũng có tế vào buổi sáng và lễ dâng hương của thiện nam tín nữ thập phương. Cỗ cúng dâng được quy định từ xưa không dùng bạch kê (gà trắng) vì một trong sáu vị thần có vị tên là Bạch Đa đại vương. Cũng như trong nhà con cái gọi cha là "Thầy", chứ không được gọi là "Bố" (kiêng

Bố Cái đại vương).

Hội có trò vui giải trí như đánh cờ người, thi bơi chải, chơi tổ tôm điếm, hát chèo, hát ca trù, hát tuồng...

Người đi lễ cầu thần thánh phù hộ cho an khang thịnh vượng. Người đi xem các trò vui giải trí lại càng đông, không chỉ người làng mà cả các xã bên, các huyện bạn đến. Phần đông trai gái đi xem là phụ, mà đi chơi và tìm bạn kết giao duyên là chính; họ bảo nhau rằng:

Đã đi đến đám thì chơi
Chẳng sợ ai cười, chẳng sợ ai chê
Chơi cho mãn đám thì về

hoặc giả có cô nàng nào định về vì sợ mẹ cha rầy la, thì đám con trai tìm cách níu kéo lại thật tế nhị:

Đã đi đến đám thì chơi
Hội ba hôm nữa hết rồi còn đâu?

40 - HỘI ĐÌNH THANH LIỆT

Thờ: - Phạm Tu ở đình Ngoại
- Chu Văn An ở đình Nội
Địa điểm: xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội
Thời gian: 8 - 10 tháng Hai
Đặc điểm: Rước kiệu từ đình Nội ra đình Ngoại

Thanh Liệt trước thời Lê Trung hưng là xã Quang Liệt, tổng Quang Liệt, huyện Thanh Đàm, phủ Thường Tín, trấn Sơn Nam thượng. Cuối đời vua Tự Đức,

Quang Liệt đổi thành Thanh Liệt, phủ Thường Tín, Hà Đông. Từ hòa bình lập lại thuộc ngoại thành Hà Nội.

Mảnh đất ven đô Thăng Long này được biết đến vì có giống vải ngọt. Trong cuốn "*Dư địa chí*" Nguyễn Trãi đã ghi: "Quang Liệt có vải ngon nhất nước, các triều đều có tiến...". Thanh Liệt còn nổi tiếng vì là quê hương của vị tướng Phạm Tu, đứng đầu ban võ giúp vua Lý Nam Đế (541 - 547) dựng nước Vạn Xuân; đồng thời cũng là nơi sinh ra nhà nho uyên thâm, nhà giáo đức độ, cương trực đã từng dạy vua học - tư nghiệp Quốc Tử Giám Chu Văn An.

Đình ngoại nơi thờ tướng Phạm Tu, xây năm Canh Ngọ (1690) hướng đông nam, giữa cánh đồng thôn Trung, nhìn ra hồ Ngọc Thanh Đàm. Đình có quy mô kiến trúc vừa phải, gồm Đại đình năm gian, nhà cầu nối với hậu cung hai gian tạo nên kết cấu chữ đinh. Nhiều di vật quý còn được lưu giữ: y môn, câu đối, hoành phi, tranh thờ, đôi lục bình đời Thanh, hương án, long ngai bài vị, bảy đạo sắc phong thần và một cuốn thần phả...

Thần phả cho chúng ta biết về danh tướng Phạm Tu: Ông sinh ngày 12 tháng Ba năm Bính Thìn (476). Lúc nhỏ chăm đọc sách, hay đàn sáo, giỏi binh thư, thạo cung nỏ. Theo học ở lò vật Quỳnh Đôi trở thành đô vật nổi tiếng: đô Tu. Tháng Giêng năm Nhâm Tuất (542) Lý Bí kêu gọi dân chúng chống quân xâm lược nhà Lương. Hào kiệt các nơi đã đứng lên hưởng ứng: Triệu Túc ở Chu Diên (Đan Phượng - Hà Tây), Lý Phục Man ở Sấu Giá (Hoài Đức -

Hà Tây), mạn phía bắc sông Cầu có anh em Trương Hống, Trương Hát. Đô Tu lúc này đã ngoài sáu mươi tuổi, vẫn còn quắc thước, cùng lớp trẻ lo toan việc nước việc dân. Ông lập đội nghĩa binh hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Lý Bí, lập công lớn chiếm lĩnh Long Biên, phá tan hai cuộc tấn công của nhà Lương. Phía bắc tạm yên thì phía nam dậy sóng, vua Lâm Ấp thân dẫn quân vượt dải Hoành Sơn. Lý Bí cử ông đi dẹp loạn. Mùa hè năm Quý Hợi (tháng Tư năm 543) người lính già đầu bạc lại cùng ba quân vượt suối trèo non, gội mưa tắm nắng, Nam tiến đánh tan quân Lâm Ấp (sự kiện này đã được *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi ở ngoại kỷ (Q.4 - trang 179). Ngày Nguyên đán năm Giáp Tý (tháng Hai năm 544) Lý Bí dựng nước Vạn Xuân xưng là Nam Đế. Lập hai ban văn võ, Phạm Tu được cử đứng đầu ban võ. Tháng Sáu năm 545 nhà Lương lại đem quân chinh phạt nước ta. Tướng Phạm Tu cùng tướng lĩnh lập phòng tuyến sông Tô. Ông cùng tướng sĩ chiến đấu dũng cảm, nhưng thế giặc mạnh, thành vỡ, ông ngã xuống ngày 20 tháng Bảy năm Ất Sửu (545) thọ 69 tuổi. Vua Lý Nam Đế phong ông là Long Biên hầu, làm bản cảnh thành hoàng, cho bản hương làm thang mộc ấp, miễn phu phen tạp dịch, cho tiền bạc xây miếu thờ.

Đã gần 1500 năm trôi qua, công lao đánh giặc giữ nước của tướng Phạm Tu mãi lưu truyền. Dân chúng đã làm nhiều câu thơ để ca ngợi, trong đó có câu:

Tướng sử lục triều Lương địch quốc
Thần bi nhất Phạm liệt danh hương.

Tạm dịch:

Tướng triều đại năm thứ năm đánh giặc Lương
Bia thần chốn làng quê sáng danh họ Phạm.

Những di tích liên quan đến tướng Phạm Tu còn có miếu Vực. Miếu Vực theo các cụ truyền lại là nơi thờ Phạm Tu theo sắc chỉ của vua Lý từ thế kỷ thứ VI. Từ khi có đình Ngoại thì ở đây là nơi thờ vọng Phạm Tu cùng với cha mẹ ông. Miếu nhỏ nhưng rất linh ứng nên bà ngoại, bố mẹ chúa Trịnh Sâm đã bầu hậu tại đây.

Đình Lý Nhân ở thôn Trung thờ vọng tướng Phạm Tu dựng vào năm 1872, mở rộng thêm vào năm 1899.

Chu Văn An là một danh nhân văn hóa lớn nên sử sách đã ghi nhiều về ông. Thần phả đình Nội "Sự tích Trần triều Quốc Tử Giám tư nghiệp" cho chúng ta biết thêm tư liệu về ông:

Chu Văn An thụy là Văn Trinh công, hiệu là Khang Triết. Thanh phụ họ Chu húy Thiện người Quảng Đức, thánh mẫu người thôn Văn là Lê Thị Chiêm. Ngày 15 tháng Tám năm Nhâm Thìn (1292) Lê phu nhân sinh thấy diện mạo khác thường đặt tên là Văn An. Tiên sinh mười hai tuổi đã đỗ đình thí, mười sáu tuổi đã đỗ tiến sĩ, hai mươi tư tuổi làm giám quan. Tiên sinh tính cương giới, không ham danh lợi, ở nhà đọc sách, học vấn tinh thông, mở trường dạy học ở Huỳnh Cung, cốt để rèn đúc nhân tài như Lê Quát, Phạm Sư Mạnh... Hoàng tử con vua Thủy Tề cũng lên học, gặp năm hạn hán, tiên sinh sai làm mưa cứu dân, trò vâng lời bị Thiên

Tào phạt, lốt rơi xuống tám nơi, dân làm mộ táng, đền thờ... Vua Minh Tông phong làm Quốc Tử Giám tư nghiệp, dạy thái tử học (Hiến Tông). Đến Dụ Tông, chính sự lười biếng, ham chơi bời, quyền thần nhiều kẻ làm trái phép nước, tiên sinh khuyên can, vua không nghe bèn dâng "*Thất trảm sớ*". Sớ tâu không đáp, tiên sinh từ quan về núi Phượng Hoàng ở ẩn (Chí Linh - Hải Dương). Khi nào có hội triều lớn thì về kinh, vua trao chính sự không nhận, được ban mũ áo thì lạy tạ rồi đem cho người khác. Ngày 26 tháng Một năm Canh Tuất (1370), tiên sinh không bệnh mà hóa. Vua sai quan về tế, phong thượng đẳng thần được tòng tự tại Văn Miếu, ban tiền làm đền, sắc cho 27 nơi thờ.

Như vậy, đình Nội nơi thờ Chu Văn An vốn xa xưa là nơi ngôi đền cổ, đến thời Lê Trung hưng trở thành văn từ thờ các vị khoa bảng trong làng. Nên khi xây đình các vị tiến sĩ đại khoa cũng được phối thờ. Đình được khởi dựng vào năm Ất Dậu (1765). Đến năm Giáp Tý (1864),vị tú tài Vũ Huy Hiệu cùng với dân làng chọn nơi đất thoáng hiện nay xây lại đình gồm ba gian chính và hai bên giải vũ. Mùa xuân năm Nhâm Dần (1892) đình được mở rộng. Còn được trùng tu vào năm 1921. Đến năm Nhâm Ngọ (1942) xây thêm nhà thủy tọa.

Đình Nội được xây trên khu đất cao, thoáng rộng ở giữa làng, hướng đông bắc nhìn ra sông Tô Lịch. Kiến trúc kiểu chữ công với ba nếp nhà cao thấp khác nhau. Trước đây di tích là một khối liên hoàn chặt chẽ gắn kết

với nhau. Khi mở rộng con đường cái quan, di tích bị chia đôi với thủy đình. Con đường lấn hết sân đình phá vỡ cảnh quan xung quanh.

Thủy đình là một công trình kiến trúc đẹp xây bằng gạch trên khối trụ móng hình tròn, nằm giữa hồ bán nguyệt, soi bóng xuống dòng sông Tô Lịch. Phần trên làm kiểu hai tầng tám mái, các đầu đao uốn cong, phía dưới mở nhiều cửa trông ra tám hướng. Tiền đình là ngôi nhà rộng năm gian, một kiến trúc nhỏ nối hai nếp nhà sau trước. Lớp nhà giữa nối nhà sau tiền đình với hậu cung làm đơn giản gần như hình vuông trong để kiệu, bia đá. Hậu cung là ba gian hẹp lòng, hai gian bên xây bệ thấp để tượng các vị khoa bảng trong làng, tượng tạc nhỏ gồm: con trai cả của Chu công là Chu Tam Tỉnh, trúng tuyển khoa ngự thí năm Tân Hợi; Chu Đình Bảo cháu bốn đời của Chu công đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn và Lý Trần Thảo người xã Lê Xá, huyện Duy Tiên, nhập tịch ở xã, tiến sĩ khoa Ất Sửu. Tượng Chu công tạc với tỷ lệ gần như người thật, để trong khám lớn trên vị trí cao nhất ở giàn giữa hậu cung. Khác với tượng thần ở các nơi thường tạc "tai to mặt lớn", mặc triều phục, đội mũ cánh chuồn, tượng Chu công đầu đội khăn xếp, mặc áo lương xanh của nho sinh, khuôn mặt hao gầy, u buồn, đầy tâm trạng. Có lẽ nghệ nhân tạc tượng đã nắm bắt được cái hồn của Chu công khi từ quan ở ẩn: tiếc rằng tôi sáng chẳng gặp được vua hiền nặng lòng yêu nước thương dân mà đành bất lực. Thơ văn ông viết trong giai đoạn này giãi bày:

"Tấc lòng chưa thể như tro nguội
Nghe nói vua xưa gạt lệ thầm"

Tuy có ba vị khoa bảng được phối thờ, nhưng đình Nội thờ Chu công là chính, cách bài trí tượng thần trong hậu cung đã nói lên điều đó. Ngoài thần phả còn có nhiều hoành phi, câu đối ghi công đức của Chu công trong đó có câu:

Thất trảm sớ còn thơm, gương sử thẹn cho tuồng mãi quốc

Lục kinh tro chưa nguội, biển vàng treo mãi chốn danh hương

Đình Nội còn lưu giữ được nhiều di vật quý gồm: sáu tấm bia đá, trong đó bốn tấm dựng thời Lê Trung hưng, năm sắc phong thần, một cỗ kiệu, y môn, hoành phi, câu đối và thần phả.

Những di tích liên quan còn có đền Văn ở cuối làng hướng ra sông Tô Lịch thờ thánh mẫu Lê Thị Chiêm. Ở đình Huỳnh Cung xã Tam Hiệp có đình và văn chỉ dựng trên nền trường cũ của Chu công. Đình Huỳnh Cung lưu giữ được mười một sắc phong, một cuốn thần phả.

Lệ ở Thanh Liệt mở cửa đình từ ngày 7 tháng Hai. Ngày 8 tháng Hai đón khách. Ngày 9 tháng Hai rước từ đình Nội đến đình Ngoại vào dâng lễ rồi rước về. Ngày 10 tháng Hai tế tạ ở hai đình. Ở đây, các trò diễn tuồng, chọi gà, đánh cờ bỏi... Cách phục sức của quan viên, nữ quan, cách đánh trống chiêng đều được đặt thành thơ lục bát dễ nhớ: ngày sau con cháu cứ thế mà theo - các cụ bảo thế. Chúng ta cùng tham khảo bài: "*Đám rước hội làng*".

Đi đầu đôi ngựa bạch cao
Mười hai cờ sắc vẫy chào gió xuân
Tiếp theo là trống tiền quân
Lọng vàng tám tía, bước chân dập dồn
Đến biển Nam quốc nho tôn
Đôi tàn đi cạnh, đổ dồn tùng dinh
Kế tiếp là kiệu long đình
Hương trầm nghi ngút anh linh văn bài
Trống trung quân bảy tiếng dài
Đến năm cỗ ngọc đủ loài bánh hoa
Nữ quan khiêng kiệu đức bà
Hội nhạc đi trước tấu hòa bát âm
Tư văn các chức tay cầm
Túc tĩnh, bát bảo có phần trang nghiêm
Đến chiếu trung tịch quan viên
Gươm vàng, kiếm bạc bút nghiên hai hàng
Bức trướng nguyên soái dát vàng
Uy nghi trước kiệu thành hoàng đức ông
Bát hương bài vị bên trong
Bước ra đến khỏi cổng đình kiệu quay
Trống hậu quân báo kiệu bay
Trung tâm đám rước tránh ngay ven đường
Ngài mừng ngài hóa bát hương
Kiệu bay đến tận cổng trường Chu công
Lại bay trở lại công đồng
Nhập vào đám rước để cùng rước đi.
Kiệu bà đến miếu Vực thì
Ghé vào dâng lễ rước đi đình ngoài

Rước ngày mồng chín tháng Hai
Mồng mười lễ tạ đình ngoài đình trong
Hội làng tôi kể đã xong
Nôm na ghi lại vài dòng xem chung.

Thanh Liệt nối với mạch đất Thăng Long, quanh co theo dải sông Tô Lịch. Mảnh đất địa linh nhân kiệt đã sinh ra hai danh nhân lớn của lịch sử dân tộc Việt Nam đều đứng ở vị trí hàng đầu. Võ tướng Phạm Tu đã giúp vua Lý Nam Đế đánh quân xâm lược nhà Lương, lập nên nước Vạn Xuân, ngã xuống phòng tuyến sông Tô từ thế kỷ thứ VI. Quốc Tử Giám tư nghiệp Chu Văn An đã góp phần đào tạo nhiều nhân tài cho đất nước. Một người tài cao đức lớn yêu nước thương dân. Cuộc đời và sự nghiệp của ông là tấm gương sáng để hậu thế noi theo.

41 - HỘI LÀNG KIM GIANG

Thờ: - Thánh Cao Sơn Mạo Giáp Hoa
- Thánh mẫu Lê Ngại Mỵ Châu
Địa điểm: Làng Kim Giang, xã Đại Kim, Thanh Trì, Hà Nội
Thời gian: 8 đến 12 tháng Hai và mồng 1 tháng Ba
Đặc điểm: Chọi gà, bắt vịt

Từ Hà Nội đi đường Nguyễn Trãi - Hà Đông, đến khu vực Chợ Xanh rẽ trái ven theo sông Tô Lịch chừng hai cây số nữa là đến làng Kim Giang. Cụm di tích

đình, đền, chùa ở sát bên phải, đình thờ sắc ở cuối làng.

Xưa vùng này có tên là Kẻ Lủ, thời Lê Trung hưng thuộc huyện Thanh Đàm phủ Thường Tín, trấn Sơn Nam thượng. Về sau Kẻ Lủ tách thành ba làng: Kim Giang (Lủ Cầu), Kim Lũ (Lủ Trung), Kim Văn (Lủ Văn)... Trước Cách mạng Tháng Tám thuộc tổng Khương Đình, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông. Từ năm 1961 Kim Giang thuộc xã Đại Kim, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Đình Kim Giang dựng vào niên hiệu Duy Tân (1907 - 1916) (theo thần phả thì trước đình là ngôi miếu nhỏ). Đình quay hướng tây, kết cấu kiểu chữ đinh (chuôi vồ), nhà đại bái năm gian, nền lát gạch Bát Tràng, các gian bên cạnh tôn cao chừng 30cm để tiện hội họp, việc làng. Nối hậu cung với gian giữa nhà đại bái là hai gian nhỏ tạo thành "ống muống", hậu cung đình là tòa nhà vuông, xây kiểu hai tầng, tám mái, các đầu đao gắn hình vân mây, đầu rồng tạo nên những đường cong mềm mại. Trong đình các bức cuốn, y môn, cửa vông... đều được chạm khắc rất phong phú với những đề tài: cá hóa long, tứ linh, tứ quý... Nhiều di vật quý còn được lưu giữ gồm: tám đạo sắc phong, ngai thờ, ba bức đại tự, một cỗ kiệu bát cống thời Nguyễn đều được sơn son thếp vàng...

Làng Kim Giang thờ hai vị thánh, một là thánh mẫu Lê Ngại Mỵ Châu sinh ngày mồng 3 tháng Giêng ở làng An Thái, huyện Thiên Bản, tỉnh Nam Định. Người có công giúp nước, cứu dân, hiển thánh vào ngày mồng 3 tháng Ba thời nhà Lê, được thờ ở đền. Vị thứ hai thờ ở đình gọi là

đức thánh Ông hay là Cao Sơn Mạo Giáp Hoa. Ngài là người Phong Châu, Việt Thường. Mẹ ngài mang thai hơn một năm mới sinh ngài vào ngày 12 tháng Hai, lúc ra đời hương thơm ngào ngạt tỏa khắp nhà. Còn nhỏ tuổi đã thông minh trí tuệ hơn người, năm mười sáu tuổi đỗ đệ nhất tam khôi giáp bảng xuất thân khoa hiếu liêm về thời Lê. Nhà vua bổ làm đốc học tỉnh Sơn Tây được sáu tháng lại phong làm tham tri bộ Hộ.

Bấy giờ giặc Chiêm Thành xâm lấn, nhà vua cử ngài làm thống lĩnh đại thần quân vụ đem quân đi dẹp. Ngài dẫn quân đến Hiệp Thượng, Hiệp Hạ, tỉnh Sơn Tây bày trận, đánh đến hiệp thứ sáu thì giặc tan.

Trên đường dẫn quân về Thăng Long, ngài qua làng Lũ vào ngày rằm tháng Bảy. Ngài cho hạ trại để khao quân, mời các cụ già đến dự tiệc. Thấy làng có quý địa, ngài cho 300 quan tiền dựng miếu thờ ngài, cho quân về Kinh thành báo tiệp... Đến ngày 12 tháng Một năm Đinh Hợi tự nhiên mưa gió, sấm chớp, trời quang không thấy ngài đâu nữa. Ngài được vua phong là thượng đẳng thần. Dân làng Kim Giang lấy ngày sinh của ngài ngày 12 tháng Hai mở hội. Ngày khao quân, ngày hóa của ngài đều tổ chức tế lễ.

Đền Kim Giang thờ mẫu Lê Ngại Mỵ Châu dựng năm 1805, cùng hướng với đình. Năm Bảo Đại thứ 13 (1937) đổi hướng đông nam, tạo thành hình thước thợ với đình. Trước cửa đền là cánh đồng lúa xanh bát ngát, cách con đường nhỏ là ao đền đã được kè gạch xung quanh,

giữa có gò đất trồng cây cổ thụ soi bóng dưới làn nước trong tạo khung cảnh thiên nhiên thơ mộng. Qua sân gạch Bát Tràng, bước lên ba bậc đá xanh là đền xây kiểu chữ đinh, nhà đại bái năm gian, nhà cầu và hậu cung. Chính giữa nóc mái đắp hình mặt trời có tia lửa xung quanh. Dân làng thờ bà để ghi nhớ công ơn mẹ người anh hùng chống giặc ngoại xâm.

Chùa Kim Giang xây trên một khoảng đất rộng, quay hướng đông nhìn ra sông Tô. Tam quan chùa xây gạch, kiểu hai tầng tám mái, các đầu đao đắp nổi vân mây, sóng nước, ẩn hiện dưới bóng cây cổ thụ làm tăng thêm vẻ cổ kính. Chùa thờ Phật theo phái Trúc Lâm. Những tư liệu về năm dựng chùa đã thất lạc, nhưng còn lưu lại được tấm bia đã gắn vào tường nhà tam bảo có niên đại Dương Đức tam niên (1674) nói về việc dân đóng góp sửa chữa đã giúp ta khẳng định chùa được xây dựng trước thời gian trên.

Xuôi theo ven sông Tô Lịch chừng 500m rẽ phải đi thêm một quãng ngắn nữa là đến đình thờ sắc phong. Đình gồm hai nếp nhà ba gian, cổng vào còn hai cột trụ đắp nổi đôi câu đối. Nhà trước kết cấu đơn giản, nhà sau cao hơn trên nóc mái đắp nổi hình lưỡng long chầu nguyệt, và bờ đinh hai bên, mỗi bên một hình rồng uốn lượn, đuôi xuôi về mái, đầu ngoảnh lại tạo thành những đầu đao thanh thoát - đây là nét kiến trúc độc đáo.

Lễ hội làng Kim Giang vào hai ngày: 12 tháng Hai và mồng 1 tháng Ba hàng năm. Ngày 12 tháng Hai là

ngày sinh của đức thánh nên khi rước sắc kiệu thánh đi trước kiệu mẫu. Ngày mồng 1 tháng Ba là ngày kỵ mẫu, kiệu thánh lại đi sau kiệu mẫu.

Vào đầu tháng Hai các vị chức sắc, các cụ cao niên đã họp bàn việc mở hội làng, rồi sau đó cắt cử mỗi người mỗi việc và kén chọn nam thanh nữ tú, có phẩm hạnh vào quân kiệu. Đến ngày mồng 5 mồng 6, đường làng ngõ xóm được dọn dẹp phong quang sạch sẽ, ở các ngõ nhỏ người ta đua nhau dựng cổng chào. Sáng 8 tháng Hai rước từ đình sắc về đình thờ thánh. Đầu tiên là sư tử vừa đi vừa múa, đến trống, chiêng mười hai nam quan mặc quần trắng áo the, thắt lưng đỏ vác mười hai lá cờ thần đi thành hai hàng. Cờ ngũ hành: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ nối tiếp theo, phường đồng văn vừa đi vừa múa sênh tiền. Hai hàng bát bửu đi trước kiệu long đình (do bốn đô nam khiêng trên bày hương hoa oản quả). Kiệu bát cống do tám người khiêng trên bày bài vị, sắc phong. Các chân kiệu nam mặc quần trắng, áo nỉ đỏ thêu chỉ vàng, thắt lưng bỏ giọt, đầu đội khăn xếp. Kiệu song loan để bài vị mẫu Lê Ngại My Châu do các cô gái khiêng. Các cô gái đầu vấn khăn nhung, quần thâm áo dài màu hoa đào, thắt lưng hoa lý đeo xà tích. Đi sau kiệu mẫu là các cụ bát (tám mươi tuổi trở lên) mặc áo đỏ, rồi đến các cụ thất (trên bảy mươi tuổi) và dân làng. Đám rước đi đến đâu trống chiêng vang lừng đến đấy. Ở các ngõ xóm, trước cửa nhà dân làng đều bày hương án đèn nến vái vọng khi kiệu thánh, kiệu mẫu đi qua.

Đám rước về đến nơi, kiệu để ở sân, sắc phong mang vào trong đình (kiệu mẫu rước về đền). Buổi chiều các cụ ông tế nhập tịch. Tối các cụ ông túc trực tại đình, cụ từ sửa oản chuối trước lễ thánh sau thụ lộc. Đêm ấy nghe hát ca trù, chơi tổ tôm điếm đến sáng. Ngày mồng 9 mồng 10 khách thập phương về lễ thánh trong đình, còn ngoài đình tổ chức các trò chơi: chọi gà, đấu vật, diễn chèo, đánh cờ người, đánh đu, nhảy trong bị... Đặc biệt có trò đốt pháo dưới sông và thi bắt vịt ở ao đền là vui nhất. Người ta thả hai con vịt xuống ao, các chàng trai bơi lội nhưng cứ đến gần tưởng như bắt được vịt thì nó lại lặn đi chỗ khác. Mỗi lần bắt trượt tiếng hò reo, cổ động lại vang lên.

Ngày 11 tháng Hai rước cỗ: mâm cỗ đầy đủ các sản vật của quê hương như bánh chưng, bánh dày, hoa, quả nhưng không thể nào thiếu được món bánh chè lam là cống vật tiến vua của người dân Kẻ Lủ.

Sáng 12 tháng Hai tế xuất tịch sau đó lại rước kiệu về đình sắc, đội hình như hôm rước lên mồng 8 tháng Hai.

Thần phả đình Kim Giang ghi công tích của vị thành hoàng đều đỗ đầu ở các kỳ thi hội, thi đình, nhưng không nói rõ khoa nào; vua sai đánh giặc nhưng không rõ vua nào, nên không thể tra cứu. Các cụ cao niên trong làng còn được truyền lại ông cha xưa về tận Phủ Giầy xin họ và rước về. Những tư liệu trên cho phép chúng ta đoán định mẫu được thờ ở đền Kim Giang là Quỳnh Nương công chúa ở Thiên cung, do làm vỡ chén ngọc bị

đày xuống trần gian, vào đời Lê đã đầu thai làm con ông Lê Thái Công ở thôn An Thái, xã Vân Cát (Vụ Bản, Nam Định) [1]

Thần phả còn ghi có giặc Chiêm Thành xâm lấn, Mạo Giáp Hoa đánh tới trận thứ sáu thì giặc tan. Có lẽ xuất phát từ ước muốn luôn có cuộc sống yên bình nên dân làng Kim Giang đã thờ vị thành hoàng "thánh văn thần võ" nếu có điều gì bất trắc xảy ra thì sẵn sàng "hộ quốc tị dân". Đức thánh mẫu được nhiều nơi thờ theo tín ngưỡng thờ mẫu, còn được tham gia hành lễ trong đám rước chỉ thấy ở Kim Giang.

Kim Giang, một làng nhỏ ven đô, nơi có sông Tô Lịch chảy qua. Dòng sông này đã chứng kiến biết bao kỳ tích lịch sử: từ thế kỷ thứ VIII, thời tiền Lý tướng Phạm Tu đã xây dựng phòng tuyến sông Tô chống nhà Lương. Chiến thuyền của vùa Lê Đại Hành phá quân Tống, vua Lê Lợi đánh giặc Minh... Mảnh đất và dòng sông giàu truyền thống lịch sử đã giúp cho người dân ở đây càng yêu quý quê hương đất nước.

(*) Theo "*Đất lề quê thói*" của Nhất Thanh, Nxb Đồng Tháp (tr.33).

42 - HỘI ĐÌNH BÀ TÍA

Thờ: Trương Tử Nương, tướng của Hai Bà Trưng
Địa điểm: Thôn Vĩnh Ninh, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì
Thời gian: từ 8 đến 10 tháng Hai
Đặc điểm: Đi cầu đập nồi niêu

Từ Hà Nội đi thị trấn Văn Điển đến chỗ chắn tầu hỏa rẽ phải theo đường Cầu Biêu, chừng 200m rẽ trái qua làng Quỳnh Đô là đến làng Vĩnh Ninh, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì.

Di chỉ Văn Điển cho chúng ta biết Vĩnh Quỳnh là vùng đất cổ, mấy nghìn năm trước đã có con người sinh sống ở đây. Điều này đã minh chứng bằng việc dân làng Vĩnh Ninh thờ hai vị thành hoàng Bạch Xà (thần rắn), Thổ Địa (thần đất) có công đánh giặc Ma Lôi, Xích Tỵ từ thời Hùng Duệ vương. Đây cũng là quê hương của bà Tía, một vị tướng của Hai Bà Trưng chống giặc Đông Hán vào đầu công nguyên (40 - 43).

Sự tích "Đệ nhất nữ vương thần nữ" kể về bà Tía như sau: "... Ở khu đất Vĩnh Hưng thuộc phủ Thanh Đàm có nhà họ Trương tên Thành, vợ là Trần Thị Hội, gia cư giàu có chuyên làm việc thiện. Bấy giờ ông đã ngoài năm mươi, bà đã bốn mươi ba tuổi vẫn chưa có mụn con nối dõi. Một hôm bà nằm mộng xuống thủy cung chơi, gặp hoàng hậu của Long vương cho một đóa sen. Từ đó bà mang thai, đến ngày 12 tháng Hai năm Nhân Thân sinh

được một con gái, tiếng khóc oang oang, hương thơm tỏa khắp nhà, da trắng như ngọc, mắt sáng như gương. Cha mẹ đặt tên là Trương Tử Nương. Khi mười lăm tuổi, nàng có vẻ đẹp cá lặn chim sa, bốn đức kiêm toàn, đàn giỏi hát hay, ham gươm thích ngựa, văn võ kiêm toàn. Tiếng lành đồn khắp gần xa, nhiều tao nhân mặc khách đánh tiếng ngỏ lời nhưng nàng đều từ chối. Chẳng may ngày 10 tháng Ba năm ấy cha mẹ đều không bệnh mà mất, nàng đến sống với cô ruột ở trang Vĩnh Hưng. Lúc này Hai Bà Trưng đã đánh thắng Tô Định, xưng vương, đất nước thanh bình, hai bà đi du ngoạn khắp nơi, xa giá đến đâu đều được dân chúng nghênh đón. Đến trang Vĩnh Hưng, nghe tin nàng Tía dung mạo khác thường, đối đáp thông minh nên cùng Hai Bà Trưng kết làm chị em... Rồi vua bà truyền xây một cung điện để thỉnh thoảng về ngự, nàng Tía cũng được vào trong đó.

Đất nước yên bình chưa được bao lâu, nhà Hán lại sai Mã Viện và Lộ Bác Đức đem ba vạn quân xâm lược. Hai Bà Trưng lại cùng tướng sĩ lên đường chống giặc. Nàng Tía mộ được hơn hai nghìn quân tiếp ứng. Quân Hai Bà Trưng chiến đấu rất dũng cảm nhưng thế giặc mạnh, quân đông nên Hai Bà Trưng tử tiết ở sông Hát Môn. Nghe tin dữ, nàng Tía càng tấn công giặc mạnh hơn ở cửa Thần Phù. Bỗng... tự nhiên trời đất tối sầm rồi không thấy Tử Nương đâu nữa. Hôm ấy là ngày 13 tháng Một.

Đình bà Tía tọa lạc trên khu đất cao ở giữa làng, quay hướng nam. Trước cửa đình có hồ lớn, qua sân rộng

là cửa đình xây kiểu trụ biển, nối cổng chính với hai cổng phụ là bức tường gạch xây lửng, hai cổng phụ xây kiểu chồng diêm hai tầng tám mái, đầu đao cong. Qua cổng chính là phương đình để trống xung quanh, mái kiểu như cổng phụ, các đầu đao cong vút, giữa nóc mái đắp nổi hình lưỡng long ngậm hổ phù. Song song với phương đình cách một khoảng sân nhỏ là tả mạc hữu mạc xây kiểu ba gian hai chái. Tòa đại đình đồ sộ gồm năm gian, hai chái, lòng nhà rộng, nền được tôn cao một mét, lát gạch Bát Tràng. Hậu cung nối với gian giữa tòa đại đình tạo nên kết cấu kiểu chữ "đinh" ngăn cách bằng bốn cánh cửa bức bàn chạm thủng sơn son, trong hậu cung để ba cỗ long ngai bài vị, các tay ngai đều trang trí hình đầu rồng. Ngai giữa thờ bà Tía, hai bên bà Tía thờ quan quân.

Trải bao thăng trầm của lịch sử, đình Bà Tía vẫn giữ được nguyên dáng vẻ ban đầu, đồ sộ, nguy nga và độc đáo do những bức y môn, cửa võng, các bức cốn đều được chạm thủng theo các đề tài: tứ linh, tứ quý, rồng ngậm ngọc... Đình còn giữ được nhiều di vật quý gồm: ba cuốn thần phả, hai mươi ba đạo sắc phong sớm nhất là năm Cảnh Hưng thứ 14 (1753), một bản khuyến nông của vua Quang Trung, hai cỗ kiệu son son thếp vàng, đỉnh đồng, câu đối, hoành phi... Đình Bà Tía được xếp hạng từ năm 1980 cùng với đền Ngọc Sơn (quận Hoàn Kiếm).

Hội đình Bà Tía tổ chức từ ngày 8 đến ngày 10 tháng Hai hàng năm. Sáng 8 tháng Hai các vị lãnh đạo xã, thôn cùng các vị cao niên dâng hương ở trong đình. Sau lễ dâng

hương đội múa rồng, múa sư tử biểu diễn ở ngoài sân. Buổi chiều rước: tả hữu nhập điện. Đám rước bên tả xuất phát từ bên ngoài nơi thờ ông Xà Công, Thổ Địa. Đi đầu là cờ ngũ hành, tiếp đến là long đao, rồi trống, chiêng, thanh la do những đô nam mặc áo vóc đỏ thêu chỉ vàng mang vác. Phường đồng văn là những thiếu niên mười bốn, mười lăm tuổi mặc quần đỏ áo màu vừa đi vừa múa sênh tiền. Phường bát âm vừa đi vừa kéo nhị, thổi sáo, đánh đàn. Kiệu long đình có tàn, lọng hai bên trên đặt bài vị thánh và hương hoa. Đô khiêng kiệu trang phục quần trắng, áo the đen, thắt lưng màu, đầu đội khăn xếp. Đi sau long đình là các cụ "bát" (trên tám mươi tuổi) mặc quần áo đỏ, tiếp theo các cụ "thất" (trên bảy mươi tuổi) mặc áo xanh, đen. Rồi đến dân làng và khách thập phương với đủ sắc màu quần áo. Đội mũ rồng đi ngược lại đám rước rồi lại đi xuôi múa vờn giúp vui. Đám rước bên hữu xuất phát từ gò giá ngự nơi Hai Bà Trưng ngự giá cũng đông vui không kém... Chỉ khác đô khiêng kiệu là những thôn nữ tuổi đôi mươi, mươi tám, đầu vấn khăn nhung, áo dài nâu non thắt lưng hoa lý. Đám rước đi đến đâu chiêng trống vang lừng đến đấy, ở các ngõ nhỏ dân làng bày bàn thờ, khói hương ngào ngạt, vái vọng khi kiệu thánh đi qua.

Khi hai đám rước tả, hữu đã về đến sân đình, theo hiệu lệnh cùng đưa kiệu thánh về ngự trong đình. Ngoài hồ bắt đầu hát quan họ trên thuyền, tiếng hát đối đáp của liền anh, liền chị hòa với tiếng đàn, tiếng sáo càng làm cho không khí hội xuân thêm vui vẻ. Trên bờ từng tốp,

từng đôi trai gái nói cười, tâm sự gương mặt rạng ngời.

Sáng 9 tháng Hai các cụ tế nội án. Chiều 9, ngày 10 và 11 khách thập phương, những người làng đi làm ăn xa về lễ thánh. Ở điếm canh các cụ già chơi tổ tôm điếm. Ngoài sân tổ chức các trò chơi chọi gà, đấu vật... nhưng có lẽ vui nhất là trò đi cầu kiều đập niêu. Hàng niêu đất buộc trên chiếc sào ngang lơ lửng giữa hồ (hai đầu sào có giá đỡ). Cầu kiều là cây bương để dọc, một đầu chôn xuống cạnh bờ, đầu kia được chiếc chạc ba chôn xuống hồ đỡ. Người chơi trò phải đi trên cầu kiều ra đập niêu ở giữa hồ, cầu lắc lư chòng chành rất khó đi. Mặc dù được sự cổ vũ nhiệt tình của dân chúng nhưng nhiều khi chưa tới đích đã ngã tòm xuống nước, tiếng cười, tiếng hò reo lại vang lên.

Sáng 12 tháng Hai rước "tả hữu hoàn cung" đội hình như ngày 8, bên tả rước từ đình về miếu, bên hữu rước về gò giá ngự.

Những ngày mở hội, khắp làng đâu cũng rộn riếng nói cười, những tiếng chào đon đả. Những người làm ăn xa, mở hội cũng tụ về, và theo gương bà Tía họ trả nghĩa cho quê hương bằng những thành tích lao động. Các cô gái ở Vĩnh Ninh dù lấy chồng làng hay lấy chồng thiên hạ đều đến hội dâng hương và về thăm người đã sinh thành dưỡng dục mình. Thế là từ đường to, ngõ nhỏ cứ vợ nào chồng ấy, cha nào con ấy tíu tít đội lễ về biếu bố mẹ. Có thể lễ vật không lớn nhưng đáng quý là ở lòng thành kính. Và vì thế trong đời sống hàng ngày họ luôn gìn giữ cho gia

đình đầm ấm, hòa thuận, hiếu thảo. Đây cũng là một nét đẹp của người Vĩnh Ninh.

Cùng với tướng Lê Chân ở cửa biển Hải Phòng, nữ nướng Bát Nàn ở vùng Tiên Hưng, Thái Bình với Đinh Bạch Nương, Đinh Tĩnh Nương, ả Lã, nàng Đê ở ven sông Hồng, phía nam thành Thăng Long có bà Tía (Trương Tử Nương) góp phần chống giặc ngoại xâm dưới cờ hai vị nữ vương làm rạng danh trang sử đầu công nguyên của dân tộc ta.

43 - HỘI ĐỀN VOI PHỤC

Thờ: Linh Lang đại vương, thần trấn phương Tây, (con vua Lý Thánh Tông)
Địa điểm: Đền Voi Phục - phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội
Thời gian: 9 - 11 tháng Hai
Đặc điểm: Thi nâng hòn đá tuyển trai đô
Rước: Thụy Khuê - Thủ Lệ - Hào Nam

Đền Voi Phục ở phía tây Hà Nội nay thuộc phường Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội. Thủ Lệ xưa là vùng đất khu Tổng Nội, huyện Quảng Đức, phủ Vĩnh Thuận. Ông Hoàng Phúc Trung (thời Lý) người Lệ Mật (Gia Lâm) đã về vùng này khai phá lập khu Thập Tam Trại gồm: Ngọc Hà, Xuân Biểu, Hữu Tiệp, Đại Yên, Vạn Phúc, Vĩnh Phúc, Cống Yên, Cống Vị, Liễu Giai, Báo

Khánh, Thủ Lệ, Kim Mã, Giảng Võ. Đền thờ Linh Lang đại vương, con trai thứ tư vua Lý Thánh Tông (1054 - 1072) do một bà phi người làng Bồng Lai (Đan Phượng) sinh ra. Có nhiều thần tích ghi. Một văn bản gốc do ông họ Nguyễn sao chép năm Tự Đức thứ 8 (1856) cho biết: tướng giặc Triệu Tiết, Quách Quỳ thống lĩnh chín tướng: Hồng, Châu, Vũ, Nhị, Sư, Tĩnh, Hoàng, Vĩnh, Trinh phối hợp với quân Chiêm tới xâm lược nước ta. Giặc kéo đến miền Quốc Oai. Thế giặc mạnh, kinh thành náo động, nhà vua lo lắng. Vua sai sứ giả chiêu mộ người tài đánh giặc. Tại trại Thủ Lệ, vương đang nằm chợt nghe lời chiêu hiền liền cho mời sứ giả vào, vương xin vua sắm cho ngọn cờ hồng, một cây giáo dài, một thớt voi đực. Vua không những chuẩn y mà còn cấp thêm cho mười vạn binh lính. Vương tập hợp nghĩa sĩ của bản trại được 121 người. Sắp đặt quân ngũ xong, vương thống lĩnh ba quân cho xông trận ở Phú Lương, trận cuối cùng cờ đào phất phới bay, quân ta toàn thắng. Sau đó trở về quê hương, Linh Lang nằm trên phiến đá, hóa thành giao long bơi xuống Hồ Tây. Đời sau nhớ ơn ngài lập tới 269 ngôi đền thờ từ Hà Nội đến Thanh Hóa. Di tích đền Voi Phục nổi tiếng vì nằm trong tứ trấn Thăng Long. Đền có cổng tam quan cổ, một đôi câu đối ghi:

- Sinh vi tướng, tử vi thần, uy trấn Nam Bang đệ nhất,
Công tại triều, danh tại sử, lưu truyền Bắc Hải vô song.

(Tạm dịch)

Trong hậu cung ngoài pho tượng Linh Lang còn

hai pho tượng đồng, đó là tướng Lê Công Xức và Nguyễn Công Hoàng. Họ là hai trong số 121 người lính tham gia trận phá quân Tống ở sông Khau Túc (sông Cầu) cùng thái tử Hoằng Châu và Phụ quốc Thái úy Lý Thường Kiệt. Ở sân đền còn dấu đá một thời, tương truyền là quả tạ để cho trai làng trong ngày "Tuyển Đô". Hội tổ chức lớn lần cuối cùng vào khoảng năm 1924, có mười ba làng - trại tham gia. Ngày 10 tháng Hai rước kiệu từ Thụy Khuê về Thủ Lệ, ngày 11 tháng Hai rước kiệu từ Thủ Lệ về Hào Nam, Thụy Khuê và Hào Nam là nơi kết nghĩa. Thủ Lệ giữ lệ thờ cúng, xưa gồm ba giáp: giáp Bắc, giáp Nam, giáp Đông. Đại hội năm năm một lần. Thủ Lệ làm chủ tế. Vạn Phúc đọc chúc văn. Còn hội lệ hàng năm Vạn Phúc làm chủ tế, Thủ Lệ đọc chúc văn. Ngày chính tiệc, bài vị của thành hoàng được rước từ đình hàng tổng Vạn Phúc về Thủ Lệ. Kiệu bát cống do trai làng khiêng qua mấy quả đồi. Muốn giữ thăng bằng. các đô tùy phải vừa khiêng vừa bò vừa cử người giữ nhịp. Chỗ đó hiện là dốc núi Bò gần đại sứ quán Thụy Điển. Mỗi lần đại hội, Tây trấn Thăng Long này lại tưng bừng. Cây hoàng anh nở rực rỡ hoa vàng bên màu vàng óng ả của kiệu thánh, màu lưu truyền mũ áo cờ lọng. Không chỉ có thập tam trại mà mấy tỉnh cũng cử đoàn về dự như Bồng Lai, Chí Trung, Tăng Non, Đình Vĩ (Hà Tây), Đình Bảng (Bắc Ninh), Thọ Vực (Hưng Yên) v.v...

Đây là hội rước lớn. Cờ quạt dẫn đầu. Rồi chiêng, trống, lọng, tàn, tán, nối theo có hàng chấp kích, phường

bát âm cùng đội sênh tiền. Cô gái múa bông duyên dáng chạy lên chạy xuống quanh đám rước kiệu bát cống rước sắc vua phong có lọng che, kiệu long đình có bát nhang, hương thơm nghi ngút và mâm lễ ngũ quả rực màu. Đoàn kiệu đi đến đâu, tù và, chiêng trống, chuông khánh vang vang đến đó. Quan tế, già làng và hội chư bà áo quần màu xúng xính bước theo sau. Dưới hồ, thuyền rồng múa lượn và tiếng trống thì thùng âm vang mặt nước. Đám rước đi từ cổng đền đến chỉ khoảng 300m nhưng chuyển dịch chầm chậm đến hai giờ. Sau khi tế và rước, hội có các sinh hoạt văn hóa suốt ba ngày: ngâm thơ, triển lãm tranh thơ chữ Hán (thư pháp), hát quan họ, cờ hỏi.

Dự hội, dâng hương và thăm đền, du khách có cảm giác lâng lâng thấy như được trở về với quá khứ ngàn năm trên mảnh đất thiêng liêng này, bởi giữa những tòa nhà cao tầng mới dựng vẫn còn gò, ao, hồ cùng tam quan có con đường lát gạch Bát Tràng cổ kính, hàng cây muỗm xanh um cùng cây si cổ thụ chùm rễ buông sát đất. Ngày 19/2/1976 Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã vào thăm Tây trấn Thăng Long này. Trong sổ lưu niệm ở đền, Thủ tướng viết: "Đây là một di tích lịch sử cần được giữ gìn chu đáo". Tiến sĩ Phạm Quý Thích (1639) đã ca ngợi Thủ Lệ tại văn bia đền Quán Thánh:

Cầu ngang Linh Ẩn
Chuông dội Hàn Sơn
Trước mắt Mỏ Phượng
Sau lưng Mình Rồng!

Linh Ẩn là chùa cổ ở Hoàng Châu, Hàn Sơn là chùa ở đảo Cô Tô. Đều là những danh lam thắng cảnh nổi tiếng. Mỏ Phượng có chùa bà Đanh (nay là trường Chu Văn An). Mình Rồng là vùng danh thắng Thủ Lệ, một dải đất nhấp nhô gò đồi. Đuôi Rồng ở gò núi Voi (nơi đỗ kiệu ngày hội rước), đầu Rồng chính là nơi tọa lạc của đền voi Phục - ở Thủ Lệ... rồi tiếp gò Nhót, gò Đất, gò Lớn, gò Cây, bao dấu tích của kinh thành Thăng Long xưa vẫn được lưu giữ. Người xưa thăm đền đã ngợi ca:

Sinh vốn con vua thác hóa thần
Đền đài rực rỡ cảnh thanh tân
Ngàn năm Trại chợ lưu danh tích
Một dải Hồ Tây sạch bụi trần.

(Đức Như dịch)

44 - HỘI LÀNG NGHI TÀM

Thờ: - Phù Quốc tá thánh
- Lỗ Quốc thái sư
- Bảo Trung cương đoán
- Quỳnh Hoa đoan trang
- Minh Khiết dực thánh
- Tây Hồ thủy thần

Địa điểm: Đình Nghi Tàm, phường Quảng An, quận Tây Hồ

Thời gian: 1 tháng Giêng và 10 tháng Hai

Đặc điểm: Bơi chải, thi cây cảnh, hoa

Muốn ăn rễ tía trầu vàng,
Có con thì gả cho làng Chạ Nghi.

(Ca dao)

Chạ Nghi (Nghi Tàm) Quảng An, quận Tây Hồ, Hà Nội, thời Lý gọi là trại Tàm Tang, thời Trần là phường Tích Ma. Thời Lê đổi là phường Nghi Tàm, thuộc tổng Thượng, huyện Vĩnh Thuận. Từ năm 1893 đến 1942 thuộc huyện Hoàn Long (Hà Đông). Từ sau 1943 trở về Hà Nội, Nghi Tàm mang dấu ấn của làng Long Đỗ nơi có Hồ Tây lắng hồn núi sông ngàn năm. Sách "*Tây Hồ chí*" có kể về một vị thành hoàng của làng: "... Nhà Thục giành được chính quyền từ tay nhà Hùng, có đôi bạn là Võ Trung, Võ Quốc đều là tướng tài của vua Thục. Cha của hai vị xưa là bạn thân, giờ các con lại kết bạn. Lỗ Quốc đổi tên theo họ hàng nhà mình từ họ Lỗ sang Võ Quốc. Người đời ai cũng khen vì họ cùng ăn, cùng ở, cùng luyện tập võ nghệ.

Thời đó ở bộ Dương Tuyền (tức Hải Dương - Hưng Yên bây giờ) có giặc Phí Công Nguyên nổi lên, vua Thục dẹp mãi không được bèn truyền hịch kêu gọi nhân tài. Hai tướng Võ Trung, Võ Quốc chiêu mộ quân bản bộ, giúp vua Thục dùng lối nghi binh giương đông kích tây, góp phần đánh tan bọn giặc họ Phí. Về sau Võ Trung được ban chức "đô thống", Võ Quốc được phong chức "tổng binh". Vua Thục gả cho công chúa Quỳnh Anh khi Võ Quốc được phong chức Thái sư triều đình. Bốn mươi năm sau, Triệu Đà đem quân xâm lược nước ta, hai ông lập căn cứ chống

giặc ở Ba Điểm, nhiều lần đã thắng lợi. Triệu Đà thấy không thắng được nhà Thục bèn cầu hòa, hiến kế cho Trọng Thủy xin làm con rể An Dương Vương. Hai ông Võ Trung, Võ Quốc biết được âm mưu nên can ngăn, vua không nghe nên xin cáo bệnh về quê nhà. Khoảng mười năm sau Triệu Đà chuyển bản doanh đến sông Đuống mạn núi Vũ Linh, uy hiếp nước Việt, vua Thục chống cự không nổi, chạy vào Hoan Châu - Nghệ An. Võ Trung, Võ Quốc thương vua đã đưa quân đánh phía sau quân Triệu ở Gia Viễn (Ninh Bình) để hỗ trợ cho vua chạy thoát về cửa biển. Võ Quốc bị tử trận trên đường hành quân. Võ Trung cùng tàn quân chạy về động Khuất Liêu, lại bị phục kích, nhưng may ông cùng độ ba mươi người về đến động Lâm Ấp (ven Hồ Tây). Ông nhóm họp anh em nghĩa binh vùng Quảng Bố (Quảng Bá), Chạ Nghi (Tây Hồ), Tích Ma (Nghi Tàm) mở tiệc chiêu đãi, uống rượu, ngâm thơ nói lên chí khí chiến đấu tới cùng. Được ít lâu, dân gian nói ông rẽ nước xuống Hồ Tây. Ngày hóa có đạo hồng quang tỏa sáng bầu trời. Đời sau vua Lý Thánh Tông trước khi đánh giặc Chiêm có qua đây cầu đảo. Sau khi thắng lợi, vua phong hai ông là thượng đẳng thần. Dân gian còn truyền tụng hai tướng công họ Võ cũng là hiện thần kiếp sau của tướng vua Hùng là Hàn Minh vương và Động Đình vương ở ngã ba Bạch Hạc (Phú Thọ)...

Bên cạnh việc thờ Võ Trung, Võ Quốc, đình còn thờ các vị thành hoàng có công dạy dân làng ươm tơ dệt lụa trồng dâu nuôi tằm: công chúa Từ Hoa, con vua Lý Thần

Tông (1128 - 1338), bà Quỳnh Hoa (đời Hậu Lê), Trương Đỗ quan ngự sử đời Trần...

Hồi xa xưa, đình Nghi Tàm ở giữa làng (khu giữa xóm Trên, xóm Dưới, xóm Đê). Dân làng không gọi đình mà gọi "điềng", không gọi "hoa" mà gọi "huê". Đình bề thế như đình Yên Phụ. Hiện nay đình khôi phục lại từ 1991 có hậu cung và năm gian Đại Bái, Tảo Mạc... Sân đình tươi tốt với bóng hoa đại vàng, bóng hoa tiến sĩ rực hồng. Bốn tấm bia mới vớt từ Hồ Tây lên rất cổ kính. Một tấm bia hình khối cao 2,2m rộng 0,9m, hoa văn dây leo, hoa cúc, rồng chầu mặt nguyệt, bốn mặt có chữ Hán ghi sự tích của đình và người cung tiến ruộng, ao. Đặc biệt một mặt bia đã có khắc chìm sơ đồ ngày húy của thánh, quy định nơi quan viên, già làng ngồi lúc tế lễ và lúc thụ lộc yến ẩm. Bia soạn năm Vĩnh Hựu (1735 - 1740) đời vua lê Thánh Tông.

Làng tổ chức hai kỳ hội. Mồng 1 tháng Giêng làm lễ xông đình, lễ vật là hương hoa oản quả. Mồng 10 tháng Hai, hội đình rước sáu kiệu ra chùa Kim Liên rồi quay về đình. Có nhiều trò vui dân gian: cờ bỏi, tổ tôm điếm, thi hoa cây cảnh. Theo cụ Lê Quyết Bội (75 tuổi) còn nhớ khoảng năm 1925 còn tổ chức bơi chải của giáp Thượng, giáp Hạ. Trước hôm hội làng, mỗi tích cá cử ra năm thuyền nan dự thi. Thuyền trao lá cờ thần có hai trai đô đóng khố dỏ. Người cầm trịch, đánh trống, chấm giải đóng áo dài, khăn xếp, thắt bao lưng đỏ bỏ múi. Từ sân đình, nhịp trống dồn dập, âm vang thôi thúc. Tiếng hò

reo của người dự hội vang động, các em nhỏ ào lội ra mép nước. Thuyền bơi ba vòng trên Hồ Tây. Đường đua cắm ba lá cờ khác màu tương ứng với giải nhất, nhì, ba. Các đô bơi lao tới cướp cờ nhận giải. Cả góc hồ Đồng Bông nhộn nhịp. Buổi tối bà con xem chèo Thạch Sanh do gánh hát từ Phù Lỗ (Bắc Ninh) về diễn. Phụ trách hội năm ấy là cụ lý Khương (Nguyễn Danh Khương) trưởng nam của cụ lý Râu (Nguyễn Danh Khang) Cụ Khương sau này cũng là chủ nhà thuyền Hồ Tây.

Nghi Tàm xưa nổi tiếng trồng dâu, nuôi tằm, dệt lụa xe gai, dệt lưới. Họ khéo làm ra lưới te, lưới xiếc. Không đánh chài như làng cá Yên Phụ mà thả lưới và câu quăng. Vào dịp tuần trăng nhộn nhịp cảnh câu già tìm cá chép, cá trôi, câu găng tìm cá ngão, cá trê, câu cò tìm cá quả, trắm. Nguyễn Huy Lượng (thời Tây Sơn) đã tả:

Chảy Yên Thái nện trong sương loảng choảng
Lưới Nghi Tàm ngăn ngọn nước quanh co.

Về thăm làng hoa Nghi Tàm, ta lại nhớ tới nữ sĩ Bà Huyện Thanh quan (tên thật là Nguyễn Thị Hinh) - "Hinh" là hương thơm. Bà để lại những bài thơ Đường, man mác nỗi nhớ nước, nhớ nhà: "*Thăng Long hoài cổ*[3]", "*Chùa Trấn Bắc*"... Chính người phụ nữ tài hoa từng làm Cung trung Giáo tập tại triều đình Huế đã giúp ông lý Râu (người Nghi Tàm) bỏ được lệ cống sâm cầm vào thời vua Tự Đức (1848 - 1883).

45 - HỘI ĐÌNH NHẬT TÂN

Thờ: Uy Đô Linh Lang (hoàng tử nhà Trần)
Địa điểm: Phường Nhật Tân, quận Tây Hồ
Thời gian: Mồng 2 tháng Hai, mồng 10 tháng Hai và mồng 8 tháng Tám
Chính hội: Mồng 10 tháng Hai
Đặc điểm: Múa rồng

Người dân phường Nhật Tân, quận Tây Hồ sinh sống bên con sông Hồng dạt dào sóng nước. Xa xưa cư dân Lạc Việt đã theo triền sông từ núi cao xuống đồng bằng lập chạ, lập làng. Các cụ kể rằng Nhật Tân (trước là phường Nhật Chiêu) có bảy cây gạo, do Lạc phi, vợ Lạc Long Quân trồng ứng với điềm lành việc bà sinh ra cái bọc nở ra bảy con rồng bay vút lên trời xanh:

- Chốn bảy cây còn mấy góc lăng vân
Chẳng tùng bách cũng khoe hình thương lão.

(Tụng Tây Hồ Phú - Nguyễn Huy Lượng)

Thần tích đình Nhật Tân cho hay, Linh Lang vương (Dâm Đàm vương) tên là Uy Đô - con thứ bảy của nhà vua Trần Thánh Tông (1279 - 1293) và hoàng hậu Minh Đức. Chàng có tài nhưng không thích sống bon chen chốn quan trường đã về lập nhà ở phường Nhật Chiêu. Ông thường đọc sách, ngâm thơ từ sáng sớm ở chùa Tảo Sách. Giặc Nguyên Mông xâm lược Đại Việt lần thứ hai (1285), ông xếp bút nghiên mộ được một nghìn nghĩa sĩ huấn luyện

binh pháp đặt tên là Thiền tử quân dưới sự chỉ huy của Quốc công tiết chế Trần Hưng Đạo lập công ở Mạn Trù, Đông Kết (Khoái Châu) bắt sống tướng giặc là Cán Ti Hòa La (có thể là A Lý Hải Nha hoặc Lý Hằng). Sau chiến thắng ông được phong là Dâm Đàm vương. Ông không nhận tước lộc, hàng ngày chăm chú tu thiền. Ba sáu tuổi ông từ trần, người ta gọi Uy Đô Linh Lang để phân biệt với thần Linh Lang đại vương thời Lý. Có trên ba sáu nơi cùng thờ ông và mở hội 10 tháng Hai, Nhật Tân - nơi hành cung một thời của Uy Đô Linh Lang có mấy hội: mồng 2 tháng Hai kỷ niệm ngày sinh, mồng 10 tháng Hai kỷ niệm ngày tiệc chiến thắng, mồng 8 tháng Tám kỷ niệm ngày hóa. Đình còn lưu nhiều dấu tích. Bia "Việt Điện u linh" và Nhật Chiêu điện ký" làm vào năm Lê Huyền Tông, Cảnh Trị (1663 - 1671) ghi tiểu sử của thần và là nguồn sử liệu hiếm có để hiểu thêm về hào khí Đông A - Thăng Long. Hội làng xa xưa, triều đình cử các quan về tế lễ. Nhiều làng khác mang lễ vật tới: Tây Hồ dâng trâu, Thụy Khuê dâng dê, Lâm Do dâng hương hoa quả, tục lệ Nhật Tân gọi khoai lang là khoai dây để kiêng tên Uy Đô Linh Lang.

Làng Xù kéo mật đã lâu,
Nhật Tân bảy kiệu vui đâu cho tày...

(Ca dao)

Vào khoảng 1936, hội Nhật Tân xôn xao ngũ tỉnh: Hà Nội, Hà Đông, Sơn Tây, Bắc Ninh, Hưng Yên. Hội tổ chức từ mồng 2 đến mồng 10 tháng Hai. Ngày mồng 7

tháng Hai bắt đầu rước kiệu Uy Đô cùng sáu kiệu từ thôn Đông về thăm cung tại thôn Bắc (ngã ba Nhật Tân - Phú Xá), cách đình độ 1km. Tương truyền nơi này, một cung nữ đi thuyền mang cái bọc bào thai đặt vào một cái thúng. Đêm, ánh hào quang rực rỡ tỏa ra chói lọi bến sông. Tiếng khóc đứa trẻ thấu vào cung vua. Hoàng hậu cho người ra xem thấy em bé khôi ngôi, bế đưa về đặt tên là Uy Đô.

Ngoài kiệu Uy Đô Linh Lang còn sáu kiệu tướng lĩnh của ngài là: Chu Mạ, Minh Khiết, Vương Duy, Đông Nga, Vương Ba, Đông Ngải...

Có 56 giai kiệu, họ mặc áo the, quần trắng, thắt lưng nhiễu đỏ, ngực che mạng trắng. Còn tám cô gái rước kiệu thánh mẫu mặc áo dài màu hồng, thắt lưng hoa lý. Đoàn người kéo dài đến 300m, rước về cung thì dừng. Một thuyền mang chóe ra giữa sông Hồng lấy nước về để làm lễ bài ban mộc dục. Các cụ già kể: có khi mưa gió mấy ngày như thánh được về nơi chôn rau cắt rốn... Đúng mồng 10 tháng Hai kiệu mới rời cung từ thôn Bắc về đình thôn Đông.

Hội Nhật Tân tưng bừng với các trò vui như cờ người, hát chèo, hát trống quân, múa bồng, múa rồng. Múa rồng Nhật Tân đẹp như múa rồng ở đất Mọc (Nhân Chính). Con rồng đầu và đuôi đan mây tre, bồi giấy, nhuộm màu sắc lộng lẫy, mắt gắn kính lóng lánh. Đầu và đuôi nối với nhau bằng tấm vải xanh dài khoảng mười mét. Đầu, đuôi, thân rồng gắn vào cọc tre già làm giá đỡ. Đội múa khoảng 25 trai tráng trang phục võ sinh. Trống, thanh la điểm nhịp. Người chỉ huy múa rồng cầm "hòn ngọc" to bằng cái

ấm giỏ nhử nhử cùng hai thanh niên đóng giả sơn thần, thổ địa. Toàn thân rồng chuyển động, có khi chữ chi, có khi số tám, có khi xuôi ngược như đang vùng vẫy trên sóng nước.

Đình Nhật Tân đã được Bộ Văn hóa Thông tin xếp hạng tháng 3-1994, nơi đây trước ngày toàn quốc kháng chiến 1946 là nơi huấn luyện quyết tử quán tập đánh bom ba càng. Ngày 8-5-1960 Bác Hồ từng về bỏ phiếu bầu cử Quốc hội, vui với hội làng. Một cụ già hôm nay làm câu đối:

Ơn sâu đức thánh xưa, thanh gươm yên ngựa giữ bền xã tắc

Nghĩa nặng lòng dân nay, sản xuất mạnh giàu đền đáp non sông.

46 - HỘI ĐÌNH YÊN PHỤ

Thờ: Uy Đô Linh Lang (hoàng tử đời Trần)
Địa điểm: Làng Yên Phụ, quận Tây Hồ
Thời gian: Mồng 10 tháng Hai
Đặc điểm: Bơi thuyền trên hồ

Đình Yên Phụ thờ Uy Đô Linh Lang thật độc đáo vì xây theo kiểu chữ đinh với đại bái dọc, có nhà cầu và ba gian hậu cung ngang, không kiến trúc theo kiểu chuôi vồ như các nơi khác. Cảnh trí lại nên thơ, vì đình tọa lạc trên một bán đảo nhô ra Hồ Tây thuộc địa dư

làng Yên Phụ cổ xưa (nay thuộc phường Yên Phụ, quận Tây Hồ), sau lưng đình nhìn ra chùa Trấn Quốc và trường Chu Văn An, trước mặt đình là ao Vả. Đầu thế kỷ XIX đây là địa giới tổng Thượng, huyện Vĩnh Thuận. Chính thức mang tên Yên Phụ từ 1841 (thay cho tên Yên Hoa). Nhưng từ đời Lê, địa danh này khá rộng: chứng cứ là đình An Trì thờ Uy Đô Linh Lang (thành hoàng) lại ở số nhà 66 Phó Đức Chính, và An Thọ Cung - nơi ngự của hoàng hậu Minh Đức, người sinh thành ra Uy Đô Linh Lang là số nhà 12 đường Thanh Niên (nay là đền Trình, trước khi vào lễ ở đình Yên Phụ).

Theo các vị bô lão thì Uy Đô Linh Lang là con vua Trần Thánh Tông (1258 - 1278). Ngài có công đánh giặc Nguyên; có ngày đánh tới tám trận ở nhiều chiến trường nên hiện giờ có 72 nơi xa gần thờ ngài - như làng Do Lâm (Hà Nội), làng Đông Kết, làng Thanh Cù (Hưng Yên, gần Phố Hiến) đều mở hội vào một ngày mồng 10 tháng Hai. Sinh thời Uy Đô Linh Lang từng ngồi làm việc nước tại đình Yên Phụ, đình An Thọ, đình Nhật Chiêu. Ngài hóa và có công âm phù cho việc đắp đê Yên Phụ vững vàng, bởi vì trước đó đê đắp cứ bị sụt lở, dân bèn cầu xin ngài và được phù trợ. Dân tỏ lòng biết ơn, kiêng nói chữ "Lang", khoai lang gọi là khoai dây.

Nhà nước ta đã công nhận đình Yên Phụ là di tích lịch sử - văn hóa xếp hạng từ 27-2-1986. Phó chủ tịch Hội đồng Nhà nước kiêm chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Huỳnh Tấn Phát ngày 9-3-1987

về thăm và ghi vào sổ vàng: "Tôi rất vui mừng và phấn khởi được dịp đến thăm đình Yên Phụ, một di tích quý báu của đất nước, một niềm tự hào của cả một dân tộc chúng ta về truyền thống yêu nước của nhân dân Việt Nam anh hùng. Mong rằng đình Yên Phụ được khôi phục tốt, làm nơi tưởng nhớ đến một vị anh hùng dân tộc, đồng thời là trung tâm giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ".

Một bên đình xưa là nền và bệ của văn chỉ thờ Đức Thánh hiền và một bên có dựng bia công đức (lập từ thời Tự Đức). Đình có hai giáp: giáp Đông và giáp Nam. Trong đình còn lưu một chuông đồng đúc thời Thiệu Trị (1842) tặng cho đình nhân dịp đình được đổi tên là đình Yên Phụ. Hiện còn lưu giữ được 78 đạo sắc, cổ nhất là sắc thời Lê Vĩnh Tộ (1619). Đặc biệt trong cung thờ ba ngai đức Vương Cả, Vương Đôi, Vương Ba và có một tấm bia. Theo tấm bia này (khắc từ thời Lê Gia Tông hiệu Dương Đức (1672 - 1675) đã ghi rõ đình thờ ba vị thành hoàng, con trai hoàng hậu Minh Đức và ao Vả trước đình từng bị bọn quyền thần thời Lê Trịnh lấn chiếm, dân ba lần kêu tới tai vua và vua buộc bọn tham quan phải trả lại ao Vả cho dân (bia có kích cỡ 1,7 x 0,7m, hiện chôn chìm vào tường). Ao Vả xưa có gò ở giữa, trên có cây hoa, đặc biệt là cây vả, cảnh trí tao nhã.

Hàng năm, vào hội, ngày mồng 9 làm lễ mộc dục phải chèo thuyền ra giữa Hồ Tây lấy nước sạch về bao sái. Chính lễ ngày mồng 10 tháng Hai có tế bò thui, mỗi giáp một con. Cuộc tế rất trọng thể. Sau đó, rước từ cung An

Thọ vào đình rồi lại hoàn cung. Nghi thức oai nghiêm: cờ, bát bửu, long đình, bát âm tài tử, kiệu bát cống rước mẫu, đội tứ linh múa cầu phúc.

Hội còn tổ chức bơi chải rất vui: thuyền gồm mười hai người chèo (mỗi bên sáu người) khoan thai nhịp nhàng theo hiệu lệnh vùn vụt từ sau đình ra chùa Trấn Quốc rồi lại quay về đình lĩnh giải. Đội bơi thuyền mặc đồng phục đỏ có thắt lưng, chít khăn đầu rìu và toàn trai tráng khỏe mạnh. Có năm lại tổ chức bơi thuyền hai người sang bên kia bờ, tới trường Bưởi (nay là trường Chu Văn An) rồi vòng về, cốt gây khí thế vui vẻ phấn khởi.

Hiện nay đình Yên Phụ qua ba đợt trùng tu đã khởi sắc. Chính giữa là chiếc kiệu rước sơn son thếp vàng, đây là di vật mà người dân rất tự hào còn gìn giữ được. Từ ngoài nhìn vào là bức hoành Đông Giang Khải Sắc (sông ở phía Đông, tức sông Hồng mở ra rất đẹp) và Bắc Tú Nam Anh (đình hướng Bắc rất ưu tú của dân nước Nam). Nhiều câu đối ca ngợi địa thế vùng đất này. Có cả bốn chữ "Lẫm trứ linh ứng" (*Lẫm liệt linh thiêng*) vừa được phục chế lại.

Hy vọng với ý thức bảo tồn văn hóa dân tộc, người dân vùng này sẽ làm sáng đẹp nét văn hiến nghìn xưa của ngôi đình Yên Phụ.

47 - HỘI LÀNG AN THÁI

Thờ: Vũ Phục Chiêu ứng đại vương và
Thuận Chính phu nhân
Địa điểm: Làng Yên Thái, phường Bưởi, quận Tây Hồ
Thời gian: - Lễ tế xuân: mồng 10 tháng Hai (Chính)
- Lễ kỵ: 30 tháng Một
Đặc điểm: - Xôi dẻo, thịt bò thui
- Cơm nếp, gà mái ghẹ luộc

Lễ tế xuân

Lễ tế xuân còn có tên khác là lễ nghênh thần. Lễ tế xuân hàng năm tổ chức tại đình An Thái. Đình này còn có tên là đình thôn Đoài để phân biệt với đình thôn An Thọ, cũng thuộc phường An Thái tổng Trung, huyện Hoàn Long, phủ Hoài Đức tỉnh Hà Đông. Hai đình An Thái - Đoài và An Thái - Thọ cùng thờ chung vị thành hoàng của làng là vợ chồng ông Dầu bà Dầu, được truy phong là Vũ Phục Chiêu ứng đại vương và Thuận Chính phu nhân.

Theo thần tích lưu truyền tại địa phương, và đã chép trong các sách *Lĩnh Nam chích quái, Kiến văn tiểu lục,* trong các tộc phả chi họ Vũ Duy, Vũ Đình, Vũ Văn đều thống nhất kể rằng:... Năm Thiên Phù khánh thọ đời Lý Nhân Tông (1127) nhà vua bị đau mắt, chữa mãi không khỏi, vua nghe danh thầy Quỷ Cốc ở trấn Sơn Nam giỏi dịch lý, liền sai người đến hỏi. Thầy bốc được quẻ rằng do

nhà vua xây thành Thăng Long, nên nước sông phạm vào cung Kiền Tuất làm cho chân thành bị xói lở, bệnh vua không khỏi. Muốn chữa được bệnh cho vua, thì phải ngăn được dòng nước phạm vào chân thành. Vua Lý nghe lời liền hạ chỉ đắp đê ngăn lũ, nhưng đắp đến đâu lại bị lở đến đấy, của kho trống rỗng, sức người cạn kiệt, nhà vua đành sai quan trung sứ ra bến Hồng Tân, để cầu mộng. Canh ba đêm ấy, từ dưới sông đi lên một vị thần, mách bảo rằng: - "Hãy về nói với Chúa ngươi rằng, muốn ngăn được dòng sông hãy đợi đến ngày ấy, tháng ấy đợi ở bến sông này đón người nào đến bến sớm nhất, quẳng người ấy xuống sông thì bệnh vua sẽ khỏi, mà chân thành cũng được giữ vững". Sứ thần về tâu lại, vua Lý băn khoăn nói: - "Vì một mình ta mà hại người vô tội thì thật lòng ta không nỡ". Nhưng quần thần cho rằng đã là lời mách bảo của thần linh thì không thể bỏ qua nên nhà vua đành cho người ra bến sông chờ đợi.

Vào thời đó có người họ Vũ tên Phục quê ở Phong Châu - Bạch Hạc về đất Từ Liêm sinh sống, ông kết duyên cùng bà Đỗ thị quê ở Minh Cảo. Hai vợ chồng chuyên đi bán dầu, ngày ngày từ làng Minh Cảo, đi qua bến Hồng Tân vào trong thành bán hàng. Tuy đã cao tuổi, chưa có con nhưng họ vẫn keo sơn gắn bó với nhau.

Buổi sớm ngày 30 tháng Một, sương mù còn giăng kín các nơi, hai vợ chồng đến bến sông sớm nhất thì gặp quân lính chờ sẵn ra ngăn lại, ông Vũ Phục ngạc nhiên hỏi: Vợ chồng già này vẫn ngày ngày đi qua đây vào thành bán dầu, vậy giữ chúng tôi là phúc hay là họa đây? Quân lính

không trả lời, cho phi báo về triều, xin nhà vua phán xử. Nhà vua trầm tư suy nghĩ rồi nói: nên đem lời thần trong mộng, nói với người ta, không nên ép buộc. Sứ thần quay lại bến sông, nói với ông bà rằng: - Người ta sinh ra ở đời ai mà không chết, nhưng chết đi mà để tiếng cho đời sau mới là điều đáng quý. Nay mệnh vua, vận nước không yên, nếu ông bà không ham cuộc sống chật hẹp nơi ngõ hẻm, chết vì thánh cung, khiến cho lòng trung nghĩa không bị lu mờ, tiếng thơm còn muôn thuở, há chẳng tốt đẹp lắm sao?

Ông Vũ Phục nghe xong, đổi nét mặt nói rằng: "Cái chết thật là đáng sợ, nhưng danh tiếng thật khó mua, ta há lại tiếc cuộc sống đời thường mà quên lòng trung nghĩa hay sao. Nay ta cũng như người xưa, quyết nêu tấm gương trung với vua để báo đền ơn nước.

Bà vợ cũng xin được chết theo chồng để trọn nghĩa vợ chồng. Nhân đấy, sứ giả hỏi bình sinh ông bà thích gì để sau này làm lễ. Ông, bà nói: Mùa xuân ấm áp có ca hát, cỗ cúng chỉ cần có cơm nếp, thịt gà mái ghẹ. Tiệc ngày xuân có xôi dẻo, bò béo. Sứ giả sai thổi cơm nếp, giết gà mái ghẹ cúng trước, mời ông bà ăn. Ăn xong hai người ra bờ sông, ngửa mặt lên trời khấn rằng:

- Vợ chồng tôi hy sinh vì nước, lấy cái chết để cứu vua, xin hoàng thiên chứng giám!

Rồi cả hai ông bà tự nhảy xuống sông. Từ đấy dòng sông được bình yên, bệnh vua cũng khỏi, chân thành không bị xói lở. Nhớ ơn ông bà, nhà vua sắc phong hai người làm phúc thần, tên hiệu là: Chiêu ứng Phù vận đại vương.

Thuận chính Phương dung công chúa.

Nhà vua cho tìm thân thuộc của thần, dời đến phường Tích Ma, bên gò Kim Quy để giữ gìn lăng mộ, thờ cúng. Sau này làm ăn thịnh vượng, đổi tên là phường An Thái. Người họ Vũ ở phường này đều là con cháu, thân thuộc của thần

Đình An Thái ở ngã ba đường Thụy Khuê - Lạc Long Quân, ngay cạnh chợ Bưởi.

Ngày xưa còn lưu truyền lại câu ca dao

Đầu chợ Bưởi có miếu thờ vua
Có đường chính xứ lên chùa Thiên Niên

là chỉ những di tích đẹp và quan trọng tại khu vực này.

Tại ngã ba chợ Bưởi, trước năm 1985 có một cụm di tích nổi tiếng, đó là Chiêu Ứng vương từ - Lăng Chiêu Ứng và đình An Thái Đoài. Các di tích này đều thờ vợ chồng ông bà Vũ Phục và Thuận Chính phu nhân. Dân gian quen gọi là "ông Dầu bà Dầu".

Năm Thiên Phù khánh thọ đời Lý Nhân Tông, hai ông bà đã tự nguyện nhảy xuống dòng sông tại ngã ba sông Thiên Phù - Tô Lịch để trừ thủy họa, cứu mệnh vua và giữ an toàn cho thành Thăng Long. Trước khi chết, hai người có dối lại: Ngày xuân tổ chức ca hát, thế là ta vui lắm! Từ đó, cứ đến ngày mồng 10 tháng Hai làng An Thái lại tổ chức lễ tế xuân và tổ chức các trò vui để dân làng cùng dự.

Lễ tế xuân theo truyền thuyết xưa gọi là ngày "lễ nghênh thần", do hai làng An Thái, Bái Ân đồng phụng sự nên các vị bô lão đã chia lịch:

Năm Tý làng An Thái tổ chức
Năm Sửu làng Bái Ân tổ chức

cứ như thế thay nhau đăng cai lễ. Hiện nay có 18 đạo sắc phong từ thời Đức Long nhà hậu Lê, đều ghi rõ: An Thái - Bái Ân đồng phụng sự.

Tại An Thái: Trước ngày tế nghênh thần, các vị bô lão tổ chức rước kim tiên ra đình. Kim tiên là tờ giấy vàng, trên đề dị hiệu của thánh, do cụ tiên chỉ chép từ lòng sắc. Sở dĩ có chuyện này vì theo truyền thuyết, tấm long vị để thờ ở đình đã bị kẻ mục đồng thôn khác lấy mất. Từ đó, làng không khắc long vị nữa, mà giao cụ tiên chỉ hàng năm đến ngày lễ, phải chép dị hiệu của thánh ra giấy kim tiên, rước ra thờ tại đình.

Đám rước kim tiên thường tổ chức vào tối ngày mồng 9 tháng Hai với đầy đủ nghi thức trọng thể: cờ, tàn, tán, lọng, trống đồng văn, nhạc bát âm, long đình và các vị trong hội tư văn, hương sắc. Đám rước đi từ nhà ông tiên chỉ, theo đường chính của làng ra đình. Tới đình, các vị bô lão làm lễ phong "triều y". Đó là cách làm lễ đặt tờ kim tiên vào bài vị: lấy mũ, áo, phẩm phục vị tôn thần được vua ban tặng khoác lên ngai thờ, nay dân gọi là "mặc áo cho thánh".

Sau lễ "phong triều y", trống cái nổi hồi, các vị làm lễ "quan hèm". Khi nhảy xuống sông, nhà vua có hỏi nguyện vọng của hai người, bà vợ chỉ yêu cầu ngày lễ cúng cơm nếp - gà mái ghẹ. Từ đó, "cơm nếp - gà mái ghẹ" là quan hèm, không thể thiếu trong các ngày lễ, ngày kỵ.

Gà mái ghẹ là con gà mái mới lớn, không có dị tật, làm thịt xong để cả con mà luộc, uốn cổ cánh như một con phượng chầu, nước luộc gà dùng nước tinh khiết, để khi vớt gà ra, lấy nước ấy mà thổi cơm nếp (không thổi xôi).

Buổi sáng ngày mồng 10 tháng Hai là ngày lễ chính. Các giáp lần lượt khiêng cỗ tế ra đình. Xưa ở An Thái có tám giáp, đó là giáp Nhất, giáp Nhị, giáp Trung Nhất, giáp Trung Nhị, giáp Đông, giáp Đoài, giáp Nam, giáp Bắc. Các tộc họ thường cư trú theo giáp. Khi các giáp đã khiêng cỗ tế vào thì đình làm lễ tế cả. Các quan viên tế đều do nam giới đảm nhiệm. Nghi thức tế có các tuần: sơ tửu, độc chúc, á tửu, chung tửu. Tế xong, cỗ của giáp nào thì rước về giáp ấy và chia lộc theo suất đinh; các cụ cao tuổi được hưởng cỗ chay, các suất đinh được hưởng cỗ mặn.

***

Làng An Thái vốn là làng thủ công nghiệp, đất chật người đông nên các hoạt động hội hè như vùng kinh tế nông nghiệp không có. Sau lễ tế buổi sáng, buổi chiều là ca hát tại cửa thánh. Người ta mời các danh ca ở Phú Mỹ, Mỹ Đình đến hát ca trù. Những người này đã quen việc, biết nghi thức hát thờ. Quan viên ngồi nghe, đánh trống chầu giữ nhịp, ai có thơ xướng họa đưa vào, các cô đào hát sẽ chuyển thể. Đó là thú chơi tao nhã, được người An Thái ưa chuộng.

Với dân thường thì hay tổ chức ở Gò Si giữa ao làng

làm điểm vui chơi. Ở đây có năm dựng rạp, đón các gánh hát về diễn chèo, tuồng theo các tích cổ. Gò Si có năm tổ chức bắt chạch trong chum, ai dự thi thì đi thuyền ra gò mà bắt, dân đứng quanh bờ xem cổ vũ.

Đến chiều, đám hát ca trù tại đình cũng nghỉ, các bô lão làm lễ tạ thánh, lễ "giải triều y" xếp phẩm phục vào hòm, niêm cất đợi ngày lễ kỵ. Tờ kim tiên được bóc khỏi bài vị, đem hóa, tro đem đổ xuống giếng long tỉnh ở đầu làng An Thái.

Lễ nghênh đã hoàn tất. Ngày hôm sau, cả làng lại nhộn nhịp bắt tay vào làm giấy.

Những năm có phong sắc cho thần thì cả làng làm lễ kéo dài trong ba ngày.

Lễ kỵ

Ngày lễ kỵ ở đình An Thái ngày xưa không tổ chức tại đình, mà tổ chức ngay tại Chiêu Ứng vương từ và lăng. Trước năm 1946, tại miếu Chiêu Ứng có hai nhà, giải văn và giải vũ. Đến ngày kỵ, làng Bái Ân rước kiệu sang để cùng tham gia tế lễ. Thông thường, quan viên hai làng chia hai bên mà đứng, Bái Ân đứng bên trái, An Thái đứng bên phải. Quan chủ tế do các vị tiên chỉ hai làng luân phiên đảm nhiệm theo quy định. Tế kỵ thường tổ chức từ giờ Tuất đến giờ Hợi ngày 30 tháng Một. Ngày tế kỵ chỉ hành lễ ở lăng nên các thủ tục như "rước kim tiên", "phong triều y", "giải triều y" không có. Các nghi thức như các họ mang lễ ra, các phe giáp mang lễ ra cũng giống

như khi làm tế nghênh.

Lễ quan hèm có những thức:

- Cỗ chay: chè kho, chè mộng, bánh khảo, chè lam, mía cắt tấm.

- Cỗ mặn: xôi dẻo thịt bò béo thui chín để cúng ông; cơm nếp gà mái ghẹ để cúng bà.

Ngày nay, sau một thời gian dài không hành lễ, đình An Thái mới được sửa chữa lại, dân làng tổ chức lễ tế xuân với nhiều nét khác. Trước đây các việc chọn vật tế, nấu nướng, cúng bái đều do nam giới, bây giờ khôi phục lễ hội thì nữ đã tham gia một số việc, và có lúc lấn át các hoạt động của nam giới. Những hoạt động tôn giáo đã len vào chốn tín ngưỡng qua các đội tế nữ, đội dâng hương từ thiện, Phật giáo Bình Thiện... và đã làm kém vẻ nghiêm trang của đình.

Từ chiều mồng 9 tháng Hai, các bà đã mặc áo nâu, chân đất, đeo tràng hạt đến cửa thánh để gõ mõ tụng kinh Phật cầu giải oan! Ngày hôm sau, lại là các bà mặc áo vàng, dáng như mệnh phụ đến tế dâng hương. Họ cũng có tế chủ, đông xướng, tây xướng và gần ba chục tế viên, vác đao vác kiếm đứng trước ban thờ và xướng lên: "Đoàn dâng hương từ thiện làng An Thái chúng con xin kính trình tam bảo (!) kính lễ đức đại vương dâng nén tâm hương cúc cung kính lễ"

Khi việc tế lễ kết thúc, các bà còn tổ chức "Múa cung đình" (?) hoặc trình diễn "Mục liên - Thanh Đề" vừa hát, vừa xin mọi người gia tâm công đức.

Những hoạt động pha tạp này đã thay đổi tính chất của lễ hội, và đã chịu ảnh hưởng của kinh tế thị trường. Chỉ khi nào các hoạt động lễ hội đi dần vào nếp cổ, sàng lọc nét lố lăng, chúng ta mới có thể có được một lễ hội mang đậm tính văn hóa Việt Nam.

48 - HỘI ĐỀN THUỴ KHUÊ

Thờ: Linh Lang đại vương và 6 bộ tướng
Địa điểm: 251 đường Thụy Khuê, quận Tây Hồ
Thời gian: Mồng 10 - 12 tháng Hai
Chính hội: mồng 10 tháng Hai
Đặc điểm: - Rước kết chạ với Thủ Lệ

Đền Thụy Khuê - vốn tên là đền Thụy Chương - là đền cổ từ lâu đời. Đền tọa lạc ở số 251 đường Thụy Khuê, quận Tây Hồ. Xưa, cổng đền hướng phía tây thành Thăng Long. Vào các năm 1608, 1618, triều Lê hai lần tổ chức lễ cầu đảo xin mưa thuận gió hòa, đều linh ứng; nhân đó cho lập biển "Hạ mã". Nhưng vì hướng tiền trông vào đường thành nên có nhiều bất tiện trong giao thông, nên năm 1621 đổi sang hướng chính bắc. Sau đó dân làng đào giếng Ngọc ở trước cửa. Khi đào, tìm được đôi voi đá nguyên khối, bèn đưa lên xây bệ trước cổng để thờ. Từ đó gọi là đền Voi phục Thụy Chương để phân biệt với đền Voi phục Thủ Lệ (theo văn bia tại đền)

Tên Thụy Chương tồn tại đến năm Thiệu Trị lên ngôi (1840), kiêng tên húy vua, đổi là Thụy Khuê (đường Thụy Chương cũng đổi thành đường Thụy Khuê).

Thần tích ghi, đức thánh Linh Lang là con vua Lý Thánh Tông. Xưa, ở xã Bồng Lai, huyện Từ Liêm có người con gái họ Dương tên là Ngoan, cha mất sớm, cô ở với mẹ. Cô Ngoan nổi tiếng xinh đẹp từ bé. Năm mười tám tuổi được đưa vào cung, làm "đệ nhị cung phi". Sau hai năm chưa có thai, vua bèn lập một cung ở Hồ Tây để bà ở. Một hôm, trời nóng, bà ra hồ tắm, bỗng trời đất tối sầm. Một con giao long đầu đội mũ hoa quan (?), mình vẩy ngũ sắc quấn lấy cung phi. Bà sợ hãi ngất đi bất tỉnh. Trở về, bà tâu mọi chuyện vua rõ. Thánh Tông cả giận, họp đình thần kể tội thủy thần, sai quân bắn tên xuống hồ để diệt trừ. Bỗng dưng vua thấy mê man, phải dựa vào long án, đang lúc mơ màng chợt thấy một người mặc áo xanh cầm cờ vàng đến bên long án nói:

- Ba năm nữa sẽ có giặc xâm lấn bờ cõi, nếu không có người tài giỏi thì giữ sao được nước. Nhà vua hãy bình tĩnh, cần lo mọi việc phòng bị ngay.

Cũng từ đó bà Ngoan có thai, đến tháng Hai năm Nhân Thìn thì sinh một người con trai mặt rồng, mắt phượng, hàm én mày ngài. Vua mừng lắm đặt tên là Hoàng Lang, đưa cả hai mẹ con về cung.

Ba năm sau, có giặc Chiêm xâm lấn cõi Nam Hải, vua sai sứ đi chiêu mộ hiền tài. Khi sứ giả đi qua nơi Hoàng Lang ở, cậu bé đang nằm liền khai khẩu bảo mẹ

cho mời sứ giả vào. Khi sứ giả vào, Hoàng Lang bảo rằng: Ngươi về tâu với phụ hoàng sắm cho ta một ngọn cờ đào thật lớn, chọn cho ta một con voi đực cực khỏe để ta dẹp giặc dữ.

Sứ giả về triều tâu với vua, vua bèn sai kén voi, sắm cờ rồi đưa lại cho Hoàng Lang. Hoàng Lang vươn mình đứng dậy, cưỡi coi, cầm cờ tiến thẳng đến Nam Hải. Bọn giặc bị đánh tan. Ông thu quân về nhà, đi tới đâu cũng được nhân dân tới trước đầu voi đón rước.

Về kinh đô ít lâu sau, Hoàng Lang bị bệnh đậu mùa, nhà vua hết lòng trông nom, cho mời các thầy thuốc đến chữa, nhưng bệnh vẫn không thuyên giảm. Vua bèn nói: "Nếu phải là con ta thì hãy mau lành bệnh, nếu không phải thì hóa đi, đừng là yêu nghiệt trong cung nữa". Hoàng Lang thưa rằng: "Thần vốn là thủy thần đầu thai để giúp nước. Nay công việc đã xong, xin được về Thủy phủ". Nói xong, bèn hóa thành một con thuồng luồng lao xuống Hồ Tây biến mất. Tại nơi con rắn xuống, nhân đó lập đền thờ. Vua Lý phong cho là Linh Lang đại vương, dân Thụy Chương lập đền thờ tại nơi rắn đi xuống Hồ Tây để thờ. Miền quê Thủ Lệ (Bồng Lai) quê mẹ không có bài vị nên mới cho người đến lấy trộm bài vị về thờ. Hai làng vì thế mà xô xát, sau khi biết rõ thì kết chạ, nhận nhau là anh em, hàng năm thay nhau mở hội tưởng niệm thần.

***

Ngày trước, mỗi khi tổ chức lễ hội thường có quy mô hàng tổng, theo câu ca vẫn còn lưu truyền tại Thụy Khuê:

Mồng mười, thánh hóa giờ thiêng

Mười hai, tiệc húy, hội đền vua ra

thì các cụ lại giải thích rằng: Ngài mất vào ngày mồng mười tháng Hai, nhà vua biết tin truyền lập bài vị để thờ, phong ngài là Linh Lang đại vương. Đền thờ lập ngay tại nơi ngài mất nay là đền Thụy Chương, đến ngày 12 tháng Hai nhà vua thân hành đến tế. Khi Linh Lang mất, dân Thủ Lệ đến xin bài vị về thờ, dân Thụy Chương không cho, nên dân Thủ Lệ bèn lội qua sông mà trộm bài vị. Sau khi hai làng kết chạ, Thụy Chương làm anh. Hàng năm đến ngày mồng 10 tháng Hai ngày thánh hóa, dân Thụy Chương sang Thủ Lệ làm lễ. Ở Thủ Lệ, các bô lão phải đảm đương việc "dọn trưởng". Đường đi của đám rước từ Thụy Khuê sang Thủ Lệ khá xa, nên có trạm nghỉ là miếu Trắng (nay đã bị phá để mở đường 32)

Về ngày hội đền Voi Phục là ngày hội chung của cả làng, cả tổng nên dân nô nức đi xem hội. Do tốn kém nên cứ năm năm mới tổ chức lớn một lần, hàng năm mở hội lệ. Mồng 10 tháng Hai là chính hội: làng Thụy Khuê cử một đám rước xuống Thủ Lệ làm lễ. Nghi thức đoàn đi có: Cờ hội do một cụ mang dẫn đầu - tiếp đến là cờ tứ linh, cờ ngũ hành - bộ chấp kích - dàn nhạc bát âm - trống cái - chiêng lớn - bốn cô múa "đánh bồng" - hương án. Tiếp là kiệu bát cống do mười hai người trai cởi trần, đóng khố khiêng (diễn lại tích Thủ Lệ vượt sông Tô Lịch vào đền

chép trộm bài vị) - Các quan viên bô lão đi theo. Đoàn rước đi rất dài, qua nhiều chỗ khó khăn: lên núi Bò phải vừa bò vừa đỡ kiệu, khi xuống núi có làng Hào Nam đỡ vai, đến làng Ngọc Khánh thì Hào Nam giao lại Ngọc Khánh rồi từ đó chỉnh trang rước về đền Thủ Lệ.

Đến đền Thủ Lệ làm lễ cáo yết. Các cụ ở Thụy Khuê lại quay về đền Thụy, làm lễ bao sái đồ thờ, chuẩn bị "dọn trưởng"[1] đón đoàn Thủ Lệ rước sang.

Ngày 12 tháng Hai, đám rước lại khởi hành từ đền Thủ Lệ sang Thụy Chương, và cũng trải qua các bước như rước từ ban đầu. Tới Thụy Khuê, đám rước tập kết ở đình Trên (nay đã phá), chỉnh trang rồi mới vào đền làm lễ. Khi tan đám, đoàn nào ra về, cai hàng đô đánh ba tiếng trống khẩu, các giai kiệu đứng lên hú vang "hí... hà..." tỏ vẻ vui mừng.

Vì truyền thuyết nói rằng: "Khi Linh Lang đại vương hóa, biến thành giao long bò từ trong trướng ra Hồ Tây nên có nhiều nơi thờ vào các ngày khác nhau: Vạn Phúc thờ ngày mồng 9 tháng Hai; Thủ Lệ làm lễ ngày mồng 10 tháng Hai; Trường Lâm làm lễ ngày 11 tháng Hai. Thụy Chương làm lễ ngày 12 tháng Hai; Hào Nam làm lễ ngày 13 tháng Hai...

Ngoài việc tế lễ ở đền Thụy Chương, ngày trước ở

---

(1) Dọn trưởng: Làng nào đến phiên dọn trưởng thì phải chuẩn bị chu đáo từ vật chất (cỗ bàn) đến tinh thần để tiếp làng khách, sao cho không bị chê trách.

bãi đất chợ Thụy Khuê (quãng giữa hai đình Trên và đình Dưới, nay là cửa hàng lương thực) có trò chơi đu bay. Ngoài ra có tổ chức hát chèo. có năm làm ở đình Trên. có năm làm ở đình Dưới. Này 16 tháng Hai làng Thụy có tổ chức thi cỗ gọi là "ăn nhắm". Lễ hội đền Thụy Chương lúc đó mới kết thúc.

49 - HỘI ĐÌNH BÁI ÂN

Thờ: Ông thánh Chú và ông Dầu bà Dầu
Địa điểm: Bái Ân - Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy
Thời gian: 30 tháng Một, mồng 6 tháng Chạp, mồng 10 tháng Hai. Chính hội mồng 10 tháng Hai
Đặcđiểm: Rước kiệu quỳ, hát ca trù, cờ người

Đình được xây trên một khu đất rộng giữa làng Bái Ân theo hướng tây, nay thuộc xã Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy - Hà Nội, cách trung tâm thủ đô 8km. Đình thờ ông thánh Chú và vợ chồng thần Vũ Phục... ngày hội chính mồng 10 tháng Hai. Hàng năm còn có hai ngày kỵ 30 tháng Một ngày hóa của vợ chồng thần Vũ Phục. Ngày mồng 6 tháng Chạp ngày hóa của ông thánh Chú.

Chuyện xưa kể rằng: Vào thời vua Lý Nhân Tông có ông Vũ Phục quê ở Phong Châu (Phú Thọ) lấy vợ là người làng Minh Tảo (nay thuộc xã Xuân Đỉnh - Từ Liêm).

Vào thời ấy, sông Thiên Phù khởi nguồn từ sông

Hồng, chỗ địa phận Phú Gia - Nhật Tân chảy theo hướng bắc - nam, qua các cánh đồng Phú Gia, Xuân La, Bái Ân, đến vùng Nghĩa Đô, Yên Thái thì hợp với sông Tô Lịch.

Một năm nước sông lên to, ở ngã ba sông nước cuốn băng băng xoáy vào góc thành Thăng Long phía tây, làm cho góc thành xói lở khiến nhà vua bị đau mắt. Theo lời thần mộng muốn trị thủy phải có người hiến linh thần. Vua cho sứ giả đi rao. Ông bà Vũ Phục tình nguyện nhảy xuống sông, khi hóa mong cúng xôi dẻo, bò béo, gà mái ghẹ. Vào một chiều mưa gió, nước cuốn dữ dội, họ nhìn dòng sông mênh mang sóng vỗ, bà gieo mình xuống trước, ông cũng lao mình xuống làn sóng cuộn chảy để hiến linh thần. Khi ông bà vừa gieo mình xuống, thì lạ thay, bỗng trời quang mây tạnh, dòng sông lặng sóng, phương tây ráng chiều bỗng bừng lên đỏ rực, và góc thành phía tây như được phù sa bồi thêm vững chắc. Nhà vua khỏi đau mắt, nhớ ơn, phong thần và sai lập miếu thờ.

Mấy hôm sau ông thánh Chú, em của Vũ Phục từ xa trở về, nghe tin anh và chị dâu mất, quá thương xót, đã chạy ra bờ sông, đến vùng Quán Cây Ao Cá (Bái Ân) thì bị vấp ngã rồi hóa. Trước tấm gương vợ chồng thủy chung, anh em chí nghĩa, dân làng Bái Ân đã tôn ông thánh Chú làm thành hoàng và rước bài vị vợ chồng thần Vũ Phục về thờ chung để đời đời hương khói.

Từ đấy cứ đến ngày hội, ngày giỗ kỵ, theo ước muốn của ông bà khi sống, dân làng thường dâng những phẩm vật như xôi dẻo, bò béo, gà mái ghẹ, bánh rán, chè kho để

cúng lễ.

Trải thời gian, đình được trùng tu nhiều lần vào những năm 1634 - 1637 và 1652 thời Lê Thần Tông và sau này còn nhiều lần tu sửa. Hiện vật trong đình còn lại gồm: một cuốn ngọc phả thời Gia Long, hai mươi hai đạo sắc phong qua các triều vua từ thời Lê đến thời Nguyễn, ba kiệu bát cống được chạm khắc từ thế kỷ thứ XVII, ba ngai thờ, một tấm bia đá hậu thần Cảnh Hưng vạn niên, một tấm bia đá Gia Long vạn niên, một chiêng cổ, một quả chuông đúc thời Gia Long, nhiều hoành phi câu đối và đồ đồng, đồ sứ giá trị.

Bái Ân là một làng cổ vốn nằm ven con sông Thiên Phù ngày xưa nên thuận lợi giao lưu buôn bán. Làng xưa có tên là Bái, truyền thuyết kể rằng: Khi về Thăng Long thuyền vua Lý Thái Tổ đã ghé thăm làng, dân làng đã nô nức ra đón và dâng vua tấm lụa. Cảm kích trước lòng dân ân nghĩa, vua mới ban cho làng Bái thêm một chữ Ân, thành làng Bái Ân.

Thấy nơi đây có phong cảnh đẹp, nhà vua đã cho người trong tôn thất có học vấn về làng mở trường dạy học. Trường Bái Ân cũng là nơi dùi mài kinh sử của Lý Thường Kiệt từ lúc nhỏ đến năm hai mươi tuổi, người sau này đã viết nên bản tuyên ngôn đầu tiên của nước Đại Việt chống quân xâm lược nhà Tống trên sông Như Nguyệt "*Nam quốc sơn hà Nam đế cư*".

Làng còn có ông Nguyễn Đình Hoàn, năm Kỷ Tỵ (1689) đã thi đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ làm quan tới chức Binh

bộ hữu thị lang, sau này được thăng bồi tụng (phó tể tướng). Tám năm sau, học trò của ông là Nguyễn Công Cơ cũng đỗ tam giáp tiến sĩ, làm quan tới chức Binh bộ thượng thư, hành tham tụng. Cả hai thầy trò đều làm quan dưới thời vua Lê Dụ Tông.

Về dòng sông Thiên Phù chảy qua làng nay đã bị lấp, trong cuốn sách "*Vũ trung tùy bút*" của Phạm Đình Hổ có viết:

"Lại như kinh thành xưa có phường Giáng Khẩu, sau đổi thành phường Hà Khẩu, tiếp giáp với bờ sông Nhị, liền với cái ngòi sông Nhị chảy vào sông Tô, hàng năm bị nước xói không thể giữ cho khỏi lở được. Đời Lê Trung hưng mới đạc suốt dọc đến phường Hà Khẩu để cho Hoa kiều trú ngụ, các hiệu khách liền làm đơn xin tải đá làm mỏ hàn chắn phía thượng lưu. Từ bấy giờ mới hết nạn xói lở. Ven sông về phía nam dần dần nổi lên bãi phù sa, người đến tụ họp đông đúc. Bởi thế những phường Thái Cực, Đông Hà, Đông Các, nhà ở xen liền mãi đến vạn Hàng Mắm, vạn Hàng Bè, bến Tây Long đều thành đô thị cả"...

Như vậy là việc hàn khẩu ở cửa sông Tô thông với sông Hồng đã xảy ra từ đầu thời Lê Trung hưng. Căn cứ vào điều ấy có thể suy đoán, cửa sông Thiên Phù cũng được lấp vào thời này, vì chỗ cửa sông ở xa trung tâm đô thị cổ nên mãi tới năm Cảnh Hưng (1746) chúa Trịnh Doanh lệnh chỉ cho làng Bái Ân được canh tác trên các khoảng ruộng trũng vốn là lòng sông Thiên Phù. Theo nhiều tài liệu Quán Cây, Ao Cá làng Bái Ân là một đoạn

còn lại của sông, cũng trùng với vạch chảy của sông theo bản đồ thời Hồng Đức (1490).

Cùng với giấy dó Bưởi, lĩnh lụa Trích Sài, giấy sắc làng Nghè, kẹo mạch nha An Phú, làng Bái Ân xưa cũng nổi tiếng với nghề dệt lụa. Làng còn có chùa Dụ Ân thờ Phật - một ngôi chùa trang nghiêm trầm mặc nằm sát cánh đồng. Thời tiền khởi nghĩa, chùa cũng là nơi lui tới của nhiều lãnh tụ như Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Nguyễn Quyết và nhiều cán bộ về đây xây dựng phong trào cách mạng của Đảng. Làng xưa giờ thành một phố làng trù phú, đi trong làng thấy nhà cao tầng nhấp nhô choáng ngợp, cỏ cây hoa lá xanh tươi đến ngát mắt. Theo các cụ già trong vùng kể lại thì hội đình ngày xưa vui lắm.

Đến ngày hội, suốt từ sáng sớm, tiếng trống, tiếng chiêng đã nổi lên vang dội, quanh đình và đường làng rợp cờ thần ngũ sắc, đường làng ngõ xóm người đi xem hội chen lấn. Khi dân làng cùng khách thập phương tề tựu đông đủ dâng phẩm vật thì lễ tế thần được diễn ra trang nghiêm thành kính sau đấy là lễ rước thánh.

Trong tiếng trống, tiếng chiêng thúc gọi, đi đầu đoàn rước là đoàn múa sư tử, múa bồng. Đoàn cờ ngũ sắc ngũ hành có hỏa bài lộng lẫy. Đoàn bát âm gồm trống cái, trống khẩu, trống bảng và nhạc cụ dân tộc. Đoàn các cụ bà với cờ phướn nhà Phật. Ba kiệu bát cống được 24 trai làng tuổi đang xuân sắc, khăn nhiễu, áo đỏ, quần xanh, thắt lưng hoa lý, bước đi theo nhịp trống uy nghi tề chỉnh. Trên kiệu có ba long ngai được đoàn hộ tống tiền hô hậu

ủng với tàn vàng lọng tía uy nghi lộng lẫy. Kiệu bà có hòm sắc mang theo được đi trước (bởi theo dân gian bà đã gieo mình xuống trước). Tiếp theo là đoàn rước long đình và đồ tế tửu. Đoàn các cụ ông, cụ bà với trang phục dân tộc bước đi chậm rãi, tiếp đến là đoàn các cô trinh nữ trong các dòng họ đội mâm lễ vật với đôi môi thắm đỏ rồi đoàn thanh niên thanh nữ cùng dân làng và khách thập phương kéo theo nô nức.

Vào ngày hội, hai làng Bái Ân và Yên Thái cùng phối hợp rước thánh bởi là hội chung. Đoàn rước ông thánh Chú từ đình Bái Ân theo đường làng vòng đến ngã ba Kiệu Quỳ đón ông anh. Đoàn rước vợ chồng thần Vũ Phục từ đình Yên Thái theo đường cái quan (Lạc Long Quân) đến ngã ba Kiệu Quỳ. Khi hai đoàn rước gặp nhau thì kiệu ông em quỳ xuống chào ông anh (người khiêng kiệu phải quỳ). Kiệu ông anh cũng quỳ xuống đáp lễ. Rồi hai đoàn rước quay vào vùng Ao Cá tới miếu Quán Cây là nơi ông thánh Chú hóa, dừng kiệu làm lễ. Ở đây đã có hai phiến đá tự nhiên để bày lợn béo đã giết thịt. Cúng xong đổ bát tiết xuống ao theo tục lệ. Lễ xong, trong tiếng trống tiếng chiêng nổi lên vang dội, người rước khởi kiệu, kiệu ông anh lại rước vào đình Yên Thái, kiệu ông em lại rước về đình Bái Ân.

Trong năm còn một ngày hội kỵ của ông thánh Chú vào mồng 6 tháng Chạp, kiệu rước đình cùng chóe nước lên vùng cống gần chùa Thiên Niên lấy nước dẫn từ sông Hồng.

Nhìn từ xa, thấy đoàn rước hai làng rồng rắn quanh

co, cờ phướn, quần áo và hoa đỏ trời đỏ đất, người người chen lấn hân hoan hồ hởi, tiếng nói tiếng cười rộn vui huyên náo. Vùng Ao Cá sóng nước lung linh, tàn vàng lọng tía cờ kiệu in hình soi bóng đẹp đến bỡ ngỡ. Thật là một bức tranh hoành tráng đầy sắc màu của lễ hội mùa xuân.

Rước xong thì đến phần hội. Trong các bãi rộng ở sân đình, người xem hội đông như kiến, chỗ này xem đánh đu, chỗ kia xem cờ người rồi xem hát ca trù, cuộc vui diễn ra đến tối thì sân đình tổ chức hát chèo...

Đất nước đang đà đổi mới, mọi giá trị mang tính dân gian và dân tộc đang được khơi dậy thì hội làng Bái Ân, một vùng đất cổ mang đầy dấu tích lịch sử văn hóa và huyền thoại quả là một nét đẹp ấm áp của làng quê.

50 - HỘI ĐÌNH VẼ

Thờ: - Độc Cước sơn tiên (thiên thần)
- Lê Khôi (nhân thần)
- Bảo vệ Chương Hòa (thổ thần)

Địa điểm: Xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm

Thời gian: Mồng 9 đến 11 tháng Hai
Chính hội mồng 10 tháng Hai

Đặc điểm: Thi thả thơ, hát ca trù

Cây đa giếng nước quê nhà
Mái đình còn đó người xa chưa về

Người ơi người có nhớ quê
Giò Chèm, nem Vẽ, quạt lá đề như xưa

(Ca dao)

Đầu xuân vào dịp mồng 10 tháng Hai, chúng ta về thăm làng Vẽ (Đông Ngạc) về phía tây bắc Hà Nội dự hội. qua làng hoa Quảng Bá, Nhật Tân, Phú Thượng, vượt cầu Thăng Long độ 100m là tới. "Đất làng Giàn quan làng Vẽ". Đất Vẽ, Đông Ngạc từ khoa thi đời Trần 1396 đến khoa thi 1915 có 25 vị đỗ tiến sĩ, 86 vị đỗ bảng nhãn, cử nhân. Người khai khoa nổi danh là Phan Phu Tiên, nhà sử học và nhà thơ nổi tiếng. Bài thơ "*Làm người nên học*" ông khuyên thế hệ trẻ:

Trẻ học lớn lên làm đạo lớn
Sinh khôn sớm biết, biết nhân tình.

Tiến sĩ Lê Đức Mạo (1505) có bài ca trù "Bát giáp thưởng đào văn" để hát trước cửa đình - bài có 9 đoạn gồm 128 câu. Tiến sĩ Phan Lê Phiên (1757) có bốn tập thơ chữ Hán. Tiến sĩ Phan Văn Trường (1919) là người giúp Bác Hồ học tiếng Pháp và trợ lý cho Người khi làm bản yêu sách tám điểm gửi Hội nghị Véc-xây.

Đình làng có kiến trúc hình chữ "quốc", cổng vào qua hai tam quan đồ sộ. Tam quan ngoại làm nền cao ngang bờ đê, qua cửa vào tam quan nội có ba cửa thông suốt, một đường gạch thẳng vào sân đình rộng gần một sào, hai bên nhà hành lang mỗi dãy bảy gian. Đại đình có hai bái đường nội và ngoại mỗi lớp chín gian, trung cung

ba gian và hậu cung ba gian.

Nơi đây thờ ba vị thành hoàng: thiên thần là Độc Cước sơn tiên đại thánh, nhân thần là Lê Khôi cháu của Lê Thái Tổ, được người làng là đô đốc Đồng Tri Đông Xuyên hầu khi đi đánh Chiêm Thành qua Cửa Trào (Rào?) (Nghệ An) rước về thờ và thổ thần là Bảo vệ Chương Hòa. Ngoài bái đường nội có phụ thờ Phạm Quang Dung (còn có tên là Khách) đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1706) làm quan tới chức Công bộ thượng thư đã có công xây dựng lại ngôi đình vào năm Vĩnh Thịnh thứ 16 (1718) được như ngày nay: và Mạc quận công, vị tướng từ thời Hùng vương. Ngoài ra ở nhà tả vu còn thờ Phạm Thọ Lý là người đã cung tiến mấy sào đất để làm đình lần đầu, năm 1635.

Ở bái đường có hai đôi hạc: đôi hạc bằng đồng cao hai mét cùng bộ ngũ sự cũng bằng đồng như đỉnh, nến, bình hương. Phía ngoài có đôi hạc gỗ cao ba mét mới được sơn lại trông uy nghi lộng lẫy. Đồ gỗ trạm khắc tinh xảo còn có ba bộ kiệu bát cống, một bộ đòn rồng, một long đình. Tất cả đều sơn son thếp vàng rực rỡ.

Một bình gốm nền đỏ vẽ tranh sơn thủy nhiều màu, dùng dựng nước sông Hồng rước về lễ thánh.

Những di vật có giá trị khác là các bức tranh cổ đời Lê treo ở đại đình. Đó là 16 bức tranh minh họa cho 16 chữ Hán liên hoàn như: bách, cốc, phong, đăng, vạn, niên, kỳ, phúc, chúc, thọ, thánh, hoàng, tư, dân, an, thái.

Dưới đất có tám bức tranh đặt trên giá treo theo tám chủ đề: ngư, tiều, canh, mục, sĩ, nông, công, cổ. Dưới

mỗi tranh đề một bài thơ thất ngôn bát cú. Bên ngoài đại đình, nhà hữu vu bảy gian có nhà bia và nhà đọc sách. Nhà bia lưu giữ bảy tấm bia đá, có tấm cao 1,8m, rộng 1m trụ trên rùa uy nghi như bia ở Văn Miếu, Hà Nội. Tấm bia cổ nhất dựng năm Dương Hòa (1635) với tiêu đề "Thủy tạo thần từ" ghi việc lần đầu xây dựng ngôi đình này thay thế ngôi đình nhỏ ở ngõ Vẽ, do Phạm Thọ Lý cúng đất. Tấm bia lớn nhất "Trùng tu thần từ" dựng năm Vĩnh Thịnh (1718) ghi việc tiến sĩ Phạm Quang Dung tu sửa lớn ngôi đình.

Hội đình làng Vẽ tổ chức trọng thể trang nghiêm, ngày mồng 9 tháng Hai diễn tập duyệt đội ngũ, tối làm lễ nhập tịch. Ngày mồng 10 tháng Hai, rước chính thức. Có bốn cỗ kiệu nối tiếp nhau rước nước, rước hương án, rước long đình. Chân kiệu gồm 120 thanh niên nam nữ, áo màu rực rỡ đi đứng nhịp nhàng theo hiệu trống, chiêng, tù và. Đồ tế lễ là thủ lợn, xôi gà, hoa quả bốn mùa. Đặc biệt có tục dâng lễ vật bằng những cây mía tím, lá xanh nguyên. Đám rước đi từ đình qua đê rẽ chùa Tư Khánh rồi quay về, ước chừng 1km. Người trên đê từ làng Chèm, làng Bạc, làng Gạ, làng Bởi... về dự đông vui nhộn nhịp. Ngoài những trò chơi như cờ bởi, chọi gà, bịt mắt bắt dê... còn trò thả thơ, một nét đặc sắc của làng Vẽ văn hiến.

... Kể từ lập xã tới nay
Đất làng văn hiến liệng bày một phương...

Chủ trò xướng một đề thơ, một câu thơ bất kỳ (có

thể từ *Truyện Kiều*, từ thơ Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Lý Bạch, Đỗ Phủ...). Tao nhân mặc khác ngồi vòng tròn trên chiếu hoa nhận một đề thơ từ giấy hương gấp tư rồi chuẩn bị. Sau hồi trống từng người đứng lên giảng thơ nói điển tích hoặc họa lại toàn bài thơ. Hứng lên có thi nhân hát ca trù với bài của mình về cảnh đẹp của non sông gấm vóc và chí khí của cha ông. Có khi họ lại sửng sốt vì chính bài thơ là bức hoành của hành tham tụng Bùi Huy Bích:

Đầu bến cửa Trào thu nước trong
Cội đa bóng rợp đón bay vòng
Ông già sùng kính nghìn năm miếu
Dòng đến thần minh một thửa hùng.
Dân ấp ca mừng khen chính tích
Quân thù sụp lạy khiến oai phong
...
Ao ước Bình Chương sống lại cùng.

"Bình Chương" chính là thành hoàng Lê Khôi.

Hội làng Vẽ là sinh hoạt văn hóa đặc sắc của đất Thăng Long nên hàng năm dân thập phương kéo về dự hội rất đông.

51 - HỘI LÀNG YÊN NỘI

Thờ: - Bạch Hạc Tam Giang
- Túc Chinh công chúa

Địa điểm: Xã Liên Mạc, huyện Từ Liêm

Thời gian: 12 tháng Hai, 15 tháng Bảy, mồng 2 tháng Tám
Chính hội mồng 10 tháng Hai

Đặc điểm: Đánh quân

Làng Yên Nội (xã Liên Mạc) gần làng Chèm, cách Hồ Gươm 12km về phía tây bắc theo đường qua cống Chèm, chỗ sông Nhuệ đổ vào sông Hồng. Yên Nội, mảnh đất yên lành, an cư lạc nghiệp, được ghi trong đôi câu đối ở cổng làng:

"*Nhất lệ an phú tằm tang cấp độ hiếu xuân thu.*

Bán luân thương hạ từ viên điểu lộng ngư giai cảnh sắc".

Tạm dịch nghĩa:

"*Con đường ven làng giàu có bởi nghề chăn tằm hái dâu hai mùa.*

Bánh xe lăn trên đường thấy cá lặn chim bay quê mình sao đẹp".

Đình làng với ba nếp cổ kính có từ thời Tiền Lê. Bức hoành phi khá lớn đề "Trấn Thiên Nam" bên cạnh có tấm biển "Đại vương giang thần". Đây là Bạch Hạc Tam Giang, đại vương là vị thần được thờ nhiều nơi. Thần tích kể đời Hùng vương thứ 18 ở Kinh Môn (Hải Dương) có Đào Bột

một người giàu chí khí. Về kinh đô thi, ông đoạt bảng vàng, được phong làm huyện phó Hoan Châu rồi bộ trưởng bộ Hải Dương. Ông lấy bà Hương, sinh ra năm người con (Đào Cư, Đào Hồng, Đào Trường, Đào Khanh, Đào Lân). Đất nước có giặc, năm anh em xung binh theo Hùng Duệ vương. Sau đó chỉ Đào Trường, Đào Khanh còn sống. Hai anh em nhiều lần lập công bảo vệ cõi Văn Lang. Sau khi dẹp loạn Hồng Châu, Đào Trường về, hóa ở Tôn Thất Trang.

Chùa làng Yên Nội thờ Túc Chinh công chúa. Bài minh cho biết xưa đất làng này thuộc Từ Liêm hương, sau mới đổi là xã An Nội (Từ Liêm hương cổ, kim cải An Nội xã). Theo bản dịch của Nguyễn Văn Côn người làng thì quả chuông cũ và bài minh trên chuông do Túc Chinh công chúa con gái vua Trần Thánh Tông (1258 - 1278) cho làm. Quả chuông do bà đúc lại vào đời vua thứ tư nhà Trần, tức Trần Anh Tông (1293 - 1314) không rõ năm nào, vì trên chuông chỉ ghi "Trần triều đệ tứ đế" (Vua thứ tư triều Trần).

Chuông đúc lại vào năm Tự Đức Ất Hợi (1875).

Văn chuông có đoạn:

Truyền để đời sau
Trên nhờ phép nhà nước
Dưới mong anh em thuận hòa
Nếu trái lời trong chuông
Khó tránh khỏi lưới pháp luật...

(Bản dịch)

Túc Chinh công chúa vâng chiếu vua cha ra ngoài

thành Thăng Long tổ chức khai hoang, lập ra làng Cổ Nhuế Viên, làng Yên Nội và làng Bầu Đông Anh.

Trước khi bà mất có đúc quả chuông 400 cân để cúng vào chùa Thánh Quang... "Ta đây đi tu chỉ có một mình, không có con cháu nối dõi, ta đều thương mọi người nên chia ruộng đất cho mọi người, để lo mộ phần và cúng bái. Mọi người phải giữ trước sau như một, đời sau phải ghi lời này vào gia phả, khắc vào chuông để lưu truyền cho hậu thế. Mọi người phải chia tài sản cho nhau không được tranh giành. Không ai được xâm phạm vào ruộng đất của tam bảo (tức nhà chùa). Nếu ai cậy quyền thế mà chiếm đoạt thì làm sớ kêu lên triều đình luận tội...".

Hội làng Yên Nội trong năm có mấy tiết chính. Hội đền 15 tháng Bảy giỗ 25 dũng sĩ đời Trần tham gia đội quân của bà Túc Chinh chống lại quân Nguyên Mông (1226 - 1227). Hội chùa, giỗ bà Túc Chinh vào mồng 2 tháng Tám và hội đình mùa xuân từ 11 đến 12 tháng Hai kỷ niệm đức TAM GIANG... Ngày hội có kết chạ, thường mời làng Noi (Cổ Nhuế) Từ Liêm, làng Bầu (Thiên Biểu), Đông Anh sang dự. Đây là những miền đất do bà công chúa đời Trần tổ chức khai hoang lập ấp, dạy dân cày cấy dệt lụa trồng dâu nuôi tằm... Hội làng có nhiều trò vui dân gian: tế cờ, chọi gà, hát chèo. Đáng chú ý là ngày hội chỉ cúng bằng cơm tẻ muối vừng. Mâm cỗ chỉ có bát dừa kho, dưa cần, đậu ván luộc, đĩa giá, muối vừng, rá cơm tẻ. Một trò khá hấp dẫn diễn ra ở bãi cát sông Hồng: một tốp 25 người đóng giả ta, một tốp 25 người đóng giả địch. Hai bên đeo

bị gio, bị cát ném nhau túi bụi. Thường thường là quân ta thắng quân địch. Và tiếng reo hò của hàng nghìn người dự hội náo nức bờ sông.

Đình, chùa Yên Nội đã được Bộ Văn hóa Thông tin xếp hạng ba năm 1992. Ông Nguyễn Văn Côn trên 80 tuổi, có mẹ là cụ bà Nguyễn Thị Dương thọ trên 100 tuổi đã được đoàn đại biểu của huyện và thành phố tới tặng quà năm 1992, với cảnh gia đình ngũ đại đồng đường. Ông Côn con trai cụ còn nhớ bài thơ của các cụ truyền lại, ước tính 150 năm có dáng điệu của một lời ca trù:

Dẫu tiền của bằng non bằng nước
Ở bất nhân sau cũng tán đi
Con người là khách một thì
Đừng cay nghiệt làm chi cho lắm tá...

52 - HỘI ĐÌNH CỔ NHUẾ

Thờ: Đông Chinh vương, phu nhân và công chúa
Địa điểm: Thôn Hoàng, xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm,
Thời gian: Mồng 10 tháng Hai
Đặc điểm: Rước kiệu, cờ bỏi, cờ người, hát đối, chọi gà

Đình Cổ Nhuế hiện được xây trên một khu đất rộng tại thôn Hoàng, xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, Hà Nội; cách trung tâm Thủ đô 12km về phía tây bắc. Đình còn có tên gọi là đình Chạ, hoặc đình Hoàng.

Chuyện xưa kể rằng, vào tháng Tám, mùa thu năm Đinh Mão, niên hiệu Thuận Thiên thứ 18 (1027) thời vua Lý Thái Tổ, hoàng tử Đông Chinh vương phụng chiếu vua cha đi dẹp giặc ở Văn Châu (Lạng Sơn). Khi qua vùng Cổ Nhuế, lúc ấy nhà cửa còn đơn sơ, dân cư còn thưa thớt. Khi đoàn quân tới, dân làng đã đứng hai bên đường nghênh đón, và xin được tôn ngài làm thành hoàng để lâu dài thờ phụng. Thấy dân làng có tấm lòng thành ngưỡng mộ, Hoàng vương an ủi và ban cho một phần phẩm vật như: bánh dày, chè kho, bánh rán, là những thứ lương khô mà đoàn quân mang theo rồi từ biệt thúc quân lên đường chính chiến.

Đến tháng Hai năm sau (Mậu Thìn 1028), Hoàng vương thắng trận trở về, dân làng lại ra đón rất thành kính.

Khi về đến Thăng Long, Hoàng vương tâu xin vua cha rằng: "Đội ơn uy linh của trời đất, quân đi đến đâu thắng đó. Phàm những nơi đi qua và trở về có người dân ra đón hai bên đường, gồm 82 xã, đều muốn xin hoàng nhi làm phúc thần địa phương". Tất cả đã được vua cha chấp nhận. Dân làng Cổ Nhuế được vua xuống chiếu ban cho 1600 mẫu ruộng, và được miễn tô thuế.

Đến năm Thiên Thánh thứ hai, Hoàng vương có nhờ người tinh thông phong thủy tìm đất dựng chùa để thờ cúng. Khi tìm thấy đất đẹp ở vùng Cổ Nhuế, Hoàng vương cho xây dựng, nhưng thấy dân còn nghèo, nên nàng công chúa thứ tư con vua Lý, tên là Tả Minh Hiến, xin bỏ tiền riêng ra xây dựng theo khuôn mẫu định trước. Sau khi

dựng xong, dân làng đã lên kinh thành xin được thờ công chúa ở bên tả. Hoàng vương đã chấp thuận.

Làng Cổ Nhuế còn có tên nôm là Kẻ Noi, là một vùng đất cổ, trải bao gió mưa biến đổi, cùng với thời gian, nhiều dấu cũ đã bị mai một. Nhưng căn cứ vào những bản sắc phong còn lại, thì đình được dựng từ thời vua Lê Cảnh Hưng (1745) và cho đến nay đã nhiều lần tu sửa.

Hiện vật trong đình hiện có: 17 đạo sắc phong từ thời Cảnh Hưng đến thời Khải Định, một cuốn ngọc phả ghi chép về thành hoàng làng, bốn bức đại tự, một đôi câu đối sơn son thếp vàng ca ngợi công đức nhà Lý, ba ngai thờ, một kiệu bát cống có khắc chữ "Cảnh Hưng Giáp Thìn niên" (1784), một bộ sập thờ, một đôi voi đá, một quả chuông niên hiệu Thành Thái Kỷ Hợi (1899), ngoài ra còn có hai bộ tam sự, ba bát nhang lớn, và nhiều đồ sứ giá trị.

Trong quá trình phát triển nhiều đời, xã Cổ Nhuế ngày càng rộng thêm, nên trong xã còn có đình thôn Viên, nằm trong khu vực di tích gồm đền Bà Chúa, và chùa Anh Linh.

Đình thôn Viên, cũng thờ thành hoàng Đông Chinh vương, phu nhân của ngài và công chúa Tả Minh Hiến, cũng theo nghi thức tế lễ như đình Hoàng. Hiện vật trong đình có: hai bức hoành phi, bốn câu đối, ba đạo sắc phong, một cuốn ngọc phả, ba long ngai, ba bài vị chạm rồng, một quả chuông, một tấm bia được dựng từ thời Minh Mạng thứ 11 (1830) và nhiều đồ tế lễ, hầu hết có từ thế kỷ thứ XIX.

Công đức của thần, còn được ghi lại trên câu đối

trong đình, mang giá trị lịch sử.

"Cổ Pháp thiệu cơ, Lý lệnh trụ lưỡng triều khai thế

Nhuệ Giang hiển tích, Việt phúc thần lịch đại bảo phong"

Dịch là:

(Cổ Pháp dựng cơ đồ, Lý lệnh trụ mở mang hai triều đại

Nhuệ Giang lưu dấu tích, thần Việt Nam được phong tặng các đời).

Ngoài hai ngôi đình, xã Cổ Nhuế còn có chùa Sùng Quang (chùa Cả) đền Bà Chúa, và chùa Anh Linh (chùa Bé).

Chùa Sùng Quang được dựng khá sớm. Chùa do chính bà Tả Minh Hiến bỏ tiền ra xây dựng. Đến thời Cảnh Hưng (1740 - 1786) chùa được xây lại.

Chùa nằm trên một khu đất cao thoáng rộng, quanh chùa là những hàng cây rợp mát quanh năm xanh tốt, sớm chiều tiếng chuông thong thả ngân nga, đượm mùi thiền, nhắc nhở người dân luôn làm điều thiện, xây dựng cuộc sống yên vui. Chùa rất rộng, kiến trúc theo lối cổ, có tiền đường thờ Phật, hậu cung, nhà tổ và điện thờ Mẫu.

Trong chùa hiện có 54 pho tượng 15 bức hoành phi, 10 câu đối, nội dung ca ngợi công đức nhà Phật, rồi nghi môn, cửa võng, long đình và kiệu, hầu hết có từ thời Lê. Đồ đá trong chùa cũng rất phong phú, gồm 11 tấm bia, có tấm được dựng từ thời Cảnh Hưng, hai quả chuông đồng đúc năm Thành Thái (1892) và Duy Tân (1914) và nhiều

đồ sứ giá trị.

Chùa Anh Linh cũng được xây dựng từ thời Trần, "*Đại Việt sử ký toàn thư*", và cuốn "*Lịch sử Việt Nam*" tập 1 có chép:

"Mùa đông (1266) vua Trần Thánh Tông xuống chiếu cho các vương hầu, công chúa, phò mã, cung tần, đi chiêu tập dân lưu tán không sản nghiệp để khai hoang ruộng đất lập điền trang. Theo lệnh vua, công chúa Trần Khắc Hãn (con thứ tư vua Trần Nhân Tông), đã dời cung điện về vùng Cổ Nhuế tổ chức khẩn hoang. Bà đã cho dựng chùa Anh Linh để thờ Phật, cầu cho nước mạnh dân an. Do có nhiều công lao, nên sau khi bà mất, dân làng đã dựng đền Bà Chúa để muôn đời cúng lễ, nhớ ơn người đã dời chốn vàng son về nơi thôn dã, giúp đỡ dân lành".

Chùa Anh Linh và đền Bà Chúa còn lưu giữ nhiều hiện vật giá trị nghệ thuật gồm: tượng Phật, hoành phi, sắc phong và nhiều đồ tế lễ có từ thế kỷ thứ XIX. Trong quần thể di tích đền và chùa, còn có 16 tấm bia đá, có tấm được dựng từ thời Cảnh Trị (1664) và một quả chuông đồng đúc từ thời Tự Đức (1870).

Cổ Nhuế là một vùng đất có lịch sử lâu đời, lại nằm sát phía tây bắc kinh thành Thăng Long. Ngay từ thời Hai Bà Trưng (năm 40) đã là nơi hoạt động của nhiều tướng tài như: Quách Lãng, Đinh Bạc, Tĩnh Nương... chống quân xâm lược nhà Hán. Rồi trải bao biến thiên lịch sử xuyên suốt hàng ngàn năm, nhiều dấu cũ đã bị mai một theo thời gian, nhưng vùng đất Cổ Nhuế vẫn luôn phát

triển, cùng cộng đồng dân tọc chống mọi quân xâm lược, dựng xây đất nước. Đến thời kháng chiến chống Pháp, xã Cổ Nhuế cũng là nơi hoạt động của nhiều cán bộ cách mạng. Chùa Sùng Quang là một cơ sở nuôi giấu cán bộ của Đảng thời tiền khởi nghĩa. Hòa thượng Thích Thanh Lộc, vị cao tăng trụ trì chùa, đã tham gia cách mạng từ Tháng 8 năm 1945, được bầu làm chủ tịch lâm thời xã Cổ Nhuế.

Đi trong làng, trên con đường rộng rãi khang trang, từ đình Hoàng đến giữa làng là gặp chùa Sùng Quang, sát cổng chùa là nhà tám mái theo dáng long đình thật uy nghiêm lộng lẫy, chùa được xây sớm nhất từ thời vua Lý. Đi tiếp là đến đình thôn Viên sừng sững ngay bên trái với mái cong ngói cổ. Rồi đến đền Bà Chúa trong khuôn viên rộng rãi bóng cây bao trùm tạo vẻ trang nghiêm u tịch. Đến cây đa cổ thụ gần cuối làng, rẽ phải ra cánh đồng, một đoạn ngắn là chùa Anh Linh. Giữa một không gian thoáng đãng lộng gió, mái chùa uốn cong ẩn hiện sau những hàng cây thật thanh cao và thơ mộng, khuôn viên sân chùa thì cỏ cây hoa lá xanh tươi như gấm điểm. Nhìn ra cánh đồng, ngôi mộ bà Chúa mới được dân làng tôn tạo, mái cong dáng cổ, nổi bật lên giữa cánh đồng lúa xanh mát mắt. Những sớm mai, những chiều hoàng hôn, những buổi trăng lên, mộ bà lung linh mờ ảo như mơ như thực. Giữa một vùng đất cổ đang đà đô thị hóa, thì những quần thể di tích đình, đền, chùa của vùng Cổ Nhuế thật là những viên ngọc quý, bởi có lịch sử từ gần ngàn năm nay.

Theo lệ cổ, hàng năm dân làng lại mở hội. Hội chính

năm năm một lần, hội lệ mỗi năm một lần.

Vào ngày mồng 10 tháng Hai, ngày mà nhà thánh xuất quân đi đánh giặc Văn Châu năm xưa, hội chính diễn ra thật hoành tráng. Suốt từ ngày mồng 9, dân làng đã náo nức chuẩn bị, nhà nhà làm bánh, sắm sanh lễ vật. Ngay từ 10 giờ đêm hôm ấy, ngoài đình các bô lão đã làm lễ túc yết suốt đêm, ở trong đình đèn nhang khói hương sáng rực. Sáng hôm sau, 8 giờ dân làng làm lễ rước văn dâng lễ vật, ngoài hương hoa ngũ quả, lễ vật thật giản dị, chỉ là những thứ mà quân của ngài ngày xưa, những lần đi đánh giặc thường làm lương khô lót dạ, gọi là "độ nước lâm trận", như chè kho, bánh dày, bánh rán. Rồi các dòng họ trong làng dâng mâm lễ. Lễ tế thần được diễn ra thật trang nghiêm thành kính. Tế xong, trong tiếng trống, tiếng chiêng nổi lên vang dội, lễ rước thánh bắt đầu. Đội rước kiệu bát cống gồm hai tổng cờ, và tám trai làng tuổi đang xuân sắc, quần trắng, áo dài đỏ, thắt lưng xanh, đầu chít khăn nhiễu. Bên cạnh là kíp đổi quân túc trực đi kèm, cũng gồm tám trai làng, quần trắng, áo vàng, thắt lưng đỏ. Các cơ nào đội ấy chuẩn bị cùng dân làng và khách thập phương náo nức bước vào rước thánh.

Đi đầu đoàn rước là đội múa sư tử, múa bồng, trong tiếng trống tiếng chiêng dồn dập làm cho không khí lễ hội thêm náo nức. Tiếp đến là đội cờ thần ngũ sắc, cờ ngũ hành. Trong làng cờ phướn đỏ rực. Tiếp đến là tàn lọng, hỏa bài, rồi phường bát âm. Tiếng sáo, tiếng đàn tấu lên những giai điệu cổ, làm cho lễ hội đầy những âm thanh

rộn rã. Rồi đoàn khiêng kiệu bát cống rước thần đi dưới những tàn vàng lọng tía, trong tiếng trống khẩu giữ nhịp thật uy nghi tề chỉnh. Trên kiệu có cỗ ngai chạm khắc vàng son lộng lẫy, có mâm lễ vật và đèn nến hương hoa nghi ngút, tiếp sau là đoàn cụ ông, quần trắng, áo thụng xanh, đi hia và đội mũ tế. Rồi đến đoàn các cụ bà, quần đen khăn lụa, áo tứ thân, tiếp theo là đội tế nữ quan, quần trắng, áo dài vàng, khăn vàng. Đoàn đội mâm lễ vật gồm các cô gái tuổi mười tám đôi mươi, phục trang lộng lẫy, cô nào cô ấy mắt long lanh và đôi môi thắm đỏ. Rồi đến dân làng và khách thập phương nô nức kéo nhau theo đám rước. Đoàn rước đến đâu, người xem đông chật, tiếng nói tiếng cười hòa cùng tiếng trống tiếng nhạc thật vui. Đám rước đi từ đình Hoàng tới chùa Sùng Quang, qua đền Bà Chúa, đến cuối làng rẽ ra chùa Anh Linh. Đoàn rước đi đến đâu, cũng thấy nhân dân hai bên đường bày lễ vật đèn nhang tiếp nghênh và bái vọng. Nhìn từ xa, thấy cờ bay, lọng tía, hỏa bài, binh khí, cờ phướn, như một con rồng ngũ sắc uốn lượn tựa như một bức tranh sơn mài rực rỡ. Đi hết lượt, lại rước thánh về đình Hoàng cúng giã...

Hết phần lễ, là phần hội. Tại sân đình, sân chùa, chỗ này diễn ra chơi cờ bỏi, chỗ kia người xúm đen xúm đỏ xem đánh cờ người, những cô gái xinh đẹp mặt tươi như hoa, được hóa thân thành tướng bà, tướng ông, sĩ đen, sĩ đỏ; tiến lui theo sự chỉ dẫn của người chơi cầm cờ lệnh, tiếng trống khẩu "tong tong" luôn thúc giục bên tai đối thủ. Một chỗ khác lại thấy người xem quây quần bên những đám hát

đối. Những câu dân ca, hát ví bên nam bên nữ, hát đối nhau, cốt sao bên kia không đối được, mỗi khi bên nào bí, thì lại rộ lên tiếng vỗ tay reo hò vang dội; rồi hết xem chọi gà, người ta nô nức vào đền, vào chùa cầu tài cầu lộc. Nếu vào ngày hội chính, cuộc vui kéo dài tới5 ngày. Hội tan, người ta lại mong mỏi chờ đến mùa xuân năm sau.

Theo đường lối chấn hưng văn hóa của Đảng và Nhà nước, mọi giá trị tinh thần mang tính dân tộc đang được khơi dậy thì hội đình làng Cổ Nhuế, với những ngôi đình, ngôi đền, ngôi chùa có từ thời Lý, thời Trần, quả là một món quà quý của lịch sử để lại, giữa mùa xuân đổi mới hôm nay.

53 - HỘI MIẾU VŨ, XUÂN ĐỈNH

Thờ: - Vũ Phục (ông Dầu)
- Đỗ Thị Thiện (bà Dầu)

Địa điểm: - Xuân Tảo, Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm

Thời gian: 30 tháng Một và mồng 10 tháng Hai
- Chính hội mồng 10 tháng Hai

Đặc điểm: - Kiệu bay
- Thi bánh dày, chè kho

Làng Xuân Tảo có tên nôm là làng Cáo cách Hồ Gươm về phía bắc khoảng 10 cây số. Ta đi chợ Bưởi rẽ tay phải lối Hồ Tây qua đền Sóc, qua Xuân La, qua di tích pháo đài Xuân Tảo là tới Miếu Vũ. Làng có bốn

khu: khu Nhang, khu Trung, khu Lộc, khu Đông. Xa xưa làng có tên kẻ Cấu (hay kẻ Gạo) rồi Quả Động. Thời Lê gọi là Minh Cảo thuộc phủ Quốc Oai, trấn Sơn Tây. Đời Nguyễn có tên Xuân Tảo. Năm 1956, làng Xuân Tảo và làng Cáo Đỉnh nhập lại thành xã Xuân Đỉnh, thuộc ngoại thành Hà Nội.

Miếu Vũ khu Nhang, hiếm có ngôi miếu nào ở Hà Nội lại qui mô như thế. Miếu xây kiểu chuôi vồ, năm gian hai mái chồng diêm, trong miếu có thể ngồi 300 người, ngoài sân có thể chứa 500 người. Trước năm 1946, miếu còn bề thế hơn với ngũ môn như ở chùa Hà, hai ông tướng phía ngoài đắp nổi to lớn như ở đền Phù Đổng. Rồi nhà đại bái, tảo mạc, thiêu hương... câu đối ở ngũ môn ghi:

Cáo nhạc giáng thần sinh bất ngẫu
Phù giang tác thánh tử do vinh.

Tạm dịch:

Thần thiêng đất Cáo đâu chuyện ngẫu nhiên
Thánh hóa thiên phù ngàn đời vinh hiển.

Dân làng nhớ một đêm mưa to gió lớn, bát hương, ngân ỷ, bài vị theo trận cuồng phong bay từ đình An Thái (vùng Bưởi) qua gò Con Trê, gò Nhà Táng, Bờ Dọc, gò Con Tôm rồi dừng ở gò Con Qui... Một cụ già loan báo. Mờ sáng trai làng được huy động lập ban thờ rồi rước đồ thờ về. Ban đầu chỉ lập nhà vuông bằng tranh, tre, nứa, lá. Vào thế kỷ XVII, miếu được nâng cấp. Tiến sĩ Nguyễn Công Cơ khoa Đinh Sửu (1697) sau làm tham tụng (tể tướng) đã có công cùng dân làng lập đình, trùng tu miếu.

Cụ còn làm con kênh thoát nước cho dân làng từ Xuân Tảo qua đồng Cổ Nhuế đổ vào sông Nhuệ. Vào năm 1920, tuần phủ Bắc Ninh về dự hội mê "quân xe" là cô gái làng Hoàng Thúy Ba trong bàn cờ người, viên quan lấy cô gái làm vợ. Hai vợ chồng cũng góp nhiều công sức tu sửa miếu, sắm đồ thờ. Tiến sĩ Nguyễn Công Cơ cùng tiến sĩ Nguyễn Trạc Dụng (An Thái), tiến sĩ Nguyễn Đình Hoàn (Bái Ân) đã thảo thần tích về ông Dầu, bà Dầu [1]

Đến nay ở làng Minh Cáo, xóm Ngõ Dầu còn nền nhà cũ của đại vương vẫn bảo tồn dân gọi là đất Cấm Địa.

Cách Miếu Vũ khoảng nửa cây số là đình Xuân Tảo. Truyền thuyết kể thời xưa nhân dân ta chưa biết cày cấy làm ra thóc gạo mà chỉ sống bằng thú rừng, rễ cây hoa quả, các loại rau rừng, lúa hoang. Vùng ven sông Hồng được phù sa bồi đắp màu mỡ. Vua Hùng trong lần đi về các làng quê thấy đất tốt tươi bèn dạy dân làng đắp bờ giữ nước. Thấy lúa mọc hoang, vua bày cho dân gỡ hạt, gieo mạ. Khi mạ lên xanh thì nhổ cấy vào tràn ruộng có nước. Lúc đầu dân không biết cấy cứ thắc mắc. Vua bèn nhổ cây mạ lên cấy thử. Mọi người cấy theo vua tới lúc mặt trời đứng bóng. Sau đó, vua cùng bà con lên gốc đa ngồi nghỉ. Nơi cấy đầu tiên ở Văn Lang là Kẻ Nú (Kẻ Lúa) ở Minh Nông (Phú Thọ). Người dân Kẻ Cấu (Kẻ Gạo) Xuân Tảo học theo, cũng xin hát hương từ Minh Nông về thờ vua

---

(1) Thần tích về ông Dầu bà Dầu đã chép ở phần viết về hội đình Yên Thái.

Hùng. Từ xưa vào tục lễ thượng điền, hạ điền, dân làng vẫn làm lễ đọc văn tế. Do chiến tranh nên văn tế thất lạc. Dịp 2/1995, các cụ Hội Người cao tuổi thôn đã lên xã Minh Nông (Phú Thọ) để sưu tầm văn tế.

Dù ai đi đâu về đâu
Tháng Hai, hội Cáo rủ nhau mà về.

(Ca dao)

Sau Tết Nguyên đán ít ngày, 12 giáp của làng tấp nập chuẩn bị hội làng. Quan viên nhận ruộng cấy lo làm hàng trăm chiếc bánh dày. Quan viên khác cùng trai làng gồng gánh đi xa trên 20 cây số về Sấu Giá (Hà Đông) để mua mật giọt, đậu xanh. Có quan viên đi chợ Bưởi mua bò, gà mái ghẹ... Hàng ngày giai kiệu 32 người, gái kiệu 32 người ra sân miếu tập tiến lui theo nhịp trống. Rồi các giáp tấp nập chuẩn bị: Có giáp lo đội nhạc bát âm, múa bồng, khênh rước kiệu; có giáp lo rước cờ, ngựa, bát bửu, lộ bộ; có giáp làm bánh dày, chè kho...

Ngày 6 tháng Hai, làm lễ cáo yết, khai quang. Cụ Nhất hay Nhì, có học vị cao nhất làng đến văn chỉ mở hòm sắc chép văn tế thành hoàng.

Chính hội tổ chức vào ngày mồng 10 tháng Hai ngoài dân làng bốn khu có cả dân làng ở Bái Ân, An Thái cũng về dự. Từ tám giờ sáng trước cửa miếu tổ chức lễ cúng, đọc văn tế, các khu và dân làng kết chạ đội mâm lễ vào miếu. Từ mười giờ trở đi đoàn rước hùng vĩ với cờ thần, chấp kích, tàn, tán, lọng, đội múa bồng, múa sênh tiền... nhộn nhịp tiến về đình, đoạn đường dài nửa cây số. Lễ cỗ là

lồng oản, lồng chè kho phải đưa lên bàn vuông có bốn người khênh, bốn người phụ. Ông cai hô: "Tông! Tông! Hí!" (ba lần) kiệu Ông kiệu Bà được nhấc lên vai mọi người. Trai áo đỏ, thắt lưng màu lam tay cầm quạt, gái áo dài hồng thắt lưng hoa lý, tay cầm quạt. Thường rước đến trước cửa đình là kiệu bay. Lượn ngang, lượn dọc, lượn xoay tròn đến nửa giờ. Ông thủ kiệu phải vào lễ xin "Ngài" thì kiệu mới dừng, quay lại miếu Vũ. Kiệu Ông nghỉ ở sân còn kiệu Bà lại theo các cô gái bay về khu Cấm Địa, nơi nhà ở của ông Dầu bà Dầu ngày xưa.

Ngày 11 tháng Hai tiếp nối nhiều trò vui dân gian: Đi cầu Noi, bắt vịt trên ao, chạy hóa trang, hát chèo... Nhà văn Tô Hoài, người vùng Bưởi có kể: - Hồi bảy, tám tuổi được đi xem hội Cáo chứ không phải hội đền Sóc. Hội có lễ rước của mười sáu giáp. Cai tổng đánh trống tế lễ. Đám rước mặc áo thâm quần hồng rước bài vị ông bà Vũ Phục ở miếu Vũ xuống đình rồi quay về. Hội Cáo có nét đặc sắc là chuẩn bị hai trăm bánh dày làm bằng nếp cái hoa vàng. Bánh to bằng chiếc lồng bàn. Bà con chơi cờ người, hát chèo, đặc biệt có trò hề gậy đập niêu gây cười náo động một vùng quê.

54 - LỄ HỘI ĐÌNH GIÀN

Thờ: Lý Phục Man

Địa điểm: Đình thôn Cáo Đỉnh, xã Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm

Thời gian: 9 - 11 tháng Hai. Chính hội 10 tháng Hai

Đặc điểm: Kiệu dừng. Kiệu bay

Đình Giàn thuộc thôn Cáo Đỉnh (hoặc Cáo), xã Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm. Thôn Cáo ở phía tây Hà Nội, gần cầu Thăng Long, cách Hồ Gươm khoảng 15km. Từ bờ hồ, khách theo đường Tràng Thi, Nguyễn Thái Học, qua Cầu Giấy, đi tiếp về Cầu Diễn độ 3km thì gặp đường cao tốc dẫn tới địa phận thôn.

Theo sử sách cũ, làng Cáo xưa có tên là Quả Động, thời Hậu Lê gọi là Minh Cảo. Tấm bia ở cổng chùa Minh Phúc (chùa Nứa) khắc năm1738 đời Lê Ý Tông ghi tên xã là Minh Cảo, thuộc huyện Từ Liêm, phủ Quốc Oai, sau đổi là Minh Tảo, đến thời Nguyễn đổi là Xuân Tảo. Làng Giàn xưa có tên chữ là Cốc Đỉnh, sang Hậu Lê đổi là Khang Cáo, đời Nguyễn đổi là Cáo Đỉnh, tổng Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội. Đầu thế kỷ XX phủ Hoài Đức thuộc tỉnh Hà Đông.

Thời gian sau, hai xã Cáo Đỉnh (tổng Cổ Nhuế) và Xuân Tảo (tổng Xuân Tảo) hợp thành xã Xuân Đỉnh, thuộc quận 5, ngoại thành Hà Nội. Năm 1961, Xuân Đỉnh thuộc huyện Từ Liêm.

Người Hà Nội có câu "Đất kẻ Giàn, quan kẻ Vẽ" hoặc "Dành Cáo, gạo Vòng" với ý rằng làng Giàn có thế đất đẹp, làng Cáo có nghề đan dành (nghề phụ) nổi tiếng; (Giàn và Cáo là một).

Xuân Đỉnh là xã lớn, nằm ở phía bắc huyện Từ Liêm, diện tích tự nhiên rộng chừng 5km^2. Dân số trước năm 1945 khoảng 4000 người, nay là 8100, mật độ 1620 người/km^2 (theo số liệu điều tra dân số của xã năm 1981).

Xưa, Xuân Đỉnh nằm giữa vùng đồng lúa bát ngát, xung quanh có các đường giao thông lớn; bắc giáp xã Phú Thượng, Đông Ngạc, Thụy Phương, có đường 23 đồng thời là đê sông Hồng che chở. Lại từng có các bến đò cổ nổi tiếng như bến Chèm, bến Xù có thể sang Đông Anh dễ dàng; phía tây giáp xã Cổ Nhuế, có đường 69 từ Dịch Vọng đi Chèm; đông giáp xã Xuân La, có đường từ Hồ Tây, từ Bưởi đi Nhật Tân; nam giáp thị trấn Nghĩa Đô, có đường từ Bưởi nối vào đường 69.

Nằm ở cửa ngõ phía tây bắc thủ đô, Xuân Đỉnh có mối quan hệ gắn bó với nội thành và có điều kiện đi lại thuận tiện. Xưa, nông dân làng Cáo, làng Giàn thường gánh gạo, rau, cà, bí, cam, dầu thắp... vào kinh thành bán; hoặc cắt cỏ cho trâu bò ở phía tây thành.

Cáo Đỉnh (Kẻ Giàn) là làng Việt cổ. Ở đây có khu mộ cổ trên núi Hình Nhân (núi như hình người nằm), được xác định niên đại cách nay gần 2000 năm. Ngoài những dấu tích của người tiền sử, Kẻ Giàn còn nổi tiếng về thế đất đẹp. Trên cánh đồng rộng lớn của làng nổi lên

những gò đất mà dân làng quen gọi theo hình dáng như núi Chiêng, núi Trống, núi Ngự, núi Thái Hòa...

Các cụ già am hiểu thường kể truyền thuyết về con cáo trắng chín đuôi quấy nhiễu vùng này. Rồi cáo bị Lạc Long Quân giết chết, nhân đó vùng này gọi là vùng Cáo. Lại những viên gạch xây cổng làng cũng đã xác định niên đại sớm, vào đời Hán (thế kỷ I - III); đồng thời căn cứ vào cái giếng lớn xây giữa làng theo kiểu cách xưa, có thể từ thời Đông Hán, mà dân địa phương quen gọi là "giếng Mã Viện".

Đến Xuân Đỉnh ta còn được chiêm ngưỡng nhiều công trình kiến trúc cổ: đền, chùa, đình, miếu. Đền Sóc thờ Phù Đổng thiên vương, người anh hùng dân tộc có công đuổi giặc Ân ra khỏi bờ cõi. Truyền rằng, đền xây từ đời Lý. Đến đời Lê Chính Hòa (1686) được bà Vũ Thị Ngọc Xuyến (vợ chúa Trịnh) tu sửa. Đình làng Giàn thờ Lý Phục Man, tướng quân có công chiến thắng giặc Lương (thế kỷ VI) và quân Lâm Ấp. Miếu Vũ Phục thờ ông Dầu bà Dầu, vợ chồng bán dầu, hy sinh thân mình để chữa bệnh cho vua Lý. Chùa Nứa (Minh Phúc tự) là ngôi chùa cổ, đẹp (ở khu rừng nứa) xây dựng theo mẫu chùa Thiên Trù của chùa Hương. Với truyền thống văn hóa lâu đời, Xuân Đỉnh có văn chỉ thờ các vị tiến sĩ, và có học điền cấp cho những người đỗ đạt cao, với mục đích khuyến học con cháu trong làng. Theo thống kê chưa đầy đủ, từ khoa thi năm Mậu Tuất (1658) đến thời Tự Đức (1847), xã có bốn người đỗ tiến sĩ, một phó bảng, hai mươi cử nhân và mười bốn tú tài.

Người dân Xuân Đỉnh còn tự hào về truyền thống

chống giặc ngoại xâm, bảo vệ quê hương. Trong thời phong kiến tự chủ, làng đã có võ chỉ là nơi các quan võ họp mặt và có ruộng binh để ưu tiên cấp cho những người tòng quân giữ nước.

Nguyễn Công Cơ, thường gọi là cụ Thượng Cáo, người làng Cáo, làm Binh bộ thượng thư, tài kiêm văn võ, giỏi ngoại giao, sống trung thực và liêm khiết.

Cuối thế kỷ XIX, một số nhà nho yêu nước vùng Xuân Đỉnh, Phú Gia, Bưởi đứng ra lập "Văn thân hội quán" ở xuân Tảo để thường xuyên có dịp gặp mặt, bình thơ, giảng bài, cổ động tinh thần yêu nước, kêu gọi nhân dân ta bất hợp tác với thực dân Pháp.

Giữa những năm tháng đem tối dưới ách thống trị Pháp - Nhật (1940 - 1945), được sự lãnh đạo của Đảng, Xuân Đỉnh có vinh dự được Trung ương Đảng xây dựng thành Khu an toàn, đặt cơ quan binh vận T.Ư. Chín năm kháng chiến trường kỳ, quân dân Xuân Đỉnh đã chiến đấu anh dũng trên mặt trận tây bắc ngoại thành (Khu vực hồ Tây).

Các tư liệu thành văn và truyền thuyết dân gian đều khẳng định vị thành hoàng làng Cáo Đỉnh là tướng quân Lý Phục Man (543 - ?), một danh nhân có nhiều đóng góp vào lịch sử dân tộc thế kỷ thứ VI.

Lý Phục Man là người làng Cổ Sở - Sấu Giá - (sau là Yên Sở). Từ nhỏ ông đã bộc lộ tài võ nghệ, đặc biệt sở trường bắn cung nỏ. Lớn lên ông tỏ rõ đức độ trượng phu trong cách ứng xử; lại có sức khỏe tuyệt vời có thể đấu với

voi, ngựa. Khi theo Lý Nam Đế, nhà vua thấy ông khí phách hiên ngang nên cho theo việc chinh chiến. Ông lập nhiều chiến công.

Nhà vua thấy Đỗ Động (Hà Đông), Đường Lâm (Sơn Tây) là nơi xa xôi hiểm yếu, bèn phong ông làm Đại tướng quân đi trấn thủ miền ấy. Rồi quân Chiêm Thành đánh vùng Cẩu Đức, ông nhận chiếu chỉ lên đường và đã dẹp yên quân giặc vùng nam biên. Khi tin thắng trận báo về kinh đô, nhà vua thốt lên lời khen ngợi và phán: "Lúc khó khăn mới nhận rõ người hiền tài. Nay Đỗ Động tướng quân đã bình được giặc Man (Chiêm), thật là đấng hào kiệt, bậc tài giỏi hiếm hoi. Vậy không thể không xét thưởng. Do nhiều lần chinh phục quân Man, ông được nhà vua đặt tên là Phục Man, ban cho quốc tính thành Lý Phục Man. Vua gả công chúa Lý nương đại vương, thăng cấp thái úy và cử ông làm quan đầu triều.

Thái úy tư chất trung liệt, tính tình thận trọng, thanh liêm. Những ý kiến của ông tại triều đình đều vì lợi ích của muôn dân. Ông không tha thứ lỗi lầm của bất cứ ai, khi đàn hặc những kẻ bất chính thì không nể nang, né tránh, nên không ai dám có ý tư lợi. Tiếng tăm của ông lừng lẫy trong triều ngoài nội, ai ai cũng kính trọng tài đức của tướng quân.

Trong một trận giao chiến với quân Lương do Trần Bá Tiên cầm đầu, vì bất ngờ, đạo quân của Lý Phục Man phải rút lui. Trong cảnh bị bao vậy, không quân tiếp viện, ông đã tự vẫn bảo toàn danh dự. Gia tướng vô cùng thương

xót, mang thi hài ông về táng ở bến Hồ Mã bên sông Cổ Sở, quê ông.

Đến thời Lý (thế kỷ XI), vua Thái Tổ đi kinh lý tới đây nghỉ lại. Đêm, nhà vua mộng thấy một người kỳ dị đứng trước mặt, xưng là Lý Phục Man, rồi dõng dạc ngâm mấy câu thơ:

"Thiên hạ tao mông muội
Trung thần nặc tính danh
Trung thiên minh nhật nguyệt
Tứ khả hiện chân hình"

Tạm dịch:

Đất nước gặp buổi mờ tối
Người trung ẩn giấu họ tên
Giữa trời bừng sáng ngày đêm
Ai cũng thấy được hình dung.

Ngâm xong, liền biến mất. Vua Lý tỉnh giấc, hạ lệnh cho lập đền và tô tượng (như hình người vua gặp trong mơ) và phong là thượng đẳng thần, hàng năm tế tự.

Niên hiệu Nguyên Phong (1251 - 1258) nhà Trần, quân Nguyên sang xâm lược; khi chúng kéo quân qua Cổ Sở, ngựa bị què không tiến lên được. Người làng nhân đó dựa vào sức thần kéo ra chém giết kẻ thù và bắt sống được nhiều tên giặc. Sau chiến thắng thần được phong thêm hai chữ "Minh Ứng". Đến năm Nguyên Phong thứ bảy (1258) quân Nguyên lại kéo sang đánh ta. Nhưng qua bản ấp chúng không dám mảy may xâm phạm tài sản của dân làng, như có sự chế ngự nào đó! Diệt xong giặc, thần

được gia phong "Chứng an quốc công". Năm Hưng Long thứ 21 (1313) gia phong hai chữ "Hựu quốc".

Căn cứ vào đó, đời sau tôn vinh ngài là:

"Minh ứng chứng an hựu quốc vương Lý Phục Man" (1)

Đình Giàn tọa lạc trên khu đất cao, rộng rãi trong khu vực dân cư của làng. Đình hướng tây, nhìn ra đường lên cầu Thăng Long. Các bộ phận cấu trúc thành di tích bao gồm một ao rộng phía trước, sân, vườn và khu kiến trúc có nhiều nếp nhà ngang dọc tạo thành.

Trên quy hoạch mặt bằng, đình Giàn có bố cục chữ công gồm hai dãy nhà ngang và một nếp nhà dọc tạo thành. Song do xây tường bao kín và quy mô của hậu cung tương ứng với nhà thiêu hương nên nhìn từ bên ngoài di tích có kết cấu chữ đinh. Kiểu kết cấu kiến trúc, bố cục mặt bằng này phảng phất bóng dáng của một ngôi đền cổ trước đây.

Nhà đại đình (tiền tế) gồm năm gian hai dĩ xây gạch kiểu tường hồi bít đốc tay ngai. Mái đình lợp ngói ta, mặt trước của ba gian giữa mở ba cửa lớn hình chữ nhật, hai gian bên xây tường bao. Năm bộ vì được làm thống nhất theo kiểu "Thượng chồng giường giá chiêng, hạ kẻ trên bốn hàng chân". Trên mỗi vì hai cột cái được làm dạng cột trốn đặt trên một quá giang to, dày. Nền nhà đại đình được tôn cao 50cm so với mặt sân phía trước, hai gian hồi xây bệ gạch cao 30cm dùng làm nơi ngồi của hàng giáp

---

(1) *Thành hoàng Việt Nam*. II. Trang 118. Phạm Minh Thảo và... NXB Văn hóa thông tin. H. 1997.

trong dịp hội làng.

Gian trong cùng được xây cao hai tầng mái, rất giống với kiến trúc của một phương đình. Bốn mái trên có các đầu đao cong tạo ra cảm giác bay bổng cho kiến trúc đình. Đầu các đao đắp nổi hình rồng hướng về nóc mái, bờ dải có các hình long mã, bờ nóc đắp hình chữ đinh giữa có hàng hoa chanh bốn cánh.

Kiến trúc hậu cung có niên đại muộn hơn so với hai ngôi nhà phía trước. Trong lòng nhà hai gian bên để trống, gian giữa xây bệ gạch cao để đặt khám thờ long ngai bài vị của thành hoàng làng. Phía trước khám có hai tượng phỗng hướng mặt vào nhau đã làm tăng thêm sự trân trọng của mọi người đối với vị thần của làng.

Di vật của đình là một di sản có giá trị văn hóa, lịch sử cao.

Đình hiện còn 28 đạo sắc phong thần của ba vương triều: Lê Trung hưng, Tây Sơn và Nguyễn.

Thời Lê có 12 đạo của các đời vua Lê Huy Tông (hai đạo Chính Hòa ngũ niên - 1684); Lê Dụ Tông (hai đạo Vĩnh Thịnh thứ sáu, 1710). Lê Hiển Tông (năm đạo sắc: Cảnh Hưng nguyên niên - 1740); Cảnh Hưng thứ 28 - 1767; Cảnh Hưng thứ 44 - 1783)... và Lê Duy Kỳ (Chiêu Thống nguyên niên, 1787). Thời Tây Sơn có bốn đạo (hai sắc Quang Trung năm thứ năm - 1793; hai sắc Cảnh Thịnh nguyên niên, 1794).

Ngoài ra còn hai đôi câu đối, hai bức hoành phi.

Một cửa võng chạm rồng mây, long mã trổ mặt trời,

rùa đội hòm sách. Một đôi long đình, một hương án trang trí đề tài tứ linh. Hai ngựa gỗ, một chuông đồng (thế kỷ XIX). Ba chóe sứ Thanh, năm bát hương gốm thế kỷ XVIII. Một bộ đòn kiệu. Hai long ngai gỗ chạm rồng. Hai tượng phỗng gỗ. Di vật đá gồm sáu bia thời Hậu Lê, Nguyễn.

Thời Lê: hậu thần bi ký, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 24 (1763)

Thời Nguyễn: niên hiệu Gia Long thứ 10 (1811); Tự Đức thứ tám (1855), Tự Đức thứ 12 (1859), Tự Đức thứ 13 (1860) và Thành Thái thứ 3 (1901).

Truyền thuyết và lối quy hoạch theo chiều sâu của kiến trúc đình cho biết nguồn gốc của di tích là đền thờ Lý Phục Man. Đặc biệt, 28 đạo sắc phong thần của ba vương triều cho ta thấy vai trò to lớn của thành hoàng làng đối với việc quản lý tư tưởng cộng đồng làng xã của nhà nước phong kiến. Và, ngoài giá trị lịch sử, văn hóa, các di vật hiện còn của đình với kỹ thuật chạm khắc tinh xảo đã mang giá trị nghệ thuật và thẩm mỹ cao. Do đó, năm 1991, đình Giàn được nhà nước công nhận là di tích lịch sử. Nay đình đã được trùng tu, nhưng vẫn giữ nguyên dạng kiến trúc xưa.

Hàng năm, nhân dân làng Giàn vào hội từ ngày mồng 9 tới 11 tháng Hai.

Tinh mơ ngày mồng 9, lễ rước nước đã cử hành long trọng. Nước lấy từ giếng Giàn về tiến cúng thành hoàng. Như đã biết, đây là giếng cổ có từ thời Mã Viện (thế kỷ thứ nhất). Các cụ cho biết ở đáy giếng có phiến gỗ lim

không ai rõ có từ đời nào. Nước giếng trong sạch và không bao giờ cạn, đủ dùng cho cả gần nghìn hộ.

Lại nói: "Nhờ ăn nước giếng này nên từ bao đời nay dân làng không ai bị chết vì đắm đò" (!).

Ngày thứ hai, mồng 10, dân làng rước kiệu ông, kiệu bà sang chùa Thiên Phúc lễ Phật, dâng hương. Đây là đám rước lớn, long trọng và rất hấp dẫn. Dẫn đầu là hàng cờ ngũ hành, rồi tới trống, chiêng. Tiếp, là phường nhạc bát âm, đội múa sênh tiền - mõ lộn, rồi múa bồng, múa mặt nạ, múa tứ linh, rồi mới tới hai hiệu ông và bà. Nối vào hai kiệu là các bô lão, chức dịch và dân làng hò reo vui vẻ. Tục lệ của làng rất nghiêm. Tất cả những chân kiệu nam (16 người), nữ (16 người) đều phải ăn chay một tuần trước lúc làng vào đám. Đoàn người đi một đoạn bỗng dừng lại. Đây là lúc kiệu ông (trước), kiệu bà (sau) xoay tròn từ từ. Dân chúng ngạc nhiên chiêm ngưỡng. Khoảng gần nửa tiếng, đám rước lại cử hành đột ngột và vội vã. Đoàn người chẳng ai bảo ai đều chạy rầm rập về phía trước, huyên náo mà vẫn trật tự, không xô đẩy, không ai ngã, kiệu vẫn giữ được thăng bằng! Quang cảnh và biến diễn của đám rước thật độc đáo. Các cụ cho biết, năm nào cũng vậy, trên đường rước, kiệu bà "không chịu đi vì ghen" (!), bởi kiệu ông cứ hướng về phía các cô gái làng trẻ trung, xinh đẹp và càng tươi tắn hơn trong các bộ y phục ngày hội!

Khi đám rước dâng hương bên chùa xong, thì trở lại đình. Lúc này trên sân đình là quang cảnh náo nhiệt của

các trò chơi. Cuộc đấu cờ người đang vào lúc quyết liệt. Tiếng trống thôi thúc. Quân cờ là những cô gái làng tươi trẻ trang phục hai màu riêng - xanh và đỏ - ở hai bên của bàn cờ (quân xanh, quân đỏ). Từng quân cờ di chuyển theo nước đi của hai đối thủ cuộc đấu. Riêng tướng của mỗi bên trang phục lộng lẫy hơn và được ngồi. Mỗi cô gái đều cầm biển ghi tên quân cờ, phía trước, để mọi người nhận biết vị trí và thế cờ của hai bên.

Trò chơi hội đình Giàn không chỉ có thế.

Trên thửa ruộng khô gần đình được chuẩn bị sẵn, đang diễn ra cuộc múa võ dân tộc mà từ các lão ông tới các lứa trung niên, thanh niên nam nữ đều có thể lần lượt tham gia. Có những người biểu diễn, lại có từng cặp (cùng giới) đấu với nhau, thi lấy giải, thật hấp dẫn và đẹp mắt. Ngoài ra, lại vẫn có các trò khác, đáp ứng mọi nhu cầu của dân làng như chọi gà, đấu vật, thi hát dân ca...

Ngày thứ ba - 11 tháng Hai - kết thúc hội, làng tổ chức rước kiệu ông, kiệu bà ra miếu thờ mẫu, thân mẫu của tướng quân Lý Phục Man, làm lễ dâng hương, để vợ chồng tướng quân giữ tròn đạo hiếu với mẹ.

Sau đó đám rước trở về đình, và hội chấm dứt trong niềm vui của toàn thể dân làng.

55 - HỘI THỜ THỦY THẦN

Thờ: Bảo Ninh (thủy thần)
Địa điểm: Linh Đàm - xã Hoàng Liệt, huyện Thanh Trì
Thời gian: 9 - 10 tháng Hai
Chính hội: mồng 10 tháng Hai
Đặc điểm: Cỗ cá (bỏ đầu)

Thôn Linh Đàm, xã Hoàng Liệt, huyện Thanh Trì là một làng Việt cổ nằm ở phía nam thủ đô Hà Nội. Làng có một ngôi đình lớn, kiến trúc kiểu chữ công, gồm đại bái năm gian và hậu cung ba gian, mang phong cách nghệ thuật cuối Lê đầu Nguyễn.

Đình tọa lạc trên địa thế đẹp, vốn là gò đất cao, cảnh quan thoáng rộng, cửa đình trông ra đầm Linh Đàm, một đầm lớn của huyện Thanh Trì rộng 27ha, trước Cách mạng Tháng Tám đầm này còn có tên gọi là đầm Vân do làng Pháp Vân cùng xã cai quản.

Theo văn bia "Phụng sự hậu thần bi ký" hiện ở một ruộng cạnh đền thì đình Linh Đàm vốn là đền thờ, đến năm Chính Hòa thứ 9 (1688) có vương phủ thị nội cung tần Trần Thị Ngọc Tể đã đặt ruộng 4 mẫu 1 sào 2 miếng 2 thước cùng 600 quan tiền cổ vào thôn Linh Đàm và 4 mẫu 5 sào cùng 300 quan tiền cổ vào thôn Đại Từ xin làm hậu thần, hậu Phật để dân làng hai thôn kỵ giỗ cho bố mẹ thân sinh và thản thân bà. Nhờ số ruộng tiền trên hai thôn phát canh thu hoa lợi hàng năm thực hành các lễ

tiết cúng giỗ đồng thời tu sửa đền, chùa trong xã.

Bức đại tự treo ở gian giữa đại bái đình Linh Đàm có hàng chữ "Tối linh từ" (đền tối linh), thêm một cứ liệu chứng tỏ một thời đình Linh Đàm là một đền thờ thần linh thiêng ở trong vùng. Sách *Di tích lịch sử văn hóa Việt Nam* - NXB Khoa học xã hội - Hà Nội 1991, dựa vào một số thư tịch Hán Nôm cho biết đền Linh Đàm còn có tên gọi là đền Hiển Khánh.

Rõ là thuở ban đầu đền Linh Đàm là trung tâm tín ngưỡng thủy thần của nhiều cụm cư dân ở vùng đầm Linh Đàm, sau đó do sự phát triển dân số lần lượt từng cụm cư dân đề xuất với nhà nước thành lập đơn vị hành chính riêng và dân làng đã chủ động xây dựng đình thờ thần của làng để độc lập sinh hoạt văn hóa. Sau này đền Linh Đàm chỉ còn là nơi tín ngưỡng thủy thần riêng của làng Linh Đàm và chuyển tên gọi là đình.

Đình Linh Đàm thờ vị thủy thần tên chữ là Bảo Ninh. Tư liệu sớm nhất ghi chép về vị thủy thần Bảo Ninh là truyện Chằm Lân Đàm chép trong sách *Lĩnh Nam chích quái* của Vũ Quỳnh và Kiều Phú tập hợp loại truyện cổ dân gian sưu tầm và biên soạn ở thế kỷ XV. Hiện nay dựa vào cuốn thần phả do Đông các đại học sĩ Nguyễn Bính biên soạn vào năm Hồng Phúc nguyên niên (1572) và truyền thuyết ở địa phương thì sự tích vị thần thờ ở đình Linh Đàm như sau:

Vào thời nhà Trần có nhà nho danh tiếng là Chu Văn An thi đỗ thái học sinh nhưng không ra làm quan, khoảng

niên hiệu Đại Khánh (1314 - 1323), đời Trần Minh Tông, ông trở về quê mở trường dạy học ở xã Cung Hoàng, huyện Thanh Trì (Hà Nội). Học trò trong nước theo học thày rất đông, trong số đó có một thư sinh rất chăm đến nghe thày giảng nhưng không rõ tung tích. Thày cho trò lần tìm mới hay thư sinh đó học xong từ trường học ở Cung Hoàng đi ra đám lau sậy bên bờ đầm Lân Đàm (này là đền Gàn) thì mất tích. Chu Văn An biết đó là thủy thần liền bảo với đồng học: "Việc dạy dỗ của thánh nhân không phân biệt người đến học thuộc loại nào nên chớ có đối xử khác với bạn".

Thời ấy, phải năm đại hạn, ruộng đồng khô nẻ, ao hồ cạn nước, cây cối úa vàng, cháy khô, mùa màng thất bát, dân tình đói khổ. Thương cảnh dân tình khốn khổ vì thiếu nước, Chu Văn An liền gọi chàng thư sinh là thủy thần đến khuyên bảo có cách gì giúp dân. Chàng thư sinh suy nghĩ trong chốc lát rồi khẳng khái thưa với thày: "Luật trời rất nghiêm nhưng lời thày bảo cũng rất trọng. Trái ý trời không thể tránh khỏi tội nhưng hủy thân mình để hoàn thành điều nhân, lời dạy của thánh nhân từ xưa không thể bỏ, nay sao dám chối từ. Tiếc là còn một chút nước trong cái nghiên mực này không mưa khắp thiên hạ được mà chỉ đủ trận mưa nhỏ cho một tổng thôi. Sau này nếu xảy ra điều gì lạ, xin được thày đoái thương". Dứt lời, chàng thư sinh ấy đứng ở sân trường Hoàng Cung lấy nghiên bút ra đổ nước mài mực và dùng bút thấm mực vẩy khắp bốn phương. Mực son vung lên trời thành sấm chớp. Mực đen vung lên trời thì mây đen kéo đến và mưa

tầm tã, nước đen như mực. Một vùng bản tổng nhờ đó có nước cấy cày, nhân dân rất đỗi phấn khởi. Sau một tuần mưa, chàng thư sinh từ trường vội đi về đầm Linh Đàm, qua sông Tô Lịch bỗng trên trời có tiếng nổ lớn. Thày trò ra đầm được tin có một xác thuồng luồng nổi lên ở đầm và trôi dạt về cửa sông Tô Lịch gặp sông Nhuệ Giang thuộc địa phận khu đất Cầu Bươu, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì. Chu Văn An cùng học trò và dân chúng trong vùng mai táng xác thuồng luồng. Nay mộ đức thánh Bảo Ninh vẫn còn ở nơi đó.

Truyền rằng, chỗ nghiên mực vị thần ném rơi biến thành đầm nước đen lớn gọi là đầm Mực nay thuộc Quỳnh Đô (Thanh Trì) và quản bút rơi xuống thành hình đất làng Tả Thanh Oai.

Hiện nay ở trong vùng có tám làng thuộc bốn xã lập miếu duy trì tín ngưỡng thờ thủy thần Bảo Ninh. Đó là các làng Pháp Vân, Linh Đàm, Bằng A, Bằng B, Tứ Kỳ (xã Hoàng Liệt), Tựu Liệt (xã Tam Hiệp), Đại Từ (xã Đại Kim), Hữu Thanh Oai (xã Hữu Hòa) thuộc huyện Thanh Trì (Hà Nội).

Như vậy, dựa vào sách *Lĩnh Nam chích quái*, chúng ta biết được rằng sớm nhất vào thế kỷ XV, thời điểm cuốn sách được biên soạn, ở vùng Thanh Trì đã duy trì tín ngưỡng thờ thủy thần với tên mỹ tự là đức thánh Bảo Ninh và đền Linh Đàm là trung tâm tín ngưỡng thờ thủy thần có danh tiếng trong vùng. Cốt truyện lúc bấy giờ như sách trên ghi chép thể hiện mối quan hệ giữa thày dạy học và trò là thủy thần. Trò sẵn sáng làm theo lời thày. Sách chép rằng "Thầm

Lân Đàm chính là thần rồng vậy. Xưa thần thường hóa thành người để tìm thày học đạo. Thày học lấy làm lạ bèn tìm chỗ ở của thần, thấy thần náu ở trong chằm. Thày học thường tra hỏi, thần bèn nói thực rằng: "Năm nay trên thiên đình ngừng việc làm mưa". Thày học cố nài thần làm ra mưa. Thần bất đắc dĩ phải nghe lời.

Sau trong chằm có biến động, thày học tới chằm thấy thần hút nước trong nghiên phun thành mưa mực để trừ hạn hán. Thượng đế cho là việc đã tiết lộ bèn bắt tội thần. Thấy thần nổi ở trên chằm, thày học thu về an táng, nhân đặt tên chằm là Long Đàm, sau đổi thành Lân Đàm.

Thần rất là uy linh, hiển ứng. Đền thờ thần đặt ở xã Lân Đàm, huyện Thanh Đàm (tức Linh Đàm, Thanh Trì ngày nay). Đời đời thần được phong làm trung đẳng thần.

Sau đó, đến thế kỷ XVI khi Đông các đại học sĩ Nguyễn Bính soạn thần phả chép sự tích thần làng, ông đã cụ thể hóa người thày của thủy thần chính là Chu Văn An. Điều này phản ánh uy tín của nhà giáo lớn Chu Văn An ảnh hưởng rất sâu rộng trong tầng lớp nho sĩ và dân chúng vùng Thanh Trì, quê hương ông, đồng thời cũng là nơi ông từ quan sau khi dâng "Thất trảm sớ" xin chém bảy kẻ nịnh thần nhiễu nhương triều Trần không được vua chấp thuận đã về mở trường dạy học. Danh tiếng của Chu Văn An lớn đến mức ở cõi nước cũng biết và thủy thần tìm đến thày để học đạo làm người. Tài đức của thày

lớn đến mức cảm hóa được thủy thần dám tiết lộ thiên cơ, hy sinh thân mình vì lợi ích của dân.

Xưa kia, lễ hội thủy thần đền Linh Đàm diễn ra khá lớn vào tháng Tám. Ngày 16 tháng Tám bô lão đại diện các thôn tụ họp ở miếu Gàn (Bằng Liệt), tương truyền là nơi thủy thần từ đầm Linh Đàm hiện thân thành người đến Cung Hoàng học thày Chu Văn An bàn tổ chức tế lễ, sau đó các bô lão đi thăm mộ đức thánh Bảo Ninh ở xã Thanh Liệt. Ngày này là ngày hóa của đức thánh Bảo Ninh. Ngày 18 tháng Tám cả tổng cùng hội họp tế cộng đồng. Theo *Tên làng, xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX* (NXB Khoa học xã hội H. 1981) thì thôn Linh Đường nằm trong tổng Quang Liệt gồm bảy xã, thôn: Quang Liệt (nay có tên là Thanh Liệt), Bằng Liệt (nay là Bằng A, Bằng B), thôn Pháp Vân, thôn Tứ Kỳ thuộc xã Hoàng Liệt, thôn Linh Đường, thôn Đại Từ thuộc xã Linh Đường, Tựu Liệt.

Các thôn trong tổng rước lễ từ đình làng đến miếu Gàn thuộc thôn Bằng Liệt, hạ kiệu cỗ trước miếu để quan viên, bô lão vào tế. Tế lễ xong đến chiều các thôn rước kiệu cỗ trở lại đình làng. Những năm gần đây một số công trình nghiên cứu folklore đã minh chứng rằng miếu Gàn hoặc Càn, chính là dấu tích của nơi thờ cá - một tín ngưỡng thuở sơ khai của người Việt.

Sau ngày hòa bình lập lại việc tổ chức rước lễ và tế hàng tổng không còn duy trì nữa. Dân thôn Linh Đàm tổ chức hội làng truyền thống vào ngày mồng 10 tháng Hai.

Diễn trình của hội như sau:

Ngày mồng 9 tháng Hai dân làng dọn dẹp vệ sinh đường làng, ngõ xóm và lau rửa các đồ tế lễ ở đình, lắp ráp kiệu, quân kiệu. Xưa làng có hai giáp (giáp Thượng và giáp Đông), mỗi giáp có một ao chung. Ngày này trai đinh tát ao đánh bắt cá chọn con to để hôm sau làm cỗ thờ.

Ngày mồng 10 tháng Hai dân làng Linh Đàm tổ chức lễ hội truyền thống. Sau những nghi lễ tế thần do các cụ ông tiến hành từ năm giờ sáng, làng tưng bừng vào cuộc rước. Hai cỗ kiệu bát cống sơn son thếp vàng được kê đặt ngay ngắn ở sân trước cửa đình. Cụ từ cùng các vị chức sắc của làng vào hậu cung mang long ngai bài vị đức thánh Bảo Ninh và một chóe nước lớn ra đặt vào một kiệu. Lại vào hậu cung đem ra chiếc bài vị bà chúa Trần Thị Ngọc Tể ra đặt vào kiệu thứ hai. Bài vị bà chúa Trần được dân làng thờ hậu trong hậu cung đền ở đầu hồi gian phía bên trái (nhìn từ trong ra). Đám rước được tiến hành theo trật tự sau: Đi đầu là đội cờ, tiếp đội nhạc gồm trống, dàn bát âm, đặc biệt đội nhạc có một chiếc cồng lớn do một cụ già đánh tạo ra hiệu lệnh dẫn độ kiệu thánh. Sau đó là kiệu đức thánh Bảo Ninh do mười tám trai niên chưa vợ đổi vai nghênh rước, tục gọi là kiệu thánh ông. Tiếp là kiệu bà chúa Trần do mười tám con gái làng chưa chồng đổi vai rước,tục gọi là kiệu bà chúa. Phù giá kiệu là người cầm lọng, cầm tàn và dân làng.

Hội rước khởi hành vào hồi bảy giờ sáng từ đình làng đi quanh làng Linh Đàm, qua làng Đại Từ xuống tới vực Tựu thuộc thôn Tựu Liệt, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì (Hà Nội). Tương truyền, đầm Tựu là dấu tích nơi đức thánh Bảo Ninh bị trời phạt. Các cỗ kiệu được đặt bên bờ vực Tựu, các bô lão đón chóe nước xuống và tế lễ chọn giờ tốt lấy nước cho vào chóe đón tay nhau đưa chóe nước vào kiệu làm lễ tế tạ và rước kiệu đức thánh Bảo Ninh, kiệu bà chúa họ Trần về đình làng; hoàn giá thánh vào cung, lại đặt chóe nước vào bàn thờ thánh. Nước này dùng làm nước cúng thần suốt trong năm.

Bô lão trong làng tiếp tục tổ chức tế lễ. Điều đáng lưu ý là làng phải làm mâm cỗ cá cúng thủy thần. Những con cá to đánh bắt từ ao làng đều phải chặt bỏ đầu, có món nướng hoặc rán chín và món cá nấu dấm rượu và nghệ. Việc cỗ cúng có hèm bỏ đầu liên quan đến sự tích vị thủy thần làng Linh Đàm thờ bị trời phạt đánh mất đầu chỉ còn thân xác nổi lên ở đầm.

Ngày hội ở đình Linh Đàm có tổ chức các trò diễn dân gian như ở sân đình chơi đánh cờ người, ao đình chơi trò bắt vịt, ngoài đầm hai giáp thi bơi thuyền tạo không khí sôi động cho ngày hội truyền thống của làng.

Như vậy, lễ hội thờ thủy thần ở đình Linh Đàm là một lễ hội dung hợp nhiều lớp tín ngưỡng văn hóa ở nhiều thời kỳ lịch sử. Thuở ban đầu là lễ nghi của các cư dân sông nước làm ăn sinh sống trong vùng đầm Linh Đàm tôn thờ thần cá ở miếu Gàn. Tiếp đó, lễ hội Linh Đàm

được bổ sung thêm lớp nghi lễ nông nghiệp (rước nước) phản ánh ý nguyện của người nông dân cầu mong mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, dân tình no đủ. Tín ngưỡng ấy đến thế kỷ XVI lại bị lịch sử hóa với sự xuất hiện của nhà nho Chu Văn An tài đức để có thêm ý nghĩa mới, chứng tỏ sự ảnh hưởng của Nho giáo vào các tín ngưỡng dân gian thông qua đó đề cao vai trò của Nho giáo và nho sĩ đối với đời sống văn hóa dân tộc. Thế kỷ XVII, hội làng lại được bồi đắp thêm việc rước kiệu bà chúa họ Trần mà sắm vai chính là các cô gái làng ghi nhận công đức của bà chúa đã đặt ruộng và tiền của cho công việc tu tạo đền, chùa và sở cậy dân làng thờ hậu cho mình. Điều đó chứng tỏ thời kỳ này xã hội phong kiến Việt Nam có sự cởi mở về tư tưởng nên người phụ nữ đã có vai trò tích cực góp phần làm cho hội làng ngày một phong phú và linh thiêng trong đời sống dân dã ở một vùng quê ngoại thành thủ đô Hà Nội, hướng con người thoát thực vươn tới cõi thiện mong cho cuộc sống ngày một tốt đẹp hơn.

56 - HỘI LÀNG NHA

Thờ: Linh Lang đại vương, Đô Thống và Xuyên Hoa công chúa

Địa điểm: Thôn Nha, xã Long Biên, huyện Gia Lâm

Thời gian: Từ 9 - 11 tháng Hai
Chính hội: mồng 10 tháng Hai

Đặc điểm: Đấu vật, đánh cờ

Làng Nha là một trong ba làng thuộc tổng Cổ Linh, xã Cổ Linh, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh trước năm 1945, từ 1954 đến nay thuộc về Hà Nội, là một trong bốn làng của xã Long Biên, cách cầu Chương Dương chừng ba bốn cây số, đi theo đê sông Hồng.

Làng nằm dọc theo đê, về phía trong đê. Phía ngoài đê là bãi bồi phù sa của làng, thời xa xưa hoang rậm, sau khai phá dần, chuyên canh ngô khoai, đỗ... Đình làng nằm sát chân đê, nên sân trước đình hẹp nhưng hai bên đình thì rộng và dài. Hội hè hàng năm thường diễn ra trên không gian đó. Đình cổ gồm ba dãy: dãy đầu tiên có năm gian, cột lim, kèo bẩy chạm trổ rồng thời Lê và cây mai hoa tinh tế. Dãy thứ hai ba gian, hai tầng mái biểu tượng âm dương, có đấu chồng, dãy thứ ba là hậu cung có ngai và tượng thánh.

Thánh được thờ là ba vị: Linh Lang đại vương, thượng đẳng thần (thời Lý), Đô Thống đại vương và Xuyên Hoa công chúa (hai vị sau mất thần tích). Hàng năm có nhiều

ngày lễ: ngày sinh của thánh (13 tháng Chạp) và ngày hóa của thánh Linh Lang (mồng 10 tháng Hai).

Thánh là con bà Hạo Nương, bà được vua Lý Thánh Tông đón về lập làm cung phi, xây cung điện ở phường Thị Trại (nay là Thủ Lệ - Từ Liêm - Hà Nội); bà ra Hồ Tây giặt, bị giao long quấn, sau mang thai mười bốn tháng mà sinh thánh. Thời kỳ mang thai, có lần bà mơ màng ngủ, chợt mơ thấy một bậc trượng phu, mình dài chín thước, đầu đội mũ rồng sáng chói, mình mặc áo bào, đai ngọc, cưỡi mây đạp mưa đến và thưa rằng: "Thần vốn là con trai Long vương tên là Hoàng Lang, có lệnh cho xuất thế, thác sinh làm con vua". Khi sinh thánh, bỗng có trận cuồng phong nổi lên, trời đất tối tăm mù mịt, gió thơm ngào ngạt phòng, khí lành rực rỡ nơi buồng sản. Thánh sinh ra, mắt phượng, cổ rồng, hình dung to lớn, thể mạo khôi kỳ, sau lưng có 28 tinh tú giống hệt như vẩy kỳ lân, bụng có ngôi sao Bắc Đẩu... Vua mở tiệc lớn ăn mừng. Một tháng bảy ngày sau đó, đất nước có giặc Trinh Vĩnh (?) ở phương Bắc nổi lên kéo hàng vạn hùng binh hòng xâm chiếm đất nước. Vua cho lập đàn rồi trai giới cáo tế trời đất, lại truyền cho bách quan đi cầu bách thần âm phù giúp nước đánh giặc. Được thần báo mộng, vua sai quan đi tìm người hào kiệt trong thiện hạ. Đến Thị Trại, nghe tiếng rao, Hoàng Lang đang nằm trên sập, liền ngồi nhổm dậy, tự nhiên hỏi mẹ. Bà mẹ rất đỗi ngạc nhiên, liền kể lại. Hoàng Lang giục mẹ mời xá nhân vào và nói rằng: Ngươi hãy mau mau về báo với nhà vua, xin sắm

sửa cho ta một lá cờ dài 10 thước và một con voi rồi mang lại cho ta ngay, một mình ta phá giặc, xin nhà vua đừng có lo ngại gì cả. Xá nhân bàng hoàng về tâu lại. Nhà vua cả mừng, ngay hôm sau sai mang đến đủ cùng năm ngàn binh lính chiêu mộ được, cho làm gia thần. Ở Thị Trại có mười hai người và có hai tì tướng theo giúp. Thế là Hoàng Lang liền nghiêng mình lắc thân, thân hình bỗng nhiên cao lớn chừng chín thước, tay cầm cờ lớn mười thước nhảy lên lưng voi. Voi liền quỳ phục đỡ Hoàng Lang lên (nơi đấy sau gọi là Voi Phục). Hoàng Lang vung cờ thét: "Ta là thiên tướng".

Voi lồng lên chạy như bay, lao như tên bắn, thẳng đến đồn giặc. Cờ chỉ vào đám giặc, tướng giặc sợ ngã lăn, liền chém lấy đầu. Giặc chạy tán loạn, quân ta chém được hơn 3.000 tên, tàn quân còn lại bị bắt sống hết, xe ngựa thu được đưa cả về kinh đô. Vua hay tin thắng trận liền mở yến tiệc lớn, sau đó thưởng công cho tướng sĩ. Mấy tháng sau, vua có ý muốn nhường ngôi cho Hoàng Lang. Ngài từ chối. Rồi ít lâu sau mắc bệnh đậu mùa suốt ba tháng, không sao chữa khỏi. Vua ngự tới nơi an ủi: "Bệnh đậu, dù nguy nan đến đâu cũng có thể tự khỏi được, cần gì phải cầu lương y thuốc tốt".

Hoàng Lang bèn thưa rằng: "Thần vốn không phải con nhà vua, mà là con của Long Quân thác sinh làm hoàng tử. Do thấy thế nước gian nguy, nên vâng theo thiên mệnh, thần thác sinh vào hoàng gia để dẹp giặc, nay giặc giã đã dẹp yên, thần xin được trở về".

Hôm ấy là vào mồng 6 tháng Hai. Bách quan dâng sớ tâu bày: "Ngài đã không phải là con của hoàng gia thì triều đình ta đâu dám khen thưởng, nếu bệ hạ muốn trọng thưởng chẳng bằng ban cho nhân dân địa phương thờ cúng thì lòng trời cũng thuận mà thần tướng cũng sẽ phò giúp nước muôn đời".

Vua chuẩn y theo lời tâu của bách quan và thực hiện mọi ý nguyện của Hoàng Lang: dựng đền thờ mẹ thần ở Bồng Lai và Thị Trại, lá cờ khi đi đánh giặc vung lên bay trên không trung, đến đâu các nơi ấy đều thờ, có 269 nơi cờ bay đến. Sau đó thần hóa thành bạch xà dài hơn trăm trượng bò xuống Hồ Tây. Hôm ấy là ngày 10 tháng Hai. Trời đất mờ mịt suốt mười ngày. Về sau ngài còn hiển linh âm phù cho vua Trần Thái Tông đánh giặc Mông Cổ, âm phù cho Nguyễn thái uý nhà Lê tiễu trừ nhà Mạc... được phong thượng đẳng thần.

Làng Nha từ đấy cứ đến ngày thần hóa là làm lễ long trọng, có rước nước ở sông Hồng về mộc dục cho thần và rước mã từ đình làng đến thôn Tư Đình (nơi đặt làm hàng mã gồm áo mão, đai hia cho thần). Mỗi ngày một lần tế trang nghiêm, khói hương nghi ngút, long đình và kiệu đặt ở sân đình, có lọng tàn vàng che.

Sau nghi thức lễ, là mở hội. Hội kéo dài nhiều ngày, có nhiều trò vui hấp dẫn như hát tuồng, hát chèo, hát trống quân... nào là tích *Chiêu quân cống Hồ, Phạm Lãi - Tây Thi, Bao Công xử án*, đến *Lục Vân Tiên, Trương Viên, Lưu Bình - Dương Lễ, v.v...*

Cả làng vây quanh nghe hát, 12 cửa họ trong làng thi nhau thưởng. Các làng bạn cũng đến, nhất là trai gái được dịp tự do mượn lời ca tiếng hát để bộc lộ tâm tình, gửi gắm lời hò hẹn. Ví như:

Lạ lùng anh mới tới đây
Lạ thung lạ thổ, anh nay lạ nhà
Ba cô anh lạ cả ba
Bốn cô lạ bốn, biết là quen ai
Quen cô mặc áo thay vai
Tay ngắn tay dài đã có chồng chưa?
Chưa chồng anh mới kết nguyền
Chồng rồi, không dám, rẽ duyên, tội giời.

Có khi người con gái hát thăm dò:

Quê anh ở gần hay xa
Mà toan kết ngãi hồng hoa má đào?
Nhà anh được mấy anh hào
Mấy người tài sắc, mấy người sắc phong?

...

Trong ngày hội của làng Nha, có nhiều cái đáng chú ý như cuộc đấu trí (đánh cờ người) và đấu lực (thi vật). Đánh cờ người: cạnh đình một bãi cỏ dài được dọn sạch, sáo cỏ hay rắc vôi bột trắng thành bàn cờ, thật đơn giản, cắm cờ xung quanh, chăng dây để ngăn cách người đi xem không chạy qua chạy lại. Hai đầu bàn cờ bố trí chỗ ngồi cao và đường bệ cho tướng ông, tướng bà. Hai tướng mặc áo thụng đỏ và xanh, đội mũ trụ, có cờ đuôi nheo để phất chỉ mỗi khi ra lệnh đi từng quân, từng nước. Quân sĩ thì

đội khăn xếp, áo the thâm, thắt đai đỏ có thêu kim tuyến. Quân tượng trở đi cho đến tốt ăn mặt như nhau, khác chăng là ở đai thắt và bên nam bên nữ. Tướng ngồi có lọng che nhưng chỉ được dùng lọng xanh (tuyệt đối cấm lọng vàng, chỉ dành cho thánh). Mỗi quân cầm một biển gỗ trên đề tên, ngồi trên ghế đẩu đúng vị trí của mình. Khi tướng xuất quân nào thì có người đến dẫn quân ấy đi và có trống con đánh kèm bên. Đánh một ván cờ người như vậy có khi cả ngày hoặc hai ba ngày mới phân thắng bại. Người dự thi phải đăng ký trước và cũng phải đấu thử tuyển chọn, để vào hội ra mắt trước bàn dân thiên hạ mới nhiều nước cờ hay... Giải thưởng cũng thật đơn giản: đó là gói chè tầu, năm hay sáu vuông nhiễu, một nón chóp dứa một mâm thau, một chậu đồng.

Thời xưa tổ chức hội hè cốt lấy vui về tinh thần và chủ yếu là lấy may cho việc làm ăn năm ấy.

Đấu vật: làng Nha có truyền thống vật từ lâu đời. Năm nào cũng tổ chức. Bãi vật cũng ở bên đình, cũng chỉ là bãi cỏ xanh bằng phẳng được dọn sạch, không để có mảnh vật gì nhọn, cứng, tránh tai nạn. Trai làng, ai có sức khỏe thì tham gia, không hạn chế hay phân biệt người làng này, làng khác, cũng chẳng cần vẽ vòng tròn gì cả. Chỉ cầy mấy cây tre buộc ngang làm rào để người xem đừng xô đẩy nhau ngã vào sới vật trong thời gian cuộc đấu đang diễn ra, thế là đủ. Các đô phải cởi trần, đóng khố. Có người đóng khố hai vòng, khố dài mười hai vuông vải, đắt tiền hơn cả quần. Chả trách xưa nhà vua thưởng

cho một nhà nho giỏi thơ Nôm là Lê Ngô Cát (người Chương Mỹ. Hà Đông) khi ông này có công sửa lại bộ *Quốc sử diễn ca* như sau:

Vua khen thằng Cát có tài
Ban cho cái khố với hai đồng tiền

Vào cuộc đấu, trống thúc giục giã, hào hứng. Trọng tài tay cầm trống con, tuyên bố vắn tắt về luật lệ và giới thiệu từng cặp đô để người xem biết và cổ vũ. Hai tay vật vào cuộc, lừa nhau xoay qua xoay lại, chân nhún nha nhún nhảy, tay hươ bên đông lại hươ bên tây, vờn nhau như mèo vờn chuột, khi tiến khi lùi, cúi xuống nhô lên... làm sao ôm được đối thủ và nhấc bổng lên khỏi mặt đất là thắng, hoặc vật ngửa trắng bụng, lấm lưng. Được một keo vật thì thưởng một cái oản nếp to và ba quả chuối. Thua chẳng được gì. Tự động ra, cùng cười vui với bà con. Cứ thế lại đôi khác tiếp tục cho đến khi nào hết người ứng thí hoặc cuối ngày. Hội vật làng Nha còn tổ chức vào các dịp cầu đảo vì hạn hán đồng khô thiếu nước, vật vài ba ngày là chuyện thường, nếu như trời hạn hán thì lại lễ cầu và cũng vật nữa, gọi là vật tái đảo. Tin tưởng và hy vọng ở trời, thánh thần và cả ở chính bản thân mình.

Trong trò chơi đấu vật của làng Nha có một chuyện cũng hay hay và nhớ mãi trong nhân dân là có một năm ở làng bên có một đô vật to nặng đến 70 ký, đoạt giải quán quân của cả vùng, nên rất tự cao tự đại, đến làng Nha thách đố. Một đô làng Nha bé nhỏ, nhẹ nhưng đã theo dõi nhiều trận đấu, biết được điểmyếu của ông này là tự cao ỷ

vào sức khỏe nên đã quyết dùng mẹo để thắng. Chàng trai vào đấu, mọi người lo lắng cho chàng. Đối thủ không tương sức nên càng bị coi thường. Do nhỏ người nên chàng nhanh nhẹn lừa miếng cúi ngay xuống chui vào bụng đội nâng bổng đô vật to lớn kia lên, trong sự ngạc nhiên và reo hò của mọi người. Sau trận thua đó, nghe đâu ông kia ức uất lên mà ốm, ít lâu sau thì mất.

57 - HỘI ĐÌNH GIA THỤY

Thờ: - Trung Thành
- Đống Lương
- Thung Vinh
- Quý Nương

Địa điểm: Đình Gia Thụy, xã Gia Thụy (Gia Lâm)
và đền Yên Tân, xã Ngọc Thụy (Gia Lâm)

Thời gian: 9 - 11 tháng Hai
Chính hội 10 tháng Hai

Đặc điểm: Ca trù

Kể từ Dục Tú ra vào
Thổ Khối, Gia Thụy biết bao thơ phòng.

(Ca dao)

Gia Thụy vùng quê nổi tiếng có nhiều thơ lại, thư ký, lại mục ở các nha, phủ, huyện. Căn cứ

vào tấm bia cổ ở làng do tiến sĩ Đoàn Tuấn Hòa năm 1678 soạn thì tên làng thay đổi: Ấp Gia chợ xã, Ấp Gia thị xã và làng Gia Thụy. Thời Nguyễn thuộc xã Gia Thụy, tổng Gia Thụy, huyện Gia Lâm, phủ Thuận An, Bắc Ninh. Sau Cách mạng Tháng Tám lấy tên xã Tiến Bộ gồm Gia Thụy, Mai Phúc, Sài Đồng. Năm 1955 thuộc quận 8, từ năm 1965 đổi lại tên xưa xã Gia Thụy huyện Gia Lâm. Cụm di tích lịch sử có đình Gia Thụy, gò Mộ Tổ ngay đầu làng với cây cao bóng cả um tùm. Nằm trên địa bàn sinh tụ của cư dân Việt cổ thời dựng nước, cụm di tích này phản ánh lịch sử của làng cổ và những trang hào hùng của dân tộc Việt cách ta gần 2000 năm. Cuốn thần tích do quan nghè Đông các đại học sĩ Nguyễn Bính doạn năm Hồng Phúc (1572) cho biết đình thờ bốn vị tướng của An Dương vương tham gia cuộc chiến đấu chống quân xâm lược Triệu Đà. Loa thành thất thủ, các ngài đã rút chạy về phía nam tới thôn Gia Thụy thì trầm tiết để khỏi rơi vào tay giặc. Bốn ngài là anh em: - Trung Thành, Đống Lương, Thung Vinh và Quý Nương. Trong cuộc chiến đấu ác liệt với quân Triệu, ba vị nam tướng bị thương nặng trên đường chạy từ Cổ Loa qua đất Thái Đường đến đầu làng Gia Thụy thì hy sinh. Người em gái là Quý Nương bèn ôm xác các anh đặt xuống giếng Bưởi gần đó rồi gieo mình xuống giếng tự vẫn để giữ toàn vẹn ngọc thể. Từ đó dân làng lập đền thờ coi gò giếng Bưởi là "gò Mộ Tổ". Bia đá có bài thơ Nôm:

Thuở Triệu Đà cướp nước
Ngày thất thủ Loa thành

Có bốn đức anh linh
Hưng binh chống xâm lược
Tới đây cùng tự hóa
Giếng Bưởi mối đùn lên
Đất nước ghi dấu thiêng
Bền như vầng nhật nguyệt.

Thời Trần phong các vị là thượng đẳng phúc thần. Năm 1972 đình bị máy bay B52 phá hủy. Ngày nay đình dựng lại theo kiến trúc xưa. Nhà nước ta xếp hạng di tích lịch sử tháng 11-1991.

Theo các cụ già kể lại, hồi trước năm 1940 hội Gia Thụy là hội lớn trong vùng Kinh Bắc lôi cuốn bà con cả tổng tham gia. Bắc Cầu, Gia Thượng, Ngọc Lâm, Ái Mộ, Thạch Cầu, Thượng Cát... Cụ Hậu Lâm đứng ra tổ chức. Bà Lụy, con gái cụ là vợ quan phủ toàn quyền xin phép cho người làng ở ba miền Trung, Nam, Bắc nghỉ ba ngày về quê dự. Vào hội, đoàn rước qua phố, ôtô phải dừng nửa giờ. Đại hội thường năm năm tổ chức một lần. Hội tổ chức từ mồng 9 tháng Hai đến 12 tháng Hai. Trước đó một tháng, các cụ họp ở đình làng phân công các vai hiệu, chuẩn bị ban tế, ban lễ... Vào ngày tiệc thánh chính hội 10 tháng Hai có đám rước qui mô với hàng trăm người. Đi đầu là cờ tiết mao, cờ ngũ sắc, cờ ngũ phương pháp phới. Phía sau cờ có đoàn người khiêng chóe nước, đánh trống khẩu, trống bản. Bốn cô gái múa sênh tiền tươi tắn. Ba con ngựa hồng bánh gỗ đượckéo theo cùng người mang lộ bộ, bát bửu, chấp kích. Đội bát âm tấu bài "Lưu thủy hành

vân". Long đình do tám chàng trai thay nhau khênh. Họ mặc áo the, quần lĩnh, khăn xếp, chân đi giày vải Chi Long. Sau long đình là kiệu bát cống với ba bài vị của ba vị thánh. Hai mươi bốn cô gái nữ quan áo mớ ba, khăn vàng, thắt lưng hoa lý, chân xỏ hài thay phiên nhau kiệu. Bố lão, quan viên, chức sắc đi cùng. Ai có phẩm hàm thì có lọng che, hai người theo hầu mang trầu, thuốc. Tiếng tù và rúc từng hồi. Đội múa rồng uốn lượn rướn cao như giám sát đội hình... Đám rước đi đến ba cây số tới điểm hạ mã đầu làng Yên Tân (xã Ngọc Thụy) thì dừng. Đoàn rước có kiệu mang bài vị thánh bà từ đền Yên Tân ra đón. Hai đoàn giao kiệu rồi trở về đền. Tới chiều đoàn rước Gia Thụy hành hương trở về đình. Qua gò Mộ Tổ, kiệu thường bay lượn.

Trò hội trong ba ngày diễn ra náo nhiệt với tuồng "*My Châu - Trọng Thủy*" do đoàn Châu Phong diễn, rồi đu bay, tổ tôm điếm, cờ người. Hát ca trù thường mời giáo phường Lỗ Khê. Sau hồi trống chiêng dồn dập, người quản giáp đánh trống ba hồi, cao giọng ca bài "Giáo trống", tiếp là bài "Giáo hương" cùng các ả đào múa dâng hoa lên thành hoàng. Bài ca đầy niềm tự hào về thánh bà anh hùng:

... Vua tôi lâm cảnh hiểm nguy
Cổ Loa thành chốn biên thùy thê lương.
Bà cùng huynh đệ mở đường
Phá vây đưa đức An Vương qua đò.
Mặc cho sóng lớn gió to
Thuyền nan chèo chống thét to diệt thù

Nhị Hà như một chiến khu
Mai phục tiến đánh, quân thù thất kinh
Ba anh dù có hy sinh
Bà quyết liều chết một mình không lui
Đánh cho đến phút cuối đời
Thù nhà nợ nước, đất trời chứng minh.

58 - HỘI LÀNG MẠCH LŨNG

Thờ: - Tam vị Minh Mổ đại vương và bà thân mẫu Xoa Nương
Địa điểm: - 9 - 11 tháng Hai
- Chính hội mồng 10 tháng Hai
Thời gian: - Làng Súng, thôn Mạch Lũng, xã Đại Mạch, huyện Đông Anh
Đặc điểm: - Rước nước, rước kiệu

Mạch Lũng nằm trên một dải đất cổ bên triền sông Hồng có lịch sử hình thành tới ngàn năm. Mạch Lũng có tên nôm là làng Súng, xa xưa gọi là Mạch Lũng trang; đến thế kỷ XIX gọi là xã Mạch Lũng, thuộc tổng Sáp Mai, huyện Yên Lãng, phủ Tam Đới, trấn Sơn Tây. Mạch Lũng hiện nay thuộc xã Đại Mạch, huyện Đông Anh ngoại thành Hà Nội. Xã Đại Mạch nằm ở phía tây huyện Đông Anh giáp với hai xã Tiền Phong và Tráng

Việt của huyện Mê Linh (Vĩnh Phú).

Miếu Mạch Lũng xây trên một gò đất cao và rộng, ngôi miếu thấp thoáng dưới sự che chở bởi một tán cây cổ. Thuyền đi trên sông Hồng có thể đỗ lại nghỉ ngơi và vào thăm viếng di tích được. Nhiều cụ già cho biết: ngôi miếu tồn tại tới nay đã mấy trăm năm, những nét cổ kính vẫn còn như gợi lại một thời kỳ xa xưa cha ông ta đã sống.

Theo thần tích còn bảo lưu được thì trang Mạch Lũng hình thành từ thời Hùng vương. Chuyện kể rằng, thời vua Hùng thứ 18 có vị em kế vua là Hùng Trang, trưởng quan đạo Hải Dương lấy con gái trưởng quan bộ chủ Cửu Chân tức Sơn Nam tên là Xoa Nương. Từ ngày về nhà chồng tám, chín năm chưa sinh nở lần nào, bà thường nói với chồng: "Chàng là lá ngọc cành vàng nay đã bốn hai tuổi mà vẫn chưa có con trai nối dõi, thiếp xin tìm một thiếu nữ về nâng khăn sửa túi, may chăng được một chút con trai thì thiếp cũng được cùng hưởng". Bà cứ khuyên đi khuyên lại chồng nhưng ông vẫn không nghe. Thế rồi bà ngày đêm thắp hương cầu nguyện trời đất, cứ vậy ba, bốn năm. Có lẽ lời cầu nguyện đó đã thấu đến trời, Thiên đình họp với Địa phủ, Thủy phủ. Tam phủ bàn cử các vị anh tài thoát thân xuống làm con người đời... Một đêm bà Xoa Nương nằm mơ thấy ba con rồng bay tới hóa thành ba người con trai xưng là người ở thủy cung tình nguyện xin đầu thai làm con. Bà có mang, quả nhiên ngày 14 tháng Tám năm Nhâm Tý sinh ra một bọc, nở ra được ba người con trai, phong tư dĩnh ngộ, thể mạo khôi ngô kỳ lạ. Bảy

năm trôi qua, khi ấy Hùng Trang công năm mốt tuổi, một hôm lâm bệnh và mất đột ngột. Sau đó bà Xoa Nương và ba con về ở vườn phủ cho học hành. Chỉ vài năm mà các chú bé thiên kinh vạn quyển tinh thông, đại phàm trên thiên văn, dưới địa lý không việc gì không biết, không một vật gì không hay. Lúc bấy giờ mất mùa, dân liên tiếp báo tin chẳng lành, vua lo lắng gọi ba anh em tới phán rằng: - Nay trẫm muốn mở một kho lúa để phát chẩn cho dân, còn một kho ba anh em đi các nơi tìm cách chống nạn nước hạn... Cả ba anh em phụng mệnh bái tạ, lãnh tiết mao lên đường đến địa đầu huyện Chu Diên, phủ Tam Đới dừng thuyền nghỉ lại. Đêm ấy mọi người ở trang Mạch Lũng mơ thấy người áo xanh tay cầm cờ vàng xưng là sứ nhà trời nói rằng:

- Ngày mai có ba vị Long hầu đi qua địa phận sông làng các người. Đó chính là phúc thần làng các người, thiên đình chỉ định phải ra đón nếu không sẽ quở trách.

Nhân dân tỉnh dậy nói về giấc mơ đều rất khớp nhau. Hôm sau tất cả đều ra bờ sông lập hương án chờ. Đến giờ Thìn quả nhiên thấy thuyền của ba vị Long hầu đến, nhân dân làm lễ lạy tạ chúc mừng và đều nói về giấc mơ của mình nay xin làm thần tử để được yên dân. Ba vị cho phép rồi dừng thuyền vào Mạch Lũng lập cung thất. Lúc bấy giờ là tháng Tư, tháng Năm nước lớn, dân không cày cấy được, ba vị lập đàn tế cáo tam phủ, viết long điệp bắn xuống thủy cung. Chẳng bao lâu những chỗ úng nước cạn đi, chỗ khô hạn thì có mưa, mùa màng tươi tốt, nhân dân

no ấm, sung sướng hát ca, nơi nơi đón cảnh thái hòa. Vua hạ chiếu triệu ba vị về và phong cho họ tước vương. Nhưng phụ lão trang Mạch Lũng dâng biểu xin cho ba vị lưu lại. Vua duyệt y ba vị xây cung Mạch Lũng, lại lập một cung khác đón mẹ cùng về ở. Các Long hầu khuyến khích dân học hành trồng dâu nuôi tằm, nung lò gốm sứ, trồng trọt mùa nào thức ấy. Dân no đủ, sướng vui.

Hồi đó có bộ chủ Ai Lao tên là Thục Phán nghe nói Duệ vương đã già không có con trai nối dõi bèn thừa cơ phát động cầu viện láng giềng tiến đánh Hùng vương. Vua bèn hiệu triệu các vị thủy thần cùng giúp sức với Tản Viên sơn thánh. Ba anh em Long hầu cùng Tản Viên hợp lực tiến quân. Ba vị đi thuyền chiêng trống khua như sấm động, ngàn dặm cũng phải kinh hồn tiến thẳng cửa biển Hội Thống Hoan Châu. Thủy quân giặc Thục khiếp vía kinh hồn, ba vị càng hăng hái đánh bắt được hàng trăm thuyền đưa về kinh đô báo tin thắng trận. Nhà vua ban chiếu thu hồi, lúc đó ba vị trở về trước điện làm lễ bái tạ rồi ai nấy đều cởi bỏ cân đai hóa phép biến thành giao long xuống sông biến mất. Hôm ấy là ngày 13 tháng Bảy, trời đất bỗng tối sầm, hương thơm ngào ngạt không gian. Vua bèn phong sắc, sai sứ thần đón ba vị về trang Mạch Lũng thờ phụng, phong "thượng đẳng thần" và cho dân làng thờ cúng.

Tương truyền miếu này được dựng từ thời Lý. Do lũ lụt, đến đời Lê, con đê ngăn nước được đắp vòng vào bên trong, chính vì vậy mà ngôi miếu tọa trên gò đất cao giáp bờ sông Hồng như hiện nay. Miếu Mạch Lũng còn là một

nơi bảo tồn được nhiều công trình chạm khắc tinh tế, đề tài rất phong phú: từ những hoạt cảnh người múa hát cười rồng đến tứ linh, lưỡng long chầu nguyệt. Đặc biệt rồng rắn trong quan niệm của cư dân nông nghiệp đó là những ước mơ đẹp về sự sống sinh sôi nảy nở thể hiện qua hình tượng rồng ổ, rồng mẹ, rồng con.

Uống nước nhớ nguồn, người dân làng Súng hàng năm mở hội để gìn giữ những truyền thống tốt đẹp xưa.

Lễ hội làng Súng diễn ra trong ba ngày từ mồng 9 đến 11 tháng Hai, ngày chính hội là mồng 10. Đây là ngày lễ mừng chiến công của ba vị thành hoàng làng. Cách ngôi miếu không xa là bến Lộc Trì, tương truyền nơi đây là điểm dừng thuyền phát lương của ba vị Long hầu khi xưa. Ngày chính hội, dân làng tổ chức rước nước thờ, rước kiệu lên đình và thi bơi chải.

Sáng sớm làng cử các thanh niên trai tráng ăn mặc đẹp khiêng kiệu có chóe bên trong cùng các bô lão, các quan tế ra bờ sông lên thuyền ra giữa dòng lấy nước. Rồi chóe nước được rước trang trọng trở về miếu.

Đám rước được tiến hành trong không khí náo nhiệt hơn, đi đầu là đội múa sênh tiền, múa lân có tính chất dẹp đường tiếp đến là đội cờ xí rợp trời, phường bát âm với những âm thanh trầm bổng. Ba cỗ kiệu bát cống mang theo ngai thờ bài vị của ba vị lộng lẫy vàng son. Lễ, tế ở đình và hôm sau lại rước bài vị về miếu.

Cuộc thi bơi chải được tổ chức trong ngày mồng 10, mỗi giáp một thuyền,và dân làng vùng này góp sức đua

tài, cuộc thi diễn ra trên đoạn sông có bến Lộc Trì xưa, người xem reo hò náo nhiệt, âm vang vùng sông nước. Đây là hội nước tưởng nhớ ba vị thành hoàng và bà thánh mẫu Xoa Nương có công giúp dân chống hạn, chống úng, tạo nên phong đăng hòa cốc cho cả một vùng ven sông.

Miếu Mạch Lũng với hội làng hàng năm vào tháng Hai đã ghi nhận công ơn những vị anh hùng dựng làng dựng nước, giáo dục truyền thống đạo đức và tinh thần thượng võ cho thế hệ trẻ nên được dân trong vùng hưởng ứng nhiệt liệt.

Mạch Lũng miền đất cổ ven sông đã bao đời gắn bó với các bước đi thăng trầm của lịch sử, hôm nay đang trở mình thức dậy với nghề trồng dâu nuôi tằm ngày một thịnh đạt, người Mạch Lũng đang xây dựng quê hương xứng đáng với truyền thống cha ông hàng ngàn năm xưa.

59 - HỘI ĐÌNH QUẢNG BÁ

Thờ: - Phùng Hưng và sáu bộ tướng

Địa điểm: - Thôn Quảng Bá, phường Quảng An, quận Tây Hồ

Thời gian: - Từ 10 đến 12 tháng Hai

Đặc điểm: - Cờ người, chọi gà

Người dân Quảng Bá - quận Tây Hồ tự hào vẫn giữ được lễ hội truyền thống của làng. Đình

làng thờ Bố Cái đại vương Phùng Hưng.

Hội được tổ chức trọng thể hàng năm - xuân thu nhị kỳ. Mùa xuân từ ngày 10 đến 12 tháng Hai. Mùa thu từ 9 đến 11 tháng Tám. Ngoài ra, hàng năm, làng còn dâng lễ giỗ đức thánh vào ngày 8 tháng Giêng. Xưa đức Phùng Hưng dấy cờ khởi nghĩa ở Đường Lâm, (Hà Tây) kéo quân về Tống Bình (Hà Nội cổ) vây hãm và chiếm được thành, giành nền tự chủ cho đất nước. Quân của ngài đi qua Quảng An, dân ra đón rước và xin cùng đi đánh giặc rất đông (khoảng năm 766 - 791). Sau bảy năm trị nước, Phùng Hưng mất, được tôn làm Bố Cái đại vương. Dân vùng này thờ ngài cùng sáu bộ tướng ở đình và có tục kiêng tên húy của ngài nên "Quảng Bố" gọi chệch là "Quảng Bá", "bố" sinh ra mình gọi là "cha", "cái" thì gọi là "cới".

Từ tám giờ sáng, đoàn người rời đình Quảng Bá tiến ra chùa Hoàng Ân (cũng gọi là chùa Quảng Bá) lấy nước mưa tinh khiết về làm lễ mộc dục (xưa kia phải bơi thuyền ra giữa Hồ Tây lấy nước). Sau đó cuộc tế bắt đầu.

Đoàn rước rất đông đảo, rước sắc vua ban, (ba chiếc ngai thờ không rước, để yên vị tại hậu cung). Sắc tế trong long đình có hai lọng và tám tán đi quanh rất tôn nghiêm. Mở đầu là đội múa sư tử và múa rồng, sư tử đi có tính dẹp đường, còn rồng thì lượn quanh long đình. Tôn sự uy nghiêm còn có đoàn mang một bộ chấp kích, một trường kiếm, ba đoản kiếm đi hộ vệ. Tất cả đoàn đều chít khăn đỏ, áo nẹp, quần trắng, thắt lưng xanh

rất chỉnh tề và đẹp mắt. Còn có ba đội thiếu nữ múa sênh tiền quần áo lóng lánh kim tuyến trông đẹp như bầy tiên nhỏ. Một đội đi sau long đình, một đội đi sau kiệu rước nước, một đội đi sau kiệu rước sắc. Các già và các vãi áo nâu dân dã, các ông - mười sáu người mặc áo phụng xanh. Riêng vị chủ tế và các bồi tế thì áo đỏ, các cụ bà 30 người trong đội tế áo vàng, khăn vàng. Ngoài ra còn các hội ở phố lên tham dự hội rước, y phục đẹp lắm.

Về đến đình, sau khi kiểm soát chu đáo lễ vật, là lễ dâng hương, hai tuần dâng rượu, đọc chúc lại dâng một tuần rượu rồi hóa văn.

Đặc biệt ở đình còn bốn đôi câu đối sơn son thếp vàng, ca ngợi công đức của thánh và dòng giống Tiên Rồng. Chẳng hạn như:

"*Một bọc trăm trứng nên giống Tiên Rồng,*
Thần linh Tây Hồ công cao đức lớn"...

(Tạm dịch)

Sau lễ rước nước và cuộc tế ở đình, hội Quảng Bá còn có các trò chơi như đánh cờ người, chọi gà... cuốn hút dân làng và khách quanh vùng tới dự hội.

60 - HỘI ĐÌNH NHẬT TẢO

Thờ: Trần Nguyễn Trác

Địa điểm: Xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm

Thời gian: 11 tháng Hai và 11 tháng Chín
Chính hội 11 tháng Hai

Đặc điểm: Thi bánh dày, chè kho

"Nhật Tảo" (mặt trời mọc buổi sáng sớm) là tên một làng thuộc xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, cách trung tâm Hồ Gươm 10km. Quanh vùng còn gọi "phường Gạo", "nhà Kiều...", "Nhật Cảo". Cổng làng sừng sững ngay ven đê sông Nhị, lúc nào cũng rộng mở, như mời chào khách thập phương vào thăm làng.

Đình làng Nhật Tảo được xây dựng trên một khu đất rộng. Căn cứ vào thần tích thì đình làng thờ vị thành hoàng họ Trần, tên húy là Nguyễn Trác. Trần Nguyễn Trác là con thứ hai của vua Trần Minh Tông, được phong là Cung Tĩnh vương, làm quan tới chức Thái tể Thượng tướng. Khi vua Trần Dụ Tông mất, Dương Nhật Lễ [1] chiếm

---

(*) Dương Nhật Lễ: (Theo "*Hà Nội nghìn xưa*" - Trần Quốc Vượng, Vũ Tuấn Sán. Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội, 1975).

Dương Nhật Lễ vốn là con trai của phường trò Dương Khương.

Cung Túc vương (anh vua Trần Dụ Tông) ép vợ Dương Khương làm phi. Khi tiếm ngôi, Nhật Lễ giết luôn cả thái hậu Hiển Từ, người đã đề nghị Nhật Lễ làm vua. Mùa thu 1370, Trần Phủ chạy lên Đà Giang cùng Tuyên Vương Kính. Túc hầu Nguyên Đán khởi binh ở phủ Thanh Hóa mang quân về Thăng Long bắt Nhật Lễ rồi giết ở Hàng Buồm, Trần Phủ lên ngôi tức Trần Nghệ Tông (1370 - 1377)

ngôi, ông đã bí mật đem quân vào thành mưu giết Nhật Lễ. Nhưng Dương Nhật Lễ lẩn trốn, núp dưới gầm cầu, quân lính truy tìm không thấy. Hôm sau Nhật Lễ vào cung đem quân phản công, vây bắt. Trần Nguyễn Trác bị hại. Dân làng thương nhớ người trung nghĩa dựng miếu phụng thờ. Các vua quan đời sau đều phong, ban tặng vinh hiển. Đình còn lưu giữ 26 đạo sắc phong, sớm nhất đạo Đức Long thứ 6 (1634).

"*Đại Việt sử ký toàn thư*" chép: "Năm 1369 vua Trần Dụ Tông sắp mất, hoàng thái hậu đón Dương Nhật Lễ về nối ngôi đại thống. Cũng năm ấy, Trần Nguyễn Trác được Nhật Lễ phong là Thượng tướng quốc thái tể".

Sở dĩ có sự kiện Trần Nguyễn Trác đem quân vào giết Dương Nhật Lễ là có những lý do như sau: Nhật Lễ đã có nhiều việc làm trái lệ thường như rượu chè, chơi bời dâm dật. Nhật Lễ không những đã giết bà Huệ Từ hoàng thái hậu là người đã có công gây dựng cho Nhật Lễ tiến thân, nhưng Nhật Lễ còn muốn đổi thay triều đại chính thống đi. Quan trong triều và các tôn thất đều thất vọng.

Một đôi câu đối ca ngợi tướng quân họ Trần:

Phiên âm:

Đông A nhất phái cung tú khí

Nam sử thiên thu bạch hiếu tâm.

Dịch nghĩa:

Một chi phái họ Trần khí thiêng chung đúc

Lòng hiếu sáng ngời sử sách còn lưu danh.

Một bài thơ sau đây đã khắc trên bức hoành:

Phiên âm:

Gia vi hiếu tử quốc trung thần
Phái xuất thiên hoàng nhất vĩ nhân
Khử Lễ dư uy truyền thượng tướng
Tôn Trần đại nghĩa đối tiền quân
Hãn thanh chung cổ đan tân chiếm
Hoa cổn lịch triều sủng mệnh tân
Di trạch thiên thu phong ấp tại
Sơn hà thảo mộc thượng tri xuân.

Bản dịch:

Con người hiếu thảo lại trung thần
Có phải người trời bậc vĩ nhân
Dẹp tan Nhật Lễ oai thượng tướng
Lộc nước ơn vua khôi phục Trần
Anh hùng lẫm liệt trải gian khó
Bao triều phong tặng bậc trung thần
Ngàn năm tên đất còn vang mãi
Cây cỏ quê mình xanh sắc xuân.

Sách "*Đại Việt sử ký toàn thư*" ghi giỗ thánh ngày 20 tháng Chín nhưng dân làng hiện nay tổ chức vào ngày 11 tháng Hai (?). Câu ca từ xưa vẫn để lại:

Bao giờ cho đến tháng Hai
Nhật Tảo mở hội cho trai ra đình.

Hội làng Nhật Tảo tổ chức vào kỳ đầu xuân và ngày

kỵ thánh. Ngày 11 tháng Hai lễ mộc dục rước nước sông Hồng, ngày 12 rước thánh từ chùa về đình có tế chay, thi làm bánh nấu chè. Ngày 13 tế giã. Cuộc thi của làng Nhật Tảo khá đặc biệt, bốn giáp từng năm cử một ông cai, nhận ba sào ruộng công cày cấy thu hoạch để có nếp hoa vàng làm bánh dày, chè kho làm bằng đỗ xanh luyện mật - mía cây tím tròn, khỏe, bầu bĩnh không sâu bệnh. Sau cuộc thi để tế thần rồi chi cho người dự hội. Từ năm 1992 hội mở đều. Cụ Nguyễn Văn Du, ngoài 80 tuổi ghi lại cảnh ngày hội làng:

Ba hồi chiêng trống rền vang
Đình Trung rộn rịp dân làng họp đông.
Chỉnh tề các cụ áo khăn
Hành lễ cung kính đọc văn án tiền.
Lắng nghe công đức tôn thần
Người người tâm niệm lòng thành biết ơn.
Phường nhạc cất điệu âm vang
Tiếng trầm giọng bổng lại càng thêm vui.

61- HỘI NĂM LANG MỌC

Thờ: Đoàn Thượng, Lã Liệu, Hùng Lãng Công, Phùng Luông

Địa điểm: Phùng Khoang (huyện Từ Liêm) Quan Nhân, Giáp Nhất, Cự Lộc, Chính Kinh (quận Thanh Xuân)

Thời gian: 9 tháng Hai - 11 tháng Hai. Chính hội 11 tháng Hai

Đặc điểm: Múa rồng

Kẻ Mọc phiên âm chữ Hán là Mộc Cự. Hồi thế kỷ X, vùng đất bên sông Tô này cây rừng mọc rậm rạp, đầm ao chi chít. Kẻ Mọc có Nhân Mục Cựu và Nhân Mục Môn. Nhân Mục Cựu gồm Mọc Hạ Đình, Mọc Thượng Đình. Nhân Mục Môn gồm Mọc Quan Nhân, Mọc Giáp Nhất, Mọc Cự Lộc, Mọc Chính Kinh. Nay thuộc quận Thanh Xuân - Hà Nội. Xa xưa hơn Tổng Mọc còn có cả Mọc Phùng Khoang, làng này liền dải đồng với Mọc Chính Kinh. Nay Phùng Khoang thuộc xã Trung Văn, huyện Từ Liêm. Hồi chưa có quốc lộ số 6, con đường nối kinh đô Thăng Long với trấn Sơn Nam chạy giữa Nhân Mục Môn qua Cầu Mọc. Con đường đó gọi là đường lai kinh. Vua Lý cho các quan sửa đường, bắc cầu, nạo vét sông Tô để kinh lý Sơn Nam. Năm 1032, vua Lý Thái Tông xuôi đường lai kinh về Hương Tín (vùng Thanh Oai) cày ruộng tịch điền. Cuối năm 1426, hai lần nghĩa quân Lam Sơn đánh trận Cầu Mọc bắt sống tướng nhà Minh là Viên Lượng, đánh bại tướng Sơn Thọ và Mã Kỳ. Xuân Kỷ Dậu 1789, dưới sự

thống lĩnh của Quang Trung. một cánh kỳ binh của Đô Đốc Đặng Tiến Đông đã ém quân tại Nhân Mục để sau đó đánh đồn Khương Thượng (Đống Đa) bằng trận rồng lửa. Người hiến kế bện rơm là một người thợ mộc ở Quan Nhân.

Cụm di tích của năm làng Mọc có bề dầy truyền thống lịch sử. Đình Phùng Khoang thờ Đoàn Thượng, một danh tướng đời Lý. Khi nhà Lý mất ngôi. Đoàn Thượng chiếm giữ Hồng Châu chống nhau với quân nhà Trần. Trần Thủ Độ sai người tới dụ hàng hứa phong vương gả công chúa. Nhưng ông quyết giữ trọn tiết nghĩa đã chiến đấu và mất tại Bản Yên Nhân vào ngày 11 tháng Tư. Nhiều địa phương lập miếu thờ. Đình Phùng Khoang với nét cổ kính có nhiều mảng chạm khắc gỗ đời Hậu Lê. bản sắc phong sớm nhất là đạo Lê Chính Hòa 19 (1698). Văn bia cho biết đình trùng tu vào năm 1721, 1758, 1805... Cách Phùng Khoang trên 2 cây số là bốn làng Mọc. Đình Cự Chính là do hai làng Mọc Cự Lộc và Mọc Chính Kinh xây dựng lên. Đối câu đối khắc ở cổng làng:

Ngàn năm văn vật Hoa Kinh địa
Tứ khí non sông mãi mãi tồn.

(Bản dịch)

Đình quay hướng đông nam. quanh đình còn nhiều dấu tích cổ: Giếng đá, gò Nghiên, khu Ao Cờ... Đình thờ Lã Liệu. một vị tướng của vua Hùng có công dạy dân làng cấy lúa. trồng dâu. nuôi tằm. chống giặc ngoại xâm. Đại bái. hậu cung rộng lớn. Hai bên đại bái có 2 sập sơn son thếp vàng để đón rước các quận công, tiến sĩ khi về thăm

quế. Đáng chú ý trên nóc tam quan chạm nổi hai chú cóc sành. một chân leo. một chân thả. mắt lồi long lanh ngước nhìn lên trời xanh. Bà Nguyễn Thị Hoa. người làng vào kinh đô Huế lấy vua Gia Long sau sinh ra vua Minh Mệnh. Khi ra kinh lý Hà Nội. vua có về thăm. thảo văn tế cho làng:

Đại vương là vi tinh tú
Do núi sông chung đúc nên thông minh kỳ tài
Vận nước nhờ ơn đoàn tụ
Người dân phúc ấm khắc phục thiên tai.

(Bản dịch)

Đi độ nửa cây số qua phố Quan Nhân. rẽ trái ta tới đình Quan Nhân. Đình có hai khu vực: đình trong và đình ngoài. Đình trong xây kiểu chữ công có 7 gian rộng. nóc đình trang trí hoa văn có rồng mây vũ khúc. Đình ngoài xây kiểu lập phương tám mái. hai bên có nhà giải vũ. Trong đình có tấm bia đồng chữ nhật khổ 105cm x 63.5cm dày 4mm đặt trên giá gỗ sơn son thếp vàng. Bia đồng dựng năm Tự Đức thứ 6 (1853) chép bản thần tích do quan Nguyễn Bính phụng soạn năm 1573. Truyền thuyết kể Hùng Lãng công quê Châu Ái (Thanh Hóa) làm huyện trưởng Vũ Tiên (Thái Bình) lấy cô gái là Trương My Nương. người ấp Quan Nhân. Hùng Lãng công là người anh hùng văn võ toàn tài. Giặc Nam Chiếu phương Bắc tới xâm lược. ông cầm quân. lập nhiều chiến công. Một lần ông dẫn 60 gia binh về thăm nhạc gia thì bất ngờ bị quân Nam Chiếu phục kích bao vây. Không chịu khuất phục ông cùng quân sĩ chiến đấu phá vây và hy sinh vào ngày 2

tháng Tám. Bà Trương Mỵ Nương nghe tin cũng uống thuốc độc tự vẫn ngày 12 tháng Mười. Ông được các triều vua phong là "Trung nghĩa đại vương". Còn bà được phong là "Dục đức đề mỵ quan nhân vương công chúa"... Ta đi tiếp độ mấy cây số nữa tới gần cầu Mọc rẽ tay phải theo dọc sông Tô là tới đình Giáp Nhất. Cổng đình quay hướng Bắc. Sân có nhiều cây muỗm cổ thụ. Tam quan bề thế với trụ cao 8 mét kiểu chân quá đành đành. Bốn lòng trụ chạm bát tiên quá hải, chim công, chim phượng. Đại đình, hậu cung xây gạch Bát Tràng. Hậu cung dựng song song với đại đình qua lớp cầu đá, ánh sáng bốn mùa soi tỏ. Đình thờ Phùng Luông (cháu Phùng Hưng) có công trong việc chống quân nhà Đường giải phóng thành Đại La năm 791.

Sau chiến tranh, đình chùa và hội năm làng Mọc dần dần được phục hồi. Năm Nhâm Tuất (1992) tổ chức đại hội. Ngày sau tết Nguyên đán, việc tuyên truyền đã rầm rộ trên báo chí và truyền hình. Cổng chào, cờ thần, quốc kỳ được trang trí. Nhân dân các xóm ở ven đường lại kinh xưa lập bàn thờ bái vọng. Ngày 8 tháng Hai Mọc Phùng Khoang tổ chức múa rồng. Một đoàn xe môtô do nam thanh nữ tú có mang cờ đi diễu hành. Ngày 9 tháng Hai ban tổ chức Mọc Giáp Nhất long trọng làm lễ đón bằng xếp hạng di tích đình làng, chùa làng. Ngày 9 tháng Hai, các dòng họ ở Quan Nhân đội mâm lễ ra đình. Ngày 10 tháng Hai rước kiệu đức thánh ông, đức thánh bà, giai nam, giai nữ khênh kiệu theo hiệu lệnh của ông khởi chỉ,

bà khởi chi từ đình trong ra đình ngoài. Đúng giờ Ngọ làm lễ tế rồi lễ dâng hương. Ngày 10 tháng Hai các dòng họ ở Cự Lộc. Chính Kinh đội mâm lễ ra đình. Cũng ngày 10 tháng Hai tại Phùng Khoang. các dòng họ cũng đội mâm lễ ra trình thánh.

Lễ hội chung của năm làng Mọc nhộn nhịp tưng bừng vào 11 tháng Hai. Từ mờ sớm. kiệu. rồng. sư tử. bát bửu. chấp kích. cờ quạt. đội tế. đội dâng hương... đi theo nhịp trống. nhạc bát âm từ Phùng Khoang tới Giáp Nhất. Đoạn đường dài trên ba cây số. Đoàn rước đi qua làng nào. đoàn rước của làng đó đi ra đón mừng rồi nhập cuộc. Đoàn rước của 5 làng nối tiếp nhau dài trên một cây số rồng rắn rước tiến về đình Giáp Nhất. Tàn quạt. biển cờ. hương án. long đình. voi nan. ngựa gỗ... cứ đi một bước lại dừng một bước. Đội múa rồng. múa sư tử lượn vòng lên xuống rất náo nhiệt. Ông Thổ ông Địa vừa nhảy nhót vừa phe phẩy quạt khiến đám đông hò reo tán thưởng. Nhân dân xúm vào rồi dạt ra khi kiệu bay dọc bay ngang. Mấy giai kiệu gái kiệu như nhập thần nên chạy theo kiệu cả đi, về mà vẫn tươi tỉnh. Nhiều trò vui góp vào hội: đánh vật. chọi gà. múa kiếm. cờ người. ngâm thơ. múa roi. bắt vịt...

Không khí hội Mọc năm Thân (1992) phần nào như nhắc lại không khí hội Mọc năm Tuất (1934) nêu cao truyền thống yêu nước của nhân dân ta.

62 - HỘI ĐỀN BẠCH MÃ

Thờ: Thần Long Đỗ, thần trấn phương Đông được phong là "Quốc đô Thăng Long thành hoàng đại vương"

Địa điểm: 76 phố Hàng Buồm - Hà Nội

Thời gian: 12 - 13 tháng Hai

Đặc điểm: Lễ tiến Xuân Ngưu

Đền Bạch Mã ở số 76 phố Hàng Buồm thờ thần Long Đỗ. Di tích này là trong tứ trấn Thăng Long: thần Long Đỗ trấn phía Đông, thần Linh Lang đại vương trấn phía Tây, thần Cao Sơn trấn phía Nam, thần Huyền Thiên trấn phía Bắc. Xưa đền thuộc phường Hà Khẩu, tổng Đông Thọ, huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức, Hà Nội. Tương truyền năm 865, viên quan Cao Biền đời Đường đắp dê La Thành, khi bước ra ngoài Cửa Đông thấy một dị nhân trong đám mây ngũ sắc. Vốn là đạo sĩ. Cao Biền đem bùa chôn yểm. Đêm sau mưa gió mù mịt, bùa đồng bị sét đánh tan. Biền sợ quá cho lập đền thờ (đền bắt đầu có từ đó). Năm 1010, Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về Đại La, định đắp thành nhưng đắp mấy lần đều bị đổ. Vua cho người cầu khấn thần Long Đỗ thì thấy ngựa trắng từ trong đền đi ra. Viên quan lần theo vết chân ngựa trắng lập đồ án xây, thành mới vững. Vua phong thần Long Đỗ là "Quốc đô Thăng Long thành hoàng đại vương". Đền lưu giữ nhiều tấm bia cổ: bia Lê Chính Hòa (1680 - 1705), bia triều Nguyễn - Minh Mạng (1839). Có

nhiều sắc phong của các triều vua này còn giữ được bằng giấy mộc bản như sắc phong của vua Lê Hiển Tông. Nguyễn Nhạc. Nguyễn Huệ. Đền có 15 tấm bia. Tiến sĩ Phạm Quý Thích viết bia sửa đền năm 1820. Tiến sĩ Vũ Đức Khuê lại có bia viết bia xây phương đình năm 1839. "Yên Lại ở Từ Chi" (năm Minh Mạng thứ 21 - 1840) cho biết quy định tuổi lên lão. thể lệ đóng góp. tập tục ăn uống của dân ba giáp Mật Thái. Bắc Thượng. Bắc Hạ. Đời Trần ba lần phố Cửa Đông bị cháy. lửa lan đến Hàng Buồm nhưng đền vẫn y nguyên. Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải qua đây cảm khái đề thơ:

Vẫn nghe truyền tụng Đại Vương linh,
Nay mới hay rằng quỷ cũng kinh.
Lửa bốc ba bề không bén tới,
Bão giông một trận chẳng thay hình.

(Bản dịch)

Đền Bạch Mã gắn với nghi lễ tiến Xuân Ngưu của đất Thăng Long văn vật. Vào dịp đông chí (22 tháng Chạp). tòa Khâm Thiên giám tâu vua cho biết ngày lập xuân: dâng tượng thần Câu Mang và Xuân Ngưu. Tượng thần nông (Câu Mang) và thần trâu (Xuân Ngưu) được nhuộm màu ứng với ông thần năm đó tính theo ngũ hành âm dương. Bộ Công đắp mẫu tượng người. tượng trâu y như thật. đàn tế dựng ở phường Đông Hà (phố Hàng Chiếu) nhằm hướng chính phía Đông của kinh thành. Lễ tế vào đúng giờ Tý (nửa đêm). Năm 1048. vua Lý Thái Tông xuống chiếu định phép đả Xuân Ngưu. Vào tiết Lập xuân.

vua sai vị trưởng họ dùng roi đánh vào con trâu đất. sau đó các quan cài hoa lên mũ rồi cùng dự yến tiệc. Dân dự đám rước hội hát:

Bao giờ Mang hiện đến ngày
Cày bừa cho kỹ mạ này đem gieo.

Cũng vào dịp xuân. để khuyến khích nhà nông. vua sai quan khâm sai tới làm lễ ở đàn xã tắc ở phía đê La Thành (nay thuộc Xã Đàn. phường Nam Đồng). Vua cùng các quan tế thần nông sau đó vua tự tay cày luống đất đầu tiên. mở đầu cho năm mới. luống đất đó gọi là ruộng Tịch Điền để cầu mong mùa màng bội thu. Trong hồi ức của cụ Nguyễn Vấn và cụ Phạm Danh Ư (Chủ tịch MTTQ phường) cho biết khoảng năm 1906. hội đền có đám rước trên 500 người từ đền Bạch Mã qua Mã Mây rồi dừng trước đền Bà Kiệu [1]). Sau đó đi vòng quanh hồ Hoàn Kiếm qua Hàng Đào. Hàng Buồm để trở về đền. Tháng 3-1990. Bộ Văn hóa Thông tin công nhận đền Bạch Mã là di tích lịch sử văn hóa. Hội đền hiện nay tổ chức vào ngày 12 tháng Hai và

(1) Đền Bà Kiệu. Đền xây dựng vào đời Vĩnh Tộ (1619 - 1628) *thờ Chúa Liễu*. Lúc đầu gọi là đền Huỳnh Chân. Đời Vĩnh Trị (1676 - 1680) gọi là đền Thiên Tiên. Có thuyết cho rằng các bà các cô trong Phủ Chúa... đến ăn chay. cúng lễ sống chư tiên. Một bà đi lễ bằng kiệu đẹp nên gọi là đền Bà Kiệu. Một thời gian. quan Thái giám Lê Trọng Hiền mở mang. rồi giao cho cháu là Hoàng Thị Bột ở Mỹ Hào (Hưng Yên) đến trông nom. Gần đây qua tấm bia "Trùng tu Huyền Chân từ bi ký" khắc năm Tự Đức thứ 19 (1866) ghi rõ là bà Lê Thị Chính (có lẽ là bà dì kiệu) là người đã dứng ra trùng tu. Đợt trùng tu 1863 - 1864 có 141 cửa hàng buôn ở nhiều tỉnh đóng góp tiền của. Đền có chuông Tây Sơn. năm Cảnh Thịnh 5 (1789). (Theo Doãn Chí Thành - VHTT 122-1994).

13 tháng Hai nhân dịp xuân mới. Các hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian được duy trì: hát chèo, ca trù, múa võ... cặp múa kiếm, múa đao với 82 động tác "Mai Hoa Kiếm" được các bà, các chị Nguyễn Thị Tâm, Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Thị Hòa... biểu diễn rất đẹp mắt. Nhân dân hàng phố và khách hành hương các nơi về dự hội đến rất đông vui.

63 - HỘI ĐỀN BÀ CHÚA KHO (GIẢNG VÕ)

Thờ: Bà Chúa Kho

Địa điểm: Đình Giảng Võ, trên đường Giảng Võ, quận Đống Đa

Thời gian: 11 - 13 tháng Hai. Chính hội: 12 tháng Hai 20 tháng Bảy

Đặc điểm: - Ban ngày các trò: Cờ người, Bắt vịt

- *Tối:* Hát chèo, tuồng

Hội tháng Bảy: Dâng hương

Ở hương Cổ Pháp xưa (Đình Bảng, Bắc Ninh ngày nay) vào đời Trần, có quan Điện hộ binh lương (giữ kho quân đội, ở thành Thăng Long) là Lý Quỳnh, người liêm khiết. Vợ kế ông, bà Nguyễn Thị Duyên, sinh được con gái, đặt tên Lý Thị Châu, còn gọi là Châu nương.

Châu nương càng lớn càng xinh đẹp và thông minh, bố mẹ cho học ở phường Bích Câu (phố Cát Linh ngày nay). Học đâu biết đấy nên nàng giúp cha rất đắc lực trong

việc sổ sách kho tàng. Năm 22 tuổi, nàng lấy viên quan họ Trần, tước thái bảo, làm chức đốc bộ ở Hoan Châu (Nghệ An). Vợ chồng hiểu nhau, sống rất hạnh phúc.

Thời gian ấy, giặc Nguyên Mông uy hiếp nước ta, bắt triều đình phải đầu hàng. Vua Trần không chịu. Giặc đánh Chiêm Thành, ra cướp phá Châu Hoan. Thế giặc mạnh, bao vây thành. Thái bảo rút quân về Diễn Châu. Lúc này bà đảm nhiệm việc quân nhu và phòng ngự vững chắc hậu phương. Nhờ đó quân ta đuổi được giặc tới đèo Ngang (châu Bố Chính, Quảng Bình). Trận này ta toàn thắng, chém 10 tướng giặc, thu 6 thớt voi và bắt hàng ngàn tù binh.

Vua khen ngợi, triệu vợ chồng thái bảo về Kinh, giao chức tiền quân dực thánh (đội bảo vệ vua và kinh thành). Châu nương giữ việc coi kho phủ Phụng Thiên (Hà Nội).

Giặc thua đau, liền cử Thoát Hoan cùng đội quân đông và mạnh sang. Chúng ồ ạt tiến công. Quân ta bảo toàn lực lượng, rút khỏi Thăng Long. Thái bảo chặn giặc ở phía sông Hồng. Ông cầm cự với giặc để quân ta rút lui an toàn: cuối cùng ông kiệt sức và tử trận. Châu nương nén đau thương, quyết chí đền nợ nước để trả thù cho chồng. Bà sai quân cất dấu tài sản quốc gia thật cẩn mật và phân tán kho lương. Bị giặc vây bắt, bà dũng cảm đứng trước kho lấy khăn hồng phủ mặt rồi hóa. Bà hy sinh, chiếc khăn hồng bỗng bay về làng Giảng Võ, sinh quán của bà. Mấy tên giặc đắc chí xông vào kho. Bỗng một con rắn lớn lao từ trong kho ra phun phì phì rất dữ tợn, làm

giặc hoảng hốt bỏ chạy...

Sau khi đất nước sạch bóng quân thù, bà Châu nương được truy tặng "Quản chưởng quốc khố công chúa" (Bà chúa giữ kho quốc gia) và triều đình giao 2 nơi Giảng Võ (Hà Nội) và Diễn Châu (Nghệ An) lập đền thờ bà. Tiếp, khoảng 20 nơi khác cũng lập đền thờ vong bà.

Về sau, đình Giảng Võ thờ bà làm thành hoàng. Giảng Võ trường vốn là nơi huấn luyện võ nghệ và quân sự cho binh lính. Cận kề Giảng Võ còn 1 số nơi mang dấu tích xưa như Gò Voi, Gò Cờ, Đấu đong, Trường bắn... Truyền thuyết còn cho biết bà thường luyện đội quân bảo vệ kinh thành tại đây.

Qua nhiều lần đổi thay, đình Giảng Võ vốn là ngôi miếu, các cụ thường gọi là đình hoặc đền bà Chúa Kho. Ở đây hàng năm thường tổ chức quốc lễ. Các triều đại sau tiếp tục ca ngợi bà bằng những đại tự như:

- "Lý, Trần phương danh": danh thơm 2 triều Lý, Trần.

- "Nữ trung anh liệt": Anh hùng hào kiệt trong phái nữ.

- "Vạn cổ lưu phương": Muôn thuở giữ danh thơm.

Và một số câu đối:

- "Ngang cổ nữ trung hào, vĩ tích đồng lưu Nam quốc sử"

"Ngất kinh thành ngoại miếu, thần uy do trấn bắc biên quân".

(Muôn thuở bậc nữ hào, sử sách nước Nam truyền sự tích: Miếu vũ ngất thành ngoại, biên thùy cõi Bắc dậy oai

thần).

- "Tài chính túc sung quân. môn nội mệnh vất thiên tử chiếu. Âm mưu năng thoái lỗ, quốc trung danh chấn nữ thần thoan". (Tài chính đủ sung quân. thiên tử chiếu văn vàng trước ngõ. Mưu mô lui giặc mạnh, nữ thần tiếng dậy khắp trong dân).

Bà còn được các triều đại sắc phong; từ Cảnh Hưng thứ 44 (1783) đến Khải Định năm thứ 9 (1925), cộng 13 đạo sắc phong.

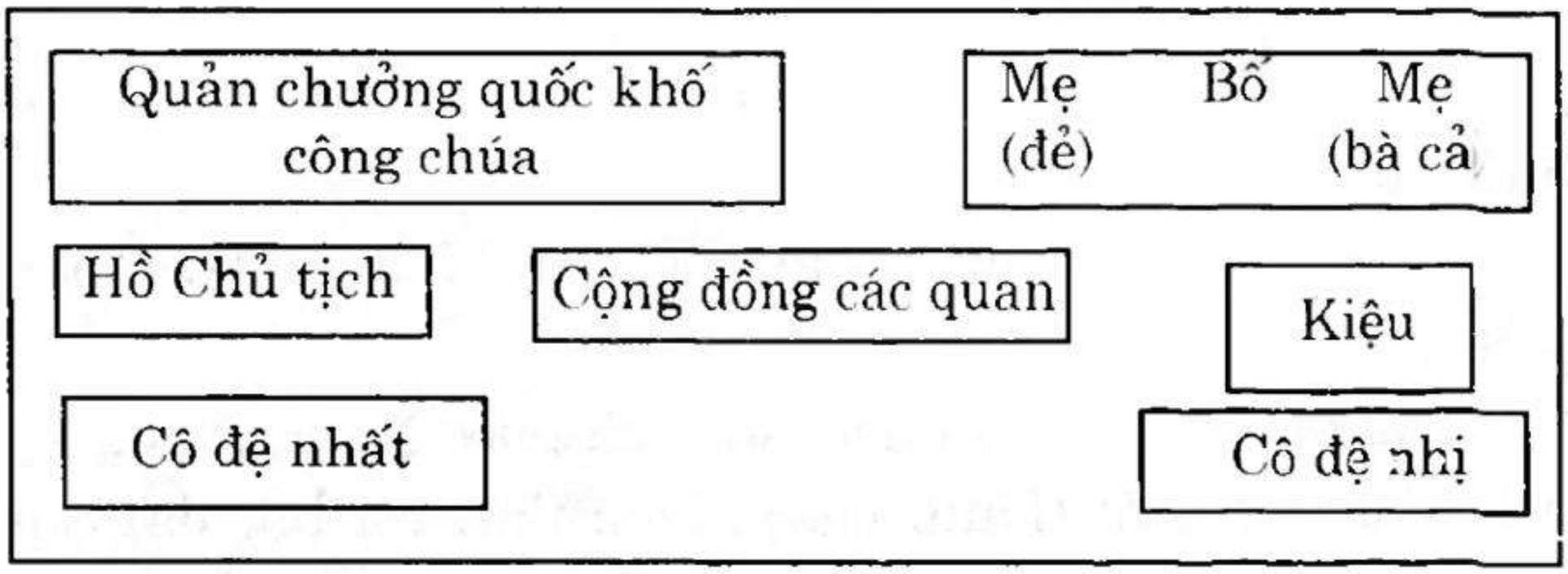
Đình nơi thờ bà, chia làm 3 gian ngăn theo hàng dọc.

- Gian giữa, trong cùng, cao nhất là bài vị thờ "Quản chưởng quốc khố công chúa"; bậc dưới là hương án thờ "Cộng đồng các quan".

- Gian bên trái, phía trong là bàn thờ phụ mẫu của bà. Bố ở giữa, 2 bên là mẹ đẻ và mẹ chính (bà cả). Bên ngoài đặt cỗ kiệu dùng để rước trong dịp hội.

- Gian bên phải đặt bàn thờ Hồ Chủ tịch cùng các liệt sĩ của làng.

- Phía ngoài là 2 bàn thờ đối xứng của 2 cô:



Theo cách bài trí như trên, việc thờ bà Chúa Kho Châu nương mang màu sắc tín ngưỡng dân gian rõ rệt. Bà là nữ thần nên có lẽ cũng được quan niệm là Mẫu. Khác với bà Chúa Kho Cổ Mễ (Bắc Ninh), ở đây không có việc cầu xin vay - xin trả mà thuần túy là sự tôn vinh nữ thần là một nhân vật lịch sử. Khách hành hương tới đây để ngưỡng mộ và tưởng niệm, ghi ơn những công lao của vị nữ thần đã cống hiến cho tổ quốc lúc sinh thời.

Đình Giảng Võ hàng năm tổ chức 2 lễ lớn (tháng Hai và tháng Bảy) vào dịp ngày sinh và ngày hóa của bà.

Trước đây, lễ hội tháng Hai kéo dài 7 ngày. Nay chỉ có 3 ngày: từ 11 đến 13.

Ngày 11 tháng Hai:

- Sáng: Lễ tế yết, cáo với bà, xin phép mở hội, do làng lo liệu.

- Chiều: Lễ dâng hương (hay lễ trình) của các chạ anh, chạ em trong khu vực. "Thập tam trại", chứng tỏ tất cả vẫn nhớ tới bà và đã sẵn sàng dự hội: (trại) Vạn Phúc, Ngọc Khánh, Đại Yên, Hữu Tiệp, Cống Vị, Kim Mã, Ngọc Hà, Liễu Giai, Hào Nam... Còn Lệ Mật (đất gốc, thuộc huyện Gia Lâm), nội tộc của Thập tam trại cũng tới. Đình Bảng (Bắc Ninh) quê nội bà, được mời và được lưu lại tới hết hội.

Ngày 12: Lễ chính.

- Sáng: Tế, có đông đủ làng trại. Tiếp là tế nữ quan (nếu có). Trước năm 1945, năm được mùa, thường có nhiều đội nữ quan tới dự.

- Chiều: Khách thập phương và dân chúng sở tại dâng hương. Trong ngày lễ chính này, ở Giảng Võ tổ chức linh đình; các nơi Bắc Ninh, Nghệ An đều cử đại diện về tham dự hội.

Ngày 13: Lễ tạ trong đình.

Trong dịp hội, cùng với nghi thức tế lễ uy nghi trong đình, thì trên sân đình thường tổ chức các trò vui và biểu diễn nghệ thuật để hội thêm phong phú và hấp dẫn:

Cờ người (tại sân đình). Chơi cờ là biểu tượng (đấu trí) cho cuộc chiến đấu giữa nhân dân ta và quân xâm lược.

Bắt vịt (trong ao trước đình), bắt được vịt nhiều là bà đã ban lộc. Giải thưởng không lớn, mang tính tượng trưng, nhưng rất vinh dự cho người thắng trận (sẽ gặp may mắn và làm ăn thuận lợi cả năm).

Ca hát, ngâm thơ trên bờ ao dài của làng. Cờ quạt cắm rực rỡ suốt dọc ao. Thường là hát ca trù. Có khi cả nhà nho cũng tham dự. Các vị làm văn thơ (ca ngợi công tích của bà) để ca công biểu diễn (ngâm hoặc hát).

Thêm vào đó có cả múa rối cạn, múa rối nước (đi mời ở các phường rối Thạch Thất (Hà Tây) hoặc Thuận Thành (Bắc Ninh) tới.

Ban đêm diễn chèo hoặc tuồng.

Hội tháng Hai, kỷ niệm ngày sinh bà đông vui như vậy. Còn tháng Bảy chỉ lễ một ngày 20, tưởng nhớ ngày hóa của bà, không tổ chức trò chơi. Trong dịp này chỉ làng Giảng Võ và làng Đình Bảng (Bắc Ninh) tổ chức lễ dâng hương.

64 - HỘI ĐÌNH GỪNG

Thờ: Thần Tô Lịch và Lê Dương Vệ

Địa điểm: Phường Khương Đình, quận Thanh Xuân

Thời gian: Ngày 12 tháng Hai và 6 tháng Tư.
Chính hội 12 tháng Hai.

Đặc điểm: Lễ chạy mã, múa rồng.

Ai về Khương Hạ, đình Gừng
Dưa chua cà muối, xin đừng quên nhau
(Ca dao)

Đất Tam Khương ở phía tây nam kinh đô Thăng Long xưa có Khương Thượng, Khương Trung, Khương Hạ. Khương Hạ có xóm Đình, xóm Chàm (Đức Long) xóm Cò (Bồ Tràng) xóm Cầu (Nga My). Đình Khương Hạ nay thuộc phường Khương Hạ, quận Thanh Xuân. Theo lời kể của các bô lão địa phương, đình dựng từ triều Trần làm bằng tranh tre nứa lá bên dòng sông Tô. Thời quân Minh xâm chiếm Thăng Long, đình bị đốt cháy. Đến thời kỳ Đông Quan được Lê Lợi giải phóng, đình được xây lại bằng gạch. Cầu Khâu được bắc qua một con mương đào, nhánh của sông Tô, nối từ đầm Hồng tới ao Chùa Thông. Đình khang trang với cổng trụ, sân đình, tòa tả mạc 3 gian, tiền tế 7 gian, đại bái 7 gian, hậu cung 2 gian. Bóng cây cổ thụ hàng trăm năm che rợp. Nét đặc biệt so với nhiều đình là không quay hướng

tây về sông Tô mà quay về hướng nam. Hồi mùa xuân năm 1789. đình là nơi chứa hỏa hổ (nùn rơm dài) góp phần tạo trận rồng lửa ở trận Đống Đa - Khương Thượng giúp đô đốc Long đánh bại tướng quân Thanh Sầm Nghi Đống để giải phóng Thăng Long. Đình thờ thần Tô Lịch, Cao Biền từng phong thần là "Đô phủ thành hoàng thần quân". Vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long phong tiếp "Quốc đô Thăng Long thành hoàng đại vương". Bên cạnh thờ thần Tô Lịch, đình còn thờ 2 vị thiên thần: Thần Ngỗng nhà trời ở đầm Hồng, Thần Chuối nhà trời ở đầm Chuối. Tương truyền một chàng trai vốn hóa thân từ cá Chuối cụt đuôi thành dũng sĩ cụt chân có công cùng dân làng khai phá đầm lầy, rừng rậm biến thành ruộng, vườn tươi xanh của đất Khương Hạ. Truyền thuyết khác kể vào đời vua Chiêu Tông, Mạc Đăng Dung đem quân từ Hải Dương đánh về kinh đô, vua mang quân chạy khỏi cung cấm vượt qua cửa Đông Môn theo đường Sơn Nam về đóng hành dinh tại đình Vòng (Mọc Hạ Đình) bên bờ sông Tô. Có dũng sĩ người Khương Hạ tập hợp trai làng sang hộ vệ vua rồi sau theo về Thanh Hóa. Dũng sĩ mất được phong là Lê Dương Vệ, hiện nay trong văn tế ở đình thấy có ghi tên húy của thánh là Trịnh Phùng, bài vị ghi" Ngự lâu, minh trí trực quí công". Có khả năng tướng quân họ Trịnh có công phò vua nên được đổi sang họ Lê chăng? Vị đại vương ở đình Gừng có liên quan tới tướng Trịnh Tuy đưa vua về Thanh Hóa năm 1522. Sách "*Đại Việt thông sử*" (NXB KHXH 1978) cho

biết: "Mạc Đăng Dung chia quân 2 đường thủy bộ tiến đánh Đông Hà (khoảng Hàng Chiếu). Nhà vua sai các tướng Lại Thúc Mậu, Nguyễn Dư Hoan, Nguyễn Định, Đàm Khắc Nhượng chia đóng các doanh trấn giữ. Hai bên đang cầm cự thì Đăng Dung đánh úp ban đêm, phá các doanh, y liền dẫn quân qua sông, Thúc Mậu và Duy Hoan thua chạy. Có 4 tên lính gác vác khiên mác từ phường Phục Cổ xông vào điện Thụy Quang nhưng lính hộ vệ cản được. Vua hoảng hốt chạy lánh về làng Nhân Mục Cựu.Trăm quân tan rã mấy ngày mới tụ tập được. Tháng Chín, vua đốc quân về kinh đô. Đăng Dung vì còn vướng với các tướng ở Bắc Giang cho nên không dám dòm ngó đô thành. Mùa đông năm ấy Trịnh Tuy mang quân tam phủ từ Thanh Hóa về hộ giá. Nhưng vì nghe ly gián thành ra ngăn trở, ép vua bỏ Đông Kinh về Thanh Hóa, giải tán các đạo binh... Niên hiệu Thống Nguyên thứ 3 (1924) Đăng Dung sai em là Mạc Quyết đánh Trịnh Tuy ở Đầu Nguồn, chiếm vào các quận huyện ở Tây Đô, Trịnh Tuy ốm chết..."

Hàng năm, Khương Hạ có hội vào ngày 12 tháng Hai và 6 tháng Tư và cứ ba năm tổ chức đại hội một lần. Trước ngày 12 tháng Hai tế lễ tại đình Gừng. Sau đó đoàn rước với cờ, tàn, tán lọng, quan viên, chức sắc cùng kiệu bát cống do 24 trai làng thay phiên nhau rước. Đoàn rước đi vòng quanh 5 xóm sau đó dừng ở miếu Ngự tại đầm Hồng làm lễ rồi mang chóe theo thuyền ra giữa đầm Hồng lấy nước về để bài ban mộc dục. Phần

hội có múa rồng, múa sư tử, đánh đu, đánh vật, cờ người, hát chèo...

Vào dịp từ 30 tháng Ba đến 6 tháng Tư có tục thi thổi xôi làm cỗ chay cúng thần, kỷ niệm một tuần trú quân của đại vương. Đặc biệt có tục chạy mã từ cửa đình Gừng xuống cống Cầu Vôi, địa giới của Khương Hạ, Đình Công Thượng và Kim Lũ. Voi, ngựa làm khung bằng tre nứa, trang trí bằng giấy màu, giấy trang kim, có bánh xe kéo, to gần bằng voi ngựa thật. Họ đẩy voi, ngựa cùng đi tiếng chiêng, tiếng trống, tiếng "tù và" dồn dập. Đến Cầu Vôi cách đình khoảng 2 cây số thì hóa cho ông voi, ông ngựa về trời. Tục này có phần giống hội Giáp Mai, xã Tế Thắng, Nông Cống, Thanh Hóa. Ý nghĩa như là muốn tiễn quân của đại vương tạm dời kinh đô về Thanh Hóa để phò vua cứu nước.

Thời kỳ chuẩn bị cho Cách mạng Tháng Tám, Tổng hội sinh viên Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã tổ chức trại thanh niên sinh viên 1943 tại Khương Hạ. Hôm khai mạc tại đình Gừng có trên 400 người tham dự. Bài ca "Bạch Đằng Giang" "Lên đàng" hào hùng được ca vang. Sau đó trong dịp hè sinh viên hướng dẫn bà con chữa bệnh sốt rét, đau mắt hột, xóa nạn mù chữ... Tháng 11 - 1946 cũng tại đình có lễ phát động xóa nạn mù chữ, tổ chức bình dân học vụ. Cụ Nguyễn Văn Tố cùng nhiều vị Trung ương hội cũng về dự.

65 - HỘI DỊCH VỌNG TRUNG

Thờ: Chu Lý đại vương, Triệu Chí Thành đại vương

Địa điểm: Thôn Trung, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy

Thời gian: 15 tháng Giêng và 12 tháng Hai.
Chính hội 12 tháng Hai

Đặc điểm: Đấu vật

Cốm Vòng, gạo tám Mễ Trì
Tương Bần, húng Láng còn gì ngon hơn.

(Ca dao)

Phường Dịch Vọng (Kẻ Vòng) có 3 thôn: Dịch Vọng Tiền, Dịch Vọng Trung, Dịch Vọng Hậu. Dịch Vọng xưa vốn là trạm đổi ngựa của lính trạm nhà vua ở cửa Tây thành Thăng Long trên đường thiên lý đi xứ Đoài (Sơn Tây).

Đình Tháp (Dịch Vọng Trung) thờ Chu Lý vương người quê ở Bái Hương, An Định, Ái Châu (Thanh Hóa). Cha ngài sinh thời giỏi văn học, thông địa lý thường chu du thiên hạ đã lập nhà ở Dịch Vọng Trung sau lấy nàng Ban con ông Nguyễn Phục làm vợ. Nàng Ban có lần ra sông Tô tắm bị giao long quấn, về có mang sinh ra một con trai tướng mạo khác thường. Ông bà đặt tên là Chu Lý. Chu Lý lớn lên có sức khỏe địch nổi trăm người nên vua vời cho về trấn cửa biển. Một năm ở nơi đồn biên dân tình yên ổn, giặc cướp bị tan. Ông xin về

quê, vua cho một trăm lạng vàng để sửa nhà. Một hôm sóng cuộn từ sông Tô dâng lên làm tràn ngập dinh thự Ông hóa, để lại mũ. áo. Dân xã tâu về triều, vua phong làm trung đẳng phúc thần, giao cho dân xóm Tháp, xóm Duệ muôn đời cúng tế. Thần tích trên sao ở đền Hùng năm Tự Đức 25 (1872) và bản sắc phong của vua Khải Định 9 (1924)...

Đình Hà cũng ở Dịch Vọng Trung thờ Triệu Chí Thành. Quê đại vương vốn ở trang Thái Bình, quận Chu Viên, phủ Vĩnh Tường. Nơi ấy có núi Tam Đảo hùng vĩ, sông Lô, sông Hồng bao quanh. Cha ông là Triệu Dương kết hôn với bà Lý Thị Thích. Đêm 18 tháng Hai Nhâm Tuất, bà nằm mơ thấy rắn trắng bò trước mặt nhả bông sen hồng. Bà dơ tay với thì thấy trong người chuyển động. Mang thai một năm, ngày 10 tháng Giêng Quý Hợi, đêm rực ánh sáng, bà sinh ra cậu con trai, mặt mũi khôi ngô, tuấn tú. Họ hàng đặt tên cho là Triệu Chí Thành. Lớn lên được xếp riêng nhà để dùi mài kinh sử, đàn ca, võ nghệ. Khi vua Triệu Quang Phục mang quân đánh Trần Bá Tiên, tướng nhà Lương, Triệu Chí Thành tuyển mộ 3000 quân đi theo lập công, được phong đại nguyên soái. Giặc ngoài đã quét sạch. Vua Triệu về Long Biên còn đại vương dẫn quân về thành Ô Diên (nay ở Hạ Mỗ, Đan Phượng). Nơi nào đi qua, dân cũng lập ban thờ dâng hương bái yết. Khi qua thôn Trung, đại vương cho 500 quan tiền lập hành cung. Thưởng công cho ngài, vua ban đất đai, đại vương đứng ở đầu rồng Thạch Bàn tung cờ theo gió bay, cờ trận

rơi xuống đất Vòng. Sau lần kinh lý Ô Diên về, vương hóa tại Dịch Vọng Trung. Dân thôn vào kinh để xin duệ hiệu về lập miếu thờ tự. Vua ban sắc phong: "Đương úy Lương vũ hiển tích tôn thần".

Dịch Vọng Trung tưng bừng trong mùa xuân với các ngày hội: ngày rằm tháng Giêng ở chùa Hà; ngày 12 tháng Hai ở xóm Thọ, xóm Tháp, xóm Hà. Vào những năm phong đăng hòa cốc, thường năm năm một lần có tổ chức đại hội vào ngày 12 tháng Hai. Đoàn kiệu bát cống rước thánh em (từ đình Hà) sang lễ bái vọng. Đoàn rước với các chức sắc, bộ lão, chấp kích, phường bát âm qua đồng Lầm đồng Cầu Vậy, đến Gò Dài thì nghỉ rồi tiếp tục rước vào. Đoạn đường dài 1 cây số. Dân chúng từ làng Trại (Thủ Lệ) làng Cót (Yên Hòa) làng Dáy (Trung Hòa) xem đông nghịn nghịt... Các trò vui diễn ra nhiều hôm: hát chèo, đu dây, đánh vật, chọi gà, cờ tướng, đập nồi niêu... Hấp dẫn nhất là hội vật ngày xuân.

Dân làng còn nhớ các đô vật: cụ Giảng, cụ Sửu (thônTiền) cụ Trường, cụ Lác (thôn Trung). Sới vật tổ chức ngay bãi cỏ ven đường. Lá cờ ngũ sắc được dựng lên. Ban giám khảo ngồi trên ghế đánh trống, chấm giải. Giải là bánh pháo hay mảnh lụa điều. Mở đầu đô vật đóng khố đỏ, mình trần trùng trục trên chiếu hoa đợi chờ tiếng trống dồn dập. Cánh trai ở lò vật làng khác ngứa chân ngứa tay bèn mặc chiếc khố xanh lao ra phá giải. Người xem rầm rộ vỗ tay. Họ múa "lên đầy" rồi "hạ tấn", rồi lao vào nhau ghì cổ, khóa bụng, bắt chân, lừa miếng... Trời rét mà mồ

hôi lấm tấm, rỏ giọt. Trống thúc. Họ càng vật càng hăng đến khi đối thủ bị ngửa lưng lấm bụng là tha. Tranh giải nhất, giải nhì, giải ba.

Cụm di tích đình, chùa thôn Trung đã được trùng tu. Đình Hà cạnh chùa Hà bị giặc phá 1947 năm 2000 đã được trùng tu lớn. Đình rộng 5 gian mang dáng đình Thổ Hà, Việt Yên (Bắc Giang). UBND phường và nhân dân đã bỏ nhiều công sức tiền của để tôn tạo. Dự lễ hội Dịch Vọng Trung và chiêm ngưỡng chùa Hà, khách nhớ tới vần thơ:

Linh thiêng truyền tụng đất Hà thành
Quang cảnh chùa Hà đẹp bức tranh
Chuông vọng thinh không lồng tiếng kệ
Sen đưa mặt nước quyện hương lành.

Đình, chùa Dịch Vọng Trung cũng là di tích cách mạng. Các đồng chí Nguyễn Khang (Ủy viên thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ), Nguyễn Quyết (Bí thư Thành ủy Hà Nội), Trần Quang Huy (phụ trách công vận Xứ ủy)... thường đi lại ăn, ở hội họp ở một số gia đình. Tháng 6 - 1945, Thành ủy tổ chức lớp huấn luyện cho cán bộ thanh niên xung phong thành Hoàng Diệu với danh nghĩa Hướng đạo sinh cắm trại ở cánh đồng chùa Hà. Ngày 15 - 8 - 1945, Bí thư thành ủy Nguyễn Quyết trụ trì cuộc họp cán bộ vũ trang và tuyên truyền của thành phố ở đình, chùa Hà. Đêm 16 và 17 - 8 - 1945 Thành ủy họp mở rộng tại nhà bà Hai Nhã (thôn Tiền) bàn chủ trương giành chính quyền quyết định khởi nghĩa 19 - 8 - 1945.

66 - HỘI LÀNG CÓT

Thờ: Các thần cao Sơn, Diêm La, Mộc Tinh; 2 vị bản thổ (hoàng cung Trịnh Thục phu nhân, Tràng Hán anh linh Đại tướng quân)

Địa điểm: Đình Cót, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy

Thời gian: Từ ngày 12 tháng Hai - 15 tháng Hai

Đặc điểm: Rước lớn 7 kiệu

Làng Cót nằm ngay bên bờ sông Tô. Qua đền Thủ Lệ (Voi Phục) đến ngã tư Cầu Giấy rẽ trái theo hướng sông Tô khoảng 1km thì rẽ phải lên cầu qua sông là đến Cót (năm 1997 thuộc phường Yên Hòa - quận Cầu Giấy).

Có một lần (không biết thời nào), vua du ngoạn ngoại thành. Bên hữu ngạn sông Tô nông dân ở, bên kia quan ở. Vua đi đến đâu, dân bài trí để bái vọng, bên quan có bức hoành bốn chữ "*Thượng phụ thiên mệnh*", bên nông dân viết "*Hạ an quyết dân*" (trong sách Hán Nôm là an lãng); (vì gia nô cũng muốn đối chữ "Hạ" với chữ "Thượng" ở bên quan). Chữ được viết trên tấm cót, cứ treo đầu làng, bên bến sông Tô mãi. Vì thế người đời sau quen gọi là bến Cót, làng Cót (chứ không phải có nghề làm cót). Trước thời Pháp thuộc, bến Cót là bến đò lớn trung tâm của cả một vùng, có thể đi đò dọc ngược sông Tô vào sông Kim Ngưu, sông Hồng, sông Thiên Phù, đi khắp miền Bắc; hoặc xuôi sông Tô, sang sông Nhuệ vào sông Đáy ra hạ lưu sông Hồng khắp vùng Hà - Nam - Ninh và vào được cả Thanh Hóa, Nghệ An.

Hạ An Quyết trước thuộc tổng Dịch Vọng, huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông.

Nghề làm giấy hiện nay ở làng Cót [1] là do người từ làng Bưởi xuống (Trích Sài) sinh cơ lập nghiệp, lập thành xã An Hòa (Giấy ở Yên Hòa không phải dùng để viết mà để gói hàng và làm những việc khác, thời Lý vùng này gọi là ngõ Chỉ Tác).

Để nhớ vị thần thành hoàng của làng cũ, các cụ xưa đã xây dựng ngôi miếu chợ để thờ vọng. Vị thần đó là Cao Sơn, bộ tướng của thánh Tản Viên. Ngọc phả đình Cót viết: "Đệ nhất Đông phương chính miếu, nhất vị tôn thần đệ nhất thành hoàng Nam phượng hoàng đế Thánh tổ Cao Sơn hiển ứng đại vương thượng đẳng tối linh thần", theo đúng sắc phong của đình Kim Liên.

Theo các cụ truyền lại: có một năm làng bị bệnh dịch tả, người chết nhiều, dân làng lập đàn cầu lễ *Diêm la minh vương*. Sau làng khỏi bệnh dịch, cho là linh thiêng, tôn sùng mới xây miếu cả để lễ bái thường xuyên.

Sau khi xây dựng Nam Phương miếu một thời gian, đức bà đệ tam bản thổ người dòng họ Doãn hiển thần, (Mộ thiên táng ngay gần miếu Nam Phương nên miếu này còn có tên gọi là miếu Cả (Ngôi mộ của bà nay còn ở gần miếu, dân làng xưa nay vẫn gọi là Mả vua).

Cũng theo truyền thuyết: ở chỗ giếng chùa trên ngọn

---

(1) Theo Bùi Thiết trong "*Làng xã ngoại thành Hà Nội*" thì đây là ông tổ nghề làm giấy đầu tiên.

cây gạo thường có một con hạc trắng đậu. Một thời gian sau không thấy hạc đến đậu nữa, cây gạo chết, dân làng chặt đi, đánh gốc đào sâu lại. Dưới gốc nước không lúc nào cạn. Làng bàn làm giếng, phát hiện một cây gỗ rất lớn ở dưới đất. Nhiều lần, làng thấy linh ứng một vài điều, nên dâng sớ lên vua. Vua phong sắc cho làm Mộc Đức Tinh quang đại vương và lập miếu thờ.

Một người làng dòng họ Nguyễn Phúc, sức khỏe phi thường có công chiếm đất cho làng Cót; và là người chỉ huy dân binh; sau này khi mất, hiển linh nên được vua phong sắc. Mộ người được thiên táng, nay vẫn còn ở gò Quan Tiên gần miếu chùa (sau này được phối thờ ở đó).

Đình Cót hiện nay còn có một số đồ thờ quý, nhất là cỗ kiệu sắc và 3 bức hoành phi. Theo truyền thuyết cỗ kiệu đó gọi là kiệu giá cỗ. Trong một dịp Thăng Long thất thủ, người làng Noi (xã Cổ Nhuế) lấy được cỗ kiệu bát cống vua thường ngự, còn làng Cót lấy được cỗ kiệu giá cỗ. Nên vùng Cót vẫn có câu: "Chớ cho Cót coi, chớ cho Noi thấy. Noi thấy Noi cũng lấy, Cót thấy Cót cũng chẳng tha". (Thực ra vì dân tôn kính vua nên coi đó là báu vật đã bị lưu lạc, đem về thờ tại đình làng mình).

Các cụ kể rằng đình hiện nay là do một cụ người làng Trích Sài là học trò thầy địa Lý Tả Ao và cũng là học trò chữ Hán của cụ đốc học Hoàng Thời Bình ở làng Cót, thấy có nơi đất hẹp nên xin chuyển đình về đây. Làng ngày một giàu sang, nhiều người làm quan to, người đời vẫn truyền tụng: "Lúa Giàn, quan Cót".

Bởi những lý do trên, đình Cót khác với mọi đình: không làm nơi thờ chính của 5 vị thành hoàng mà chỉ thờ vọng. Hàng năm từ ngày 12 tháng Hai - 15 tháng Hai là ngày hội làng. Tối ngày 11, các cụ quan viên và thủ từ đến các miếu làm lễ thỉnh (mời). Chỉ những năm mở hội lớn làng mới tổ chức rước thánh từ 3 miếu về đình. Rồi ngày 15 rước thánh về các miếu gọi là rước giã. Ngày 16 tháng Ba về dự hội làng đình Kim Liên (vì có mối quan hệ cùng thờ thần Cao Sơn).

Nói đến hội Cót thì không thể không nhắc đến đám rước: rước 7 kiệu (5 long ngai bài vị, một kiệu sắc - kiệu phù hương, một kiệu chum nước), một hương án. Gồm 120 trai kiệu tuổi từ 12 - 15 (trong đó có 16 nữ); 130 người cầm cờ, quạt, tàn, tán, lỗ bộ, chùy đồng bát bửu; 24 nhạc công; 26 người chuyên lo giữ đội hình rước.

Trong những ngày mở hội, đều tổ chức hát ả đào, từ tối cáo yết (tức là tối ngày 11 tháng Hai) ở trước hương án cho đến khi giã hội; ngoài sân đình có diễn tuồng, chèo và thi chọi gà. Chọi gà ở đây rất có uy tín, nhiều người sành chơi đem gà hay tới, có đôi chọi cả ngày không phân thắng bại.

Người dân làng Cót và vùng ven sông Tô quanh năm làm ăn vất vả, mong có ngày hội để thư giãn hòa mình trong niềm tôn kính tổ tiên, hân hoan trong dòng rước hội làng.

67 - HỘI ĐÌNH AN PHÚ

Thờ: Thần Nguyễn Bông và ngài Trần Toàn
Địa điểm: An Phú, quận Cầu Giấy
Thời gian: 13 tháng Hai
Đặc điểm: Rước thánh, đánh đu, chọi gà, cờ tướng, leo cần noi

Đình An Phú ngày xưa gọi là "Vạn Long An Phú", là đình chung của hai làng An Phú và Vạn Long (Làng Dâu), nay thuộc phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, cách trung tâm Hà Nội 7km. Đình được xây dựng trên một khu đất rộng, trước mặt có hồ sen. Thời kháng chiến lần thứ nhất đình đã bị cháy, mới được trùng tu lại năm 1996.

Thần tích kể rằng: Vào năm Ất Mão, 1063, nước nhà thịnh trị, thời tiết mưa thuận gió hòa, vua Lý Thánh Tông lúc ấy, đã 40 tuổi, mà chưa có con nối dõi, bèn sai các quan đi nhiều đền chùa cầu tự, vẫn chưa ứng nghiệm. Một lần, nhà vua đi thăm một ngôi chùa ở vùng Kinh Bắc, qua một làng vùng Gia Lâm. Thấy đoàn hộ tống nhà vua, tàn vàng, lọng tía, uy nghi tề chỉnh, các quan địa phương và dân làng nô nức ra nghênh đón. Lúc ấy, có một cô gái đang hái dâu, khi kiệu vua đi qua, chỉ đứng tựa vào gốc lan phía xa để nhìn. Thấy lạ, nhà vua cho vời đến, hỏi han. Thấy cô gái đối đáp trôi chảy, tư chất thông minh, am hiểu thời thế, lại có sắc đẹp dịu dàng thùy mị, vua liền rước về cung phong làm nguyên phi và đặt tên là Ỷ Lan.

(Vì lúc vua gặp, cô đang tựa gốc lan).

Thời ấy nghe nói chùa Thánh Chúa, vùng Dịch Vọng, là ngôi chùa rất thiêng, lại là nơi có phong cảnh đẹp, nhà vua liền sai quan tri hậu nội thần Nguyễn Bông hộ giá nguyên phi Ỷ Lan đến vãn cảnh và cầu tự, quả nhiên ứng nghiệm, đến tháng tư năm Ất Tỵ, nguyên phi Ỷ Lan có thai, và vào giờ hợi, 25 tháng Giêng, năm Dần nguyên phi sinh hoàng tử Càn Đức (người sau này là vua Lý Nhân Tông). Vua Lý Thánh Tông vô cùng mừng vui, liền sai quan tri hậu đem tiền vàng lễ vật vào chùa Thánh Chúa để tạ ơn. Trên đường về, đến xứ Mả Giang thì ngài hóa.

Vua nhớ công lao, truy tặng cho chức đại vương, và lệnh cho dân địa phương, sau này là làng An Phú và làng Dâu, thờ làm thành hoàng. Từ đấy đến nay, cứ đến ngày 13 tháng Hai, dân làng lại tổ chức cúng lễ. Và tục lệ làng này, có thời không đắp chăn bông, không mặc áo bông, vì kiêng tên húy của thần. Ngoài ra, ngày xưa vào mùa xuân, làng còn có lệ hát trống quân.

Ngoài thờ thần Nguyễn Bông, làng còn thờ ngài Trần Toàn, ông tổ nghề nấu kẹo mạch nha. Giòng họ Trần của làng, vốn quê gốc ở Thanh Hóa, do có công lao "phù Lê diệt Mạc" nên được cấp đất lập trại ở làng. Giòng họ này về sau có ông Trần Toàn, thi đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1700), làm quan đến chức triều liệt đại phu, đã đem nghề nấu kẹo mạch nha dạy cho dâng làng. Từ đấy, làng nổi tiếng với nghề kẹo mạch nha, mà cho đến nay vẫn còn lưu lại trong câu ca dao:

"Vạn Long dệt vải kéo hoa
An Phú nấu kẹo mạch nha ngọt lừ"

Làng còn có ông Nguyễn Nhật Tráng, vốn là quan văn thời Lê, ông người làng Cót, thôn Yên Quyết, xã Yên Hòa, Từ Liêm. Vì thuộc giòng dõi quan lại cao cấp nên hồi chiến tranh Lê Mạc, gia sản bị nhà Mạc phá sạch, ông phải lên ngụ cư ở làng An Phú. Sau khi nhà Lê giải phóng được thành Thăng Long, năm Ất Mùi 1593, triều đình mở khoa thi hội, ông đã đỗ tiến sĩ, làm quan tới chức đại khoa cấp sự trung.

Theo truyền thuyết thì nhà vua cử ông về công cán tại vùng Kính Chủ, nay là xã Trung Hòa, Từ Liêm, khi về đến cầu Trung Kính trên sông Tô Lịch, thì ông bị tàn quân nhà Mạc bắt giữ, ông không chịu khuất phục, và đã tự hóa.

Khi ông mất, vua Lê và chúa Trịnh được tin, đã truy tặng ông là: "Kiệt Tiết công thần", tước đại vương, và cho dân làng Trung Kính lập đền thờ, vì lúc sinh thời, ông đã cư ngụ ở làng An Phú, nên hai làng Trung Kính và An Phú có tục rước giao hảo, vào ngày hội của Làng.

Trải thời gian, đình bị cháy thời kháng Pháp nên hiện vật trong đình chỉ còn lại: hoành phi - câu đối, bát bửu - tàn lọng và kiệu bát cống. Nhân dân địa phương đang khắc phục dần để đình là nơi giao lưu văn hóa và tín ngưỡng của mọi người.

Vào ngày hội xưa, ngày 13 tháng Hai tế thần Nguyễn Bông, cũng là ngày rước thần Nguyễn Nhật Tráng lên

đình An Phú.

Rước giao hảo là rước ngài từ nơi được phong thần, lên nơi ngài ở, để thần về dự hội và thăm lại quê xưa. Hôm sau lại rước ngài về đình Trung Kính.

Rước giao hảo ngày xưa không quy định thời gian. Hội đình An Phú thì năm nào cũng cúng lễ, nhưng rước giao hảo thì chỉ những năm được mùa mới tổ chức, có sự trù bị trước của hai làng.

Vào ngày hội, từ sáng sớm, các cụ phụ lão đã tề tựu trong đình. Rồi tiếng trống nổi lên thôi thúc. Mở đầu, các đoàn thể, giòng họ, tấp nập dâng hương hoa lễ vật. Lễ tế thần được diễn ra rất trang nghiêm thành kính. Tế xong, ban nào đội ấy tấp nập chuẩn bị rước thần.

Đi đầu đoàn rước là cờ ngũ sắc, ngũ hành, tiếp đến là đoàn bát âm gồm: trống cái, trống khẩu, trống bản và đội nhạc dân tộc, tiếp đến là đoàn rước long đình và bát bửu, rồi đến long đao, tàn, lọng.

Kiệu bát cống, trên có long ngai, do 8 trai làng khiêng, với trang phục: khăn nhiễu, áo vóc đỏ, quần nâu, thắt lưng xanh, bước đi theo nhịp trống. Rồi đến các cụ ông mặc đồ tế phục, đoàn các cụ bà, đoàn dâng hương. Rồi các đoàn thanh niên thanh nữ cùng dân làng và khách thập phương, phấn khởi tươi vui trong không khí tưng bừng của lễ hội.

Đoàn rước đi từ đình, dọc theo đường làng, ra khu Mả Giang là nơi ngài hóa trên cánh đồng làng Dâu, Nghĩa Đô ngày xưa. Trên đường đi, hai bên đường nhân dân bày

hoa quả lễ vật thắp hương bái vọng.

Đám rước đi đến đâu, tiếng trống, tiếng chiêng, tiếng nhạc nổi lên vang dội, tiếng nam mô của các vãi bà, tiếng nói, tiếng cười, tạo nên một hòa thanh thật rộn ràng náo nức. Rước đến nơi, làm lễ xong, lại rước thần về đình.

Vào ngày hội, khu vực sân đình, quanh hồ, và các bãi rộng trong làng, nhân dân nô nức tham gia và xem nhiều trò vui khác, chỗ này đánh đu, chỗ kia chọi gà, chỗ khác lại cờ tướng, ai không muốn xem thì vào chùa thắp hương lễ phật, đặc biệt hội làng còn có trò chơi "đi cầu noi".

Giữa mặt hồ thoáng rộng, 3 cây tre dài được cắm xuống nước tạo hình chóp nón. Một đoạn thừng săn chắc được buộc từ đỉnh buông xuống gần mặt nước, đầu thừng được buộc vào ngọn một cây tre nhỏ đã róc nhẵn, có độ dẻo và dài, được bắc từ trong bờ ra như một cái cầu đu đưa, giải được treo ở phía trên đủ tầm tay với. Người chơi trò này phải leo từ bờ ra, cầu nhỏ không vừa một bàn chân, nên người đi trên cầu phải thật khéo, sao cho giữ được thăng bằng, nếu không, chỉ đi vài bước, là đã chệnh choạng ngã nhào xuống nước. Mỗi khi có ai bị ngã, là quanh bờ lại rộ lên tiếng reo hò vang dậy, ai leo đến nơi, với được giải là lĩnh thưởng.

Buổi tối đêm hội, ngày xưa thường có hát nhà trò và hát chèo.

Rước giao hảo, rước thần Nguyễn Nhật Tráng nghi thức cũng giống như rước hội làng, vì 3 làng cùng tham gia, chỉ khác là, đoàn rước bắt đầu từ đình Trung Kính,

men theo bờ sông Tô Lịch. đến miếu Quán Đôi thuộc làng Dịch Vọng, nơi thờ bà nhũ mẫu của vua Lý Phật Tử (571) và con. Tương truyền, hai người bị giặc nhà Lương truy đuổi, và đã hóa ở đây.

Đoàn rước dừng lại thắp hương, rồi rước thần về đình An Phú.

Rước xong, hai bên giao lưu thân mật. Trao đổi về đời sống, mùa màng, thật đầm ấm và thắm tình kết nghĩa. Đến tối, đoàn rước của làng Trung Kính ra về. Sáng hôm sau, lên đón, làng An Phú lại rước thần về Trung Kính trong sự hân hoan hồ hởi của dân địa phương.

Những ngày hội giao hảo như thế càng làm cho tình đoàn kết giữa hai nơi thêm gắn bó, cùng giúp nhau xây dựng cuộc sống bình yên.

Hội rước thánh đi và về ngày xưa vui lắm. Suốt dải ven sông Tô Lịch dài tới 3km. Nhìn từ xa, thấy khói hương nghi ngút, thấy cờ thần ngũ sắc tung bay, thấy tàn vàng lọng tía uy nghi rực rỡ, người rước, người xem đông chật, đám rước kéo dài như một con rồng ngũ sắc, giữa cảnh mùa xuân có cây hoa lá đâm chồi nảy lộc, đẹp đến lạ lùng.

Giờ đây, cứ mỗi độ xuán về, dân hai làng An Phú và làng Dâu (làng Vạn Long xưa) lại náo nức tưng bừng mở hội. Đây là một nét đẹp mang truyền thống văn hóa dân tộc đã có từ lâu đời, mặc dầu nay nhà cao tầng đã mọc lên san sát, đi trong làng thấy trập trùng như thành phố, nhưng người dân vẫn trân trọng giữ gìn những gì cha ông để lại, như một mạch nước, nối từ xa xưa tới hôm nay.

68 - HỘI LÀNG HỒ KHẨU

Thờ: - Dực thánh đại vương (Cống Lễ)
- Vệ quốc đại vương (Cá Lễ)

Địa điểm: Phường Bưởi, quận Tây Hồ

Thời gian: - 13 tháng Hai hội chính. Sinh nhật 2 Thánh
- 15 tháng Tư lễ cầu mát

Đặc điểm: Các cuộc thi tài

Làng Hồ Khẩu hiện nay thuộc phường Bưởi. quận Tây Hồ - Hà Nội. Tên Hồ Khẩu được đặt ra từ rất xa xưa.

Trong Linh Nam chích quái, mục Ngư tinh truyện đã nói tới việc hình thành làng và tên Hồ Khẩu. Trải qua các triều đại. đến nay vẫn giữ tên ấy.

Thời Lê, phường Hồ Khẩu thuộc huyện Quảng Đức: đầu thời Nguyễn, phường Hồ Khẩu thuộc huyện Vĩnh Thuận; cuối thời Nguyễn, phường Hồ Khẩu thuộc huyện Hoàn Long.

So với các làng hợp thành phường Bưởi thì Hồ Khẩu có nhiều đình, đền, chùa hơn cả (1 đình, 2 chùa, 3 đền) nên các nghi thức về lễ hội và diễn trường khác hơn, thời gian tổ chức lễ hội dài hơn các làng khác.

Hàng năm có hai lần tổ chức lễ hội là:

Ngày 13 tháng Hai: Ngày sinh của hai vị thành hoàng.

Ngày 15 tháng Tư: Ngày lễ cầu mát của cả làng.

***

Hội mừng ngày sinh các thánh

Thần tích Hồ Khẩu chép rằng:

"Thời Hùng vương thứ 18 ở Diên Thành động, cháu Bố Chính có vị Quốc công họ Lê, vì hiếm con nên đã xin tự mình đi chọn nơi cư trú. Đến Hồ Khẩu, thấy là nơi cát địa, ông ở lại, lấy vợ là bà Thục nương làm kế thất. Hai vợ chồng đến cầu mộng ở đền Đông Hải vương thì được thần báo mộng cho hay sẽ cho rồng xuống đầu thai làm con để giúp nước yên dân. Bà Thục nương khi sinh con, cả căn phòng có hương thơm, ánh sáng, khai hoa được hai trẻ trai, tướng mạo khác người. Ông mừng lắm, đặt tên anh là Cống Lễ, em là Cá Lễ. Hai người lớn lên theo học văn võ toàn tài, vua Hùng tuyển chọn làm quan thị tòng. Khi Hùng vương gả con gái là Mỵ nương cho Tản Viên sơn thánh, lại có ý nhường ngôi cho con rể; vua Thục bất bình đem quân đánh. Hai lần vua Thục tiến binh đều bị Tản Viên sơn thánh cùng các tướng đánh tan. Khi khải hoàn, thuyền của hai ông về đến sông Tô Lịch thì trời nổi mây đen, sóng sông cuồn cuộn, có một đạo ánh sáng đỏ từ trên cao chiếu thẳng tới thuyền, hai ông bèn mũ áo chỉnh tề, hướng về cung lạy tạ rồi theo ánh sáng bay lên trời mà hóa.

Quân về tâu lại, vua Hùng thương tiếc ban cho dân làng thờ làm Phúc thần. Đời Lý, hai vị đã yểm trợ quân Đại Việt đánh thắng quân Chiêm. Đời Trần, hai ông lại yểm trợ Trần Hưng Đạo đánh giặc ở sông Bạch Đằng. Đến thời Lê (niên hiệu Vĩnh Thọ) lại yểm trợ việc trị thủy đê Yên Phụ được bền vững.

Các đời vua đều có sắc phong tặng là

LINH ỨNG PHỤ QUỐC TẾ THẾ HIỂN ỨNG UY LINH DỰC THÁNH ĐẠI VƯƠNG

LINH ỨNG PHỤ QUỐC TẾ THẾ HIỂN ỨNG UY LINH VỆ QUỐC ĐẠI VƯƠNG.

Làng Hồ Khẩu thờ ông Cống Lễ - Dực Thánh đại vương ở đền Dực Thánh, thờ ông Cá Lễ - Vệ Quốc đại vương ở đền Vệ Quốc.

Hàng năm đến ngày 13 tháng Hai thì làm lễ hội, có tế rước và múa hát. Ngày này được coi là ngày lễ chính.

Trước lễ khoảng 10 ngày, người thủ tế (cai đám) chọn trong tư văn những người có học vị, đức hạnh tham gia tế thánh; chọn trong đám trai gái của làng những người từ 18 tuổi trở lên khỏe mạnh, chưa có gia đình làm các việc rước kiệu thần và long đình. Những người được chọn phải trai giới, tập luyện các động tác đi đứng cho ăn nhập với tiếng nhạc. Để chỉ huy tốt, còn phân ra các giáp, mỗi giáp có một người đứng đầu, gọi là đại tế chủng. Phường bát âm được huy động có 1 trống cái, 4 trống bản, 1 trống khẩu, 1 thanh la, hai đoạn sênh tiền, đàn, sáo, nhị, hồ.

Trước ngày lễ, làm lễ mộc dục, cử người chay tịnh ra bao sái đồ thờ, dùng xôi gà làm lễ cáo yết.

Đêm 12 tháng Hai, tại cả hai đền đều có múa hát theo "hèm" của thánh: đền Dực Thánh có hát ca trù, đền Vệ Quốc có múa bơi chải (múa trên cạn). Tích múa bơi chải là do Vệ Quốc thương nhớ vợ là Thủy công chúa mất sớm, nên diễn tích này.

Khi múa bơi cạn thường có 36 thanh niên tham gia, gọi là giai bơi. Những người này phải ăn chay từ tháng trước. Họ chia thành hai nhóm để thay nhau bơi. Các giai bơi mặc áo the, quần chúc bâu, đội khăn xếp, đi giầy chi long, thắt lưng đỏ bỏ giọt. Mỗi người đều đeo trước ngực một cái chàng mạng kết bằng các loại hoa: hoa bưởi, hoa hồng... Ông cai bơi thì đeo chàng mạng kết bằng kim tuyến óng ánh. Có 4 cụ chuyên đánh trống (2 người) đánh linh (1 người) gõ xinh (1 người) khi vào lễ, nhóm giai bơi chia hai hàng: mỗi hàng có 8 người cầm bơi chèo. Bơi chèo được chạm trổ, sơn thếp. Cụ cai bơi đứng giữa hai hàng, gõ nhịp để hai hàng giai bơi làm động tác bơi và hát. Bài hát theo thể lục bát, nội dung ca ngợi công đức của thần. Trong lúc diễn múa, trống đánh thong thả theo nhịp, giai bơi lúc khua mái chèo lên cao, lúc chèo thuyền theo lệnh. Bao giờ các giai bơi cũng ở tư thế chân quỳ - chân đứng, động tác khỏe, nhưng mềm mại và uyển chuyển. Khi bơi hết một lượt, 18 người xếp thành hàng dọc sau đó đi diễu. Các nhạc công đi theo, sau một hồi chiêng trống, các giai bơi tập hợp thành hàng, hết hồi thứ hai thì đồng thanh hét lên "Hê" và hết hồi thứ ba họ đứng lên, nhường chỗ cho tốp hai vào múa.

Sau khi bơi xong, cả hai tốp dàn thành hàng 4 chuẩn bị cho đám rước. Khi lễ xong, đám rước cử hành từ đền Vệ Quốc sang đền Dực Thánh, những giai bơi vẫn vừa đi vừa múa cho đến đền Dực Thánh thì thôi.

Tại đền Dực Thánh có hát nhà tơ (ca trù). Người hát

phải đứng. người chơi nhạc thì được ngồi. Ăn mặc của ca sĩ như tranh tố nữ - Đám rước thánh em sang đền thánh anh. làm lễ phụng mệnh. sau đó thì rước cả hai vị ra đình để suốt một đêm tế tại đình gọi là "tế cả": tế mời các vị thánh về dự từ đêm 12 đến sáng 16 tháng Hai. Đám rước thường cử hành vào ban đêm quãng 23 đến 24 giờ. Thông thường sau đám rước hay có mưa. dân cho đó là điềm lành.

Nghi thức tế lễ:

Chủ tế xướng lên: Nghinh tế Chiêng trống tạm dừng.
Chủ tế lễ 4 lễ: Đàn sáo. trống chiêng nổi lên.
Hai quan Đông xướng. Tây xướng lên vị trí.
Quan viên tế ra đứng theo hàng ở hai bên.
Lần lượt: Tế phù lưu (dâng trầu nước) 3 tuần.
Tế tửu (dâng rượu) 3 tuần.
Đọc văn.
Nổi chiêng trống. đốt pháo mừng.
Hóa văn.
Kết thúc. lễ 4 lễ.
Các ngày 14 và 15 tháng Hai ở đền Dực Thánh tiếp tục hát nhà tơ. dân đứng ngoài xem. ai có lễ bưng vào mới được các quan viên cho ngồi nghe cùng dự.

Tại đình. kiệu và bài vị của hai vị thánh vẫn để ở đó để dân làng làm lễ. Đêm 15 tháng Hai là rể làng và dân ngụ cư làm lễ xin nhập bạ. Sáng ngày 16 tháng Hai thì tế rã. Cũng trong đêm 15 làng giết bò để chia theo xuất đinh. sau tuần tế rã. rước các thánh về đền cũ.

Ngày sinh của hai vị thánh nghi lễ tiến hành trọng

thể hơn ngày hóa (2 tháng Bẩy) vào ngày hóa, làng chỉ làm lễ bình thường, cúng xôi thịt.

Lễ cầu mát

Hàng năm vào ngày rằm tháng Tư, làng làm lễ cầu mát (kỳ yên). Ý nghĩa tín ngưỡng là cầu cho dân làng được bình an, có phúc, tránh được dịch bệnh, vì lẽ khi vào tiết cuối xuân thường có dịch khí chuyển mùa, hay sinh bệnh, tục xưa tin có quỷ thần nên cầu xin, cúng cấp để được yên lành.

Tuy ý nghĩa tín ngưỡng là như vậy, nhưng hội cầu mát lại quy tụ hàng loạt các hình thức sinh hoạt văn hóa rất đa dạng của cả cộng đồng lưu truyền qua các thời đại, đặc biệt trong dịp lễ cầu mát, việc đốt vàng mã nhiều hơn các lễ khác.

Lễ cầu mát không do cai đám mà do hội hàng nam lo, Hội hàng nam (HHN) bầu ra người trưởng, người này điều khiển quá trình hành lễ. Để có kinh phí, HHN quyên góp các giáp các họ, tùy theo số tiền thu được mà tổ chức. Thường lễ kéo dài từ 5 - 7 ngày đêm.

Chiều ngày 14 tháng Tư: Rước hai vị Dực Thánh và Vệ Quốc ra đình. Kiệu giáp Bắc đi đầu, kiệu giáp Đông đi tiếp và sau rốt là kiệu của Thủy công chúa. Dẫn đầu có cờ tiết mao (2 lá), cờ ngũ phương ngũ sắc (10 lá), trống cái, 4 trống bản, trống khẩu, sênh tiền, chũm chọe, sau mới đến các người vác đồ bát bửu, lộ bộ. Tiếp theo là dàn nhạc cụ dân tộc, nhạc cử bài "Lưu thủy" "ngũ đối". Đi sau nhạc là

các long đình. Mỗi long đình đều có kết hoa, do 4 người khiêng và 4 người đi thay thế. Những ngời rước long đình đều mặc trang trọng áo the, quần chúc bâu trắng, khăn xếp, thắt lưng đỏ bỏ giọt, đi sau long đình là 4 cụ và một người đánh trống khẩu (chỉ huy kiệu), ba kiệu bát cống trên đặt thần vị, áo mũ thờ và các đồ thờ khác như đỉnh nến. Riêng kiệu của Thủy công chúa thường do các cô gái đồng trinh khiêng. Sau cùng mới đến các vị quan viên bô lão mặc áo thụng, hoặc áo bố tử, che lọng. Để giám sát trật tự và tăng vẻ tôn nghiêm có một tốp thanh niên rước rồng đi kiểm sát hai bên, đoàn rước dùng tù và rúc liên hồi để báo tin.

Đưa hai vị Thánh về đình, an vị rồi, ngày 15 làng lại tổ chức rước sang Võng Thị để giao bái (tục xưa Võng Thị và Hồ Khẩu kết chạ.Võng là quan viên anh nên Hồ Khẩu phải rước sang).

Cũng có năm để cho nghi thức được nghiêm trang, trước ngày lễ làng hạ lệnh "thu binh cấm giới", sau đó báo tin xin nước của chùa, rước kiệu thánh đến chùa nghe Phật giảng kinh, rồi mới rước trở về đình. Nơi nào được báo trước là sẽ cấp nước thì phải tổ chức "canh nước", đóng giếng cho đến khi đám rước tới mới mở. Những chóe nước tinh khiết này rước về đình chỉ để dùng vào việc tín ngưỡng (làm nước bao sái, nước cúng).

Đi theo sau kiệu là các vị bô lão, chức sắc trong làng. Ai nấy đều mặc đẹp, người có phẩm hàm thì mặc áo bố tử, che lọng xanh, có người nhà theo hầu. Ngoài ra còn có một

đội rồng múa cạnh đám rước, có tính chất tăng vẻ uy nghi. Để giữ nhịp điệu hành tiến, người chỉ huy dùng tù và rúc liên tục. Những năm làm ăn phát đạt. Hội làng mở to, đám rước thường đi xa. Lên tới chùa Sóc (Xuân La) hoặc xuống đình Thụy Chương (nay là khu vực xí nghiệp Giày vải Thụy Khuê). Người dưới phố, trong nội thành thường lên dự hội, đứng xem chật đường.

Sau cuộc lễ thần và rước, thường có các trò vui chơi.

Đu tiên: Trò đu tiên là trồng cột đu cao hơn 3 mét. Cột làm bằng tre, chắc chắn, giống kiểu cọn nước vùng núi. Mỗi lần có 6 người ngồi lên đu. Họ ngồi trong "cái giành" đan bằng song. Thường là các trai làng hay thi dấu với nhau, nữ ít người chơi trò này.

Thi cây cảnh: Thi cây cảnh không phải là thi những cây quả thật mà là thi những cây quả thủ công mỹ nghệ do từng người khéo tay làm ra. Từ những tháng trước đó, người làm cây đã đi tìm những cây ruối, chọn cây có gốc, có thế đẹp cắt bỏ những chi tiết, rồi dùng giấy bản và sáp quấn bồi thành một cây có hoa có quả như cây na, cây mít, khế. Những cây này không bầy trong chậu mà treo thành dẫy để làng chiêm ngưỡng chấm điểm. Người nội thành lên dự thích mua những cây đẹp. Hồi năm 1934 - 1936 ở Hồ Khẩu có ông Dục nổi tiếng làm cây quả đẹp. Cụ Tuân năm đó cũng làm một cây mít thi được giải, cô Ba Tý đã mua với giá 3 đồng Đông dương (giá trị bằng cả tạ gạo).

Hát chèo, hát tuồng: Ban đêm thường có các gánh hát từ Bắc Ninh, Ninh Bình đến góp vui. Họ là những

người lao động tập hợp thành đoàn, dân làng và diễn viên thường có quan hệ quen biết nhau lâu năm. Gánh chèo thường là những người nông dân đi hát lúc giáp hạt, công xá không tính cao, chủ yếu là ăn no, tiếp đón tử tế. Tích hát có Nhị độ mại, Quan Âm Thị Kính, Suý Vân giả dại. Tuồng cổ có Chinh Đông, Chinh Tây, Phàn Lê Hoa, Tiết Nhân Quý, Mộc Quế Anh...

69 - HỘI LÀNG TRUNG KÍNH

Thờ: Hùng Nộn công (thời Vua Hùng)
Trịnh Thị Ngọc Nghiêu (thời Hậu Lê)

Địa điểm: Thôn Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy

Thời gian: 14 tháng Hai và 2 tháng Sáu.
Chính hội 14 tháng Hai

Đặc điểm: Ca trù, thi thổi cơm, hai đợt khác nhau

Phường Trung Hòa (quận Cầu Giấy) có hai thôn Hòa Mục và Trung Kính. Trung Kính xưa có Trung Kính Thượng, Trung Kính Hạ, dân gian quen gọi "Kẻ Giàn" qua câu phương ngôn "Đất Giàn quan Mọc". Tên Nôm cổ của làng là Kính Chủ [1], đời vua Hùng ban cho là Hộ Nhi Hương, chữ là Trung Kính. Cuốn ngọc phả

(1) Có cụ nói là Cảnh Chủ.

lưu ở đình cho biết vào đời Hùng Duệ vương thứ 18 có người dòng dõi nhà vua tên là Hùng Nộn, cha là Hùng Độ và mẹ là Mạc Thị Viên. Hùng Độ làm chủ trưởng ở Châu vốn người khoan hòa nhân hậu. Khi cha mất, vua cho con trai cả là Hùng Nộn nối nghiệp. Nhân trong nước có giặc phía Tây xâm lăng. Hùn Nộn đem quân tới Kính Chủ phòng bị. Ngày 12 tháng Sáu nhân dân địa phương đón tiếp nồng nhiệt. Trong làng có người con gái văn võ kiêm toàn là Nguyễn Thị Cẩn, còn gọi là Cẩn nương, con gái ông Nguyễn Đức Ngôn và bà Vương Thị Quốc. Dân làng làm mối, hai bên ưng thuận. Hùng Nộn cưới Cẩn nương làm vợ. Giặc từ phương Bắc kéo tới Lạng Sơn, Hùng Duệ vương sai phò mã Tản Viên cùng Hùng Nộn đi cản quân thù. Cẩn nương mang 142 người tòng quân chinh chiến. Chỉ một trận, giặc tan tành. Thắng trận về, Hùng Duệ vương phong Hùng Nộn là Bảo Quốc hầu lập dinh ở đất Kính Chủ. Làng Kính Chủ có tên mới là Hộ Nhi Nương để ghi nhận công lao của dân làng với đất nước. Mấy năm sau, quân giặc lại sang, Tản Viên và Hùng Nộn lại mang quân đi đánh, thu được ấn tín của tướng giặc. Thắng trận trở về, Hùng Nộn được phong tước Bảo Quốc công. Hai vợ chồng về làng xây dinh ngoài đồng. Nhưng đột nhiên ngày 12 tháng Mười, Hùng Nộn mất. Cẩn nương sau khi mai táng chồng bèn cắt tóc đi tu ở chùa Diên Phúc cũng ở làng. Vua Hùng ban sắc phong làm thành hoàng, sai dân lập đền thờ gọi là Tối Linh từ. Về sau dân chúng xây đình cùng thờ trong hậu cụng, bên cạnh việc thờ bà chúa Trịnh Ngọc Nghiêu. Tấm bia ở đình niên hiệu Tự Đức (1854) và

bia Hậu thần năm Vĩnh Trị (1676) ghi:

... Vợ vị Đặc Tiến phụ quốc thượng tướng quân là Thiên Nghĩa công chúa phu nhân: Trịnh Thị Ngọc Nghiêu đức sáng tiếng nhân, thiện tâm rộng cửa Bồ Đề, ơn phụng sự xóm thôn ban cổ tiền và 5 mẫu ruộng để tăng lương thực cho dân, thôn giáp tôn sùng kính trọng, thờ chánh phu nhân làm hậu thần cùng vị Quốc Vương đại thần là vị thành hoàng bản thổ...

Hội làng Trung Kính một năm tổ chức hai kỳ: 14 tháng Hai và 2 tháng Sáu. Để chuẩn bị cho hội mùa xuân mỗi giáp phải nuôi một con lợn giống đen tuyền. Vì thánh ghét màu trắng. Lợn nuôi trong một năm khoảng trên dưới 1 tạ. Đến ngày 2 tháng Chín, ngày ngài khao quân, mỗi giáp thịt thêm một con trâu hay một con bò. Luân phiên vào dịp 11 tháng Hai năm nay thôn Thượng rước hòm sắc, bài vị xuống thôn Hạ. Sang năm thôn Hạ lại rước lên thôn Thượng. Kiệu rước sắc só 8 trai làng thay phiên nhau khênh. Vào năm đại hội (5 năm 1 lần) thì rước kiệu bát cống, song loan, rước thánh ông, thánh bà với 32 người thay phiên nhau. Bên cạnh tục kết chạ, làng Thượng làng Hạ còn tục kết chạ với làng An Phú (Nghĩa Đô). Ngày 13 tháng Hai rước long đình có bày bát hương, mâm ngũ quả tới đình An Phú. Tục giao hảo này theo các cụ cao tuổi cho biết: Đại vương Nguyễn Nhật Tráng đời Lê Trung Hưng có dinh thự ở An Phú. Ông mất trong lần đi công cán ở Trung Kính bên bờ sông Tô. Cháu nội là tiến sĩ Nguyễn Vinh Thịnh (1659) sau có tổ chức đoàn rước bài vị

ở miếu thờ từ Trung Kính đi An Phú. sau lại rước về...

Hội Trung Kính tưng bừng với các trò vui: Hát ca trù Phú Đô (Mễ Trì). vật. bắt vịt trên ao. thi thổi cơm. đi cầu treo. tổ tôm điếm...nổi bật có lẽ là hai đợt chấm thi thổi cơm. Đợt 1. bốn giáp (cả. Nhất. Nhì. Ba) thi nấu cơm dâng khám thờ. Gạo tám thơm xay. giã. dần. sàng cho trắng muốt không lẫn một hạt tấm. Nước lấy từ giếng đất ở xóm Đồng. Một cân gạo được nấu bằng nồi đất. Nấu xong bốn giáp gánh cỗ lên. Ban giám khảo là các cụ tiên chỉ. lý trưởng. Cơm nấu ở nhà tiêu chuẩn phải thơm ngon. mịn chắc như cơm nắm. róc niêu. không có cháy. niêu không bén lửa. Đợt 2, ở sân đình từng đôi nam nữ thi nấu cơm có mang quang gánh. Nữ đi vòng sân đình. nam cầm đuốc đi theo đun nồi cơm. dứt ba hồi trống ở vòng cuối là cơm phải chín để dự thi.

Cơm các giáp giải nhất được thưởng chân giò. Còn cơm do các đôi nam nữ nấu được thưởng vuông vải điều.

Về dự hội làng Trung Kính. ta nhớ lại một vị tướng của vua Hùng, có công trong việc dựng nước, giữ nước. Phần hội mang những nét đẹp của tập quán cổ truyền của văn hóa Việt Nam. Người dân Kẻ Giàn tự hào về làng quê của mình trong khúc hát ca trù.

Ruộng đồng trải rộng bao la
"Lúa Giàn, quan Mọc" câu ca mãi còn
Gạo tám trên Thượng ngát hương
Xạ hương dưới Hạ tiếng đồn vang xa
Nhất vui xem hội quê nhà
Nồi cơm gạo dự dé hoa Đồng Tràng.

70 - HỘI LÀNG BÁT TRÀNG

Thờ: 5 vị thành hoàng tại đình:
- Hán cao Tổ và Lữ Hậu
- Cai O Minh Chính tự đại vương
- Phan Đại tướng
- Hồ Quốc thần
- Bạch Mã thần

Địa điểm: Đình làng Bát Tràng, xã Bát Tràn, huyện Gia Lâm.

Thời gian: 16 - 22 tháng Hai.

Đặc điểm: Thi sáng tác ca trù để hát thờ

Xã Bát Tràng là một trong 31 xã thuộc huyện Gia Lâm - xã Bát Tràng gồm hai làng: Bát Tràng và Giang Cao. Gia Lâm ban đầu vốn là quận. có tên trong sử sách từ thời Lý (thế kỷ XI): khi thuộc trấn Kinh Bắc (thế kỷ XV) rồi tỉnh Bắc Ninh (cũ - thế kỷ XIX): khi thuộc tỉnh Hưng Yên (cũ - 2-1949). rồi lại thuộc Bắc Ninh (11-1949); sau cùng. từ tháng 5-1961. Gia Lâm là huyện ngoại thành Hà Nội tới ngày nay.

Dân làng Bát Tràng sống chủ yếu bằng nghề thủ công làm gốm. còn lại là buôn bán. dạy học. làm quan. Làng gần sông nước. có bến bãi. nhưng ruộng đất trồng cấy chẳng có là bao. Xưa. làng có khoảng 80 mẫu đất bãi trồng ngô. đậu. Số đất này quân phân cho đinh từ 18 đến 60 tuổi các họ. nhưng cứ ba - bốn năm phải chia lại một

lần, do nước sông xói mòn làm lở bờ. Diện tích toàn xã chỉ có 153 ha, trong đó có 46 ha canh tác. Dân số cả xã là 4.964 người thuộc 1.170 hộ (1989).

Tuy là làng nghề nổi tiếng, Bát Tràng không có thánh sư dạy nghề, mà người dân chỉ thờ thành hoàng tại đình làng. Có tới 5 vị: Hán cao Tổ và Lữ Hậu, Cai O Minh Chính tự đại vương, Phan Đại tướng; Hộ Quốc thần và Bạch Mã thần.

Khác nhiều nơi, làng không chia phe, giáp mà lấy dòng họ như đơn vị xã hội để bàn việc làng.

Về công trình kiến trúc tôn giáo, Bát Tràng có văn chỉ, đình, chùa, đền, miếu... Những cơ sở vật chất này vừa là niềm tự hào, vừa là chốn thiêng liêng để những ai muốn cầu mong thần linh phù trợ; lại cũng là nơi để toàn thể dân làng chung hưởng những sinh hoạt cộng đồng mỗi khi làng vào đám hoặc các dịp lễ tiết trong năm.

Văn chỉ ở phía sau đình. Trên tam quan có ba chữ lớn khắc vào đá "Ngưỡng di cao" (trông lên vời vợi). Bức hoành phi sơn son thếp vàng, treo ở tiền tế, khắc hai chữ "Văn hội" (Hội của làng văn). Ở trên bệ xây thờ đức Khổng Tử và 72 tiên hiền, học trò của người. Phía trên bệ thờ lại một bức hoành phi mà khắc bốn chữ "Thiên địa đồng lưu" (Trời đất cùng luân chuyển). Đây là nơi gặp gỡ của làng văn. Mỗi lần tới họp các quan viên lại chiêm ngưỡng bức trướng lớn bằng vóc, thêu đủ danh sách 364 vị khoa bảng của làng suốt mấy thế kỷ, minh chứng cho một làng quê không những khéo tay nghề mà còn là một làng văn hiến, đồng thời để

lớp trẻ hướng tới, gắng theo kịp các vị tiền bối.

Đình Bát Tràng nổi tiếng xứ Kinh Bắc một thời. "Tạo đình ký" (Bài văn ghi việc dựng đình) không ghi năm dựng mà chỉ cho biết đình được làm lại vào năm 1720. Đình xây kiểu chữ nhị. Tòa hậu cung ba gian, tòa đại bái năm gian hai chái. Cột đình là những thân lim lớn một người ôm. Gian giữa thấp, bày hương án; các gian bên đều lát gỗ thành bục cao. Mặt đình hướng ra sông Nhị, đón gió mát từ sông, từ núi Tam Đảo, Ba Vì thổi về.

Trải nhiều năm tháng, nạn đất lở bên sông, đình tuy đã được tu sửa, song không còn được như xưa. Công lao dựng đình, các cụ cho biết, là nhờ hai ông tổ họ Nguyễn, họ Phùng. Khi mới lập làng, dân chỉ dựng ngôi miếu nhỏ tranh tre ở ngoài bãi, và chỉ có một bát hương của họ Nguyễn Minh Tràng thờ thần bản thổ. Bài ký về đình còn ghi rõ:

Xưa kia mộc mạc mao tri
Nay thời ngói lợp chu vi trang hoàng
Xưa kia tre trúc tầm thường
Nay thời gỗ thiết vững vàng biết bao.

Thành hoàng làng có tới năm vị, do đình Bát Tràng lớn, có năm góc, mỗi góc một vị:

1- Hán Cao Tổ và Lữ Hậu (nóc Ninh Tràng).
2- Cai O Minh Chính tự đại vương (nóc Bảo Ninh).
3- Phan Đại tướng (nóc Đồng Hội).
4- Kỳ Thiện hộ quốc thần (nóc Kỳ Thiện).
5- Bạch Mã thần (nóc Đoài).

Làng còn giữ tới 50 đạo sắc của các triều Lê, Tây Sơn

và Nguyễn Phong tặng thành hoàng. Đây là những di vật quý giá nói lên công tích các thần và lòng dân đối với các vị thần bản mệnh của mình.

Trong đình. ngoài đồ thờ. những đôi câu đối cũng là tài sản đáng quý. vì nội dung hướng về ca ngợi quê hương nhiều thời hưng thịnh đã qua. Ví như:

Tục mỹ phong thuần, thù tạc sâm thương hòa hạ mục
Địa linh nhân kiệt, hiền dương đa thiều quý lão toàn.

Dịch nghĩa:

Phong tục thuần đẹp, dưới trên vui vẻ thuận hòa
Đất thiêng người giỏi, rõ ràng vừa thọ vừa sang.

Trong số 364 người đỗ đạt của làng. có một trạng nguyên và tới tám tiến sĩ cùng ba vị võ quan. tước công. từ thế kỷ XVI tới thế kỷ XIX. như trạng nguyên Giáp Hải (1506 - 1586); tiến sĩ Vương Thời Trung (thế kỷ XVI). tiến sĩ Trần Thiệu Thuật (1659 - ?)...; quốc công Vũ Ngang (? - 1460), quận công Nguyễn Thành Trân (1641 - 1693)...

Làng Bát Tràng vào đám từ ngày 16 tới ngày 22 tháng Hai. nhưng từ ngày khai hạ - mồng 7 Tết - các cụ đã bàn mọi việc. Vào khoảng mồng 5 tháng Hai. làm lễ rước nước. Nước trong lấy từ giữa dòng sông Hồng. do viên "đầu nước" lo toan từ thuyền cho đến tốp người trong lễ rước.

Nước thiêng rước về. tắm (lau chùi) các bài vị trong ngôi miếu bên sông. sau đó rước bài vị ra đình tế. Tế xong. rước trở về miếu. gọi là "Thánh hoàn cung". Lúc này các

họ mới lần lượt rước tổ của mình ra đình phối hưởng. "Tổ" tượng trưng bằng bát hương có lọng xanh che kèm bên. Riêng bát hương họ Nguyễn Minh Tràng được che lọng vàng và đi cửa giữa.

Sau cuộc tế, các cụ lần lượt ngồi theo loại bậc riêng. Bên phải đình dành cho người có tước lộc của triều đình, gọi là quốc lộc. Đó là các văn quan, trạng nguyên, tiến sĩ (ngồi phía trong) và võ quan (ngồi phía ngoài). Bên trái đình, phía trong dành cho các cụ hưởng thiên lộc - tuổi thọ cao - các cụ trên dưới 100 tuổi; còn phía ngoài là nơi định vị của các trùm làng, gọi là hương lộc.

Lễ vật dâng thành hoàng là một con trâu tơ béo, thui vàng đặt cả con lên chiếc bàn lớn và theo lệ làng, phải có sáu mâm cỗ và bốn mâm xôi kèm theo. Tất cả phẩm vật đồ sộ này, khi lễ xong, hạ xuống pha chia đều cho các họ cùng nhau tận hưởng vui vẻ giữa chốn đình trung.

Bát Tràng và Nam Dư (làng bên kia sông, nay là xã Trần Phú, thuộc huyện Thanh Trì) còn kết chạ với nhau, nên mỗi năm làng mở hội, người Nam Dư cứ một đoàn đại diện sang dâng hương và hưởng lộc thánh. Ngược lại, khi Nam Dư vào đám, Bát Tràng cũng đáp lễ chu đáo như thế. Kết chạ là một mỹ tục nay vẫn được duy trì.

71 - HỘI LÀNG CÁN KHÊ

Thờ: Phù Đổng Thiên vương

Địa điểm: Xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh.

Thời gian: 16 - 18 tháng Hai. Chính hội 16 tháng Hai.

Đặc điểm: Rước lớn: 16 đoàn.

Ngày hội xuân, ngày hội của những con người hay lam hay làm quanh năm vất vả nhưng vẫn náo nức một niềm tin ở tương lai. Mời bạn ngày xuân về với Cán Khê dự hội: "Cán Khê tham gia nghênh rước đức thánh Phù Đổng thiên vương". Một lễ hội có quy mô lớn, rộng trong cả một vùng: từ quê hương làng Gióng (nơi sinh ra Phù Đổng thiên vương) đến quanh chân núi Sóc Sơn (nơi Phù Đổng thiên vương cưỡi ngựa bay về trời).

Nằm cách trung tâm thủ đô Hà Nội khoảng 25km về phía bắc, làng Cán Khê thuộc xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, là một trong 16 thôn của 3 tổng tham gia nghênh rước đức thánh Phù Đổng thiên vương.

Truyền thuyết kể rằng cậu bé làng Gióng sau khi đánh tan giặc Ân, đã phi ngựa về núi Sóc, trút bỏ giáp sắt, bay lên trời... Những chỗ có bước chân ngựa của Gióng đi qua nay là các đầm, ao, hồ. Trên đường đi Gióng đã nghỉ lại gội đầu tại làng Phù Lỗ (có tên nôm là làng Sọ) trước đây thuộc xã Phù Lỗ, huyện Kim Hoa, phủ Bắc Hà, xứ Kinh Bắc nay là xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, ngoại thành Hà Nội.

Nhân dân 3 tổng Xuân Nộn, Phù Xá và Phù Lỗ (Sọ)

và 16 thôn lập đền thờ Thánh Gióng. Làng Phù Lỗ nơi Thánh Gióng dừng chân gội đầu nên gọi nôm là làng Sọ, tổng Sọ.

Phù Đổng thiên vương - người anh hùng làng Gióng có sức mạnh thần kỳ trong kho tàng truyền thuyết Hùng vương. Thánh Gióng là biểu tượng của truyền thống đánh giặc giữ nước được nhà nước quân chủ tặng danh hiệu "Xung thiên thần vương". Theo quan niệm của dân gian thì Thánh Gióng là một trong "tứ bất tử" cùng Tản Viên sơn thánh, bà chúa Liễu Hạnh và Chử Đồng Tử. Đó là những hình mẫu đẹp trong đời sống tâm linh của con người Việt Nam.

Huyện Đông Anh có 6 làng tham gia dự lễ hội đền Tam tổng là Cán Khê, Kim Tiên, Xuân Nộn, Nhạn Tái, Khê Nữ, Nguyên Khê.

Các cụ bô lão kể rằng xưa kia ngày 12 tháng Hai là ngày vo gạo, các làng đem gạo nếp xuống sông Cà Lồ để vo, nước vo gạo trắng cả dòng sông. Không khí chuẩn bị cho ngày hội thật nhộn nhịp, náo nức; các làng đồ xôi, đóng oản, giã bánh dày. Ngày 14 tháng Hai là ngày tiệc của tất cả các làng, mỗi làng chia làm các phường các giáp, tất cả từ cụ già đến em nhỏ đều ra ăn tiệc. Sau bữa tiệc, các giáp cử phù giá (trai làng) tham gia rước kiệu...

Để phù hợp với hoàn cảnh hiện tại, ngày nay lễ hội đền Tam tổng chỉ tổ chức vào 3 ngày từ 16 đến 18 tháng Hai.

Hội đền Tam tổng hàng năm được tổ chức rất công

phu, thu hút hàng vạn người đi dự hội. 16 thôn trong vùng cùng rước kiệu đến đền Sọ để bái yết anh linh người anh hùng có công với nước. Lễ hội là dịp để các làng gặp gỡ, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm; là dịp để con người thưởng ngoạn những giá trị văn hóa tinh thần từ các di tích, từ cổ vật và từ con người tham gia lễ hội. Trong tâm thức mỗi con người ở đây náo nức một niềm tin, chờ đợi và hy vọng ở tương lai.

Sáng ngày 16 tháng Hai các trai thanh gái lịch làng Cán Khê cùng các cụ ông cụ bà, đoàn thể trong làng tổ chức rước kiệu đi dự lễ hội đền Tam tổng. 60 thanh niên là những nam thanh nữ tú được lựa chọn trong làng, quần áo chỉnh tề cùng các đoàn thể trong thôn và hơn 100 cụ ông, cụ bà tham gia đám rước.

Đám rước được cử hành trang trọng bằng bài phát biểu của ông hội trưởng Hội người cao tuổi thôn Cán Khê về quá trình và nghi thức tham gia lễ hội.

Tiếng trống, chiêng đã nổi, kiệu từ từ được nâng lên trang trọng khởi đầu cuộc rước gần 10km đường trường mà đám rước cứ đi liên tục, không nghỉ. Nam nữ thanh niên thay nhau rước kiệu, các cụ ông, cụ bà không ai mỏi mệt, cứ say sưa tiến bước mang theo tâm niệm tín ngưỡng dân gian "Thánh phù hộ cho chân cứng đá mềm".

Khoảng trưa 16 tháng Hai tại đền Sọ (đền Tam tổng) đã tề tựu đầy đủ 16 đoàn rước của 16 thôn trong 3 tổng. Lễ hội thu hút sự chú ý của mọi tầng lớp nhân dân. Từ cụ già râu tóc bạc phơ đến các em nhỏ đều rạng rỡ nụ cười

như đang tận hưởng không khí trong lành ấm áp của mùa xuân.

Mỗi đoàn rước kiệu đến nơi đều được ban tổ chức hội đón tiếp chu đáo bằng đội kèn đồng nghênh tiếp. Tiếng kèn cất lên hòa cùng tiếng chiêng trống tạo ra một không khí rộn ràng, náo nức.

Mỗi đoàn rước một vẻ nhưng đều mang nét đặc trưng riêng, nét văn hóa đặc thù của quê hương mình. Trong tiếng nhạc hội, điệu múa sênh tiền thu hút sự chú ý của người xem, như tiếp thêm sức mạnh cho đám rước. Chiếc kiệu bát cống sơn son thếp vàng được trang hoàng lộng lẫy, có che tàn, lọng, cờ, quạt cùng các đồ tế tự và đoàn người đi trong đám rước. Tất cả hòa quyện thành 1 bức tranh nhiều màu sắc.

Các đoàn rước đã tề tựu trước sân đền Sọ, chờ đến lượt vào đền làm lễ thánh. Rước nồi hương từ đền Cán Khê đến đền Tam tổng lễ thánh và dự lễ hội là cả một quá trình chuẩn bị công phu của ban tổ chức hội làng Cán Khê. Tiếng trống, chiêng nổi lên, kiệu được hạ giữa sân đền Sọ, thận trọng từng bước, các cụ bô lão làng Cán Khê rước nồi hương thờ, theo sau là các thiếu nữ mang hương hoa, lễ vật cùng đoàn rước vào đền lễ...

Lễ xong, kiệu lại được rước về làng trong niềm hân hoan phấn khởi của những người dân đi dự hội. Người dân quê tôi hiểu rằng một năm mới bắt đầu, cuộc sống lại khởi đầu bằng hy vọng và niềm tin, một ý niệm tâm linh được mùa, mưa thuận gió hòa là ý nguyện ngàn đời của

người dân một nắng hai sương.

Làng quê đang đổi mới, lễ hội đang khơi dậy những tinh hoa văn hóa truyền thống mà cha ông để lại hàng ngàn năm nay, đó là động lực thúc đẩy nhịp sống mới, cuộc đời mới tốt đẹp hơn.

72 - HỘI LÀNG THƯỢNG PHÚC

Thờ: Hoàng tử Lý Thầm, thiền sư Hồ Bà Lam
Địa điểm: Làng Thượng Phúc, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì
Thời gian: 16 tháng Hai; 14 và 27 tháng Tư
Đặc điểm: Hát trống quân

Làng Thượng Phúc thuở xa xưa gọi là Trang Hạ, có tên nôm là Kẻ Hạ. Đầu thế kỷ 19 thuộc xã Hạ Thanh Oai, tổng Tả Thanh Oai, phủ Ứng Thiên, trấn Sơn Nam Thượng. Trước Cách mạng Tháng Tám, Thượng Phúc là một xã thuộc tổng Tả Thanh Oai, tỉnh Hà Đông... Từ năm 1979 nhập về huyện Thanh Trì, Hà Nội. Có lẽ đây là vùng quê xa nhất của Thủ đô ở phía tây nam, giáp giới tỉnh Hà Tây. Về Thượng Phúc ta đi đường Giải Phóng qua ga Văn Điển rẽ phải theo đường 70, đến cầu Biêu rẽ trái qua các làng Tả Thanh Oai, Siêu Quần, Nhân Hòa là đến Thượng Phúc. Làng xóm trải dài theo triền sông uốn lượn, những mái nhà nép bóng dưới hàng cây tạo khung cảnh thanh bình.

Ở làng Thượng Phúc những di tích còn được giữ gìn đầy đủ, nguyên vẹn gồm miếu, đình, chùa Bảo Tháp và chùa Dâu (Phúc Khê tự). Không biết từ bao giờ dân làng đã có câu ca:

Thượng Phúc làng có hai chùa
Giữa làng chùa Tháp, dưới làng chùa Dâu.
Dù ai buôn bán nơi đâu
Hội hai chùa Tháp, chùa Dâu nhớ về...

Ngoài hai ngày hội chùa Tháp (14 tháng Tư và 27 tháng Tư), làng thượng Phúc còn hội đình, miếu ngày 16 tháng Hai.

Lật lại sử xanh, chúng ta cùng tìm xem tại sao ở các ngôi chùa khác chỉ lễ Phật vào ngày rằm, mồng một, còn hội chùa ở đây lại không như vậy?

Cùng với chùa Trấn Quốc, chùa Một Cột, chùa Kim Liên; chùa Bảo Tháp là ngôi chùa cổ kính hiện nay ở Hà Nội do đều dựng từ thời Lý. Nhưng điều đáng quý hơn là chùa Bảo Tháp do chính một hoàng tử nhà Lý dựng, tu và hóa Phật tại đây. Hơn 100 năm sau, một vị hoàng thân họ Hồ cũng về tu, đã tự thiêu hóa Phật vào ngày 14 tháng Tư năm 1375. Kế nghiệp ông là một người cháu họ Minh Từ Hồ Thuận Nương, hoàng thái phi nhà Trần. Sau lại có công giúp nước nên được vua Lê Thái Tổ phong thần.

Về hoàng tử nhà Lý, ông là Lý Thầm, con vua Lý Cao Tông, em vua Lý Huệ Tông. Tương truyền ông về đây dựng chùa vào khoảng năm 1220 - 1225. Thời kỳ này nhà Lý đã suy yếu, quyền lực dần về tay nhà Trần. Có lẽ ông

đi tu để tránh nạn diệt tôn thất nhà Lý của Trần Thủ Độ. Chỉ tiếc ngày hóa Phật của ông không còn lưu lại, nhưng không vì thế mà những dấu tích về ông mất đi. Trước cửa chùa sừng sững 2 mộ tháp, bên hữu là phật Tây Trúc, bèn tả là bồ tát nhà Lý. Mộ tháp bồ tát nhà Lý ghi:

Thiên hoàng ngọc diệp Lý tôn phương
Bát diệp hoàng gia Đình Bảng hương
Hệ tác quân sư dằng bắc khuyết.
Thân vi quốc thúc, hiển Nam bang.

Tạm dịch:

Họ Lý cao sang cành vàng lá ngọc
Đình Bảng quê hương hoàng thất tám đời.
Làm quân sư, tài mưu lược phò vua
Đã vào hàng hoàng tộc lai lịch hiển cõi Nam.

Hoặc câu:

Hộ quốc, xuất gia bát đại thiên hoàng quang Lý diệp
Chân thân, hóa Phật thiên thu địa mạch dũng liên hoa.

Tạm dịch:

Giúp nước, tu hành, tám đời dòng dõi nhà Lý
Đắc đạo, thành Phật, ngàn năm mạch đất đài sen.

Vị sư tổ thứ hai độ ở chùa Bảo Tháp là Hồ Bà Lam, ông trẻ của Hồ Quý Ly, về đây vào năm 1329. Ngoài thời gian tụng kinh niệm Phật, ông chiêu tìm những trẻ mồ côi về nuôi dưỡng, tấm lòng từ bi bác ái của ông đã lan truyền khắp nơi. Nhiều người già cả, cô đơn đâu đâu cũng tìm về chùa xin nương tựa. Ông sẵn lòng thu nhận không chối một ai, có lúc người ta tá túc quá đông, ông phải đi

hành khất để nuôi. Dân tôn sùng ông như phật sống. Việc hỏa thiêu của ông đã trở thành điển tích ở đây: Ông cho mục đồng kiếm củi 3 năm, đến ngày 14-4-1375 đã tự hỏa thiêu. Trước khi lên đàn thiêu, ông còn dặn lại "Đến ngày giỗ ta, hãy giúp ta mang cho người già cả cô đơn, những góa bụa mỗi người một nắm xôi". Di chúc của ông đã được thực hiện nhiều năm. Nhiều câu ca, truyện truyền khẩu về đức độ, tấm lòng từ bi hỉ xả khắp vùng Sơn Nam Thượng:

Cô nhi quả phụ các nơi
Đến chùa đều được tổ nuôi hàng ngày
Không cơm mặn thì cơm chay
Nhiều khi tổ phải đi vay nuôi người.

Ngọc phả "Hoàng hậu Trần Minh Vương" do Đông các đại học sỹ Nguyễn Bính soạn năm Hồng Phúc thứ nhất (1572) cho chúng ta biết về vị sư tổ thứ ba ở chùa Bảo Tháp:

Bà họ Hồ tên là Thuận Nương, sinh ngày 12 tháng Năm năm Tân Sửu (1301). Bà có vẻ đẹp hiếm có, dáng người thướt tha, mặt hoa da phấn, mười phân vẹn mười, khiến nhạn sa, cá lặn, trăng hờn. Bà thừa hưởng khí tốt của trời đất, của gia phong nếp nhà. Năm 16 tuổi (1317) bà về làm thứ phi của vua Trần Minh Tông. Hai năm sau sinh thái tử Vượng (1319), năm 1329 được vua Trần Minh Tông nhường ngôi là vua Trần Hiến Tông (1329 - 1341). Bà được phong hoàng thái phi. Từ ngày vu quy bà sinh được trai, gái 10 người, lúc trưởng thành các con bà đều

được vua yêu, triều thần nể phục. Ba vị kế thừa ngôi báu được ghi ở ngọc phả là vua Trần Hiến Tông (1314 - 1341) và Trần Nghệ Tông (1370 - 1372), còn vua Trần Duệ Tông (1373 - 1377) do em gái bà là Đôn Từ sinh ra, bà Đôn Từ cũng được phong hoàng thái phi. Khi lánh nạn Chiêm Thành đốt phá thành Thăng Long, bà về Trang Hạ thuộc phủ Ứng Thiên, đạo Sơn Nam. Gặp được ông chú là Hồ Bà Lam đang tu ở chùa Bả Tháp. Sẵn lòng mộ đạo, lại gặp thiền sư vốn là thân thích trong hoàng tộc nên bà xin lưu lại chùa tụng kinh niệm phật, sớm hôm hầu hạ Bồ Tát, cùng chăm sóc nuôi dậy trẻ mồ côi. Lúc này chưa được vào chùa nên bà làm một gian nhà nhỏ cạnh tam quan chùa ở, hàng ngày chăm chỉ đèn nhang, kinh kệ và tận tụy với việc thiện. Bà còn ở chùa thêm 3 năm nữa, được biết sự linh hiển của ngài Pháp Vũ ở am cuối làng nên đã bỏ ra 30 thếp vàng xây dựng chùa Dâu, theo hệ Tứ pháp ở am chùa ngoài. Thời gian này bà trông nom cả hai chùa. Khi giặc tan, đất nước yên bình, nhà vua cho đón bà hồi triều, dân làng lưu luyến tiễn đưa bà bước lên thuyền rồng. Giữa bốn bề trời đất mênh mông, cờ hoa rực rỡ, bỗng có một đám mây ngũ sắc trên đầu, mây tan không thấy bà đâu nữa. Hôm ấy là ngày 16 tháng Hai. Dân làng cho rằng bà thiêng nên dựng miếu thờ trên nền nhà cũ, cạnh tam quan chùa.

Khi Lê Lợi (1385 - 1443) trên đường dẫn đại quân ra Thăng Long đã nghỉ tại miếu Minh Từ. Vua được bà báo mộng, âm phù giúp đánh thắng giặc Minh. Điều báo mộng

ứng nghiệm, nhớ ơn bà vua Lê đã ban tặng sắc phong mỹ tự: "Thượng đẳng phúc thần hưng quốc" giao sắc chỉ cho dân ấp Thượng Phúc, đạo Sơn Nam trông coi giữ gìn và sớm chiều hương khói. Theo lệnh vua, dân đã sửa miếu thành đền, đến thế kỷ 18 lại xây dinh thờ bà theo tín ngưỡng thành hoàng. Công lao đức độ của bà đã được ghi nhận và ca ngợi bằng những bức cuốn thư, hoành phi, câu đối trong đền.

Cuốn thư:

- Trần triều mẫu nghi (Mẹ của triều Trần)

- Thượng đẳng tối linh (thượng đẳng thần rất linh thiêng)

Hoành phi:

- Đức hợp đoan cương

(Đức hạnh hợp với đạo tam cương ngũ thường)

Câu đối:

Đế hậu, vị tha, sơn thế, cao phong tiêu vũ trụ

Thần uy, Phật đức, độ nhân, phúc lượng đẳng hà sa.

Tạm dịch:

Là vợ vua, vì người khác, vững như núi, giao lưu cùng trời đất

Uy linh thần, đức như Phật, cứu người phúc nhiều như cát ven sông.

Và:

Trần triều mẫu nghi, quang đại hội, hằng thiên đa đế

Phúc lâm thiền định, linh thông ảo, hóa Phật nhi Tiên.

Tạm dịch:

Đức hạnh người mẹ triều Trần rực sáng trên trời, đất.

Việc tốt lành đến chốn tu hành sáng rực biến hóa như Phật, Tiên.

Chùa Bảo Tháp có quy mô lớn, tọa lạc trên khu đất rộng 5368m^2. Các công trình kiến trúc của chùa gồm: tam quan, mộ tháp, tiền đường, thượng điện, hành lang, phương đình và hậu cung. Tam quan xây đơn giản, ba gian đầu hồi bít đốc, mái đắp nổi hình rồng cuốn thủy. Qua tam quan là lối đi bằng gạch xây tường lửng hai bên. Sân phía bên phải có mộ tháp phật Tây Trúc, bên trái là bồ tát nhà Lý (Lý Thầm). Hai mộ tháp đều xây hình bát giác, ba tầng. Đỉnh nóc đắp nổi 4 hình rồng uốn khúc thành hình quả dành, các góc mái đắp nổi hình rồng uốn khúc đầu quay ra ngoài. Liền với sân chùa là nhà tiền đường khá lớn gồm 7 gian được làm theo kiểu đầu hồi bít đốc. Nối với gian giữa và chạy vào phía trong là tòa thượng điện của chùa. Tòa thượng điện 5 gian nối với tiền đường tạo thành kết cấu kiểu chuôi vồ. Hai dãy hành lang tả, hữu gồm 9 gian chạy song song với tòa thượng điện, một đầu nối với tòa tiền đường. Cách tường sau của tòa thượng điện một khoảng sân nhỏ là nhà phương đình. Phương đình tức nhà vuông, các mái uốn cong tạo thành các đầu đao. Sát với phương đình là hậu cung nơi để khám thờ trong có tượng thánh tổ, thiền sư trụ trì đầu tiên ở chùa là bồ tát nhà Lý.

Nghệ thuật chạm khắc, chạm thủng ở chùa khá phong phú với các đề tài tứ linh, tứ quý, mây cuộn, hoa lá... Hệ thống tượng pháp trong chùa cũng nhiều, ngoài tượng thánh tổ còn 75 pho tượng gồm tam thế, thích ca sơ sinh, nam tào bắc đẩu, Phật niệm hao...

Chùa còn giữ được nhiều hiện vật quý như: bia dựng vào năm Quang Thái thứ ba (1390), 3 quả chuông đúc vào năm Gia Long thứ 12 (1814), một khánh đồng đúc vào năm Thiệu Trị thứ 3 (1843). Một bộ kiệu bát cống chạm rồng thế kỷ 18, 32 đạo sắc phong sớm nhất là Cảnh Trị thứ 8 (1670) đời vua Lê Hiến Tông và muộn nhất là Tự Đức tam niên (1850). Trong đó có một đạo sắc của vua Quang Trung năm thứ 5 và 1 của Quang Toản (Cảnh Thịnh năm thứ nhất). Một cuốn thần phả soạn năm Hồng Phúc nguyên niên (1572) và được quan giám bách thần Nguyễn Hiền chép vào năm Vĩnh Hựu 91740).

Đem so những điều đã ghi ở thần phả chúng ta thấy có những điều trùng hợp: Bà là cô của Quý Ly, lấy vua Minh Tông, vua Lê Lợi nghỉ doanh... Nhưng còn một số điều chưa thống nhất:

Thứ nhất, về ngày mất của bà: Đại Việt sử ký toàn thư ghi: "1365 Minh Từ hoàng thái phi mất (Q7.t.147). Thần phả: "... Bà lánh nạn". Giai đoạn này Chiêm Thành đánh Thăng Long 3 lần: tháng 3/1371, tháng 6/1378 và tháng 6/1389. Thần phả ghi bà về đây một thời gian đi tu, làm việc thiện nên cao tăng Hồ Bà Lam yên tâm vì có người kế nghiệp đã hỏa thiêu ngày 14/3/1375. Như vậy bà

đã về đây vào năm1371. Cũng theo thần phả. sau khi chú mất bà còn ở đây thêm 3 năm nữa (bó 10 thếp vàng xây chùa Dâu theo hệ Tứ pháp) tức là đến tháng 12/1378. Điều này phù hợp với sự kiện chống giặc ngoại xâm của nhà Trần "1377. tháng 6. giặc Chiêm Thành vào cướp... Giặc dẫn quân về. đến biển Đại An chết đuối rất nhiều". (Q7.T.163). Thiên hạ thái bình vào năm 1377. mùa xuân 16/2/1378 nhà vua đón bà hồi triều là hợp lý. Còn việc bà đã "Ảo hóa phật nhi tiên" là cách dân gian thường huyền thoại hóa vị thần họ thờ phụng.

Làng Thượng Phúc lấy ngày hóa của bổ tát họ Hồ 14 tháng Tư và ngày hóa của bản tượng Pháp Vũ 24 tháng Tư để tổ chức hội chùa. Tấm lòng từ bi bác ái của đức bồ tát đã lưu truyền khắp xa gần nên đến ngày hội dân quanh vùng nườm nượp kéo về đây được Đức Phật độ trì cho qua cơn khốn khó. Dân làng nấu cháo. để ở ven đường. sân đình. ai đói thì ăn không cần nệ. Mâm cỗ chay cúng Phật được những bàn tay khéo léo chế biến bằng sản vật của quê hương. sao cho cũng đủ sơn hào hải vị như mâm cỗ mặn. Sau khi lễ phật trong chùa. các vãi ra hành lang hoặc sân chùa vừa chèo đò cạn vừa hát. lời là những câu kệ kể về công lao đức bồ tát. Người xem ngồi vây kín chung quanh. cứ ngắt một đoạn tiếng "nam mô a di đà" lại vang lên.

Hội chùa đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng cho lớp trung niên và các cụ già. Còn đám nam thanh nữ tú lại mong đến hội đình 16 tháng hai là ngày hóa của Đức Minh Từ.

Ngày ấy họ được gặp gỡ. trao đổi. trò chuyện tâm tình. cầu đức thánh cho nên duyên đôi lứa. Đền Minh Từ được xây tiếp phần miếu vào thời Lê. gồm 3 gian có hương án. bái đền và hậu cung. kiến trúc kiểu chữ đinh. nằm trên diện tích mặt bằng 2210m². Đi xuôi triền sông chừng một cây số đến đình Thượng Phúc. Đình xây vào thời Nguyễn. phần cũ chỉ còn tam quan. hai bên giải vũ. hậu cung. đại đình mới được sửa lại. Chùa Dâu thờ đức Pháp Vũ trong hệ thống tứ pháp. ở giữa cánh đồng. xung quanh còn mấy chục cây cổ thụ gồm đa. si.... nhìn ra ngã ba sông. cách chùa Bảo Tháp chừng 3km.

Từ đầu tháng 2 các cụ già đã họp bàn việc mở hội. sau khi đã đồng tâm nhất trí thì cất cử mọi việc. người lo sắm sửa lễ vật. người lo tiếp khách thập phương. người đi kén quân cờ. quân kiệu. Ngày 15 tháng Hai con trai con gái bảo nhau dọn dẹp sao cho đường làng ngõ xóm thật phong quang. Từ sáng sớm ngày 16 tháng Hai trẻ già trai gái trong làng và khách thập phương đã tề tựu ở đền Minh Từ để rước thánh về đình. Tiên phong dẹp đường là đội múa rồng. mười hai chàng trai điều khiển. lúc thì như rồng bay lên trời. khi lại uốn lượn mềm mại đầu rồng luồn qua đuôi rồng. Đám rước hội tuần tự tiếp theo. hai hàng cờ ngũ hành song song do 12 chân cờ vác. bay phần phật trước gió xuân. Trống cái. chiêng to đều do 2 người khiêng. 1 người che tàn. 1 ông thủ kiệu vừa đi vừa đánh. Hai hàng lễ bộ. dùi đồng. tay văn. tay võ đi sau chiêng trống. Đám trai đinh cầm cờ. che lọng. khiêng chiêng trống. vác lễ bộ

đều mặc quần trắng áo vóc đỏ thêu chỉ vàng, thắt lưng bỏ múi cạnh sườn, hai thủ kiệu mặc áo the đầu đội khăn xếp, thắt lưng đỏ. Phường đồng văn quần đỏ, áo hồng vừa đi vừa đánh trống khẩu, thanh la, múa sênh tiền. Phường bát âm mặc áo the, khăn xếp vừa đi vừa gẩy đàn, kéo nhị, thổi sáo. Kiệu long đình bầy hương hoa, mâm ngũ quả do 4 nam quan khiêng, họ cũng mặc quần trắng, áo nâu, đầu đội khăn đỏ. Thần vị đức bà mặc áo hoàng bào ngự trên kiệu long ngai được che tàn, quạt do 8 nữ quan khiêng, 8 cô đi cạnh chờ đổi vai. Nữ quan đầu vấn khăn nhung, áo mớ ba mớ bẩy, thắt lưng hoa lý đeo xà tích. Các cụ cao tuổi, các vãi đi sau kiệu thánh vừa đi vừa niệm Phật. Dân làng và khách thập phương nối theo. Đám rước đi đến đâu chiêng trống đàn sáo vang lừng đến đấy, ở các ngõ xóm, bên kia sông dân làng Khúc Thủy bầy bàn thờ vái vọng sang.

Về đến nơi, để kiệu ở sân và rước thánh vào ngự trong đình, các cụ ông tế nhập tịch. Buổi chiều là cuộc thi bơi thuyền trên dòng sông Nhuệ, năm thì bơi thuyền gỗ, có năm bơi thuyền thúng. Mốc từ đầu làng đến đình, dân hai bên bờ ra hò reo, cổ vũ náo nhiệt cả khúc sông. Buổi tối hát trống quân cùng ở trên thuyền, bên nam bên nữ đối đáp với nhau, bên nào thắng được thưởng. Ngày 17 tháng Hai trong đình khách thập phương về lễ bái, ngoài sân tổ chức các trò vui đánh cờ người, đập niêu, chọi gà... Nhưng hấp dẫn nhất có lẽ là trò thổi cơm thi, thể thức như sau: Cứ 2 nữ là một cặp phải vừa đi vừa thổi cơm, vừa

múa. ai nấu nhanh. múa đẹp. cơm ngon thì được giải thưởng và cơm được dâng thánh. Trong hai người một người 1 tay cầm bó đuốc hơ đáy nồi. 1 tay múa. người kia đeo một đoạn tre ở sau lưng. đầu uốn cong về phía trước buộc vào nồi cơm nên phải múa hai tay. Nếu không múa sẽ bị phạt. không cẩn thận sẽ bị tắt lửa hoặc rơi nồi. Người cổ vũ quanh sân đông nghịt. đây là dịp để các chàng trai chọn người tài khéo kết bạn trăm năm.

Sáng 18 tháng Hai rước thánh hoàn cung. đội hình như hôm rước từ miếu lên đình.

Chùa Bảo Tháp đã được xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật từ năm 1990. Về đây. ta được sống trong không khí ấm áp tình người. được nghe những lời chúc tốt lành. Lễ hội đã phục hồi nhiều năm. Nhưng tiếc rằng những trò chơi đặc trưng của cư dân ven sông chưa được tái hiện. Thiết nghĩ. hội nên mở lại những trò đua tài như: thổi cơm thi. đua thuyền. hát trống quân...

Thượng Phúc. làng nhỏ ngoại thành. trước bao thăng trầm của lịch sử vẫn còn gìn giữ được những di tích quý hiếm gồm đền. đình và hai ngôi chùa. Vị thành hoàng làng cũng có một không hai: Bà có uy của thần. có đức của Phật lại là hoàng thái phi. mẫu nghi triều Trần - bà Minh từ Hồ Thuận Nương.

---

* Phần hoành phi. câu đối dựa vào phiên âm và bản dịch của TS Nguyễn Văn Chiến.

73 - HỘI ĐỀN BÀ TẤM

Thờ: Nguyên phi Ỷ Lan

Địa điểm: Thôn Dương Đá, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm

Thời gian: 19 - 22 tháng Hai. 25 tháng Bẩy.
Chính hội 19 tháng Hai

Đặc điểm: Hội lớn - 5 năm một lần - Tục "Phất cờ tổng"

Trên đường quốc lộ số 5 từ Hà Nội đi Hải Phòng tới khoảng cây số thứ 16, nhìn bên trái đường ta sẽ thấy một khu di tích rộng, đẹp, cây cối um tùm càng tô thêm vẻ u tịch và linh thiêng. Đó là đền thờ bà Tấm, tức nguyên phi Ỷ Lan, một nhân vật nổi tiếng trong sử sách nước ta. Thực ra đây là cả một quần thể di tích gồm đền, chùa cùng nhiều bia ký và hiện vật điêu khắc đáng chú ý.

Đền bà Tấm nay thuộc xã Dương Xá, huyện Gia Lâm ngoại thành Hà Nội, xưa kia thuộc trang Thổ Lỗi, huyện Siêu Loại, phủ Thuận An, Bắc Ninh. Dương Xá gồm ba thôn là Dương Đình, Dương Đá và Dương Danh (Tam Dương), xa nữa là ba ngõ trong một làng, đền bà Tấm nằm trên đất của thôn Dương Đá. Trước đây riêng Dương Xá là một xã, nhưng nay hợp với Thuận Quang và Yên Bình thành xã Dương Xá mới.

Trong hậu cung đền có tượng bà Tấm (nguyên phi Ỷ Lan) và sáu tượng nữ khác gọi là lục bộ. Gian ngoài có đặt một số đồ thờ và chiếc ngai, trên ngai có bài vị ghi "Lý triều độ tam hoàng thái hậu" và một vài bia ký ở hai bên gian cạnh.

Hàng năm ngày tiệc lệ chính là 19 tháng Hai - ngày hội lớn và 25 tháng Bảy tương truyền là ngày giỗ bà. Ngoài ra vào các dịp xuân thu, những ngày sóc vọng đều có lễ trong đền.

Xưa kia hội đền bà Tấm rất lớn, không phải chỉ có Dương Xá và Thuận Quang tổ chức, mà tổng Dương Quang cũ (gồm chín xã suốt từ Sủi (Phú Thị) cho tới Văn Lâm (Hưng Yên) và những làng cấy ruộng hậu của đền. Trong đền còn giữ được tấm bia ghi rõ tên các làng cấy ruộng hậu của đền với số lượng cụ thể. Chính vì hội lớn mà không phải năm nào người ta cũng tổ chức được nên thường phải năm năm mới tổ chức một lần. Hội cuối cùng theo trí nhớ của dân làng, được tổ chức vào năm 1939, nhiều người còn nhớ cả tên người được giải cờ người năm đó là ông Trần Nhật Tân.

Trước đây hội mở từ 19 đến 22 tháng Hai, nhưng thực chất người ta đã rục rịch từ ngày 16 và đến tận 25 tháng Hai mới hết hội. Ngay từ tiệc đầu xuân dân làng đã tụ hội tại đền tế lễ cẩn cáo mong bà phù hộ cho làng và chuẩn bị hội xuân. Dân làng chọn cử chủ tế, tổng cờ, ban tế cùng các việc khác cho ngày hội. Ngày 19 tháng Hai tương truyền là ngày sinh của bà.

Ngày hội mở đầu bằng một đám rước long trọng - rước nước. Đám rước khởi hành từ đền lên tới giếng nước cạnh chùa làng Sủi (Phú Thị) cách khoảng 2km. Đi đầu là cờ ngũ hành, tiếp đến là tổng cờ, rồi đến chiêng, trống, bát bửu. Liền sau đó là long đình rước bà Ỷ Lan (bài vị) cùng những người phục dịch theo kiệu. Đường đi từ đền theo

đường 179 ngày nay lên Sủi. Sau kiệu bà là kiệu đựng chóe nước. Các cụ già còn nhớ trước kia trong đền có một chiếc chóe bằng sứ Nhật Bản rất cao và to, nhưng nay đã bị mất. Ngoài ra là kiệu các thôn của Dương Xá và tất cả các làng cấy ruộng nhà đền. Do vậy mà đám rước rất lớn và dài, bởi vì ruộng đất lộc của bà trải rộng tới tận Nghĩa Trai, Bình Trù, Liên Mỹ, nên bà cũng được coi là Mẫu nghi thiên hạ. Do qui mô của đám rước dài và lớn như vậy nên nó kéo dài tới bốn năm tiếng đồng hồ mới về được tới đền.

Trong lúc diễn ra cuộc rước nước, thì từ các thôn cũng tiến hành rước lễ vật ra đền để tế lễ. Sau khi kiệu bà và rước được đưa vào đền yên vị thì cuộc tế bắt đầu. Các bô lão năm thôn được cử vào ban tế tiến hành kiểm tra lễ vật rất nghiêm ngặt. Lễ vật để tế trong ngày hội hoàn toàn là lễ chay gồm oản, quả, gạo nếp, chuối, trầu, rượu. Từ thượng cổ năm nào cũng thế, nếu thêm thì chỉ có bánh gai, bánh mật mà thôi.

Việc đóng oản xôi thờ cũng phải rất tinh khiết. Nước phải dùng nước ở giếng Quán Đôi, đầu thôn Dương Đình, gánh về nhà trước đó ba bốn ngày để thật trong, khi đó mới đem ra vo gạo và thổi xôi, như vậy mới tốt. Sau khi đã xem xét lễ vật một cách kỹ lưỡng, cuộc tế bắt đầu.

Trong "Lý triều đệ tam hoàng đế" bản chữ Hán còn chép rõ bản văn tế hoàng thái hậu vào mùa xuân ở đền. Chúng tôi xin ghi lại ở đây làm cứ liệu tham khảo:

Rằng: Năm nay là... tháng... ngày

Tỉnh... phủ... huyện... tổng... xã..., toàn dân kính dâng lễ vật mong được chiếu cố.

Triều Lý. hoàng đế thứ ba. hang trời tìm lễ Ỷ Lan linh ứng. dung mạo thơm tho. đức hạnh đoan trang. trí hòa hiền hậu. trinh tiết phép lành. lừng danh nhân hậu... giúp nước đầy phúc. nghĩa đẹp. một mực hiền hòa đôn hậu. đẹp hết nạn. yên nước. đoan trang điềm lành. cứu đời yên dân. giúp nước bảo vệ sự nghiệp. gây dựng cơ đồ. vun trồng nền ơn. ban phúc. phát của... đức lớn lừng danh. hành vi tao nhã. giữ nề nếp. yên dân giữ nước. lòng nhân đức mở rộng kéo dài không nghỉ.

Rất linh. hoàng thái hậu ngôi trên. rằng có lễ tế trong mùa xuân.

Kính mong hoàng thái hậu xét đến chỗ tối tăm. Đoan trang thuần tuỷ công ơn ấy ghi lại ức năm muôn kỷ. Nay gặp thời lành. tế mùa xuân. lễ mọn tình thâm. kính cẩn. xin được chiếu cố. ban phúc. giúp nước thịnh vượng. giúp cứu vớt dân cư ấm no.

Xin tâu trình

Không rõ vào ngày hội nội dung bài tế có giống như trên không. song ít nhất đó cũng là cứ liệu để thấy được niềm ước mong cầu xin của dân làng đối với bà.

Tiếp vào lễ chính thức của các cụ trong hội đồng là các cuộc dâng lễ của dân làng và khách thập phương. ra vào không ngớt. Ngày hội đầu tiên kéo dài đến chiều trong không khí nghiêm trang tại đền cùng với các cuộc vui thoải mái ngoài sân và khu vực xung quanh. Các cụ cho biết khi tế lễ xong ngày hôm đó cũng như hôm sau. lễ vật được chia ra làm đôi. riêng Dương Đá (là nơi sinh ra bà) được

một nửa. nửa kia mới đem chia cho các thôn còn lại trong xã. Còn ông chủ tế được biếu 60 phẩm oản và 60 quả chuối.

Những cụ già được chúng tôi hỏi đều khẳng định hội xưa không có chi tiết kiệu và võng lọng của ông bán dầu trong đám rước ngày hội. người mà theo truyền thuyết đã báo trước cho Ỷ Lan sẽ trở thành hoàng hậu. tuy nhiên theo Bắc Ninh dư địa chí của Đỗ Trọng Vĩ. mục cổ tích khi nói về miếu Lý thái hậu lại nhắc đến chi tiết này như sau:

"Người con gái làng Dương Xá hái dâu trong nương có một ông lão bán dầu trông thấy trên đầu cô có đám mây tía liền đến bảo cô ta đi gặp vua. Người con gái từ chối nói: "Mẹ tôi sai tôi đi hái dâu. chứ không sai đi xem vua". Ông lão nói thêm. "sau này nếu quả cô được quý hiển thì cho tôi võng lọng đi trước". Đến lúc đó, cô ta mới chịu nghe theo ông lão đến chỗ vua ngự... Lý Nhân Tôn lên ngôi. tôn làm hoàng thái hậu. Nhớ lời ông bán dầu trước, mỗi khi ngự giá lại cho võng lọng đi trước. Nên về sau. dân vẫn giữ lệ cũ. Hàng năm ngày nhập tịch mở hội. vẫn rước một cái kiệu đỏ để không và một đôi lọng xanh đi trước kiệu thần. không dám thay đổi".

Ngày 20 tháng Hai hội cũng bắt đầu bằng những cuộc rước. Song lần này là rước thành hoàng và lễ vật của đền bái vọng và dâng lễ. Trừ kiệu của bốn thôn thuộc Dương Xá và Thuận Quang được vào trong đền. còn lại tất cả các kiệu của những làng khác đều phải đứng bên ngoài cổng đền (đường 5 bây giờ) bái vọng vào. Lễ vật chuyển vào đền.

Tại sân đền còn có tục phất cờ tổng. truyền rằng nhất

là vào những năm trời âm u, múa cờ là để xua tan đi mây âm cho trời quang mây tạnh. Thuận Quang là làng được quyền chọn tổng cờ cho hội hàng năm. Tổng cờ phải là người không tang chế, đẹp người, khỏe mạnh và nhanh nhẹn. Ngoài ra còn có hai thủ hiệu trống và chiêng. Cả thủ hiệu cờ, trống, chiêng đều mặc đẹp và phải tập luyện chu đáo từ trước. Các động tác và điệu múa của họ cũng giống như hiệu cờ, hiệu trống và hiệu chiêng ở hội Gióng. Hiệu cờ quỳ, nhảy, múa ba lần như ba ván ở hội Gióng. Lá cờ cũng dài như ở hội Gióng, nên tổng cờ phải tập luyện thuần thục, tránh để cờ lùng nhùng cuốn vào cán, như vậy sẽ bị phạt vạ rất nặng vì có lỗi với Thánh.

Tại bãi sậy ở trong đền, ngày trước rất rộng và cây cối um tùm, mát mẻ, là nơi diễn ra cuộc đấu cờ người. Người đẹp nhất được chọn làm tướng. Mỗi quân cờ đều có một chiếc ghế đẩu để ngồi. Tướng cờ được che thêm một lọng. Người chơi đánh nước nào thì người đóng vai quân cờ chuyển chỗ theo nước đánh. Cứ như vậy ván cờ diễn ra càng thăng với sự đấu trí của người chơi, nhưng lại hấp dẫn người xem không chỉ vì các nước cờ tài ba mà còn bởi các màu sắc và sự thanh tú của các nam nữ đóng quân cờ. Cuộc đánh cờ kéo dài cho tới hết hội mới phân thắng bại cho các đối thủ, và lúc ấy mới trao giải cho người nhất cuộc.

Mỗi năm hội đều có phường hát ở các nơi đến đăng cai hát giữ cửa đền suốt từ 19 tháng Hai đến hết hội. Thường là các phường đến xin, địa phương tín nhiệm phường nào thì cho phép tới hát đến khi rã đám mới thanh

toán tiền cho họ. Ngoài ra các phường chèo, tuồng khác cũng đến góp vui cho hội thêm sôi nổi, phong phú.

Trong hội còn có các trò chơi khác như tổ tôm điếm, đấu vật, chọi gà, đốt pháo và thời Pháp thuộc có cả hát á đào...

Cứ như vậy lễ hội đền bà Tấm kéo dài đến hết ngày 21 tháng Hai. Ngày 22 tế tạ và kết thúc hội. Cũng vào ngày đó các giải vật, giải cờ mới phân ngôi nhất, nhì và làm lễ trao giải.

Qua khảo sát lễ hội ở Dương Xá và những làng có liên quan ta thấy một số điểm sau:

1- Trong tất cả các làng thờ nguyên phi Ỷ Lan thì hội ở Dương Xá có qui mô lớn nhất. Hội có rước nước từ trên Sủi (Phú Thị) với đám rước lớn gồm cả tổng Dương Quang xưa và các làng ăn lộc đền bà Tấm.

2- Vào các dịp hội, cả Dương Xá, Như Quỳnh và Phú Thị đều có rước giao hiếu và cả ba nơi đều trân trọng yêu quí thần tượng Mẫu nghi thiên hạ của mình. Bởi Thổ Lỗi trang xưa bao gồm đất đai suốt từ Phú Thị tới Văn Lâm, Văn Giang, Hưng Yên ngày nay. Cả ba làng trên đều thuộc trang Thổ Lỗi ấy. Do vậy mới nảy sinh lòng kính trọng và coi nguyên phi Ỷ Lan là người của quê mình ở cả ba làng.

3- Hội ở cả ba làng phản ánh toàn bộ truyền thuyết và sự thực lịch sử về nguyên phi Ỷ Lan. Đó là các tục lệ, nghi thức liên quan đến cô Tấm ở đền bà Tấm. Chi tiết ông bán dầu ở hội làng Ghênh (Như Quỳnh) nhắc đến đoạn cô Tấm dựa bên khóm lan đi hái dâu và gặp vua để thành hoàng hậu sau này. Tục bông sòng ở hội làng Phú

Thị nhằm kể lại sự tích đầu thai của vua Lý Nhân Tông và cuối cùng là những nghi thức và lễ vật của ngày hội nói lên quãng đời cuối cùng cửa nguyên phi chuyên tâm vào việc xây dựng chùa chiền, chuyên tâm làm điều thiện tu nhân tích đức nơi cửa Phật. Toàn bộ lịch sử của một nhân vật được biểu tượng hóa trong các nghi thức, tục lệ ở lễ hội của cả ba làng. Do vậy việc tổ chức tốt lễ hội ở đây sẽ phát huy được tình đoàn kết, tương trợ lẫn nhau giữa các địa phương như truyền thống tốt đẹp của các làng mạc Việt Nam vốn đã có từ xa xưa.

74 - HỘI QUÁN THÁNH

Thờ: Đại Thánh Trấn Vũ (Huyền Thiên), thần trấn phương Bắc
Địa điểm: Phường Quán Thánh, quận Ba Đình
Thời gian: 1 tháng Giêng và 3 tháng Ba chính hội
Đặc điểm: Giáng bút, cầu mộng, cầu lộc

Mạn nam Hồ Tây, phường Quán Thánh, huyện Vĩnh Thuận trước đây, nay là giao điểm của đường Thanh Niên và đường Quán Thánh, tọa lạc ngôi đền lớn, với tam quan kỳ vĩ, phía trên tạc ba chữ lớn "Trấn Vũ Quán" - đó là đền Quán Thánh hoặc quán Trấn Vũ, thuộc quận Ba Đình. Gọi là Quan Thánh là không chính xác, Quán Thánh tức là quán thờ thánh Trấn Vũ, vị thánh mà

theo huyền thoại, có trọng trách trấn giữ phương Bắc. Quán là nơi thờ của Đạo giáo. Xưa, quán là nơi tu luyện của các đạo sĩ theo đạo giáo, chuyên tu theo thuyết thần tiên, và luyện các phù phép. Thời Pháp thuộc, người Pháp chắc căn cứ pho tượng thánh đồ sộ, uy nghi cho là tượng Phật, nên họ gọi đền này là "đền Phật lớn" (Temple du Grand Bouddha). Tương truyền đền được xây năm 1102 trong hoàng thành, thờ "Huyền Thiên Trấn Vũ chân quán" hoặc "Huyền Thiên Chân Vũ Đại đế" hoặc nữa "Trấn Thiên Chân Vũ Đại đế". Năm 1474, do mở rộng hoàng thành (nội kinh) đền được di ra ngoài và xây ở bờ nam Tây Hồ, tức địa điểm hiện nay. Theo văn bia ở đền thì quán này được xây dựng từ đời Lý Thái Tổ, ngay lúc thiên đô ra Thăng Long, năm Thuận Thiên thứ nhất (1010). Đền đã nhiều lần được sửa chữa: 1768 - đời vua Lê Hiển Tôn, 1810 - năm Gia Long thứ 9, 1842 - đời Thiệu Trị thứ hai. Nhưng có hai lần trùng tu lớn là năm Vĩnh Trị thứ 2 (1677, đời Lê Hi Tôn) và năm Thành Thái thứ 5 (1893). Đền có phong cảnh thâm u, kiến trúc đường bệ, rất hấp dẫn người hành hương và khách du lịch. Thần tích cho biết, ngày xưa có con hồ ly tinh chín đuôi, tung hoành khắp nơi, làm hại dân rất nhiều. Vùng Hồ Tây cũng không thoát cảnh đó. Ngọc Hoàng Thượng đế động lòng, cho thần Huyền Thiên giáng hạ, trừ hại cho dân. Huyền Thiên dùng thần kiếm và phù phép giết được hồ tinh. Ngoài nạn hồ tinh chín đuôi, vua Lý lập đền thờ này để trừ mọi loại yêu quái khác, giữ yên phương Bắc cho kinh thành. Thời ấy, đền có

tượng gỗ, đến đời Lê Hi Tông, niên hiệu Vĩnh Trị thứ 2 (1677), nhân trùng tu đền, triều đình cho đúc tượng thánh bằng đồng đen cao 3,96m, nặng gần 4 tấn. Chu vi phần dưới tượng là 8m. Năm 1892, dựng một bệ đá cao 1,50m, để đặt tượng lên. Tượng trong tư thế ngồi oai nghiêm trên bệ đá, y phục nai nịt gọn gàng, mặt vuông, mắt nhìn thẳng, đầu trần, chân đất, tóc xõa ra sau, mặc áo đen. Tay phải tỳ lên đốc kiếm, có rắn quấn quanh lưỡi kiếm, mũi kiếm chống lên lưng rùa. Tay trái Thánh giơ ngang ngực, ngón trỏ, ngón út chỉ thẳng lên trời, bắt quyết trừ tà, cứu độ chúng sinh. Kiểu ngồi niệm chú như thế Đạo giáo gọi là "Già tọa". Tượng thần có hình rùa và rắn như thế, vì rùa và rắn là tượng trưng của thần trấn giữ phương Bắc. Đây là mô phỏng văn hóa Hán, các mộ thời Hán, Đường thường làm hình rùa và rắn ở phía Bắc mộ để trấn áp tà ma. Thần mặc áo đen vì theo thuật thiên văn phương Đông cổ thì mỗi phương trời mang một sắc màu, phương Bắc sắc đen. Về mặt nghệ thuật điêu khắc, tượng thánh Trấn Vũ ở đền Quán Thánh là một công trình quý giá của thế kỷ XVII còn lại tới ngày nay, đồng thời đánh dấu trình độ kỹ thuật đúc đồng của dân ta cách đây đã 300 năm. Cùng đúc với tượng, còn có quả chuông hiện ở gác tam quan. Chuông cao gần 1,5m. Tiếng chuông trong trẻo, vang xa, bao năm tháng đã "cùng sống" trong sinh hoạt dân dã thân quen của nhân dân kinh thành:

Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương.

Mịt mù khói tỏa ngàn sương,
Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ...

Đền còn có chiếc khánh đồng lớn 1,10m x 1,25m do Đại đô đốc Lê Văn Ngữ (thời Tây Sơn) đứng ra quyên góp để đúc vào năm Cảnh Thịnh thứ 2 (1794), nay vẫn còn. Thời Nguyễn, năm Tự Đức thứ 9 (1856) Phạm Xuân Quế, bố chánh Sơn Tây cùng Tôn Thất Giao, bố chánh Hà Nội và tri huyện Vĩnh Thuận Phan Huy Khiêm, tổ chức quyên góp, xây thêm hành lang, gác chuông, và mở thêm gian thờ Văn Xương đế quân.

Cuối thế kỷ XIX nhà nho yêu nước Kỳ Xuyên Nguyễn Thông (1827 - 1894) đã làm bài thơ khơi dậy hồn thiêng đất nước (trước họa ngoại xâm) thông qua hình tượng Trấn Thiên Chân Vũ Đại đế:

Phiêm âm:

Cổ quán Tây lâm Lãng Bạc hồ
Thiên niên linh tích mãn danh đô
Liên hoa nhiễu chữ toàn khai kiếm
Trúc điệp hòa giang tiểu thí phù
Trần thế hữu tâm hồi đại kiếp
Phù sinh vô lực vãn hồng lô
Chung thanh hoán khởi tang thương mộng
Tá vấn Huyền Chân mộng tỉnh vô?

(Quốc triều thi lục)

Dịch:

Quán cổ nhìn ra Lãng Bạc hồ
Ngàn năm thiên tích chốn danh đô

Hoa sen nổi bến như gươm báu
Lá trúc trôi sông tựa mảnh bùa
Trần thế có lòng xoay thế cuộc
Phù sinh không sức níu cơ đồ
Chuông vang chợt nhớ đời dâu bể
Nhờ gọi Huyền Chân tỉnh mộng cho.

(Ngô Đức Thọ dịch)

Đền còn thờ các thần khác như Tứ đại Nguyên súy Pháp tượng. Bạch Ngọc thần Pháp tượng... Nhưng đáng lưu ý là tượng Tử đồng Văn Xương đế quân. Đây là vị thần theo quan niệm Đạo giáo, coi về văn chương thi cử. Uy tín của thần rất lớn đối với nho sinh. Khoảng đầu thế kỷ này, các thầy đồ, thầy khóa cứ vào các ngày mồng 1, ngày mồng 6 âm lịch hàng tháng thường mang vàng hương lễ vật đến khấn cầu rất thành kính, rồi ngủ lại đền chờ thần báo mộng xem cuộc thi sắp tới đỗ hay không đỗ. Nhất là những năm, tháng có khoa thi thì đền càng tấp nập. Sở dĩ có lệ ấy là do tương truyền thần từng giáng bút cho biết, vì thấy nước Nam là nước văn hiến nên hàng tháng cứ vào hai ngày ấy thần sẽ tới báo mộng cho sĩ tử...

Như trên đã nói, trong bốn trấn thì trấn phương Bắc này phải vĩnh viễn trấn áp mọi loài yêu quái ở Hồ Tây, nên từ đời Lê, dân làng Yên Quang (sát Hồ Tây) hàng năm hai lần phải cử hành lễ rước "thần hổ" theo bờ Hồ Tây, để biểu tượng uy quyền của thánh và sức mạnh của dân, áp đảo các thế lực hắc ám. Trước khi rước, có lệ tuyên đọc sắc chỉ của vua. Mồng 3 tháng Ba là ngày chính hội có

rước từ đền Quán Thánh tới đền Thụy Khuê. Từ khi tượng thần Văn Xương chuyển ra thờ ở đền Ngọc Sơn (hồ Hoàn Kiếm) thì lệ tục kia cũng không còn.

Đền Quán Thánh còn một di sản quý báu khác, đó là sáu tấm bia đá, trong đó có những bia nói rõ lẽ huyền diệu trong việc tu dưỡng tinh thần - đạo lý và việc tu sửa đền mà các tác giả đều là những Trạng nguyên, Tiến sĩ hoặc Thiền sư được các triều Lê Trung Hưng và nhà Nguyễn sai soạn như: Trạng nguyên Đặng Công Chất (1616 - ?), Tiến sĩ Hồ Sĩ Dương (1622 - 1681), Phổ Huệ Quang Không hiển ứng đạo hiệu Viên Thông... hoặc Tiến sĩ Lê Huy Vinh (soạn vào khoảng 1857).

Ngoài ra, ở nhà bái đường, có một pho tượng nhỏ màu đồng đen, ở tư thế ngồi, đầu trần cạo trọc, nét mặt tươi vui, nay vẫn được hương khói. Tương truyền đó là tượng của người thợ đúc đồng - ông trùm Trọng - chính là tác giả pho tượng thánh Trấn Võ tuyệt mỹ kia. Nguyên khi đúc thành công pho tượng thánh, ông chỉ có nguyện vọng duy nhất, là sau khi ông qua đời, ông được thờ phụ ở đền này. Tượng này chắc chắn do học trò của ông đúc để kính viếng người thầy, người thợ cả tài hoa của họ.

Trải qua hơn 300 năm, ngôi đền uy nghi và tượng thánh Huyền Thiên Trấn Vũ ở phía Bắc kinh thành Thăng Long - Hà Nội vẫn là một di tích lịch sử - văn hóa nổi tiếng mà khách du lịch và người hành hương khắp nơi vẫn về chiêm ngưỡng, dâng hương rất đông. Và trong tâm linh người Việt, thánh vẫn là đấng thiêng liêng vô hình

vừa có công tích diệt trừ yêu quái - hồ tinh chín đuôi - như huyền thoại, vừa là biểu tượng của sự trấn an - bảo vệ phía Bắc kinh thành cho đời sống nhân dân được yên vui, thái bình.

75 - HỘI KẺ SỦI

Thờ: Thái hậu Ỷ Lan (ở đền), Tây vị đại vương (ở đình)
Địa điểm: Xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, Hà Nội
Thời gian: Ngày 3 tháng Ba
Đặc điểm: Vừa nhảy múa, chuốc rượu vừa hô (Bông Sòng)

Sủi hoặc Phú Thị nay thuộc huyện Gia Lâm - cách quốc lộ số 5 khoảng 800m (km 13.4 đường Hà Nội - Hải Phòng). Đây là một làng nằm trong địa bàn cư trú của người Việt cổ, xưa thuộc Kinh Bắc, cách Luy Lâu về phía đông bắc chừng 10km.

Làng có 7 giáp: Phú Văn, Phú Lễ, Phú Nghiã, Phú Ân, Phú An, Phú Lương, Phú Vinh.

Sủi là tên nôm của Thổ Lỗi. Nơi đây đã sinh ra nhiều danh nhân của đất nước: nổi tiếng nhất là nguyên phi Ỷ Lan - đời Lý Thánh Tông - hai lần làm nhiếp chính tạm thời thay vua cai quản việc nước, bà cảm hóa được nhân tâm: đương thời suy tôn bà là Quan Âm Nữ. Thổ Lỗi là trại quân xưa của Tây vị đại vương tướng quân Đào Liên Hoa giúp vua Đinh dẹp loạn 12 sứ quân - khi ông mất,

vua Đinh cho lập đền thờ. Sau này, dân tôn tướng quân làm thành hoàng làng. Nơi đây đã hình thành nên quần thể di tích đình, đền, chùa (thuộc xã Phú Thị) xây theo lối tiền thần, hậu Phật được nhà nước xếp hạng đầu năm 1898. Làng Sủi từ rất lâu đời vẫn có tục Bông Sòng - một bộ phận quan trọng trong lễ hội mùng 3 tháng Ba hàng năm.

Người ta cho rằng "Bông" là Nguyễn Bông - quan thái giám dưới triều Lý Thánh Tông, theo hầu bà nguyên phi Ỷ Lan. Quê ông nay là thôn Trung, xã Dịch Vọng, quận Cầu Giấy; hiện nay còn địa danh xứ Đồng Bông. "Sòng" là sòng phẳng, ngay thẳng. Tục Bông Sòng mang nội dung giải oan cho Nguyễn Bông. Thần phả (đền nhắc đến tục này. Tên cúng cơm của bà Ỷ Lan là Trần Thị Khiết, con cụ Lê Khâm người trang Thổ Lỗi. Thần phả ghi bà ở với mẹ kế, mâu thuẫn dì ghẻ con chồng. Vua Lý Thánh Tông 40 tuổi chưa có con về cầu tự ở chùa Thổ Lỗi (Đại Dương tự) gặp cô Khiết đang tựa gốc cây lan (nên sau đặt tên là Ỷ Lan)[1]. Về sau, Ỷ Lan cũng về đây cầu tự - Nguyễn Bông nghe theo kế sách của pháp sư Đại Điên lọt vào nơi Ỷ Lan đang tắm, để mong đầu thai làm con của bà. Bị phát giác và bắt tội, Nguyễn Bông bị chém đầu ở chợ Sủi. Pháp sư Đại Điên lấy son vẽ vào hai vai thi hài Nguyễn Bông

---

(1) Có thuyết rằng bà tựa gốc dâu (cây dâu tằm - bà đang hái dâu) có vẻ thờ ơ trước cành xa giá rộn ràng. Vua lấy làm lạ, cho dời lại. Vua đẹp ý khi thấy bà duyên dáng, đối đáp nhanh nhẹn lễ phép, bèn đem về cung.

hình hai rồng chầu. cắt khuyết một đầu ngón chân út và điểm bảy nốt ruồi vào đùi bên trái. Sau này thái tử Cảnh Đức cũng có dấu ỵ như thế. Do đó. mới biết Nguyễn Bông bị oan. Triều đình về làng Sủi báo tin. làm lễ giải oan cho Nguyễn Bông.

Xưa. làng tập trung mở lễ hội 15 ngày đầu tháng Ba (theo thần phả thì ngày mùng 1 tháng Ba là ngày khánh hạ. mùng 7 tháng Ba là ngày sinh đức thái hậu. Tháng Ba là tháng hoàn thành việc xây dựng lại chùa Sùng Phúc ở hương Siêu Loại tức Thổ Lỗi - quê hương nguyên phi Ỷ Lan. Nơi bà cầu tự linh nghiệm).

Sáng mùng 1 tháng Ba giáp đăng cai làm lễ tại đình và rước bát hương về nhà. Đồng thời tổ chức hát nhà tơ (cô đầu. ca trù) - do hội đồng hương chính điều phối - cho đến ngày 3 tháng Ba. Trưa mùng 2 tháng 3 giáp đăng cai điều cô đầu hát tại nhà cho 6 giáp còn lại. giáp nào đăng cai trong năm thì giáp đó tổ chức hội Bông Sòng. còn lại 6 giáp sẽ làm sứ (từ 12 đến 16 sứ). Sứ đi cùng chú bác của mình đến nhà giáp đăng cai để trình diễn. Khi đi. mặc áo đỏ dài. khăn vàng. quần trắng chân đi giầy "ăn thưng giả bồ". Con trai trong làng dù đang làm ăn xa đến ngày hội cũng về dự và làm cỗ thờ (do hội đồng hương chính quy định). Mâm cỗ chủ yếu chỉ thịt lợn luộc. xôi hoa cau (rất ít đậu xanh) đưa ra đình cúng xong. đem về nhà thụ lộc. Trong lễ hội hàng năm thì ngày 3 tháng Ba là ngày đại lễ. Từ buổi sáng 7 giáp tổ chức rước sắc phong. rước kiệu đức bà từ trong đền ra. đi một vòng

trên đường lớn theo nghi thức long trọng rồi trở về đền. Các vai chánh sứ, phó sứ được chọn trong các cháu thiếu niên nhi đồng của giáp đăng cai, mặc áo gấm, đội khăn đở đi cùng trong đám rước.

Sáng mùng 3 tháng Ba giáp đăng cai cử vài cụ cao niên ra lễ ở miếu ông Bông và chọn 8 vị hiệu (trống, chiêng, cờ) đi rước kiệu. 8 cô gái đồng trinh khiêng kiệu, trên đó để bát hương, 4 cô khiêng võng đào (kiệu võng) từ cổng nhà người đăng cai. Có 2 hòa thượng ở chùa ra đón. (Hội năm 1939 - 1940 là hòa thượng chùa Vĩnh Nghiêm). Các sứ của 6 giáp đi sau kiệu, đều có lọng che riêng (màu sắc tùy gia đình chọn). Các ông hiệu đội mũ hiệu (mũ mão có giải đằng sau), áo đỏ có đai, người nhà cầm lọng giấy sơn đen hoặc màu ngà đi bên cạnh. Tất cả rước ra miếu rồi về đình chợ (ở giữa chợ Sủi) phía trước sân lối cổng vào đình - đền; ngồi chờ để các giáp ra chúc rượu.

Buổi chiều tổ chức hội Bông Sòng - 14h khi nghe ba hồi hiệu lệnh chiêng (tại các giáp, dù chưa ăn xong cũng đứng dậy) thì 10 đến 20 thanh niên mặc áo dài, khăn xếp hay khăn lượt mang theo trầu cau, rượu - trong đó có một người gõ trống con (trống ca trù), còn lại là những người khác đi cà kheo. Cùng với tiếng trống là tiếng hô "Sòng Bông Sòng" từ trong làng lên tới miếu ông Bông đầu làng. (Dân làng thương Nguyễn Bông nên lập ngôi miếu ở ngã 3 cầu Giàng, cách chùa khoảng 100 - 200m, trên trục đường lớn từ Thăng Long qua Phú Thị vào Dâu, Keo) sau đó về đình chợ để tổ

chức chúc rượu các đại diện chánh, phó sứ. Cuộc chúc rượu quy định rõ: một giáp đỗ cho ba sứ (bố hay chú bác của sứ - người chịu rượu). Để hạn chế rượu mỗi giáp chỉ có 1,5 lít, đỗ cho 3 sứ xong mới đến lượt khách. Khách khi được chuốc sẽ có thưởng tiền: 5 xu/lần trong 3 tuần rượu.

Cuộc chúc rượu này chỉ diễn ra chừng hơn 1 giờ khi cả 6 giáp đã chúc xong.

Hội cuối cùng mở năm 1946. Năm mươi năm sau (1996) hội mới được mở lại, đáp ứng nguyện vọng của dân làng. Tục Bông Sòng mang ý nghĩa xã hội và nhân văn sâu sắc: Đạo lý uống nước nhớ nguồn, sự công minh chính trực, nỗi oai trái được giải... Bông Sòng chỉ tìm thấy ở làng Sủi. Với hình thức đơn sơ của sinh hoạt cổ xưa, cùng di chỉ miếu ông Bông, đình đền, chùa... đã giúp hậu thế phần nào xác định quê hương của thái hậu Ỷ Lan. Tục Bông Sòng có sức hấp dẫn độc đáo cùng với các phần hội: hát nhà tơ (cô đầu), thi hát trống quân, chọi gà, đánh đu, cờ người, cờ bỏi, đấu vật, thả chim bồ câu... đã làm nên sự phong phú của lễ hội làng Sủi.

76 - HỘI LÀNG BẮC BIÊN

Thờ: Lý Thường Kiệt[1], Hai Bà Trưng, Đào Kỳ
Địa điểm: Xã Ngọc Thụy, huyện Gia Lâm
Thời gian: 6 tháng Ba
Đặc điểm: Rước kiệu cha, thả cá chép

Đi ở bờ sông phía bắc sông Hồng nên làng có tên gọi Bắc Biên, vốn là một trong những làng cổ lịch sử tới ngàn năm. Thuở xa xưa làng An Xá có chùa An Xá, khi vua Lý Thái Tổ rời kinh đô từ Hoa Lư ra Đại La và đổi là kinh đô Thăng Long, thì dân An Xá chuyển dần ra bãi giữa sông Nhị, nhường đất cho triều đình dựng điện Càn Nguyên làm nơi triều ngự (1014). Đến năm 1132 đời vua Lý Thần Tông, nước sông Nhị Hà lên to, dân phải làm sàn trụ trên mặt nước, nhà vua ngự thuyền rồng kinh lý qua thấy vậy cho đổi tên là làng Cơ Xá. Trải qua bao triều đại, dân làng phát triển, nhà cửa mọc lên suốt chiều dài từ Yên Phụ đến tận bãi Đồng Nhân với tên gọi Cơ Xá Nam. Thời Nguyễn, triều vua Tự Đức (1848) Cơ Xá thuộc huyện Thọ Xương, Hà Nội cho đến trước năm 1945 thuộc tổng Phúc Lâm, Hoàn Long, tỉnh Hà Đông. Từ năm 1911 đổi tên Cơ Xá thành Phúc Xá vì trong tâm thức của dân cho

---

(1) Theo sách "Lý Thường Kiệt" tập 1 - Hoàng Xuân Hãn thì Lý Thường Kiệt họ Lý, húy là Tuấn, Thường Kiệt là tự.

Theo "Danh nhân lịch sử" tập 1, Nhà xuất bản Giáo dục 1987 thì Lý Thường Kiệt vốn họ Ngô tên Tuấn, tự là Thường Kiệt sau được nhà Lý ban quốc tính.

rằng Cơ là cơ cực, cơ hàn... cần phải đổi thay cuộc sống đó. Như vậy Phúc Xá ngày ấy bao gồm Bắc Biên, Trung Hà và rải rác cả Cơ Xá Nam (phố Lê Quý Đôn, gần Lò Lợn). Bắc Biên hiện nay nằm dọc đê phía Bắc, từ Hà Nội qua cầu Long Biên rẽ phải một cây số qua Yên Tân. Đây là vùng đất bãi, ngô trồng hai vụ và đỗ, lạc, chuối, đu đủ... xanh tốt quanh năm, đất màu mỡ nhưng ít ỏi vì bị lở hàng năm, dân cần cù chất phác nhưng cảnh đói nghèo cứ đeo đẳng mãi. Thời phong kiến dân được miễn các loại thuế như thuế gốc đầu, thuế hộ, thuế đò... và các tạp dịch như đắp đê, đắp đường sá, sưu sai linh tráng... Đến các thập kỷ 80, 90 của thế kỷ này và trong cơ chế mới, cuộc sống của dân (gần 300 hộ) mới thực sự được nâng cao, nhà ngói, mái bằng cao ốc san sát, đường sá rải bê tông, điện sáng khắp làng, nhà nhà có bát ăn bát để, người già tăng tuổi thọ, văn hóa xã hội phát triển, các di tích lịch sử văn hóa được tôn tạo.

Từ trên đê, đã nhìn thấy tam quan và gác chuông của chùa làng vẫn mang tên làng xưa là Phúc Xá tự, có quả chuông đồng đúc vào niên hiệu Phúc Thái thứ 6 đời Lê Chân Tông (1649) chuông có bài minh nói rõ sự chuyển đổi làng, tên làng - quê hương của ngài Ngô Quảng Châu được ban quốc tính là Lý Thường Kiệt - một danh tướng có nhiều công lao phạt Tống, bình Chiêm bảo vệ đất nước ta thời Lý... Gần 350 năm nay, quả chuông được dân cất giữ, có thời phải giấu xuống hồ ao, thật là một di vật quý hiếm và giá trị. Chùa gồm năm gian ngang và ba gian dọc

là hậu cung. bên cạnh lại có một tòa nhà thờ mầu kiến trúc giống đình. trên nóc có lưỡng long chầu nguyệt. tiếp đến là nhà tổ và phía sau là khu mộ tháp... sân vườn thoáng đãng. nhiều cây cao bóng cả thật yên tĩnh mà có sức hấp dẫn du khách lạ lùng.

Kề bên chùa là ngôi đình năm gian. tả hữu có dãy nhà ba gian. hiện tại được sử dụng làm nhà truyền thống của làng. bên trong trưng bày tranh tượng Lý Thường Kiệt. tiểu sử và các chiến công của ngài cùng với nhiều bản đồ thành Thăng Long thời Lý - Trần. thành Đông Quan thời Lê. làng Phúc Xá - Trung Hà... Trên đình có ngai và tượng Lý Thường Kiệt và nhiều câu đối hoành phi. Đình làng còn thờ vọng cả Hai Bà Trưng và một vị tướng thời ấy là Đào Kỳ. Dân làng vẫn kiêng họ ngài. phải nói chệch đi "đào" là "điều". Hàng năm xuân thu nhị kỳ tế. còn hội làng thường mở vào mồng 6/3. Trong dân có câu:

Bao giờ mồng sáu tháng ba
Để làng mở hội, em ra kén chồng.

Do Bắc Biên từ lâu đời kết chạ với Hội Phụ (nay thuộc huyện Đông Anh) vì cùng thờ chung Đào tướng quân. Nên giao ước hai bên không được lấy lẫn nhau. coi nhau như anh em một nhà. cùng chia ngọt sẻ bùi. hoạn nạn giúp nhau... Bởi vậy chỉ có ngày hội mới phân biệt được ai là anh em kết chạ, ai là người xa lạ có thể tìm hiểu giao duyên. Ngay cả trong việc rước, hương ước của làng cũng thật chặt chẽ. Dân cư trú tại làng mới một đời thì được phép khiêng trống cái, dân cư trú tại làng mới hai đời thì

được phép khiêng chiêng, ba đời thì được phép vác cờ thần, bốn đời thì được phép mang gươm hầu, năm đời thì được phép khiêng long đình... Tất cả những người được giao nhiệm vụ cụ thể trên phải là trai gái trẻ khỏe đẹp, chưa vợ, chưa chồng, không có tang tóc trong nhà, bố mẹ song toàn, và ba đời không phạm tội ác...

Vào đám rước: có một vị mặc quần trắng, áo the thâm, chít khăn xếp cầm tay thước đi trước để dẹp đường. Đi sau là trống, chiêng, cờ, bát bửu, gươm, long đình, rồi mới tới kiệu. Sau đó là các cụ và dân làng. Đoàn rước xuất phát từ đình đi lên phía làng Bắc Cầu gần bến Đông Trù, để đón chạ anh từ Hội Phụ qua sông sang, rồi đoàn rước quay lại, qua làng đi đến gần cầu Long Biên và quay về đình, đoạn đường dài ba cây số. Trong khi rước đi như vậy có lúc kiệu em muốn vượt kiệu anh, nên tự nhiên kiệu chạy như bay và kiệu quay thật là nhanh, cờ quạt chiêng trống phải chạy theo thật nhộn nhịp và náo nức, mọi người ai cũng thấy phấn khởi như có sức mạnh được thần phù trợ, điều lạ nhất là chạy như thế mà bát hương và bình hoa trên kiệu không hề bị đổ. Khi kiệu đã về đình, lễ tế bắt đầu. Phẩm vật là hoa quả, xôi gà, đặc biệt cũng có cúng bánh trôi, xôi vò, chè đỗ...

Bắc Biên còn có phong tục thả cá chép ra sông. Theo người già kể lại rằng: xưa kia có vị tướng chỉ huy quân lính đi thuyền dọc bờ sông để tập kích giặc, không may thuyền quân bị thủng đáy, có nhiều cá chép nhảy vào thuyền. Do đó nên trong hội làng có tiết mục mua cá chép

về thả sông để cúng quân sĩ thời xưa và tưởng nhớ lại một trong những trận đánh bi hùng trên sông Nhị.

Sân đình Bắc Biên rực rỡ sắc màu: màu cờ, màu áo, màu hoa... Sân đình đã rộng mà người đi lễ, người đi xem hội vẫn cảm thấy như bé nhỏ bởi người đông đúc chen lấn nhau, tiếng chào mời, tiếng cười nói ồn ào náo nhiệt, trẻ em thì chạy tung tăng luồn lách khắp nơi mọi chốn, leo trèo cả lên hai cây si cổ thụ to trồng ở hai bên cầu xi măng cong cong soi bóng xuống mặt hồ trước sân đình để xem hội, xem rước.

Ngôi đình là trung tâm của hội làng, tiếng trống, tiếng chiêng rộn rã, hết tế của đội tư văn, đến dâng hương của đội nữ, tiếp đến bà con ở Cơ Xá Nam - nơi cũng có đền thờ Lý tướng công, rồi đến bên anh Hội Phụ, sau nữa là bà con trong xã Ngọc Thụy như Yên Tân, Gia Quất, Gia Thượng, Bắc Cầu... Dọc bờ đê hàng quán bày la liệt những hương, hoa, oản, trái cây, và bánh kẹo, bún riêu cua, phở... thôi thì chẳng thiếu thứ gì. Các bà đi lễ thì thành kính nghiêm trang, chỉ cầu mong mọi sự tốt lành và xin lộc thánh về cho cháu con. Trai gái xa gần thì đi chơi ngắm cảnh là chủ yếu, họ kéo nhau từng tốp hết ở bên đình lại sang chùa, hết chụp ảnh kỷ niệm ở nhà bia giữa hồ, lại kéo nhau sang Gia Thượng (làng bên trong đê, chỉ cách chừng dăm chục mét) để xem dấu tích thành cũ Điêu Diêu, nơi quân nhà Minh năm 1427 đã kéo cờ trắng ra hàng... Từ Bắc Biên tỏa ra các làng lân cận, đâu đâu cũng vui như hội, con cháu đi làm ăn nơi xa kéo về, khách xa gần

họ hàng bè bạn của các họ Ngô, Nguyễn, Lê, Đỗ... mời nhau về nhà thết cơm rượu.

Hội làng Bác Biên đề cao tinh thần cộng đồng, tình yêu thiên nhiên, lòng sùng bái các vị anh hùng có công với dân với nước.

Hàng năm hội mở, nhân dân lại cảm nhận sâu sắc và giữ gìn những truyền thống tốt đẹp ấy.

77 - HỘI ĐÌNH ỨNG THIÊN

Thờ: Nữ thần Nguyên quân hậu thổ; Linh Lang, Từ Nương tôn thần, Cao Sơn đại vương, Vĩnh Gia công chúa

Địa điểm: Phường Láng Hạ, quận Đống Đa

Thời gian: 6 - 8 tháng Ba và 26 tháng Chín. Chính hội 6 tháng Ba

Đặc điểm: Thờ mẫu ở trong đình

Đình Ứng Thiên xưa thuộc trại An Lãng, huyện Quảng Đức, phủ Phụng Thiên bên cạnh thành Thăng Long. Đó là đất của ba làng Láng nổi tiếng về nghề trồng rau của đất kinh thành: "Dưa La, cà Láng, nem Báng, tương Bần..." - Láng Thượng, Láng Trung và Láng Hạ. Đình thuộc đất làng Láng Hạ, nay là phường Láng Hạ, quận Đống Đa Hà Nội.

Khu vực ba làng Láng là một nơi có mật độ di tích

khá dày đặc. Nổi tiếng nhất phải kể đến chùa Láng nơi có hội lớn trùng ngày với hội đình Ứng Thiên.

Nhớ ngày mồng 7 tháng Ba
Trở về hội Láng trở ra hội Thầy.

Chùa Láng cũng là nơi gắn liền với vị thiền sư nổi tiếng của nước Nam là Từ Đạo Hạnh, tương truyền đây là quê hương của ngài. Vì vậy nơi đây còn có những di tích khác liên quan đến thiền sư và những người thân của ông. Đó là chùa Nền thuộc làng Láng Hạ chỉ cách chùa Láng thuộc làng Láng Thượng khoảng 500m về phía nam. Theo dân gian thì chùa Nền được xây dựng ngay trên nền nhà của song thân Từ Đạo Hạnh.

Đền Linh Lang, đền Voi Phục thuộc làng Láng Thượng, nay ở trong công viên Thủ Lệ, thờ hoàng tử Linh Lang.

Chùa Cẩm Ứng thuộc làng Láng Hạ thờ đức Phật địa mẫu.

Chùa Miễu của làng Láng Hạ nay thuộc phường Thịnh Quang.

Đền thờ Cao Sơn đại vương ở Láng Trung.

Đền thờ công chúa Vĩnh Gia, một vị tướng của Hai Bà Trưng, trên đất Láng Thượng.

Đền Du Dơ là nơi thờ bà Từ Nương, chị của đức thánh Từ Đạo Hạnh, được dựng trên đất làng Láng Thượng gần chùa Láng.

Đền Tá Trực đại vương là ngôi đền nằm giữa làng Láng Hạ và làng Thịnh Quang. Sau này ông được rước về

đình Ứng Thiên thờ trong cung Mẫu.

Như vậy ba làng Láng xưa với 9 xóm có tới 9 di tích thờ tự mà hầu hết còn giữ được đến tận ngày nay và có liên quan mật thiết với nhau.

Đình Ứng Thiên là một trong những di tích quan trọng của địa phương. Đình có kiến trúc hình chữ công (I) đã được tu bổ và sửa sang nhiều lần đời Lý - Trần - Lê và niên đại sửa chữa lần cuối cùng được ghi vào đời Thành Thái thứ hai (1890). Cấu trúc của đình gồm có nhà tiền tế. phương đình với hai dãy dải vũ nằm song song. Phần thờ tự chính xây liền với phương đình. Đình còn giữ được nhiều trang trí kiến trúc. chạm khắc. tượng. hoành phi câu đối qúi báu.

Theo dân gian ở đây thì đình Ứng Thiên có nguồn gốc từ một ngôi đền cổ thờ nữ thần Nguyên quân hậu thổ từ thời Lý. Tương truyền do vua Lý Thánh Tông dựng sau cuộc chinh phạt Chiêm Thành vào năm 1069. nhằm nhớ ơn vị thần đã có công giúp nhà vua đánh thắng giặc trong cuộc chinh phạt này. Mãi đến thời Lê Trung hưng mới mở rộng và trở thành đình của làng Láng Hạ. Một câu đối còn lại ở đây đã nhắc lại sự kiện trên đây của vua Lý.

"Sơn mộc thê thần. y phục đạm trang kinh đế mộng
Hải môn hiển ứng. phong đào tinh thiếp hộ vương sư".

Gỗ rừng tạc tượng thần trang điểm áo quần như trong mộng
Cửa biển hiển thánh. dẹp yên sóng gió giúp thuận vua).

Lý Tế Xuyên có chép trong sách "Việt điện u linh":

"Nguyên quân tức là thần cõi đất nước Nam. Khi xưa vua Lý Thánh Tông vào dẹp giặc Chiêm Thành đến cửa biển bỗng nhiên trời mưa to gió lớn, sóng cuộn trùm lên, xa trông như những dãy núi. Tầu thuyền của vua đều không thể qua được buộc phải đậu thuyền ở bên bờ cát ấy. Đêm hôm đó nhà vua nằm mộng thấy một người con gái áo trắng, quần hồng, duyên dáng lộng lẫy bước lên thuyền rồng mà nói rằng: "Ta vốn là tinh khí ở nước Nam, đậu ở trên cây đã lâu, nay gặp minh quân đi chinh phạt lũ giặc nhiễu phương nam, ta nguyện gắng sức theo vua để lập chút võ công". Nói rồi thần biến mất. Nhà vua sợ hãi, tỉnh giấc triệu trăm quan và người già kể cho nghe về giấc mộng của mình. Vị tăng thống tự Huệ Sinh thưa rằng: "Hoàng thượng nằm mộng thấy thần nhân nói đậu ở trên cây, có thể tìm thấy được". Thế rồi bèn sai những người thân cận tìm khắp các ngọn đồi trên bờ thì thấy một khúc cây gỗ giống tượng thần, có nét như người mà nhà vua nằm mộng đã gặp. Hoàng thượng bèn sai mang đặt ở thuyền rồng, đốt hương cầu đảo, ban hiệu là "Hậu thổ thị phu nhân", chỉ trong giây lát gió lặng sóng yên. Đoàn thuyền khởi hành thuận lợi. Sau khi dẹp xong giặc Chiêm, thắng trận trở về, đi qua chốn cũ, nhà vua ban sắc dựng đền thờ thần. Từ đâu sóng lại nổi lên cuồn cuộn như xưa. Huệ Sinh dâng tấu trình bày rằng: "Thần không vừa ý nên đã ẩn tránh bờ xa, mong được trở về kinh đô". Thế rồi sóng biển bình lặng. Về đến kinh sư, vua sai dựng đền miếu ở hương An Lãng, đền thờ rất linh ứng.

Đến đời Trần Anh Tông, gặp lúc hạn hán, nhà vua bèn dựng đàn để cầu đảo thần linh. Thần bèn thác mộng nói với vua rằng: Bản đền có Cậu mang thần quân có thể làm mưa được. Nhà vua tỉnh dậy sai quan hữu tỵ đến làm lễ. Quả nhiên mưa lớn lan tràn. Nhà vua bèn ban sắc phong cho thần là Ứng Thiên Hậu thổ phu nhân. Dưới Hậu thổ phu nhân có Cậu mang thần quân coi về mưa xuân, nên từ nay phải làm lễ mùa xuân, rồi phải đem trâu đất để ở dưới đền thờ.

Trải qua các đời - thần đều được gia phong và được công nhận là vị thần có công với dân vậy.

Một câu đối khác còn giữ ở đình nói đến sự kiện này.

Trợ Lý bình Chiêm thiên cổ tích
Phù Trần bái vũ vạn dân an
(Giúp vua Lý đánh giặc Chiêm nên thiên cổ tích
Giúp vua Trần làm mưa để yên dân)

Từ đó trở đi, hàng năm cứ vào hai dịp xuân thu dân các làng Láng lại nô nức mở hội để nhớ lại công ơn của các vị thần được thờ ở trong đình Ứng Thiên. Hội lớn nhất là hội xuân kéo dài từ 6 tháng Ba đến 8 tháng Ba. Còn hội mùa thu chỉ diễn ra trong một ngày 26 tháng Chín mà thôi.

Tương truyền tại đình Ứng Thiên còn thờ cả đức Phật Địa Mẫu hư không - là người sinh ra muôn loài trên trái đất, vì vậy xưa kia đây còn là một trung tâm Phật giáo lớn của kinh thành. Suốt tháng Ba, người tứ xứ đến lễ Mẫu, lễ Phật, lễ Thần ở đây không ngớt. Vì vậy hội tháng Ba là dịp thu hút khách đông nhất trong năm.

Ngày mồng 6 tháng Ba cũng là ngày hội của chùa Láng thuộc làng Láng Thượng, vì thế mà ngày này là ngày hội của cả xã An Lãng xưa với qui mô và sự tham gia của toàn dân ba làng Láng. Suốt trong những ngày đó không khí sôi nổi thể hiện ở khắp nơi, một vùng rộng lớn mà ta thấy ngày nay từ Cầu Giấy đến Cống Mọc.

Ngày chính hội là mồng 6 tháng Ba nhưng từ trước đó các cụ trong làng đã cùng dân làng người nào việc nấy: chuẩn bị cờ quạt, đồ tế khí, quét dọn sửa sang đường sá, đình, chùa. Các cụ bô lão đi gom hoa bưởi để đun nước thơm làm lễ mộc dục - nghi lễ đầu tiên của ngày hội. Cũng như nhiều nơi khác, các cụ được cử ra đảm trách việc này là những người đức độ, song toàn, gia đình đề huề. Trước khi tắm tượng người ta làm lễ khấn Mẫu và các quan rồi mới tiến hành. Việc tắm các tượng được thực hiện cẩn thận, tỉ mỉ bằng nước thơm hoa bưởi. Khăn tắm là một vuông vải đỏ nhúng vào nước thơm rồi lau tượng. Xong rồi những người tham dự dùng nước tắm tượng ấy xoa nhẹ lên đầu, lên mặt như là được hưởng ơn lộc thánh. Còn vuông vải đó được xé nhỏ thành nhiều mảnh chia cho dân làng làm khước.

Ngày mồng 6 tháng Ba cũng là ngày long trọng nhất. Từ hôm trước cờ quạt đã dựng lên trong và quanh sân đình. Từ sáng tinh mơ tiếng trống hội đã vang lên rộn rã từ đình. Đêm hôm trước nhiều người dân và các cụ bô lão thay nhau túc trực trong đình cho đến giờ làm lễ mộc dục.

Sau nghi thức mộc dục, là gia quan: mặc áo, mũ cho

tượng thần, bài vị. Lễ thức này kết thúc cũng là lúc bình minh. Dân làng bắt đầu lục tục kéo đến dự hội.

Khoảng 8 giờ sáng sân đình và xung quanh đã chật kín người với đủ loại áo quần ngày hội và các lễ vật dâng cúng. Ông chủ lễ trịnh trọng tuyên bố khai mạc ngày hội xuân đầu năm, tiếng trống, chiêng vang lên rộn rã. Sau đó mọi người lặng im nghe ông đọc văn tế nói lên công đức của vị thần và cầu mong sự phù hộ của thần đối với dân làng trong năm mới.

Tiếp theo, lần lượt các dòng họ vào dâng hương. Các họ cùng lựa chọn những người tiêu biểu lễ thần. Lễ vật thường là hai mâm: một cỗ mặn và một cỗ chay. Từng lớp, từng lớp người vào ra trong không khí trang nghiêm thành kính. Khi dòng họ cuối cùng hoàn thành nghĩa vụ thì cũng vừa trưa. Lúc này mới tới khách thập phương dâng lễ.

Đại tế do các cụ bô lão tiến hành vào buổi chiều. Đoàn tế này buổi sáng đã tế trên chùa Láng. Đây là nghi lễ trang trọng nhất của đội tế gồm 17 bô lão đã qua tuyển chọn và tập luyện công phu. Cuộc tế này dài nhất, phải đủ 6 tuần tế. Dân chúng vây xung quanh xem, đếm từng tuần và bước đi của các cụ. Dàn nhạc bát âm cùng chiêng, trống phụ họa cho cuộc tế nhịp nhàng và long trọng.

Trong suốt ngày này, khi trong đình thực hành nghi lễ, những khách dự hội có thể tham gia các trò vui tại sân đình và khu vực xung quanh. Hội đình Ứng Thiên có nhiều trò vui như kéo co, chọi gà, đấu vật, hát chèo... Tối đến trong đình đèn, nến, hương khói nghi ngút và vẫn không

ngớt người đến lễ. Ngoài sân là hát chèo, chầu văn, diễn tích nhà phật, thu hút rất đông người xem.

Ngày mồng 7 tháng Ba hội tiếp tục. Đoàn dâng hương của các giáp và các đoàn thể trong làng tới lễ. Nghi thức trong đình cử hành bình thường. Ngoài sân, quanh đình những trò chơi, cuộc vui lại diễn ra sôi nổi. Đông vui nhất là ngoài sới vật và bãi chọi gà. Vào buổi tối, không khí càng náo nhiệt bởi các vở diễn của phường chèo, phường tuồng, làm người ta quên cả cái rét của mùa xuân kinh thành.

Mồng 8 tháng Ba: Kết thúc hội trước ban Mẫu. Từ sớm các cụ bà tụng kinh, lễ tế tạ rất trọng thể. Qua lễ này dân làng muốn gửi gắm đến các vị thần sự cầu mong được phù trợ một năm mới nhân khang vật thịnh, ấm no. Tiếp, từng cá nhân có thể vào lễ bày tỏ những nguyện ước của riêng mình trước thần linh. Những cuộc thi, cuộc đấu cũng đến hồi kết thúc phân thắng bại. Kẻ nhất người nhì lần lượt nhận thưởng, trong không khí phấn chấn mừng năm mới.

Dân làng và khách thập phương chia tay và hẹn gặp nhau vào ngày hội năm sau.

Hội mùa thu chỉ diễn ra một ngày vào hôm 26 tháng Chín, chủ yếu là dâng cơm mới, sản phẩm đầu mùa để tạ ơn thần.

Điều thú vị của hội đình Ứng Thiên là hội xuân đồng thời diễn ra trên cả ba làng Láng. Trong đó lớn nhất là hội chùa Láng với những đám rước từ các đền, chùa khác đến và đám rước long trọng suốt từ chùa đến Cống Mọc, qua sông Tô rồi quay lại. Rồi đến lễ hội ở đình Ứng Thiên, qui

mô không bằng chùa Láng nhưng đình lại là nơi tập trung thờ tự nhiều vị thần. Điều này đáp ứng được ước nguyện của nhiều người, nhiều tầng lớp khác nhau trong xã hội. Mặt khác, đến hội ba làng Láng khách thập phương có thể cùng một thời gian ngắn thăm được nhiều di tích có giá trị của kinh thành.

78 - HỘI CHÙA TAM HUYỀN

Thờ: Từ Vinh (thanh phụ thánh Láng)
Địa điểm: Phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân
Thời gian: 9 tháng Giêng và 6 tháng Ba.
Chính hội 6 tháng Ba
Đặc điểm: Đấu roi

Chùa Tam Huyền thuộc quần thể di tích chùa Láng (thờ Thiền sư Từ Đạo Hạnh), một quần thể ghi đậm dấu ấn Phật giáo triều Lý (1010 - 1225) dưới thời Vạn Hạnh - thời kỳ hưng thịnh của lịch sử Phật giáo Việt Nam.

Chùa Tam Huyền có tên chữ là Sùng Phúc Tự, nằm bên bờ phải dòng sông Tô Lịch ở địa phận thôn Thượng Đình, xã Nhân Mục cựu (tục gọi là Mọc cựu trong cụm 8 làng Mọc của vùng Mọc lừng danh xa xưa), tổng Khương Đình, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông, nay thuộc thôn Minh Khai, xã Khương Đình, huyện Thanh Trì, ngoại

thành Hà Nội, giáp với khu công nghiệp Thượng Đình (quận Đống Đa). Tháng 1 - 1997 thuộc phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân.

Chùa Tam Huyền có lăng thánh phụ Từ Vinh, thân phụ của thiền sư Từ Đạo Hạnh là vị thiền sư nổi tiếng thời Lý Nhân Tông (1072 - 1127) thuộc thế hệ thứ 12 dòng Thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi tại Việt Nam. Thánh phụ Từ Vinh giữ chức tăng quan đô sát có điều xích mích với Diên Thành Hầu, Diên Thành Hầu nhờ sư Đại Diên (hiện nay thờ tại chùa Duệ Tú - thôn Tiền, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy) dùng pháp thuật đánh chết, ném xác xuống sông Tô Lịch. Tương truyền xác gồm 3 khúc: khúc đầu trôi dạt vào địa phận xã Nhân Mọc cựu. Còn thân mình thì trôi dạt mãi tới địa phận thôn Pháp Vân (tục gọi là Kẻ Vân) xã Hoằng Liệt, huyện Thanh Trì. Trong dân gian hiện vẫn lưu truyền câu ca dao: "Mọc cựu thờ đầu, Lủ Cầu thờ chân, Pháp Vân thờ khúc giữa" ý nói về ba làng dọc bờ sông Tô Lịch thờ đức thánh phụ Từ Vinh.

Năm Bính Ngọ (1726), niên hiệu Bảo Thái thứ 7 đời Lê Dụ Tông (1705 - 1729), Lân Giác thượng sĩ Trịnh Hợp, còn gọi là Trịnh Thập (1690 - 1733) em ruột của An Đô vương Trịnh Cương (1686 - 1729), sơ Tổ dòng Thiền Lâm Tế Đằng Ngoài (Tế Trúc song hành), dựng chùa Liên Tông trên khu đất dinh thự của mình mà lập tổ đình của dòng Thiền. Ngài là bổn sư của hai vị đệ tử Trí Cư và Trạm Công. Sư Trí Cư được truyền đăng tại chùa Liên Phái với pháp hiệu Tích Dược tổ sư. Còn sư Trạm Công về trụ trì

tại chùa Sùng Phúc với pháp hiệu Tinh Tuyền. Hai vị đều thuộc thế hệ thứ hai của dòng Thiền Lâm Tế Đàng Ngoài.

Sư Trạm Công Tính Tuyền đã xây dựng tam quan chùa Sùng Phúc nhìn xuống dòng sông Tô Lịch lững lờ trôi trước cửa chùa. cổng giữa mang dòng chữ "Tam Huyền môn" và từ đó ngôi chùa Sùng Phúc được gọi là chùa Tam Huyền.

Năm Bính Thìn (1736). niên hiệu Vĩnh Hựu thứ 2 đời Lê Ý Tông (1735 - 1740). sư Trạm Công Tính Tuyền vâng sắc chỉ nhà vua sang Trung Quốc thỉnh kinh. Nhà sư đã đến núi Đỉnh Hồ, bái yết hòa thượng Kim Quang. thỉnh được nhiều pho kinh Phật. Trước khi lên đường về nước, sư Trạm Công Tính Tuyền rất mực thông tuệ và có tài ứng đối. vua Càn Long sắc phong sư Trạm Công Tính Tuyền là "Lương Quốc Hòa Thượng". Nhìn lại lịch sử Phật giáo Việt Nam. có thể nói rằng đây là nhà sư đầu tiên của nước ta được mang danh hiệu cao quí này.

Trải qua biết bao biến cố thăng trầm, chùa Tam Huyền đã bị thiên nhiên và nhất là con người tàn phá. Tam quan chùa mang dòng chữ Tam Huyền môn chỉ còn lại những mảng. Lăng thánh phụ cũng đã bị chiếm dụng xây cất nhà ở làm mất vẻ trang nghiêm cổ kính của một cổ tự. Năm 1990. chùa Tam Huyền dần dần được phục hồi tu tạp. cảnh quan ngày một khởi sắc, nhờ sự quan tâm và lòng nhiệt tình của nhân dân và chính quyền địa phương.

Tháng Chạp năm 1992 có hội rước hòm sắc, tượng thánh Từ Vinh trở về chùa Tam Huyền. Năm 1996 hai

cánh am được trả lại. Từ 1992 đến 1997, chùa kiến thiết được 86m^2 nội thất.

Chùa tọa lạc ở đất thôn Thượng Thuộc, Mọc Thượng Đình nhưng do sự sắp xếp khu vực gần đây nên vẫn do phường Hạ Đình quản lý. Trường hợp này cũng giống như chùa Hoa Lăng nằm trên đất của Dịch Vọng nhưng lại do phường Quan Hoa (thị trấn Cầu Giấy xưa) trông nom.

Mọc Thượng Đình ngày xưa có những di tích: ngè Cầu Đất (khu nhà máy thuốc lá Thăng Long), nghè Giá Tó (khu nhà máy cơ khí Hà Nội), am phụ thân Thánh Láng, khu văn chỉ hàng tổng (xóm Tiền). Làng có 8 giáp, (mở hội vào 9 tháng Giêng và 2 tháng Chín): giáp Ngõ Tổ, giáp ngõ Tiên, giáp Nội Ngô, giáp Nội Đậm, giáp Trung Nhất, Trung Nhị, giáp Ngõ. Đình Thượng thờ Đông Hải đại vương (Đoàn Thượng) còn chùa Tam Huyền thờ Từ Vinh. Ngoài nghi lễ, hội có vật tay, chọi gà, đấu roi (hai người). Riêng hát chèo là kiêng kị. "6 tháng Ba thăm cha, 7 tháng Ba thăm mẹ, 8 tháng Ba thăm bà vú". Hội chùa Tam Huyền nằm trong hệ thống hội với chùa Láng, chùa Hoa Lăng, chùa Nền... Ở đây có cuộc thi thổi xôi của 4 giáp khá sinh động. Tiêu chuẩn gạo nếp quýt giã sàng sảy kỹ, phải dùng đũa son để gẩy từng hạt sao cho hạt gạo nếp bóng đẹp... 4 giáp thổi xôi thi chọn lựa đưa 4 mâm xôi để thi chấm. Các vị quan viên viết giấy bản đánh dấu kín đáo vào từng mâm xôi. Có 3 vòng chấm để phân loại do các chánh phó hương hội làm Giám khảo. Giải nhất 3 phẩm oản to, giải nhì 2 phẩm, giải ba 1 phẩm...

Thi xong cho người dự hội vào véo xôi lấy khước về cho con cháu... Chỉ vài hồi trống hội là hết sạch mâm xôi. Nhà nghiên cứu Nguyễn Vinh Phúc trong "Khảo tả Hội Láng" trên tạo chí Dân tộc học (1982) có nhận xét:

- "Hội Láng 15 năm mới mở 1 lần thường là năm được mùa... Cao trào chính là ngày 7 tháng Ba. Thuở đó hễ năm nào mở hội thì từ cuối tháng Hai làng xóm đã náo nức. Chức dịch thì lo bổ bán các chân ông lịnh. thủ hiệu... Đền. đình thì lo quét dọn cho phong quang. Riêng ông lịnh. người điều khiển đám rước thì càng lo tập hợp hai bộ đồ (khiêng kiệu). Bộ ngai gồm 18 người đều đang có tang (ngụ ý để tang thánh phụ Từ Vinh). Bộ này khiêng kiệu chùa Cả lên cống Cót. độ hà qua sông Tô. Tới bờ bên kia thì sang vai cho bộ nội. bộ nội khiêng kiệu lên chùa Ba Lăng (Hoa Làng) làm lễ rồi trở về. Đường xa nên bộ nội có 36 đô (18 dự bị). Mồng 5 tháng Ba rước kiệu thăm chùa Nền (nơi ông bà Từ Vinh ra đời). Mồng 6 tháng Ba thì kiệu xuống chùa Tam Huyền thăm cha. Hai ngày này chỉ rước bát nhang không rước tượng. Chỉ năm nào đại hạn mới rước tượng, ý giả cầu cho làm mưa. Câu tục ngữ dân gian lưu truyền: "Nắng ông Từ, mưa ông Gióng" vì hội Gióng vào 9 tháng Tư có mưa giông; còn hội Láng thờ ông Từ Lộ 7 tháng Ba thường là nắng hạn... Kỳ hội Láng cuối cùng là vào năm 1943 tức năm Mùi, nhiều cố lão còn nhớ được".

79 - HỘI PHỦ TÂY HỒ

Thờ: Liễu Hạnh
Địa điểm: Phường Quảng An, quận Tây Hồ
Thời gian: 7 tháng Ba và 15 tháng Ba
Đặc điểm: Rước - Hát văn

Vào ngày mồng một hay rằm, người Hà Nội nô nức rủ nhau đến phủ Tây Hồ (xã Quảng An - Từ Liêm) dâng lễ. Chỉ một thoáng xe đạp, xe máy qua đường Thanh Niên lộng gió Hồ Tây, qua đường Yên Phụ xanh bóng cây cơm nguội, cây thông là tới đường vào phủ Tây Hồ. Hàng ổi mỡ vàng trên đường vào cửa, lời mời chào tíu tít "ổi Quảng Bá, cá Hồ Tây". Ổi Quảng Bá mang hương sắc riêng của mùa thu Hà Nội, như cốm Vòng, húng Láng vậy. Khách gửi xe không phải mua vé vào phủ, mà đi theo con đường cong cong trên bán đảo Tây Hồ. Giữa thu, lá sen già như một chiếc nón cũ lâu ngày quăn queo, mùi hương hoa thoang thoảng lôi cuốn. Cái cảm giác của người hành hương như bơi trong một hồ sen. Hai bên đường quán ăn, quán hương hoa, quán sách rực rỡ, vui mắt. Tiếng loa điện vang vang nhắc nhở bà con giữ trật tự trị an, cách thắp hương, nơi đốt vàng mã. Rồi một giọng hát văn vút lên ca ngợi chúa Liễu trước bàn thờ.

Phủ Tây Hồ được xây vào thế kỷ XVI (thời Lê Anh Tông) thờ mẫu Liễu Hạnh. Trong đền có bức đại tự "Mẫu Nghi Thiên Hạ". Truyền thuyết kể rằng, một đêm mùa thu trên Hồ Tây, Phùng Khắc Khoan (Trạng Bùng) cùng

hai bạn là cử nhân họ Ngô, tú tài họ Lý gặp một cô gái đi thuyền nhỏ, ba người hỏi chuyện rồi đối thơ theo kiểu liên ngâm. Ngâm vịnh xong rồi cùng nhau lên bờ thì chiếc thuyền nhỏ của nữ sĩ lẩn bóng vào sương mù (biến mất). Ba người đang ngơ ngác thì bỗng thấy một bà cụ xách ba con cá đi biến vào trong xóm. Phùng bảo bạn: "Người cùng chúng ta ngâm vịnh ắt là tiên". Liền lúc ấy có một tờ giấy màu hồng bay tới trên ghi một bài thơ chữ nắn nót:

"*Vân tác y thường, phong tác xa*
Triêu du đâu suất mộ yên hà
Thế nhân dục thức ngô danh tích
Nhất đại sơn nhân, ngọc Quỳnh Hoa".

Dịch nghĩa:

"*Xe là gió, áo là mây*
Hòa cùng sóng nước với cỏ cây
Người đời muốn biết tên ta nhỉ?
Tên gọi Quỳnh Hoa dạo đó đây".

Bốn câu thơ này của chúa Liễu (tiên Quỳnh Hoa) được khắc ở trong phủ bằng hàng chữ nhỏ bay bướm. Nguyễn Huy Lượng đã viết giai thoại này trong bài "Tụng Tây Hồ phú" nổi tiếng:

Chạnh nhớ khúc liên ngâm thưởng nguyệt
Lúc tiêu đàm chừng thỏa ý giao phu
Tòa đá nọ còn ghi câu xướng họa
Dòng nước kia từng nổi chén tạc thù.

Cách bố trí hệ thống tượng trong phủ Tây Hồ đến ngày nay còn là câu đố đối với các nhà nghiên cứu tôn

giáo, các nhà du lịch. Trên cao là tượng chúa Liễu, hai bên có tượng chầu bà đệ nhị, bà đệ nhất. Một bức tự đề: "Mẫu nghi thiên hạ", "Thiên tiên trắc giáng". Ở giữa có tượng vua cha Ngọc Hoàng, Nam Tào Bắc Đẩu. Phía dưới là tứ phủ công đồng có tượng quan hoàng Mười, quan hoàng Bẩy. Đáng chú ý là cái hương án rất cổ làm từ thời Lê với hoa văn là những con dơi trụ lại cảnh "Ngũ phúc hàm tiền". Một quả chuông cổ thời Tây Sơn, một tấm bia ghi rõ một số nét hương ước của làng Tây Hồ, sự đóng góp của những bà con tâm đức. Lễ hội phủ Tây Hồ trước năm 1945 vào ngày 7 tháng Ba hàng năm, "tháng tám giỗ cha, tháng ba giỗ mẹ". Tháng Tám giỗ Trần Hưng Đạo. Tháng Ba giỗ Liễu Hạnh. Tổng Thượng (huyện Phụng Thiên) gồm 7 làng tham gia: Yên Phụ, Nghi Tàm, Tây Hồ, Quảng Bá, Xuân La, Vạn Dâu. Cụ Hà Trọng Chương (mất trước năm 1945) đã từng nhiều lần chịu trách nhiệm về lễ hội. Đám rước đi từ phủ Tây Hồ qua đường Yên Phụ, đường Cổ Ngư, ngược đường Quán Thánh tới đền ở số 32 Hàng Đậu để lấy mã rồi quay lại. Cái khác so với các lễ hội khác là có cuộc thi văn và hát văn ở chùa Phổ Linh (thôn Tây Hồ). Đêm trăng suông ngày 6 tháng Ba, 7 tháng Ba lôi cuốn hàng trăm người tham dự.

Ngày nay khách đến phủ Tây Hồ vẫn được nghe bài ca trù 98 câu của cụ Khiêm đã quay vào băng để phục vụ người đi lễ. Xin trích một đoạn:

Tử mà bất tử miệng vẫn ca vang
Pháp thân tựa hào quang sáng tỏ

Soi lòng người soi cả càn khôn
Anh linh thác vẫn như còn
Nghìn năm bất tử cháu con tiên rồng.

Thật lạ trên cái bán dảo Cá Vàng nhô ra giữa Hồ Tây này lại còn di tích miếu "Trâu Vàng". Miếu đổ rồi nhưng vẫn còn cây đại thụ. trên đó có ban thờ bà con gọi là vị thần Trâu để hương khói quanh năm và thần Trâu đã cày lên Hồ Tây Một lầu bia ghi lại ngày Bác Hồ về thăm xóm Quảng Khánh ngày 14-8-1962. Người nói về mảnh đất này: "Con người là vốn quý nhất của xã hội, sức khỏe là vốn quý nhất của con người". Phủ Tây Hồ - một góc chùa Hương trong lòng người Hà Nội.

80 - HỘI LÁNG

Thờ: - Phật - Thiền sư Từ Đạo Hạnh
- Vua Lý Thần Tông

Địa điểm: Phường Láng Thượng, quận Đống Đa - Hà Nội

Thời gian: Từ 5 tháng Ba đến 15 tháng Ba.
Chính hội 7 tháng Ba

Đặc điểm: 9 làng tham dự, rước "độ hà" và "đấu thần".

Láng Thượng là một phường của quận Đống Đa. tách từ thôn Thượng và một phần thôn Trung xưa thuộc xã Yên Lãng huyện Hoàn Long, cách trung tâm thành phố chừng 5km.

Ở đây có một ngôi chùa cổ, gọi theo tên nôm là chùa Láng, tên chữ là "Chiêu Thiên tự". Năm 1656, Tiến sĩ Nguyễn Văn Trạc đỗ khoa Tân Mùi (1631) theo lệnh vua Lê soạn văn bia ca ngợi chùa Láng.: "... Thật là danh lam bậc nhất thế gian, không chùa nào sánh nổi. Khí tốt phượng thành (Thăng Long) bên hữu tỏa khắp, dòng Tô Lịch bên tả lượn vòng..."

Chùa Láng quay hướng nam, nhìn ra sông Tô Lịch, tọa lạc trên khu đất thoáng, rộng chừng 15000m². Ngay sát đường Láng, ta đã thấy tam quan ngoài với 4 cột trụ đối xứng: hai cao hai thấp. Đi tiếp một đoạn đường ngắn ta đến cửa tam thiền. Nối tam quan trong với cửa tam thiền là sân rộng ở giữa đổ sập đá, đây là nơi chồng kiệu mỗi khi làng vào hội. Từ tam quan, một con đường lớn lát gạch xuyên qua khu vườn dẫn vào sân chùa, hai hàng cây muỗm cổ thụ trồng đăng đối hai bên đường tỏa bóng tạo nên cảnh u tịch. Khu vực chùa là một quần thể di tích kiến trúc hài hòa. Giữa sân chùa dựng lầu bát giác là nơi tượng thánh ngự khi ngày hội tiến hành nghi lễ dâng hoa. Tả, hữu vu mỗi bên 9 gian. Chùa chính kiến trúc kiểu "nội công ngoại quốc", tính ra đúng 100 gian. Tiền đường là ngôi nhà cao rộng 9 gian, kiểu 2 tầng 4 mái. Phương đình là ngôi nhà vuông với 4 mái đao cong, nối giữa tiền đường với trung đường 9 gian. Nhà thiêu hương 2 gian nối trung đường với thượng điện 3 lớp 7 gian, hai bên hành lang 18 gian, hậu điện 9 gian, ngoài ra còn có nhà bia, lầu treo chuông khánh, nhà thờ tổ, nhà khách... Khu vườn tháp

chếch xa phía sau chùa.

Chùa Láng, với hệ thống tượng Phật bài trí như nhiều chùa khác, còn có thêm 2 dãy đông, tây thập điện đắp nổi những hình phạt ở âm phủ để răn kẻ ác. Hậu điện ngoài tượng Phật còn có tượng thiền sư Từ Đạo Hạnh tạc bằng gỗ ở phía trước, phía sau tượng vua Lý Thần Tông bằng mây đan ngự trong kiệu. Tương truyền, vua Lý Anh Tông (1138 - 1175) đã cho xây chùa Láng để thờ vua cha Lý Thần Tôn và tiền thân của ông: thiền sư Từ Đạo Hạnh.

Thiền sư từ Đạo Hạnh được ghi chép nhiều trong sử sách, và lưu truyền trong dân gian. Ba tác phẩm: "Việt điện u linh", "Lĩnh Nam chính quái" và "Thiền uyển tập anh" thuật khá kỹ. Dựa vào các di tích còn lại, những truyền thuyết trong các sách "Việt điện linh" (Lý Tế Xuyên) và "Lĩnh Nam chính quái" (Vũ Quỳnh) chúng ta biết:

Ông họ Từ tên Lộ, tự là Đạo Hạnh, ở chùa Thiên Phúc núi Phật Tích. Cha là Vinh, làm tăng quan đô sát triều Lý, lấy con gái họ Tăng tên là Loan người Yên Lãng, nhân thể ở đó... sau này Lộ đi tăng hương thí, đỗ khoa Bạch Liên. Không bao lâu cha bị Đại Điên đánh chết vứt xác xuống sông Tô, đến cầu An Quyết thì dừng lại... Dân gian truyền rằng Từ Vinh bị Đại Điên chém làm ba khúc: Đầu trôi về làng Mọc Thượng Đình, chân trôi xuống Lủ Cầu, mình xuống làng Pháp Vân. Dân các làng thương xót ông, vớt lên chôn cất và lập đền thờ, vì vậy ở đây ngày nay còn câu: "Làng Mọc thờ đầu, Lủ Cầu thờ chân, Pháp Vân thờ mình". Ở Thượng Đình hiện nay vẫn còn đền và

lăng mộ Từ Vinh gọi là chùa Tam Huyền.

Với ý muốn báo thù cha, cùng với Nguyễn Giác Hải, Dương Không Lộ, Từ Đạo Hạnh sang chùa Ấn Độ cầu phép lạ để đánh Điên, đường đi qua đất rợ Kim Xỉ (răng vàng) hiểm trở bèn quay về ẩn cư ở nước Phật Tích, hàng ngày đọc kinh Đại Bi Đà La, đọc trọn mười vạn tám nghìn lần.

Thời gian này, mẹ ông chuyển sang ở làng Thượng Yên Quyết (nay là phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy) hàng ngày đi truyền giáo, khất thực dựng chùa Hoa Lăng, khi mất được chôn ngay tại chùa.

Một thời gian tu luyện, học được nhiều phép lạ, Lộ biết đạo pháp đã thành, thù cha có thể trả, bèn đến cầu Yên Quyết ném thử cây gậy chống xuống dòng nước xiết. Gậy trôi ngược dòng đến cầu Tây Dương thì dừng lại. Lộ mừng quá mà nói rằng: "phép ta đã thắng Điên rồi". Liền đi thẳng đến chùa Duệ làng Dịch Vọng Tiền đánh chết Đại Điên. Từ đó đi du ngoạn các miền rừng núi để tìm dấu Phật, sau lại về chùa Phật tích làm nhiều việc thiện chữa bệnh cứu người và hóa tại đây ngày 7 - 3 - 1116.

Sách "Thiền uyển tập anh" còn cho biết thêm: Đạo Hạnh là vị thánh tổ thứ XII của thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi, đã đào tạo được nhiều nhà sư tài đức, điển hình là quốc sư Nguyễn Minh Không được Đạo Hạnh truyền ấn và cờ. Theo phép luân hồi của đạo Phật, ông thác sinh làm con trai của Sùng Hiền Hầu mang tên Dương Hoán. Khi lên ba, vua Nhân Tông nuôi ở trong cung lập làm hoàng thái tử. Nhân Tông băng hà, thái tử kế vị, ấy là

vua Lý Thần Tông (1128 - 1138). Chính sử ghi vua Lý Thần Tông có tư chất thông minh, độ lượng nên việc sửa sang chính sự, dùng người hiền tài... không có gì sai lệch. Phía bắc hòa Tống, phía nam hai lần đánh tan quân xâm lược Chân Lạp, công lao giữ nước của ông đã được các triều vua phong thần[1].

Tương truyền khi vua Lý Thần Tông lên ngôi, biết mình là hậu thân của Từ Đạo Hạnh đã cho xây chùa Nền trên dấu nhà xưa để thờ cha mẹ và xây chùa Thưa để thờ chị gái Từ Nương.

Chùa Nền cách chùa Láng 1km về phía Tây. Chùa tuy nhỏ nhưng kiến trúc đẹp theo kiểu chữ tam). Chùa Thưa trước năm 1946 vẫn còn bệ thờ, đến năm 1956 mới mất hết dấu tích.

Chùa Láng xưa kia có quyển sách kinh bằng đồng, tiếc rằng nay đã mất. Nhưng vẫn còn lưu giữ một số lượng tự khí đồ sộ, phong phú, có niên đại khác nhau và có giá trị nghệ thuật cao: án văn khảm rồng thế kỷ XVIII, hai cỗ kiệu thế kỷ XVIII, 13 tấm bia đá. Tượng tròn lớn nhỏ 198 pho và 11 đạo sắc phong của các triều đại Lê - Tây Sơn - Nguyễn phong thần cho Từ Đạo Hạnh, ngoài ra còn 30 bức hoành phi, 31 đôi câu đối, 1 quả chuông lớn, 1 khánh lớn đúc năm Mậu Ngọ.

---

(1) Được biết chùa Láng có từ lâu đời. Năm 1666 trùng tu, sửa chữa lớn. Sang thời Nguyễn đều có đại tu trong các năm 1869 và 1901. Sau nhiều lần tôn tạo và trùng tu, chùa đã thay đổi nhiều và có diện mạo như ngày nay.

Từ Đạo Hạnh tu tại chùa Thiên Phúc núi Sài Sơn và hóa thân tại đó. Vì thế hầu hết các câu đối ngoài cổng và trong nội điện đều nói về mối quan hệ giữa Phật và Thánh. giữa chùa Láng với chùa Thầy:

Phật Tích mạo tiền tu, thạch động vân am Sài Lĩnh thượng

Thần chân dư vượng khí, vật hoa thiên bửu Lý thành nam.

Hội Láng [1] đã được quốc sử ghi: "Hàng năm, mùa xuân, cứ đến ngày 7 tháng Ba, dân chúng tụ tập ở chùa, là hội vui nhất vùng" (Đại Việt sử ký toàn thư). Còn dân gian lại đặt thành ca dao.

Nhớ ngày mồng bảy tháng ba
Trở vào hội Láng, trở ra hội Thầy.

Hội Láng xưa diễn ra trong 10 ngày. được 9 làng tham dự là hội lớn và hấp dẫn nhất phía tây thành Thăng Long. Vì thế từ 3 đến 5 năm mới rước thánh một lần, đấy là năm đại hội, "hòa cốc phong đăng", "dân khang vật thịnh". Hàng năm, lấy ngày hóa của tăng thánh họ Từ ở chùa Thầy mồng 7 tháng Ba mở hội. Từ tháng Giêng, Hai, các cụ cao niên, các vị chức sắc đã họp bàn kén chọn thủ kiệu, hàng đô. Dân làng lo chuẩn bị lễ vật, hàng giáp làm pháo lệnh, pháo thăng thiên để cho cuộc đấu thần.

---

(1) Tuy nhiên, từ rất xưa, hội cứ 12 năm mới mở một lần, đón rước long trọng và thường diễn lại cuộc chiến đấu giữa thiền sư Từ Đạo Hạnh và sư Đại Điên, sau đó lại rước tượng Từ Đạo Hạnh lên thăm mẹ tại chùa Hoa Lăng.

Đường xá dọn dẹp phong quang, đàm nữ múa dâng hoa luyện tập từ sau tết.

Đội rước gồm hai cụ thủ kiệu, là người có uy tín trong dân. Cụ thủ kiệu chân đi hia, mặc quần trắng, áo thụng xanh, đầu đội mũ tế. Các trai làng khiêng kiệu gọi là "hàng đô", đầu đội mũ quả dưa, đóng khố ngang lưng, thắt bao đen, mình trần, quàng mảnh vải điều chéo qua vai gọi là khăn vắt.

Hội Láng bắt đầu bằng đám rước bát hương, đến chùa Nền, mang ý nghĩa thánh về thăm nơi chôn rau cắt rốn. Dâng lễ là biểu hiện của chữ hiếu, kính trọng người đã sinh ra mình.

Sáng ngày mồng 6 tháng Ba, trước khi làm lễ mộc dục có bài khấn giải y thất cà sa để mặc áo long bào, chứng tỏ là ngày lên ngôi hoàng đế. Năm nào hạn hán, rước thánh xuống Tam Huyền thăm cha, phương ngôn còn truyền lại.

- Hạn hán xuống thăm cha
Mùng bảy tháng ba lên thăm mẹ.

Đám rước này không lớn, chủ yếu là rước bát hương. Náo nhiệt, hấp dẫn nhất là ngày mồng 7 tháng Ba, với những nghi thức trang trọng và đám rước quy mô hoành tráng. Tối mồng 6 tháng Ba sau khi từ Tam Huyền về, dân làng đưa tượng thánh ra ngự ở lầu bát giác. Nghi lễ múa chầu thánh do 10 cô gái thanh tân thể hiện. Các cô mặc áo tứ thân, đầu vấn khăn nhiễu điều, váy lĩnh, thắt lưng hoa lý, đeo xà tích. Mỗi lòng bàn tay đỡ một ngọn nến đang cháy, mu bàn tay đeo một bông hoa. Hòa với

tiếng đàn, tiếng sáo réo rắt, họ múa quanh lầu bát giác. Dân làng vây quanh vòng trong vòng ngoài lễ thánh.

Sáng sớm ngày mồng 7 tháng Bà, theo hiệu lệnh của hai cụ thủ kiệu, mười tám "hàng đô" nhanh chóng xếp thành hai hàng ở sân chùa. Theo lệnh truyền "hàng đô" từ từ rước thánh từ lầu ngũ giác ra chỗ sập đá ngoài tam quan, ngự trên cỗ kiệu đã được chồng sẵn. Khi thánh yên vị, chiêng trống nổi lên, dứt một hồi ba tiếng, dàn nhạc bắt đầu hòa tấu xen với tiếng pháo hiệu nổ. Hàng đô đặt kiệu lên vai bước ra cửa tam thiền. Đến đây dừng lại chờ đám rước các làng khách đến hộ giá. Đám rước của 9làng dài đến một cây số (7 làng thuộc tổng Hạ và làng Thượng Đình, Thượng Yên Quyết).

Đoàn rước kiệu thứ tự khởi hành: đi đầu là cờ ngũ hành, cờ bát quái, cờ tiết mao, trống, chiêng, ngựa gỗ đều được che tàn. Tiếp theo là chấp kích, bát bửu, tay văn, tay võ, phường đồng văn có đám múa bồng, múa sênh tiền, phường bát âm rồi đến long đình bày hương hoa, bài vị được che tán, lọng. Cuối cùng đến long kiệu của thánh. Năm nào làng Mọc rước kiệu Từ Vinh lên thì kiệu thánh đi sau kiệu của thánh phụ. Sau kiệu thánh là các vị chức sắc, các cụ cao niên, các vị sư sãi cuối cùng đến dân làng và khách thập phương.

Đám rước đến cầu Yên Quyết thì dừng lại chờ kiệu thánh "độ hà", nghĩa là kiệu không đi trên cầu mà lội qua sông. Phải làm như vậy vì xưa kia Từ Vinh bị Đại Điên đánh chết vứt xác xuống sông Tô, trôi về đến cầu Yên

Quyết thì dừng lại, nay nếu đi trên cầu tức là đi trên đầu cha mình nên phải lội sông. Kiệu nặng, sông sâu, khi khênh kiệu lội sông kiệu phải được giữ thăng bằng - ấy là một việc khó, đòi hỏi "hàng đô" phải tài trí, khéo léo.

Qua sông lên bờ, kiệu thánh được múa rồng chào đón. Chỉnh trang lại đội ngũ, đám rước đi đến Cầu Giấy, xuyên qua xóm Quan Hoa đến ngõ Vụt cách chùa Duệ khoảng nửa cây số thì có lệnh trì kiệu (dừng kiệu). Pháo chuột, pháo lệnh nổ giòn giã, pháo thăng thiên bắn về phía chùa. Pháo nổ vang trời, khói bay mù mịt, hòa với tiếng chiêng trống, thanh la, tiếng hò reo của dân chúng. Cuộc chiến "đấu thần" náo nhiệt chừng nửa giờ thì kết thúc. Đám rước về chùa Hoa Lăng, nơi thờ thánh mẫu Tằng Thị Loan. Đến nơi, cờ quạt, bát bửu ở ngoài, chỉ có kiệu long đình, long kiệu thánh vào sân hạ ở trước tiền đường. Dân làng vào dâng lễ, nghỉ ngơi đến giờ ngọ đám rước trở về chùa Láng.

Sau lễ rước, ngày 8 tháng Ba trở đi, các vị chức sắc kỳ mục, các cụ phụ lão lần lượt tế ở chùa làng. Đây là nét đặc biệt, chỉ một vài nơi có. Được tế trong chùa vì Từ Đạo Hạnh vừa là Phật vừa là thánh. Đến ngày 15 tháng Ba lễ tạ, làm lễ giải triều phục, mặc áo cà sa nhà Phật.

Hội Láng ngoài cuộc tế, đám rước hội hoành tráng, thể thức "đấu thần" mang dáng dấp một trò chơi phong tục. Bên cạnh đó còn có nhiều trò chơi khác: đấu võ, chọi gà, cờ bôi, đập niêu, hát trống quân... đặc biệt có trò thổi cơm thi: vừa đi vừa thổi cơm hoặc vừa thổi cơm vừa chăn cóc.

Hội Láng sau nhiều năm gián đoạn nay đã được khôi phục. Sau phần nghi lễ là các trò chơi: chọi gà, đập niêu, thổi cơm thi... Múa dâng hoa có năm thay bằng múa dâng lục cúng. Năm 1995 đã tổ chức hội lớn.

Mùa xuân đi lễ hội chùa Láng vừa tĩnh tâm lễ Phật, vừa được chiêm ngưỡng ngôi chùa cổ kính có lịch sử lâu đời nơi quê hương của vị thiền sư có mối quan hệ hóa sinh với vua Lý Thần Tông. Chùa Láng, với quy mô kiến trúc bề thế, lộng lẫy, có ba lần cửa tam quan, theo chiều sâu rất gần với kiến trúc của Văn Miếu Quốc Tử Giám - Hà Nội. Vì thế đã trở thành một danh lam thắng cảnh của phía tây kinh thành.

Năm 1962 nhà nước ta đã cấp bằng công nhận di tích lịch sử - văn hóa cho chùa Láng.

81 - HỘI CHÙA HOA LĂNG

Thờ: Từ Vinh và Tằng Thị Loan

Địa điểm: Xã Thượng An Tuyết (An Hòa), thị trấn Cầu Giấy, huyện Từ Liêm.

Thời gian: 7 tháng Ba

Đặc điểm: Lễ đấu thần. Đấu pháo

Chùa Ba Lăng (sau đổi là Hoa Lăng) ở xã Thượng An Quyết (sau đổi là An Hòa, nay thuộc thị trấn Cầu Giấy - huyện Từ liêm) nơi có ngôi mộ và thờ bà Tằng

Thị Loan, mẹ pháp sư Từ Đạo Hạnh. Tương truyền chùa được xây dựng từ đời Lý Nhân Tông (1072 - 1128) sau khi quan đô sát Từ Vinh xâm phạm nhà tôn thất Diên Thành hầu bị giết chết, vợ là Tăng Thị Loan và con là Từ Đạo Hạnh đều bỏ nhà đi tu. Bà Loan sang tu ở chùa Ba Lăng, hàng ngày đi quyên giáo tiền để tu sửa chùa, sau khi bà mất được chôn và thờ ở chùa. Ngày kỵ của bà đã đi vào câu ca dao Hà Nội:

"Tháng Giêng chính kỵ mồng mười
Hai làng phụng sự muôn đời khói nhang"

Còn Đạo Hạnh tu ở chùa Thiền Phúc làng Sài Sơn rồi sang Tây Thiên học đạo, được truyền phép lạ trở về dùng pháp thuật giết chết sư Đại Điên trả thù cho cha, xong lại trở về chùa Thầy.

Lễ hội chùa Hoa Lăng gắn liền với lễ hội chùa Láng vào ngày 7 tháng Ba. Đoàn rước đến Cống Cót, tất cả đều qua cầu chỉ riêng kiệu thánh (Từ Đạo Hạnh) phải lội qua sông. Với việc kiệu "độ hà" này người ta giải thích rằng, cống Cót là chỗ Đại Điên ném xác Từ Vinh xuống, như là phần mộ của ông, vì thánh không được bước qua mộ cha, nên phải độ hà... Sau khi kiệu thánh sang sông, bộ đô kiệu nội thay vai, từ đây đoàn rước đi nhanh hơn. Kiệu thánh đến chùa Thánh Tổ, nơi thờ Đại Điên. Nhưng dân làng Dịch Vọng Tiền (làng Vòng Tiền) từ hôm trước đã rước sư Đại Điên sang chùa Thánh Chúa, ở làng Dịch Vọng Hậu, để "chơi" với bõ Bông, sáng ngày rước kiệu Đại Điên về, và để bảo đảm an toàn cho nhà sư, bèn dấu tượng

xuống một cái hầm, giếng xây trước cửa chùa, có tường hoa bao quanh và cuộc "đấu pháo" bắt đầu. Trước hết, một tràng pháo của làng Láng nổ, thế rồi pháo thăng thiên cứ thế mà hướng sang chùa Thánh Tổ, nơi Đại Điên đang trốn nấp. Làng Vòng Tiền cũng nổ pháo chĩa sang đoàn rước như để bảo vệ Đại Điên, và cũng đủ thứ pháo lia tít trên trời. Cuộc đấu pháo kéo dài đến nửa tiếng. Đây là lễ "đấu thần" và cuộc "đấu pháo" độc đáo không có trong bất kỳ một lễ hội nào trong vùng. Cuộc rước đi đến chùa Ba Lăng, tất cả đều đứng dàn phía ngoài tam quan, chỉ có long đình và kiệu được vào sân rồi hạ xuống trước bái đường, khi đó trong chùa đèn nến sáng trưng, tất cả đứng sau kiệu bái lễ. Tiếp, ông lệnh đem chuỗi tràng hạt từ kiệu đình vào hậu cung cáo Phật rồi đưa ra quàng vào tượng thánh, với ý nghĩa là Đạo Hạnh đã tu hành đắc đạo. Chùa Hoa Lăng xưa xây theo kiểu chữ công, năm 1952 tu sửa lại hậu cung theo kiểu chuôi vồ trên khu đất cao hướng nhìn thẳng vào Quảng Phúc Môn của kinh thành Thăng Long. Đời Lý - chắc chùa còn dựng bằng tranh tre sơ sài. Đến đời vua Lý Thần Tông (1128 - 1138), người vẫn được coi là kiếp sau của Từ Đạo Hạnh đã cho xây dựng chùa kiên cố qui mô. Nhà vua đã dựng tượng cha mẹ là thánh phụ (Từ Vinh) và thánh mẫu (Tằng Thị Loan) để thờ, cấp 5 mẫu ruộng để cho các sư cày cấy lấy hoa lợi cho việc hương đăng. Tượng thánh phụ và thánh mẫu đến nay vẫn còn. Qua nhiều năm loạn lạc đã nhiều lần đúc, chuông đều bị mất, nay còn quả chuông "Hoa

Lăng tự chung" cao 0m80, đường kính 0m50 đúc ngày 13 tháng 3 năm Thành Thái thứ hai (1890). Nội dung bài văn chuông ca ngợi ngôi chùa "Nam thiên cựu tích tự hiệu Ba Lăng, nhất phương thắng cảnh thiên cổ danh lam". (Dưới trời Nam có chùa Ba Lăng di tích, có danh lam thắng cảnh bậc nhất một phương). Trong quả chuông cũng ghi lại mối quan hệ giao hảo giữa nhân dân hai xã An Hòa và Yên Lãng mỗi nơi góp 56 quan tiền.

Hội trước thánh Láng từ chùa Láng trở về chùa Hoa Lăng được khôi phục. Đây là hội chùa lớn vào loại nhất nhì của kinh thành Thăng Long thời Lý - Trần.

Từ Đạo Hạnh còn được coi là vị tổ sư nghề múa rối; tổ sư thứ 12 của phái Thiền Tì Ni Đa Lưu Chi, có học trò là Nguyễn Minh Không (ông là tổ sư nghề đúc đồng). Nơi thờ bà mẹ sinh ra ngài chắc phải xứng tầm vì nó liên quan tới một loạt quần thể di tích lịch sử văn hóa như chùa Nền, chùa Láng, chùa Tam Huyền, chùa Lủ, chùa Thầy, chùa Trầm...

82 - HỘI CHÙA DUỆ TÚ

Thờ: Pháp sư Đại Điên

Địa điểm: Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy

Thời gian: 7 tháng Ba. 1 ngày (xưa 3 ngày)

Đặc điểm: Hát chèo đò - Hát sự tích bà Thanh Đề

Chùa nằm trên một khu đất rộng, mặt chính nhìn thẳng hướng đông. Phía trước mặt lă sông Tô

Lịch, con sông xưa một thời nước trong xanh, trên bến dưới thuyền, nước mây thoáng rộng, bãi bờ bát ngát. Chuyện xưa kể rằng, thời ấy ở thôn Tiền, trang Dịch Vọng, huyện Từ Liêm, phủ Quốc Oai có ông bà Lê Hưng và Nguyễn Thị Phan. Hai vợ chồng tu nhân tích đức mến mộ đạo Phật, kính trọng thần tiên, luôn làm điều thiện. Một hôm lập đàn cầu tự tại nhà, ba tháng sau thì ứng nghiệm. Bà có mang, ngày 18 tháng Ba năm Mậu Ngọ thì sinh con trai đặt tên là Lê Nghĩa, lớn lên mặt mày sáng sủa, thân hình cao lớn khác hẳn người thường.

Lúc 18 tuổi thì cha mất ngày 7 tháng 6, mẹ mất ngày 12 tháng 8, Nghĩa công làm lễ an táng cho cha mẹ, rồi lấy nhà mình làm chùa để sớm hôm thờ phụng.

Lúc ấy nghe nói bên trang Yên Lãng có ngài tăng đô sát Từ Vinh tinh thông văn tự và pháp thuật. Nghĩa công liền rủ bạn là Phan Ất vào chùa Thánh Chúa [1] học đạo. Sau 3 năm thì cả hai đều pháp thuật cao cường.

Bấy giờ tăng đô sát Từ Vinh có người con trai tên là Lộ, chữ là Đạo Hạnh thi đỗ khoa Bạch Liên. Từ Vinh lấy làm đắc chí thường dùng pháp thuật quấy nhiễu Sùng Hiền Hầu, (em ruột vua Lý Thánh Tông). Sùng Hiền Hầu cho mời pháp sư Lê Nghĩa, Nghĩa công liền phù phép đưa chỉ ngũ sắc và thư phù cho dấu trong người, đến nửa đêm Sùng Hiền Hầu thấy như có người đè lên mình liền đem chỉ ngũ sắc trói lại, tự nhiên, người ấy hóa thân thành

---

(1) Chùa Thánh Chúa thuộc phường Mai Dịch - Quận Cầu Giấy.

một con gián liền hô hoán báo cho Nghĩa công biết, Nghĩa công liền bắt con gián treo lên cột, dùng pháp thuật đánh chết rồi vứt xuống sông Tô Lịch thì bỗng thấy xác Từ Vinh nổi lên, xác trôi đến cầu Yên Quyết thì đứng thẳng dậy. Nghĩa công liền đến đọc câu kệ rằng "Hạn sư chưa đủ" thì xác Từ Vinh đổ xuống.

Lại nói chuyện con trai Từ Vinh là Lộ công muốn báo thù cho cha nhưng chưa có kế, một hôm đón đường định hại Nghĩa công, bỗng nghe trên không trung có tiếng thét ngăn cản. Lộ công cả sợ vứt gậy, rồi sang Ấn Độ tìm học pháp thuật. Khi về nước tu ở núi Phật Tích (chùa Thiên Phúc). Lộ công chăm tụng niệm Đại Bi Đà Na Ni kinh chú, đủ mười vạn tám ngàn lượt. Một hôm thấy thần nhân báo rằng: Đệ tử là tứ trấn Nam Vương. Lộ công biết rằng pháp thuật đã đủ đến lúc trả thù được cho cha liền về đầu làng Yên Quyết ném thử chiếc gậy đang chống xuống sông, thấy gậy chạy băng băng ngược dòng đến cầu Tây Dương mới dừng lại. Lộ công cả mừng, liền đến thẳng nhà Nghĩa công dùng phép bắt bóng đánh chết, lúc ấy Nghĩa công bị cảm nên không biết, cũng có lẽ là do số trời. Nghĩa công mất ngày 7 tháng Ba. Khi nhân dân thôn Tiền đến thăm thì thấy mối đã đùn một ngôi mộ lớn, nơi ấy chính là nền chùa bây giờ.

Lại nói vua Lý lúc ấy không có con nối dõi, vào năm Hiên Khánh có người ở phủ Thanh Hoa tâu rằng "Ở châu Tân Xa có một cậu bé rất linh dị, lên 3 tuổi đã tự xưng là hoàng tử, hiệu là Giác Hoàng. Những việc vua làm đều biết hết, cậu bé ấy chính là hóa thân của Nghĩa công. Vua

sai quan đến xem thì quả đúng như vậy liền cho rước về kinh sư đến ở chùa Báo Thiên định lập thành thái tử. Các quan khuyên không nên làm như vậy bởi lẽ cậu bé quả linh dị thì phải đầu thai vào cung rồi mới lập ngôi cho. Vua y lời, truyền mở hội lớn 7 ngày 7 đêm để làm phép đầu thai. Lộ công nghe tin này nhờ chị ruột đem ấn quyết treo trước cửa thềm rồi giả vờ đi xem hội. Hội được 3 ngày thì Giác Hoàng bị bệnh mất đột ngột. Vua cho là ứng nghiệm, khen thưởng công hầu, bao phong mỹ tự, cho được hưởng huyết thực muôn đời, truyền cho dân thôn Tiền trang. Dịch Vọng tu sửa chùa để phụng thờ, ban cho 30 quan tiền làm quốc lễ xuân thu, cùng chung lộc nước làm khuôn phép lâu dài.

Phong ngài Nghĩa công là Lê Đại Điên Giác Hoàng thiền sư đại vương cho phép dân sở tại làm hậu nhi chính sở, hương hỏa phụng thờ. Từ đấy cứ đến ngày 7 tháng Ba dân làng lại mở hội chùa làm cỗ chay cúng lễ.

Lại nói chuyện bà Tằng Thị Loan, vợ của pháp sư Từ Vinh, người sinh ta Từ Đạo Hạnh. Chồng chết, bà về tu ở chùa Hoa Lăng, trang Dịch Vọng, cho nên hàng năm, cả chùa Duệ Tú và chùa Láng đều trùng ngày hội mồng 7 tháng Ba, khi chùa Láng rước pháp sư Từ Đạo Hạnh về thăm mẹ ở chùa Hoa Lăng, thì chùa Duệ Tú cũng rước pháp sư Đại Điên từ chùa Duệ Tú đến miếu Quán Đôi, nơi thờ bà hoàng thái hậu, mẹ vua Lý Phật Tử (571) và con, nơi này cũng thuộc thôn Tiền, rồi từ hai nơi dùng pháo thăng thiên bắn vào kiệu nhau qua sông, tượng trưng cho sự xung đột của hai vị thần, kiệu của pháp sư Đại Điên đi ba bước, lùi một

bước, bức tượng ngài thì đi mặt trắng về mặt đỏ.

Chùa Duệ Tú mới được trùng tu xây mới phần hậu cung, chùa thờ tiền thánh hậu phật. Sau hệ thống tượng phật có kiệu và tượng pháp sư Đại Điên, bên trái thờ thành phụ (cha), bên phải thờ thành mẫu (mẹ) rồi đến một hệ thống tượng như các chùa khác. Di vật còn lại, một số bia đời Lê, đời Nguyễn, sắc phong cho pháp sư Đại Điên, một quả chuông đúc Gia Long thứ 14 (1815), một bức hoành phi mang từ miếu Quán Đôi về có bốn chữ "Hậu Lý mẫu nghi".

Ngày mồng 6 có tắm tượng, mùng 7 khai mạc làm lễ dâng hương và các đoàn lễ của dân.

Trong ngày lễ có lập đàn Mông Sơn thế tự, mở đầu các sư sãi ngồi xung quanh tụng kinh gõ mõ, quanh kiệu bầy nhiều sản vật tế lễ, cúng xong cho chúng sinh cướp lộc.

Hát sự tích Phật, kể về sự tích bà Thanh Đề. Khi sống làm nhiều điều độc ác, chết xuống âm phủ bị quỷ phạt nhục hình: "Chân đeo cùm cổ lại đóng gông - đậu đội chậu huyết lấy làm khổ nhục". Thế rồi có con trai là Mục Liên hết lòng tu Phật pháp, lúc trong tay có nhiều phép thuật, đã phá ngục cứu mẹ đưa về cõi tiên.

Theo các cụ kể lại, ngày xưa đến ngày mùng 7 tháng Ba hội chùa vui lắm. Đoàn rước kiệu pháp sư Từ Đạo Hạnh từ chùa Láng men theo bờ sông Tô Lịch, cờ thần rợp đất, phướn nhà Phật rợp trời tung bay trong gió, hỏa bài, binh khí, lọng tía tàn vàng choáng ngợp, người rước và người xem hội đông như kiến. Suốt dải ven sông, tiếng trống, tiếng thanh la, tiếng nhạc của phường bát âm rộn rã. Đoàn

rước kiệu pháp sư Đại Điên cũng không kém, khiêng kiệu gồm 36 trai làng ăn mặc lộng lẫy, cờ phướn rợp trời, người rước người xem chật như nêm cối. Kiệu ngài cứ tiến ba bước lại lùi một bước theo nhịp trống chiêng vang dội. Khi cả hai kiệu đến điểm riêng của mình, thì pháo thăng thiên đua nhau nổ, bắn vào kiệu của nhau qua sông, trong tiếng reo hò vang dậy. Nhưng đấy là tượng trưng cho sự xung đột của hai vị thần, chứ nhân dân của hai địa phương thì rất đoàn kết, họ họp nhau trù bị từ trước để cùng tổ chức ngày hội mang tính lịch sử và huyền thoại cổ kính.

Mùa xuân, mùa lễ hội, trên dải đất gấm hoa Việt Nam, mỗi nơi có một nét riêng, nhưng tất cả cùng chung vui dưới mái nhà của nền văn hóa dân tộc, cùng nhau giữ gìn những gì tốt đẹp đã có từ ngàn xưa.

83 - HỘI ĐÌNH PHÚ DIỄN

Thờ: Lê Đại Hành - Trần Thông
Địa điểm: Xã Phú Diễn, huyện Thanh Trì
Thời gian: 7 - 9 tháng Ba. Chính hội 8 tháng Ba
Đặc điểm: Đấu roi

Đình Phú Diễn, nằm ven bờ sông Nhuệ. Gắn bó với mỗi người dân Phú Diễn, ngôi đình đã chứng kiến biết bao biến cố lịch sử của làng. Nơi ấy là nơi sinh hoạt tôn giáo và sinh hoạt văn hóa của làng. Đến đó, ta

còn như nghe vang vọng đâu đây tiếng ngựa hí, tiếng quân đi trùng điệp, là không khí sôi động của làng quê được đón vua đi qua, trai tráng làng náo nức theo người đi tòng quân giết giặc.

Cuốn sách cổ "*Phú Diễn Lê đế phả lục*" (Phủ Lục miếu thờ vua Lê thôn Phú Diễn) còn lưu giữ ở đình của đại học sĩ Nguyễn Bính soạn năm 1572 có viết lại một cách tỉ mỉ về vua Lê Đại Hành và sự kiện vua Lê trên đường hành quân lên phía bắc đánh giặc Tống đã dừng chân trong khu vực của làng. Còn theo các cụ già trong làng kể lại thì: Xưa kia làng Phú Diễn có 3 miếu: miếu giữa, miếu trên, miếu dưới. Ba miếu này chạy theo hình chữ U, khoảng giữa là ngôi đình. Xung quanh miếu, đình là rừng mơ, rừng chòi mòi, giàng giàng... rậm rạp mọc thành nhiều tầng nhiều lớp. Địa thế của làng thật đẹp, với dòng sông Nhuệ sinh tươi hiền hòa, với cánh rừng hoang dã nhiều chim muông, cầm thú. Dân làng Diễn lại cần cù, chịu khó.

Đường dài hành quân, tới nơi đây Thập đại tướng quân cho lính dừng chân để tuyển mộ thêm binh sĩ. Thấy cảnh đẹp, chim thú đầy đàn, người tổ chức vào rừng săn bắn.

Trong số trai tráng của làng có một người tên là Trần Thông cũng hăng hái tòng quân giết giặc. Chuyến ấy, trên biên giới phía Bắc, lê Hoàn đã chiến thắng giòn giã, đuổi sạch quân Tống ra khỏi bờ cõi nước ta. Trên đường khải hoàn, người có ghé qua lại thăm làng Diễn. Dân làng đổ ra chào đón người anh hùng và xin ngài cho dựng miếu

thờ ở quê hương. Từ đó trở đi đình làng Phú Diễn đã lập Lê Hoàn và Trần Thông (người làng và là tướng của Lê Hoàn) làm thành hoàng với quan niệm "Sinh vi lương tướng, tử vi thần". Khi ấy, làng thuộc xã Hạ Thanh Oai, tổng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, phủ Ứng Thiên. Cuối thế kỷ 19 đến trước năm 1945, làng Đại Hành được đổi tên thành làng Phú Diễn thuộc xã Phú Diễn, tổng Tả Thanh Oai, phủ Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông. Sau Cách mạng Tháng Tám làng Phú Diễn thuộc xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông (cũ). Năm 1961 làng thuộc huyện Thanh Oai tỉnh Hà Đông. Năm 1979 đến nay làng thuộc huyện Thanh Trì - Hà Nội.

Ở Phú Diễn hiện còn lưu giữ câu chuyện về bà chúa Hến, sau này gọi chệch là chúa Hiến và là Đô Hồ phu nhân của vua Lê Đại Hành. Chuyện kể rằng bà Đô Hồ phu nhân lúc nhỏ sinh ra đã mồ côi cả cha lẫn mẹ. Quê bà vốn ở làng Tả Thanh Oai. Ngay từ nhỏ, để nuôi thân, Đô Hồ phu nhân đã phải đi mò cua bắt ốc, hến dọc bờ sông Nhuệ. Mọi người lấy nghề làm tên gọi của bà. Cô Hến dù vất vả lam lũ, nhưng lúc lớn lên vẫn xinh đẹp, trắng trẻo. Cô dịu dàng, tốt bụng với tất cả mọi người. Ai cũng quý, cũng thương cô Hến. Hôm vua Lê Đại Hành về Phú Diễn, cô Hến vẫn đang mải mê bắt ốc, hến dưới sông. Lê Hoàn đứng trên bờ chợt nhìn thấy một người con gái dáng óng ả đang cặm cụi ven sông. Cô đi đến đâu, bóng mây che nắng cho cô đến đấy. Vua hết sức kinh ngạc và cho rằng đây là người trời, liền cho triệu cô đến gặp. Trước dung nhan

xinh đẹp, đằm thắm của người con gái quê, Lê Hoàn đã xin kết duyên với nàng. Nơi chúa Hến tắm rửa trước khi đến gặp Vua được gọi là Ngự Lâu. Sau này Ngô Thì Nhậm và con ông (người làng Tả Thanh Oai) thêm từ riêng thành Ngự Minh Lâu, hàm ý nơi đây có mặt trăng và mặt trời tỏa sáng (chữ minh là ghép của chữ nhật (mặt trời) và chữ nguyệt (mặt trăng). Là Đô Hồ phu nhân, bà chúa Hến đã cùng vua Lê tuyển mộ binh sĩ, lên đường đánh giặc.Vua đi rồi, bà ở lại Tả Thanh Oai, động viên nhân dân trong vùng (trong đó có làng Phú Diễn, nơi bà thường đến bắt ốc hến) tích cực sản xuất và vận chuyển lương thực lên biên giới. Sông Nhuệ là đường thủy quan trọng để tải lương. Hiện nay đền thờ bà chúa Hến vẫn còn ở làng Tả Thanh Oai. Hàng năm dân làng tổ chức lễ rước vua Lê Đại Hành và bà Chúa Hến vào ngày 8 tháng Ba. Cánh đồng hình con Quy - nơi kiệu vua Đại Hành dừng lại nay đổi thành cánh đồng Kiệu.

Đình Phú Hữu được xây dựng bên bờ nam sông Nhuệ, hòa nhập với khung cảnh thiên nhiên hữu tình tạo nên một sự độc đáo mà cũng rất tiêu biểu cho kiến trúc truyền thống Việt Nam. Trước khi bước vào nhà đại đình, ta sẽ bắt gặp đôi câu đối gỗ ghi lại sự kiện vua Lê Đại Hành qua:

"*Nhuệ thủy dẫn văn lan, bất kí hà niên từ phượng liễu,*

Sùng từ long tự sự, tương truyền thử địa thính long hài"

Tạm dịch:

Dòng Nhuệ dẫn sóng văn, chẳng nhớ năm nào xe phượng tới

Đền cao thờ Thịnh Lê, còn truyền chốn cũ dấu hài rồng.

Cách trang trí chạm trổ trong đình rất tinh tế và đẹp. Ở đó còn lưu giữ nhiều di vật quý giá như: cuốn sách cổ "Phú Diễn Lê đế phả lục", ba tấm bia đá, tượng thú, hạc gỗ, đòn kiệu, mõ kiệu, hương án, long ngai, bát bửu, từ thế kỷ 18 - 19 và 10 đạo sắc của các đời vua Nguyễn phong thần cho các vị thần được thờ trong đình... Đình Phú Diễn là một di tích lịch sử thờ vua Lê Đại Hành và tướng Trần Thông. Nó còn là một di tích tôn giáo do thờ 2 vị phúc thần có công với nước làm thành hoàng. Hai yếu tố lịch sử và tôn giáo được hòa quyện vào nhau, khiến cho đình Phú Diễn vừa có giá trị văn hóa vừa có giá trị lịch sử.

Xa xưa, hội làng Phú Diễn được tổ chức vào ngày 12 tháng Năm. Sau khi Lê Hoàn mất (8-3-1005 âm lịch), dân làng đã lấy ngày kị húy làm ngày hội làng của mình.

Theo nhiều người dân thì xưa kia hội làng Phú Diễn tổ chức tại đình kéo dài 4 tháng, còn thường thì 1 tháng hoặc 3 tháng. Vào hội thì tất cả mọi người đều ở nhà dự hội, cấm không được ra đồng, theo truyền khẩu thì có một năm khi tan hội dân làng ra đồng thì đã bị làng bên ngăn bờ lấy mất 30 mẫu ruộng, bờ ngăn cỏ đã lên xanh tốt. Sau này lễ hội thường chỉ diễn ra trong 3 ngày, ngày 8 tháng Ba là chính hội. Lễ vật để dâng lên thành hoàng ở Phú

Diễn cũng bình thường như lễ vật dâng ở các nơi. Nhưng phần hội ở đây thì khá độc đáo, bao gồm: Hội thi leo dây, múa rối nước trên sông, múa rồng, đấu vật, hát ca trù, múa sênh tiền, bịt mắt bắt dê, bơi chải và đấu roi.

Vào hội, khi trống chiêng vang lên, trên bờ diễn ra những trò múa rồng, đấu vật, múa sênh tiền thì dưới sông, 12 - 13 chiếc thuyền cờ quạt rực rỡ, trên mỗi thuyền có 10 người đang say sưa vào cuộc. Trong cuộc thi bơi chải này, đội chiến thắng sẽ được nhận thưởng là một chút lễ ở đình. Hai đội bịt mắt bắt dê, thi leo dây, đấu vật đội nào thắng sẽ được thưởng khăn lụa đỏ hoặc pháo. Những trò gây ấn tượng nhất, thu hút đông người xem nhất là trò đấu roi. Chiếc roi được sử dụng trong cuộc thi là một chiếc gậy tre dài bằng một cái sào, trên đầu mỗi chiếc gậy đều bịt giẻ. Các đội thi đấu sẽ dùng roi để đâm nhau. Trong cuộc thi, mỗi đấu thủ đều thể hiện thế đi và những miếng hiểm để lừa đối thủ. Tiếng roi gạt nhau lộc cộc. Tiếng vỗ tay nổi lên. Hai bên càng say đấu, càng vờn đẹp, tiếng vỗ tay hò reo càng cuồng nhiệt. Người xem chỉ còn nghe thấy tiếng roi vun vút đập trong không khí, người đấu như bay như lượn trước mặt họ. Thế rồi bỗng một tiếng "ối" vang lên, mọi người nín thở nhìn xem, thì ra một bên đã bị roi đâm vào người. Người thua cũng bị đau do cú đâm này (tất nhiên là không chảy máu vì đầu roi đã bịt giẻ). Nhưng để gây li kỳ liền ngã vật ra đất, quằn quại nghe có vẻ đớn đau lắm đây. Trong khi đó người chiến thắng đã được đám đông xông vào hò reo, tung hô và công kênh lên cao. Đích thân những chức sắc

trong làng sẽ ra quàng một chiếc khăn lụa màu đỏ hoặc trao một bánh pháo cho người giành giải. Món thưởng không lớn nhưng vinh quang của người chiến thắng còn kéo dài cho đến tận mùa hội năm sau.

Đình và hội làng Phú Diễn là nơi tưởng niệm người anh hùng dân tộc Lê Hoàn. Về mặt văn hóa, thẩm mĩ thì nó là di sản văn hóa của địa phương và của cả nước. Đình Phú Diễn với lễ hội được tổ chức tưng bừng, kéo dài đã thực sự thu hút nhân dân vào một sinh hoạt văn hóa cộng đồng, tạo sự đoàn kết thân ái xóm làng giữa mọi người. Mặt khác nó cũng khơi dậy truyền thống yêu nước, đánh giặc của nhân dân nơi đây.

84 - HỘI LÀNG TÓ

Thờ: Lê Đại Hành
Địa điểm: Làng Hữu Thanh Oai, huyện Thanh Trì
Thời gian: 7 - 9 tháng Ba. Chính hội 8 tháng Ba
Đặc điểm: Cơm nắm muối vừng

Làng Hữu Thanh Oai trước kia có tên là Hữu Châu gọi nôm là làng Hữu Tó. Thời thuộc Pháp Hữu Thanh Oai nhất thôn, nhất xã, thuộc tổng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, phủ Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông. Sau Cách mạng, một thời gian dài, hữu thôn Thanh Oai (xã Hữu Hòa) thuộc về tỉnh Hà Đông, rồi Hà Tây, Hà Sơn Bình.

Sau năm 1979, làng thuộc về ngoại thành Hà Nội.

Khi chúng tôi thăm Hữu Thanh Oai, người dân nơi đây đang háo hức chuẩn bị đón tết Nguyên Đán năm 2000.

Trên con đường bê tông trải rộng của làng, giữa những ngôi nhà mái hiên, nhà cao tầng thấp thoáng những nếp nhà cổ, mái ngói rêu phong. Nó như kể với ta những câu chuyện cổ, những truyền thuyết của nhân dân về một nhân vật.

Năm ấy, giặc Tống đang lăm le xâm phạm bờ cõi nước ta. Chiếu vua ban ra, động viên trai tráng khắp nơi chuẩn bị chiến binh. Thế rồi một ngày kia, đầu làng bỗng rộn ràng tiếng vó ngựa, tiếng quân đi. Thấy lạ, dân làng đổ ra xem. Họ không tin nổi mắt mình vì dẫn đầu đoàn quân không ai khác chính là thập đạo tướng quân Lê Hoàn (người đã nối ngôi vua Đinh - lập nên triều đại Tiền Lê). Trên đường từ kinh đô Hoa Lư đi đánh giặc phương Bắc, người đi qua làng, dừng chân trên gò đất hình con quy ở xứ đồng Gạch. Nơi đây còn có tên gọi rừng Mơ - vì dải rừng bao la này có rất nhiều cây mơ. Trong lúc đội binh lính nghỉ ngơi, Lê Hoàn tổ chức vào rừng săn bắn và tuyển mộ thêm binh sỹ.

Hôm đó làng Hữu Thanh Oai rộn rã, tấp nập bởi cảnh tiễn đưa những người con thân yêu theo vua đi đánh giặc; cảnh những người phụ nữ náo nức làm cơm để đón khách quý, cảnh những chức sắc trong làng mang "tiệc quý" đến dâng vua và tiếp đãi binh sĩ. Bữa "tiệc" thật giản dị mà sâu đậm tình quê: Cơm nắm, muối vừng!

Cảm động trước tấm lòng của dân làng và đáp ứng ý nguyện của nhân dân, Lê Hoàn đã cho duệ hiệu và cắm hướng đình để dân thờ phụng. Người đi rồi, dân làng đã lập miếu thờ ở gò Con Quy, coi người là bậc thánh phù hộ, là thành hoàng của làng.

Lê Hoàn lên biên giới và trận ấy, ông chiến thắng trở về. Người dân làng Hữu Thanh Oai càng xiết bao tự hào về vị thánh thành hoàng của mình - một anh hùng dân tộc, một minh quân. Suốt cuộc đời, ông chỉ sống vì dân vì nước: lúc là tướng đã cùng Đinh Tiên Hoàng chống nạn cát cứ của 12 sứ quân, thống nhất đất nước; khi là vua ông đã dẹp tan cuộc ngoại xâm của giặc Tống, giặc Chiêm, giữ yên bờ cõi. Ông là người mở đầu cho một triều đại mới - triều Tiền Lê. Và cho đến nay, từ trẻ đến già của làng, ai ai cũng biết về sự kiện vua Lê Đại Hành qua làng, tặng làng chiếc mũ; về câu chuyện bà Đặng Thị (mẹ đẻ của vua) khi mới có thai đã chiêm bao thấy trong bụng nở hoa sen; về chuyện Lê Hoàn lúc nhỏ mồ côi cha mẹ, được viên quan sát họ Lê nhận nuôi, một đêm kia rét mướt, người nằm phục úp cồi để ngủ. Khi viên quan sát họ Lê lại gần thì thấy con rồng vàng ấp lên trên.

"Sách Đại Việt sử ký toàn thư" cũng viết rất rõ về sự việc trên, sách còn viết" "Vua là người phóng khoáng có chí lớn". Tiên Hoàng khen là trí dũng, chắc thế nào cũng làm được việc, mới giao cho trông coi 2 nghìn binh sĩ, rồi thăng dần đến chức Thập Đạo tướng quân điện tiền đô chỉ huy sứ (Đại Việt sử ký toàn thư, Tập I - trang 167).

Lê Văn Hữu - một sử gia nổi tiếng thời Trần thì viết "Lê Đại Hành giết Đinh Điền, bắt Nguyễn Bặc, bắt Quân Biện, Phụng Huân, dễ như lùa trẻ con, như sai nô lệ, chưa đầy vài năm mà cõi bờ yên tĩnh, cái công đánh lấy tuỵ nhà Hán, nhà Đường cũng không hơn được (sách đã dẫn - trang 167). Trong đình làng Hữu Thanh Oai hiện còn lưu giữ 6 đôi câu đối ghi công đức của thần Lê Hoàn.

Nhị Thanh văn hiến truyền giang hữu
Thập đạo phong tài tự tiên châu

Tạm dịch:

Văn hiến đất Nhị Thanh lưu truyền bên bờ hữu
Phong tư quan Thập đạo có từ thời trước.

Đình thờ Lê Hoàn được dựng lên sau khi ông đi khỏi. Truyền thuyết kể lại rằng lúc đầu đình Hữu Thanh Oai được làm bằng tranh tre, nứa lá ngay trên gò đất hình con quy, nằm cách nơi ở của dân làng gần 200m. Quanh đình có vườn cây bao quanh, ao bán nguyệt ở phía trước. Gần đây, sau khi nạo vét ao bán nguyệt, người ta đã tìm thấy những viên gạch cổ có kích thước và trang trí hoa văn giống như loại gạch tìm thấy trong khu vực Hoa Lư.

Vậy nên rất có thể, một thời gian ngắn sau sự kiện vua Lê Đại Hành đi qua, đình này đã được làm bằng vật liệu kiên cố. Còn ngôi đình hiện nay mà ta đang thấy vẫn được xây dựng trên gò đất hình con quy, đã được trùng tu nhiều lần, nhất là trong thời nhà Nguyễn. Hai niên đại cụ thể còn ghi lại về việc trùng tu ngôi đình là năm 1899, đời vua Thành Thái và năm 1929, đời vua Bảo Đại. Nhiều

người trong làng đã góp công tu sửa lại đình, trong đó có cụ Đoàn Chiển - tổng đốc Hưng Yên cũ. Hiện nay đình làng còn lưu giữ được nhiều đi vật như: long ngai, bài vị, đồ thờ, hương án, long đình thế kỷ 19 và một bộ kiệu bành thời Lê Trung Hưng thế kỷ 18; một bát hương đá thời Tự Đức; chín đạo sắc phong thần của các đời vua Nguyễn và bốn bức hoành phi, 6 đôi câu đối.

Trước đây, hội làng Hữu Thanh Oai thường được tổ chức vào ngày rằm tháng Giêng, nhưng sau khi Lê Hoàn mất (mùa xuân năm 1005), nhân dân làng Hữu Thanh Oai đã lấy ngày kỵ húy (8 tháng Ba) làm ngày hội chính của làng. Vậy là từ đây Hữu Thanh Oai có hai ngày hội: Rằm tháng Giêng làm lễ dâng hương, lễ thánh, chúc phúc cho dân làng. Ngày 8 tháng Ba cùng với những làng trong vùng: Phú Diễn, Tả Thanh Oai, Hữu Thanh Oai tổ chức hội làng, tưởng nhớ đến anh hùng, vị thánh Lê Hoàn.

Lễ hội làng Hữu Thanh Oai được tổ chức trong 3 ngày, ngày 7 tháng Ba làm lễ mộc dục; ngày 8 tháng Ba là ngày chính hội. Rước kiệu sẽ tổ chức vào ngày mồng 8. Nơi khởi đầu buổi rước là đền Nghênh Chai - xưa kia đền này được xây dựng ở giữa làng. Khi mặt trời lên là lúc kiệu khởi giá. Đoàn rước từ từ rời khỏi đền, đi theo đường làng, hình chữ chi, tiến ra đình. Đến Nghênh Chai cách đình 200m, từ xa nhìn lại thấy đoàn người đi rước uốn lượn trên đường làng, như một con rồng khổng lồ, rực rỡ muôn màu sắc. Và năm nào cũng vậy, trong đêm chính hội cũng có rước đuốc. Theo tục lệ ở Hữu Thanh Oai và hội

làng ở các nơi khác thì phụ nữ không được ra đình dự hội. Nhưng trong đêm rước đuốc này, già, trẻ, gái, trai trong làng sẽ cùng được tham gia. Như một con rồng lửa, đoàn rước đuốc sẽ đi từ đền Nghênh Chai ra tới đình. Theo quan niệm của nhân dân làng Hữu Thanh Oai thì đêm rước đuốc là hình ảnh tượng trưng cho đoàn quân theo vua Lê Đại Hành hành quân lên biên giới phía Bắc.

Ngày hội làng, lễ vật được dâng lên thành hoàng gồm oản, bánh chè kho, bánh dầy, hương, hoa, quả và một món không thể thiếu đó là cơm nắm muối vừng. Tục lệ ở làng quy định không dâng tiến xôi, thịt trong ngày hội. Vì thế, mâm lễ cơm nắm muối vừng - món ăn tượng trưng cho vua Lê Đại Hành và quân lính sử dụng trong suốt cuộc hành quân ở Hội làng Hữu Thanh Oai - đã trở thành mâm lễ độc đáo so với những hội làng quanh vùng, cũng thờ vua Đại Hành.

Phần độc đáo, phong phú không kém trong hội làng ở Hữu Thanh Oai đó là phần hội. Tham dự sẽ là cuộc thi hát trống quân của những người trong làng. Ai hát hay, người đó sẽ được nhận thưởng. Hiện nay trong làng còn có cụ Tham (cụ Giổ) gần 90 tuổi là người có giọng hát trống quân hay, còn sống. Ngoài hát trống quân, trong lễ hội còn có hát ca trù, bơi chải rên sông. Và đặc biệt là thi bơi của các tay bơi giỏi trong làng. Cuộc thi bơi có lẽ thu hút đông đảo trai tráng và dân làng nhất. Chuyện kể lại rằng, để trở thành những tráng binh khỏe, có thể giúp vua đánh giặc. từ xửa từ xưa, lợi dụng dòng Nhuệ Giang, trai tráng

trong làng sáng, tối đều đua nhau ra sông bơi lội. Có những lần trăng đã lên cao, nhưng những trai trẻ của làng vẫn hò hét, thách đố nhau luyện tập. Ngày hội (9 tháng Ba), sau một thời gian rèn luyện kiên trì, cũng là lúc các tay bơi được bộc lộ tài năng thực sự của mình trong tiếng hò reo của nhân dân hai bên bờ, các tay bơi cùng hăng hái vào cuộc đua. Phần thưởng dành cho người chiến thắng sang thì được mảnh vải lụa, còn không thì chỉ là oản, là hoa quả, nhưng như thế cũng đủ đem lại vinh quang và niềm kiêu hãnh cho người chiến thắng.

Hội làng kết thúc vào cuối ngày mùng 9 tháng Ba, thế nhưng dư âm không khí của nó còn kéo dài trong suốt cả năm, để rồi đến ngày 8 tháng Ba sang năm, hội lại đến, mọi người lại dự hội tưng bừng để tưởng nhớ vua Lê Đại Hành.

85 - HỘI BƠI THƯỢNG CÁT

Thờ: - Đô chiêu thảo sứ Quách Lãng
- Bình khấu công chúa Đinh Bạch Nương
- Bình khấu công chúa Đinh Tĩnh Nương

Địa điểm: Làng - xã Thượng Cát, huyện Từ Liêm

Thời gian: 9 - 11 tháng Ba. Chính hội 10 tháng Ba

Đặc điểm: Chạy quân và đua thuyền

Hàng năm, từ mồng 9 tháng Ba, làng Thượng Cát lại trống dong cờ mở, vào hội đình trong ba

ngày từ mồng 9 đến 11 tháng Ba.

Trên đường ra ngoại thành, tuyến Cầu Giấy - Sơn Tây, đi tới Nhổn (khoảng 7km), rẽ tay phải theo đường rải đá, tới bờ đê sông Hồng là chúng ta đã tới Thượng Cát, vùng quê trù phú, địa chỉ cuối cùng của huyện Từ Liêm. Người dân ở đây không chỉ biết trồng cấy, mà còn chăm chỉ học hành. Nhiều gia đình dù nghèo vẫn chắt bóp lo cho con tới cửa Khổng sân Trình. Tổ tiên xưa đã sản sinh nhiều nhà khoa bảng lớn. Năm 1481 Nguyễn Duy Trinh đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu, được triều đình trọng dụng, làm quan tới chức Binh bộ tả thị lang, từng làm chánh sứ sang triều đình nhà Minh. Nguyễn Cảnh cũng đỗ tiến sĩ năm 1541 và năm 1841 xuất hiện tiến sĩ Trần Lương Năng - Đặc biệt sau đó có Trần Vỹ, đỗ tiến sĩ năm mới 28 tuổi.

Thần tích ở đình làng cho biết, vào đầu công nguyên, khi Hai Bà Trưng dựng cờ nghĩa chống quân xâm lược, nơi nơi các anh tài đều nổi dậy hưởng ứng. Ở Hoa Lư có ba anh em con cô con cậu Quách Lãng, Đinh Bạch Nương và Đinh Tĩnh Nương tiến về Hát Môn ứng nghĩa. Tới vùng này, Quách tướng công thấy thế đất đẹp, dân làng chất phác lại hiếu khách, bèn dừng lại trò chuyện và tuyển mộ thêm quân binh. Sau đó đến Hát Môn, ba anh em được Hai Bà Trưng chào mừng, phong cho Quách Lãng là Đô chiêu thảo sứ trông coi bộ binh, và hai chị em nàng Đinh là Bình Khấu công chúa, chỉ huy hai đạo thủy quân. Đô tướng quân họ Quách là người mưu lược, lãnh đạo tiền

quân, tiến công địch ở bờ nam sông Nhị, phá một trận tan 10 thành của đối phương. Thái thú Tô Định khiếp sợ lui về cố thủ Thuận Thành.

Quân ta thừa thắng, tiến quân, làm Tô Định phải chạy trốn về nước.

Lên ngôi vua, Trưng Vương xuống chiếu phong tước lộc và cấp thực ấp cho ba vị tướng này. Ba anh em Quách Lãng xây đồn luyện binh ở Thượng Cát. Vào ngày 10 tháng 3 năm ấy, trong khi hai nữ tướng đang luyện đội thủy binh, chợt cơn lốc thần xuất hiện đột ngột, sóng to gió cả, đảo lật nhào toàn bộ chiến thuyền, hai nữ tướng cũng về trời, để lại niềm tiếc thương vô hạn và niềm cảm phục sâu sắc trong lòng dân.

Ba năm sau nhà Hán phục thù, sai Mã Viện sang đánh chiếm nước ta. Đô chiêu Quách Lãng dàn quân cự chiến. Thế giặc quá mạnh, ông đã hy sinh. Dân các làng Thượng Cát, Hạ Cát được tin, thương tiếc vô hạn, bèn dựng đền thờ, suy tôn ba anh hùng làm thành hoàng.

Đình Thượng Cát bề thế, theo bia, đã trùng tu lớn vào năm 1691. Đình xây theo hình chữ công, ngôi chính (đại đình) bảy gian, thêm hai chái; dài tới 34m, rộng 12m, phương đình phía trước tám mái, cổng đình cao rộng, bốn trụ ba cửa, nối các trụ với nhau bằng ba mái ngói, phảng phất kiến trúc cung điện.

Trong đình còn nhiều tự khí cổ đáng quý. Trước hết là bốn cỗ kiệu chạm và sơn son thiếp vàng rực rỡ. Kiệu

ngự rước thánh Quách Lãng... Kiệu văn rước bằng sắc. Kiệu võng rước các nữ thánh và kiệu hoa rước hương hoa. Kiệu ngự. kiệu văn do trai đinh khiêng. Kiệu võng, kiệu hoa do nữ quân khiêng. Đám rước đi vòng quanh làng. Về sắc phong. làng còn giữ được 32 đạo của các vua Lê, từ niên hiệu Vĩnh Tộ (1621) đến Cảnh Hưng (1786) và 7 đạo của triều Nguyễn. Đình cũng còn nhiều hoành phi, câu đối đẹp, văn hay. ca ngợi công tích các vị thành hoàng. Ví như:

Tính trung nhất khí quán sơn hà. thử dân, thử thổ,
Huynh muội tam nhân tòng đại nghĩa, vi tướng, vi thần
(Tính trung khí mạnh khắp non sông, này dân, này đất,
Anh em ba người theo nghĩa lớn, là tướng, là thần)

Vào hội, từ sớm mồng 9, cửa đình đã rộng mở, cụ từ đã lo hương nến đầy đủ trên các hương án, ngai thờ. Ngày này, những người đi làm ăn xa, dù bận mấy cũng tìm về quê hương, bản quán dâng hương hoa trình thánh. Đây là dịp gặp gỡ sum họp giữa những người ở làng và người xa quê tìm về cội rễ.

Ngày 10, chính hội, có nghi lễ cúng tế uy nghi. Truyền rằng đây là diễn lại lễ tuyên thệ của nghĩa quân, trước lúc lên đường. Nữ tướng mặc áo gấm vàng, chân đi hài trận, tay cắp gươm. Quân binh mặc áo trắng, thắt lưng đỏ, quần đen, chân quấn xà cạp. Sau tế lễ tới các trò vui như chạy quân (diễn cảnh luyện quân bộ xưa), cờ người và đặc biệt có thi bơi chải.

Quá ngọ (12 giờ trưa) trên bờ hồ rộng trước đình,

hàng ngàn người dân bản xã và các nơi đã náo nức đổ về hồi hộp chờ đợi cuộc đua thuyền. Cuộc đua không chỉ là trò chơi thượng võ, mà còn là diễn lại tích hai nữ tướng hải quân họ Đinh rèn luyện quân thủy. Cả xã lập 6 đội bơi, mỗi đội 16 người, 3 đội nam, 3 đội nữ. Cuộc thi diễn ra trong hai ngày (10 và 11 tháng Ba), mỗi ngày hai đợt, đua theo giới. Cứ một đợt nam lại một đợt nữ. Thuyền đua đóng đúng quy cách, dài 8m, bề rộng khoảng giữa trên mặt 1,40m, đáy 1m, bơi vòng quanh ba lần vòng đầm. Ban giám khảo có thuyền riêng, theo dõi.

Trò chạy quân và đua thuyền hội đình Thượng Cát nổi tiếng, đã thành truyền thống rèn luyện kỹ năng chèo thuyền, rèn luyện thói quen sống trên sông nước, làm cho trai gái làng khỏe mạnh và đặc biệt dũng cảm, phục vụ rất tốt cho lao động sản xuất và công cuộc bảo vệ quê hương, làng xóm thân yêu của mình.

86 - HỘI LÀNG ĐĂM

Thờ: Thánh Bạch hạc Tam Giang
Địa điểm: Làng Đăm, xã Tây Tựu, huyện Từ Liêm
Thời gian: 9 - 11 tháng Ba. Chính hội: 10 tháng Ba
Đặc điểm: Đua thuyền cả 3 ngày hội

Làng Đăm nay là xã Tây Tựu, huyện Từ Liêm Hà Nội. Tây Tựu xưa thuộc phủ Hoài Đức tỉnh Hà

Đông. Đây là một làng cổ có truyền thống văn hóa và sản xuất từ lâu đời. "Bơi Đăm, rước Giá, hội Thầy" hay "Làng La canh cửi, làng Đăm đua thuyền" là những câu ca dao quen thuộc vang đến tận kinh thành Thăng Long xưa.

Nay muốn tới làng Đăm, du khách rất dễ dàng định hướng. Từ Cầu Giấy theo đường Hà Nội - Sơn Tây, đến Nhổn rẽ tay phải chỉ đi vài cây số là tới. Vào mùa xuân khi đến dịp hội làng, từ đằng xa du khách đã có thể nhận biết bằng màu sắc của cờ hội nổi bật trên một thảm xanh của những ruộng rau, dưa đủ các loại đang độ kết trái đợi mùa thu hoạch. Rau và dưa Tây Tựu nay đã quá quen thuộc với đất Hà Thành.

Hội làng Đăm diễn ra trong ba ngày từ mồng 9 đến 11 tháng Ba. Xưa kia hội kéo dài tới năm ngày và cứ năm năm mới tổ chức đua thuyền, bởi để chuẩn bị cho một cuộc đua đòi hỏi sự tốn kém không ít thời gian, tiền của và sức lực con người. Theo các cụ già cao tuổi cho biết hội được tổ chức lần cuối vào năm 1940. Kể từ đó không mở hội nhưng đội thuyền đua làng Đăm vẫn luôn được mời về dự đua trong những dịp lễ lớn của đất nước tại hồ Thiền Quang, hồ Gươm, hồ Bảy Mẫu. Khoảng những năm 1972 - 1973 làng có tổ chức bởi nhân đón quốc trưởng Cămpuchia sang thăm nước ta, nhưng cuộc đua đó chưa phải là hội. Những năm gần đây, xu thế khôi phục dần dần những truyền thống xưa đang được chú ý. Bằng chứng là sau 54 năm, năm 1994, hội được tổ chức lại một cách công phu và trang trọng. Tất nhiên, theo lời các cụ thì "còn lâu" mới được nghiêm và to

như xưa. Tuy nhiên với điều kiện hiện nay chắc cũng không còn "lâu" lắm hội làng Đăm sẽ lấy lại được phong độ cũ.

Làng Đăm và các di tích quanh hội

Theo sách "Làng xã ngoại thành Hà Nội" thì Tây Tựu xưa vốn gọi là Tây Đằm, vì kiêng tên húy vua Lê Thế Tông (1573 - 1600) nên đổi gọi là Tây Đăm, đến nhà Nguyễn vì kiêng quốc húy đổi gọi làm Tây Tựu. Tây Tựu cũng là tên một trong 13 tổng thuộc phủ Hoài Đức cũ, tổng Tây Tựu gồm bảy xã, nay thuộc đất Tây Tựu, huyện Từ Liêm và Tân Hội huyện Đan Phượng (Hà Tây). Phía bắc Tây Tựu giáp hai xã Liên Mạc và Thượng Cát, phía đông và đông nam giáp hai xã Phú Minh và Xuân Phương, phía tây giáp xã Tân Lập huyện Đan Phượng và xã Di Trạch huyện Hoài Đức [1].

Tây Tựu gồm có ba thôn là thôn Thượng hay còn gọi là miền Thượng, thôn Trung hay gọi là miền Trung và thôn Hạ còn gọi là miền Hạ. Hàng năm vào dịp hội ba miền cùng nhau tổ chức hội và thi bơi thuyền.

Những di tích liên quan đến hội còn lại cho đến nay chủ yếu nằm xung quanh đình và đoạn sông, nơi diễn ra cuộc đua thuyền.

Đình làng Đăm thờ đức thánh Tam Giang, dân gian gọi là Bạch Hạc Tam Giang[1].

Vào ngày hội trong đình có đặt ba cỗ ngai. Một cỗ

---

(1) Bùi Thiết: *Làng xã ngoại thành Hà Nội*, 1985. tr. 231.

trong hậu cung lớn và được mặc áo trắng. Ngai thứ hai tiếp theo ngai ở hậu cung, được đặt ở giữa long đình, nhưng chỗ đó lại thấp hẳn xuống so với hai bên theo chiều dọc của đình. Ngai thứ ba được đặt ở ngoài cùng và là ngai để rước ra ngự ngoài thủy tọa lúc thi bơi thuyền. Cả hai ngai thứ hai và thứ ba đều được mặc áo vàng. Đình bị hư hỏng nhiều, không có gì đặc biệt và đang được tu sửa dần dần.

Thẳng cửa giữa của đình nhìn ra là liên tiếp hai nhà thủy đình cách nhau khoảng bảy tám mét, được gọi là chính ngự trong và chính ngự ngoài. Vào những ngày hội kiệu của đức thánh rước về được đặt ở chính ngự ngoài, còn chính ngự trong là nơi diễn ra các cuộc tế lễ và sau đó là điểm xuất phát để rước ngai thánh ra ngự xem bơi.

Bên trái và bên phải khoảng trống giữa chính ngự

---

(1) Giang Quân trong bài "*Vùng đất cổ thượng võ và hội bơi Đăm*". Báo Hà Nội Mới ngày 3-5-1994. tr.2. có ghi truyền thuyết về Bạch Hạc Tam Giang như sau:

"Vốn trước làng chưa có đình, miếu. Ông câu ếch họ Vũ người thôn Hạ đi theo triền sông Cái lên mãi vùng trên, thường hay đến nghỉ nhờ đền Bạch Hạc. Một hôm, cụ từ đi vắng nhờ ông Vũ đèn hương hộ. Ông thấy trên đền có tới ba bài vị thờ mà làng mình lại chưa có thành hoàng bèn làm lễ xin âm dương để đón một vị về Đăm. Đó là thổ Lệch Bạch hạc Tam Giang. Về làng gặp lúc đang có dịch chết người và gia súc, ông Vũ sợ đem giấu ở giàn mướp bên kia bờ sông Nhuệ. Dân thôn Thượng biết bèn lập miếu thờ ở cạnh sông trông chếch sang phía giàn mướp. Mùa mưa năm ấy có lũ lớn, nước tràn vào đồng, có một mũi thuyền gỗ chạm vào đầu hạc trôi dạt vào cửa miếu. Ông câu ếch nhận ra đúng là đầu thuyền đua ở đền Hạc. Dân làng bèn cử người lên đền chính thờ thần Tam Giang xin mẫu thuyền, hỏi thể thức bơi chải rồi về làng đóng thuyền, xây nhà thủy tọa, tổ chức thi bơi. Hội đua thuyền Đăm từ đó tới nay đã khoảng 600 năm".

trong và chính ngự ngoài còn có hai nhà thủy đình nhỏ khác. Cạnh hai nhà thủy đình là những dãy nhà dài được gọi là dãy muống. Phía bên phải nhìn từ cửa đình ra có hai dãy muống, còn phía bên trái chỉ có một dãy, cạnh dãy đó là từ vũ. Trong từ vũ có đặt một bia đá hình trụ, bên cạnh kia là hai ông phỗng ngồi cạnh bia.

Tất cả các khoảng trống trong khu vực này được lát gạch nên trở thành một khu vực có diện tích rất rộng và thường ngày đây là chỗ họp chợ của làng Đăm.

Thủy tọa được xây trên bờ sông vươn ra mặt nước. Nó được chia thành ba phần rõ rệt. Phần trung tâm là nơi ngự giá của kiệu thánh, bên trái là chiếu dành cho các bô lão cao tuổi và trong hội dồng tế lễ, bên phải dành cho quan khách. Tất cả nhìn hướng ra mặt sông. Đây là một nhánh của sông Nhuệ mà vốn xưa kia các cụ già nói rằng nối sông Hồng từ Gối xuống với sông Nhuệ, nhưng nay đã bị cắt nên còn gọi là đầm Đăm. Khúc sông dài khoảng 1000m và cuộc đua thuyền diễn ra tại đó, với vị trí xuất phát là nhà thủy tọa và điểm cuối cùng là đoạn sông trước cửa miếu thờ đức thánh Tam Giang. Gọi là miếu nhưng đây thực chất là một ngôi đền lớn trong đó còn giữ được khá đầy đủ bia ký và các đồ tế khí cùng hoành phi câu đối. Đây là đất của thôn Thượng nên miếu còn gọi là thượng miếu.

Đối diện với miếu này phía bên bờ sông chếch về phía phải còn có một bệ thờ được gọi là làn tế, làn tế là nơi theo nhân dân địa phương xưa kia rước thánh về đặt tạm

tại đó trước khi đưa ngài ngự vào miếu. Ngày ấy làn tế khá bề thế và nằm sâu trong trường kỹ nghệ bây giờ, nhưng vì nay xây trường kỹ nghệ ở đó nên người ta dịch chuyển làn tế ra sát bờ sông và mới xây thành một bệ thờ như vậy.

Lễ Hội

Mọi sự chuẩn bị cho ngày hội được tiến hành từ trong năm. Ngày mồng 9 tháng Ba là ngày mở đầu cho lễ hội của làng. Nghi thức quan trọng nhất của ngày hôm ấy đó là đám rước thánh từ miếu xuống đình.

Sau khi tế lễ ở đình, làm lễ cáo yết ở miếu, người ta tiến hành rước ngai của thánh về đình. Đám rước long trọng với đủ lệ bộ và nghi trượng cùng những vị có trọng trách trong ngày hội với đông đảo dân làng. Đám rước đi từ thượng miếu theo đường làng đi về đình. Tới đình kiệu rước ngài được đặt ở chính ngự ngoài. Sau đó các tay đô cùng bô lão rước ngai của ngài vào đình và ngự tại đó. Tiếng pháo nổ vang cùng tiếng nhạc rộn rã làm không khí ngoài đình náo nhiệt trong muôn màu sắc của cờ, đồ tế khí và hương khói nghi ngút.

Ngoài sông các thuyền đua của ba thôn cũng tiến hành bơi dạo vừa để chào mừng thánh đồng thời cũng là để duyệt lại toàn bộ các bước chuẩn bị của mình, từ vị trí ngồi của từng giải bơi, các tay chèo ra sao; người chỉ huy, người chống sào, tát nước... tất cả gần như một cuộc duyệt lại từng chi tiết của cuộc đua ngày hôm sau. Đồng thời

đây cũng là lúc thăm dò trước luồng lạch sao cho tiết kiệm được thời gian nhất mà lại đạt hiệu quả cao nhất.

Có thể nói suốt đêm 9/3 mọi người đều náo nức chờ đợi. Các giai bơi hồi hộp chuẩn bị cho cuộc thi đấu ngày mai. Dân làng ra thắp hương lễ bái ngoài đình, miếu. Các cụ trong ban khánh tiết thay nhau túc trực nhang khói thờ thánh. Sân đình rộn rã không khí ngày hội làng, đèn đuốc sáng trưng, kẻ ra người vào tấp nập.

Mồng mười tháng ba là ngày chính hội. Bảy giờ sáng mọi chuẩn bị cho ngày hội phải được hoàn thành. Ngày hội bắt đầu bằng cuộc tế lễ long trọng của hội đồng bô lão trong làng. Mọi nghi thức tế lễ được thực hiện từ chính ngự trong qua quãng sân trước cửa đình và vào đến trong đình.

Các nghi thức tế lễ ở đây có đôi điểm đáng chú ý. Thứ nhất, trước cửa đình có hai thanh niên mặc quần áo màu xanh, chân quấn xà cạp, đầu đội mũ có chóp nhọn cũng màu xanh, trên chóp có một túm lông gà hoặc lông chim, tay cầm roi song đỏ đứng hai bên cửa giữa đình. Trong lúc tế là hai thanh niên ấy đứng nghiêm trang tại đó. Thứ hai, làng cũng tế ba tuần, nhưng người ta lại đọc chúc ở trước tuần cuối của cuộc tế. Sau đó tế thêm một tuần nữa rồi mới đốt chúc văn; chúc văn được một cụ già cầm trên tay, sau khi vái lạy thánh rồi châm lửa đốt. Lúc đọc và lúc đốt chúc văn đều có kèm theo một tràng pháo nổ như báo hiệu.

Trong lúc các bô lão tiến hành tế lễ, trong đình ở hai

gian cạnh có trải sẵn chiếu để khách thập phương và bà con dân làng chuẩn bị dâng lễ. Người ra vào nườm nượp với đủ loại lễ vật.

Khi cuộc tế kết thúc, chiêng trống nổi lên rộn rã, pháo nổ liên hồi báo hiệu cuộc rước sắp bắt đầu, đồng thời là hiệu lệnh để những người có trách nhiệm chuẩn bị. Nghe hiệu lệnh các trai kiệu và những người cầm cờ, quạt, chấp kích từ khắp các ngả lần lượt kéo về tập trung quanh cửa đình. Kiệu rước thánh được chuyển từ chính ngự ngoài vào chính ngự trong.

Một hồi chiêng trống nổi lên, một số giai kiệu cùng các cụ rước ngai thánh từ trong đình ra chính ngự trong. Theo hiệu lệnh của cụ già mặc áo tím, cầm trống khẩu mọi người từ từ đặt ngai thánh vào kiệu. Thứ tự đám rước như sau:

Hai thanh niên quần áo xanh. Tiếp đến là các nam nữ trẻ quần áo trắng, thắt lưng đỏ và đầu quấn khăn đỏ cầm cờ và đồ chấp kích. Sau đó là hai cụ già mặc quần áo tế màu xanh đi giật lùi, mặt hướng vào kiệu thánh. Theo sau hai cụ là cụ già cầm trống khẩu gõ lệnh cho đám rước. Rồi đến kiệu thánh cụ từ mặc áo đỏ đi sát kiệu để trông nom, sửa sang bước đi cho các đô kiệu, chỉ bảo người cầm lọng đi sau kiệu. Hai bên kiệu là hai thanh niên mặc kiểu võ tướng (đầu đội mũ, thắt đai, đi ghệt...) cầm gươm bảo vệ kiệu. Đi sau kiệu là các cụ già trong ban tế, các bô lão đến tuổi thượng thọ với áo đỏ, áo vàng cùng dân làng. Hai bên lối kiệu đi người làng, khách thập phương chen chân

đứng xem trong không khí vô cùng phấn chấn.

Kiệu đi thẳng từ chính ngự trong qua chính ngự ngoài tới đường làng trước mặt ao đình. Từ chính ngự trong ra chính ngự ngoài kiệu được nâng trên tay của các giai kiệu. Nhưng khi ra khởi chính ngự ngoài, kiệu đặt lên vai các giai kiệu để rước đi. Tới đường làng, đoàn rước rẽ sang tay phải tiến về phía thủy tọa. Đám rước đi nhịp nhàng, khoan thai trong tiếng nhạc, tiếng pháo nổ và dưới sự điều khiển chặt chẽ của cụ gõ trống khẩu. Đám rước đi trong vòng một tiếng từ cửa đình đến thủy tọa.

Khi tới trước cửa thủy tọa, kiệu hạ xuống, đặt tại bệ giữa nhà thủy tọa, cờ quạt, chấp kích được đặt trước kiệu thánh hướng ra mặt sông. Một hồi chiêng trống nổi lên, pháo ở thủy tọa, hai bên bờ sông và trong đình được đốt nổ ròn rã cùng một lúc, báo hiệu ngài đã an vị. Các cụ trở về chiếu của mình ở gian cạnh, giai kiệu và thanh niên mang tế khí nhanh chóng tản ra khắp nơi để xem hội.

Trong khi ngoài đình tiến hành rước kiệu, thì ở các thôn kiểm tra cuộc đua thuyền. Từng chi tiết nhỏ đều thống nhất giữa các giai bơi và người chỉ huy. Từng thôn làm lễ tiễn đoàn thuyền đua của mình và cầu mong thắng trận cho họ. Sau đó các thuyền của từng thôn được khiêng ra sông dạo quanh đợi hiệu lệnh tập trung về thủy tọa.

Các thuyền đua theo lệnh trống chiêng từ các ngả từ từ tiến vào gần nhà thủy tọa trong tiếng reo hò vang dậy của người ba thôn cổ vũ cho người thuyền đua thôn mình.

Đua thuyền

Ba thôn Thượng, Trung và Hạ mỗi thôn có hai thuyền đua. Xưa kia có thêm một thuyền thứ bảy gọi là thuyền quan. Thuyền quan không đua mà chỉ làm nhiệm vụ bơi theo quan sát cuộc đua. Thuyền đua dài tới 15m gồm 18 giai bơi và sáu người khác, là: ông lái ông dô (là người bắt nhịp, chỉ huy); ông phất cờ cổ vũ anh em bơi, ông cầm lọng (là người cầm sào, một đầu có móc sắt hình chữ U để chống và đẩy thuyền khi thuyền sát vào thuyền khác), một người tát nước và một trọng tài có nhiệm vụ chỉ ngồi theo dõi các giai bơi và những người trong thuyền không được vi phạm các luật lệ. Giai bơi được chọn trong độ tuổi từ 20 đến 35 tuổi có kinh nghiệm và khỏe mạnh.

Đầu thuyền của mỗi thôn đều được gắn đầu của ba loài đỉa, ly và hạc. Riêng con hạc luôn luôn gắn với hai thuyền của thôn Thượng vì thôn Thượng có miếu của Bạch Hạc Tam Giang. Còn hai đầu đỉa và ly là của hai thôn dưới. Trong hai thuyền của mỗi thôn lại được chia ra một thuyền đông và một thuyền tây, còn sáu thuyền được đánh số thứ tự cho dễ nhớ. Việc đóng thuyền và tập luyện cho cuộc đua là cả một quá trình lâu dài và tốn kém. Tuy vậy thôn nào cũng cố gắng hết sức để dành được chiến thắng. Ở đây ngoài sự ganh đua về giải, người ta còn thi đua cả về danh tiếng khi được giải nhất. Nó góp phần cổ vũ cho cả thôn trong năm mới.

Cuộc đua được tiến hành bơi sáu vòng. Sáng ngày 10 tháng Ba bơi hai vòng, chiều một vòng. Ngày 11 tháng Ba

cũng bơi ba vòng như vậy, sau đó kết thúc hội.

Sau tiếng chiêng trống báo hiệu ngai thánh đã yên vị, các thuyền đua tập trung trước thủy tọa. Dưới sông cách thủy tọa vài mét có một cột cờ treo lá cờ đại lớn. Đồng thời cách đó vài mét, một sợi dây được căng từ bờ sông bên này sang bờ sông bên kia, trên dây treo cờ đủ màu sắc, đó cũng là mốc để cho các thuyền xếp hàng bơi. Hai cụ trang phục ngày hội đứng ở bên bờ phải của thủy tọa làm nhiệm vụ phát lệnh. Khi các thuyền đã tập trung vào vị trí, cờ lệnh được phất, cuộc bơi dạo bắt đầu. Đây chỉ là bơi biểu diễn do đó các thuyền không ganh đua và vội vã mà cố bơi cho thật đẹp, thật nhẹ nhàng, ngoạn mục để lôi cuốn người xem. Tuy vậy không khí trên bờ cũng rất sôi động, tiếng chiêng trống, tiếng pháo nổ mừng nổi lên khắp nơi. Bơi dạo một vòng theo đường đua vừa là bơi biểu diễn, vừa là bơi thử để các tay chèo quen tay khi vào cuộc đấu. Khoảng 15 - 20 phút sau các thuyền đều trở về đông đủ để bắt đầu cuộc bơi chính thức.

Thuyền đua hướng mũi vào nhà thủy tọa. Sau đó theo hiệu trống, đại biểu các thuyền lần lượt bước lên thủy tọa lễ thánh. Một tiếng trống: Thượng đông, Thượng tây vào, hai tiếng trống Trung đông, Trung tây vào, ba tiếng trống Hạ đông, Hạ tây vào. Từng cặp một sau khi lễ xong chủ tế gọi: "Thượng đông, Thượng tây!" các giai bơi trên thuyền nhất loạt dạ ran. Lần lượt cũng vậy với thôn Trung và thôn Hạ.

Lễ yết thánh xong, ban trọng tài xuống các thuyền

kiểm tra kỹ lưỡng số người, dụng cụ trên thuyền, nhất là sào chống. Bởi vì sào chống là phải thống nhất, do ban tổ chức phát, không được đổi, vì chỉ cần dài hơn một chút là thuyền đó rất có lợi trong việc đẩy và chống. Cũng lúc này các thôn cử người đến thuyền úy lạo quà cho giai bơi và cổ vũ tinh thần các đội. Khi mọi việc đã hoàn tất tiếng chiêng trống, thanh la, tù và dồn dập vang lên báo hiệu cuộc thi sắp bắt đầu. Bằng hiệu cờ và loa trọng tài hướng dẫn các thuyền vào đúng vị trí. Thuyền của ba thôn được xếp xen kẽ nhau, sẵn sàng chờ lệnh. Một tràng pháo nổ vang kéo dài báo phút quyết định sắp đến. Khi hai cụ già cầm cờ lệnh, chém mạnh xuống lập tức các thuyền bật lên lao đi. Tiếng chiêng trống đổ hồi, người trên bờ nhoài ra hô hào để cổ vũ và nhắc nhở các thuyền đua.

Điều thú vị ở đây là các thuyền đua sắp hàng bằng nhau trên một quãng sông không rộng, thuyền lại to và dài nên khi xuất phát, các thuyền phải tìm cách chen nhau, để bứt lên trước. Vai trò của người chống (lạng) lúc này là vô cùng quan trọng. Anh ta ngồi ở đầu mũi thuyền cầm lạng ngang ra mắt chăm chăm nhìn hai bên để đẩy và chèn bất cứ thuyền nào áp sát vào thuyền mình. Và phải tạo cho thuyền mình có không gian mà vượt lên. Do đó phút hồi hộp nhất chính là lúc này, vì chen chúc nhau nên có thuyền vội vàng nghiêng ngả mà lật úp, song các giai bơi vẫn không bỏ cuộc mà nhảy lên dốc nước, chèo thuyền tiếp tục cuộc đua. Tiếng hô hào của chỉ huy, tiếng trống, tiếng phách cùng tiếng cổ vũ của hàng ngàn người đứng

kín hai bờ đã làm cuộc đua mỗi lúc một náo nức. Người các thôn rầm rập chạy hai bên bờ sông động viên thuyền thôn mình.

Việc đẩy, chen và chống các thuyền bên cạnh để bứt lên theo các cụ ở đây gọi là búng. Còn khi đến điểm mốc cuối ở đoạn sông trước cửa miếu thánh, các thuyền bơi cũng phải vòng qua một cột cờ (vòng từ trái sang phải), cả người lái và người lạng phải lướt làm sao cho khéo, đường cua cho tiết kiệm, đường đua và cố vượt lên thuyền phía trước mình. Cái đó người ta gọi là dóc và vót góc. Dóc và vót góc càng điêu luyện thuyền đi càng nhẹ và nhanh, còn không khéo sẽ ra vào cọc mốc hoặc đường cua quá rộng mà mất thời gian. Ngay cả khi các thuyền đã dãn ra nếu người lái và lạng không khéo léo, các giai bơi không đều tay thuyền vẫn bơi chậm và có trường hợp nước tràn vào thuyền làm đắm hoặc người bơi vội tạt nước lộn nhào xuống sông. Khi đó cả thuyền bám sau nếu không nhanh trí xử lý tránh thuyền trước mà vượt lên thì cũng va mà đắm nốt, như vậy sẽ cản trở tốc độ rất nhiều. Người ta tính điểm từng thuyền về đích trước sau mà xếp hạng cộng điểm cho cả đội. Sau một vòng đua các thuyền bơi được nghỉ ngơi khoảng mười lăm phút để hồi sức và rút kinh nghiệm. Người các thôn xô đến thuyền của mình mà nhận xét, nhắc nhở, góp ý. Để rồi lại háo hức chờ vòng đua mới.

Nghỉ giải lao ít phút, trống giục gọi các thuyền vào vị trí. Lần này người ta lại tráo vị trí đua của mỗi thuyền, cứ như vậy trong sáu vòng đua của hai ngày mỗi thuyền

sẽ đứng ở một vị trí khác nhau từ bờ bên này sang bờ bên kia một cách công bằng.

Trong hai ngày đua thuyền, những lúc ngừng cuộc đua dưới sông thì trên mặt đất diễn ra những trò thả chim, thi cờ bói và nhất là chọi gà. Đây là một vùng có truyền thống nuôi gà chọi nổi tiếng, có những cặp gà được đưa đi dấu ở nhiều nơi. Đây cũng là một nơi có truyền thống vật với các đô vật lừng danh như Hương Thìn, Bếp Quý, Ba De...

Ngày 11 tháng Ba buổi sáng bơi tiếp hai vòng nữa, và buổi chiều kết thúc trao giải. Thuyền được giải còn có vinh dự chở ngai của thánh về miếu Thượng. Bởi vì theo phong tục từ xưa thánh đi bộ về thủy, do vậy hai thuyền giật giải được đưa thánh về cung của ngài vào buổi chiều ngày 11 tháng Ba. Cuộc đua thuyền hoàn tất, dân làng tế tạ ơn thánh rồi rước thánh xuống thuyền về miếu của ngài. Ngày hội kết thúc trong không khí tưng bừng phấn khởi của toàn thể dân làng. Tối đó lại đốt pháo bông pháo hoa mừng ngày hội, tiếng pháo quện vào hương khói trong ánh sáng của muôn vàn ngọn đèn nến tạo nên một không khí khó quên đối với mỗi người dự hội. Để năm sau du khách lại nhớ mà tìm về...

Đôi điều suy ngẫm

Đua thuyền là một tục lệ phổ biến ở Việt Nam, nhưng mỗi nơi tùy theo hoàn cảnh địa lý và phong tục mà lại có những khía cạnh riêng của nó. Cái quyết liệt của đua thuyền làng Đăm không phải ở độ dài của đường đua và

đua liên tục nhiều vòng trong một lần như ở hội bơi chải Đồng Xâm. Không phải ở sự khó khăn, khốc liệt như bơi ngang dòng sông Hồng nước chảy mạnh như ở Sa Lãng (Liên Hà) gần đó hoặc dòng sông nước chảy xiết, thuyền phải bơi ngang trong khi đã bị đục thủng sẵn từ trước, nếu không bơi nhanh sẽ bị đắm như ở Gia Lương Hà Bắc. Hay chỉ là bơi thuyền nghi lễ nhằm ôn lại cuộc luyện quân của nữ tướng thời Hai Bà ở Hạ Cáp (Từ Liêm)... Cái quyết liệt ở đây là bước xuất phát cuộc đua phải búng thuyền (đẩy, chen, thuyền bạn mà lấy chỗ cho thuyền mình); dóc thuyền (lướt, vuốt góc để thuyền bứt lên mà không va chạm, gây cản trở, lật thuyền, chậm thời gian); là lạng thuyền (chống, đẩy thuyền bạn cho không chạm vào ngăn cản thuyền mình), là vuốt góc ở đoạn cuối cột mốc sao cho thuyền lướt nhanh không bị lúng túng tại đó... Cái quyết liệt còn biểu hiện ở sự mau lẹ, quyết đoán và tính toán điều khiển thuyền để đạt được tốc độ tối đa mà chỉ mất một sức lực tối thiểu. Điều đó đòi hỏi cả một kinh nghiệm dày dạn sự từng trải lâu đời của một cư dân sông nước chuyên nghiệp trong tinh thần cộng đồng.

Cũng dễ hiểu khi nhìn địa dư của Tây Tựu xưa vốn nằm trong một khu vực chằng chịt sông ngòi. Bản thân đầm Đăm là một nhánh từ sông Hồng qua vùng Gối sang sông Nhuệ. Từ Gối tới Hát Môn, nơi có đoạn sông Hát nối với sông Hồng là một đoạn không xa. Cả một khu vực từ Hát Môn xuống Phùng, Gối, Diễn ngày nay vốn xưa có nhiều sông ngòi chằng chéo nhau. Bằng chứng là những

đoạn sông cụt như đầm Đăm, những con đê nay không còn giá trị ngăn nước sông nữa và các con sông tồn tại cho đến bây giờ. Sống trong một môi trường địa lý như vậy, nghề sông nước ắt phải được đề cao và phát triển.

Xét mặt hình dáng của thuyền đua, với những con quy, con đỉa ta cũng thấy chúng gắn với nước. Còn hai con hạc ở đây ẩn chứa những điều gì mà ta chưa biết được? Đó là điều đáng lưu ý. Hai con hạc ấy với đức thánh Bạch Hạc Tam Giang và một truyền thuyết huyền ảo kèm theo. Tên gọi của ba thôn cùng với từ miền (miền Thượng, miền Trung, miền Hạ) có gì liên quan đến nhau không? Lại nữa, đường đi của đức Bạch Hạc Tam Giang đi bộ về thủy. Có gì chăng giữa trời - đất - nước, giữa núi - sông hay đó là sự xoay vần là cõi mênh mông của vũ trụ trong quan niệm của người xưa?

Và như đã nói ở trên, long đình ở giữa thấp hẳn xuống so với hai bên theo kiểu lòng thuyền. Nếu đó là nguyên trạng của thời xa xưa thì cũng có thể liên tưởng tới cái đình hình thuyền mà khảo cổ học đã nhắc tới.

Những dự cảm ban đầu, những nghi vấn chưa có đầy đủ chứng cứ để thuyết phục, song dù sao chúng tôi cũng cố gắng trình bày ra đây theo một trật tự nhất định để độc giả soi xét, vả lại cũng là để người viết suy ngẫm và tiếp tục hoàn thiện trong tương lai.

87 - HỘI LÀNG THANH AM

Thờ: Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm, Đào Kỳ và Phương Dung công chúa

Địa điểm: Làng Thanh Am, xã Thượng Thanh, huyện Gia Lâm

Thời gian: 9 tháng Ba đến 11 tháng Ba. Chính hội 10 tháng Ba

Đặc điểm: Hát quan họ trên sông Đuống.

Thanh Am là một làng Việt cổ ở ven đô, làng nhỏ kề bên sông Đuống, nhánh của sông Hồng đỏ nặng phù sa. Xưa kia vẫn thường gọi tên nôm là làng Đuống, ở về phía bắc Hà Nội, cách Hồ Gươm 8 cây số, cạnh quốc lộ 1A. Nhà thơ Ngọc Sơn đã từng ca ngợi:

Ghi nơi đây dấu tích Trạng Trình
Người năm xưa mở ấp khai sinh
Thanh Am đó! Tuổi xanh cây cỏ
Trời sông Đuống khói quện mây lộng gió
Bờ đê xanh hoa dại rực vàng.

Năm trăm năm trước, Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm khi giữ chức tả thị lang bộ Hình rồi bộ Lại kiêm Đông các đại học sĩ của triều Mạc, ngài đã lập ra 18 làng Am thì nơi đây là một, với tên gọi là Hoa Am, đưa con cháu lên khai hoang lập ấp dựng làng, nên khi ngài mất (1585) nơi đây đã dựng ngôi đình lớn thờ ngài. Nay còn thần phả, sắc phong, ngài và mũ thờ cùng nhiều câu đối.

Tên làng đến năm Thiệu Trị thứ nhất (1841) vì kiêng húy nên đã đổi thành Thanh Am.

Như nhiều làng quê khác, hàng năm cứ mỗi độ xuân về, tiết trời ấm áp, cầy cấy đã xong, gặt hái thì chưa tới, dân làng lại mở hội - một sinh hoạt văn hóa truyền thống có sức cuốn hút đông người tham gia và trở thành nhu cầu lớn trong đời sống tinh thần của nhân dân. Hội làng Thanh Am thường tổ chức trong 3 ngày từ mồng 9 đến 10 tháng Ba, ngày mồng 10 là chính hội.

Lễ và hội thường gắn liền với nhau, có lễ mới có hội. Lễ là để thể hiện đạo lý ngàn đời nay "Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây". Lễ bao giờ cũng là phần mở đầu để tỏ lòng tôn kính đến tột bậc của nhân dân đối với các vị anh hùng dân tộc, các vị thánh đã có công lao lớn với dân với nước. Sau lễ là hội, diễn ra sôi nổi làm cho xóm làng náo nức hẳn lên, mỗi người quên đi mọi vất vả nhọc nhằn quanh năm suốt tháng chạy theo thời vụ, hai sương một nắng... Giờ đây họ không phải sống cho riêng mình mà đang đem cuộc sống cá nhân hòa vào nghĩa vụ chung. Từng người từng nhà từng giáp say sưa với công việc chung, lo cho ngày lễ hội của làng mình. Không những làng mình mà đến cả các làng kết chạ các làng lân cận và khách thập phương cùng con cháu đi làm ăn xa cũng nhớ về dự hội làng để thêm một dịp đoàn tụ gia đình hay gặp gỡ trao duyên hò hẹn lứa đôi... Trong dân gian có câu:

Dù ai đi Bắc vào Nam
Tháng Ba lễ hội Thanh Am nhớ về.

Trước ngày lễ hội, đường sá được phát quang, quét dọn sạch sẽ. Cờ ngũ sắc cắm dọc theo làng và xung quanh đình chùa, gió bay phần phật như bàn tay vẫy mời quý khách. Các cụ ông trong bộ áo dài thâm quần trắng và khăn xếp trên đầu đi đi lại lại nhộn nhịp. Các vị chức sắc và tư văn của làng lo văn tế, ôn tập nghi thức lễ bái. Đội tế nam và nữ xem xét chọn người, thay người đang có tang hoặc ốm yếu, rồi chuẩn bị mũ áo tế và ôn lại từng động tác theo đúng từng câu hô xướng và nhịp trống nhịp chiêng... Trai làng lo dựng rạp, mổ gà lợn... Gái làng lo mâm bát, hương hoa, trầu cau để cúng và tiếp khách... rộn rã xóm làng tiếng cười tiếng nói từ lúc gà gáy đến lúc tan canh.

Ngày mồng 9: Việc đầu tiên là nghi lễ rước nước. Mọi người tề tựu đông đủ, ăn mặc chỉnh tề, thái độ trang nghiêm. Theo tuần tự cờ thần đi trước, đội "a dứ" tiếp sau. Đội này gồm 4 hoặc 8 thanh niên mặc áo quần trắng, thắt khăn xanh đỏ ngang lưng, tay cầm cờ đuôi nheo ngũ sắc, chạy ngược chạy xuôi rồi chạy vòng cung, tay phất cờ từ trái sang phải và ngược lại, miệng hú "a dứ". Sau đội "a dứ" đến hàng bát bửu, rồi đến trống chiêng mở đường cho kiệu thánh đi. Sau kiệu có đội nữ mặc áo thụng xanh hay hồng, đầu đội khăn xếp rộng màu vàng, lưng thắt khăn màu bỏ múi ra bên, vừa đi vừa múa sênh tiền khá yểu điệu và duyên dáng. Đi tiếp sau là cụ tiên Chỉ làng (hay cụ từ) trong lễ phục màu đỏ, đội mũ tế, chân đi hia. Tiếp nữa là đại biểu của hai làng kết chạ (Lê Xá và Cống Thôn)

rồi đến các vãi và trai tráng trong làng đi thành hàng đôi dài hơn cây số. Nơi xuất phát là đình, đi vòng qua nửa làng lên đê, dọc theo đê một đoạn dài rồi dừng lại nơi có cắm sẵn lá cờ thần và có một chiếc thuyền gỗ có trang trí những dải lụa đỏ quanh thuyền đã neo đợi từ trước. Pháo lệnh nổ, cờ dàn ra hai bên, kiệu thánh dừng. Chiêng trống dồn dập. Cụ tiên chỉ thong thả bước xuống thuyền, hai trai làng khênh một chiếc chóe có phủ vải điều bước theo xuống. Pháo lệnh nổ, thuyền chèo ra giữa sông và đi ngược lên một đoạn chọn nơi dòng nước trong dừng thuyền lại. Một tràng pháo tép được đốt lên, vang trên mặt sông, khói lan tỏa trên làn sóng. Dứt tiếng pháo, cụ tiên chỉ khoan thai múc từng gáo nước đổ vào chóe bằng gốm sứ Bát Tràng. Khi chóe đã đầy nước thì đậy nắp và lại phủ vải điều lên trên. Thuyền quay mũi chèo về cập bến và trai làng lại khênh lên bờ đặt vào kiệu. Đoàn rước nước lại tề chỉnh như ban đầu tiếp tục rước về đình là nơi xuất phát. Về tới đình đã 9 - 10 giờ sáng, kiệu đặt ngoài sân trước cửa đình có tàn lọng che. Riêng chóe nước được rước vào chính tẩm. Sau khi 2 đôi nam và nữ lần lượt vào hành lễ xong đến các đội khác như đội a dứ, đội sênh tiền, đội nhạc lễ và bà con thập phương. Lại nói về chóe nước được cụ thủ từ trịnh trọng rót ra bình nhỏ và đổ vào các chén nhỏ để cúng còn lại dùng vào việc "mộc dục" tức là tắm rửa lau chùi các tượng thánh và ngai thờ (tượng thánh thực ra mới có về sau do các dòng họ trong làng và thập phương công đức, phỏng theo hành trạng của vị thánh mà

tạo tượng một cách ước lệ). Lễ rước nước như vậy là hoàn tất vào trước ngày lễ hội chính. Phong tục rước nước này cũng là phong tục chung phổ biến của cư dân nông nghiệp, ẩn chứa điều mong muốn, niềm khát khao ngưỡng vọng thiên địa thần linh cho mưa thuận gió hòa, nước nôi đầy đủ để hoa mầu tươi tốt, cây lúa sai hạt nặng bông, mùa màng bội thu, cuộc sống ngày thêm no đủ thịnh vượng.

Ngày mồng 10 vào chính lễ hội. Suốt ngày hương khói lung linh. Đội nữ làm lễ dâng hương rồi đến đội nam tế. Sau 2 đội này là các "chạ" anh vào tế và thập phương vào cúng vái... Điều đặc biệt ở Thanh Am là có nữ dâng hương đầu tiên mà xưa kia ít nơi có bởi quan niệm phong kiến khắt khe "nữ nhân bất đáo đình trung". Hỏi ra mới biết nơi đây còn thờ 2 tướng của Hai Bà Trưng là Đào Kỳ và Đào phu nhân (Phương Dung công chúa); vì có nữ tướng nên nữ giới mới được quyền tham dự tế lễ như ta đã thấy. Các dòng họ cũng đội xôi gà ra lễ thần thánh, lễ xong đem về các nhà trưởng họ chia lộc hay thụ lộc tại đấy. Chiều và tối chủ yếu là trò vui. Trong đình có chiếu chèo hoặc diễn tuồng. Hai loại hình nghệ thuật này thu hút được phần lớn các cụ, các ông, các bà mà chưa hấp dẫn được đông đảo thanh thiếu nhi lắm nên có năm ban tổ chức lễ hội đã xin phép các cụ cao niên trong làng mời đoàn quan họ Bắc Ninh về biểu diễn, hát trên thuyền rồng bơi trước ao đình để bà con ngồi đứng quanh sân cùng thưởng thức và tự động thưởng cho các nghệ nhân... Người già bảo người trẻ:

Làng ta mở hội tưng bừng
Chiêng kêu, trống dóng vang lừng đôi bên.

Ngoài quan họ, xưa kia theo người già kể lại còn tổ chức kéo co, thả vịt dưới ao cho trai làng đuổi bắt, hoặc các vùng khác đem gà đến chọi... Lại còn trai gái các làng phụ cận đêm kéo đến xem hội, vừa là có dịp để chưng diện những bộ cánh sang trọng hòng lọt "mắt xanh" các cô nàng. Họ đến đây vui chơi thoải mái không bị bố mẹ rầy la, lại là cơ hội tìm bạn tâm tình qua những câu chuyện vui hay khúc hát giao duyên:

Ba cô anh lạ cả ba
Bốn cô lạ bốn, biết là quen ai?
Quen cô mặc áo thay vai
Tay ngắn, tay dài đã có chồng chưa?
Chưa chồng anh mời kết nguyền
Chồng rồi, không dám: rẽ duyên, tội giời!

Thật dí dỏm mà cũng rất đạo đức, chứ không bờm xơm trăng gió. Đám con trai bao giờ cũng bạo dạn hơn và chủ động tán trêu các cô gái trước:

- Vì nàng anh phải đi đêm
Ngã ba bốn cái, đất mềm không đau.
- Nàng ơi, anh lấy nón nàng
Khôn thì anh giả, dại nay anh cầm.

Lời lẽ vừa đằm thắm vừa chất phác rất "chân quê". Đôi khi cũng gặp những cô gái sắc sảo nhưng không chanh chua, đối đáp lại chẳng phải tay vừa:

Nón em đang đội trên đầu
Chàng mà cất lấy ra mầu dở dang

Nón em, nón bạc nón vàng
Thì em cũng để cho chàng cầm tay
Nón em, nón lá quai mây
Thì chàng cho lại, nón này em xin.

Hội làng Thanh Am xưa là thế đó. Nay thời thế đã thay đổi, trai gái làng không tìm hiểu nhau qua câu đối đáp xa xưa. Thay vào hát ví là hát những bài tình ca mới hoặc những bài thơ tự biên tự diễn... Lớp trung niên thì ham thi đấu cầu lông và biểu diễn Thái cực quyền, lớp các cụ cũng bỏ tổ tôm, tài bàn, xóc đĩa để vui với cờ tướng và xem video, trẻ em thì thích chơi điện tử và đá bóng...

Lễ và hội làng Thanh Am vừa giữ được truyền thống xưa vừa có chiều đổi mới mà vẫn vui, vẫn lành mạnh, vẫn đậm đà bản sắc dân tộc. Lễ hội được kết thúc trong một tâm trạng phấn khởi thoải mái và đôi chút nhớ nhung như câu ca quan họ "Người ơi người ở đừng về". Rất nhiều khách xa gần đã về đây dự hội đều có chung một cảm nghĩ ấm áp khi hướng về cội nguồn. Nhà thơ, nhà đạo diễn Phạm Ngọc Cảnh đã từng dự hội còn bâng khuâng:

Nắng đuổi nhạt dần theo lối đi
Người ơi thôi biết nhắn thêm gì
Chiều dâng hết gió vào sông Đuống
Lạnh cả chân trời em có nghe.

88 - HỘI LÀNG TẦM XÁ

Thờ: - Tản Viên, Cao Sơn, Quý Minh, Long Linh, Cẩm phu nhân

Địa điểm: Xã Tầm Xá, huyện Đông Anh

Thời gian: 12 tháng Ba và 5 - 6 tháng Tư. Chính hội 12 tháng Ba

Đặc điểm: Múa mặt nạ

Tầm Xá (làng Vải), theo truyền thuyết nơi đây có nghề trồng dâu nuôi tằm từ thuở các vua Hùng dựng nước. Vùng đất này do sự bồi đắp phù sa màu mỡ của sông Hồng, thích hợp với cây dâu, nghề tằm tang phát triển, hàng dệt tơ, lụa, gấm vóc. Năm 1971 do đất lở mạnh có nguy cơ phá hủy cả làng, theo sự chỉ đạo của huyện, Tầm Xá rời làng từ vùng bãi về vùng đất hiện nay. Đình thờ năm vị thần: Sơn Tinh, Cao Sơn, Quý Minh, Long Linh, Cẩm phu nhân.

Thời Hùng vương ở Lăng Xương, phủ Hưng Hóa, Sơn Tây có hai anh em họ nguyễn là Cao Hạnh, Cao Ban, nhà hào phú giàu lòng từ thiện. Gia đình muộn mằn con cái. Một hôm dịp ngày giỗ tổ, hai anh em rủ nhau lên chơi núi Tản Viên. Có đạo sĩ chỉ cho huyệt đất tốt ở núi Chu Tinh. Hai người mang hài cốt thân phụ táng ở đó, dựng đàn cầu khấn rời dất. Cầu được ước thấy... Vợ Cao Hạnh sinh được một con trai khôi ngô tuấn tú, đặt tên là Tuấn Công. Vợ Cao Ban sinh đôi được hai trai, đặt tên là Sùng Công và

Hiển Công. Năm chín tuổi, ba anh em được mời thầy về nhà dạy, kinh sử thông suốt, văn võ toàn tài. Năm hai mươi tuổi, cha mẹ của hai nhà đều mất. Khi cư tang xong, ba anh em lên hầu thần núi Tản. Thần dạy bảo nhiều phép lạ. Bà mẹ mất, nữ thần La Cao Sơn, cùng thần Long Đình, Thủy Phủ cho gậy trúc để cứu nhân độ thế, cho khu núi để sinh sống. Tuấn Công ở núi Tản Viên, Sùng Công ở núi Nộn Sơn, Hiển Công ở núi Lãng Sơn. Thời bấy giờ, Hùng Duệ Vương thứ 18 đóng đô ở Bạch Hạc, Việt Trì, quốc hiệu Văn Lang. Vua Hùng Duệ Vương anh tài, bên trong tu sửa văn đức, bên ngoài giữ yên bờ cõi. Nhà vua có hai cô gái đẹp là Tiên Dung công chúa, Ngọc Hoa công chúa. Sau khi gả Tiên Dung cho Chử Đồng Tử, nhà vua chọn người tài làm phò mã, xây đài kén rể ở cửa thành Sơn Tinh (Nguyễn Tuấn) và hai em Sơn Tinh (Cao Sơn, Quý Minh) đến thi tài với Thủy Tinh ở hồ Động Đình. Sơn Tinh thắng cuộc được rước Ngọc Hoa về núi Tản Viên. Thủy Tinh căm giận dâng nước đánh. Được quân sĩ và nhân dân giúp sức, lũ lụt do Thủy Tinh tàn phá bị đánh bại... Vào cuối đời các vua Hùng, giặc phương Bắc mang quân xâm lược, Tản Viên sơn thánh chỉ huy đánh tan quân xâm lược. Vua yêu mến muốn nhường ngôi, Tản Viên từ chối. Biết vận nhà Hùng sắp hết, ông khuyên nhà vua nhường ngôi cho Thục An Dương Vương - Sau đó Hùng Duệ Vương, Tản Viên, Ngọc Hoa hóa về trời. Nhớ ơn đó vua Thục xây đền thờ trên núi Nghĩa Lĩnh, dân làng vùng núi Tản lập đình miếu để khói hương quanh năm đền đáp. Dân làng Tầm Xá cũng như nhiều

vùng quê khác tôn ba vị thần trên làm thành hoàng. Vị thần "Long Linh" chưa tìm ra sự tích. Tầm Xá còn thờ thánh bà là Cẩm phu nhân, sắc phong vào năm Quang Trung thứ 5 (1792). Truyền thuyết kể Cẩm phu nhân là cô gái đẹp trong làng được tuyển vào làm cung nữ. Có viên thái giám và ông bố ở quê lộng quyền, ức hiếp dân chúng. Những người bị đè nén đã lập mưu đánh chết ông bố của quan thái giám. Viên quan tâu vua đòi hết thảy gia đình trong làng ra tra hỏi. Cẩm phu nhân tâu vua xin chỉ giết vài kẻ chủ mưu. Vua y thuận. Cảm động đức của bà, dân Tầm Xá lập miếu thờ bà làm thành hoàng.

Hội làng Tầm Xá tổ chức từ 12 đến 14 tháng Ba với 7 giáp tham gia: Đông Thượng, Đông Hạ, Tây Thượng, Tây Hạ, Bắc Thượng, Bắc Hạ, Nam Thượng, Nam Hạ. Khi vào hội, một giáp chủ tế các giáp còn lại theo giáp chủ tế phân công. Lễ vật có hương, hoa, oản quả, xôi nếp, ông lợn (ông Bệu) chém sáu giữ nguyên hình dạng. Lễ thánh tổ chức trang trọng với tế nhập lịch, tế chính tiệc, tế tống tịch, tế yên vị, tế tư văn. Hội rước kiệu năm ngai long trọng với rước nước, rước mã, rước kiệu nghênh, rước thánh. Đoàn rước dạo quanh làng rồi trở về đình để lễ thánh. Có nhiều trò vui: ca trù, rối nước, cờ người, bơi chải, vật võ.

Đại hội hàng năm, vào ngày 5, 6 tháng Tư, ba năm một lần có hội "Ổi lỗi". Theo truyền thuyết xưa làng Mọc (Nhân Chính - Từ Liêm) được ba vị Sơn Thánh khi đi đánh giặc có nghỉ tại đất Mọc, dạy bảo dân làng cách làm ăn sinh sống. Phái đoàn làng Mọc gồm 10 người mang lễ

vật với 13 chiếc mặt nạ. Một chiếc hình tượng Mẹ, 12 chiếc hình tượng của 6 con trai, 6 con gái. Đoàn được dân làng Tầm Xá đón tiếp ân cần.

Sự tích, hội làng Tầm Xá mang nét đẹp lưu giữ phần nào tập tục của thời kỳ non nước của vua Hùng. Mối giao hảo giữa Tầm Xá và đất Mọc là tình giao hiếu giữa các miền quê. Đất Tầm Xá, Đông Anh cũng là vùng ATK (An toàn khu) của Trung ương Đảng ta, với di tích Cây gạo - Ngã ba đê thời kỳ 1942 - 1945. Hội "Ổi lỗi" (đảo Mặt nạ) duy nhất độc đáo có ở đất Thăng Long ngàn xưa vùng ven sông Hồng. Nó có nhiều liên quan tới trò Xiêm Thành hiện vẫn có ở Tĩnh Gia (Thanh Hóa). Nó gợi mở nét nào giống hội hóa trang của dân tộc Sa-mu ở Pháp tại vùng quận 7 Paris (khu Cour - Neuve). Xin chờ giải đáp của các nhà nghiên cứu về văn hóa dân gian Hà Nội để sớm phục hồi cho hội làng Tầm Xá.

89 - HỘI LÀNG ĐẠI YÊN

Thờ: Ngọc Hoa công chúa
Địa điểm: Làng Đại Yên, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình
Thời gian: 14 tháng Ba
Đặc điểm: Múa dâng hoa

Đi từ phố Hoàng Hoa Thám, xuống dốc 70 cạnh Công ty bia Hà Nội, khoảng nửa cây số, ta tới cổng làng Đại Yên. Cổng xây năm 1924 để tạo ranh giới

giữa làng Đại Yên và Ngọc Hà. Đi một quãng nữa là tới đình làng, một di tích ở phía tây kinh thành từ thời Lý, Trần. Thần tích kể:

Thời Lý, có một người họ Trần tên Huấn, quán xã Phúc Lâm, châu Át. Ông ra Thăng Long dạy học, lấy vợ ở Đại Bi tức Đại Yên, thuộc kinh thành. Bà là người buôn bán thường qua lại chợ An (Đại Yên). Có lần bà được một tay nải lụa là, châu báu. Không tham, bà tìm trả lại người mất của.

Đêm đó bà Huấn mộng thấy, một tiên ông trao cho bà một hòn ngọc mà bảo rằng: "Nhà ngươi có đức nên Vương mẫu cho Ngọc tinh nữ làm con". Bà giật mình tỉnh dậy, trong mình chuyển động, từ đó có mang, sau sinh hạ một giai nhân, nhân điềm được ngọc trong mộng, đặt tên là Ngọc Tường. Hôm ấy là ngày mồng 8 tháng 2 năm Giáp Tuất (1094).

Niên hiệu Long Phù thứ ba (1103) đời vua Lý Nhân Tông, Lý Giác có thuật lạ, biến cỏ cây làm người chiêu tập những kẻ vô lại chiếm cứ châu Diên đắp thành nổi loạn. Lão tướng Lý Thường Kiệt đem quân đi đánh, Lý Giác thua, chạy trốn sang Chiêm Thành khai báo nội tình nước ta. Vua Chiêm là Chế Ma-Na, nhân thế, mang đại quân sang cướp nước ta, chiếm lại ba châu Địa Lý, Ma Linh, Bố Chính (Quảng Bình, Quảng Trị), mà Chế Củ trước đã dâng nộp cho hà Lý. Triều đình cử Lý Thường Kiệt đi dẹp. Nghe tin nhân dân khắp đô thành đều hăng hái tòng quân. Trong số người ứng có ông đồ Trần. Khi bà đồ dẫn con gái tiễn chồng xuống thuyền trẩy quân, thì nàng Ngọc Tường nắm chặt áo cha nằng nặc đòi theo đi đánh giặc. Trước

tấm lòng nhiệt tình tha thiết của nàng. Lý Thường Kiệt không thể nào từ chối mặc dù ông cũng chưa biết sẽ dùng cô bé vào việc gì trong chiến trận.

Tới vùng chiến địa quân ta hạ trại, rồi cùng địch giao tranh. Qua ba trận vẫn chưa phân thắng phụ. Phòng tuyến Chiêm Thành canh gác cẩn mật. Nàng Ngọc Tường cải trang làm một em bé đi bán trầu cau và thuốc lào, trà trộn sang phía đồn giặc. Quân Chiêm thấy nàng Ngọc Tường còn nhỏ thì không nghi ngờ gì. Chúng xúm quanh gánh trầu thuốc, hết tốp này đến tốp khác, chẳng phòng bị gì, nên nàng thu thập được nhiều tin tức địch quân. Gánh trầu, thuốc còn đi sâu vào gần những vị trí đồn trại, kiểu cách xây dựng, phương pháp bố phòng, được nàng Ngọc Tường ghi nhớ. Chẳng bao lâu mọi vị trí của địch quân ta đã nắm vững, chủ soái Lý Thường Kiệt hạ lệnh tấn công. Quân ta toàn thắng, thu hồi ba châu. Khi về triều, Lý Thường Kiệt tâu công lao của nàng Ngọc Tường, vua Lý phong là Ngọc Hoa công chúa.

***

Khi công chúa mất, nhân dân trại Đại Yên xây đền ở bên lăng mộ, tạc tượng phụng thờ tôn làm thành hoàng đương cảnh để nhớ công ơn.

Đền thờ Ngọc Hoa công chúa quốc đảo, dân cầu, có nhiều linh ứng, trải các triều phong kiến đều có sắc phong thêm Mỹ tự. Đạo sắc phong ngày 26 tháng 7, năm Cảnh Hưng thứ 44 (1784) có những câu văn tán dương công chúa.

Tạm dịch:

Hương trời yểu điệu, sắc nước long lanh
Đẹp để ở trên đời mà trừ tai giáng phúc, tôn nghiêm
yên lặng khôn lường
Hồi nhi đồng mà giúp nước giữ dân, to lớn
đức cao khôn sánh
Đã rõ công lao rộng lớn
Nên đời đời ghi tích, khói hương...

Theo thuật phong thủy thì xưa làng nằm trên lưng rùa và đình làng ở vị trí đầu rùa. Trên nóc còn hàng chữ ghi năm trùng tu 1886. Đình quay mặt hướng tây, trước có giếng nước, hai bên có tả vu, hữu vu, nhà tiền tế, đại bái, hậu cung. Phía sau có mộ công chúa Ngọc Hoa được xây thành hình vuông. Nhà tiền tế kết cấu theo kiểu vì kèo trụ trốn, 4 góc ở chân cột nhô ra 4 chiếc bẩy. Ở 4 gian bên, mái lót kín kiểu vòm cuốn (vỏ cua), giống kiến trúc của đình, chùa ở kinh đô Huế. Trang trí trên bức cốn của nhà tiền tế là vân xoắn, lá cúc lá đề cách điệu. Nhà đại bái gồm 3 gian với 4 hàng chân cột có tường hồi bít đốc, kết cấu theo kiểu giá chiêng chồng giường. Trang trí gồm nhiều vân xoắn ở đầu giường và đầu quá giang rồi các hình rồng cuốn thủy trông rất ngoạn mục. Câu đối ca ngợi người nữ anh hùng nhỏ tuổi thời Lý:

Một trận thắng hồi quân khiến đất Yên tưng bừng vũ trụ.

Chín tuổi thơ dẹp giặc phò nhà Lý bền vững nong sông.

(Dịch)

Hội Đại Yên theo cụ Hoàng Nhân Hy (trên 70 tuổi) vào hồi năm 1940 có thịt bò, mổ trâu, cúng mã là voi, ngựa hồng đặt ở phố Hàng Mã. Kiệu bát cống do 16 cô gái thay nhau khiêng từ Đại Yên qua Hoàng Hoa Thám, đường Cổ Ngư đến Yên Phụ ra sông Hồng để lấy nước giữa dòng về cúng thánh quanh năm. Đêm diễn tuồng cổ; ngày có hội cờ người, chọi gà, chọi chim họa mi... Ngày nay không rước đi xa nhưng tổ chức cũng qui mô. Đoàn đại diện của 13 làng trại về dự. Đoàn đại biểu dòng họ Hoàng, họ Đỗ, họ Nguyễn... lần lượt đội mâm ngũ quả tiến vào dâng lễ. Đặc biệt có đoàn Thôn Tư, xã Nam Giang, huyện Nam Trực, thành phố Nam Định vượt hơn 100 cây số về dâng lễ.

Các cụ già Thôn Tư kể vào đời Trần, quân Nguyên xâm lược lần thứ 2 (1285) nhân dân thôn Tư theo thuyền chở lương về Thăng Long qua cửa đền Đại Yên bị mắc cạn bên sông Tô, liền thắp hương cầu nguyện. Bỗng có con cá chép nổi trước mũi thuyền, chuyến đi thông suốt an toàn góp công lao vào chiến thắng giặc ngoại xâm. Dân Thôn Tư Lễ ở đền Đại Yên, xin thần hiệu rước xuống thuyền thì thấy chim hạc bay đậu trên cột buồm, khi thuyền tới làng thì chim hạc biến mất. Dân làng phụng nghênh thần hiệu tôn làm "Đương cảnh phúc thần". Câu đối ở đình thôn Tư (Nam Định) cũng giống như câu đối ở đình Đại Yên (Hà Nội). Sau nửa thế kỷ gián cách, hai làng lại kết chạ từ năm 1998. Ngày 8 tháng Hai, Đại Yên mang lễ đến Thôn Tư Ngày 14 tháng Ba, Thôn Tư mang lễ về Đại Yên.

Sau phần dâng lễ là điệu múa "Dâng hoa". Một bà

khăn chầu áo ngự đóng công chúa Ngọc Hoa còn 4 em bé trạc 10 tuổi áo tứ thân màu lam, khăn vuông mỏ quạ tay cầm những bông hoa hồng tết bằng giấy mầu đỏ nhịp nhàng tiến lui. Phía bên đình đội bát âm tấu điệu nhạc hát chúc mùa xuân, nghe rộn ràng phơi phới.

Về dự hội Đại Yên, ta đi trong trại Hàng Hoa với hương thơm của lý, dạ hương, hoa ngâu, hoa sói, bạc hà, kinh giới, tía tô, cúc tần, ngải cứu. Đại Yên có trên 50 nhà trồng thuốc nam với hàng trăm loại, có loại thu cành, có loại lấy củ rễ, có loại chỉ cắt lá. Bao làng nghề mai một nhưng làng thuốc Nam Đại Yên vẫn giữ gìn bởi tình yêu cây thuốc của các bà, các chị:

Thân em như lá đài bi
Ngày thì dãi nắng, tối thì phơi sương.

90 - HỘI CHÙA NHÓT

Thờ: - Công chúa Từ Thục
- Công chúa Từ Hoa

Địa điểm: Thôn Đông Phù, xã Đông Mỹ, huyện Thanh Trì

Thời gian: 14 - 16 tháng Ba.
Chính hội 15 tháng Ba

Đặc điểm: Hội rước 10 làng

Làng Đông Phù có tên nôm là làng Nhót. Vào thế kỷ thứ X, Phù Liệt chỉ một vùng đất rộng ở phía

nam huyện Thanh Trì ngày nay. Thời Ngô Quyền có tên Tây Phù Liệt. Đông Phù cùng làng Mỹ A sau này lập thành xã Đông Mỹ.

Đông Phù là vùng đất trọng yếu ở phía nam kinh thành Thăng Long nơi có đường bộ, đường thủy khá thuận tiện cho việc giao thương. Thời 12 sứ quân, tướng Nguyễn Siêu lập đại bản doanh ngay trên đất này. Nay còn dấu vết thành lũy. Cuối năm 1426, Bình Định Vương Lê Lợi bao vây quân Minh ở thành Đông Quan, đã đặt sở chỉ huy tại đình làng. Hơn 300 năm sau, đại quân Nguyễn Huệ từ Phú Xuân ra giải phóng Thăng Long cũng có qua Đông Phù. Một tháp canh bảo vệ đồn Ngọc Hồi của quân Thanh trên cánh đồng Ma Vang bị quân Tây Sơn đánh úp mà bọn chúng ở Ngọc Hồi vẫn không hề biết.

Từ xa xưa, Đông Phù đã nổi tiếng là đất hiếu học. Làng có Phạm Trân đỗ hội nguyên năm Hồng Đức thứ 18 (1487). Sau này, làng còn có nhiều người học giỏi đỗ cao làm quan đại thần, bố chính, án sát...

Đặc biệt, ngay từ đời Lý, thời kỳ phát triển rực rỡ của tam giáo đồng nguyên, quê hương này đã sản sinh một vị thiền sư nổi tiếng. Đó là Huệ Sinh Lâm Khu. Ông đi tu từ năm mười chín tuổi, đạt danh hiệu tăng thống, đứng đầu thế hệ thứ 13 dòng thiền Nam Phương. Khi đang sống trên núi Bồ Đề ông được vua Lý Thái Tông (1028 - 1072) cho mời về triều để hỏi về Phật học. Thấy ông có tri thức uyên thâm, vua phong ông làm Đô Tăng Lục, đời Lý Thánh Tông (1054 - 1072) ông được phong tả

giai đô tăng thống [1] ngang với tước hầu. Thiền sư là tác giả sáu bài văn bia ở các chùa Thiên Phúc, Thiên Khánh, Khai Quốc... và soạn hai bộ sách về Phật học: "Pháp sự trai nghi", "Chư đạo tràng khánh tán văn" lưu hành ở đời.

Chính trên mảnh đất đã chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước, lại là nơi ra đời một ngôi chùa lớn, tên chữ Hưng Long tự. Sử sách từng ghi: về đời Lý có hai công chúa lén bỏ hoàng cung về tu ở chùa. Vua cha bắt hồi tục nhưng hai công chúa không chịu nghe theo. Vua sai đốt chùa để ép phải về, hai công chúa lại trốn đến chùa Hưng Phúc (nay thuộc làng Tự Khoát xã Ngũ Hiệp). Vua Lý thấy các con thật lòng quy y phật pháp, bèn truyền sửa chùa cũ cho hai công chúa tu hành. Ngày 15 tháng Ba năm Ất Hợi niên hiệu Hội Phong thứ 4 đời vua Lý Nhân Tông (1095) hai công chúa và thị tỳ đều hóa. Dân địa phương đắp tượng thờ. Đến thời Lê sơ, hai công chúa được phong là Linh Thông Đại Bồ Tát.

Án Đô Vương Trịnh Cương (1686 - 1729) một lần đến thăm chùa và có thơ nôm để ở chùa Hưng Long:

Dấu xưa triệu tạo hãy rành rành,
Thế chế vang vang hợp địa hình.
Cõi pháp nhơn nhơn phô kính tín,
Rừng thiền lồng lộng vốn quang minh.
Gió đưa cửa trúc xui lòng đạo,

---

(1) Tả giai đô tăng thống: chức vụ đứng đầu các hàng tăng quan.

Nguyện đãi song mây tỏ án kinh.
Đức từ bi, công tế độ,
Anh Linh vả có sức uy linh

(Lê Triều ngự chế quốc âm thi)

Chùa Hưng Long nổi tiếng linh ứng. Trong thời chống Pháp, bốt Đông Trạch đóng ở gần chùa, bọn giặc cũng không dám phá phách gì. Nay ở chùa có pho tượng Tuyết Sơn và tượng Đức Di Lặc mà nghệ thuật chế tác chẳng khác gì tượng các vị La Hán chùa Tây Phương. Đúng 900 năm đã trôi qua, giờ đây có dịp về vùng này, bạn vẫn được nghe người dân kể công đức hai vị công chúa đời Lý, được dân tôn vinh là Vua Bà hoặc "nhị vị Bồ Tát". Theo sự lưu truyền trong dân thì hai bà vốn là chị em sinh đôi. Chị là Từ Thục và em là Từ Hoa. Vì mến mộ cảnh đẹp và cuộc sống yên bình nơi thôn dã, hai bà quyết chí tu luyện ở chùa này, ngày ngày gắn bó vui buồn với đời sống thôn dã. Thương dân nghèo khó, hai bà xin vua cha tiền mua hơn một ngàn mẫu ruộng cấp cho 10 làng ở tổng Nam Phù Liệt: Đam Uyên, Chanh Khúc, Mỹ Ả, Đông Phù, Đông Trạch, Tương Trúc, Tự Khoát, Yên Mỹ, Ninh Xá, Việt Yên. Ngày ngày cùng dân cấy lúa, trồng dâu, canh cửi. Lúc trốn vua cha về dựng am thờ Phật trên núi đất Trúc Lĩnh, hai bà còn dạy dân nghề đan lát và làm thuyền thúng. Các cụ cao tuổi ở Đông Phù còn nhớ những cây thông lớn bên đường 70, các bà trồng từ ngày ấy, hơn 10 năm trước vẫn còn tỏa bóng. Nơi các bà yên nghỉ, dân xây lăng. Chuyện kể rằng, khi bà mất, dân 10 làng đều muốn giữ việc thờ phụng. Các làng bên họp bàn, làng nào xây được

làng trước, làng đó được giữ "trưởng nam". Kết quả, người Ninh Xá hoàn thành trước được giữ trọng trách này. Dưới các triều cũ, dân Ninh Xá được miễn sưu thuế, cấp 10 mẫu ō sào đất cấy hàng năm lấy hoa lợi thờ cúng. Lệ này được giữ đến đời vua Gia Long mới thôi.

Hàng năm, cứ đến ngày rằm tháng Ba, khi những chùm hoa gạo trước chùa Hưng Long nở đỏ, nhân dân 10 làng lại mở hội lớn ở chùa Đông Phù. Trước đó, ở mỗi làng, việc chuẩn bị cho ngày hội khá tỉ mỉ và chu đáo. Ở làng Ninh Xá có hai kiệu bát cống, một long đình. Mỗi kiệu 8 người khênh đều do các thiếu nữ tuổi từ 15 đến 16 đảm nhiệm. Trước mỗi kiệu có một người cầm hương hầu (kiếm có vỏ) đi dẹp đường. Mỗi kiệu có hai lọng che. Các cô gái khênh kiệu mặc áo the quần lĩnh, thắt lưng bằng nhiễu tam giang, đầu vấn khăn nhung. Lễ vật được đặt trên long đình gồm hoa quả, bánh dày và chè kho.

Do có sự quy định từ trước, ở Đông Phù xưa chỉ có kiệu bát cống và nhang án. Kiệu do 8 thanh niên khênh, mặc áo the quần trắng. Đi sau kiệu là 8 thanh niên khác, trang phục y như vậy phòng khi kiệu bà bay nhiều lần, họ sẵn sàng thay thế. Còn ở 8 làng khác chỉ có phường bát âm và múa sênh tiền.

Chiều 14, nhân dân Ninh Xá rước kiệu ra lăng làm lễ cáo yết rồi lại rước về đền. Sáng 15, cùng đội hình như vậy, rước lên chùa Nhót để hội tế với 9 làng khác. Đêm 15, các đoàn rước của 10 làng tề tựu trên sân rộng trước chùa. Các làng thay phiên nhau đến trước Phật điện hát văn thờ. Không khí náo nhiệt, rộn rã suốt đêm đến sáng sớm

hôm sau - ngày 16, các đoàn nối tiếp nhau hành hương lên chùa Tự Khoát (cách chùa Nhót độ 3km). Làm lễ ở chùa Tự Khoát xong, đoàn rước lại tiếp tục quay về lăng lễ tạ.

Hội chùa Nhót có quy mô khá lớn, thu hút hàng vạn người tham gia. Trong tâm thức người dân nơi đây, nhị vị Bồ Tát vừa là hiện thân của Phật vừa là vị thần của làng bảo trợ cuộc sống yên lành cho họ. Hội có sức cố kết nhân dân 10 làng. Mỗi lần hội, sức mạnh của cộng đồng dân cư lại được thăng hoa.

91 - HỘI LÀNG ĐÔNG PHÙ LIỆT

Hội chùa

Thờ: - Công chúa Lý Từ Thục
- Công chúa Lý Từ Hoa

Địa điểm: Chùa làng Đông Phù, xã Đông Mỹ, huyện Thanh Trì

Thời gian: 14 - 16 tháng Ba. Chính hội 15 tháng Ba

Đặc điểm: Rước lớn 10 ngày. Tục làm bánh trôi, bánh chay

Hội đình

Thờ: Thành hoàng: Sứ quân Nguyễn Siêu

Địa điểm: Đình thôn Đông Phù, xã Đông Mỹ

Thời gian: 6 - 7 tháng Hai - Lễ nhập tịch

Đặc điểm: Lễ hạ đồ và thượng đồ.

Xưa, làng Đông Phù Liệt thuộc tổng Nam Phù Liệt, huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông; nay, là

thôn Đông Phù, xã Đông Mỹ, huyện Thanh Trì thuộc thành phố Hà Nội; là một làng cổ với ngàn năm tuổi tạo lập.

Làng ở phía nam thành Thăng Long, thuở ấy có địa thế thuận lợi về giao thông thủy với sông Hồng (phía đông) và sông Tô (phía tây) xuôi dòng từ Thăng Long tới.

Một thời, đất này nổi tiếng bởi sứ quân Nguyễn Siêu (thuộc 12 sứ quân thế kỷ X). Bấy giờ Phù Liệt gồm 2 khu vực: Phù Liệt đông liền kề với sông Hồng, trên bến dưới thuyền và Phù Liệt tây là vùng gò đống, nơi Nguyễn Siêu đặt đại bản doanh.

Về giao thông bộ, đường Thiên Lý Bắc - Nam và đường ven hữu ngọn sông Hồng đều qua làng.

Chùa Phù Liệt (Hưng Long tự) có tên nôm là chùa Nhót do vua Lý Thái Tổ xây dựng vào năm Thuận Thiên thứ 2 (1011). Đến đời Lý Thánh Tông (Nhật Tôn, 1054 - 1072) có 2 công chúa con vua là Lý Từ Thục và Lý Từ Hoa từ bỏ cuộc sống quyền quý, dâng hiến chùa ngàn mẫu ruộng để làng cấy lấy hoa lợi hương khói thờ Phật, rồi 2 nàng đi tu và đắc đạo tại chùa này.

Cả tổng Nam Phù Liệt gồm 10 làng (Đông Phù Liệt, Đông Trạch, Đam Uyên (sau là Văn Uyên), Chanh Khúc, Mỹ Á, Tương Trúc, Tự Khoát, Việt Yên, Mỹ Liệt và Ninh Xá) [1] từ nhiều đời, cứ đến rằm tháng Ba lại mở hội để nhớ

---

(1) Trước, Ninh Xá thuộc tổng Ninh Xá, huyện Thanh Trì; nay thuộc huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

ơn công đức hai bà (được suy tôn là nhị vị Đại Bồ Tát) đã giúp đỡ và giáo hóa dân nhiều điều tốt lành.

Năm Bính Ngọ (1426) Lê Lợi, khi tiễn quân ra Bắc đánh Minh sau chiến thắng Chúc Động, Tốt Động đã về đóng đại bản doanh tại làng.

Năm Kỷ Dậu (1789) trong chiến dịch giải phóng thành Đông Quan (Hà Nội), Quang Trung Nguyễn Huệ đã san bằng đồn Đông Phù Liệt ngày 4 tháng Giêng để triển khai việc diệt đồn Ngọc Hồi vào mồng 5 đại thắng lợi, giải phóng Thăng Long, ăn tết khai hạ giữa kinh thành tưng bừng xác pháo hồng và sạch bóng quân thù.

Khi Pháp xâm lăng nước ta lần thứ nhất, nhiều thế hệ người Đông Phù Liệt đã đứng vào hàng ngũ các phong trào yêu nước như Cần Vương, Bãi Sậy, Hoàng Hoa Thám, Đông Kinh nghĩa thục, Việt Nam quốc dân đảng (Nguyễn Thái Học), Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội. Và các tổ chức này đều có cơ sở tại làng. Chi bộ Đảng cộng sản Việt Nam Đông Phù Liệt thành lập rất sớm (tháng 5 - 1930).

Trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, hàng ngàn người dân đã tham gia trong nhiều lĩnh vực, trong đó có cả anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân là chiến sĩ lái máy bay đánh Mỹ...

Ngoài lòng yêu nước nhiệt thành, người dân nơi đây còn nổi tiếng hiếu học. Thời nho học hưng thịnh, tiến sĩ đầu tiên của làng được biết đến là Phạm Trân (thế kỷ XV, 1487). Sau đó là khá nhiều ông cử, ông tú. Thời tân học

trước và sau Cách mạng Tháng Tám 1945 làng cũng có nhiều người thành đạt là bác sĩ, kỹ sư... khoảng 10 người có học vị phó tiến sĩ, tiến sĩ.

Do đó, từ lâu Đông Phù Liệt nổi tiếng là làng văn hiến. Từ việc quy hoạch đất đai, các công trình công cộng - kiến trúc tôn giáo đến chợ búa, đường làng đều phong quang, chứng tỏ tinh thần cố kết cộng đồng của dân làng rất cao. Thời hiện đại làng cũng là quê hương của cách chính khách và các nhà khoa học lớn (như Tổng bí thư Đảng CSVN Đỗ Mười...). Tất cả đã góp phần viết lên trang sử vinh quang cho làng, nuôi dưỡng truyền thống yêu nước cao và bền vững.

Ngày nay diện tích Đông Phù Liệt chừng 4km^2 với số dân khoảng 4.000 người [1].

Trong không khí làm ăn hưng thịnh, dân làng hàng năm mở hội chùa để ghi nhớ công ơn nhị vị công chúa và hội đình để tưởng niệm tiến sĩ Nguyễn Siêu.

Hội chùa của mười làng [2]

Ngôi chùa Hưng Long (tên nôm là chùa Nhót) tọa lạc trên đất hình con rùa. Chùa trên thân rùa, tam quan trên đầu rùa. Bia dựng năm 1620, ghi chuyện đại tu vào

---

(1) *Lịch sử cách mạng xã Đông Mỹ*. 1986.

(2) Những nội dung về chùa và hội chùa đã có trong Hội chùa Nhót, chúng tôi không nhắc lại. Ở đây sẽ giới thiệu những chi tiết mới để tôn vinh thêm tính chất văn hiến của làng và hoàn thiện "bộ" hội làng gồm Hội chùa và Hội đình, dựa vào cuốn "*Đông Phù Liệt, làng cổ 1000 tuổi đất Thăng Long*" - Phạm Tuấn Hân. NXB Hà Nội 1999.

năm 1619. Chùa là công trình kiến trúc lớn gồm 2 khu vực: tòa tam bảo với 2 dãy tả, hữu vu cùng tòa nhà thờ (tượng) nhị vị Bồ Tát; khu vực sau chùa là nơi thờ mẫu và đặt nhà tổ, nhà khách. Chùa lưu giữ nguyên vẹn 17 đạo sắc phong từ thời Lê Hiển Tông (1783) tới triều Nguyễn (1925) và đã được nhà nước xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa năm 1990.

Hội chùa được cử hành uy nghiêm. Các người có trách nhiệm từng phần đều do hàng tổng cử ra như ông "câu đương" điều hành lễ hội. Giáp việc câu đương có ông "tham thị". Tiếp là ông "tuần xước" lo việc trật tự, trị an chung. Phần lễ có thêm ông xuất nghi giúp ông câu đương. Ngoài ra 10 làng còn cử ra 10 ông cai khu lo hội làng mình và để ông câu đương liên hệ, truyền đạt mọi việc chung của hội.

Ngay từ nghi thức rước nước (sáng 14 tháng Ba) cũng rất cẩn trọng.

Đoàn tập trung ở chùa Hưng Long khởi hành từ sớm, lên đê, dừng lại ở miếu Bóng (chùa Chanh Khúc) để lễ thủy thần. Đại diện làng Chanh Khúc ca ngợi công ơn nhị vị và truyền thống đùm bọc nhau của mười làng. Ông chủ tế đọc lời cảm ơn. Tiếp, ông thông đọc bài sớ xin Hà Bá cho nước về làm lễ mộc dục. Chiêng trống âm vang hỗ trợ nghi lễ. Sau đó, tất cả đều xuống thuyền, khoảng 6, 7 chiếc: chở kiệu nước, chở đội bát âm, chở mã (rải vàng mã trên nước), chở đội rồng và sư tử, chở các già tụng kinh niệm Phật và dâng hương. Lại có một số thuyền chở đại diện các làng hàng tổng về dự hội. Các thuyền hội đều phải

tuyển lựa cẩn thận để tránh xui xẻo: thuyền phải to, chắc, chủ thuyền có đức độ, gia đình song toàn...

Trống dong cờ mở đoàn thuyền nối đuôi nhau thật đẹp mắt. Tới giữa sông Hồng, nơi có dòng nước trong, theo lệnh chủ tế, trước tiên múc 3 gáo tráng chóe, rồi đổ ra vào lòng thuyền (chủ thuyền hưởng khước). Sau đó, cứ nổi 1 tiếng trống lại múc 1 gáo cho vào chóe, cho tới lúc đủ 18 lần là xong [1]. Trong khi múc nước, đội bát âm cử nhạc, đội rồng và sư tử khua trống, và cập bên thuyền chính là thuyền các già niệm Phật cầu an. Cùng lúc tại chùa các nhà sư cúng Giàng và lễ lục cúng, tụng kinh và đi 3 vòng từ gian chính qua hai bên giải vũ, qua nhà "chương" [2] rồi về nơi xuất phát.

Thuyền rước nước đã về. Chóe nước thiêng đưa vào tòa thờ. Các ni sư lấy nước từ chóe ra pha với nước ngũ hương lau tượng nhị vị và thay áo. Trước khi khoác áo mới (cho tượng), ni sư dùng miếng vải đỏ mới, lau khô tượng (lau xong xé nhỏ vải chia cho mọi người lấy lộc).

Dãy nhà ngang thờ nhị vị là nơi thâm nghiêm nhất chùa. Bởi, như đã biết, nhị vị là 2 công chúa đã có công lớn với làng lại là những người chân tu, đắc đạo tại đây. Tượng nhị vị được đặt ở trong khám chính giữa, cửa thường xuyên đóng, chỉ mở khi tế lễ. Ở 2 bên và thấp hơn khám nhị vị là 2 khám độc lập trong đặt tượng 2 bà hầu được phong

---

(1) Quan niệm cổ, nữ có 9 vía, nhị vị cộng là 18 vía, phải múc 18 gáo nước.
(2) Gian trống trước mặt tòa nhà thơ nhị vị, dùng làm nơi tế lễ nhị vị.

thượng đẳng thần và cửa 2 khám này cũng đóng thường xuyên.

Tiếp nối công việc của ni sư, ông thống làm lễ yên vị, lễ dâng hương và kết thúc.

Ngày 15 tháng Ba: Kỷ niệm ngày hóa của nhị vị. Lễ rước chính. Từ sáng sớm các đoàn đã có mặt đầy đủ tại chùa rồi lên đường tới Lăng nhị vị. Dẫn đầu là 20 lá cờ thần, tiếp, là đội sư tử, đội rồng vừa đi vừa múa. Trống chiêng hòa với nhạc phường bát âm nhộn nhịp, âm vang. Rồi tới kiệu hương án của làng Đông Trạch đảm nhiệm, rước quan Hành Khiển. Trên kiệu bày án thư, mâm ngũ quả, 2 cây vàng, cây bạc bằng giấy châm kim, một bát hương và 2 cây nến gỗ.

Đội lễ làng Đông Trạch (gồm các cụ ông trên 50 tuổi) để theo hương án. Tiếp đó là hội đồng văn bát âm; rồi tới kiệu bát công, còn gọi là "kiệu nghênh" do 8 người khiêng. Giữa kiệu nghênh là đỉnh trầm tỏa hương nghi ngút, mâm ngũ quả, 2 cây đèn gỗ sơn son, và bát bình hương. Sau kiệu bát cống là người vác quạt vả, là chiếc quạt to (phủ vải thêu kim tuyến óng ánh và rồng phượng) che kiệu. Hai bên kiệu là đôi lọng vàng. Trước và sau kiệu là hội tế mười làng và hội đồng văn bát âm. Rồi đến kiệu võng (2 chiếc) của nhị vị, trên đó có gối, quạt trang kim, đôi hài và ngoài phủ rèm. Hai bên mỗi kiệu là đôi quạt lụa che. Quân tốt nữ khiêng kiệu võng là những thiếu nữ. Các cụ lính mang gươm vàng, bát bửu đi trước kiệu võng. Ngoài ra là 1 thanh nữ vác biển sơn son thếp vàng kẻ 4 chữ "Lý triều

đế nữ", 1 cô vác thanh gươm. Hai thanh nữ này đi trước vụ lình. Ông tổng cờ trang phục áo ngắn trắng quần trắng, thắt lưng nhiễu điều, cầm tay thước (hoặc cờ đuôi nheo) để chỉ huy, điều chỉnh đội hình chung.

Lăng nhị vị ở làng Ninh Xá. Khi đoàn rước tới, làng sở tại đọc lời chào mừng, kể tóm tắt công đức nhị vị; ông chủ tế đáp từ rồi cử lễ. Vị chủ xám đại diện nhà chùa tiến hành lễ nhà Phật rồi ông thống làm lễ tuyên sớ. Xong, các làng mới lần lượt vào làm lễ bái yết, dâng hương. Để kết thúc, đội rồng vào làm lễ và trình diễn trò "Rồng ấp lăng". Tiết mục này là dựa vào truyền thuyết rằng, cứ hội chùa xong thường có rồng xuống ấp lăng và trời đổ mưa để rửa lăng.

Kết thúc lễ tại lăng, các vị sư vào làm lễ tất, và đoàn rước trở về. Tới chùa, các vị làm lễ tạ, là xong hoàn toàn.

Ngày 16 tháng Ba: Đám rước mười làng cử hành lên chùa Tự Khoát (Hưng Phúc tự), nơi xưa kia nhị vị có một thời gian tu tại đây. Mọi người dự lễ Phật và lễ tạ hội, do nhà chùa cử hành. Thế là mọi việc hoàn tất, các đoàn rước trở về làng mình.

Như đã thấy, hội chùa mười làng là hội lớn của một vùng, một tổng, nổi tiếng thời xưa. Tiến trình lễ hội có nhiều dấu ấn cổ, mang rõ nét văn hóa của vùng đất văn hiến truyền thống.

Song song với phần nghi lễ hoành tráng của mười làng, phần hội hè cũng rất phong phú. Trước hết là "cờ điểm" - như tổ tôm điểm - mỗi nước đi đều có người hát dẫn, dẫn nước cờ đi. Các trò chơi dân dã thỏa mãn mọi lứa

tuổi, mọi nhu cầu: thi leo cột mỡ, bắt chạch trong chum, bịt mắt đập niêu, chọi gà, và đều có giải vừa khuyến khích vừa làm tăng sự náo nhiệt của lễ hội. Ban đêm có đốt pháo hoa, pháo thăng thiên, rồi xem đoàn cải lương Trần Phềnh diễn tích.

Thật đúng là:

... "Vui sao mở hội chín làng.
Cùng với Ninh Xá sửa sang mộ phần
Kỳ này hội mở một tuần
Trẻ già luôn nhớ đức nhân hai bà..."

Hội đình

Sứ quân Nguyễn Siêu sau khi qua đời được dân làng quý mến, hương khói phụng thờ tại đình và suy tôn là thành hoàng làng.

Ngày sinh của thần là mồng 9 tháng Giêng.

Ngày hóa của thần là 15 tháng Bẩy.

Ngày nhập tịch kỳ phúc (lễ cầu phúc) được tổ chức vào mồng 6 và mồng bẩy tháng Hai.

Tuy nhiên, chỉ có ngày nhập tịch là mở hội, gọi là "làng vào đám". Còn 2 ngày sinh và hóa của thần chỉ làm lễ rước văn và thụ lộc chay.

Các vị tiên chỉ, thứ chỉ điều hành các hội này và hội chỉ do nam giới tham gia như lệ cũ các làng xưa.

Tinh mơ mồng 6, cử hành lễ rước nước, nghi thức giống lễ rước nước của hội chùa xong quy mô nhỏ hơn, nghi lễ cũng đơn giản hơn. Bến xuống thuyền đi lấy nước

là vực Nhót thuộc làng Đam Uyên.

Nước về tới đình được làm lễ mộc dục ngay. Trong khi đó đoàn rước văn (rước văn tế) tới nhà vị khoa bảng được giao tả văn (thảo văn tế) để đọc trong cuộc lễ thần. Thuở xưa, người ta phải chọn cẩn thận người được vinh dự thảo văn tế này. Ông tả văn được hưởng mẫu ruộng lộc trong năm đó.

Dẫn đầu đoàn rước là kiệu long đình trên đặt chúc bản, là 1 bảng gỗ (kích thước khoảng 40cm x 45cm, có chân) sơn son thếp vàng, dùng để dán bài văn tế - Một bát hương (đặt giữa) và 2 cây đèn gỗ thắp nến, 2 bên. Tới nhà ông tả văn, ông chủ tế vào lễ gia tiên rồi gặp chủ nhân xin nhận chúc văn, đem dán vào bảng, phủ nhiễu điều ra ngoài, long trọng đặt lên kiệu long đình. Dẫn đầu đoàn lúc này là gươm (vỏ) vàng, bát bửu, cờ, tàn, lọng; cạnh đó là hội bát âm tấu nhạc suốt dọc đường.

Hội tư văn sẽ lo cử hành tế. Nghi thức tế tuy đã quen, nhưng năm nào hội cũng cho ôn tập để động tác thành thục, thể hiện được lòng kính tín thần thánh.

Đền bù cho những trọng trách hội phải gánh vác, làng chi một số ruộng riêng để hội cấy và hưởng toàn bộ hoa lợi.

Vào hội và ra hội có lễ hạ đồ và lễ thượng đồ. Đó là lễ bàn giao các đồ tế tự, sắc phong cần lưu giữ, dùng vào dịp làng mở hội. Và đây cũng được coi là tài sản quý của làng (đặc biệt là những sắc phong).

Giáp cũ bàn giao chìa khóa kiểm kê đồ đạc cho giáp

mới nhận bảo quản. Thường khi bàn giao có đại diện 3 giáp: giáp bàn giao, giáp đăng cai và giáp chuẩn bị (đăng cai năm sau) như một hành động tập sự. Khi hoàn tất hội thì làm lễ thượng đồ tức lễ cất giữ đồ tế khí.

Ngoài lễ rước và tế thành hoàng, làng cũng nhân đó cử hành lễ tế hậu cho những người mua hậu. Rồi các dịp lễ vào hè (mồng 1 tháng Tư) và lễ ra hè (mồng 1 tháng Bẩy) cũng tổ chức ở đình.

Giống hội chùa, trong lúc tiến hành nghi lễ trong đình thì trên sân đình các trò chơi (như ở hội chùa) đã diễn ra liên tục giúp vui cho người dự hội và du khách.

Cũng tại đình, vào đêm 30 tháng Chạp, lễ giao thừa đón năm mới, các vị chức sắc cùng tất cả thành viên hội tư văn có lệ, sau khi dâng hương lễ thành hoàng thì ngồi lại uống rượu cam, chuyện vãn rồi mới chia tay, và như vậy, mỗi người đều tự làm lễ xông nhà mình, đón năm mới.

92 - HỘI LÀNG LÊ XÁ

Thờ: Đào Kỳ và Phương Dung (tướng của Hai Bà Trưng)
Địa điểm: Thôn Lê Xá, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh
Thời gian: 15 tháng Ba
Đặc điểm: Thi đánh chạc

Lê Xá có lịch có lề
Có nghề đánh chạc, có nghề xe tơ

Lê Xá nằm bên bờ sông Đuống, thuộc xã Mai Lâm, huyện Đông Anh. Từ Hà Nội, theo quốc lộ 1A đến phía bắc cầu Đuống rẽ trái theo quốc lộ 3 là đến làng (khoảng 13km).

Lễ hội được tổ chức vào ngày 15 tháng Ba. Đền thờ 2 vị Đào Kỳ và Phương Dung công chúa. Hai vợ chồng ông đều là trai tài gái sắc đảm vùng Cối Giang, phủ Đông Ngàn trấn Kinh Bắc đã phò tá Hai Bà Trưng chống giặc Hán. Ông bà đã chiến đấu quả cảm và hy sinh anh dũng.

Thần phả cho biết: Nghe tin Hai Bà Trưng phất cờ khởi nghĩa, ông bà đã chiêu mộ binh sĩ cùng 100 gia nhân đến Hát Môn yết kiến; được hai bà đón tiếp và phong cho Đào Kỳ là đại nguyên soái, nắm giữ hai đạo quân thủy, bộ; còn Phương Dung làm tham mưu quân lược cho chồng. Tướng quân Đào Kỳ, Phương Dung đã xông pha nơi trận mạc, đánh tan quân giặc. Tô Định phải nhục nhã về nước.

Sau khi thu lại 65 thành trì, hai bà lên ngôi vua

xưng là "Trưng Nữ Vương", các tướng lĩnh đều được phong thưởng. Đào Kỳ được cử làm huyện doãn trông nom dải đất vùng bắc Đuống bảo ban dân chăm lo cấy cầy, trồng dâu, nuôi tằm.

Tổ quốc độc lập mới được 3 năm, giặc Bắc lại sai Mã Viện sang xâm chiếm nước ta. Vợ chồng tướng quân Đào Kỳ lại cầm binh ra trận. Ông, bà lên trấn ải Lạng Sơn, ứng cứu khi hai bà bị giặc vây hãm tại Cẩm Khê. Do giặc đông, thế mạnh, tướng quân Đào Kỳ và Phương Dung bị vây và thất lạc nhau. Đào Kỳ phá vây. Bị giặc đuổi gấp ông liền phi ngựa về hướng nam. Bị giặc chém ngang cổ, ông cố chạy về đến Đông Ngàn qua đất Cổ Loa thì hóa. Mối đùn lên thành ngôi mộ lớn. Hôm ấy là ngày 15 tháng Tám.

Ngày hôm sau, Phương Dung về Đông Ngàn tìm chồng. Thương chồng, căm thù giặc cướp nước bà rút gươm tự sát, thi thể của bà mối cũng đùn thành ngôi mộ nằm sóng đôi với ngôi mộ của chồng. Ngày đó là 16 tháng Tám. Từ đó đôi mộ song song bên nhau như tình son sắt thủy chung chồng vợ.

Đời sau có thơ ca ngợi rằng:

Sinh vi lương tướng, tử vi thần
Vạn cổ cương thường hệ thư thân
Loa địa sóng đôi thu nguyệt ánh
Vãng lai nhân thuyết tướng quân phần.

Nghĩa là:

Sống làm tướng giỏi, chết làm thần
Muôn thở cương thường nặng tấm thân

Đôi nấm thành Loa in bóng nguyệt
Qua đây người nói mộ tướng quân.

Các triều đại vua đều phong sắc ông bà làm thành hoàng Lê Xá, bốn mùa khói hương. Khu lăng mộ cách khu đền chính tại làng 300m về hướng đông ở gần bờ sông Đuống. Theo cổ lệ, hàng năm, dân làng tổ chức nghênh rước, tế lễ tại đây gọi là lễ nghênh lăng.

Để tỏ lòng biết ơn công đức của ông bà, hàng năm cứ đến ngày 15 tháng Ba nhân dân Lê Xá, Lộc Hà, Mai Hiền, Hội Phụ, Đông Trù và Phúc Thọ thuộc địa hạt Cối Giang (tổng Cói cũ) phủ Đông Ngàn vùng Kinh Bắc xưa lại tổ chức lễ hội.

Việc hội ngày xưa do 4 giáp cùng các ban "lềnh" lo liệu. Nay lập 4 tiểu ban: nghênh rước, tế lễ, tổ chức vui chơi và hậu cần. Trong đó 2 tiểu ban quan trọng là: tiểu ban nghênh rước, tiểu ban tế lễ. Trước hội 1 tháng, mọi việc chuẩn bị đã xong. Riêng các chân kiệu chân cờ phải tập trong 20 ngày. Tất cả lễ thức của hội phải được diễn thử nhiều lần cho thuần thục.

Lễ nhập tịch vào chiều 14 tháng Ba cử hành tại đền. 7 giờ sáng 15 tháng Ba cuộc rước nghênh lăng được cử hành. Cấu trúc của đoàn rước được bố cục chặt chẽ, uy nghiêm nhưng cũng rất sinh động. Đi đầu đám rước là thủ hiệu dẹp đường, tiếp sau là đội cờ tứ linh có cờ lệnh dẫn đầu, đội múa cờ rí gồm 8 em trai tuổi từ 12 - 15, đội múa sênh tiền là 8 em gái cũng có độ tuổi từ 12 - 15. Tiếp, là đội cờ ngũ hành. Tiếp, là đội mang gươm trường, bát

bửu, rồi trống chiêng theo sau một cỗ ngựa, đồ tế lễ đều được che bằng tàn, lọng trông rất uy nghi. Phường bát âm tấu liên tục.

Rồi đến cỗ kiệu bát cống sơn son thếp vàng mang bài vị của đại tướng quân Đào Kỳ, được che tàn, do 16 trai đinh khiêng. Theo sau là kiệu của bà Phương Dung cũng sơn son thếp vàng tráng lệ. Kiệu được che bằng quạt cờ ở hai bên sườn ngai. Kiệu do 8 thiếu nữ xinh đẹp mặc lễ phục ngày hội khiêng. Rồi đoàn tế của các cụ ông, đoàn dâng hương của các cụ bà, các đoàn đại biểu, khách thập phương và dân làng đi dự hội.

Lê Xá còn có tục kết chạ với hai nơi là: làng Thanh Am xã Thượng Thanh huyện Gia Lâm, và làng Trung Thôn xã Đông Hội huyện Đông Anh. Hai đoàn chạ anh, chạ em tới dự hội cũng nhập vào đoàn rước tiến ra khu lăng mộ của hai vị thành hoàng.

Đến lăng, dân làng làm lễ tế thánh cầu mong bình an, mưa thuận gió hòa, mùa màng xanh tốt. Việc tế lễ cử hành trong 2 giờ. Sau đó đoàn rước hoàn cung.

Lễ tế chính cử hành trước hương án. Ban tế lễ do 22 cụ lễ phục chỉnh tề đảm nhiệm. Tiếp lễ dâng hương của các cụ bà, các dòng tộc, các hộ gia đình, các hội đồng niên, đồng môn, khách thập phương. Cuộc lễ kéo dài đến 18 giờ thì kết thúc.

Cùng với tế lễ, hội làng Lê Xá còn có các cuộc đua tài như đấu vật, võ dân tộc. Có hát múa, biểu diễn nghệ thuật ca trù, hát quan họ trên hồ nước, lại có thi bắt vịt, chọi gà.

Đêm có diễn tuồng cổ. Đặc biệt còn có hội thi đánh chạc (bện thừng) là cuộc thi khuyến khích lao động. Hội làng Lê Xá chỉ diễn ra trọn một ngày.

93 - HỘI ĐỀN KIM LIÊN

Thờ: Cao Sơn (Nguyễn Hiền) thần trấn phương Nam và Quý Minh (Nguyễn Sùng)
Địa điểm: Đình Kim Liên, phường Phương Liên, quận Đống Đa
Thời gian: 16 tháng Ba
Đặc điểm: Rước - Cỗ bảy tầng: xôi gà, bánh trái

Đền Kim Liên còn được gọi là đình, vì kiến trúc ban đầu là ngôi đình. Tên gọi của đền là tên của làng (Kim Liên), là địa phương đã có công tạo lập và bảo tồn di tích này từ xưa. Đền còn được gọi là đền Cao Sơn, vì ở đây thờ thần Cao Sơn. Văn bản cổ nhất hiện còn có niên hiệu Hồng Thuận thứ 3 (1510). Tên di tích là "Cao Sơn đại vương thần từ" (đền thờ Cao Sơn đại vương)

Đền là một trong tứ trấn Thăng Long, xưa thuộc phường Kim Hoa, rồi thuộc phường Đông Tác, huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức; nay thuộc phường Phương Liên, quận Đống Đa.

Từ trung tâm Hà Nội (Hồ Gươm) tới cửa Nam, rẽ trái theo đường Lê Duẩn (đường Nam Bộ cũ), đi thẳng tới ngã tư Kim Liên thì rẽ phải khoảng gần 1km thì thấy hai

trụ cột đình (đền) Kim Liên ngay bên đường. Kim Liên là làng cổ phía nam Kinh Thành, trong khu vực có nhiều di tích cổ nổi tiếng thời Lý - Trần, bên phải đền là đàn Xã Tắc, phía sau là đài Thiên Văn, trước mặt là giải La Thành (nay gọi là đê La Thành). Cách đền khoảng 500 - 600m là chùa Kim Liên (Thiên Phúc tự hoặc Kim Hoa tự) nổi tiếng về tam quan đồ sộ, cùng hệ thống tượng Phật thời Lê - Nguyễn và quả chuông thời Tây Sơn.

Các tư liệu thư tịch, văn bia, câu đối, sắc phong về di tích đều khẳng định đền Kim Liên là nơi thờ Cao Sơn, một nhân vật quan trọng trong điện thần Việt cổ. Thần Cao Sơn được thờ ở nhiều nơi, nhất là trong khu vực cư trú của người Việt đồng bằng và trung du Bắc Bộ. nằm trong hệ thống thần thoại thời dựng nước.

Về lai lịch thần, cổ nhất và phổ biến là thuyết cho rằng, thần là con của Lạc Long Quân - Âu Cơ và là một trong 50 người con theo cha, nhưng ở lại mặt đất, trở thành bộ tướng thân cận của Sơn Tinh, tức Thánh Tản Viên. Thần đã cùng Sơn Tinh đánh Thủy Tinh và thủ lĩnh người Tộc Âu tấn công nước Văn Lang cổ đại. Do công lao to lớn, nên ở các nơi thờ, thần được đặt ở vị trí thứ hai, bên trái Đức Thánh Tản, đền Núi Tản (Đền Và, Hà Tây). Tới thời Lê, khi nhà nước phong kiến coi việc ban sắc phong cho các thần làng là việc làm quan trọng trong việc quản lý tư tưởng và tâm linh người dân, thì thần Cao Sơn được lịch sử hóa, trở thành con người có quê hương và họ tên đầy đủ. Nhân hóa các thần là một xu hướng thường thấy trong

điện thần của tôn giáo bản địa Việt Nam. Tới một lúc, Cao Sơn có tên là Nguyễn Hiền và có em ruột là Nguyễn Sùng (tức thần Quý Minh), đều là con người chú ruột của thần Sơn Tinh. Quê của thần là trang Thanh Uyên (nay là xã Thanh Uyên, huyện Tam Nông, Phú Thọ). Đến thời Lê Trung Hưng, thần Cao Sơn lại có công tích lớn và được kính tín hơn nữa, như văn bia cho biết "Gần đây Lê Mẫn (Lê Uy Mục) thất đức, hung bạo, càn rỡ... khiến cho hàng triệu thường dân bị khốn khổ, tông thất và phiên thần bị giết hại... Tháng 11 năm Kỷ Tỵ (1509) đức vua (Lê Tương Dực) lánh nạn vào Tây Đô, dấy nghĩa binh khôi phục cơ nghiệp của vua Cao Tổ, cứu vớt ức triệu dân".

Bà Trường Lạc Diện (vợ vua Lê Thánh Tôn), và ba vị đại thần Nguyễn Bá Lân, Nguyễn Hoàng Dụ, Nguyễn Văn Lữ dốc lòng thờ vua, diệt kẻ hung bạo. Đến Phụng Hóa (Nho Quan, Ninh Bình) giữa rừng sâu rậm rạp, họ gặp ngôi đền cổ, trên có đại tự "Cao Sơn đại vương", liền vào khấn cầu, mong thần phù trợ, chỉ 10 ngày sau đã dẹp xong bạo loạn. Vua Lê Tương Dực đền ơn, xây lại đền thờ. Tấm bia "Cao Sơn đại vương thần từ bi minh" được chuyển từ Phụng Hóa đến Kim Liên hiện nay. Thần Cao Sơn do đó trở thành vị thần thiêng liêng bảo vệ phương Nam - trấn phương Nam kinh thành. Uy danh của thần được ghi trong bài minh của văn bia:

Cao Sơn lừng danh
Vòi vọi uy linh
Hễ cầu là ứng

Ban khắp dân lành
Thời gặp vận rủi
Trời sinh thánh linh...

Đền Kim Liên xây dựng trên gò đất cao nhất vùng lầy xưa kia. Đền gần dãy thành đất bao quát và bảo vệ vành ngoài cùng của kinh thành về phương Nam. Đền xây hướng nam trông ra hồ Ba Mẫu (hồ Đồng Lầm, theo bản đồ tỉnh Hà Nội in năm 1831) hay Kim Hoa, cửa ngõ giao lưu giữa vùng Sơn Nam với nội thành. Đây là một di tích văn hóa không còn toàn vẹn. Phần kiến trúc còn lại dễ nhận ra hai phần, phản ánh quá trình xây dựng và sử dụng, từ ngôi đền chuyển hóa để mang thêm chức năng ngôi đình làng.

Đi từ ngoài vào trong, bắt đầu là cổng gạch với hai cột trụ cao, vuông. Trên đỉnh mỗi cột đắp tượng con nghê quay mặt vào nhau. Phần thân cột đắp tứ linh. Tiếp, là sân gạch vuông rộng, dẫn tới tam quan và đền là phần chính của di tích nằm trên gò cao, đi lên bằng chín bậc thang xây bằng gạch từ thời Lê Trung Hưng. Sát sân gạch đặt hai con sấu đá thời Lê, hướng ra cổng. Tam quan, phía ngoài treo biển lớn với ba đại tự "Nam phương trấn". Là nếp nhà ba gian xây kiểu tường hồi bít đốc, bốn góc là bốn cột trụ cao ngang mái.

Đền chính có kết cấu chữ "đinh" gồm bái đường và hậu cung. Tòa bái đường nay đã mất, chỉ còn nền và hàng đá tảng tròn, lớn, kê chân cột. Đền chỉ còn tòa hậu cung là một dãy nhà dọc ba gian, lợp ngói ta. Bên trong, gian ngoài

xây vòm cuốn cùng một bệ gạch cao, trên đặt hương án chạm đẹp, sơn son thếp vàng. Gian thứ hai (của hậu cung) xây bệ gạch cao 1m, trên đặt hai long ngai và các tự khí. Gian trong cùng của hậu cung là nơi thờ Cao Sơn đại vương và thêm bài vị hai nữ thần, phối tự (Thủy Tinh đệ tam tôn nữ Đông Hồ Trưng Vương và Huệ Minh phu nhân, từ nơi khác chuyển đến).

Tượng Đại Vương vừa được tạc, uy nghi, ngồi đường bệ trong long ngai cổ kính, tôn thêm vẻ linh thiêng của chốn thâm cung. Long ngai cũng là một tự khí đẹp, chạm khắc tinh vi, bên dưới hình vuông gồm nhiều lớp, được tạo theo kiểu chân quỳ dạ cá, một hiện vật hiếm thấy ở các ngôi đình, đền Hà Nội hiện nay.

Ngoài ra còn có 10 pho tượng nhỏ của đạo Mẫu, từ chùa Kim Liên chuyển sang, nay được thờ trong ngôi nhà ba gian mới xây, cách đền 10m, bên phải (từ ngoài vào). Đây được coi là nơi hành lễ của tín ngưỡng tứ phủ. Di sản quý báu của đền, đặc biệt còn tấm bia đá đồ sộ mang tên "Cao Sơn đại vương thần từ bi minh" cao 2,43m, rộng 1,57m dày 0,22m. Trên bia khắc hình rồng uốn khúc yên ngựa, bờm lửa, đặc trưng mỹ thuật chạm khắc của thế kỷ XVIII. Văn bia do Thượng thư bộ Lễ, tiến sĩ Lê Tung soạn năm 1510. Ngoài ra, đền còn lưu giữ được 39 đạo sắc phong Cao Sơn đại vương trong đó thời Lê Trung Hưng phong 26 đạo, còn lại là của triều Nguyễn. Văn bản sớm nhất ghi niên hiệu Vĩnh Tộ nhị niên (1620). Như trên đã nói, đền xây hướng nam, trông ra hồ Ba Mẫu (xưa là hồ Đồng Lầm). Do

đó, xưa làng có nghề nhuộm vải nâu non nổi tiếng kinh kỳ (vải Đồng Lầm) và nghề ướp chè sen (sen thả trên hồ):

Đồng Lầm có vải nâu non,
Có hồ cá rộng, có con sông dài...

Tuy cơ sở vật chất của đền còn đơn sơ, song đền vốn là nơi được ghi là một trong "Tứ trấn Thăng Long", và do thần Cao Sơn mang uy danh lớn, nên sinh hoạt lễ hội của đền rất náo nhiệt. Ngoài lễ sóc vọng hàng tháng và các lễ kỳ an, lễ hội chính của đền nhằm vào ngày 16 tháng Ba, sau giỗ Tổ Hùng Vương sáu ngày. Vào hội, có ba nơi rước kiệu tới là Quỳnh Lôi, Phương Liệt, Bạch Mai. Rồi đám rước lớn đi từ đền Kim Liên tới đền Hàng Than kết nghĩa (thờ Linh Lang đại vương). Trước, đền Thủ Lệ (trong tứ trấn) thường cử các cụ bô lão đại biểu mang lễ vật (xôi gà) tới dâng cúng.

Khi phần nghi lễ (tế và khách thập phương dâng hương) kết thúc, hội có nhiều trò chơi như: bắt vịt dưới ao (trước đền); cầu bập bênh, nấu cơm thi trên thuyền, chọi gà, bịt mắt đập niêu và đặc biệt có thi cỗ 7 tầng.

Lịch hội thời xưa:

- Ngày 11 tháng Ba: Rước kiệu long đình và kiệu ông ra cống Nam Khang (trường Đại học Bách khoa bây giờ); đi đò vào đền trong (đền ở trên đảo [1] trong công viên

---

(1) Có 2 đảo trong hồ. Nay 2 đảo này là đảo Hòa Bình thuộc công viên Thống Nhất, đã cải tạo, nay có nơi nghỉ, nơi ăn phục vụ du khách thăm công viên.

Thống Nhất. Đền thờ Mẫu. Đám rước ở lại sang hôm sau.

- Ngày 12: rước đi ra đền ngoài (cũng trên đảo). Có cầu nối. Lấy nước (của hồ) về lễ ở đền ngoài. Chiều: về bằng đò.

- Ngày 14: rước kiệu Bà (kiệu võng), ngựa trắng xuống đình Phương Liệt (thờ bà Đàm Hoa) đón bà (ở ngã tư Bạch Mai).

Trong sắc phong có ghi vợ ngài là Đàm Hoa, mẹ là Trương Minh Tự.

Đặc biệt đến hội, khách được chiêm ngưỡng những mâm lễ vật sang trọng, ngon thơm, thể hiện tài năng chế biến lương thực - thực phẩm của người nông dân Hà Nội cổ. Đó là mâm cỗ 7 tầng dâng tiến đại vương.

Cỗ 7 tầng:

Xếp theo khuôn gỗ bao quanh, hình vuông. Mỗi cạnh 80cm.

Tầng thấp nhất là đế 80cm (đắp bằng xôi). Lên cao hẹp dần (mỗi tầng cao trên dưới 10cm. Trên cùng (tầng 7) là tượng người, một nhân vật lịch sử hay văn hóa.

Tầng 1 (dưới lên) xôi gấc (5kg gạo)

Tầng 2: bánh chưng (hẹp vào)

Tầng 3: bánh dầy

Tầng 4: bánh xu xê

Tầng 5: bánh cốm

Tầng 6: Quả (táo to, dưa lê)

Tầng 7: Ông Lã Vọng, cấu tạo bằng 1 con gà. Áo choàng và mũ của nhân vật dùng mỡ chài bọc. Đầu của

nhân vật nặn bằng xôi gốc. Mũ (nếu có) cũng vậy. Bọc bằng mỡ chài nhuộm. Ví như nếu nhân vật là Thạch Sanh thì khăn nhuộm đỏ, thắt lưng đỏ. Thân của nhân vật là thân gà dựng đứng. Hai cánh gà là 2 tay, 2 chân gà là chân người.

Quan sát mâm cỗ này, trước hết về mỹ cảm là rất đẹp và rất lạ vì độc đáo. Màu sắc hài hòa: màu xanh (bánh chưng) của cỏ cây thôn dã, ruộng đồng. Màu trắng của gạo, cơm. Màu đỏ, vàng của hoa trái 4 mùa. Một khung cảnh nông thôn phong đăng hòa cốc, trồng trọt và chăn nuôi đều phát đạt. Với gạo (tẻ, nếp) người ta tạo ra 5 tầng sản phẩm, đó là các thứ bánh [1].

Cỗ 7 tầng tạo một ấn tượng mạnh mẽ về hội, nêu rõ thành quả lao động một năm, và đó cũng là một cách mời chào du khách một cách hấp dẫn nhất.

***

Từ thời tiền cách mạng, đền là cơ sở hoạt động của các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Thị Thanh và nhiều cán bộ cao cấp khác của Trung ương và Hà Nội. Nay mỗi lần lễ hội, rất nhiều vị lão thành cách mạng vẫn tới thường niên để tưởng nhớ Đức Cao Sơn đại vương, đồng thời là một dịp để cùng nhau gặp mặt hồi tưởng những chặng

---

(1) - Mâm cỗ 7 tầng trong Hội ngày 16 tháng Ba Canh Thìn (20 - 4 - 2000) trị giá 500.000đ.

- Lúc xếp xong sản phẩm thì tháo khuôn gỗ ra.

đường lịch sử cách mạng của nhân dân Hà Nội đầy vẻ vang mà các vị đã có công đóng góp của mình...

94 - HỘI LÀNG LỆ MẬT

Thờ: Chàng trai họ Hoàng (thành hoàng làng)
Địa điểm: Làng Lệ Mật, xã Việt Hưng, huyện Gia Lâm
Thời gian: 23 tháng Ba
Đặc điểm: Tục múa rắn

Đến ngày hăm ba tháng Ba
Dân trại ta vượt Nhị Hà thăm quê
Kinh quán, cựu quán đề huề
Hồ Tây cá nhảy đi về trong mây

Câu ca chào mừng lễ hội ấy đưa chúng ta trở về với truyền thuyết của một làng Việt cổ có liên quan tới cố đô Thăng Long hơn chín thế kỷ trước.

Công chúa con gái vua Lý Thái Tông (1072 - 1127) một buổi cùng cung nữ dong thuyền rồng chơi trên sông Nguyệt Đức (sông Đuống). Không ngờ khúc sông ấy có loài thủy quái hung dữ quấy nhiễu gây sóng lớn lật đổ thuyền rồng. Nhìn dòng sông cuộn sóng, đoàn tùy tùng trên bờ kinh hãi, kêu cứu. Lúc ấy, có chàng trai họ

Hoàng [1] người làng Lệ Mật (nay thuộc xã Việt Hưng, huyện Gia Lâm, Hà Nội) đang cày cuốc gần đó thấy vậy, liền xả thân nhảy xuống nước cứu nạn. Chàng lực điền dũng cảm và mưu trí tuyệt vời đã đánh bại thủy quái, đưa được thi hài công chúa lên bờ.

Nhà vua cảm kích trước công lao ấy, vời chàng vào kinh ban thưởng chức tước cùng nhiều vàng bạc. Song tráng sĩ họ Hoàng đã cung kính khước từ phần thưởng cao quý của triều đình. Vua ngạc nhiên gặng hỏi. Được phép trình tâu, dũng sĩ xin vua cho phép chàng được đưa người nghèo đến vùng ven kinh đô để khẩn hoang, lập ấp làm cho dân no, nước vượng. Vua y lời. Chàng trở về quê, kêu gọi và tập hợp bà con nghèo ở làng Lệ Mật và các làng lân cận vượt sông Nhị sang phía tây thành Thăng Long (quận Ba Đình ngày nay). Thuở ấy vùng này còn là đầm lầy, cỏ cây hoang dại, tràn lan mọi nơi. Chàng đã tổ chức số dân nghèo này ra sức phá hoang lập nên 13 trại, tạo thành vùng nông nghiệp trù phú nổi tiếng tới bây giờ. Đó là: Cống Vị, Giảng Võ, Liễu Giai, Vạn Phúc, Ngọc Hà, Hữu Tiệp, Vĩnh Phúc, Thủ Lệ, Kim Mã, Ngọc Khánh... Khi chàng trai họ Hoàng qua đời, dân Lệ Mật cùng dân "Mười ba trại" tôn chàng làm thành hoàng. Từ đó cứ đến ngày kỵ chàng 23 tháng Ba, con cháu 13 trại xưa - nay gọi là dân "kinh quán" - (ở kinh đô) kéo về làng Lệ Mật - nay gọi là dân "cựu quán" - (ở quê cũ) dự hội, tưởng niệm

---

(1) Hoàng Phúc Trung, bố mẹ quý còn gọi là "Quý công".

tổ tiên, những người đi mở đường, khai hoang, lập ấp.

Từ sáng sớm hôm đó, đình làng khói hương nghi ngút, đèn nến sáng trưng, cờ hội cắm la liệt sân đình, ngõ xóm. Trống chiêng dóng dả báo ngày vui. Dân 13 trại lập thành 13 đoàn, cử người đội 13 mâm lễ vật cung kính từ kinh đô về, cùng dân làng từ mọi ngả kéo ra đình dự hội.

Mở đầu là lễ rước nước. Đám rước từ đình ra giếng, lấy nước vào chiếc chóe sứ lớn đặt trang trọng trên kiệu có lọng che. Đưa nước về rồi, người ta đem vó ra giếng, cất 1 con cá chép to, đặt nguyên cả con lên mâm đồng (sau khi đã moi sạch ruột), phủ vải điều, rước về đình làm lễ dâng cúng. Như câu ca mở hội, con cá làm lễ vật cũng là cá thần, từ Hồ Tây bay về, theo truyền thuyết. Nghi thức này - rước nước và dâng cá thờ - nhắc nhở cháu con hôm nay tưởng nhớ công lao người anh hùng khai phá đã mang thêm đất - ruộng mở thêm nghề nông cho làng.

Sau cuộc lễ long trọng là trò diễn múa rắn độc đáo ở sân đình. Đội múa của làng được tập luyện công phu hàng tháng trước, sẽ trình diễn lại chiến tích hào hùng của người tráng sĩ gần mười thế kỷ trước. Con rắn khổng lồ, độc ác, tượng trưng loài thủy quái làm bằng nan tre lợp vải (dài khoảng 6m, thân rộng 60cm) tô vẽ, trang trí, đẹp một cách dữ tợn, do hàng chục thanh niên đội khung. Tốp cung nữ và công chúa xinh đẹp, lộng lẫy trong bộ trang phục bằng lụa và kim tuyến đủ màu xuất hiện, uốn lượn trong điệu múa uyển chuyển, lập tức bị thủy quái bao vây, uy hiếp. Trước tình thế khẩn cấp đó, chàng trai họ Hoàng

quần áo toàn màu hồng, thắt lưng xanh, khăn đầu rìu đỏ, mặt vuông hàm én, mắt sắc như dao, tay cầm mã tấu nhảy ra, vờn múa quanh đối thủ bằng vũ điệu đẹp mắt, đồng thời với võ thuật điêu luyện, vờn và né tránh ác thú. Hai bên quần nhau kịch liệt, căng thẳng, rồi bất chợt, chàng bổ thanh mã tấu thật chính xác xuống đầu quái vật. Trống, chiêng, tù và nổi lên hoan hỷ, chào mừng chiến tích của người tráng sĩ. Ai nấy thở phào sung sướng, hò reo dậy đất. Thủy quái đã chết.

Hội làng Lệ Mật không chỉ ghi công ơn nhớ người anh hùng và diễn lại khúc tráng ca huy hoàng, mà còn là cơ hội để hàng năm con cháu trong làng (dân cựu quán) và con cháu đi xa khai hoang bên kinh đô (dân kinh quán) gặp gỡ, tay bắt mặt mừng, cùng chung niềm vui, ôn lại trang sử dựng làng đầy gian nan thử thách thuở nào và cùng nhau hứa hẹn giữ trọn mối tình quê hương gắn bó và hãy thương yêu nhau như anh em một nhà.

Những thế hệ con cháu của tráng sĩ họ Hoàng đã tỏ ra thật xứng đáng với tổ tiên mình. Ngoài truyền thống lao động sản xuất giỏi trên lãnh vực nông nghiệp, dân vùng này còn có biệt tài bắt rắn.

Về dự hội làng Lệ Mật, khách còn có dịp được các cụ đãi một chén rượu rắn, bộ tam xà, ngũ xà hoặc thất xà. Hàng chục bể nuôi rắn lấy nọc làm dược phẩm quý xuất khẩu. Rượu rắn là một nguồn thu hoạch lớn hàng năm của người Lệ Mật.

Phải chăng từ gương sáng về đạo đức và ý chí tráng

sĩ họ Hoàng mà người dân ở đây đã tạo nên truyền thuyết mỹ lệ và trò diễn đặc sắc trên: nhằm ca ngợi chính tài năng và trí tuệ của nhiều thế hệ nông dân ven đô cần cù, thông minh đã cùng nhau mở mang làng xóm, phát triển kinh thành, làm rạng rỡ thêm mảnh đất ngàn năm văn vật?

95 - HỘI THẢ CHIM LÀNG DỤC TÚ

Địa điểm: Xã Dục Tú, huyện Đông Anh
Thời gian: Cuối xuân, sang hè
Đặc điểm: Thú chơi chim câu

Làng Dục Tú, xã Dục Tú, huyện Đông Anh, hàng năm vào mùa xuân mở hội có tục thả chim nổi tiếng. Vào những năm thịnh vượng có tới hơn 100 đàn chim đem về dự hội (như năm 1992 có 128 đàn). Vào hội, cờ quạt cắm ở sân đình, nổi bật là lá cờ gấm đỏ thêu sáu chữ vàng "Nghĩa điểu quần anh đệ nhất" treo trang trọng dưới dạ tàu thềm đình. Đó là giải nhất sẽ trao cho đàn chim đứng đầu năm ấy.

Người làng và các tay chơi chim cả một vùng về đây giật giải, nhưng điều lý thú hơn là, ai cũng cho rằng đây là dịp những người ham thích thú chơi tao nhã này có thêm nhiều bạn mới. Hội thi thả chim Dục Tú hấp dẫn người đến thi vì uy tín của giải rất lớn. Người giật giải "Nghĩa điểu quần anh đệ nhất" không những nổi tiếng

mà chim của ông ta nuôi sẽ là loại chim mồi rất đắt hàng cho khách chơi. Ban tổ chức cử ra những cụ già tinh thông thú chơi vào ban giám khảo. Ban giám khảo chia làm hai trịch: trịch nội và trịch ngoại.

Trịch nội ở trong, trịch ngoại ở ngoài (vòng trong. vòng ngoài) để theo dõi chấm điểm các đàn chim thi cho công bằng. Vòng trong và vòng ngoài ở đây chỉ có nghĩa là thứ tự của cuộc thi và cuộc chấm, chứ không phải là ở bên trong và bên ngoài. Vì thế trịch ngoại là nơi tập kết các lồng chim thi. Người ta cắm hai cái lọng. một che cho người giữ trịch, một để lần lượt những người có chim dự thi đem đến đợi thả. Nơi đặt lọng là chỗ quang đãng để giám khảo và người xem dễ nhìn lên bầu trời theo dõi chim bay. Người giữ trịch ngoại là một cụ già tinh tường, quắc thước, đầu chít khăn nhiễu đỏ, lưng thắt đai đen, tay cầm dùi trống lúc khoan lúc nhặt, lúc để hồi theo hướng và tốc độ của đàn chim bay.

Trịch nội là nhóm các cụ già khác trong ban giám khảo, họ chọn một gia đình ở gần đình có sân rộng và tiện cho việc theo dõi đường bay của đàn chim ở góc thích hợp nhất để chấm điểm. Tại đó, giữa sân người ta đặt một chậu nước to như chiếc gương trong có thể soi rõ đàn chim trên bầu trời.

Ban tổ chức thông báo rõ nội quy cuộc thi, định nơi thả và hướng bay để các chủ chim tính toán hướng dẫn đàn của mình. Lần lượt các chủ chim bước vào cuộc thi trong tiếng ồn ào náo nhiệt của người xem quây vòng trong vòng ngoài nơi xuất phát.

Lọng che cho chủ chim có đặt một chiếc bàn dài để

đặt lồng chim trước khi thả. Khi có tiếng loa gọi, chủ chim đem lồng của mình đến bàn gỗ. Người đó từ từ cởi tay lèo, tay kia cầm quạt giấy xua xua quạt vừa để vỗ về chuẩn bị cho đàn chim, vừa để dồn chúng chụm lại đến lúc thích hợp nhất thì mở lồng để chúng tung cánh. Tiếng trống ngũ liên thúc dồn dập. Ra khỏi lồng đàn chim nghiêng mình bay một vòng quanh ao đình, rồi theo con đầu đàn bay lên theo đội hình đã được luyện từ trước. Lúc này tiếng trống thôi đổ dồn mà thúc ba tiếng một đều đặn. Về cách mở lồng tùy theo cách tập luyện của mỗi chủ đàn chim. Cũng có người đặt chim trong lồng rồi hất tung cho chúng bay lên hoặc bít kín rồi bất thình lình mở tung dồn cho chim bay ra. Mỗi người một vẻ theo cách riêng của mình.

Khi nghe ba tiếng trống trịch ngoại thì trịch nội cũng điểm 3 tiếng trống đập lại như 1 sự bàn giao, theo dõi đàn chim. Tất cả ban giám khảo tập trung ở trịch nội để theo dõi bóng đàn chim bay trong chậu nước lớn ở giữa sân. Đàn chim nào bay hơi chếch thì gọi là "tiểu biên" đàn nào bay kéo dài thì gọi là "đại tràng". Đàn bay đẹp nhất phải vón lại thành một cục hình xoáy ốc thẳng đứng, trên chậu nước chỉ còn lại một chấm lớn đó là "thượng ly trunh chính" là đạt đệ nhất hội. Khi đàn chim đã bay lên quá cao và xa khỏi khu vực thì là kết thúc của đàn đó. Trống hiệu báo để trịch ngoại cho loa gọi tiếp đàn sau vào lượt. Cứ như vậy mà tính cho đến đàn cuối cùng để phân loại nhất, nhì, ba.

Đàn chim tạo được "thượng ly trung chính" là đàn chiếm giải "Nghĩa điểu quần anh đệ nhất", chủ chim được

nhận cờ trong tiếng hoan nghênh nhiệt liệt của nhân dân. Người được giải này thật vô cùng vinh hạnh và sung sướng. Xưa kia người giật giải người ta không ngại ngần về điều đó vì như trên đã nói, đàn chim của người được giải sẽ đắt giá. Người ta có thể bán một con chim mồi bằng giá của một con trâu.

Tuy vậy để đạt được một đàn chim đoạt giải, người chủ chim, phải tốn không biết bao nhiêu công sức tiền của và ngày tháng để chăm sóc và rèn luyện đàn chim. Quả là nghề chơi cũng lắm công phu. Để có một đàn từ 8 - 10 con, người chơi phải lựa từ 30 - 40 con lấy những con thuần chủng, chăm sóc từ khi mới nở cho ăn vừng, đỗ, gạo xay. Khi chim ra ràng đủ lông lại phải nhổ trụi cho mọc lóng lông mới. Sau mỗi lần như vậy phải vỗ hàng tháng để chim hồi phục sức. Chủ chim phải là người say mê kiên trì lắm mới làm được. Vì vậy hội thi thả chim câu thuở xưa đúng là một thú chơi của người tao nhã.

96 - HỘI LÀNG VĂN TRÌ

Thờ: Thần Đồng Cổ
Địa điểm: Văn Trì, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm
Thời gian: Ngày 4 - 5 tháng Tư
Đặc điểm: Hội thề

Trung thành và phụng sự Tổ quốc là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Xưa, điều này đã được

thể hiện trong các hội thề (chữ cổ là "minh"). Hội giáo dục lòng trung hiếu cho con người.

Nhiều vùng đã lập hội thề, lập đình thờ thần Đồng Cổ, thần chủ hội thề, trong đó có làng Văn Trì. Thời Lê, Văn Trì là một làng thuộc xã Phù Diễn, tổng Cổ Nhuế, phủ Quốc Oai, trấn Sơn Tây. Thời Nguyễn, đổi là Kiều Trì rồi Văn Trì thuộc phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông. Từ 1961 được nhập vào Hà Nội, thuộc xã Minh Khai, huyện Từ Liêm.

Đình Văn Trì được Bộ Văn hóa thông tin xếp hạng di tích lịch sử. Đình thờ thành hoàng là thần Đồng Cổ, được tôn phong (ghi ở bài vị) là Đồng Cổ sơn - chủ minh - thượng đẳng thần. Theo Việt điện u linh thì thời cổ vua Hùng đem quân nam chinh, hành quân tới thôn Khả Lao (huyện Yên Định, Thanh Hóa) đóng quân ở chân núi. Ban đêm vua mộng thấy thần xin trống đồng, dùi đồng ắt giúp vua phá giặc. Vua tỉnh dậy, làm đúng lời thần bảo. Khi giáp chiến, quân ta nghe thấy trên không trung tiếng trống đồng, tiếng gươm khua nên hăng hái tiến công giành toàn thắng. Vua ban sắc phong cho vị thần này là đại vương đền Đồng Cổ.

Lại đến đời Lý, sau khi Thái Tổ mất, ba người con thứ làm phản định cướp ngôi của thái tử Phật Mã. Sự việc này được thần Đồng Cổ báo mộng nên danh tướng Lê Phụng Hiểu đã chủ động chém kẻ bất trung. Thế là dẹp yên đúng như lời thần báo trước. Vua Thái Tông lên ngôi hạ chiếu phong thần là Thiên hạ chủ minh thần và tổ

chức hội Thề ở đền Đồng Cổ. Trong lễ oai nghiêm, cho dựng đàn thề, treo kiếm kích trước bài vị thần, quần thần quỳ trước thần vị làm lễ uống máu ăn thề và đọc to lời nguyền: "Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung ắt bị thần linh tru diệt". Đến đời Trần Thái Tông năm Kiên Trung thứ hai (1226) theo lệ cũ, quy định hằng năm đến ngày 4 tháng Tư tiến hành hội thề long trọng. Tới đời Hồng Đức năm thứ nhất, Lê Thánh Tông lại phong là Đồng Cổ điện chủ minh vương. Năm Hồng Định thứ nhì (1601) lại được phong là Hiển ứng cầu hiền dược như cẩm thông.

Ở vị trí giữa làng, đình được xây dựng theo kiểu hình con dơi hai bên có ao thả sen (2 cánh dơi), trước dình có giếng tròn rộng, nước trong mát (nay dân vẫn kín về ăn), cây đa cổ thụ tỏa mát, soi bóng bến nước sân đình. Đình quay về hướng tây, hai góc mái đắp hình con kìm bằng men sứ, đao xối thể hiện hình con rồng, mái ngói mũi hài, hoa văn hoa cúc. Cửa võng trước hậu cung trang trí đề tài tứ linh vàng son lộng lẫy. Hậu cung cột vuông bào trơn đóng bén soi chỉ, đặt khám thờ, bài vị, long ngai, hòm sắc. Đại bái thờ hai bà hoàng hậu, cung phi, hai bên có bộ chấp kích (lộ bộ) và hai ông phỗng. Hoành phi có 4 chữ "duy nhạc dáng thần" (chỉ có một núi này gieo khí thiêng). Câu đối trong đình có nhắc tới Thăng Long và nơi vua Hùng gặp thần:

Bán hưởng nghiêm từ long đỗ thiên thu chung địa thắng
Uất thông hạo khí Khả Lao vạn cổ tụy sơn linh

(Dịch: Một ngôi đền trang nghiêm sum suê lộng lẫy. cát Long Đỗ nghìn năm nung đúc nên mảnh đất thắng lợi: Nghi ngút hồn thiêng sáng láng núi Khả Lao muôn xưa tụ họp khí thiêng núi sông).

Ngoài ra hiện vật còn có 1 ngựa hồng cỡ đại có tán lọng, 1 chóe sứ, 1 cây quán tẩy chạm trổ đẹp với hai chim phượng đặt được chậu nước nhỏ và khăn bông đỏ để rửa tay làm phép trước khi tiến hành nghi thức tế. Ngoài sân, dưới bóng cây còn một bia vuông làm thời Lê Hy Tông năm Chính Hòa 15 (1694), ở ngoài đầu hồi đình, bên trái. Hiện còn lưu giữ được 11 đạo sắc phong, sớm nhất: đời Lê Hiển Tông (1783), muộn nhất đời Nguyễn Khải Định (1924).

Xin lưu ý đó là đình mới làm được 120 năm và trùng tu nhiều lần. Đình cũ ở vị trí gần đó, kiểu nội công ngoại quốc, chỉ còn 5 gian nhà tiền tế (hướng đông nam), nay là miếu.

Vào dịp cuối xuân sang hè, trong hai ngày 4 và 5 tháng Tư mở hội. Xưa còn có lệ cử người ra đình Đồng Cổ ở Bưởi tế giao hữu, sau 3 thôn Văn Trì (chủ minh), Ngọa Long (minh thệ), Nguyên Xá (giám thệ) đều cùng vào đám một ngày, cùng thờ đức Đồng Cổ. Xưa còn có tế mao huyết trộn một ít tiết, lông của con vật tế thần và đọc lời thề.

Nay vào ngày 4 tháng Tư tổ chức rước và rã đám vào mồng 5. Trong dịp đó ngoài nghi lễ sẽ kể ở dưới đây, còn có tục các con rể của làng cùng về dâng lễ tỏ lòng trung thành và đức chung thủy.

Từ 6 giờ sáng đội tế gồm 1 chủ tế (mũ đỏ, hia đỏ, áo

đỏ có mặt nguyệt rồng chầu, thêm cả đai) 2 hồi tế và 10 vị hành lễ (áo thụng, mũ, hia, áo lam) làm lễ trên bốn chiếc chiếu cạp điều ở sân rồi vào cung dâng rượu (3 lần) trà (1 lần, trà để trong 1 bát cổ), dâng đăng (xưa là đèn dầu lạc thả bấc trên đĩa, nay là 2 nến to), còn có quả thực, đặt 1 đêm rồi mới lễ tạ (cúng tiễn).

Đám rước đi đầu là lá cờ thần gợi nhớ tới thần chủ có người cầm cờ mao, chấp kích hộ vệ. Giá văn đặt văn, có quạt lông và lọng che, mỗi thứ một đôi. Đôn kiệu bát cống do 12 thôn nữ trinh bạch áo trắng lửng, nẹp thêu viền, thắt lưng hoa lý, khăn xanh chéo cùng khiêng. Và cũng khiêng cả võng đào đi theo. Hai bên, hàng ngoài có 12 người chấp kích cầm bát bửu hộ vệ oai phong. Tiếp theo cờ là trống cái, sau trống là chiêng, hiệu trống và hiệu chiêng điểm từng nhịp một. Rồi đến ngựa hồng được đẩy trên giá có 4 bánh xe đá, ngựa gỗ to như thật, trang trí yên cương. Xưa còn có cả voi nan, trâu bò nan vì mang tính lễ ở xứ nông nghiệp. Phường nhạc dồng văn tiếp ngay, tiếng thanh la hòa tiếng sênh tiền nghe vui tai. Sau kiệu là các bô lão, chức sắc bước chậm rãi từ tốn. Tất cả tạo ấn tượng về thẩm mỹ, đạo đức, chu đáo với thần linh. Đúng là:

Làng ta mở hội tưng bừng
Chiêng khua trống gióng vang lừng đôi bên
Long ngai thánh ngự ở trên
Tả văn hữu vũ bốn bên rồng chầu

Xưa còn có tục thổi cơm thi ở sân đình. Người nữ đeo niêu đất ở đầu cần câu cong, vừa đi vừa đốt nứa thổi cho

chín và có thưởng cho ai cơm dẻo thơm.

Tóm lại, vào lễ hội, không gian yên ả nông thôn bỗng rộn rã âm thanh, sáng lên màu cờ la liệt và phấp phới trên sân cùng màu lễ phục các nhân vật đang rước thánh. Cả làng tập hợp và có chung khát vọng được sống tốt lành, được thành hoàng hộ mệnh, từng cá nhân như hòa nhập với cái Ta chung. Sự thống nhất ấy đã định hình từ xưa - như câu đối ở đình trịnh trọng nhắc lại địa danh từ thời Hùng vương - bắt nguồn từ phong hóa làng, được chắt lọc thành hương ước, thấm sâu vào ý thức từng người. Như là cây xanh tốt nhờ người chăm bón bồi bổ từ gốc đến ngọn, không quên gốc rễ để có quả ngon.

97 - HỘI LỖ KHÊ

Thờ: Vợ chồng ông Đinh Dự và bà Mãn Đường Hoa
Địa điểm: Nhà thờ tổ ca trù, thôn Lỗ Khê, Liên Hà, huyện Đông Anh
Thời gian: Từ 5 tháng Tư - 7 tháng Tư và từ 13 tháng Một - 15 tháng Một
Đặc điểm: Giỗ tổ nghề ca trù có tế lễ và múa hát

Giỗ Khê xưa thuộc huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, xứ Kinh Bắc. Nay thuộc huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội. Nơi đây có tục hát ca trù ở cửa đình rất nổi tiếng. Đó là sinh hoạt độc đáo tại nhà thờ tổ do giáo

phường của hai họ chuyên giữ tục hát này với nhiều quy định chặt chẽ, vừa để tế tổ, vừa làm vui cho người dự. Ca trù, (hoặc à đào, cô đầu, hát nhà tơ, hát cửa đình) là một lối hát rất đặc biệt thường được dùng trong những dịp khánh tiết, tiếp đãi sứ thần... ở cung đình; và hát ở đình, đền thờ thành hoàng làng. Sau này, các quan mở tiệc hát trong nhà để khao vọng. Ca trù phát triển rực rỡ với những tác phẩm bất hủ do các danh nhân sáng tác như Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Dương Khuê, Tản Đà... Có thể nói ca trù là một hình thức nghệ thuật ca hát thính phòng xưa.

Sự tích tổ giáo phường được lưu lại bằng văn bản, đó là bản do Đông các học sỹ Đào Cử soạn tháng Giêng năm Hồng Đức 7 (1476). Theo bản thần phả này thì tổ ca trù giáo phường Lỗ Khê là ông Đinh Dự và bà Mãn Đường Hoa. Đinh Dự là con Đinh Lễ (huyện An Khang, phủ Trường Yên, đạo Thanh Hóa). Đinh Lễ lấy người con gái họ Trần, hiệu là Minh Châu. Đất nước có giặc, Đinh Lễ theo Lê Lợi dấy binh khởi nghĩa ở Lam Sơn chống lại Vương Thông đã được 10 năm. Ông là một tướng giỏi của Lê Lợi. Một lần, Đinh Lễ đến huyện Nga Sơn, phủ Hà Trung, đạo Thanh Hóa thấy có động Bích Đào ở bên bờ biển thời đó gọi là động thần tiên. Sau đó Đinh Lễ nằm nghỉ. Bỗng nhiên ông mộng thấy hai ông già ngồi đánh cờ dưới gốc đào. Một ông tự xưng: "Ta vốn ở trên điện Thừa Hoa tên là Đông Phương Sóc, ngày ngày thường giáng hạ đến các cung tiên trên biển". Tiếp đó, ông nói: "Nhà ngươi đức dày, đắc địa sinh con ắt được quý tử. Trời đã định rồi vậy,

sẽ gặp và lấy vợ trên đó". Nói xong, hai ông già theo đám mây bay lên không trung đi mất. Hôm sau, Đinh Lễ cùng binh sĩ trở về đồn sở. Sau đó, ông được cử đi tuần thú ở phương Bắc để ứng phó với quân Minh. Ông thiết lập đồn sở và trú lại Lỗ Khê. Vài tháng sau, vợ ông nằm mộng thấy con rắn xanh vọt lên trườn vào lòng. Từ đó, bà có thai. Tháng Tư ngày 6 năm Quý Tỵ bà sinh được con trai. Thấy tướng mạo con có vẻ khác thường. Ông biết là "đắc địa sinh nhân" bèn đặt tên là Dự. Đinh Dự khôi ngô tuấn tú, 12 tuổi đã tinh thông học vấn, cầm kỳ thi họa đủ cả, chưa thấy người nào vượt được. Lớn lên Đinh Dự mang đàn ngao du nhiều nơi, dạo đàn ở các giáo phường và gặp người con gái mang tên là Đường Hoa ở động Nga Sơn, Thanh Hóa, nhan sắc "trầm ngư lạc nhạn, bế nguyệt tu hoa", lại lấy thể cách 9 lối làm nghề. Hai người tài sắc tương hợp nên duyên vợ chồng rồi quay về trang Lỗ Khê lập giáo phường dạy nghề đàn hát.

Khoảng một thời gian sau, hai vợ chồng đã dạy xong nghề đàn hát, cũng là lúc vua Lê Lợi phải đối phó với giặc dữ. Vua lo lắng sinh bệnh tật cho người mang tin đến vời Đinh Lễ về Thanh Hóa tìm kế đánh giặc. Vợ chồng Đinh Lễ tuân lệnh cùng con trai trở về Thanh Hóa, nhưng giữa đường không may mất. Vợ chồng Đinh Dự sau khi an táng cho cha mẹ ở quê xong, vội về trình Lê Lợi "Xin nguyện đàn hát để giải bệnh". Sau này khi thắng giặc, vua mở yến tiệc thưởng công ban tước, bèn cho gọi vợ chồng Đinh Dự về kinh đô. Về kinh, Đường Hoa tâu với vua vì đã mãn

hạn trần để về thượng giới. Nói xong và ngâm một bài thơ rồi Đường Hoa hóa luôn, ngày 13 tháng Một Đinh Dự cũng về theo. Sau khi hai ông bà mất, vua phong chồng là Thanh xà đại vương, vợ là Mãn Đường Hoa công chúa, cho 12 nơi lập đền thờ, trong đó có Lỗ Khê. Ban cho bốn chữ "Sinh từ tự điển", tạc tượng để trong khám thờ. Quy định vào dịp mở hội thì lễ vật trên có cỗ chay, dưới là xôi, rượu; lợn đen, xướng ca 10 ngày.

Giáo phường Lỗ Khê vẫn còn sinh hoạt đến ngày nay. Trước đây thường tổ chức các cuộc thi để chọn thủ khoa và á nguyên (giải nhất, giải nhì) vào hát trong triều đình, dinh quan.

Ngoài ra hàng năm bắt đầu ngày 6 tháng Tư và 13 tháng Một tại nhà thờ tổ Lỗ Khê đều tổ chức lễ - hát xướng. Bao giờ cũng bắt đầu tổ chức hát trong tối cáo yết (5 tháng Tư và 12 tháng Một).

Trước ngày lễ độ một tháng, những giáo phường trong 2, 3 huyện giao hiếu với nhau họp lại, cử một người trùm nhiều tuổi từng trải để điều khiển mọi việc.

Khi tế cũng cử hành nghi thức như tế lễ thần. Các phường đều tuyển đào hay, kép giỏi tới múa hát đủ mọi lối. Chỉ những người được dự chầu cử mới được hát thờ tổ. Hát thờ tổ khác lối hát cửa đình ở điểm: thoạt đầu vào kép hát; một kép đeo đàn đứng giữa gẩy, hai kép đứng hai bên gõ sênh ngâm khúc Non mai. Tương truyền chính đức thánh tổ đã làm ra khúc hát đó; nên cô đào chỉ dành để hát thờ, không được hát ở đền, miếu khác và cũng không

được hát cho ai nghe. Sau khúc ngâm này là đến các lối hát khác (44 lối):

1- (Thơ cách lối Non mai) [1]:

Kép ngâm:

Non... [2] *mai... rạng..... lĩnh..... canh ba...*

Ngành... mai... sở chiếng..... nở... ra... một..... chùm

Đào lại ngâm nhắc lại:

2- Hồng Hạnh: (Thơ phỏng theo lối Hồng Hạnh)

Đào ngâm:

Đất... thinh... la..... thư..... nhiên...

Sẩy..... thấy..... trời... sinh... có..... vua ông.....

Mặt..... Thuấn..... hây... hây.....

Sánh.....tây.....san.....xuyên.....

Mày... Nghiêu... lồ..... lộ.....

Rầy... mừng... bốn..... cõi..... đã yên...

Muôn... vạn.... khách..... rừng... nho...

Vỗ..... sạch..... bốn..... bể..... yên...

Lâm... san... đất..... thịnh.....

Vạn..... phúc..... tăng... long.....

Rầy... mừng..... có..... vua ông...

Có..... vua ông... (vào phách hát) bốn..... bể...

Vui... nên... một..... nhà...

Vạn..... dân đều.... vạn.... dân đều..... xướng... thái.....

..... bình... ca...

Ôi là..... chúc..... vua ra... trị..... đời.....

---

(1) Khúc Non mai có 8 câu, mới sưu tầm được 2 câu.

(2) Những chỗ có 3 chấm là hơi ngân ngắn, đền vừa và dài theo lượng dấu chấm.

Gần sáng thì hát múa bỏ bộ: 4 hoặc 8 cô ăn mặc dân giã vừa hát vừa làm động tác minh họa cho lời hát. (Con cò thì giơ hai tay vẫy, bắt cá thì cúi lom khom...). Khi múa không được quay lưng lại bàn thờ và không cười. Thường thường còn có cả múa tứ linh và múa bài bông ("Bài" là dàn ra từng hàng, "Bông" là hoa, nghĩa là hoa đẹp dàn hàng múa hát). Múa bài bông là nhã nhạc của đế vương. cầu kỳ, bài bản.

Bài bông ít nhất cũng phải có 8 cô đào, long trọng hơn thì phải có 16 cô. Khi đại lễ có tới 32 cô. Quản giáp lựa chọn những cô trẻ và tầm vóc như nhau, luyện tập từ mấy tuần trước.

Các cô, mình mặc áo mã tiền thêu kim tuyến, giát kim kinh có nhiều tua, mỗi tua đính hạt châu, lưng thắt dây bằng nhiễu xanh đỏ bỏ moi hai bên để lúc múa tự nó tung ra, đầu đội mũ kim phượng làm bằng giấy bìa và giấy trang kim, tay cầm quạt tàu, chân đi bít tất trắng, hai bên vai đeo hai đèn lồng thắp nến. Chuẩn bị xong xuôi, nhạc công sẽ rước các cô đi một hàng vào trước hương án. Quản giáp đánh trống cái gõ nhịp, các kép chia nhau đánh đàn, đánh trống con, trống cái, chiêng, cô đào già ngồi gõ phách. Rồi phân ra làm hai hàng quỳ trước hương án, hai tay nâng quạt tàu lên khỏi đầu, một cô đứng lên đóng vai tiên đồng ra khai mạc vừa hát vừa nói lối, sau đó các cô mới đứng lên mở quạt vừa múa vừa hát.

Múa lấy nhạc làm chính, tiến thoái nhanh chậm đều do nhạc điều khiển chỉ quay một nửa người. Đào kép về tế

tổ bao giờ cũng dành những bài hay nhất. Được hát thờ tổ là vinh hạnh và may mắn trong năm. Họ phải nhớ kiêng tên húy của thánh ở đình đó. Tên huý:

Ví dụ: Chữ húy phải gọi chệch như sau: Bạch-biệc. Hoa-huê. Lễ-lời. Liễu-lão. Đông-đương.

Những chữ này giáo phường rất tôn quý. ai vô ý nói đến coi như đã xúc phạm thần thánh; không những phải nộp vạ mà còn cảnh báo và truất ngôi thứ trong giáo đường.

Ngoài Lỗ Khê, ở Hà Nội còn có những nơi thờ tổ ca trù như thôn Kim Quan, Trường Lưu (xã Việt Hưng, Gia Lâm); xã Mỹ Đình, xã Phú Đô (huyện Từ Liêm).

Lễ giỗ tổ làng ca trù là một sinh hoạt nghề nghiệp nghệ thuật độc đáo của Hà Nội ngàn năm văn hiến. Bởi ca trù tạo nên sự hấp dẫn, linh thiêng, sự phong phú đa dạng trong lễ hội truyền thống.

98 - HỘI THÁNH GIÓNG

Thờ: Thánh Gióng (tức Đức Phù Đổng thiên vương)
(một trong bốn vị thánh bất tử Việt Nam)

Địa điểm và thời gian:

1- Hội Phù Gióng Chi Nam

- Làng Sen Hồ, xã Lệ Chi - huyện Gia Lâm
- Ngày 8 tháng Tư

2- Hội Gióng Phù Đổng:

Hội chính xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm

- Từ 6 - 12 tháng Tư. Chính hội 9 tháng Tư

3- Hội Gióng Xuân Đỉnh:

- Xã Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm
- Ngày 6 tháng Giêng

4- Hội Gióng Sóc Sơn:

- Xã Phù Linh và huyện Sóc Sơn
- Ngày 6 - 8 tháng Giêng. Chính hội 7 tháng Giêng

5- Hội Gióng Bộ Đầu:

- Xã Bộ Đầu, huyện Thường Tín, Hà Tây
- Ngày 8 tháng Giêng

Đặc điểm:

- Diễn xướng Hội trận (Hội Gióng Phù Đổng)
- Cướp hoa tre và chém tướng giặc. (Hội Gióng Sóc Sơn)
- Đấu gậy (Hội Phù Gióng Chi Nam, hội Gióng Bộ Đầu).

Khúc tráng ca huy hoàng về chiến thắng lẫy lừng của người anh hùng nhỏ tuổi làng Phù Đổng, huyện Gia Lâm, tiêu diệt giặc Ân hung hãn, mở đầu trang sử vàng son chống ngoại xâm từ đời vua Hùng thứ VI, đã được truyền tụng từ lâu đời.

Còn ý nghĩa xã hội sâu sắc về người anh hùng thi Cao Bá Quát. nhà thơ lớn đầu thế kỷ XX đã tổng luận trong hai câu nổi tiếng:

Phá tặc đãn hiềm tam tuế vãn
Đăng không do hận cửu thiên đê.

Nghĩa là:

Đánh giặc lên ba hiềm đã muộn

Lên mây tầng chín giận chưa cao.

Vua Hùng thứ sáu phong người anh hùng là "Phù Đổng thiên vương". Lê Hoàn phá Tống xong (năm 981), phong: "Sóc Sơn Đổng thiên vương, Đà Giang hiển thánh; phù thánh giá đại vương, thượng đẳng sơn thần". (Ông Đổng thiên vương là thần thiêng ở đền núi Sóc, đã có phép thánh hiện hình lên ở Đà Giang để giúp xa giá vua, được phong thêm tước đại vương, bậc sơn thần tối cao).

Lý Nhân Tông thắng Tống (lần hai, năm 1077) phong thêm hai chữ "Xung thiên) ("Bay thẳng lên trời").

Với duệ hiệu trên, người anh hùng làng Gióng được phong cả ba tước hiệu: VƯƠNG, THÁNH, THẦN.

Trước công tích to lớn ấy, nhân dân không chỉ dừng lại ở truyện kể mà đã suy tôn người anh hùng quê mình là thánh - Thánh Gióng - và mở hội tưởng niệm, nhớ ơn tiên tổ và để rèn luyện chí khí cho con cháu mai sau.

Triều đình nhà Lý có ý thức mạnh mẽ hơn về nền tự chủ dân tộc, đã nâng hội Phù Đổng từ "hương lễ", thành "quốc lễ", từ thế kỷ XI.

Cho nên người xưa gọi nhau đi hội Gióng để thành người có nhân cách:

Ai ơi mồng chín tháng tư,

Không đi hội Gióng cũng hư mất đời.

Lễ hội về người anh hùng làng Gióng được giới thiệu thành bộ năm hội, tuy riêng lẻ song thống nhất về chủ đề.

Những lễ hội ấy phản ánh các truyền thuyết về người anh hùng từ nơi sinh ra và lớn lên, lập chiến công, con đường thực thi sứ mệnh công dân, đạo làm con và cuối cùng, sau khi hoàn thành nhiệm vụ cao cả của mình, đã bay về trời. Ở đây chất hiện thực và huyền thoại lãng mạn đan kết nhau chặt chẽ.

1- Hội Phù Gióng Chi Nam

Nhân dân trang Liên Đường (nay là làng Sen Hồ, xã Lệ Chi), nhân tưởng niệm chiến tích ông Hiển Công (là tướng thủy quân thời vua Hùng thứ VI), hàng năm cũng mở hội, gọi là hội Chi Nam, trước hội Gióng Phù Đổng một ngày. Do đó, nhân dân gọi là hội Phù Gióng, với ý suy tôn hội Gióng Phù Đổng.

Sáng mồng 8 tháng Tư, sau cuộc lễ ở đình thì chiêng trống nổi lên. Hai toán trai làng (số người bằng nhau) khỏe mạnh, cùng tiến thành hai hàng dọc trước hương án trước đình. Toán thứ nhất đóng quân khanh (quân ta), mình trần, khố đỏ, bao vàng. Toán thứ hai đóng giặc Ân, mình trần, khố xanh, bao trắng.

Sau khi cùng lễ thánh, họ đứng nghiêm, đợi trống lệnh là xông vào vật nhau, từng đôi một, như đánh giáp lá cà trong chiến trận cổ.

Tiếp đến lại chia hai phe đấu gậy.

Kết thúc cuộc vật và đấu gậy, thế nào giặc cũng phải thua - lúc ấy, ông đám (chủ hội) từ hậu cung đội mâm cỗ sơn son, trên có quả dừa - tượng trưng đầu giặc (?) - bước ra, đặt

dừa trên ngọn một cây tre (đã chẻ tư ở ngọn) giữa sân đình.

Toán quân khanh được lay tre cướp dừa. Ai cướp được là "tông" (may mắn). Lệ làng cho ngồi ăn cỗ tại đình với tiên chỉ. Sau đó người thắng trận đem quả dừa đập nát, chia các mảnh cho trai đinh, như chia sẻ chiến quả cho mọi người cùng hưởng.

2- Hội Gióng Phù Đổng

Mồng bảy hội Khám
Mồng tám hội Dâu
Mồng chín đâu đâu
Trở về hội Gióng.

Như lời ca báo hội, nói đến hội Gióng, dân tứ xứ Đông, Nam, Đoài, Bắc thường nghĩ tới hội Gióng Phù Đổng. Đây là một hội làng mang tính hoàn chỉnh, mẫu mực trên nhiều bình diện: truyền thuyết, ý thức, tổ chức và nghệ thuật biểu hiện.

Truyền thuyết ngắn gọn nhưng tráng lệ. Đời vua Hùng thứ Sáu, đất nước Văn Lang bị giặc Ân từ phương Bắc tràn tới. Đất nước lâm nguy, vua sai sứ cầu hiền. Một em bé trai con nhà nghèo: ba tuổi, không nói, không cười, không biết đi đứng; bỗng bật dậy nói cười, mời sứ giả vào báo việc mình sẵn sàng ra cứu nước. Toàn dân - trẻ trâu, người cày, người đi câu, thợ rèn... đều kéo theo nghĩa quân, do chú bé ba tuổi cầm đầu.

Sau bữa ăn bảy nong cơm, ba nong cà chú bé vươn vai trở thành chàng trai cường tráng, đứng ra chỉ huy

quân đội. Tướng quân - người anh hùng làng Gióng - cưỡi ngựa sắt, đội nón sắt, cầm roi sắt, xông vào trận địa tả xung hữu đột, đồng thời với ngựa sắt phun lửa thiêu chết quân thù, đốt cháy trại giặc.

Quân ta toàn thắng, đất nước thanh bình, người anh hùng lên núi Sóc, như thiên sứ xong công việc, về trời như người công dân xong nghĩa vụ, trở về quê cũ đ thường.

Hội lệ (trong hương ước của làng) quy định: hội Gióng hàng năm tổ chức tại làng Phù Đổng, tổng Phù Đổng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, nay là xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội, Hội do 5 làng gồm 19 giáp lo liệu, chi phí một phần trích ở ruộng công. Đó là làng Phù Đổng (6 giáp), Phù Dực (4 giáp), Đổng Xuyên (2 giáp), Đổng Vân (3 giáp), Hội Xá (4 giáp). Mỗi năm một giáp được cử làm chủ tọa hội, gọi là "giáp kéo hội". Nhưng chỉ hai làng Phù Đổng và Phù Dực được cử chủ tọa. Chủ tọa lo mọi việc về hội.

Các vai - nhân vật - hội được phân công như sau:

+ Các ông hiệu (bộ chỉ huy quân đội Văn Lang): 6 người: hiệu cờ, tượng trưng uy lực của Gióng, cầm cờ và múa cờ; hiệu chiêng, cầm chiêng và múa đánh chiêng; hiệu trống cầm trống và múa đánh trống; hiệu trung quân chỉ huy đội quân trung tâm của Gióng, hiệu tiểu cổ hai người, chỉ huy quân tiên phong).

+ Phù giá nội (vệ binh) "làng áo đỏ", "làng áo đen": 12 người.

+ Phù giá ngoại (quân chính quy) 6 đạo x 15 người:

90 người.

+ Xướng suất (chỉ huy 6 đạo quân chính quy): 6 người.

+ Quân thám sát: 15 người.

+ Quân lương: 15 người.

+ Phường Ải Lao (đội múa hát và săn bắt hổi): 20 người.

+ Nhạc lễ: 20 người.

+ Chào cờ, biển và mang đồ thờ: 50 người.

+ Nữ tướng An (trong có chánh, phó soái, tức tướng đốc, tướng ngựa): 28 người.

Tổng cộng 262 người. Quân gia phục dịch diễn trường khoảng 200 người nữa.

- Hội tiến hành theo lịch, định rõ từ xưa:

1 / Chuẩn bị hội: Mồng 1 tháng Ba - mồng 5 tháng Tư

+ Mồng 1 tháng Ba: lên đền Thượng (thờ Gióng) nhận sổ hội lệ về cử các vai, phân việc.

+ 15 tháng Ba: nhận cờ lệnh, trống, chiêng về tập múa và đánh biểu diễn.

+ 25 tháng Ba: quét dọn đền, lau đồ thờ.

+ Mồng 1 tháng Tư: may xong cờ lệnh mới (dài 3,15m, rộng 0,35m màu đỏ vàng, thêu chữ "lệnh").

+ Mồng 5 tháng Tư: giáp áo (tổng diễn tập).

2/ Vào hội: 6 - 9 tháng Tư

+ Mồng 6 tháng Tư:

- Sáng: bố trí chiến trường.

- Chiều: lễ rước nước.

+ Mồng 7 tháng Tư:

- Rước miều (bao đựng cờ lệnh và các thứ khác) đến đền Mẫu.

- Rước cỗ chay (cơm cà) lên đền Thượng.

- Đêm, trai gái đuổi bắt nhau trên bãi sông.

+ Mồng 8 tháng Tư:

- Chiều: duyệt 28 vai nữ tướng Ân.

+ Mồng 9 tháng Tư:

- Chính hội rước miều từ đền Mẫu lên đền Thượng, múa hát thờ, cơ đêm săn hổ. Diễn hội trận (đóng giặc Ân hai lần).

- Trận thứ nhất ở Đống Đàm: phường Ải Lao đang múa hát, thám sát báo quân giặc vây Đống Đàm (tức đất Vũ Ninh). Lập tức trống chiêng nổi lên, các ông hiệu múa lạy trước bàn thờ Gióng và đoàn quân lên đường.

Chiến trường là bãi đất dưới chân đê. Ở đó trải ba chiếc chiếu. Giữa chiếu đặt tờ giấy trắng và úp một chiếc bát lên. Chiếu là đồng bằng. Bát là đồi núi, giấy là mây. Bàn thờ Gióng kê gần đó. Đám rước tới, ngựa Gióng đứng bên bàn thờ có lọng che (khoảng 14 giờ), chiêng trống âm vang, tiếng pháo nổ, tiếng reo hò dậy đất. Cuộc chiến bắt đầu. Tất cả tướng Ân xuống kiệu, đứng yên, chịu sự tấn công của quân ta. Hiệu cờ giương cao cờ múa ba vòng từ phải sang trái (ba ván thuận) rồi tiến vào giữa chiếu lấy chân phải đá tung chiếc bát và tờ giấy lên (Ý: Gióng đạp núi, đuổi mây, diệt tan quân giặc). Tiến sang chiếu hai, chiếu ba cũng vậy. Nữ tướng Ân lên kiệu quay về Phù Đổng, tức là đại bại. Quân ta toàn thắng, trở về đền Thượng mở tiệc mừng.

- Trận thứ hai ở Sòi Bia: chợt thám sát báo giặc tới

Sòi Bia. Quân đội Văn Lang bỏ tiệc cấp tốc hành quân nhằm thẳng đồn giặc đánh phá, bắt được hai tướng Đốc và Ngựa, dẫn chúng về đồn. Hiệu cờ múa kiệu chém đầu giặc, rồi múa cờ ba vòng từ trái sang phải (ba ván nghịch).

Đêm ấy mở hội lớn khao quân.

3/ Văn hội

- Mồng 10, rước văn duyệt quân. Lễ tạ ơn Gióng.
- Hùng binh dâng vật phẩm lên Gióng.
- 11 tháng Tư: Lễ rửa hội, rước nước về rửa khí giới (ý: chiến tranh đã kết thúc).
- Các trò múa hát vui chơi.

12 tháng Tư: - Rước cắm cờ, quân ta kiểm tra lại chiến trường lần cuối, từ Đống Đàm đến Sòi Bia.

- Buổi chiều, tế báo tin thắng trận với Trời - Đất. Hạ hội.

Đến dự hội, người xem được chứng kiến nghi thức về một hệ thống lễ với các động tác đồng bộ thuần thục, uy nghi mang tính nghệ thuật và biểu tượng cao. Đến hội, người ta có dịp cảm nhận được mối quan hệ hai chiều giữa làng với nước, giữa cá nhân và cộng đồng; quá khứ và hiện tại như hòa nhập với nhau vừa thiêng liêng, vừa huyền ảo. Truyền thống lao động, chiến đấu, yêu làng, yêu nước được trao truyền và gìn giữ như một tài sản văn hóa.

3- Hội Gióng Xuân Đỉnh

Truyền thuyết kể tiếp: đuổi giặc xong, đất nước thanh bình, Gióng - như thiên sứ - trở về trời. Trên đường, gặp

buổi trời nắng, Gióng dừng chân ở làng Cáo (thôn Xuân Tảo, xã Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm) tắm mát, nghỉ ngơi, rồi ăn trưa với mo cơm và mấy quả cà. Lúc ra đi, Gióng bỏ quên thanh roi sắt. Tới nay, phiến đá Gióng ngồi nghỉ vẫn còn đó, dãi nắng dầm mưa bên cạnh giếng nước làng.

Đền thờ Gióng xã Xuân Đỉnh tục gọi là đền Sóc. Hội Gióng đền Sóc, Xuân Đỉnh mở ngày 6 tháng Giêng, để tưởng nhớ công ơn và những kỷ niệm thiêng liêng (là những dấu tích) của người anh hùng - dừng chân tại đây trên đường về trời.

Sáng ấy, từ tinh mơ, cửa đền đã mở, đèn nến sáng trưng, chiêng trống nổi lên báo hội. Xưa, Xuân Tảo thuộc tổng Phú Gia, sau năm 1945 thuộc xã Xuân Đỉnh, do đó Xuân Tảo (Xuân Đỉnh) kết chạ với Phú Gia và tạo mỹ tục là: hội làng này thì làng kia mang lễ vật (xôi gà) tới dự mừng. Cho nên, sau khi chiêng trống nổi lên báo hội, đại biểu làng Phú Gia đã mang lễ vật tới đền Xuân Tảo dâng thánh.

Sau cuộc lễ, đám rước kiệu thánh uy nghi từ đền ra giếng để thánh chứng kiến những vật chứng lịch sử mà dân làng vẫn gìn giữ như truyền thống đạo lý tốt đẹp. "Uống nước nhớ nguồn".

4- Hội Gióng Sóc Sơn

Sóc Sơn - ngọn núi thánh Gióng ngồi nghỉ, vắt áo để lại rồi bay lên trời - nay thuộc xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn, cách Hà Nội 40km về phía bắc.

Phù Linh gồm các thôn Mã Chợ, Mã Đình, Thanh

Lại, Vệ Linh, Xuân Dục Đoài. Trước kia, Phù Linh thuộc Đa Phúc, tỉnh Phúc Yên, 1950 thuộc Vĩnh Phú, năm 1979 thuộc Hà Nội. Phù Linh, Núi Đôi... Đây là điểm chót của cuộc hành trình nơi trần thế, nơi Gióng ngắm nhìn đất nước lần cuối, rồi để áo lại, phi ngựa về trời. Áo Gióng vắt lên cây gỗ trầm, sau thành tên cây "Cởi áo". Ông Vu Điền bỏ việc cày ruộng chạy theo không kịp bèn hạ cây xuống, tạc tượng.

Người núi Sóc nhớ ơn thánh, mở hội ba ngày, từ mồng 6 đến mồng 8 tháng Giêng, trong đó ngày bẩy tháng Giêng là chính hội.

Tháng giêng giỗ thánh Sóc Sơn,
Tháng ba giỗ tổ Hùng Vương nhớ về!

Khu di tích thờ Gióng ở đây gồm sáu công trình: đền Thượng, chùa Đại Bi, đền Hạ, miếu thánh Mẫu, nhà bia, khu hành lễ - tiếp khách.

Đền Thượng là nơi thờ Gióng và cử hành lễ hội. Mồng 6 vào hội có lễ dâng hương của dân làng và dân hàng tổng... Nghi lễ chính thức bắt đầu vào đúng giờ Tý (24 giờ). Lúc này khói hương nghi ngút, đèn nến sáng rực đền. Chủ lễ và chức sắc thực hiện lễ khai quang (tắm tượng Gióng).

Đền Hạ còn văn bia và câu đối ca ngợi Thánh đã giúp vua Lê Đại Hành đánh thắng giặc Tống. Đôi câu đối ở đây là của thi hào Nguyễn Du, như sau:

Thiên giáng thánh nhân bình Bắc Lỗ
Địa lưu thần tích trấn Nam bang.

(Trời sinh người thánh trừ giặc Bắc
Đất giữ chuyện thần trấn nước Nam).

Ngày mồng 7 (chính hội) có hai nội dung đặc sắc là lễ dâng hoa tre và lễ chém tướng (ba tướng giặc: Thạch Linh và hai tùy tướng tả, hữu).

Hoa tre là thanh tre dài ước 50cm, dẹt, rộng khoảng 1cm, đầu thanh tre có vót tơ bông (dài 10cm) và nhuộm các màu.

Xưa 52 xã của 9 tổng thuộc huyện Kim Anh mang hom tre về dâng cúng và dự hội. Sau lễ dâng hoa tre thì quan lễ hô lớn "lễ tất, tranh lộc". Hom tre được tung lên cho mọi người cướp cầu may. Hội này là hội đầu xuân, mùa xuân là mùa sinh sôi của vạn vật nên tư tưởng chủ yếu là hướng về tín ngưỡng phồn thực. Chiếc hoa tre có tua bông ở đầu chính là biểu tượng của sinh thực khí nam.

Ba thiếu nữ đóng giả tướng giặc.

Khoảng từ 7 giờ đến 8 giờ sáng lễ chém tướng bắt đầu. Từ trên đỉnh núi cao có người cầm cờ hiệu phát lệnh. Khi cờ lệnh phất trên cao thì dưới này, quân chém tướng vung gươm nhanh nhẹn làm động tác tượng trưng chém đầu ba tướng giặc. Ba cô gái (tướng giặc) ù té chạy, vụt nhanh vào chỗ vắng người, có người nhà đón cõng về nhà.

Sau hai nghi lễ đặc sắc này, dân chúng thưởng thức các trò chơi như đánh cờ hoặc ca hát (chầu văn, ca trù...) và thưởng ngoạn cảnh thiên niên kỳ vĩ, hồi tưởng lại trang sử huyền thoại hào hùng, đầy chất thơ của dân tộc ta thời mở nước.

5- Hội Gióng Bộ Đầu

Vào ngày mồng 8 tháng Giêng, vừa xong lễ khai hạ, dân các làng ven sông Hồng náo nức rủ nhau đi hội làng Bộ Đầu (huyện Thường Tín, Hà Tây) để xem đấu gậy.

Làng thờ thánh Gióng làm thần thành hoàng, vì thánh đã có công diệt đôi thuồng luồng trừ thủy quái cho dân.

Nguyên là khi thánh Gióng trên đường bay về trời, chợt như nghe tiếng hò reo hoặc kêu la râm ran dưới đất. thánh Gióng cúi nhìn và lắng tai nghe thì nhận ra đó là tiếng kêu của dân chúng về đôi thuồng luồng đang hoành hành trên sông Hồng mà trong đó hình như có một người đang bị thuồng luồng bắt, lúc nổi lúc chìm. Thương dân, căm loài thủy quái tàn bạo, thánh Gióng quay lại, lao xuống nước đánh diệt thủy quái, và cứu được nạn nhân. Thật là kỳ lạ và may mắn, người bị nạn lại chính là mẹ Gióng!

Các nghệ nhân tài hoa đã tạc tượng thánh Gióng bằng gỗ cao tới 5m như một công trình điêu khắc tuyệt vời, để tôn thờ.

Mỗi năm mở đám, sau lễ Thánh, làng đều tổ chức cho trai đinh múa gậy chầu Thánh và sau đó là cuộc thi đấu gậy giật giải đầy hào hứng, đẹp mắt, trên tinh thần thượng võ. Cuộc đấu gậy để hồi tưởng việc Thánh dùng tre đằng ngà làm võ khí đánh giặc, đồng thời để rèn luyện chí khí cho trai làng trong việc giữ làng, giữ nước.

Bộ năm lễ hội tưởng niệm thánh Gióng - Phù Đổng thiên vương với nội dung các hội bổ sung nhau, lấy hội Gióng Phù Đổng làm hạt nhân, đã hoàn thiện hình ảnh

cao cả của người anh hùng. Đó là biểu tượng cho hai nhiệm vụ lớn lao của cộng đồng người Việt ở đồng bằng và trung du Bắc Bộ trong quy trình sinh thành của mình là làm nông nghiệp và đánh giặc giữ làng, giữ nước.

99 - HỘI LÀNG VO

Thờ: Dực Hòa Bảo Chinh và 2 em gái
Địa điểm: Thôn Hội Xá, xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm
Thời gian: Mồng 9 tháng Tư
Đặc điểm: Múa hổ

Hội Xá thuộc huyện Gia Lâm, cách Hồ Gươm 15km. Xã có 4 thôn: Hội Xá, Nông Vụ Đông, Nông Vụ Thượng và Nông Vụ Trung. Xưa thuộc tỉnh Bắc Ninh. Từ 1961 nhập ngoại thành Hà Nội, một phần đất thuộc thị trấn Sài Đồng. Hội Xá, tên nôm là làng Vo vốn thờ thành hoàng là Dực Hòa Bảo Chính và hai em gái của ông. Ba người có công giúp vua Lý Thái Tổ (1010 - 1028) dẹp yên bờ cõi và khai khẩn trang Nông Vụ.

Mồng bảy hội Khám
Mồng tám hội Dâu
Mồng chín đâu đâu
Kéo về hội Gióng

Phù Đổng thiên vương bay lên trời sau khi đã chiến thắng giặc Ân một cách oanh liệt. Diễn xướng dân gian

với vị anh hùng "Xung thiên thần vương" trải rộng từ vùng quê sông Hồng tới sông Cầu (Nguyệt Đức) và sông Đuống (Thiên Đức). Hội Sóc Sơn (7 tháng Giêng) có tục cướp hoa tre. Hội đền Sóc Xuân Đỉnh (6 tháng Giêng) có tục rước ông ra lầu Phiến Đá. Hội Gióng Phù Đổng (9 tháng Tư) cầu mưa có Phù Đổng, Phù Dực, Đổng Viên, Đổng Xuyên... Đặc biệt có trò diễn của phường Ải Lao của Hội Xá:

Hiệu hàng đăng trung quân tiếu cổ
Phường Ải Lao áo hổ đi theo
Là phường "Tùng Choạc" cổ mao
Người bên Hội Xá năm nào cũng sang.

(Ca dao)

Ải Lao từ thời vua Lý Thái Tổ vẫn sang chầu biểu diễn. Có năm họ không sang, vua Lý ban truyền cho Hội Xá lo liệu như cấp ruộng công, miễn lao dịch cho 20 thanh niên tham gia phường múa Ải Lao. Phường gồm 1 trùm trưởng, một người mang lốt hổ, một người đi câu, một người đeo cung, hai người mang cờ lau. Đầu tháng Ba, giáp phụ trách đem trầu cau lên đình xin đầu hổ về bồi bìa, mua vải vẽ vằn hổ, sau đó tập múa hổ, gọi là mùa "Tùng Choạc" và tập đồng ca.

Đúng mồng 9 tháng Tư khoảng 10 giờ, phường Ải Lao chuẩn bị diễn trò bắt hổ. Phường múa hát theo nhịp sênh một số câu ca trước đền. Hiệu cờ được che 4 lọng vàng, tượng trưng cho Thánh Gióng. Chờ hiệu cờ lễ xong, cả phường thứ tự xếp hàng vào lễ. Đầu tiên là ông Hổ, bước lên chiếu nhất một bước, chân choãi ra khuỵu dần, quì

xuống, hai tay chống chiếu, đầu cúi xuống đất theo hiệu trống. Ông Hổ lễ 4 lễ rồi đi giật lùi về phía bên trái ban thờ Gióng. Kế đến hai người cầm cờ lau rồi hai người cầm trống mèn. Hai người khác cầm cần câu, cung tên. Mấy đôi này lễ 4 lễ nhưng chỉ chắp tay khấn đầu ở chiếu nhì, xong chia nhau đứng hai bên: người trống, người cung, người hổ một bên; người mèn, người cần câu một bên. Tiếp đến 12 người cầm sênh hàng đôi tiến vào chiếu ba, đứng chụm gót, sênh gài thắt lưng, tay ngửa về phía ban thờ, xếp chéo trước ngực, hướng mặt sang phía phải, trái, giữa, rồi quỳ xuống tay chống chiếu khấu đầu. Lại đứng dậy bắt chéo tay lễ lần thứ hai. Theo hiệu trống mèn, vái 4 vái. Bốn tiếng sênh cùng vang vang rồi chia hai hàng đứng 2 bên. Hiệu trống thì thùng dồn dập. Cả phường Ải Lao đồng thanh trọng ca:

Lập đền, đắp lũy, xây thành
Bên ngoài trống điểm, tuần hành bên trong.

Hát xong, ông trùm phường quay ra nói:

Chiềng hàng đôi? Đền đây có ông hổ lang!
Ai nhân tài mau ra bắt! Chúa hội xin thưởng!

Người đội lốt hổ nhảy múa, lăn người, động tác ngoạn mục. Trong lúc đó, người cung, người câu rủ nhau ra bắt hổ. Hai người nhảy múa vờn quanh trong tiếng trống, tiếng mèn, tiếng hò reo inh ỏi của người dự hội. Hổ bị thương lăn ra đất, hai vệ sĩ nhảy ra trói. Xong, cả hổ cùng người lại đứng lên lạy trước ban thờ tượng Gióng. Cả phường đồng thanh ca:

Này ta, quân ăn quân chơi
Quân bắn súng trụ, quân bơi thuyền rồng...

Nhân dân vùng quê sông Đuống đất Kinh Bắc xưa tổ chức hội Gióng trên một sân khấu ngoài trời với cảnh con đê, dòng sông, cánh bãi, đền, miếu, chùa... Hàng vạn người nô nức tham dự... Ta như gặp một cảnh trong anh hùng ca Iliát, Ôđixê của Hy Lạp. Múa Á Lao biểu hiện sức mạnh trong việc chiến thắng thế lực ngoại xâm và chinh phục tự nhiên.

100 - HỘI CHÈM

Thờ: - Lý Ông Trọng
- Bạch Tính Cung (vợ ngài)

Địa điểm: Xã Thụy Phương, huyện Từ Liêm

Thời gian: 14 - 16 tháng Năm. Chính hội 15 tháng Năm

Đặc điểm: Rước nước trên sông - Thả chim bồ câu

Đền Chèm thuộc xã Thụy Phương, huyện Từ Liêm cách trung tâm Hồ Gươm 12km. Hậu cung thờ Lý Ông Trọng và vợ là Bạch Tính Cung, con gái vua Tần Thủy Hoàng (221 trước công nguyên). Phía ngoài thờ Lý Ông Chất, quan coi ngựa và chữa bệnh. Có sức khỏe hơn người, mình cao tới hai trượng (tám mét), Ông Trọng (Lý Thân) rèn luyện ý chí làm trai, quyết tâm học tập thành con người văn võ song toàn. Có lần đi lao dịch bị

người quản đốc đánh mắng, Lý Thân đã vung tay đánh chết. Thương người tài dũng. An Dương Vương thử thách cử ông sang giúp vua Tần đánh bại rợ Hung Nô. Vua Tần gả con gái và phong là Tư Lệ hiệu úy. Được vua Tần ưu đãi nhưng ông vẫn không nguôi nhớ nước nhớ nhà còn có mẹ già ngày đêm mong đợi con, ông đã xin về nước. Sau khi quân Hung Nô lại tràn xuống, vua Tần đúc tượng rỗng giống Ông Trọng, bên trong có người điều khiển cho tượng cử động tay chân được rồi đem đặt ở cửa Hàm Dương. Giặc kéo đến trông thấy khiếp đảm, tan vỡ. Khi Ông Trọng mất, xác được hóa tro rồi gửi về cho vua Tần, lễ an táng được cử hành trọng thể. Dân gian vùng Từ Liêm còn truyền tụng chuyện Ông Trọng lãnh đạo dân sông Nhuệ (Từ Liêm) để san lũ sông Hồng. Chân ông sải từ làng Chèm sang làng Chài (Đai Độ) để bắt con giải (thuồng luồng). Từ đó người dân chài và khách qua lại sông Hồng không còn lo nạn thủy quái. Ông Trọng, vị thành hoàng bảo vệ đê điều được thờ từ làng Chèm (Từ Liêm) tới làng Tranh Khúc (Thanh Trì). Hội Chèm hàng năm diễn ra, chính hội là 15 tháng Năm. Hội mở đầu diễn ra trang trọng với cuộc rước nước, rước mã, rước văn, lễ mộc dục (tắm tượng thánh) lễ phát tấn (cúng Phật). Lễ rước nước là trang trọng nhất. Những người mặc y phục cổ truyền sau khi tập kết trước cửa đền hành hương xuống ba chiếc thuyền lớn xuôi theo sông Hồng tới Thác Bạc cạnh đền Âm Hồn, rồi quay lại trước cửa đền. Quãng đường đi về khoảng 4km. Tại cửa sông diễn ra nghi thức lấy nước, ba chiếc thuyền quay ba

vòng để một lão nông lấy gáo đồng múc nước trong cho vào đôn cổ. Tiếng trống, tiếng reo hò, cờ bay phấp phới cùng tiếng hô "ù óe" vang dội mặt sông trên đê. Lấy nước xong, đoàn thuyền về nhà mã cách cổng đền 1km lên Bến Ngự rồi một cuộc diễu hành rầm rộ với các đoàn: - phù giá, thủ hiệu, gươm sai, lịch triều, kiệu đức Ông, kiệu đức Bà, huyền sư, quan viên, chức sắc, các bà vãi... Nhịp trống, nhịp chiêng dồn dập. Các em nhỏ múa sênh tiền tiến theo rất vui mắt. Đám rước dừng lại trước sân đền đợi làm lễ mộc dục. Lễ rước văn tiến hành vào chiều tối. Văn tế đặt ở long đình rước từ nhà ông trưởng văn ra đền. Trong ngõ, bên đường, cạnh đê, dân làng bày mâm cúng, hương trầm tỏa thơm. Nhà sư làm lễ phát tấn, diễn xướng kể lại công đức của Lý Ông Trọng và cầu cho mưa thuận gió hòa, sóng yên bể lặng... Hội Chèm duy trì các trò chơi dân gian: bơi chải, kéo co, thả diều, thả chim bồ câu. Riêng thi bơi chải là đặc sắc. Bài ca dao cổ năm 1921 ghi:

Ba dân mở hội tháng năm
Mười hai hạ chải, hôm rằm bơi thi.
Ba dân đánh trống chỉ huy
Thuyền nào đạt nhất, cờ thì có mao.
Cả Thuyết đứng mũi chịu sào,
Hai Dương đánh mõ, Trương Giao phất cờ.
Lái Hành khéo lượn thủy cơ,
Dân ta đâu có được cờ mà tranh...

Hội Chèm với diễn trường thiên nhiên có tới 300 người tham gia, hàng ngàn người theo xem:

Thứ nhất là hội Cổ Loa
Thứ nhì hội Gióng, thứ ba hội Chèm.

Phải chăng là sự ghi nhận về người anh hùng nước Âu Lạc! Lý Ông Trọng, anh hùng chống ngoại xâm, nhà ngoại giao kiệt xuất được biểu tượng hóa thành sức mạnh của người Hà Nội cổ đại trong việc trị thủy sông Hồng đắp đê phòng lụt, bảo vệ đời sống nhân dân.

101 - HỘI CHÙA HÀM LONG

Thờ: Thờ Phật và Lý Ông Trọng
Địa điểm: Xã Thụy Phương, huyện Từ Liêm
Thời gian: 15 tháng Năm
Đặc điểm: Lễ rước văn Phát tấu

Chùa Chèm có tên chữ là "Hàm Long tự" nằm kề sông Hồng, ở phía bắc Thủ đô Hà Nội xã Thụy Phương, huyện Từ Liêm.

Tấm bia có niên đại Vĩnh Trị thứ 12 (1688) cho biết: Cụ sinh đồ Nguyễn Đình Ban và vợ là Nguyễn Thị Gái đã hưng công tiền của xây dựng lại tòa tiền đường, thượng điện, nhà thiêu hương nội và ngoại, hậu phòng, gác chuông, hành lang tả, hữu; hai tòa tam quan nội ngoại, tạc lại 13 pho tượng Phật, đúc một quả chuông đồng.

Từ xa xưa chùa Chèm đã là một danh lam thắng tích của một vùng quê nổi tiếng chốn kinh thành Thăng

Long. Chùa có kiến trúc, nội chữ đinh, ngoại chữ quốc. Các công trình kiến trúc của chùa được bố cục hài hòa trong một không gian rộng thoáng. Các tòa nhà được xây dựng nối tiếp liên hoàn, không có sự tách biệt nhau. Tam quan gác chuông là một điển hình của kiến trúc thế kỷ 18 - 19: dáng bề thế, mái làm kiểu chồng diêm hai tầng 8 mái, với các đầu đao được trang trí công phu. Tòa tam quan xây nối liền với hai nhà giải vũ song song thành một khối kiến trúc khép kín độc đáo. Hiện nay chùa còn bảo lưu được một khối di vật văn hóa phong phú, đa dạng và mang giá trị thẩm mỹ nghệ thuật thế kỷ 18, 19. Đặc sắc nhất là tấm bia thời Lê niên hiệu Vĩnh Trị (1676), nội dung nói về lịch sử xây dựng ngôi chùa và những phong tục, tập quán của nhân dân địa phương. Bộ sưu tập tượng tròn của chùa gồm 30 pho, trong đó có 13 pho tượng thuộc nghệ thuật thế kỷ 18, còn lại thuộc thế kỷ 19, 20. Đáng lưu ý có pho tượng Phật nhập niết bàn. Pho tượng đồng này có từ thế kỷ 18 nêu lại tích Phật Thích Ca Mâu Ni nhập Niết Bàn. Tượng Phật nhập Niết Bàn ở chùa Chèm và tượng Phật nhập Niết Bàn ở chùa Phổ Minh (Nam Định), chùa Trấn Quốc (Hà Nội) là ba tác phẩm nghệ thuật đặc sắc. Tượng tả một người nằm nghiêng, đầu đội mũ, một tay chống cằm, một tay thả dài theo thân, một chân co, một chân duỗi, tư thế tự nhiên và thật thoải mái. Những nếp áo mềm mại phủ trên người. Tuy bằng đồng, nhưng toàn bộ cơ thể, nhất là tay, đầu gối, bàn chân vẫn toát ra vẻ sống động như người thật.

Hội Chèm hàng năm tổ chức vào 15 tháng Năm có đoàn rước với các vai phù giá, thủ hiệu, cờ sai, lịch triều. gươm hầu, huyền sư... để tưởng nhớ Lý Ông Trọng có công trị thủy sông Hồng, đi sứ giúp vua Tần đánh giặc Hung Nô (năm 221 trước công nguyên). Chiều tối có lễ rước văn từ chùa Chèm về rồi có lễ phát tấu cúng Phật cầu siêu cho Đức Thánh Chèm và phu nhân. Chùa được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa năm 1993.

102 - HỘI BƠI LÀNG VÕNG LA

Thờ: Tam vị Đại vương:
- Linh Khổn
- Minh Chiêu
- Cung Mục

Địa điểm: Thôn Võng La, xã Võng La, huyện Đông Anh

Thời gian: - 19 - 21 tháng Bảy.
Chính hội 20 tháng Bảy
- 10 - 13 tháng Mười. Chính hội 10 tháng Mười

Đặc điểm: Thi bơi chải

Võng La là một vùng đất cổ có tên nôm là làng Chài, chạy dài trên một dải đất màu mỡ ven sông Hồng. Làng Chài xưa là một trong bốn làng của xã Võng La thuộc tổng Võng La, huyện Yên Lãng, phủ Tam Đái trấn Sơn Tây; nay thuộc xã Võng La huyện Đông Anh,

ngoại thành Hà Nội.

Theo văn bia đình thì thế kỷ XVII - XVIII nơi đây là một thắng cảnh lớn trong vùng, có cây đa, bến nước sân đình, có thuyền bè bán buôn tấp nập, có đình làng và ngôi chùa Bạch Sam cổ kính. Làng Chài thờ ba anh em ruột thường gọi là tam vị đại vương làm thành hoàng. Truyền thuyết kể rằng từ thuở Hùng Vương dựng nước, cha ông chúng ta đã khai phá các vùng đất dọc theo các dòng sông, tập hợp nhau lại thành các bộ lạc, sống bằng nghề săn bắn, hái lượm và đánh cá. Lúc bấy giờ ở vùng này có một người con gái rất xinh đẹp tên là Phùng Thị Loan không biết từ đâu tới buôn bán và sống ở đây... Bà sinh ra ba người con trai khôi ngô tuấn tú khác thường. Bà đặt tên cho ba con là Linh Khổn, Minh Chiêu và Cung Mục. Ba anh em lớn lên trong sự yêu thương của dân làng. Đến khi trưởng thành họ đều văn võ song toàn không ai sánh kịp. Lúc bấy giờ vua Hùng Vương 18 đã già yếu không có con trai nối dõi định nhường ngôi cho Tản Viên sơn thánh. Lợi dụng thời cơ, Thục Phán cất quân đánh. Vua Hùng bèn cho cầu người tài giúp nước. Ba anh em nghe biết tin bèn vào cung xin giúp vua cứu nước. Trong một trận bất phân thắng bại, quân ta bị bao vây trong một khu rừng. Ba ông tế cầu trời đất. Bỗng xuất hiện một con bò, ba ông thấy cho là trời đã giúp, bèn vắt sữa bò uống. Mọi người như có sức thần, khỏe mạnh, tỉnh táo phản công kẻ địch và đã chiến thắng. Ba ông được vua ban thưởng thực ấp ngay tại quê hương. Để trả nghĩa cho ân nhân đã giúp

mình, từ đó làng có tục không giết bò. Sau khi mất ba ông được vua sắc phong làm thành hoàng để dân làng thờ phụng cùng với thân mẫu.

Theo hồi ức của nhân dân, làng Chài xưa sầm uất bởi có ngôi đình Võng La cổ kính, tiền tế với bốn góc đao cong, trang trí long cuốn thủy, lân chầu và bờ nóc lưỡng long chầu nguyệt... như nâng bổng cả không gian cổ kính hòa quyện với thiên nhiên sông nước ngàn năm. Cổng đình với bốn cột trụ uy nghiêm như ôm ấp chở che cho cuộc sống bình yên của dân làng. Chùa Bạch Sam (tên nôm là chùa Chài hay chùa Ba Xã) là ngôi chùa cổ còn giữ được nhiều di vật quý hiếm. Trước hết là những tấm bia đá có nghệ thuật tạo tác thời Lê. Tấm bia sớm nhất có niên đại Dương Hòa thứ 4 (1638), mặt trước bia có tạc bức tượng "Thánh tổ Ngọc Động", là người tu hành ở chùa có công chữa bệnh cho vua Lê - chúa Trịnh. Sau khi ông qua đời, chùa lấy ngày giỗ của ông làm ngày giỗ Tổ (10 tháng Tám) hàng năm.

Theo các cụ, hội làng xưa được tổ chức một năm hai lần. Tháng Bảy và tháng Mười. Hội tháng Bảy từ ngày 19 đến ngày 21, chính hội là ngày 20. Đó là hội tưởng niệm công đức bà mẹ đã sinh ra ba anh hùng. Hội có trò vui nhất là thi bơi chải như để nhắc nhở nghề chài lưới của làng.

Thuyền thi đấu được làm bằng một cây gỗ to đục rỗng, thuyền độc mộc. Đầu thuyền chạm rồng, đuôi thuyền vuốt lại như đuôi tôm. Mỗi thuyền có 7 người gồm 6 tay bơi và 1 lái mặc gọn ghẽ. Trước cuộc đua, các lái lên đình lễ cáo thánh. Mỗi thuyền đại diện một giáp và xếp thành

hàng ngang chờ lệnh xuất phát. Tiếng trống vừa nổi lên các tay bơi ra sức thi tài, tiếng hò reo của nhân dân cổ vũ cho đội của mình náo nhiệt cả khúc sông. Thuyền đoạt giải nhất thì sung sướng đã đem lại danh dự cho phe giáp mình và thấy xứng đáng là con cháu của người mẹ đã sinh ra ba bị thành hoàng làng. Người thua cuộc cũng yên tâm là mình đã đem hết sức đua tài để giữ gìn truyền thống thượng võ của làng.

"Bơi Đăm, rước Giá, hội Thày,
Vui thì vui vậy không tày Chài bơi".

Hội tháng Mười mở ra từ mồng 10 tới 13 mà chính hội là ngày 11. Ngày 10, mở hội là lễ mộc dục [1].

Lễ rước nước cử hành từ đình. Đám rước đi trong tiếng nhạc trầm hùng. Tới bờ sông có thuyền rồng chờ sẵn, chỉ có người khiêng kiệu nồi chóe, chủ thuyền và quan tế được lên thuyền, ra giữa dòng sông lấy nước vào chóe rồi bơi quay vào bờ. Đám rước đi đến chùa Chài. Trong khi đó ở đình cũng đã tổ chức một đám rước khác mang kiệu ở đình xuống chùa để rước nước về đình làm lễ mộc dục. Đám rước này vui vẻ náo nhiệt. Đi đầu là múa sênh tiền, múa lân, tiếp đến là đội cờ thần, rồi phường bát âm với sáo nhị, kèn trống tấu nhạc râm ran... sau nữa là kiệu bát cống rồi tới quan tế và nhân dân. Lúc này cả vùng quê ven sông Hồng rộn trong tiếng nhạc, tiếng trống hội. Tới chùa làm lễ nhận chóe nước rước về đình làm lễ mộc dục. Sang ngày 11 có tổ chức tế lễ từ sáng tới trưa để dân làng

---

(1) Lễ mộc dục: Lễ tắm gội.

tưởng nhớ công đức các thánh.

Hội làng Chài hàng năm đó là dịp hội tụ con dân các dòng họ, phe giáp đồng đua tài trong tinh thần tưởng nhớ tổ tiên và cùng hợp quần chung sống trong tình thương yêu đùm bọc nhau, đúng như bốn chữ lớn trên bức đại tự ở đình thắm nét: "Đồng tôn hợp khánh", ý nói con cháu cùng sống trong niềm vui chung, sự đoàn kết toàn dân mới có sức mạnh chiến thắng thiên nhiên và giặc ngoại xâm.

Uống nước nhớ nguồn, hội thi bơi chải tuy ngày nay chưa khôi phục được song dưới lũy tre làng các cụ già vẫn ru cháu bằng câu ca nghe sao đằm ấm mà bình dị biết bao.

103 - HỘI BƠI CHẢI VĨNH TUY

Thờ: Nhã Cát đại vương và Trinh Thiên phu nhân
Địa điểm: Xã Vĩnh Tuy, huyện Thanh Trì
Thời gian: Mồng 10 tháng Tám
Đặc điểm: Đua thuyền

Vào đời nhà Trần, thành Thăng Long ba lần bị quân Chiêm tàn phá. Mỗi họa ấy được chấm dứt bằng trận thắng lớn của quân ta trên sông Hải Triều (sông Luộc ngày nay). Do bị pháo của quân ta bắn trúng, vua Chiêm là Chế Bồng Nga chết ngay tại trận. Vua Trần bèn lấy ấp Cổ Mai (một vùng đất từ cửa ô Cầu Dền tới hai xã Trần Phú, Yên Sở huyện Thanh Trì) phong thưởng cho

tướng Trần Khát Chân.

Hơn 70 năm sau, hiểm họa ấy lại tái diễn.

Sử cũ chép: Tháng Tám năm Canh Dần 1470, quốc vương Chiêm Thành là Trà Toàn thân hành đem hơn 10 vạn quân thủy bộ cùng voi ngựa đánh úp Châu Hóa. Tướng trấn giữ biên thùy ở Châu Hóa là bọn Phạm Văn Hiển đánh không nổi phải dồn cả dân vào thành rồi xin cứu viện.

Tháng Một năm ấy, vua Lê Thánh Tông, sửa "định chính lệnh" về việc hành binh gồm 52 điều, huy động 26 vạn quân tinh nhuệ xuống chiếu tự thân đi đánh Chiêm Thành. Vua lại soạn *Bình Chiêm sách* ban cho các doanh, nói rõ 10 lẽ tất thắng và 3 việc đáng lo. Do khéo nghi binh, ngày 1 tháng Ba năm Tân Mão (1471) quân ta hạ được thành Chà Bàn, bắt sống được Trà Toàn cùng hơn 3 vạn quân.

Khi đem Trà Toàn cùng tù binh Chiêm về Thăng Long "vua thấy thuyền Trà Toàn đi chật hẹp, không chứa được hết vợ cả vợ lẽ, sai cho chọn hai người cùng đi. Còn những người khác, khi về đến kinh sư sẽ trả lại cả".

525 năm đã qua, chiến thắng của vua Lê Thánh Tông tưởng chỉ còn ghi trong chính sự. May mắn sao, hiện ở xã Vĩnh Tuy huyện Thanh Trì còn giữ được bản *Ngọc phả lục* nói về sự tích vị thần làng do Hàn lâm viện Đông Các đại học sĩ Nguyễn Bính soạn năm 1573, tới năm Cảnh Hưng thứ 11 (1750) quản giám bách thần Nguyễn Hiền sao chép lại, trong đó nhiều điều nói về đức khoan dung nhân hậu

của vua Lê Thánh Tông trong trận đánh thắng quân Chiêm năm ấy.

Bản thần tích cho biết: khi quân Chiêm tan chạy, vua Chiêm bị bắt, một chủ tướng của quân Chiêm tâu rằng: "Vợ của Nha Cát là Nguyệt Nga và mấy trăm cung nữ rất giỏi múa hát nên đem theo về để phủ dụ nhân dân". Tháng 4 - 1471 khi đoàn thuyền chở Trà Toàn về đến sông Lý Nhân, Trà Toàn vì quá lo sợ thành bệnh đến đây thì mất. Đang đêm vợ vua Chiêm là Nguyệt Nga đến trước Lê Thánh Tông tâu rằng: "Phong tục được làm vợ vua một nước cũng là sống vinh, nay chẳng may vì vận nước mà phải chết thì cũng là vinh chứ đâu dám tham sống, lẽ nào vì chút tình nữ nhi mà quên đi niềm phẫn uất". Nói xong, nàng lấy chăn quấn vào người rồi nhảy xuống sông tự vẫn. Vua thấy vậy, kinh sợ than rằng "Phong tục của người nước ấy lại có sự trung hậu trinh tiết đến như vậy ư?" Rồi vua sai người Chiêm và quân sĩ ta tìm xác, chôn cất tử tế.

Tháng 5 về đến Thăng Long, vua ra lệnh cho quần thần tổ chức ăn mừng thắng lợi và tế ở Thái miếu. Vua ngự triều đặt tiệc làm lễ, quần thần dâng tù binh một vạn năm ngàn người và vàng bạc châu báu. Vua xuống chiếu: Phàm tù binh ai bắt được thì cho lệ thuộc vào đó. Ở những nơi còn đất công hoang dã thì cho tù binh Chiêm khai phá, trồng cấy, lập nghiệp. Bấy giờ tại phía tây huyện Thanh Đàm (sau đổi là Thanh Trì) có vùng đất màu mỡ, người Chiêm được tới sinh sống tại đây. Nhà vua còn sai

dân lập đình thờ vua cũ và phong là Nha Cát đại vương. Vì chữ Nha trùng tên với phu nhân An Định nên đổi là Nhã và cho công chúa Nguyệt Nga thờ phối hưởng. Thu phục nước người mà không nỡ để người ta tuyệt tự, lại được thờ cúng muôn đời. Vì người Chiêm có công khai khẩn lập ấp mới nên vua cho đặt tên là trang Vĩnh Hưng (mãi mãi hưng thịnh). Qua nhiều thế kỷ tồn tại và phát triển, sống hòa thuận, chung vai xây dựng đất nước, người Vĩnh Hưng (sau đổi là Vĩnh Tuy) đông đúc dần và tách thành các thôn: Đoài, Thượng, Đông Thiên, Tân Khai và Trang Lập. Năm 1956 Trang Lập nhập về xã Lĩnh Nam, năm 1982 vùng đất Vĩnh Tuy Đoài được nhập vào nội thành để thành lập phường Vĩnh Tuy. Dẫu địa giới hành chính có đổi thay nhưng ở mỗi thôn đều có đình riêng và họ đều thờ chung một vị thành hoàng. Các đời vua đều có sắc phong vị thành hoàng làng Vĩnh Tuy là Nhã Cát đại vương công chúa Nguyệt Nga ban thêm là Trinh Thiên phu nhân.

Nhớ truyền thống thượng võ của những người lính quen chinh chiến trên sông nước, hàng năm cứ đến ngày 10 tháng Tám người Vĩnh Tuy lại mở hội thi bơi chải trên sông Hồng. Ngay từ tối ngày 9, ở đình 5 thôn các bô lão đều tổ chức tế cáo yết thành hoàng. Sau đó, trẻ già đều thức chuẩn bị lễ vật, sắp sẵn đội hình, để sáng sớm hôm sau, đúng giờ hẹn, người năm thôn rước lễ về đình Cả ở thôn Thượng.

Đi đầu đoàn rước là đội múa sư tử, tiếp đến là cờ ngũ

hành, đi sau là hai người khiêng mâm thờ có che tàn vàng. Mâm thờ sơn son thếp vàng cỡ 55 x 66cm. Phía dưới thùng để hồng, chuối, cốm, trám. Phía trên mâm thùng để hở độ 10cm, được gắn các con tiện, ở trong xếp 12 phẩm oản gạo nếp loại to. Hội trống gồm: một trống bản, bốn trống con, một thanh la. Hộ tống đoàn rước là các cụ già áo the khăn xếp. Trong đoàn mỗi thôn còn cử bốn cụ, có mũ áo tế mang theo để tham gia vào đội tế của làng. Tế xong ở đình cả, cũng vẫn đội hình như thế, 20 vị lại ra tế Thủy tề, tế thủy quan tại nghè bơi. Nghè bơi kiến trúc kiểu chồng diêm hai tầng tám mái. Nơi đây có đặt một bát hương bằng đá, hai ông phỗng đá coi nghè. Khi tiếng chiêng, tiếng trống nổi lên hòa lẫn tiếng "hương, bái" râm ran cả một vùng sông nước thì 5 thuyền thoi, mỗi làng một thuyền do vạn chài (cùng thờ vị thành hoàng làng Vĩnh Tuy) chuẩn bị từ trước đều đã ở tư thế sẵn sàng. Mỗi thuyền cắm một lá cờ. Người cầm chịch ở mỗi thuyền mặc áo nâu, thắt lưng đỏ, đầu chít khăn đỏ. Mỗi thuyền có 9 tay bơi do thôn tự chọn, không kể tuổi, miễn là người đó khỏe mạnh, biết cách bơi. Mỗi bên mạn xếp bốn người. Người móc mũi cũng phải nhanh, khéo và biết lựa dòng nước chảy. Người cầm lái cần có kỹ thuật cao nhất phải do làng chài chọn và điều khiển. Các tay chèo mặc quần cộc, áo bà ba cộc tay do làng may sẵn. Để hàng ngàn người đứng trên dễ phân biệt tài nghệ của từng thôn, từ xưa làng để các tay chèo thôn Đoài (Nhất) mặc áo đỏ, người Đoài (Nhì) mặc áo trắng, người Tân Khai (Thượng) áo xanh, người thôn Thượng áo

vàng... Trống cái đặt trước nghè do một vị chức sắc điều khiển. Trong tiếng trống thì thùng giục giã, tâm tưởng các tay chèo đã hào hứng nhập cuộc. Và khi lá cờ lệnh phía trước các thuyền đồng loạt phất xuống thì các thuyền thoi, dài 7m, nhanh như tên vút đi. Các mái chèo nhịp nhàng vỗ nước.

Bơi chải Vĩnh Tuy một năm chỉ diễn ra có một lần. Và các thuyền cũng chỉ đua tài có một vòng thôi. Những năm nước sông lên to, nghè bơi ngập nước xung quanh, nổi tựa cù lao, bồng bềnh trên sóng nước, các thuyền đua tài qua hai ngòi nước quanh nghè dài độ 4km. Những năm nước cạn hở bờ sông, thuyền vượt sông đến bờ bên kia rồi trở về đích là nghè bơi, cuộc thi kết thúc. Thuyền nhất được hưởng 3 đồng cùng 12 vuông nhiễu điều, thuyền nhì được thưởng 3 đồng và thuyền ba được thưởng 2 đồng.

Hội làng Vĩnh Tuy diễn ra đồng bộ ngắn gọn. Từ lễ vật đến thời gian diễn ra lễ hội đều được chuẩn bị và sắp đặt chính xác. Ở từng thôn mọi việc được phân công cụ thể. Ai lơ là làm ăn tắc trách để ảnh hưởng việc chung phải phạt vạ. Khoảng một giờ trưa hội kết thúc bằng đánh gậy, đánh roi, vật. Mỗi môn cũng chỉ diễn ra ba keo để phân loại nhất nhì ba mà thôi.

104 - HỘI BÍCH CÂU ĐẠO QUÁN

Thờ: Đức tiên ông Trần Tú Uyên
Địa điểm: Bích Câu đạo quán, 14 phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa.
Thời gian: 4 tháng Hai và 12 tháng Tám. Chính hội 12 tháng Tám
Đặc điểm: Lễ đảo bút

Bích Câu đạo quán - một trong những trung tâm truyền tư tưởng Đạo giáo trong tín ngưỡng Việt Nam. Đây là nơi "Thần kinh tại hội", thường diễn ra "cầm kỳ thi họa" của các kẻ sĩ ở kinh đô Thăng Long và các tao nhân mặc khách trong cả nước. Các nho sinh Văn Miếu - Quốc Tử Giám đến tụ hội văn cảnh, xin thơ, vịnh thơ và xin bài thuốc.

Bích Câu đạo quán được xây dựng trên gò Kim Quy nơi cố trạch của Tú Uyên, nằm bên trái Văn Miếu - Quốc Tử Giám vào niên hiệu Hồng Đức Lê Thánh Tông (1460 - 1497). Đây còn là nơi Tú Uyên gặp tiên nữ Giáng Kiều rồi kết duyên và là nơi tu hành đắc đạo của đức tiên ông Trần Tú Uyên.

Dân làng An Trạch thuộc làng Bích Câu, huyện Quảng Đức, Phụng Thiên, tây nam thành Thăng Long đã xây dựng nên quán Bích Câu nay thuộc phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội. Bảy dòng họ đã tới đây quần cư khai khẩn: Nguyễn, Lê, Trần, Hoàng, Cao, Vũ, Bùi vào

nửa thế kỷ XIV.

Truyền thuyết "Bích Câu kỳ ngộ" trong "*Truyền kỳ tân phả*" của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm thế kỷ XVIII, truyện nôm văn vần của Vũ Quốc Trân được lưu truyền qua nhiều thế kỷ. Sau khi đắc đạo, đức tiên ông thường giáng phúc cho nhân dân quanh vùng.

Vua Lê Hiển Tông (1458 - 1504) được tiên ông ứng mộng giúp bình quân Chiêm Thành. Thắng lớn, vua đích thân về Bích Câu lễ tạ. Để ghi nhớ công lao. nhà vua đã phong cho Tú Uyên danh hiệu "An quốc tự chân nhân" đặt tên cho là Bích Câu đạo quán, nơi thờ đạo lão và cho xây chùa An Quốc.

Dân gian truyền câu ca:

Giúp cho đất nước thanh bình
Giúp cho sức mạnh dân lành an cư
Quan triều chính cùng vua hoan hỉ
Sắm lễ ra miếu để tạ thần.
Chiếu phong "An Quốc chân nhân"
Muôn đời hương khói đượm nhuần âu ca.

Xưa Bích Câu đạo quán có tổng diện tích là 4.850m^2. Hội Bích Cậu có trò thi hoa thủy tiên, chọi gà, cờ người, thổi xôi, thi chuối đẹp, hát ca trù; tế lễ thường niên 2 lần một năm. Linh đình nhất là đêm 11 rạng ngày 12 tháng Tám việc làng và ngày 4 tháng Hai kỷ niệm ngày sinh của đức tiên ông.

Ở ngoài đình là tế chung của làng, còn các dòng họ lớn cũng đều có tế lễ tại nhà các ông trưởng họ.

Lễ sự là xôi, oản, quả.

Đặc biệt có tổ chức trang trọng lễ phụng bút (đảo bút) 3 ngày liền trong các kỳ hội để xin thơ.

Muốn thực hiện được lễ phụng này cần có 3 người, một người cầm bút hạc (giống mỏ con hạc) linh ứng giáng bút (quan trọng nhất), một người ghi chép. Vì thế, người biết chữ nho sẽ được dự tuyển và họ phải chay tịnh, tắm rửa sạch sẽ từ hôm trước - trang phục quần áo the, ngoài khoác áo thụng nâu, đầu đội khăn, ngồi trên sập trước bàn thờ ngài. Đầu tiên thắp 3 nén hương rồi lấy khăn đỏ phủ mặt. Nếu ngài linh ứng thì sẽ tung khăn và viết trên một mâm đồng rải cát, cát phải được rửa sạch, sàng lọc nhiều lần, phơi khô chỉ để chuyên dùng trong lễ này. Sau này ngồi quen, không cần khăn phủ diện, mâm cát mà viết bằng chữ bóng. Viết đến đâu người ngồi bên cạnh đọc đến đó. Nếu viết không đúng chữ, người chuyên đọc sẽ gõ bút vài cái để nhắc phải viết lại. Nếu 2, 3 lần không được (ngài không ứng) thì người đó sẽ phải ra, để thay người khác vào cho đến lúc đạt mới được. Nhiều khi phải 6, 7 lần thay mới được một người. Khi ngài ứng, vai và tay trái thấy nặng và tay phải bắt đầu viết một cách vô thức. Nhiều khi ngài nhập có thể ngồi cả đêm để viết chữ. Rồi ngài cho chữ bằng thơ (nếu có người xuất khẩu thành chương, cũng chưa có thể sáng tác thơ nhanh và nhiều như vậy được).

Vào khoảng năm 1956 - 1957, Bộ Văn hóa Ba Lan sang Việt Nam, được biết lễ phụng bút này đã đến thăm, quay phim, (đen trắng) và chụp ảnh (còn lưu ở Bích Câu).

Người Ba Lan đã xin và được tặng (nay vẫn còn giữ lại được bài thơ). Hồi đó người ngồi đảo bút là cụ Cả Tỵ (tức Nguyễn Khắc Chung) và cụ Cả Chi (Cao Chí Chi). Có người xin đảo bút về để muốn biết lịch sử của ngài. Ngài nhập và nói suốt đêm, chép được hơn 100 trang (vở học trò) sao làm 2 quyển. 1 quyển cụ Cả Tỵ giữ, còn một quyển gửi biếu bảo tàng.

Có đoạn ngài kể về duyên kỳ ngộ, khi bắt gặp lá thắm đề thơ, viết trên lá của tiên nữ Giáng Kiều ở chùa Bà Ngô:

Liễu lục đào hồng tam nguyệt thiên
Thanh oanh phi hạ phạm hoa vân
Lam kiều lộ ngoại nhân như nghĩ
Thùy thức thần tiên tại nhỡn tiền.

Dịch:

Liễu thắm đào hồng tiết tháng Ba
Xe loan hạ cánh, chim hót ca
Cầu Lam chật ních, người như kiến
Ai biết thần tiên trước mặt ta.

Dân làng An Trạch còn lưu truyền mãi về tài năng đức độ của ngài. Nhiều người bị bệnh nan y, thầy thuốc đã bó tay, nhưng khi đến xin ngài, nếu như mệnh chưa hết, ngài sẽ cho bài thuốc để cứu toàn bằng lá cây. Đặc biệt, nếu ai nghèo lại hiền đức thì những bài thuốc đó dễ kiếm, không phải mua (như bã trầu). Sau khi người bệnh khỏi, đến lễ tạ và khấn thì mọi người mới biết.

Tiếc rằng đến nay, lễ phụng bút gần như đã mất, chỉ

còn lại trong trí nhớ của con cháu những người được ngài giáng bút.

Lễ này lạ và hiếm thấy - giá như được quan tâm và bảo lưu nghiên cứu quả là rất hấp dẫn. Hiện nay, để nối tiếp truyền thống thơ phú của ngài, tại đây đã có một sinh hoạt ca trù hàng tháng của câu lạc bộ ca trù Hà Nội. Chắc rằng đức tiên ông sẽ vô cùng thỏa nguyện.(1)

105 - HỘI LÀNG PHÚ XÁ

Thờ: Nguyễn Kiều - Thánh Tăng...
Địa điểm: Phú Xá, xã Phú Thượng - quận Tây Hồ
Thời gian: 10 tháng Hai và 14 tháng Tám.
Chính hội 14 tháng Tám
Đặc điểm: Rước Thánh Tăng

Chùa Phúc Hoa thuộc thôn Phú Xá, phường Phú Thượng, cách trung tâm thủ đô 6km về phía tây ven đê sông Hồng. Chùa xưa bị phá nay đã được tu sửa lại. Tam bảo thờ Thích Ca Mâu Ni và các đệ tử. Điện mẫu thờ Liễu Hạnh, Hồng Nương, Nhị Nương. Ở một gian bên Phúc Hoa tự theo chốn tổ Liên Phái (quận Hai Bà

---

(1) Ghi theo lời kể của ông Nguyễn Hữu Nghĩa, sinh năm 1938 tại An Trạch, con trai cả cụ Cả Tỵ, người đã được theo hầu, chứng kiến và nghe bố kể lại.

Trung). Chốn tổ này do Trịnh Thập (1696 - 1733) cử đệ tử về Hàng Châu (Trung Quốc) đưa 300 bộ kinh sang ta rồi tổ chức khắc gỗ, in ván. Phái Bạch Liên phát triển về chùa Trấn Quốc, Hàm Long, Tây Phương, Thiền Quang... Tháp chùa của phái Bạch Liên thường có nét kiến trúc Ấn Độ pha trung Hoa. Chùa Phúc Hoa có pho tượng đặc biệt "Đức Thánh Tăng". Theo dân làng kể, từ xa xưa pho tượng trôi từ trên rừng về rồi cứ quẩn quanh ở "ghềnh Xù thác Bạc" (ghềnh Xù gần Phú Xá, thác Bạc gần Hoàng Mạc):

Thuyền qua ghềnh Bạc thác Xù
Ai đi đến đó gửi thư về nhà.

(Ca dao)

Bà con vớt lên lập miếu thờ. Nay miếu còn cả đôi câu đối:

Mộc tượng chí kim tôn hiển tích
Qua thuyền tụ hải chí anh linh
Tạm dịch nghĩa:
Tượng gỗ bao đời còn dấu tích,
Thuyền qua biển lớn, tụ linh thiêng.

Pho tượng tạc một cậu bé trạc 13, 14 tuổi áo triều thiên, mũ cánh chuồn, tư thế ngồi. Mặt sáng, mắt tươi cười. Nét chạm uyển chuyển, tinh tế. Phố Hàng Nâu (Trần Nhật Duật) cũng có đền thờ Thánh Tăng. Hội làng mở vào ngày 14 tháng Tám "Ông Thánh Tăng, bà Kho Giàn" (phương ngôn). Hội rước Thánh Tăng đông vui như hội làng Giàn xã Xuân Đỉnh thờ bà Lý Nương, công chúa con gái Lý Nam Đế (544 - 548) vợ ông Lý Phục Nam. Đêm

trung thu, trăng tròn như cái nia treo trên cây gạo, lấp lánh trên sông Hồng. Hù hí! Hù hí, tiếng hô lan truyền trong đêm trăng. Trai gái 10 người một đội, quần áo nâu chít khăn hồng xúm vào kiệu khênh Thánh Tăng từ dốc đê về ngã ba Nhật Tân. Đội sư tử đi đầu. Tiếng trống đập rập rình, tiếng trẻ con reo náo nức cả một vùng. Có năm ngày rằm đội sư tử Xuân Long (Nhật Tân) mượn Thánh Tăng để kiệu rước xuống phố.

Làng Phú Xá nằm ở ngã ba đường đi Yên Phụ - Bưởi, Chèm. Thời kháng chiến chống Pháp, giặc Tây đã tràn vào làng, phá chùa, đập tượng. Từ năm 1992 tới nay, chùa Phúc Hoa được dân làng cùng khách thập phương góp tiền tôn tạo, ba pho tượng cổ là A Di Đà, Văn Hiền bồ tát, Cửu Long giấu dưới hầm được sửa chữa lại. Chùa còn nhiều quý vật như quả chuông Gia Long thứ 9 (1809), tám tấm bia, bia cổ nhất thời Tự Đức (1850).

Có lẽ đây là vị thành hoàng trẻ của "Hà Nội vui chơi" bên cạnh thành hoàng trẻ của "Hà Nội đánh giặc" như ông Gióng Phù Đổng chăng?

Mồng bảy rước hội Quán La
Mồng mười hội Gạ kéo qua làng Xù.

(Ca dao)

Làng Xù (Phú Xá) chính là quê hương của vợ chồng ông Nguyễn Kiều (1965 - 1771) và bà Đoàn Thị Điểm (1705 -1748). Hai ông bà vẫn còn ngôi mộ ở xứ Cổng Đồng và xứ Đồng Cân. Nguyễn Kiều là thành hoàng của làng Phú Xá. Năm hai mươi tuổi đỗ hương cống, hai mốt tuổi đỗ

tiến sĩ, ông là người trẻ tuổi nhất trong các vị thi đỗ tiến sĩ (khoa 1715). Sau khi đỗ được làm hiệu thảo ở Viện Hàn lâm. Nhà vua trao cho soạn bốn bài văn bia các vị tiến sĩ vào các năm 1667, 1683, 1697, 1712, dựng ở Văn Miếu Thăng Long. 1734 làm tham tri xứ Nghệ An. 1742 chánh sứ sang Trung Quốc. Lúc ông đi sứ, bà Điểm là vợ kế, nhưng hết lòng chăm sóc ba đứa con riêng. Khi làng Phú Xá tách khỏi Phú Gia, mùa hạ 1770, đình được khánh thành. Ngôi đình do tiến sĩ Nguyễn Kiều xin của nhà vua mang về. Đình có hai đạo sắc phong, đạo sớm năm Vĩnh Thịnh thứ 16 (1721). Mùa xuân 1771 Nguyễn Kiều trồng cây gạo kỷ niệm. Cây gạo Phú Xá suốt thời kỳ 1941 - 1945 là trạm liên lạc của Trung ương Đảng ta. Ngày hội của làng Xù vào mồng 10 tháng Hai và 14 tháng Tám. Ngày 10 tháng Hai có tế lễ dâng hương. Riêng ngày 14 tháng Tám chính hội có trò rước Thánh Tăng, một nét đẹp của văn hóa làng. Ông bà chúng ta dù bận việc đồng áng vẫn dành việc vui chơi cho trẻ nhỏ.

106 - HỘI LÀNG GIÁP LỤC

Thờ: Nguyễn Chính (thành hoàng)
Địa điểm: Thôn Giáp Lục, xã Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì
Thời gian: 13 - 16 tháng Tám. 18 tháng Giêng.
Chính hội 14 tháng Tám
Đặc điểm: Trẻ con 4 - 5 tuổi vào làng

So với Giáp Nhị, Giáp Tứ, Giáp Lục là một làng nhỏ nhưng lại có tên nôm chỉ cả một vùng đất: làng Sét. Hơn 200 năm trước, vùng Sét còn là cả một đầm nước mênh mông. Nơi đây đã sản sinh một loại cá rô thịt rắn, thơm ngon được ghi trong ngạn ngữ Hà Nội:

Cá rô đầm Sét, cá chép đầm Đại.
Nước mắm kẻ Đô, cá rô đầm Sét
Hoặc:
Nhất trong là nước giếng Hồi,
Nhất béo nhất bùi, cá rô đầm Sét.

Làng Sét ngày trước có khoảng 150 người, họp việc làng chỉ có 40 suất đinh. Làng nhỏ nhưng cũng có lý trưởng và triện đồng bởi vì khi ông Bùi Hữu Chí, chánh tổng Khương Đình, vận động thành lập tổng Thịnh Liệt đã xin cho các thôn của làng Sét được lập thành xã riêng.

Ở Giáp Lục có trang trại của bà chúa họ Lê nên nơi đây có nhiều di tích cổ như chùa Sét (tên chữ Đại Bi tự). Trong khu vực chùa có lăng bà chúa. Chùa còn giữ được bốn tấm bia trong đó có tấm bia khắc văn của tiến sĩ

Nguyễn Thật soạn năm 1635 nói về việc thái phi (vợ của Triết vương Trịnh Tùng và mẹ của Nghi vương Trịnh Tráng) tên là Đặng Thị Ngọc Giao - con gái Đặng Huấn - cùng cung phi Lê Ngọc Trân bỏ tiền tu tạo ngôi chùa cũ, dựng lại điện thờ Phật, nhà thiên hương, tiền đường, hậu đường, tả hữu hành lang... Công việc làm từ năm Canh Ngọ (1630) đến năm Quý Dậu (1633) mới hoàn thành. Chùa dựng xong, hai bà còn mua 4 mẫu ruộng và ao để làm vườn chùa; mua 7 mẫu đất mở rộng chợ Sét và đường thiên lý; khơi ngòi Sét cho thông với sông Kim Ngưu để thuyền bè ra vào buôn bán trong chợ, trên ngòi xây một cầu gạch có mái ngói để dân đi lại thuận tiện hai bên bờ.

Ở làng Giáp Lục, bên chùa còn có phủ Bích Tiên thờ Liễu Hạnh. Trong thời gian tạm chiếm, bên bờ sông Sét người làng còn xây chùa Ân để thờ Phật Pháp Vân. Làng còn có văn chỉ và ngôi đình thờ tiến sĩ Nguyễn Chính, được dân tôn là tổ sư nghề dát thiếc.

Nguyễn Chính người làng Linh Đường (ở liền kề làng Thịnh Liệt) năm 41 tuổi đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa thi năm Nhâm Dần (1602). Trong thời gian làm quan, có lần ông được cử làm phó sứ sang Trung Quốc. Những ngày ở Trung Quốc ông đã học được nghề dát thiếc và về truyền nghề cho dân làng Giáp Lục. Thiếc vụn, thiếc thỏi tìm mua ở các hiệu ở trong thành, người làng đem về đun sôi, dùng vải lọc cho hết các tạp chất rồi đổ vào khuôn cỡ 20 x 25cm dày độ 1 ly. Sau đó, dùng dao cắt ra từng miếng cỡ 1,5 x 5cm rồi dùng búa dát tựa như người Kiêu

Kỵ dát vàng, đến khi lá thiếc dàn đều to như tờ giấy bản (0,3m²) là được. Việc tháo dỡ, xếp gói cũng cần có một kỹ thuật đặc biệt. Để chống dính người ta thoa nhẹ lớp bột đá lên trên. Bột đá được chế từ đá non mua ở Phú Thọ về đem giã nhỏ, rây mịn. Ở Giáp Lục, con trai 16 - 17 tuổi là học nghề, hai ba năm sau mới có thể thao tác tự lập. Những lá thiếc mỏng tang, cắt xếp thành từng gói, người vùng Cót, vùng Bưởi, người Giáp Nhị dát lên vàng lá, vàng thoi. Từ màu trắng óng ánh của thiếc muốn chuyển sang màu vàng, người ta chỉ lấy nước hoa hòe quét lên là thành.

Nhờ có nghề dát thiếc, đời sống người dân Giáp Lục trở nên khá giả. Sau ngày Nguyễn Chính mất, dân nhớ ơn, dựng đình thờ ông làm thành hoàng làng. Đình xưa có 3 gian hậu cung, 5 gian đại bái. Ở đình có bản thần tích, bia đá cùng nhiều hoành phi, câu đối. Tiếc thay, tháng 12 năm 1972 bom B52 của giặc đã phá hủy toàn bộ ngôi đình. Trong đống đổ nát, cụ Trần Đình Thụ đã tìm được 3 đạo sắc phong thần. Gần đây, nuối tiếc một di tích xưa, dân làng đã san lấp hố bom và dựng lại đình trên đất cũ. Lại truyền thần chân dung tiến sĩ Nguyễn Chính thờ ở hậu cung.

Trải cơn ly loạn, dẫu cảnh sắc đã khác xưa nhưng nay trong tâm khảm của người dân Giáp Lục, họ vẫn nhớ những ngày vui náo nức của hội làng.

Hằng năm, dân Giáp Lục tổ chức tế lễ vào ngày 18 tháng Giêng là ngày hóa của thần. Hội thu tế diễn ra từ ngày 13 đến ngày 16 tháng Tám.

Sáng ngày 13 tháng Tám, sau lễ mộc dục (bao sái tượng) có lễ rước mã từ đền về đình. Mã gồm mũ áo, voi ngựa của thần được thửa ở Hàng Mã rồi đem về để sẵn ở đền. Sáng 14 tháng Tám có lễ rước văn. Đi đầu đoàn rước là hội sư tử dọn đường. Tiếp đến là cờ trống, hội bát âm, kiệu long đình. Người soạn văn tế phải có học hành, khoa cử, nếu là lý trưởng phải có phẩm hàm. Sáng 14 tháng Tám hội tư văn tổ chức tế chính kiến. Buổi tối hôm đó có tế xướng ca. Sau đó là các tiết mục hát nhà trò. Người được mời hát là gia đình ở xã Hoàng Liệt chuyên đi hát thờ. Người có giọng hát hay, được thưởng nhiều thẻ thì mới được nhiều tiền. Nhiều năm, cuộc hát kéo dài đến sáng hôm sau.

Từ hội hè, người Giáp Lục đã tạo cho mình những nếp đẹp trong sinh hoạt cộng đồng. Trẻ con 4 - 5 tuổi đã xin vào làng. Người vào làng phải làm lễ yết thánh ở đình với 100 khẩu trầu và một chai rượu. Từ đó, mỗi khi ra đình, trẻ con cũng phải mặc áo dài, quần trắng, đi giày Ký Long. Mỗi năm làng mở hội, các bàn ngồi theo thứ tự đã định sẵn, từ ông trưởng cả trở xuống cứ 6 người một bàn. Chi phí cho hội, người vào làng phải đóng 3 hào, các bô lão được miễn. Mỗi năm có một người đăng cai việc đình đám. Ông đăng cai được hưởng một phần lúa "sương túc" nên trong ngày hội phải lo cơm nước, trà thuốc các cho các thành viên. Ngoài ra, làng còn cử 12 ông trưởng, từ bàn nhất, bàn nhì cho đến hết. Ông trưởng bàn 5 phải lo quét dọn, treo cờ cho ngày hội.

Cùng với hội đình, hội chùa Sét diễn ra từ ngày khai

hạ (mồng 7 tết) đến hết ngày 18 tháng Giêng. Trong những ngày đầu năm mới từ vùng Sét đến cửa ô Cầu Dền đâu cũng rợp cờ hoa. Các hoàng thân, quốc thích, các thiện nam tín nữ lộng lẫy trong các trang phục ngày hội ra ngoại ô trẩy hội chùa Sét. Trong hội chùa có chọi gà, chọi chim, đánh cờ bỏi thu hút hàng ngàn người tham dự.

107 - HỘI ĐUA THUYỀN YÊN DUYÊN

Thờ: Trần Khát Chân - thành hoàng - Bà Chúa (nghè Bà)
Địa điểm: Xã Yên Duyên, huyện Thanh Trì
Thời gian: 13 - 15 tháng Tám. Chính hội 15 tháng Tám
Đặc điểm: Đua thuyền

Yên Duyên ở phía nam Hà Nội, sát sông Hồng, là một làng cổ, có tên nôm là làng Mui Chùa. Xưa, dân nghèo túng, nghề chính là nông nghiệp thì trong đồng nửa năm úng, ngoài bãi nửa năm lụt... Cảnh mùa màng thất bát làm người dân phải đánh vật với sông nước, kiếm cái tép con tôm và mớ củi rêu trôi sông bù đắp cho nguồn sống thường nhật. Tuy vậy, xưa làng vẫn có thầy đồ, vẫn có nho sinh và trai làng giỏi võ, lớp trung niên và các cụ nhiều tay cao cờ... Đình làng thờ danh tướng Trần Khát Chân làm thành hoàng để ghi nhớ công ơn ông đã cắm đất lập ấp, khoanh vùng cho dân tụ cư, cố định nơi ăn chốn ở mà trước đó số dân tan - hợp do không rõ ràng địa giới.

Tương truyền từ thời Lý, Lý Nhân Tông (1072 - 1128) là ông vua nhân hậu thường vi hành để hiểu rõ hơn đời sống và nguyện vọng bách tính. Năm ấy, tới vùng này, bỗng vua được chứng kiến một cảnh lạ. Từ phía nam, trên mặt nước dòng sông đang cuồn cuộn phù sa, bỗng một chiếc thuyền nhỏ xinh xắn nổi lên. Một cô gái yếm đỏ, khăn nâu, váy đen đứng trên thuyền đang nhịp nhàng đưa đẩy mái chèo, dập dềnh trên sóng nước. Nhà vua truyền quan nội giám cho mời cô gái vào bờ để vua gặp mặt. Con thuyền vẫn nhấp nhô sóng vỗ, nhưng lạ lùng, thuyền không trôi lên trôi xuống mà đứng yên như có sào cắm giữa dòng sông. Vua không rời mắt nhìn cô gái và tự nhủ "Hay đây cũng là một nữ nhi hào kiệt như mẫu thân Ỷ Lan chăng?". Vừa lúc ấy, con thuyền nhỏ chuyển động, mái chèo cô gái đưa thuyền bơi theo đường tròn giữa sông ba vòng. Chợt vua lại nghe thấy tiếng hát, giọng ấm mà vang xa, nhưng buồn, như hát để nhà vua nghe thấy:

Trăm lần thiếp phụ quân vương,
Thủy cung cách trở âm dương ru mà.

Sau câu hát, con thuyền cùng cô gái từ từ chìm xuống, mặt sông chỉ còn lại sóng nước cuồn cuộn trôi xuôi... Nhà vua cúi đầu, buồn bã như để từ biệt người đẹp kỳ lạ mà mình vừa trông thấy, thoáng qua như một giấc mơ tiên... Quay về, vua truyền mời các bô lão chức sắc trong làng, kể lại mọi điều mắt thấy tai nghe. Ai cũng cho là điềm lạ xưa nay chưa thấy. Vua cho rằng đó là công chúa Thủy cung và bàn với dân lập nghè thờ. Được ý vua, dân làng

xây dựng ngôi nghè xinh xắn gọi là nghè Bà. Vua được tin, ban mỹ tự làm hiệu cho công chúa "Thần tiên mỹ nữ tự đại vương". Vua tự nghĩ đây là mối duyên không thành, nhưng đẹp. Để ghi nhớ kỷ niệm này, vua đổi tên làng Mui thành An Duyên với ý nghĩ về "một tình duyên an bình".

Các cụ nhớ rõ, buổi ấy nhằm ngày rằm tháng Tám. Nhân đó, làng lấy ngày này mở hội, vào đám, ghi nhớ câu chuyện thần tiên vua Lý kể lại.

Ngoài việc tế lễ thần thành hoàng và dâng cúng bà Chúa, hội có đua thuyền. Lệ bơi ở đây rất nghiêm ngặt. Vì công chúa Thủy cung được hiểu là trinh bạch, thần nữ, nên tất cả thanh niên được tuyển làm trai bơi đều phải chay tịnh bảy ngày. Trong thời gian luyện tập họ phải ngủ tập trung tại nhà phe, giáp để con người được tinh khiết. Cuộc đua tổ chức ba ngày liền từ 13 tới 15 tháng Tám. Ngày thứ nhất bơi thờ, trình thánh. Ngày thứ hai bơi dạo cho quen tay chèo và đường bơi. Ngày thứ ba bơi giải, tranh tài.

Từ mồng 10 hoặc sớm hơn, lều quán đều đua nhau dựng lên san sát ven đê với đủ mặt hàng: hương hoa, oản quả, đồ mã, bánh kẹo, nước chè, trầu cau... Nhưng nhộn nhịp nhất là trai thanh nữ tú nô nức từ mọi nơi: kinh thành đổ tới, các làng xã lân cận kéo sang, quần là áo lượt đi hội, làm quen, trò chuyện và tâm tình...

Vui nhất là ngày thứ ba, rằm và đua tranh giải, tế lễ xong, cuộc đua thuyền bắt đầu.

Một lão trượng trang phục tề chỉnh: áo dài đỏ, khăn xếp vàng, quần trắng, thắt lưng xanh, đĩnh đạc bước lên

chòi trống tám mái. Đó là chiếc chòi để đánh trống lệnh, mới dựng xinh xắn bên sông, đẹp như chiếc kiệu rồng. Chòi cao khoảng 2m - 2,5m, có kết hoa và lụa màu xung quanh. Đứng trên chòi, cụ đưa mắt nhìn bốn phía. Bốn chiếc thuyền đua đã sẵn sàng. Đây là những chiếc thuyền rồng lộng lẫy, bề thế (đầu rồng, đuôi tôm, sơn son, thếp vàng) dài 10m, rộng 1,50m. Tám đội trai bơi, mỗi đội 18 người của 8 giáp cũng xếp hàng đợi lệnh. 8 đội này sẽ thay phiên nhau đua bơi. Mỗi đợt 4 đội, 4 thuyền. Mỗi đội đồng phục một màu áo, khăn, quần đùi riêng để phân biệt. Ba hồi chín tiếng trống dóng dả gọi trai bơi giáp nào vào thuyền ấy.

Dân chúng hồi hộp, chen nhau mỗi lúc mỗi đông, chờ đợi. Lão trượng hướng nhìn 4 thuyền đua. Khi trai bơi, lái, ông hiệu của các thuyền đã sẵn sàng, cụ phát lệnh bằng ba tiếng trống mạnh mẽ, âm vang mặt sông. Lập tức 4 con thuyền lao lên phía trước. Trống thúc tiếp, người xem la hét, hò reo cổ vũ. Cả khúc sông sôi động tiếng người, tiếng mái chèo khua nước, 4 chiếc thuyền như 4 con rồng vươn dài phía trước, như lướt trên mặt nước, trông thật đẹp mắt và oai hùng. Đường bơi dài khoảng 1km. Mỗi lèo bơi ba vòng quanh cọc nêu (ước 6km). Sau mỗi lèo, làng đều có giải nhất, nhì, ba, tư. Hết một lèo lại thay một đội bơi. Như vậy là 8 đội trai bơi của 8 giáp lần lượt dự đấu và đều phải quyết tâm đạt giải cao nhất để cầu may mắn cho giáp mình cả năm ấy và năm sau. Đặc biệt nếu hội năm nào có thuyền đắm, nhất là đắm tới hai, ba cái người ta cho là điềm xấu. Các cụ phải sửa lễ ra

nghè cầu Bà phù hộ, đồng thời phải ngắm lại đường bơi. Nếu cọc bơi cắm chệch hướng giữa đình làng với cửa nghè thì phải sửa ngay. Cũng theo các cụ, hễ cứ sửa đúng như thế thì cuộc đua lại đạt kết quả mỹ mãn.

Hội đua thuyền Yên Duyên có một lịch sử lâu đời, đã thành truyền thống sinh hoạt văn hóa tốt đẹp. Không những nó đề cao tinh thần thượng võ mà còn là rèn luyện tinh thần dũng cảm trên sông nước, và tinh thần hợp quần, đồng đội trong cuộc sống hàng ngày.

108 - HỘI ĐỀN LỪ

Thờ: Trần Hưng Đạo, Phạm Ngưu Tất, Phạm Tố Thu, MẫuThoải

Địa điểm: Thôn Thanh Mai, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hai Bà Trưng

Thời gian: 24 tháng Tư và 19 tháng Tám. Chính hội 19 tháng Tám

Đặc điểm: Rước mã, đua thuyền

Thứ nhất hội phủ Tây Hồ
Thứ nhì hội phủ đền Lừ Thanh Mai

(Ca dao)

Đền Lừ, xóm Bến bên sông Lừ ở thôn Thanh Mai, phường Hoàng Văn Thụ được so sánh với đền

phủ Tây Hồ đông vui ở phường Quảng An, quận Tây Hồ. Sông Lừ vốn là một nhánh của sông Kim Ngưu, đầu mối giao thông thủy bộ quan trọng nối đất kinh thành Thăng Long với trấn Sơn Nam Thượng, nay một phần thuộc tỉnh Hà Tây, Hà Nam. Đầu thế kỷ XX, đền Lừ và đền Vua ở cạnh nhau. Nay nhập làm một có dáng bề thế để thờ đức đại vương Trần Hưng Đạo (1228 - 1300). Đền xây kiểu trùng thiềm điệp ốc, phía trên có hồ bán nguyệt thả hoa sen. Phía ngoài có nhà tiền tế, nhà tự khí, nhà thiêu hương. Một cổng lớn quay vào làng và một cổng lớn quay về đường Tam Trinh. Đền chính xây ba gian, cung cấm một gian được chạm trổ tứ linh, tứ quí. Long ngai, án thờ đều sơn son thếp vàng. Bức đại tự ghi: "*Khôn hóa đạo quang*" (Thần linh sáng suốt). Câu đối khắc chữ triện:

Tả dực tuấn thăng trầm, lư thảo lộc thân khư mặc mặc.

Tiền đường khai giám thủy, báo kinh xuyên diện liệm thanh thanh.

Tạm dịch:

Bên trái thờ người anh hùng, từng gian lao chốn sa trường diệt giặc

Trước sân mở một dòng nước, khéo hỉ hả nơi sóng biếc reo ca.

Theo nhiều cố lão, đầu thế kỷ XX đền Vua, đền Lừ còn nguyên di tích. Sau trận lụt lớn đời vua Tự Đức (năm 1856), đền Lừ bị lũ sông Hồng làm sụp đổ. Mười năm sau người dân Kẻ Mơ cùng khách thập phương dựng lại đền

Lừ. Nơi đây còn thờ tùy tướng của thượng tướng Trần Khát Chân[1] là Phạm Ngưu Tất và Phạm Tố Thu. Bên cạnh đó có ban thờ Thủy Tinh công chúa. Truyền thuyết kể công chúa là con Long vương lấy dũng sĩ Kính Xuyên. Vốn tính trăng hoa chàng lén lấy nàng Thảo Mai làm vợ hai nên chàng bạc tình với vợ cả. Công chúa nhờ Liễu Nghị đưa thư xuống Thủy Cung tâu vua cha. Bọn Kính Xuyên, Thảo Mai bị trừng phạt còn công chúa lấy Liễu Nghị. Hai vợ chồng thường rong chơi để cai quản sóng dữ là bọn Kính Xuyên, Thảo Mai hay gây lụt lội cho dân chúng. Do chiến tranh, đền Vua không còn nay tượng Đức Thánh Trần cùng các đồ thờ nhập vào đền Lừ. Bài trí sắp xếp: Trong cung có ban mẫu Thủ Đền, Đức

---

(1) Tộc phả họ Hoàng (xã Đình Công. Thanh Trì) ghi giai thoại đền Lừ phụ thờ bà lái đò họ Hoàng mang thu lúa đi phát chẩn dân ngập lụt sau bị đắm đò ở gần xóm Bến (sông Lừ). Đền Ông (hay đền Đông) Hoàng Mai thờ thái phó Lý Đạo Thành (thế kỷ XII). Đình Mai (Biểu Trung từ) thờ Hương Mai đại vương, tên thật là Trần Hương. Dân thôn kiêng húy gọi là Trần Hằng. Sách "*Đại Việt sử ký toàn thư*" có chép: Anh em Trần Khát Chân, Trần Hằng (Hương) vốn là dòng tộc của vua Lê Đại Hành. Ông nội là đại thần Lê Khâm vì có công dẹp giặc nên được vua ban quốc tính đổi sang họ Trần. Trần Hương năm 16 tuổi đỗ thái học sinh làm tham tán quân vụ. Tháng Giêng Canh Ngọ (1330) Trần Hương cùng anh là Trần Khát Chân dùng súng bắn chết Chế Bồng Nga trên sông Luộc (Hoàng Giang). Trận thắng ấy làm kinh hoàng quân lược và chấm dứt việc tàn phá kinh thành Thăng Long. Trần Khát Chân được phong thượng tướng Vũ Tiết quan nội hầu. Trần Hương được phong Vũ Tiết tử thiếu bảo thượng vị hầu. Ấp Cổ Mai được ban cho hai vị. Năm 1399, hai vị cùng nhiều người trong tôn thất nhà Trần bị hãm hại trong vụ Đốn Sơn (Thanh Hóa). Rất may gia tướng Vũ Toản dưa con trai Trần Khát Chân là Trần Thông... cùng gia sản sơ tán vào rừng núi rồi về cư trú ở Khúc Thủy (xã Cự Khê, huyện Thanh Oai - Hà Tây). Trần Thông hiện là thành hoàng của làng. Bà con Cự Khê hiện nay ngày hội 24 tháng Tư đã tìm về phường Hoàng Văn Thụ kết chạ.

Đại vương, quan Tất, quan Thu. Hai bên có chầu thủ đền, hai cô cậu, chúa Sơn Lâm rồi ngũ vị Tôn Ông. Phía ngoài sân có ban cô, ban cậu và tấm bia ghi quá trình xây dựng cầu Lừ do tiến sĩ Nguyễn Xuân Chinh soạn triều vua Lê Trang Tông (năm 1646). Hội đền Lừ tổ chức trọng thể vào hội dịp Kiếp Bạc từ 19 tháng Tám đến 22 tháng Tám. Ngày 19 tháng Tám là ngày chính hội. Từ 6h sáng tiến hành tế lễ. Sau đó đoàn rước dài trên một cây số với đội sư tử, bát âm, võ sinh, bát bửu, lộ bộ, sênh tiền, tế nam, dâng hương nữ, thanh đồng, quan viên, chức sắc... Trai thanh gái lịch rước kiệu long đình (có ngai Trần Hưng Đạo) kiệu phò giá (có ngai Mẫu Thủy Tinh) và kiệu võng (có đồ thờ tượng trưng Liễu Hạnh). Đoàn rước đi từ đền Lừ qua đình Hoàng Mai theo đường Trương Định, Bạch Mai, Phố Huế, Hàng Bài, Đinh Tiên Hoàng qua Hàng Đào, Hàng Ngang tới đình An Phú số 6 Hàng Mã thì nghỉ nửa giờ thụ lộc. Sau đó rước mã gồm kiệu, voi, ngựa... có bánh xe kéo để nhập cùng đoàn. Đám rước rẽ lối Hàng Chiếu theo đê sông Hồng về đền Lừ. Đến quãng sông trước đền Hai Bà Trưng thì dừng lấy nước trong để cúng thánh quanh năm. Đường rước đi về khoảng 14 cây số. Tối 21 tháng Tám hóa mã bên bến sông Lừ. Ngày 22 tháng Tám tổ chức bơi thuyền trên sông Lừ. Một thuyền quan đi dạo từ xóm Bến (Thanh Mai) tới đoạn sông sát làng Mui Đồng (Yên Sở). Thuyền quan mang theo mâm lễ và cắm cành phướn nhà Phật, tượng trưng là cây tre non, trên ngọn có tua ngũ sắc bằng giấy màu, chỉ màu. Ngồi thuyền quan là một số bô

lão cao tuổi mặc áo đỏ và 10 người thanh đồng mặc áo xanh. Sau đó bốn thuyền bơi thi ba vòng. Mỗi thuyền có mười tay bơi chèo, một tay lái, một chỉ huy. Cụ Nguyễn Thị Gái (trên 70 tuổi) hiện là thủ nhang đền còn nhớ đoạn hát văn mừng hội bơi:

Tiết thu đông chuyển xuân hè
Bốn mùa gió động, thông tre đầy ngàn.
Mừng giàu với lại mừng sang.
Mừng phú mừng quí, xe loan hạc chầu!
Mừng cho trăm tuổi sống lâu.
Phơ phơ tóc cước, mái đầu như bông.
Trứng rồng lại nở tiên rồng.
Hạt thông lại hóa rừng thông rườm rà.
Bến bờ phẳng lặng can qua.
Dân an quốc thái, cầu cho thanh bình...

Ngày 24 tháng Tám lại có hội tế lễ tại đền Lừ rồi rước sang đền Hoàng Mai theo trục đường làng. Ngày hội vui với trò múa rồng, múa sư tử, leo cầu bập bênh, chọi gà, võ quyền... Hội đền Lừ, đình Hoàng Mai là hội lớn của kinh đô Thăng Long phát triển mạnh vào đời Hậu Lê. Cổ Mai vốn là thái ấp của tướng Trần Khát Chân sau được vua Lê Thánh Tông tách ra thành các làng: Bạch Mai, Hoàng Mai, Tương Mai, Mai Động... Làng vùng Kẻ Mơ dù thay đổi vẫn giữ gốc từ Mai. Có cụ già ví đất Kẻ Mơ trên bản đồ Hà Nội như một con chim xòe đang bay rộng cánh. Đầu là Hoàng Mai, thân là Thanh Mai, hai cánh là Tương Mai và Mai Động. Mỗi nơi lại có đặc sản truyền thống: xôi

lúa Hoàng Mai, rượu tám Thanh Mai, chả quế Tương Mai, đậu phụ Mai Động...[1]

109 - HỘI ĐỀN GHỀNH

Thờ: Liễu Hạnh - La Bình - Lê Ngọc Hân
Địa điểm: Thôn Ái Mộ, xã Bồ Đề, huyện Gia Lâm
Thời gian: 20 tháng Tám
Đặc điểm: Hát văn

Đền Ghềnh ở thôn Ái Mộ, xã Bồ Đề, huyện Gia Lâm bên tả ngạn sông Hồng. Xưa ngôi đền chỉ là miếu nhỏ dưới cây si rợp bóng ven sông. Bờ sông lở dần, miếu và cây si cũng mất theo. Hồi đó có bà cụ trong làng Ái Mộ xuất tiền của và cùng dân làng lạc quyên làm nên ngôi đền mới khang trang như bây giờ.

Di tích này thờ ba nữ thần: "Liễu Hạnh, La Bình và Ngọc Hân công chúa". Liễu Hạnh là con gái Ngọc Hoàng, giáng trần lần thứ nhất vào nhà họ Lê Công, năm thiên Hữu (1557) làm con thảo, dâu hiền. Lần thứ hai giáng trần giúp đỡ gia đình rồi vân du khắp nơi. Tiên nữ từng đàm đạo văn chương với Trạng Bùng, cử nhân họ Ngô, tú tài họ Lý ở Hồ Tây. Lần thứ ba giáng trần ở phố Cát và

---

(1) Bài viết có tham khảo tài liệu của Phạm Kiên Giang, Trương Nguyên Tuệ, Trần Văn Mỹ... và ban di tích đền Lừ.

hiển thánh ở Sùng Sơn (Thanh Hóa). Dân gian tôn bà là một vị thần trong tứ bất tử.

Vị thần thứ hai là La Bình, con gái thần núi Tản Viên. Nàng được thượng đế phong làm Thượng ngàn công chúa, cai quản 81 cửa rừng cõi Nam Giao. Nàng chăm chỉ làm ăn, yêu muông thú, hai lần âm phù cho nhà Lý thắng giặc Tống, nhà Trần thắng giặc Nguyên Mông. Bà cũng âm phù cho Lê Lợi, Nguyễn Trãi thoát khỏi vòng vây của giặc Minh. Bà bày kế sách giữ Chí Linh. Dân gian quen gọi là bà Thánh Mẫu (Mẫu Thượng ngàn). Bà được thờ khắp hang động núi non.

Vị thần thứ ba là công chúa Lê Ngọc Hân (1770 - 1799). Bà là người học rộng, có chí khí, kết duyên với vua Quang Trung năm Bính Ngọ 1786. Nhà vua yêu quý vì bà có nhiều công với triều Tây Sơn. Cơ đồ nhà Tây Sơn dần dần bị sụp đổ, bà bị Gia Long hãm hại. Cụ Nguyễn Thị Huyền (Trang ý Hoàng Thái hậu) thân mẫu của Ngọc Hân phải về sống ở quê nhà tại làng Nành, Ninh Hiệp, Gia Lâm. Năm 1804 cụ xin với vua Gia Long cho mang hài cốt ba mẹ con về táng ở cánh đồng làng, xây lăng tẩm gọi là Dinh Thiết Lâm. Năm 1842 triều đình Huế phái viên khâm sai về Bắc Ninh phá miếu, đào mả lấy hài cốt đổ xuống sông Đuống (sông Nguyệt Đức). Sau nghĩ lại, chúng đem hài cốt đưa về bến Ái Mộ (sông Hồng). Khi thuyền ra giữa sông thì gió bão ầm ầm, suýt lật thuyền. Viên khâm sai phải khấn vái gió mới yên, sông mới lặng để táng hài cốt ở ven sông. Dân địa phương thương xót lập miếu thờ. Thần

tích chỉ nói là "Chư vị" chứ không nói thờ Ngọc Hân. Trong cung vẫn còn đôi câu đối:

"*Sơn Nhạc chung linh, Lê thị chí kim lưu tự điển*
Phong vân tràng hộ, Nhĩ Hà dĩ bắc ngật sùng từ".

Tạm dịch:

"*Núi Nhạc linh thiêng, gương bà họ Lê truyền ghi sử sách.*

Sóng gió lặng yên, đền dựng to cao đẹp bến sông Hồng".

Hội đền Ghềnh từ 16 tháng Tám đến 20 tháng Tám như đền Trình để trẩy hội về đền Kiếp Bạc. Vào hội trong đám rước lộng lẫy sắc cờ có 24 cô gái đồng trinh thay phiên nhau khiêng long đình và võng. Các bà cầm phướn, cầm quạt, vác cờ dẹp đường cho kiệu đi giữa tiếng loa vang vang, trống điểm thì thùng. Đặc biệt về đêm có hát văn lời ca ca ngợi đức Thánh Mẫu. Có khi lời ca lồng vào tiếng khóc của Thánh Mẫu Ngọc Hân về Quang Trung người anh hùng áo vải:

Khi trận gió, hoa bay thấp thoáng,
Ngỡ hương trời bảng lảng còn đâu.
Vội vàng sửa áo lên chầu,
Thương ôi quạnh quẽ, trước lầu nhện giăng.

(Ai tư vãn)

Tiếng đàn nguyệt, trống đế, thanh la và phách ròn rã trong khói hương ngào ngạt, đèn nến sáng trưng. Người diễn người xem lâng lâng như được lên rừng xuống biển theo câu hát, có ai biết đâu tiếng hát dân gian này là khúc bi ca về

những người phụ nữ anh hùng đã đi vào cõi bất tử. Di sản đền Ghềnh là di sản Tây Sơn ở Hà Nội cùng với chùa Bộc, gò Đống Đa, đầm Mực, chùa Kim Mã... cần được bảo tồn.

110 - HỘI ĐIỆN THÁI BÌNH

Thờ: Trần Hưng Đạo
Địa điểm: Xóm Thái Bình, xã Vân Nội, huyện Đông Anh
Thời gian: 16 đến 26 tháng Tám.
Chính hội 26 tháng Tám
Đặc điểm: Lễ đảo thánh - Dâng văn

Từ Hồ Gươm, qua cầu Thăng Long, theo quốc lộ 3 đi bộ 3km nữa là tới làng Viên Nội (xã Vân Nội). Đầu thế kỷ XIX, Viên Nội thuộc tổng Tuân Lê, huyện Đông Ngàn, xứ Kinh Bắc. Chúng ta rẽ vào thăm điện Thái Bình, một góc Kiếp Bạc của huyện Đông Anh, nơi thờ Trần Hưng Đạo. Ông sinh năm 1226, mất 1300, "tháng Tám giỗ Cha, tháng Ba giỗ Mẹ". Câu tục ngữ muốn nhắc tới ngày hóa của ông 20 tháng Tám. Trần Hưng Đạo tức Trần Quốc Tuấn con An Sinh vương Trần Liễu, gọi Trần Thái Tông là chú ruột, quê ở Tức Mạc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định. Năm 1258 khi quân Nguyên xâm lược lần thứ nhất, 32 tuổi, ông được vua trao lệnh mang quân ngăn một cánh quân giặc ở biên giới. Qua hai lần chống quân Nguyên 1258 và 1288, ông được phong là Quốc công tiết chế, tổng chỉ huy các lực

lượng vũ trang. Với kiến thức uyên bác, lòng yêu thương nhân dân, vị tổng chỉ huy lãnh đạo cuộc kháng chiến đến thắng lợi. Quốc Tuấn trực tiếp tổ chức trận hạ đồn A Lỗ - Nam Định 5 - 1285, chặn cánh quân của tướng Giao Kỷ ở Gia Lâm, trận Bạch Đằng 9/4 /1288. Ông vừa là anh hùng dân tộc, vừa là danh nhân văn hóa. Nhiều áng văn của ông trường tồn cùng dân tộc ta: "*Hịch tướng sĩ*" , "*Binh thư yếu lược*", "*Vạn kiếp tông bí truyền*". Ông nói: "Khoan sức dân là kế bền gốc sâu rễ. Đó là thượng sách để giữ nước". 75 tuổi ông mất. Vua cho lập đền thờ tại Kiếp Bạc, huyện Chí Linh, Hải Dương, nơi ông dưỡng lão cuối đời.

Điện Thái Bình hiện có ba ngai thờ. Ngai chính thờ Trần Hưng Đạo, hai bức hoành có khắc chữ Hán sơn son thếp vàng "Trần hiền thánh" và "Trần thánh từ". Một bát hương bằng đồng, phía trước chạm rồng và khắc chữ "Trần triều hiền thánh". Điện có đôi lọ bằng sứ trắng, men rất đẹp. Một chiếc khắc chữ "Viên Nội xã" và chiếc kia "Thái Bình điện". Trước điện có hai quả chuông, một quả chuông đã cúng vào chùa. Quả còn lại cao 37cm, đường kính miệng 29cm, đúc năm Bính Thìn (1916), thân chuông có khắc tên hiệu của điện. Tài liệu ở điện cho biết triều Nguyễn đã mười lần phong sắc. Đạo sớm nhất đề năm Gia Long thứ chín (1810). Nay ở điện chỉ còn một đôi câu đối, nhắc tới chiến công xưa của người anh hùng.

Ưng thanh Tiên mộng Trùng Hưng tướng,
Tĩnh bạc Đằng Giang Vạn Kiếp thần

(Chưa có câu văn dịch. BT.)

Ngày 16 tháng Tám, trước giỗ Đức thánh bốn ngày lại tập trung ở điện rước thần về Kiếp Bạc. Đi trước là người vác biển gỗ, thứ đến là hương án đặt bài vị thần, có che tàn vàng. Đoàn rước đi đến Bến Bởi (xã Hải Bối) thì xuống thuyền. Thuyền trước chở hai vị. Thuyền sau cho người hành lương. Dự hội Kiếp Bạc xong cùng với đội hình như vậy, đoàn người trở về Viên Nội. Thời gian đi về hai ngày 24 tháng Tám dâng hương từ điện Thái Bình về điện Nhiễm Phúc (thị trấn Cầu Giấy). 26 tháng Tám lễ chính thức tại điện Thái Bình có lễ đảo thánh, khoa giáo, dâng văn ca ngợi công lao của Trần Hưng Đạo. Bà con thành kính ngồi lễ dưới chiếu hoa. Cờ giong, trống đánh, chuông rền, thầy cúng hát văn, điệu bài cuốn lúc đăng lúc thái, lúc tấu:

... Đức Thánh Cả dương dương tại thượng,
Dưới Đức Ông chạc chạc quyết linh.
Bảy hàng văn võ triều đình
Dẹp Đông đánh Bắc nên danh anh hùng.
Bỗng đùng đùng nổi cơn gió xã,
Giặc Phạm Nhan nó vượt Tàu sang.
Bên ngoài nghìn chiếc nghênh ngang,
Ba quân nó đóng Đằng Giang lấy lừng.
Khắp muôn dân lo e kinh sợ,
Vua Anh Tôn lên ngự bài sai.
Chỉ ban Tiết chế quản bài,
Cầm cờ thống tướng khâm sai phụng hành.
Cấp thêm thập vạn hùng binh,

Lĩnh thêm chiếu chỉ lôi đình trẩy ngay...

(Hát văn - Đức Thánh Cả)

Điện có từ lâu đời. Mới đầu chỉ làm bằng tranh tre, năm Đinh Tỵ 1917 mới lợp ngói. Trong thời chống Pháp (1946 - 1954) Viên Nội bị càn đi quét lại. Có lần chúng đóng quân trong điện, sau bị tấn công, chúng bèn đốt điện rồi rút. Du kích từ hầm lên kịp thời dập tắt lửa cứu đồ thờ. Năm 1972 bị máy bay B.52 phá hủy hoàn toàn. Năm 1984 ông Hoành cùng khách thập phương dựng lại nhà gạch, lợp ngói. Từ hàng trăm năm nay, điện Thái Bình vẫn có mối quan hệ với điện Nhiễm Phúc (thị trấn Cầu Giấy) cũng thờ Trần Hưng Đạo. Thời cụ Nguyễn Trần Đóa trông nom, điện là nơi trú ẩn của Hoàng Luân (cháu đích tôn của cụ Hoàng Hoa Thám) khi cuộc khởi nghĩa Yên Thế thất bại. Nghĩa quân đưa Hoàng Luân từ Hà Bắc về có qua điện Thái Bình rồi về điện Nhiễm Phúc, sau đi nơi khác.

Hà Nội ta có nhiều di tích thờ Trần Hưng Đạo cùng các vị tướng của ngài; điện Phúc Nam (đường Lê Duẩn), điện Trung Tả (số 264 phố Khâm Thiên rẽ vào), điện Phù Ủng (phố Lý Quốc Sư), đình Lệ Chi (huyện Gia Lâm), đình Yên Sở (Thanh Trì), đình Tương Mai (phường Tương mai), chùa Hồng Phúc (phố Hàng Than), chùa Bà Già (Phú Thượng) v.v... Đại tướng Võ Nguyễn Giáp đến thắp hương tại điện Phúc Nam (30/9/88) và đã ghi cảm tưởng: "Cả dân tộc ta tưởng nhớ vị anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo, một nhà quân sự tài năng, thao

lược kiệt xuất, đã lãnh đạo nước Đại Việt lập nên chiến công hiển hách. Tên tuổi lưu truyền mãi trong tâm trí chúng ta".

111 - HỘI TỨ LIÊN

Thờ: Bảo Trung, Minh Khiết, Úy Hạnh và Mai Hoa
Địa điểm: Phường Tứ Liên, quận Tây Hồ
Thời gian: 12 tháng Mười
Đặc điểm: Rước kiệu, múa rồng

Hàng năm vào ngày 12 tháng Mười người dân Tứ Liên ở hữu ngạn sông Hồng (giáp quận Ba Đình) lại tưng bừng mở hội.

Các cụ già làng nhân dịp này làm sống lại quá khứ, chậm rãi kể cho con cháu về thành hoàng làng: Xưa kia, nơi này đất lành chim đậu, thân phụ và thân mẫu của thành đến đây sinh cơ lập nghiệp. Chồng dạy học, vợ dệt cửi, sinh hạ được hai trai một gái đều khỏe mạnh, đẹp người đẹp nết và được học đạo chữ thánh hiền. Nối nghiệp cha, người con cả cùng em dạy học cho con em địa phương. Khi vua Lý Nhân Tông xuất quân đi dẹp quân Chiêm, hai ông chiêu mộ binh sĩ là các môn sinh đi tòng chinh phò giá vua. Hai anh em xông pha trận tiền tả xung hữu đột bảo vệ vua và đã hy sinh trong chiến trận. Nhờ võ công hiển hách của quân Đại Việt, quân ta ca khúc khải hoàn. Tương

truyền khi hóa, hai ông hiển thánh thành đám mây vàng bay về quê nhà, cho nên ở đình có đôi câu đối thờ:

Phạt Chiêm lôi địa cử hoàng vân,
Bình lãng linh thanh truyền Bách Việt.

Tạm dịch:

Đánh giặc Chiêm xong như mây vàng về quê cũ,
Xôn xao như sóng gió đất Việt mãi trào dâng.

Lúc đó quân Tống lại sang quấy nhiễu, hai bà (bà em út và bà hôn thê của ông hai) khảng khái xin theo tướng quân Lý Thường Kiệt đi chống xâm lăng trả thù nhà, đền nợ nước. Bà em chết trận ở thượng du, xác theo sông Hồng trôi về ghềnh cạnh làng nay gọi là gò Bà - vì thế ở đình có hai vế đối:

Phá Tống ba đào phù ngọc trản,
Nhị giang hiển tích ngưỡng tam linh.

Tạm dịch:

Phá Tống, mất rồi, trán ngời in chén ngọc,
Sông Hồn, lưu dấu tiếng thơm mãi ngàn thu.

Còn bà hôn thê sau trở về dạy dân nghề trồng dâu nuôi tằm, rồi đi tu, hóa vào mồng 9 tháng Giêng (dân lấy đó làm ngày khai kỳ, khai xuân). Còn ngày hóa của hai đức ông 16 tháng Ba - là thứ tiệc; ngày sinh 12 tháng Mười là chính tiệc.

Lại nói về đám rước. Bốn kiệu vàng son lộng lẫy (do bốn dòng họ cung tiến) đón bốn bài vị thờ bốn vị vừa kể, được sắc phong là Bảo Trung đại vương phúc thần, Minh Khiết đại vương phúc thần, Úy Hạnh công chúa và Mai

Hoa công chúa phúc thần. Dẫn đầu là đoàn múa sư tử, trống phách rộn ràng gợi nhớ cảnh tưng bừng chiến thắng xa xưa. Đoàn võ sinh áo chẽn đen, chân quấn xà cạp là hình ảnh đoàn dân binh. Đoàn múa rồng, lúc lên, lúc xuống quanh đám rước trông thật đẹp mắt. Hai người cầm kiếm một bên, người cầm cờ tiết một bên, quân lệnh oai nghiêm. Bốn kiệu đi thong dong, trông thật uy nghi, lộng lẫy. Sau kiệu thứ nhất là đoàn tế nam 18 cụ áo the khăn xếp và đoàn tế nữ 30 phụ nữ và lão bà, y phục lộng lẫy. Sau kiệu thứ nhì có người mang bát bảo hộ tống là các vãi già nâu sồng, tay cầm phướn. Sau kiệu thứ ba là đoàn con nhang đệ tử đội mâm ngũ quả và bận khăn chầu áo ngự. Các cháu học sinh đi sau kiệu thứ tư như là sự tiếp nối dòng dõi các bậc tiền bối. Đặc biệt tấm biển được ân tứ có tàn che hai bên, lá cờ thần phấp phới năm màu tượng trưng cho ngũ hành. Trống chiêng rền vang, âm thanh rộn rã trầm hùng khắp vùng Tứ Tổng xúc động lòng người. Đám rước đi trên đê. Hai bên dân chúng đứng bái vọng. Tất cả đều lòng thành biết ơn tưởng nhớ bốn vị thành hoàng có công với dân với nước. Về đến đình, các cụ làm lễ xông hương xong mới rước thánh yên vị. Các vị sư tụng kinh, tiếp là tế của đội nam, hôm sau có lễ tạ. Xưa hội làng có cờ bỏi, chọi gà, hát chèo và hát ca trù.

Mỗi lần làng vào đám, người dân Tứ Liên (quận Tây Hồ) lại tự hào về ngôi đình làng mình. Mỗi lần hướng lên bức hoành ghi chữ lớn "Bảo châu hiển tích" lại nhớ tới 42 đạo sắc phong thần của 17 đời vua từ vua Lê Vĩnh Thịnh

(1705) đến Khải Định (1929). Dân làng nhắc nhở nhau giữ gìn truyền thống yêu làng yêu nước của cha ông.

112 - HỘI LÀNG MẠNH TÂN

Thờ: Đương Giang - Lý triều quốc mẫu
Địa điểm: Thôn Mạnh Tân xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh
Thời gian: 10 tháng Giêng, 15 tháng Ba và 12 tháng Một
Chính hội 10 tháng Một
Đặc điểm: Rước kiệu, tế lễ, vật cổ truyền

Mạnh Tân, một thôn của xã Thụy Lâm nằm kề bên con sông Cà Lồ. Xưa kia Mạnh Tân gọi là khu thuộc trang Bằng Lâm, tổng Phương La, huyện Yên Phong, phủ Từ Sơn, xứ Kinh Bắc. Mạnh Tân còn có tên nôm là Râm Bến, cùng Râm Trầm, Râm Chợ, Râm Bưới họp thành bốn làng Râm.

Trải nhiều triều đại, vùng Râm có nhiều người học hành đỗ đạt nên cái tên Bằng Lâm (tức là rừng ở đồng bằng) được đổi thành Thư Lâm (nghĩa là rừng sách) để thể hiện truyền thống hiếu học của người dân nơi đây.

Đình Mạnh Tân, một ngôi đình cổ bề thế cùng với chùa Phúc Lâm nằm tại trung tâm của làng tạo nên khu di tích tôn giáo tín ngưỡng đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Ngôi đình và đền, chùa thờ hai vị thành hoàng có công với nước với dân. Đó là bà Phạm Thị người sinh thành

vị vua mở đầu kỷ nguyên độc lập của dân tộc là Lý Công Uẩn, được phong sắc "Lý triều quốc mẫu tiên phi thái hoàng thái hậu" và thần Đương Giang có công giúp Đinh Tiên Hoàng đánh giặc, giúp dân làng chữa dịch bệnh, hiển ứng âm phù các đời vua kế tiếp đánh giặc gìn giữ giang sơn, được sắc phong "Đại Đương Giang minh thiên tá phụ đại vương".

Theo truyền thuyết, thần Đương Giang sinh ra và lớn lên ở khu Mạnh Tân trang Bằng Lâm, huyện Yên Phú, phủ Từ Sơn. Đinh Tiên Hoàng khi dẹp loạn 12 sứ quân, xuống chiếu khắp thần dân thiên hạ, hễ ai là người thông minh đức độ hơn người, xứng bậc anh hùng thì ra đánh giặc. Đương Giang học được phép thuật của thần tiên nên tình nguyện ra giúp Đinh Tiên Hoàng. Nhân dân khu Mạnh Tân hơn 100 người xin làm thần tử cho ông. Thắng trận, được vua hậu hưởng, ông trở về khu Mạnh Tân khao quân sỹ. Mấy năm sau, gặp lúc nhân dân trong khu bị bệnh dịch ông đã giúp nhân dân thoát khỏi cơn nguy khốn. Sau khi ông mất, nhân dân lập miếu thờ và việc thờ phụng truyền mãi đến nay.

Lại nói, xưa kia ở đất Cổ Pháp, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, đạo Kinh Bắc người họ Phạm tên Long, vợ là Đặng Thị Quang. Hai ông bà sinh được một người con gái đặt tên là Phạm Thị Tiên. Cô có sắc đẹp tuyệt mỹ vô song nhưng lương duyên chưa bén, chưa chọn được người.

Năm 22 tuổi nàng đến ở chùa Linh Ứng trong 3 năm dốc sức trùng tu chùa, ngày đêm niệm Phật. Vào một đêm

năm mơ thấy một vị đại thần đùa vui với mình, từ đó mang thai, năm Giáp Tuất sinh được một người con trai. Khi con trưởng thành, hai mẹ con về quê đất Cổ Pháp trú trong nhà Lý Khánh Văn. Ông thấy diện mạo đứa trẻ khác lạ, mang khí tượng thiên tử thì liền sai người nhà nuôi dưỡng chu đáo, đặt tên là Công Uẩn và cho đi học ở chùa Ứng Tâm trang Cổ Pháp.

Bà họ Phạm đi qua khu Mạnh Tân, huyện Yên Phú. Thấy nơi đây bị hại do thủy tai chùa bị đổ nát, bà động lòng xin cùng với bản khu, dốc lòng hiệp sức sửa sang ngôi chùa. Khi đã hoàn thành bà làm bài thơ rằng:

"Cảnh vật phong quang bởi sức ta.
Trùng tu điện tượng quản đâu là
Danh truyền công đức lưu thiên cổ.
Giúp dập dân đây hưởng vạn xuân?"

Công trình đẹp đẽ, nhân dân khu Mạnh Tân xin làm thần tử, sau này xin được thờ phụng bà. Bà mở hội khánh thành chùa, cho báo sư, thiền tăng ở các nơi về làm lễ. Dáng bà nghiêm nghị, một tay cầm hoa sen, một tay cầm án chú, bước lên đàn cao ngồi cùng các sư tăng đọc kinh cầu phúc. Khi đó thấy một đám mây giống như dải lụa đỏ lơ lửng trên đỉnh đàn. Bỗng trời đất trở nên tối tăm, bà cưỡi mây bay về trời. Hôm đó là ngày 10 tháng Giêng.

Để nhớ đến công tích của các vị thần có công với dân với nước, hàng năm nhân dân thôn Mạnh Tân tổ chức lễ, hội mừng ngày sinh, ngày hóa của Thánh.

Ngày 10 tháng Giêng - ngày hóa của bà Lý triều

quốc mẫu - tại ngôi chùa Phúc Lâm, nhân dân tổ chức lập đàn Bông Sơn để cúng tế, dâng hương diễn lại tích bà Lý triều quốc mẫu mừng hội khánh thành chùa Phúc Lâm xưa kia. Trong ngày này dân làng cúng toàn bộ bằng cỗ chay, sư sãi các nơi về dự rất đông.

Ngày 15 tháng Ba dân làng mở tiệc mừng ngày sinh của bà. Lễ hội được tổ chức trong 3 ngày tại khu đình chùa của thôn. Có tổ chức tế lễ, dâng hương, cùng đó là các trò chơi truyền thống như: vật cổ truyền, chơi đu, hát tuồng, quan họ...

Hội đám tháng Một, một lễ hội lớn mang tính chất vùng "4 làng Râm" là lễ hội mừng ngày thắn trận của thần Đương Giang khi giúp Đinh Tiên Hoàng đánh giặc, theo đúng thần phả để lại: "Đến ngày 12 tháng Một hàng năm cùng cử hành lễ hội, cùng tề tựu tại miếu Bằng Lâm của trang, rồi làm lễ, giữ làm thường lệ...".

Không khí chuẩn bị hội nhộn nhịp cả một vùng, khách thập phương về trẩy hội rất đông vui, người xa quê hương cũng hướng về lễ hội với sự thành kính nhớ về miền quê tổ có truyền thống lịch sử văn hóa.

Theo phong tục cổ truyền để lại thì tối 9 tháng Một ba làng Râm là Râm Chợ (Cổ Miếu), Râm(Trầm Hương Trầm), Râm Bưởu (Biểu Khê) cử đoàn tế của làng đến làng Râm Bến (Mạnh Tân) để làm lễ.

Sáng 10 tháng Một ba làng Râm lại cùng rước kiệu đến Râm Bến để nghênh rước thánh. Khi đã tề tựu đủ,

theo thứ tự từ xưa, đám rước được tiến hành rước kiệu ra miếu để làm lễ thánh. Đi đầu là đoàn của Râm Bến, tiếp đến là Râm Trầm rồi đến Râm Bưởu và sau cùng là Râm Chợ. Sự xắp xếp theo thứ tự đó là xếp theo công trạng vua ban cho các làng sau khi dẹp giặc. Người rước kiệu phải là thanh niên trai tráng trong làng được làng chọn cử tham gia. Mặc áo the, khăn xếp, đi giày, thắt lưng nhiễu thể hiện sự uy nghiêm khi rước thánh. Người chỉ huy cả đám rước gọi là ông "cờ sai", phải là người nhanh nhẹn, có kinh nghiệm nhiều năm. Mỗi làng một đội rước gồm: đi đầu là cờ thần, cờ ngũ hành tiếp đến là bộ chấp kích, đồ đồng bát bửu, đội nhạc lễ, kiệu rước nồi hương, kiệu bát cống rước bài vị thánh của làng mình, đi sau kiệu là các quan viên và nhân dân trong làng.

Khi ra đến miếu, hạ kiệu, các quan viên hành lễ. Đoàn tế gồm 54 người bồi bái được qui định một nửa số người trong đó của làng Râm Bến còn lại một nửa là của 3 làng Râm còn lại. Hộ tư văn của 4 làng Râm bao gồm những người được học hành đỗ đạt của các làng, còn hội trong một làng gọi là hội hương sinh. Cứ đến ngày đám, hội tư văn và hội hương sinh cử người viết "bản chúc" và người đọc chúc trong khi tế lễ. Sau khi tế xong các đoàn rước lại lần lượt rước kiệu về đình làng sở tại để mở hội.

Ngày 12 tháng Một là chính hội, hội hương sinh của làng tiếp tục tổ chức tế lễ. Trong những ngày hội, dân làng tổ chức môn vật cổ truyền của địa phương. Từ sáng sớm không khí trong làng nhộn nhịp hẳn lên bởi tiếng

trống vật thúc giục lòng người. Các đô vật từ các địa phương khác về thi tài cùng đô vật của địa phương. Mở đầu là bài biểu diễn của các cụ cao niên trong làng thể hiện sức khỏe, tinh thần thượng võ của môn thể thao này, tiếp đến là phần thi đấu của các đô vật ở mọi lứa tuổi, cho thấy mảnh đất vùng này xứng đáng với truyền thống chống giặc ngoại xâm thời tiền sử của cha ông ta. Phần thưởng không lớn, nhưng nó là kỷ niệm, là niềm tự hào của những người tham dự hội thi.

Làng Mạnh Tân còn một phong tục mà ít nơi duy trì được đó là tục kết chạ, kết nghĩa anh em để giúp nhau khi khó khăn hoạn nạn, vào ngày lễ hội đến với nhau thăm hỏi, trao đổi những kinh nghiệm làm ăn, nhắc nhở cháu con theo gương các vị tiền nhân để xây dựng quê hương đất nước. Làng Mạnh Tân kết chạ với hai làng: làng Xuân Nộn xã Xuân Nộn huyện Đông Anh và làng Phú Yên xã Xuân Thu, huyện Sóc Sơn. Trong lễ hội qui định ngày tiếp đón "chạ" là ngày 13 tháng Một, các làng chạ rước kiệu mang theo đồ lễ đến. Khi đến đầu làng Mạnh Tân, làng phải cử một đoàn ra đón, thanh niên trong làng ra rước kiệu đưa vào sân đình.

Lễ hội làng Mạnh Tân diễn ra vào những ngày nông nhàn, thu hút số lượng lớn nhân dân và khách thập phương tham gia. Sau lễ hội, không khí thanh bình của làng quê trở lại nhưng dư âm của lễ hội còn mãi với thời gian, gắn kết tình cảm làng xóm quê hương để rồi qua một năm làm lụng vất vả lại đón một mùa lễ hội mới sôi động hơn.

113 - HỘI ĐỒNG NHÂN

Thờ: Công chúa Xà Nương và 24 nữ tướng (thời Hai Bà Trưng)

Địa điểm: Đồng Nhân, xã Hải Bối, huyện Đông Anh

Thời gian: 12 tháng Mười và 12 tháng Một. Chính hội 12 tháng Một

Đặc điểm: Kết chạ - Diễn trống và chiêng

Dù ai buôn bán trên đường
Nhớ ngày giỗ tổ Trưng Vương thì về.
Dù ai hải đảo, sơn khê,
Tháng Giêng ngày hội nhớ về Đồng Nhân.

Quận Hai Bà Trưng có hội Đồng Nhân rất nổi tiếng. Còn một Đồng Nhân nữa ở xã Hải Bối, chân cầu Thăng Long. Khách về thăm có cảm giác gặp làng cổ với đường đất đỏ au, tre từng chòm mọc bốn mùa xanh, ao từng gia đình sum sê cây trái. Đình Đồng Nhân là ngôi đình duy nhất của miền tây Đông Anh trụ lại ở thời kỳ tiêu thổ kháng chiến. Xưa đình ở khu đồng Hợp Nội, nơi đồng chiêm trũng, mùa nước ngập trắng xóa. Sau trận lụt lớn, đình được chuyển về nơi mới hiện nay. Đại bái có tấm biển "Thánh cung vạn tuế". Hậu cung có tượng công chúa Xà Nương tư thế ngồi, đầu đội vương miện áo lụa vương phi. Câu đối:

Cuồn cuộn như sóng Hát Giang, miếu thiêng, cò bay thuyền lướt.

Lâng lâng tựa mây Tam Đảo, đất linh, gió cuốn ngựa phi.

(Bản dịch)

Hai tấm bia đá cỡ dài 1m, rộng 0,60m có hoa văn rồng bay phượng múa dựng vào thời Thành Thái (1889 - 1907) ghi việc quan phủ Vĩnh Tường cúng tiến trùng tu đình, cúng ruộng hậu năm sào để hương đăng ngày hội. Đình do hai hiệp thợ từ Đại Yên, An Khánh lập dựng. Thời vua Hùng đất này thuộc bộ Tây Vu. Thời nhà Hán thuộc vùng Chu Diên vẫn hoang vu với rừng rậm, sông lạch. Biết bao lần đã phải chống chọi với nạn hồng thủy.

Lợn gà bỏ cả ngoài đường,

Người thì lều cọc chiếu giường so le...

Mùa xuân năm 40 từ Hát Môn, Hai Bà Trưng phất cờ khởi nghĩa với lời hiệu triệu 65 huyện thành:

... Ta cùng: dòng dõi Tiên Rồng, cháu con Lạc tướng. Thương con đỏ sa xuống hầm sâu, nằm yên sao đặng. Hiệp lòng người, dấy lên cờ nghĩa, trừ bạo dương càn.

Các người: đều có tính linh; ra từ tỵ tổ. Trả xong thù nước, giương cung Phồn Nhược cần giơ thẳng cánh tay. Diệt giặc ngoại xâm, kéo nước sông trời, sẽ rửa trơn mũi giáo. Cơ nghiệp lớn phải ra tay tái tạo; nhạn trong đầm mới dứt tiếng kêu thương. Cầm ngọn giáo giữ non sông cốt cho yên ổn. Lập công danh ghi sử sách, chẳng tốt đẹp sao?

Nếu bằng: còn cứ hồ nghi, mang lòng do dự, không

những bỏ mất cơ hội tốt, lại vướng vào hình phạt rất nghiêm. Khi hịch tới cho hay; hãy đều nên cố gắng.

(Bản dịch: Ngô Thế Long và Nguyễn Hữu Quế)

Hưởng ứng lời non nước, Xà Nương, con gái vùng đất bãi Đồng Nhân cùng 24 nữ dân binh của 12 dòng họ (họ Đỗ. họ Nguyễn, họ Quốc, họ Duy...) mang theo thuyền thoi, vũ khí về Phong Châu. Họ lập chiến công góp phần đánh tan quân Tô Định.

Xà Nương được Hai Bà Trưng nhận là con nuôi, phong làm "công chúa". Bà về làng mở mang đất bãi củng cố nghề trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải, đánh cá. Một trận chiến đấu năm 43 với quân Mã Viện ở cửa sông Đuống, sông Hồng, bà cùng 24 nữ tướng hy sinh.

Dân làng nhớ ơn lập đền thờ, mở hội vào tiệc sinh 12 tháng Một và tiệc hóa 12 tháng Mười. Ngày đó có cúng tế và hội trống.

Lợn nuôi trong năm là lợn huyền sắc sạch sẽ. Khi cúng lại thái từng miếng nhỏ để chia cho trai đinh thụ lộc cùng xôi nếp đóng oản. Hội trống gồm trống đại, trống con và chiêng đồng. Trống cái lĩnh xướng còn trống nhỏ nhịp ba nhịp bảy gọn chắc, lan tỏa cùng hồi chiêng mạch lạc âm vang...

"Nay Đồng Nhân
Mai Cơ Xá"

(Phương ngôn Hải Bối)

Trong ngày hội có đánh cờ người, hát trống quân, bịt mắt bắt dê, bắt vịt... Vui nhất là cảnh tù và, rung từng

hồi, già làng Đồng Nhân đón già làng anh cả Cổ Điển sang kết chạ ăn giải. Sau đó, đoàn rước tiến về Giếng Đông (Kim Lỗ) độ 1km để lấy một gánh nước về nấu cùng hoa bưởi. Nước thơm dùng bài ban mộc dục tượng thánh. Có năm Đồng Nhân đón anh hai Bầu Noi (Kim Chung). Nơi đó là Chuôm Bầu, tương truyền thánh Chử Đồng Tử, Tiên Dung hóa đi xuống thủy cung.

Đình Đồng Nhân rất linh thiêng. Hồi tháng 1-1952 giặc Pháp bắn đại bác từ bốt Chèm sang. Đạn bị thối ở bức bàn, cột đình găm đạn lại. Cột đó nay được trát xi măng để bảo tồn di sản. Năm 1994, dân làng và khách thập phương góp công góp của trùng tu đình.

Hàng năm, hội được mở hai dịp, khách về dự hội đông vui.

PHỤ LỤC

1 - NGỌC PHẢ:

LINH LANG ĐẠI VƯƠNG

(Hoàng tử thứ tư đời Lý Thánh Tông)

Xưa kia nước Nam mở vận, thánh tổ xây dựng cơ đồ hơn 2.000 năm, đặt hiệu là Hùng Vương. Trải qua các đời Đinh, Lê, Lý, Trần, tất cả đều là con cháu vua Hung, đều là những bậc anh quân kế nối trị nước. Đến đời nhà Lý, tám vua thay nhau trị nước. Vào đời Lý Thánh Tông trị vì, ngài là bậc đức rộng tài cao, có đức độ của bậc minh quân. Vì thế thiên đế cho bậc kỳ tài giáng sinh, hoàng gia sinh ra bậc thánh nhân. Đến đời Lý Thánh Tông, đời truyền rằng bấy giờ ở giáp Đông Đoàn, xã Bồng Lai, huyện Từ Liêm, phủ Quốc Oai, xứ Sơn Tây, có một gia đình họ Nguyễn, tên là Thực, lấy bà họ Lê, tên là Năng. Vợ chồng ông Nguyễn vốn là gia đình hào phú, ông bà hiền lành chất phác. Bấy giờ ông đã ngoài năm mươi tuổi chung sống với bà đã lâu, phòng lan sớm nảy hai nhành,

nở được đóa hoa. Một hôm bà nằm ở phòng lan, mơ màng ngủ thiếp đi, bỗng nhiên trông thấy một con rắn mây duổi theo mặt trăng. Bà nằm ngửa lên nhìn, bỗng nhiên thấy mặt trăng sa vào đúng miệng. Bà bàng hoàng tỉnh giấc, liền đem những điều thấy trong mộng mị đến nói lại cho ông nghe. Ông Nguyễn nói:

- Điềm lành thấy trong giấc mộng, ắt hẳn trời cho ta sinh được quý nữ. Vả lại đạo trời màu nhiệm huyền vi, họa phúc không sao lường hết được. Những điều thấy trong giấc mộng hư thực thế nào phải đợi sau này mới biết được.

Được một trăm ngày sau, bà quả nhiên có thai. Khi thai dựng mãn kỳ, bà sinh được một người con gái (sinh ngày 18 tháng Ba năm Quý Sửu), phong tư yểu điệu, mắt phượng long lanh, mặt ngọc phương phi, sắc đẹp có thể sánh với Hằng Nga, môi son má phấn, thân hình rất đượm sắc xuân. Cha mẹ rất yêu quý nàng. Khi được ba tháng, cha nàng liền đặt tên cho là nàng Hạo. Năm nàng lên ba tuổi, người cha mắc bệnh rồi mất, hôm ấy là ngày mồng 5 tháng Chín. Bà mẹ làm lễ chôn cất, rồi cư tang vừa đủ ba năm. Bà mẹ nàng có một người dì lấy chồng ở phường Thị Trại thành Thăng Long (phường này nằm trong địa giới huyện Vĩnh Thuận, sau phường đổi tên là trại Thủ Lệ). Gia đình bà dì là người hào phú, sống về nghề buôn bán tơ lụa vải vóc. Hai mẹ con bà liền dắt nhau đến ở cùng với bà dì ở phường Thị Trại, cùng buôn bán sinh sống ở đấy. Được hơn mười năm, bấy giờ nàng Hạo vừa đầy mười bảy tuổi, một đóa hao đào mười phần xuân sắc. Nàng có vẻ

đẹp khiến cho chim sa cá lặn, ngọc thẹn hoa hờn. Công dung ngôn hạnh, tứ đức kiêm toàn, song cung thiềm còn đương khóa, ngọc nhụy chính đương phong kín. Nhan sắc ấy đáng giá ngàn vàng, song số trời đã định, duyên lành vẫn còn đợi đó. Một hôm vua Lý Thánh Tông ngự giá tuần du ra vùng ngoại thành nhân dân náo nức kéo đến xem. Bấy giờ nàng Hạo cũng đến xem đứng ở bên trái đường. Nhà vua thấy có dung nghi nhan sắc tốt tươi, nghĩ rằng người thường không thể như thế được, đây nếu không phải là tiên nữ ở Bồng Doanh thì cũng là người ở nơi Lãng Uyển. Nhà vua rất quý mến liền sai sứ thần đến hỏi, rồi đón về cung, ban thưởng cho bà mẹ 100 nén vàng. Vua Lý Thánh Tông cho đón nàng về phủ, lập làm đệ cửu cung phi. Vua vô cùng yêu quý nàng, lại cho lập một cung điện ở ngay tại đất phường Thị Trại (vùng đất này là phần phải của mảnh đất Thăng Long, một phiến rồng uốn lượn chầu về tổ đứng ở chỗ đất này. Hai bên tả hữu có hình tinh phong dẫn mạch, nhị thủy ở án tiền). Nhà vua cho phép vùng này là đất Thủ Lệ sở tại. Từ đó họ hàng quý hiển, hương ấp (Bồng Lai là quê hương bản quán, Thủ Lệ là nơi dựng cung điện) vinh hoa. Được ba bốn năm, bà mẹ mắc bệnh rồi mất ở phường Thị Trại. Khi ấy bà cung phi cúi đầu lạy vua xin phép được về làm lễ mai táng. Nhà vua ưng thuận, lại ban cấp cho vàng bạc, vải lụa kể đến hàng ngàn cân, đồng thời sai quan dình thần về làm lễ chôn cất ở ngay đất ấy (tức phường Thị Trại). Công việc xong xuôi đâu đấy, bà cung phi xin phép ở lại cư tang,

không dám vào triều. Được hơn hai năm, một hôm bà ra bờ Hồ Tây giặt lụa và tắm rửa, để chuẩn bị vào cung hầu vua. Trong khi đương tắm, bỗng nhiên thấy một con giao long từ ngoài hồ sâu lao thẳng vào chỗ bà cung phi đang tắm (giao long quấn chặt lấy thân bà ba vòng) phun rớt rãi ra đầy người, có mùi hương thơm nức. Lát sau giao long lao ra giữa hồ, phun nước thành mây ngũ sắc bay thẳng lên không trung, giao long lặn biến mất. Bà cung phi bàng hoàng sợ hãi vội vã quay trở về, khiếp sợ đến năm sáu ngày, sau không dậy nổi. Nhà vua liền sai quan đình thần mang xa giá đến đón rước bà cung phi về cung. Từ đó bà có mang. Khi bà mang thai được 14 tháng, một hôm bà ngồi chơi ở vườn hoa, bỗng nhiên mơ màng ngủ thiếp đi, chợt mơ thấy một bậc đại trượng phu mình dài chín thước, đầu đội mũ rồng sáng chói, mình mặc áo bào đai ngọc rỡ ràng, cưỡi mây đạp mưa đến thẳng trước mặt bà cung phi thưa rằng:

- Thần vốn là con trai Long vương tên là Hoàng Lang, có lệnh cho xuất thế thác sinh làm con vua.

Nói chưa hết lời, cung phi tự nhiên tỉnh giấc. Hôm ấy là ngày sinh nhật, tức là 13 tháng Chạp năm Giáp Thìn, bỗng nhiên thấy một trận cuồng phong nổi lên, trời đất tối tăm mù mịt, gió thơm ngào ngạt ở trong phòng lan, khí lành rực rỡ ở nơi buồng sản. Gió mưa ào ào kinh động trời đất, sấm sét dữ dội kéo dài suốt ngày, cho đến giờ ấy, cung phi sinh ra một cậu con trai. Đứa bé mắt phượng cổ rồng, mày hùm, hàm én, hình dung to lớn, thể

mạo khôi kỳ, sau lưng có 28 tinh tú, giống hệt như vẩy kỳ lân, trước bụng có ngôi sao bắc đẩu, có chuỗi ngọc phân ra như hình diệu. Sinh được bảy ngày, nhà vua dựa theo mộng triệu mà đặt tên là Hoàng Lang. Ngay ngày hôm ấy tức ngày 20 tháng Chạp, nhà vua liền mở tiệc lớn ăn mừng. Sau đó ban thưởng tiền bạc cho mẹ con cung phi, rồi đem loan giá đưa về cung ấp sở tại (tức phường Thị Trại).

Sau đó một tháng, tức là hoàng tử sinh được một tháng bảy ngày thì bỗng nhiên có giặc Trinh Vĩnh ở phương Bắc nổi loạn kéo đến ngàn vạn hùng binh, âm mưu xâm chiếm đất nước. Quân giặc kéo đến như sấm động, làm rối loạn cả kinh sư, thế nước nghiêng ngả. Quần thần đều bó tay, ai nghe thấy tin đều khiếp sợ. Biên thư cáo cấp, một ngày mấy lần. Nhà vua rất lo sợ, bèn cho lập đàn trai giới cáo tế thiên địa, lại truyền cho bách quan đi cầu đảo bách thần ở các đền thờ thượng đẳng tối linh (bấy giờ ở xã Bồng Lai có hai đền là Linh Hựu và Yến Minh) để xin các thần âm phù giúp nước đánh giặc. Lập đàn cầu tế vừa được ba ngày, trời đất tối tăm mù mịt. Công việc xong xuôi, đêm hôm ấy nhà vua ngự ở cung Thái Hòa. Bấy giờ mưa gió nổi lên, nhà vua mơ màng ngủ thiếp đi, bỗng nhiên nghe thấy tiếng đọc thơ rõ ràng như rót vào tai:

Thế nước gieo neo, có thánh tài
Vận trời đã định há lo hoài
Nếu cầu người giỏi nơi phường Trại
Giặc Vĩnh Trinh kia chết chẳng sai.

Nghe xong tiếng ngâm tụng, nhà vua chợt tỉnh giấc,

biết đó là giấc mộng. Nhà vua nghĩ rằng, những điều thấy trong giấc mộng chắc là thiên địa quỷ thần báo cho biết, bèn sai quan đi cầu các bậc anh hùng hào kiệt trong thiên hạ, xem ai là người tài giỏi có mưu lược phá được giặc, ắt sẽ trọng thưởng.

Lại nói chuyện bấy giờ Hoàng Lang mới sinh được một tháng bảy ngày. Khi nghe tiếng quan đến rao ở vùng đất Thị Trại, Hoàng Lang đang nằm trên sập, liền ngồi nhổm dậy, tự nhiên cất tiếng hỏi mẹ:

- Xá nhân đi rao có việc gì đấy?

Bà mẹ rất đỗi ngạc nhiên, liền nói:

- Nay nước nhà có giặc Trinh Vĩnh đến xâm chiếm kinh đô, sinh dân lầm than, triều đình bó tay, thế nước nghiêng ngả. Do vậy nhà vua sai xá nhân đi rao cầu tìm người tài giỏi trong thiên hạ về giúp nước. Con còn thơ dại, chả nhẽ lại muốn đi đánh giặc để đền báo nghĩa vua tôi hay sao mà lại hỏi thế?

Hoàng Lang lại giục mẹ mau mau mời xá nhân vào nhà. Bà cung phi lấy làm lạ liền sai gia thần ra mời xá nhân vào cung phủ. Hoàng Lang nói với xá nhân rằng:

- Người hãy mau mau về báo với nhà vua, xin sắm sửa cho ta một lá cờ lớn cán dài 10 thước và một con voi rồi mang lại cho ta ngay, đủ để một mình ta phá giặc, xin nhà vua đừng có lo ngại gì cả.

Xá nhân nghe nói bàng hoàng quay trở về, tâu lại với nhà vua. Nhà vua hết sức vui mừng, ngay ngày hôm ấy liền sai làm một cá cờ lớn cán dài 10 thước, và chọn

một con voi lớn cùng năm ngàn binh lính chiêu mộ được, đưa đến phường Thị Trại làm gia thần. Ở Thủ Lệ tuyển chọn được 12 người. Bấy giờ ở phường Thủ Lệ có Lê Công Bảo làm tì tướng hành khiển, và Hoa Công Hoằng làm tì tướng hành khiển, luôn ở hai bên tả hữu đốc thúc gia thần đệ tử ở Thủ Lệ theo giúp Hoàng Lang hai bên tả hữu. Các họ Đinh, Nguyễn, Đặng, Trương v.v... cùng đều theo giúp.

Thế là Hoàng Lang liền nghiêng mình lắc mạnh, thân hình bỗng nhiên cao lớn đến chừng 9 thước, tay cầm lá cờ lớn 10 thước nhảy lên lưng voi. Con voi liền quỳ xuống đỡ lên (về sau nơi đây gọi là đền Voi Phục). Hoàng Lang liền vung cờ thét lên:

- Ta là thiên tướng.

Con voi lồng lên chạy như bay, vút một cái lao như tên bắn đến thẳng đồn giặc, đánh một trận lớn. Trời đất tối tăm mờ mịt. Hoàng Lang cưỡi trên mình voi, tay phải cắm cờ vẫy mạnh, chỉ vào đám giặc. Tướng giặc Trinh Vĩnh sợ hãi ngã lăn ra. Ngài liền chém lấy đầu treo ở dưới cờ. Quân giặc sợ hãi chạy tán loạn. Quân ta đuổi theo chém được hơn 3.000 đầu, tàn quân còn lại bị bắt sống hết cả, xe không sót một chiếc, ngựa không thoát một con. Ngài liền sai đưa về kinh đô. Dẹp yên giặc giã, Hoàng Lang trở về triều báo tin thắng trận. Nhà vua nghe được tin ấy rất vui mừng, ngay ngày hôm ấy (tức ngày 12 tháng 9) cho mở yến tiệc lớn ăn mừng. Sau đó nhà vua thưởng công cho các tướng sĩ công thần. Trong khi đang yến ẩm vui vầy, lòng vua rung động, bèn ngự đề bài thơ rằng:

Trời cao đã định có tài minh,
Quét sạch bụi trần, nước thái bình.
Đức trẫm tỏ tường trời chẳng phụ
Ngàn năm bất hủ đời quang vinh.

Hoàng Lang cũng đọc bài thơ rằng:

Tự trời giáng xuống quét phong trần
Đế đức từ nay càng sáng hơn
Thế nước thanh bình đều vững chắc
Một nhà yên ấm hội quân thần.

Lại nói chuyện sau khi dẹp xong giặc được mấy tháng, nhà vua có ý muốn nhường ngôi cho Hoàng Lang. Hoàng Lang một mực từ chối không chịu nhận. Bấy giờ Hoàng Lang bỗng mắc phải bệnh đậu mùa. Sinh được bảy tháng, mà mắc bệnh đậu mùa suốt ba tháng, không sao chữa khỏi được. Tất cả các bậc lương y trong cả nước, hễ người nào có phương thuốc hay đều được mời đến, song ai nấy đều bó tay nhìn nhau không có cách nào cứu chữa được cả. Nhà vua ngự tới cung của Hoàng Lang, đến tận nơi ngài nằm, thấy bệnh đậu rất nặng, biết khó lòng qua khỏi bèn nói:

- Nếu như khanh phải là con ta thì bệnh đậu mùa dù nguy nan đến đâu cũng có thể tự khỏi được, cần gì phải đi cầu các bậc lương y thuốc tốt.

Hoàng Lang nghe thấy nhà vua nói như vậy, bèn nói rằng:

- Thần vốn không phải con nhà vua, mà là con của Long quân thác sinh vào làm hoàng tử do thấy thế nước

gian nguy. Vậy vâng theo thiên mệnh, thần thác sinh vào hoàng gia để giúp nước dẹp giặc. Nay giặc giã đã dẹp yên, thần xin được trở về thủy quốc. Lệnh trời đã định, thần không dám dây dưa để trái mệnh trời.

Nhà vua nghe xong, rất lấy làm lạ, cho đây là việc quái dị. Ngay ngày hôm ấy, tức ngày mồng 6 tháng Hai nhà vua cho mời văn võ bách quan đến thương nghị, xem nên thưởng phạt như thế nào. Bách quan văn võ liền dâng sớ lên tâu rằng:

- Nhờ vào hồng phúc của bệ hạ, nên khi nước có giặc giã thế rất gian nguy, trời đã sai hoàng tử con Long quân ở thủy phủ lên dương gian phù trợ đất nước, dẹp trừ gian nguy. Đức Thánh đã không phải là con của hoàng gia, thì triều đình ta đâu giám khen thưởng, nếu bệ hạ muốn trọng thưởng chẳng bằng ban cho nhân dân địa phương thờ phụng để phò nước, thì lòng trời cũng thuận mà thần tướng được cơ phò giúp đất nước muôn thuở ở đời.

Nhà vua thấy quần thần tâu xin, can gián như vậy, lòng cũng thấy thư thái, bèn nghe theo kế ấy, rồi phán bảo Hoàng Lang rằng:

- Nay ngươi tuy không phải là con ta, song một ngày đã nên nghĩa quân thần, mà ngươi đã lập được công lớn đối với đất nước, há lại không có chút gì báo đền hay sao. Nay ta phong thưởng cho ngươi được hưởng tước lộc ở nơi ở để hưởng lộc lâu dài mãi mãi cùng đất nước. Như vậy có được không? Ngươi hãy nói rõ ý định cho ta được biết.

Hoàng Lang bèn thưa rằng:

- Thần nguyện xin được phong thưởng ở đất Bồng Lai là quê hương mẹ thần, xin cho dựng một đền thờ để sau này thần và mẹ thần đều được hưởng phúc một nơi. Còn như đất Thị Trại, thì các ngày lễ sinh hóa cũng xin cho giống như đất Bồng Lai này. Hôm nay (tức ngày mồng 10 tháng Hai) xin đưa thần đến chôn Hòn Đá, nơi đất thiêng mà trời đã định, kỳ hạn đã đến, việc gấp lắm rồi. Xin bệ hạ xem xét cho, chớ có do dự trì hoãn.

Nhà vua nghe biết, liền sai đem xa giá rước Hoàng Long ra chỗ Hòn Đá, đặt Hoàng Lang ngồi trên tảng đá. Nhà vua cũng ngự giá đến xem, triều thần văn võ bách quan cưỡi voi, ngựa đứng hầu hai bên. Khi ấy nhà vua lại hỏi Hoàng Lang rằng:

- Đất nước được thanh bình, cũng là nhờ vào công sức của nhà ngươi đấy. Trẫm không biết lấy gì để đền báo. Ý trẫm những muốn cho ngươi được hưởng lộc ở các nơi trong nhân dân, ở đó sau này được hưởng thờ cúng, không biết ý ngươi thế nào.

Hoàng Lang lại thưa rằng:

- Bệ hạ đã có lòng thương đến thần, thì xin cho thần được cắm lá cờ khi đi đánh giặc, thần sẽ vung lên bay trên không trung, cờ che đến đâu thì xin cho các nơi ấy thờ phụng.

Nhà vua ưng thuận, Hoàng Lang liền cầm lá cờ lớn bay lên không trung. Cờ tự bay đi, con voi cũng nằm phủ phục xuống. Hoàng Lang liền lao thẳng đến chỗ Hòn Đá rồi tự hóa đi (hòn đá đến nay vẫn còn). Thân ngài hóa

thành con rắn trắng dài hơn trăm trượng, bò thẳng xuống Hồ Tây biến mất. Nhân dân khắp bốn biển kéo đến quan chiêm. Khi ấy trời đất tối tăm mờ mịt. Suốt 10 ngày, ban ngày mờ mịt như đêm tối. Sóng nước trong hồ cuồn cuộn nổi lên, xô đẩy xa tít tắp. Ba ba, cá, rùa, thuồng luồng nổi lên cả mặt nước. Nhà vua và bách quan đều khiếp phục (hôm ấy tức ngày mồng 10 tháng Hai). Lại thấy lá cờ lớn bay đi, nay lại bay về cắm ngay vào phía trước chỗ vua ngồi. Nhà vua lại càng kinh hãi. Đến hôm sau nhà vua sai bách quan lo làm lễ bái tạ. Sau đó nhà vua lại lệnh cho bách quan và đất Thủ Lệ (tức phường Thị Trại) tu sửa lại hai nơi cùng sở (một đền thờ ở Thị Trại là nơi ngài hóa, lập đền thờ chính ở Thủ Lệ. Một đền thờ ở Bồng Lai, là nơi quê mẹ). Phường Thị Trại là chính từ nơi ngài hóa được cho phép làm nơi hộ nhi sở tại, các việc binh lương, tạp dịch đều được miễn trừ. Xã Bồng Lai là nơi quê mẹ được lập đền thờ chính, cho phép làm hộ nhi hương. Lại truyền lệnh cho nhân dân các nơi, hễ nơi nào có lá cờ bay đến là phải lập đền thờ cúng. Tất cả gồm 269 nơi đều lập đền thờ. Ngay ngày hôm ấy nhà vua lại bao phong cho mỹ tự là Thượng đẳng phúc thần, muôn đời huyết thực, hương hỏa còn mãi.

Phường Thị Trại là nơi lập đền thờ ngài hóa, các việc binh lương, tạp dịch của phường Thủ Lệ, hương hộ nhi đều được miễn trừ, lại thưởng thêm cho 30 hốt bạc để sắm sửa đồ tế lễ, cùng với 36 mẫu ruộng để lo việc tế lễ hai mùa xuân - thu.

Phong làm Linh Lang đại vương, cho phép phường Thị Trại, dân Thủ Lệ thờ cúng là đền chính.

Lại nói chuyện khi ấy nhà vua ban cho sắc chỉ, lại truyền lệnh cho nhân dân trong thiên hạ (các nơi thờ phụng khắp Bắc - Nam) mang kiệu xe đến kinh đô đón rước sắc chỉ về quê hương bản quán thờ phụng. Ngay hôm ấy tức ngày 12 tháng Ba nhân dân kéo đến làm lễ chúc mừng, bỗng nhiên thấy mưa to gió lớn nổi lên, trời đất tối tăm mờ mịt, trong nhân gian tối đen u ám suốt ba ngày liền, ở 269 nơi thờ phụng ngài đều có rắn hoa ngũ sắc nằm ở thượng điện trong khu miếu. Nhân dân ai nấy đều sợ hãi khiếp phục. Từ đó các miếu thờ linh ứng vô cùng, nước cầu dân đảo đều thấy ứng nghiệm. Bốn mùa hương lửa hoa dâng không lúc nào dứt. Đền thờ rực rỡ thượng đẳng tối linh, phẩm hàm đệ tứ, mãi mãi cùng tốt đẹp với đất nước.

Người đời sau có thơ rằng:

Sinh làm hoàng tử, chết làm thần
Thờ cúng rỡ ràng lại cách tân
Thị Trại ngàn năm danh tích đó
Tây Hồ muôn thuở nước trong xanh.

Lại nói chuyện đời nhà Trần, vua Trần Thái Tông đem quân đi đánh giặc Mông Sơn (tức giặc Nguyên). Bấy giờ ngài Hoàng Lang lại hiển thánh để phù giúp nước dẹp yên giặc Mông Sơn. Nhà vua lại bao phong làm Thượng đẳng thần.

Lại nói chuyện, bấy giờ đến đời vua Lê Trang Tông

và quan thái úy Nguyễn đại thần, lại khởi nghĩa binh tiễu trừ giặc Mạc. Họ Mạc vốn là cháu huyền tôn của Mạc Đĩnh Chi. Trước làm quan đại thần của nhà Lê, sau cướp ngôi của vua Lê Chiêu Tông, rồi tự xưng làm vua. Đến đời Lê Trang Tông, lại dấy binh đánh dẹp họ Mạc, khôi phục được đất nước. Quan quân đi qua đền thờ (tức đền thờ chính hóa ở Thị Trại), bỗng nhiên thấy một con rắn hoa dài hơn 10 trượng bò uốn khúc ở ngay trước cửa đền, ngóc cổ lên cao hơn ba thước, hai mắt sáng rực như đốm lửa, miệng phun ra khói đen nồng nặc. Quân mã có hơn ba vạn người, ai nấy đều sợ hãi dừng chân, không dám bước qua cửa đền. Một lát sau con rắn biến mất. Quan thái úy thấy linh thiêng kỳ dị như thế, liền bước vào trong đền làm lễ cầu đảo. Ông khấn xin thần phù trợ giúp nước dẹp yên giặc Mạc, sau này đất nước thanh bình sẽ được hưởng hương lửa thờ cúng, phúc đức muôn đời. Trong khi đang khấn nguyện cầu đảo, bỗng nhiên thấy một trận cuồng phong từ ngoài Tây Hồ thổi vào một đám lớn lao thẳng vào trong đền, làm cho trong đền đen tối như ban đêm. Ở khu vực nội điện có tiếng cờ quạt chiêng trống vang động. Quan thái úy càng thêm kinh hãi, bụng nghĩ thầm có lẽ là điềm quốc gia sắp trung hưng, nên đã có thiên thần thuận theo phò giúp. Đêm hôm ấy quan thái úy đóng quân nghỉ lại, ngài nằm nghỉ ngay tại trong đền. Đến khoảng quá nửa đêm, ngài mơ màng ngủ thiếp đi, bỗng nhiên trông thấy một vị thần nhân cao to lồng lộng, mình dài chín thước, đầu đội mũ phượng, lưng thắt đai ngọc, thân mặc

áo giáp cẩm bào rực rỡ, tay cầm lá cờ lớn, cưỡi trên con voi cao lớn sừng sững từ bên ngoài đi vào, phía sau có một ngàn binh sĩ đều dũng mãnh kỳ dị, đường đường đi thẳng vào. Quan thái úy trở dậy ra cửa đón rước, rồi hỏi rằng:

- Ngài là quan nào đến đây vậy?

Vị thần nhân nói:

- Ta đây là Hoàng Lang, nghe tin vua Lê dấy binh khôi phục cơ nghiệp, dẹp trừ bọn giặc Mạc bất trung. Nay thấy quan quân có lời thỉnh cầu, nên ta mang binh mã đến phò giúp quốc gia.

Thế rồi hai người cùng nắm tay nhau lên ngồi trên bậc thượng tọa. Hai vị càng vui mừng, quan thái úy làm một bài thơ trước rằng:

Từ cổ đến nay kẻ sĩ nhân,
Chăm lo việc nước báo quân thân.
Chẳng ngờ nay gặp thần linh tới,
Cầu thỉnh chung lòng giúp nước dân.

Ngài Hoàng Lang cũng làm một bài thơ rằng:

Kim cổ tuy xa vẫn nhất nguyên,
Anh hoa còn mãi bao đời truyền.
Non sông bất tử anh hùng tại,
Sinh hóa thần linh sử chép biên.

Trong khi đôi bên đang trò chuyện tâm đắc chưa xong, bỗng nhiên quan thái úy tỉnh giấc, ngài biết đó là mộng mị. Khi ấy trời đã tang tảng sáng, ngài liền làm lễ bái tạ. Ngay hôm ấy quan quân tiến thẳng đến chỗ quân Mạc đánh một trận lớn. Quân Mạc thua chạy tán loạn,

quân ta truy kích chém được rất nhiều giặc. Quân giặc chết nhiều, máu chảy thành sông, xương chất thành núi. Quân Mạc bị quét sạch, bách quan đón rước vua Trang Tông về kinh, lên ngôi hoàng đế. Từ đó đất nước thanh bình, nhà Lê làm vua, họ Nguyễn làm chúa, vua tôi hợp đức, thiên hạ yên vui hạnh phúc. Nhà vua liền bao phong mỹ tự cho bách thần, những vị đã cùng trời đất phù nước cứu dân, đều được phong làm thượng đẳng phúc thần, muôn đời hưởng huyết thực thờ cúng, mãi mãi tốt đẹp cùng đất nước.

Về sau, trải qua các triều, đức thánh rất linh ứng, phò nước giúp dân, nên đều được bao phong mỹ tự, sánh cùng trời đất, muôn thuở lưu truyền, mãi mãi bất hủ.

Các ngày lễ tiết sinh, hóa, khánh hạ, và tên húy tên hiệu cùng với tên húy của cha mẹ, các màu sắc tế lễ cần phải nghiêm cấm... xin kê khai cụ thể ra dưới đây:

- Ngày sinh: 13 tháng Chạp.
- Ngày hóa: 10 tháng Hai.
- Ngày 15 tháng Giêng, mừng xuân mở hòm rước sắc.
- Ngày 12 tháng Hai, làm lễ khánh hạ.
- Ngày 15 tháng Ba, làm lễ khánh hạ.
- Ngày 20 tháng Chạp, làm lễ khánh hạ.
- Ngày mồng 5 tháng Năm, lễ đoan ngọ.
- Ngày mồng 10 tháng Mười, lễ song thập.
- Xuân thu nhị kỳ làm lễ tế đình.
- Thánh mẫu sinh ngày 15 tháng Ba, hóa ngày 12 tháng Tám.

- Tên húy: ba chữ LINH, LANG, HẠO đều cấm kỵ.

- Các màu sắc: vàng tía, trắng - khi làm lễ không được dùng.

Ngày mồng 10 tháng Giêng năm Hồng Phúc thứ nhất (1572).

Nguyễn Bính - Đông các Đại học sĩ ở Hàn lâm viện kính soạn.

NGUYỄN TÁ NHÍ

Chuyên viên nghiên cứu Viện Hán Nôm, dịch theo cuốn *Việt Thường thị Lý triều Tông đế tứ hoàng tử Linh Lang đại vương ngọc phả cổ lục*. Nguyên bản chữ Hán - Kho lưu trữ, Thư viện Viện Hán Nôm.

2 - THẦN TÍCH UY ĐÔ LINH LANG

(Hoàng tử đời Trần)

Trích: *Việt điện u linh tập*

Vương vốn dòng dõi Hồng Bàng, cháu con Bách Việt. Ngày xưa Lạc Long Quân lấy con gái Đế Lai là Âu Cơ sinh được 100 người con trai (câu chuyện này có ghi trong *Lĩnh Nam chích quái lục*) sau chia đàn con làm đôi, nửa (theo mẹ) lên rừng, nửa (theo cha) về biển, mỗi bên cai quản một phương, chăn dắt dân chúng. Đại vương thuộc tộc Giao (long). Trưởng là Giáp Xích, hiệu là Uy Linh Lang cùng với sáu người em đều được thụ phong ở đất này. Đó là Bạch Giáp, Hoàng Giáp, Hắc Giáp, Thanh Giáp, Chu Giáp, Tử Giáp. Về sau anh linh rờ rỡ, giúp dân độ vật, nhiều lần hiển ứng, được tôn sùng phong tặng.

Đến đời Trần Thánh Tông, chính cung Minh Đức hoàng hậu chưa có con nối dõi, thường hay đến đền này cầu đảo. Hơn nữa mỗi lần tới đây, bà thấy thêm yêu phong cảnh ở Ngưu Uyên này. Bỗng một hôm nằm nghỉ trưa, bà nằm mơ thấy một người mặt đẹp như ngọc, môi đỏ như son, đầu đội mũ mây, mặc áo bào gấm, đến trước mặt bà cúi chào và nói:

"Tôi là Uy Linh Lang, làm vương ở đất này đã lâu. Nay gặp thánh giá tới đây, bao nhiêu ân sủng. Hôm qua nhân tâu lên Thiên cung, được đội ơn cho phép xuống trần gian".

Phút chốc bà tỉnh dậy (thấy lòng rạo rực) tự nhiên có

thai. Trải 14 tháng đến giờ Tỵ ngày 2 tháng Hai năm Ất Sửu bà sinh ra một bọc thai, nhưng cho đó là điềm chẳng lành, bèn ngầm sai cung nữ giấu vào cái thúng mang vứt đi. Những người qua lại đây thấy lạ, nhưng chỉ dám đứng xa nhìn vào, không dám lại gần. Khi mặt trời lên cao bằng ba con sào, bỗng nhiên nghe tiếng bọc thai vỡ ra, tiếng nổ như sấm. Dân làng vội chạy tới xem, thì thấy bào thai đã vỡ, hiện ra một cậu con trai nằm ngửa trong chiếc thúng, khóc tiếng (lanh lảnh) như chuông. Thế rồi xa gần huyên náo, tiếng đồn lan tới tận trong cung. Hoàng hậu cho là lạ, lại sai cung nữ ngầm ra xem sao. Cung nữ thấy cậu bé dáng vẻ thanh tú, lẫm liệt, đĩnh ngộ lạ kỳ, bèn trở về thưa lại với vua. Vua cười nói:

- Ngày xưa nàng nguyên phi họ Cao Tân, tên là Khương Nguyên sinh ra Hậu Tắc cũng giống như vậy, sao có thể gọi là yêu quái được?

Thế rồi đem vào cung nuôi dưỡng. Được năm tháng thì biết nói, đầy tuổi biết đi. Đi đứng, ngồi nằm dáng vẻ hệt như người lớn. Vua cho rằng cậu bé sau này ít ra cũng trở thành người tài giỏi nên càng yêu mến, quyến luyến, đêm ngày sủng ái và đặt tên cho là Uy Lang. Khi lớn lên thông minh tài trí, học hành uyên bác, xa gần ai nấy đều ngợi khen. Đến năm hai mươi tuổi chàng thích nhất là được đi du ngoạn các nơi, bèn dâng biểu lên hoàng hậu xin được xuất giá. Vua và hoàng hậu đều bằng lòng, chàng bèn đổi mặc áo thường dân đến học đạo, thụ nghiệp pháp giáo tại nhà ông Triệu Long Khang ở ấp Vũ Điện, huyện

Nam Xương. Chưa đầy một năm mà kinh sách cửa Phật tất thảy đều làu thông. Ngày tháng trôi đi, chàng học thêm được nhiều điều bổ ích, trở thành người trên thông thiên văn, dưới tường địa lý, cửu lưu tam giáo, không chỗ nào không hiểu biết tường tận và giỏi hơn cả là kệ từ các thuyết (các sách kinh Phật). Sa môn, tăng chúng tất thảy đều khâm phục học vấn cao diệu của ông. Hoàng hậu nghe thấy mọi người ngợi ca, liến sai sứ giả đón ngài về kinh, ban cho ấp ở Bình Thọ, Nam Giao và cấp cho lương tháng, để mỗi khi rảnh rỗi an dưỡng tinh thần, cứ như vậy được hơn 20 năm.

Đến đời vua Trần Nhân Tông, tướng Nguyên là Toa Đô đem hơn 40 vạn quân, chia làm hai đường thủy bộ tiến vào cướp nước ta. Trong nước rối loạn, ở khắp nơi từ triều đình tới thôn dã tất thảy đều sợ sệt, hoang mang. Một ngày bốn năm lần kinh động... Nhưng ngài lại hiên ngang phấn chấn nói:

- Con người ta sinh ra ở đời phải lẫm liệt hơn người, tỏ rõ là bậc đại trượng phu, chí khí ở tứ phương, nơi chiến trường da ngựa bọc thây. Nếu không liều chết cứu dân trong lúc gian nan thì lấy gì ghi tên sử sách, để tiếng cho đời sau?

Ngài bèn dâng biểu bày tỏ phương lược diệt giặc, tự mình lập quân hưng nghĩa để diệt trừ giặc mạnh. Vua ngợi khen ý chí của ngài và đồng ý. Thế rồi ngài thu thập môn hạ, dựng cờ nghĩa, chiêu mộ sĩ tốt, tinh nhuệ được hơn một vạn người, phân bổ các đội, rèn luyện trận pháp,

tự lấy hiệu là Thiền tử quân, phục kích, tiến đánh giặc Nguyên, phá tan quân giặc ở Bàn Than. Quân của ngài thừa thắng truy kích, lại đánh tan quân Nguyên ở sông Đông Mai, hội với các cánh quân của Hưng Đạo, Nhật Duật ở Vạn Kiếp. Quân doanh đầy đủ, lại tiến đánh quân Nguyên ở Màn Trù, nhổ trại Đông Kết, một ngày giao chiến tám lần, cả tám lần đều thắng, chém hơn ba vạn tên. Bắt sống tướng giặc Lý Hòa La và rất nhiều binh lính. Người Nguyên từ đó sợ, không dám tiến đánh nước ta nữa. Từ đó đất nước yên tĩnh, cảnh tượng thanh bình trở lại.

Về sau, do có công đánh giặc Nguyên, ngài được phong là DÂM ĐÀM ĐẠI VƯƠNG. Năm ấy ngài ba mươi sáu tuổi. Giờ ngọ ngày mồng 8 tháng Tám năm Canh Tý, ngài không bệnh mà mất [1]. Vua và hoàng hậu thương xót khôn nguôi bèn lập miếu thờ ở nơi trước kia vứt bọc thai, đặt tên là điện Nhật Chiêu, còn gọi là điện Linh Bảo, còn một tên nữa là Linh Lang thánh từ, xây dựng đền thờ ở Bình Thọ để ban khen bậc minh đức.

Đến đời vua Trần Nghệ Tông, thần do có công ngầm giúp, lại được ban thêm mx tự là Dực chính Hiển ứng phu hựu đại vương. Sáu người em cũng được phong tặng: Bạch Giáp là Chu Mạ đại vương, Hoàng Giáp là Minh Khiết đại vương, Hắc Giáp là Vương Duy đại vương, Thanh Giáp

---

(1) Mộ Trần Linh Lang hiện có ở thôn Thanh Cù, xã Ngọc Thanh, huyện Kim Thi, tỉnh Hưng Yên.

là Đông Nga đại vương, Chu Giáp là Ba đại vương, Tử Giáp là Đông Ngải đại vương... đến nay anh linh càng hiển ứng, trải các triều đều được phong tặng. Ngôi đền hiện còn ở phủ Phụng Thiên, huyện Quảng Đức, phường Yên Phụ, ở đó liền với trại Thủ Lệ...

NGUYỄN THỊ OANH

(Viện Hán Nôm) dịch năm 1991.

MAI HẢI

(Viện Hán Nôm) hiệu đính.

3 - SỰ TÍCH THÁNH UY ĐÔ ĐẠI VƯƠNG VÀ NGÀY CHUYỂN TÁNG [1]

Đời Trần cai trị đất nước, kế nối gồm 12 đời vua, bấy giờ có ông họ Trần tên húy là Đức Huân, là bậc công thần tôn thất, bà vợ là Trương Thị Bình, hiệu là Thiện Trí Đức Linh phu nhân. Tiên tổ Trần công, vốn là em cùng cha khác mẹ với Kim Cương Cao Dương công chúa... Ngày ấy bà tiên phi đến chơi làng Vũ Điện, huyện Nam Xang. Bà nằm mơ gặp phải rắn thần, liền sợ hãi bỏ về kinh sư. Bà hoàng hậu đi chơi ở phía tây, đến rửa mặt ở hồ Ngọc, chợt gặp con trâu vàng đưa ngọc dâng lên. Tiên phi vội nhận lấy nuốt luôn vào bụng, thế rồi mang thai. Đủ 14 tháng sinh, bà sinh ra một bọc, đến giờ Sửu ngày mồng 2 tháng Hai Ất Sửu, thì sinh ra Đức Thánh ở cung Sùng Đức (phường Nhật Chiêu). Đức thánh sinh ra mặt rồng, mày hổ, thân rắn, đầu người, mắt có hai đồng tử, mũi cao, trán rộng, thân dài 5 thước, ứng hiện Tôn Thánh Linh Lang, hiệu là Uy Đô đại vương.

Đến khi khôn lớn, người rất thông minh lanh lợi, có đủ tài trí hơn người. Nhà vua rất vui mừng, cho đó là việc tốt lành, liền cho ngài ra cai trị ở trên rừng, dưới biển. Bấy giờ Uy Đô được phong làm thượng tướng quân ở lộ Thiên Sách. Ngài là người tài kiêm văn võ, biết chăm nom

---

(1) Văn bản lưu tại đình thôn Thanh Cù, xã Ngọc Thanh, huyện Kim Thi, tỉnh Hưng Yên, năm Vĩnh Khánh (1730).

cai quản dân chúng. Đồng thời có nhiều mưu lược, anh hùng cái thế, hiểu biết hơn người, lại rất giỏi chính sự, xưa nay không ai sánh kịp. Vì thế ngài đã dẹp yên hết giặc giã bốn phương, thực hành giáo hóa khắp nơi, rồi được triều đình phong cho chức tước.

Đến ngày mồng 3 tháng Giêng năm Giáp Ngọ, bấy giờ vừa tròn hai sáu tuổi, ngài không nghĩ đến công danh, liền bỏ quan quy y theo Phật. Qua 10 năm sau ngài đắc đạo, liền đi giáo hóa khắp nơi, tất cả là 36 năm trời. Đến giờ Ngọ ngày mồng 8 tháng Tám năm Canh Tý ngài viên tịch. Triều đình làm lễ ở cung Long Càn, đến giờ Tỵ ngày 10 tháng Ba năm Đinh Hợi, làm lễ chuyển táng ở cánh đồng xứ Đồng Mối, làng Thanh Cù, huyện Kim Động. Mộ đặt theo cách tọa càn hướng tốn, nhật nguyệt chiếu lâm. Những người hiểu biết đều đặt lễ tế ở bên đường, cúng cháo, đốt tiền giấy, mong ngài cứu độ vong linh. Có chỉ dụ của nhà vua nói rõ, trúc đã nảy măng mới, cho dựng đền thờ gọi là Trúc Lâm Trần tam thánh công từ. Về sau những đệ tử của ngài trông nom thờ cúng nên uy đức của ngài càng thêm lớn lao, thiên hạ càng thêm tôn kính. Đời gọi là Trần Linh Lang. Nhân dân ở hai xã Mạn Trù và An Xá đến giờ Thân ngày mồng 10 tháng Hai năm Giáp Thìn tổ chức đón rước thánh vị về chùa làng. Do vậy liền chọn ngày đó làm ngày tôn hoàng đế lên ngôi để cai trị đất nước. Triều đình lại ban cho sắc phong, tước hiệu là: ... "Hiển linh thượng thanh khoát đạt cự thần, thịnh đức chí nhận phổ huệ dương, vũ dũng lược phấn chí cường cấn uy

nghi phù tộ, dực vận trấn dinh vĩ công cao huân hậu, đức hồng ân bác trạch thông minh chính thực, Uy Linh Lang Đô đại vương".

NGUYỄN THỊ OANH
(Viện Hán Nôm) dịch

---

(2) Mộ tổ nhà Trần: ở xã Thái Đương, huyện Hưng Nhân, Hưng Yên cũ, nay là Thái Bình... Nguyên tiên tổ nhà Trần làm nghề chài cá. Có thầy địa lý phương Bắc sang nước ta tìm đất để mộ cho tiên tổ Nguyễn Cố, người xã Tây Vệ, Nguyễn Cố bội bạc trói thầy địa lý quăng xuống sông, may gặp lúc thủy triều xuống nên thầy không chết. Trần công đương đánh cá, thấy người kêu gọi liền đến cởi trói cho và hỏi nguyên cớ. Thầy địa lý giúp Trần công tìm đất để mộ tổ, kiểu đất phấn son chiếu rọi sau này có người nhờ có nhan sắc mà lấy được thiên hạ, cháu ba đời của Trần công là Trần Cảnh được Lý Chiêu Hoàng truyền ngôi cho. (*Đại Nam nhất thống chí* - NXB Khoa học xã hội, 1971).

3- Theo ông Hồ (Ban di tích đình Thanh Cù):

Thánh sinh mồng 2 tháng Hai năm 1265 tại cung Sùng Đức (Nhật Tân - Tây Hồ, Hà Nội).

Mất ở Yên Phụ mồng 8 tháng Tám năm 1300 thời vua Trần Anh Tông.

Chuyển táng mồng 10 tháng Ba năm 1347 thời vua Trần Dụ Tông về gò Đống Mối (làng Thanh Cù, Kim Thi, Hưng Yên).

4 - THẦN PHẢ:
GHI CHÉP VỀ THẦN BẢN THỔ QUÁN ĐÌNH NHỰ

Khảo sách sử ghi chép ở *Nam Hải Lý* về sự tích lạ của thần Bà Già (xưa viết là Nhự). Khoảng năm Ất Sửu, niên hiệu Khai Nguyên đời Đường (725) Thứ sử Quảng Châu - Lư Anh là người khiêm tốn kính cẩn nhân từ, trung hậu, cùng dân gần gũi, rất được lòng dân trăm họ mến yêu, khen là vị quan hiền tài. Trước đó Ái Châu có loạn giặc Đậu Tang, trải hơn mười năm các chức quan coi việc các châu quận chẳng thể nào khống chế được. Vua nhà Đường sai Nguyên Sở Khách làm tướng đem binh đi đánh dẹp. Đảng giặc thua, châu quận trở lại ổn định. Vua nhà Đường bèn sai Lư Anh ở xa mà đảm nhiệm chức Đô hộ phủ sự Nam Giao. Lư Anh người ở Phong Châu, lúc nhỏ có du học ở Tràng An, thi đỗ khoa Minh kinh bác học, nhiều lần dời đến Giang Tả, sau được bổ làm Quảng Châu phủ nhự, đến đấy nhân việc làm quan có trở về thăm hỏi người thân thích trong làng, muốn bắt chước Tô Lịch người thời Tấn, và Lý Tổ (còn gọi là Cầm) hai người thuở xưa. Một hôm đi chơi Bắc thành thấy cảnh một vùng đất vuông rộng rãi thoáng đãng bằng phẳng, cây to cỏ rậm rạp đáng yêu chim muông cầm thú í ới, thiếng ríu ra ríu rít, gió thổi sóng gợn cảnh sắc đổi thay, một nhánh sông giăng bày ra xa tít tắp ngàn dặm, ngàn ngọn núi chẳng phải tầm thường, ngùi ngùi cảm xúc trong lòng bèn cùng các thuộc quan dạo ngắm cảnh cả ngày, mặt trời xế chiều mới quay

trở về. Hôm sau vời các bề tôi cùng đến trước công đường họp, bọn chúng đều không biết vì cớ gì. Đến đó bàn bạc khen chê nhiều thứ khác nhau của sản vật núi non đẹp đẽ, cái gì cũng đủ đầy bọn chúng đều ngạc nhiên nói: - Chẳn rõ sứ quân có việc gì đây? Thấy rải chiếu đẹp rồi bày ra hương thơm và các vị ngon hiếm quý, tế dâng kính trọng người đã khuất, không trái phép tắc với đức tổ khấn:

- Chúng tôi tình cờ tới, lễ vật bày tỏ vội vàng chưa được một tuần, tha thứ tội cho thật là may mắn.

Anh cười mà rằng "Ta có một lời, muốn cùng các quan một lòng, dám bày tiệc rượu cùng yến tiệc cùng vui". Bọn chúng khoanh tay vâng lời. Anh nói: "Một người nhận ơn vua, cả nhà hưởng lộc trời. Lớn nhất như trời, đức chẳng phải không đủ. Nay ta nhận chức trấn thủ ở phía Nam xa xôi, dẫu xa mặt rồng, coi như gần trong gang tấc, cho nên muốn dựng lên một nhà lớn để mồng một ngày rằm có đất chầu về, khiến cho trăm họ biết cái điều chiêm ngưỡng, làm sáng rõ đức của vua, các ngươi cho là thế nào? Há không được sao?" Một người suy nghĩ về sự che chở tại đây rồi đều đứng dậy nói: "Ý của sứ quân, đó cũng là việc lớn, cùng chúng tôi không hẹn mà giống nhau, xin theo sự chỉ bảo của sứ quân". Anh cả mừng. Ngày hôm đó yến ẩm cho đến tối đêm mới tan. Hôm sau đốc thúc trai tráng phu phen xây dựng lớn làm thổ mộc, chẳng mấy ngày mà hoàn thành, bên trái có hành lang, bên phải có biệt thự, tiền đường ở sau, cực kỳ tráng lệ, là danh thắng một thời.

Lư Anh vui mừng bảo: "Ắt là có thần trợ giúp vậy

nên mới chóng được như vầy". Nhân đó cùng các thuộc quan ăn mừng, có đài ở sông soi bóng... bèn thiết lập vị hiệu Huyền Tôn hoàng đế rồi rước vào giữa nhà lớn phụng chầu, mở ra hội mừng thái bình suốt bảy ngày đêm. Bốn phương hàng triệu dân, dắt già cõng trẻ lui tới xem hội. Lư Anh cho là hội hiếm có lạ lùng. Bèn đặt tên nhà lớn đó là Khai Nguyên quán, lấy niên hiệu của Huyền Tôn mà đặt tên vậy. Tự dựng bia ghi, dùng cờ biển nhà Đường.

Công lao của vua Lý tiếp là lập tượng thần Thổ địa ở hậu đường để làm sáng rõ cái đức giữ nước, bảo vệ dân. Một hôm nằm ngủ, mộng thấy một người diện mạo đoan trang, áo quần rực rỡ, Anh lấy làm lạ hỏi người đó. Trả lời rằng: "Ta là thần khí mạch, cứu giúp đất đai, đội ơn ngài ý thức được cái đáng yêu nên giúp đỡ cho ơn trạch dày. Dẫu rằng muốn tìm để cảm ơn, song vì việc chung ngăn trở. Nay nhân ông tới chầu vua, sớm lui cho nên được cùng ngài tương kiến cũng chẳng muộn vậy". Lư Anh muốn hỏi thêm họ tên của thần, bỗng không thấy đâu nữa, vừa lúc giật mình tỉnh dậy. Từ đó nhiều lần thêm hương khói, thờ cúng linh nghiệm rực rỡ hơn, người trong thôn tuân theo, thờ cúng càng đông. Trăn trở mãi việc thay đổi tên thôn và tên quán. Về sau, năm tháng dài xa, quán trống không hư hỏng, phong tục dân chuộng về ma quỷ, còn lại miếu hoang, dân thôn vẫn đến cầu đảo hàng năm uy nghiêm, nên hương khói không bao giờ hết. Tục gọi là thần Khai Nguyên, cũng còn gọi là quán Đình Nhự (nay truyền cùng Đình Thung đều là thắng cảnh).

Đến triều vua Trần Thánh Tôn (1258 - 1278) có người mở mang ra - tên là Vương Thao, thấy nền cũ của quán cỏ mọc tràn lan ra sân, cây cối rậm rạp, rêu xanh mấy lớp đầy trước mắt, thật đáng thương, bèn thuê mướn đinh phu trạm đẵn cây, phát sạch cỏ, lại lần nữa dựng lên Từ Vũ dùng để tiếp khách, trù tính vẽ, chọn lựa chạm khắc trên rường nhà đẹp hơn ngày trước, lại đổi là chùa An Dưỡng. Chùa thời ấy có tăng trụ trì hiệu là Thiền Tăng Nhạ. Khoảng ấy trở đi nổi tiếng ở đời vì lễ con trai, con gái bốn phương lui tới như mây hợp, vì rằng đất danh lam cổ tích.

Trước đó vua nghe Mông Cổ muốn xâm chiếm bờ cõi nước ta (người Nguyên vào trộm cướp) bèn sai tướng sửa sang thành Đại La, cho rằng chùa ấy là sự sống của nơi tế lễ vị thần, dời đến Đông Bộ Đầu (nay là xã Phú Gia) tức nay là vườn hoa thôn Bà Già.

Đời Trần Nhân Tôn, niên hiệu Trùng Hưng năm đầu (1285) sắc phong là KHAI NGUYÊN HIỂN ỨNG ĐẠI VƯƠNG. Niên hiệu Trùng Hưng thứ tư (1289) sắc phong thêm hai chữ LONG TRU.

Đời Trần Anh Tôn, niên hiệu Hưng Long thứ hai mươi mốt (1314) sắc phong cho thần được thêm hai chữ TRUNG VŨ vì có công ngầm giúp nhà vua và đất nước, bảo vệ dân.

Người dịch: HOÀNG LÊ

Chuyên viên Viện nghiên cứu Hán Nôm

5 - THẦN PHẢ:
Thân mẫu Lý Công Uẩn
(vị vua khai sáng triều Lý và lập đô Thăng Long)

- Đình thôn Mạnh Tân, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh thờ thần Đương Giang và thân mẫu Lý Công Uẩn (Lý Thái Tổ).

Bà mất ngày 10 tháng Giêng tại chùa Phúc Lâm.

Ngày 15 tháng Ba dân làng tổ chức lễ hội để tưởng niệm ngày sinh của bà (húy: Phạm Thị Tiên).

- Xem "*Hội làng Mạnh Tân*" - huyện Đông Anh.

***

THẦN PHẢ

Xưa *Hùng Vương* là bậc thánh tổ đứng đầu núi rừng, mở cơ đồ lớn hơn hai ngàn năm. *Hùng Vương* dựng nước. Núi xanh vạn dặm, dựng nền thành đô cung điện. Nước biếc một dòng, mở đường cho muôn vật, cứu vớt dân sinh. Thống lĩnh 15 bộ, làm thủy tổ của *Bách Việt* vậy!

Cơ đồ Nam Việt thuở Hùng Vương
Một dải sơn hà có kỷ cương
Giữ nước nối ngôi truyền con cháu
Vạn năm hương khói tỏ cương thường!

Lại nói, vào thời *Hùng Vương* mạt vận, thế nước cáo chung. Trải đến triều *Tấn, Tống, Tề, Lương* phàm 349

năm. Đến nước Nam có *Đinh, Lê, Lý, Trần* bốn họ tạo dựng cơ đồ. Trước đó, ở đất *Cổ Pháp, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, đạo Kinh Bắc* có gia đình họ Phạm, tên là *Long*. Vợ ông là *Đặng Thị Quang*. Ông bà sinh được một người con gái, đặt tên là *Phạm Thị Tiên*. Năm nàng 22 tuổi, nàng tuyệt mỹ vô song. Dung nhan khiến chim sa, cá lặn. Sắc đẹp khiến trăng thẹn, hoa sầu. Song, lương duyên chưa bén, chưa chọn được người. Các bậc tài tử văn nhân đều không xứng với nàng. Bố mẹ nàng cười, nói rằng: *"Thực không hiểu được! Nếu không phải người đời thì tất là người trời ban xuống!"*

Bấy giờ, nàng đến ở chùa *Linh Ứng* trong một hai năm. Còn cha mẹ không biết nàng ở đâu. Nàng ở chùa này để tâm niệm phật, dốc sức trùng tu trang hoàng tượng phật. Sau 3 năm. Vào một đêm, nàng ngủ trong chùa. Đến giữa canh ba thì mơ thấy một vị đại thần đùa vui với mình. Từ đó mang thai. Thai ngày một lớn, không thể giấu được. Trẻ em, phụ nữ và người già đều cười cho là việc lạ. Bọn họ cật vấn tăng nhân sao lại chửa? Nàng xấu hổ. Tối đến, bèn phải dời sang cư trú ở chùa trang *Tỳ Bào*.

Năm Giáp Tuất, sinh ra một người con trai. Nàng xin với mọi người trong trang được ở lại chùa này để trông nom sửa sang chùa. Ngày đêm thắp hương thờ Phật. Trong tám, chín năm, con của nàng dần dần trưởng thành. Khi đó, hai mẹ con mới trở về quê ở đất *Cổ Pháp*, trú trong nhà *Khánh Văn. (Lý) Khánh Văn* vốn là nhà thiền sư, trong nhà có hai con chó đá, đặt dưới chân giường. Chó tự

dưng sủa lên ba tiếng dữ, rồi ngoe nguẩy đuôi mừng khách. Người nhà thấy vậy rất sợ. *Khánh Văn bói* trong *Kinh Dịch, ở quẻ Càn, hào Cửu nhị,* lời *thoán* nói rằng: "*Có thánh nhân đến nhà vào lúc giờ Ngọ*". Quả đúng như vậy! Thấy diện mạo đứa trẻ (*tức Lý Công Uẩn*) khác lạ, mang khí tượng thiên tử thì *Khánh Văn* liền sai người nhà nuôi dưỡng chu đáo. Ngày ngày cho đi học ở chùa *Ứng Tâm*, trang *Cổ Pháp*. Đứa trẻ học thông kinh sử, có chí anh hùng hơn hẳn mọi người, đức độ không ai sánh kịp.

Khi trưởng thành. *Lý Công Uẩn* phò tá *Lê Đại Hành* giúp ông ta thu phục đất nước, lên ngôi vua. Bà họ *Phạm* nói với *Lý Công Uẩn* rằng: "*Mẹ vốn là người sùng đạo phật, là người chân tu!*". *Lý Công Uẩn* mới hỏi mẹ: "*Bố của con là ai?*". Bà trả lời rằng: "*Trước đây, mẹ tu ở chùa Linh Ứng. Đêm đến nằm ngủ phía dưới trước án, mơ thấy một vị đại thần đùa vui với mẹ mà sinh ra con!*" Lý Công Uẩn cười, nói rằng: "*Con quả là người mang khí tượng của bậc đế vương!*".

Bấy giờ, bà họ *Phạm* đi qua khu *Mạnh Tân, huyện Yên Phú,* thấy nơi đây bị hại do thủy tai, chùa bị đổ nát. Bà động lòng, xin cùng với bản khu dốc lòng hiệp sức sửa sang ngôi chùa. Cảnh chùa từ chỗ đổ nát mà được khang trang. Khi đã hoàn thành, bà làm một bài thơ rằng:

Cảnh vật phong quang bởi sức ta
Trùng tu điện tượng quản đâu là
Danh truyền công đức lưu thiên cổ
Giúp dập dân đây hưởng vạn xuân

Công trình đẹp đẽ lớn lao. Nhân dân khu *Mạnh Tân* xin làm thần tử cho bà. Dẫu sau này ra sao cũng xin được thờ phụng bà.

Sau khi bà trưng tập tài vật của khách thập phương làm chùa đã hoàn thành thì liền báo cho các sư, các thiền tăng trở về chùa khu *Mạnh Tân* mừng hội khánh thành trong suốt 10 ngày. Sau, bà lại đi chẩn tế cho dân khắp mọi nơi. Dáng bà nghiêm nghị, một tay cầm hoa sen, một tay cầm ấn chú, bước lên đàn cao ngồi. Các sư và tăng thống cùng nhau đọc kinh cầu phúc. Phụ lão và nhân dân khu *Mạnh Tân* rất ngưỡng mộ công đức của bà.

Khi đó, thấy một đám mây giống như dải lụa đỏ, lơ lửng trên đỉnh đàn. Bỗng trời đất trở nên tối tăm. Ban ngày tối tựa đêm đen. Bà cưỡi mây bay về trời, tức bà đã hóa. Nhân dân cùng các sư, các tăng thống thấy vậy rất sợ hãi, liền làm biểu dâng lên triều đình. Vua sai các quan trở về khu *Mạnh Tân* làm lễ. Ban cho bản khu sở tại được làm dân Hộ nhi phụng thờ bà, giữ làm thường lệ.

- Phong cho bà là *Tiên phi nhân.*
- Gia tặng cho bà là *Lý quốc mẫu hoàng thái hậu.*

Sắc phục khi làm lễ, cấm dùng màu đỏ.

Lại nói, từ đó về sau linh ứng của bà tỏ rõ nên được gia phong mỹ tự là *thượng đẳng phúc thần*, cùng đất nước dài lâu giữ làm hằng thức.

PHỤNG KHAI NGÀY SINH, NGÀY HÓA, CÁC TIỆC, TÊN HÚY PHẢI CẤM KỂ DƯỚI ĐÂY

- Ngày sinh thần: 15 tháng Ba, lấy làm chính lệ. Lễ

dùng gồm cỗ chay, hoa quả, ca hát.

- Ngày hóa thần: Mồng 10 tháng Giêng, lấy làm chính lệ. Trên dùng cỗ chay, dưới dùng cỗ có thịt gà trống, thịt lợn đen, xôi, rượu, bánh trôi, bánh chưng.

- Tiệc ngày khánh hạ: Mồng 4 tháng Năm. Lễ dùng như trên.

- Tiệc ngày khánh hạ: 15 tháng Mười, lấy làm chính lệ. Đồ cúng tùy mua cho phù hợp.

- Tên húy phải cấm, gồm một chữ *Tiên*, chuẩn cho khu *Mạnh Tân* phụng thờ bà.

NGÀY LÀNH, THÁNG 9, NĂM HỒNG ĐỨC 3 (1472)

Hàn lâm viện, Đông các đại học sĩ, thần là *Nguyễn Bính*, phụng soạn bản chính.

NGÀY LÀNH. THÁNG MƯỜI, NĂM VĨNH HỰU 7 HOÀNG TRIỀU (1741)

Quản giám bách thần. Tri diện Hùng Lĩnh thiếu khanh, thần là *Nguyễn Hiền*, phụng mệnh sao lại theo bản chính.

NGÀY LÀNH. THÁNG TƯ NHUẬN, NĂM ĐỒNG KHÁNH 2 HOÀNG TRIỀU (1887) BẢN THÔN SAO LẠI THEO BẢN CŨ.

Người dịch: NGUYỄN HỮU MÙI

(Viện Hán Nôm)

6 - VĂN BIA:

Sự tích Phùng Hưng

Tấm bia nói về sự tích Phùng Hưng này đặt tại đình Quảng Bá, xã Quảng An, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Tấm bia bằng đá, cao 87cm, rộng 46cm. Trán bia chạm đôi rồng chầu mặt nguyệt. Diềm bia chạm hoa dây. Bia khắc chữ cả 2 mặt. Mặt trước ghi sự tích Phùng Hưng, mặt sau ghi sắc phong và lệ ngạch cúng tế. Tuy bia lập năm 1841, nhưng văn bia nói rõ là bia khắc theo bản sự tích có từ lâu đời "giấy chữ đã rách nát", vì vậy nên cũng có thể coi như loại tư liệu đáng lưu ý.

Nội dung bia cũng không thiếu điều hoang đường khó tin, song với thái độ đãi cát tìm vàng, chúng tôi xin dịch giới thiệu để các bạn nghiên cứu tham khảo.

Người phát hiện bia và dịch: Trần Huy Bá

Dịch nghĩa
BIA KÝ ĐỀN THẦN

Triều vua Thiệu Trị, năm thứ nhất (1841), ngày lành, tháng quý hạ, năm Tân Sửu, phường Quảng Bá đồng phường vì việc dựng bia để ghi lại chuyện cũ.

Từ đời trước có bản ghi chép về sự tích đức thượng thần, lâu ngày giấy chữ đã rách nát. Trộm nghĩ: Việc này rất quan trọng, cần phải kịp thời sửa lại để thay thế.

Nay phường ta kính đem bản sự tích ấy khắc vào bia

đá, để lưu truyền về sau, lâu dài mãi mãi.

Sự tích vua Phùng ở Đường Lâm

Vương họ Phùng, tên Công Phấn, người Đường Lâm thuộc châu Giao. Tiên tổ là Phùng Tri Cái, khoảng niên hiệu Vũ Đức (618 - 626) nhà Đường, vâng chiếu chỉ vào chầu hầu yến vua Cao Tổ, vua sai ngâm thơ, ca hát và quyết định những người đáng được hầu tiệc ngự; được lời khen là "Hồ Việt một nhà". Sau cho về nguyên quán, và được đời đời nối chức châu phủ lại, làm thổ tù, tục gọi Quan Lang ở Đường Lâm. Khi Tri Cái mất, con là Gia Cái được nối chức. Gia Cái sinh Dương Năng, Dương Năng sinh Kiệu Năng, Kiệu Năng sinh Kiến Khởi, Kiến Khởi sinh Hạp Khanh, Hạp Khanh là người hiền mà có đức. Khoảng năm Nhâm Tuất (722) đời Khai Nguyên nhà Đường, ông theo vua Mai Hắc Đế khởi nghĩa, việc phát giác, bị mất chức, ông về điền viên, thường phiền muộn không vui. Bà vợ là người họ Sử, biết ý chồng bèn khuyên: "Tài trai ở đời, lo gì lúc chìm, lúc nổi, việc không xong thực là số trời. Nếu cứ bùi ngùi bận lòng, chỉ hại trí lực bình sinh, chẳng phải là cái phẫn uất vô ích ư? Chi bằng chấn chỉnh lại tinh thần, mở rộng phương tiện, gây nghiệp nhà cho người sau nối dõi, làm rạng vẻ tổ tiên, riêng mở quy mô, dài hưởng ngày trời, khiến cho một nhà toại nguyện mãi mãi, không phải lo lắng gì khác, dẫu không làm được nổi tiếng ở thời này, thì cũng làm cho gia đình được thư thái, chẳng cũng vui vẻ hay sao?" Hạp Khanh đổi nét mặt

cảm tạ vợ. Từ đó ông hết sức chăm nom vườn ruộng, chính mình làm nghề nông. Chỉ trong vài năm, trở nên giầu lớn, vợ chồng làm ăn, gia tài tích lũy kể hàng trăm vạn, trong nhà nuôi nô tỳ có tới vài nghìn người.

Một hôm Hạp Khanh đến chơi nhà người bạn cũ là Chu Bản, uống rượu say, đêm về, dọc đường gặp chàng Mực đứng ở giữa đường, những người đi đường ai cũng sợ hãi không dám qua. Chàng Mực này, từ năm Quý Hợi (603) đời Tùy Nhận Thọ, thường hóa làm con yêu tác hại trăm chiều, nhiều người bị nạn rất thảm khốc. Trải hơn trăm năm, nó cảm xúc tinh khí trời đất, đến bấy giờ lại càng quẫy nhiễu dữ dội! Không còn kiêng sợ gì cả; hoặc hiện ra ban ngày, thường bắt trẻ con để ăn thịt. Các viên thú mục địa phương đều phải bó tay sợ hãi, không làm thế nào được, những người phù pháp cao tay cũng không dở ngón tài khéo gì. Bấy giờ Hạp Khanh rút gươm chém chết, chợt thấy có tiếng kêu răng rắc ở phía đông nam, ông cũng run sợ, vội trở về nhà.

Từ đó con yêu mất tích. Một hôm ông nằm nghỉ trưa, mơ thấy ba người: một người đội mũ đầu hổ, mặc áo mãng bào đỏ, tự xưng là Đại La thiên sứ thánh giả; một người đội mũ đầu cờ, mặc áohọc trò màu xanh nhạt, tự xưng là Giao Hải địa quan; một người đội khăn đỏ, mặc áo gấm biếc, tự xưng là Thiên Cương vũ tướng. Cả ba đều diện mạo đường đường, người cao mười thước, có sức khua bạt sấm gió, theo đến trước cửa, cùng ra mắt Hạp Khanh, yêu cầu tình tự mua vui, khi đang chuyện hàn huyên, một

người nói: "Hôm trước ông đã giết được chàng Mực, cứu giúp mọi người khỏi nguy hại ấy, đấng thượng đế rất mực khen ngợi, cho là trừ được kẻ đầu sỏ hung ác, lập được công lạ, cho nên sai chúng tôi tới đây trao tước trời cho ông vì ông đã làm được thành tựu, vậy không nên từ chối". Hạp Khanh rất mừng tỉnh dậy, thì là một giấc mộng ở bên cửa sổ phía tây. Bồi hồi nhớ lại, thầm nghĩ một mình, không rõ ra sao?

Tháng ấy, bà vợ có mang 14 tháng, sinh ra một bọc ba con, mặt mũi khác thường. Lớn lên ba con đều có sức khỏe lôi trâu, đánh hổ, bèn đặt tên con lớn là Hưng, tự là Công Phấn, con thứ là Hãi, tự là Tử Hào, con thứ ba là Đĩnh, tự là Danh Đạt.

Năm 18 tuổi cha mẹ mất, ba anh em đều đôn thuận, hiếu kính, hay làm những việc nhân đức ân nghĩa. Các châu quận Tây Nam, nhiều người được nhờ.

Khoảng năm Đinh Mùi (767) đời Đường Đại Lịch, ở góc thành có nạn Côn Lôn, Đồ Bà quấy nhiễu, kinh lược nhà Đường là Trương Bá Nghi giữ thành đợi quân cứu. Vũ đình úy là Cao Chính Bình sang cứu và thay thế. Khi thay Nghi, Chính Bình nắm quyền tự tiện làm càn, quan lại dưới quyền và dân chúng đều lấy làm khổ. Không bao lâu vua Đường lại dùng Trương Ứng làm Kinh lược sứ. Chính Bình sợ cướp mất quyền của mình, bèn đánh thuốc độc giết Ứng. Kẻ bọn tả hữu là Lã Nguyên Khánh và Hồ Hoài Nghĩa trốn đi ẩn náu ở chỗ Phùng Hưng, mưu đồ khởi sự. Phùng Hưng giúp quân cho bọn này để đánh quận

ấp. Cao Chính Bình cáo cấp về nhà Đường.

Vua Đường sai Lý Phục làm Tiết độ sứ, đem quân sang đánh. Hoài Nghĩa và Nguyên Khánh đều bị Lý Phục giết chết. Lý Phục bèn tuyên dụ uy đức nhà Đường, lại dạy dân hấp ngói, nung gạch, tu sửa thành quách, rồi dẫn quân về Bắc.

Phùng Hưng cùng hai em là Hãi và Dĩnh, mưu thu phục lấy đất Đường Lâm, có quân đến vài vạn người, rồi đem quân khuất phục được các ấp gần đó.

Phùng Hưng lấy hiệu là Đô Quân; Phùng Hãi lấy hiệu là Đô Bảo; Phùng Dĩnh lấy hiệu là Đô Tổng, đều giữ các nơi hiểm yếu, tích lương và nuôi quân, khí thế rất mạnh. Chính Bình rất lo lắng, đem quân đi đánh, rút cục vẫn không dẹp được. Lần lữa tháng ngày hàng hơn 20 năm, hai bên cầm cự nhau, được thua chưa quyết.

Bấy giờ là năm Tân Mùi (791) đời Trinh Nguyên. Chính Bình làm chính sự tàn mạo, thuế khóa nặng nề, trăm họ không chịu nổi sự nhũng nhiễu ấy.

Lòng người đang lúc sôi nổi. Phùng Hưng bèn họp các tướng bàn cách đánh giữ. Trong bộ hạ có một người tiến ra nói rằng: "Người xưa dụng binh hay dùng mưu kỳ đánh lừa quân địch mà quyết định được hơn thua. Nay người Đường trong thì kiêu căng, ngoài thì phóng túng, trói buộc dân ta bằng pháp luật, yêu sách hà khắc, trên trái đạo trời, dưới mất lòng dân, tại sao chúa công vẫn nghi ngờ lo ngại, cứ đóng giữ nơi sơn cùng này, để cho kẻ đầu sỏ hung ác vẫn như châu chấu đá xe ở đường trời, mà

quân cứu dân lành đánh kẻ tội vẫn cứ chần chừ không tiến? Tôi dẫu bất tài, cũng xin mang một đội quân, kéo thẳng đến Long Thành chém lấy đầu Chính Bình, đem về nộp ở dưới trướng!". Phùng Hưng khen là lời nói hăng hái, đưa mắt xem ai, thì là Sa Bà tướng quân A Gia. Lại có một người đứng ra nói: "Xin chúa công nghe lời của anh A đem quân sáu mặt thẳng tới bao vây phủ thành, thì Chính Bình đầu đuôi không cứu được nhau, tất phải tan vỡ như ngói sụt!" Phùng Hưng cho lời nói có lý, đưa mắt nhìn xem, thì là Đỗ Anh Hàn là anh Đỗ Anh Luận, và là em Đỗ Anh Nho người cùng làng. Anh Hàn học rộng, mưu cao, có danh vọng trong thời ấy, Phùng Hưng thường đối đãi như bậc thày và bạn.

Bấy giờ các văn võ dưới trướng như: "Thiệu An, Lăng Bình, Đỗ Nhưng, Triệu Cử, Hà Toại, Lục Thành, Lưu Kiều, Thành Yển, đều đồng thành nói: "Lời Đỗ điển sử nói phải đấy! Xin chúa công nghe theo. Chúng tôi xin trổ hết sức mình, muôn vàn quyết giữ, không gì đáng lo". Phùng Hưng rất khen ngợi, bèn phong em là Hãi làm Cự Lão tướng quân, dẫn một nghìn người, thống suất các tướng: Thiệu An, Lăng Bình, Đỗ Nhưng, Triệu Cử làm tả hữu khu kéo quân thẳng tới bờ bắc thành Long Đỗ, để chặn đánh quân cứu viện nhà Đường, phong em Phùng Dĩnh làm Cự Lực tướng quân, dẫn một nghìn quân, thống suất các tướng: Hà Toại, Lục Thành, Lưu Kiều, Thành Yển, chia làm bốn đội, kéo thẳng đến mặt nam thành Đại La, để tuyệt đường tải lương của địch; phong Bồ Phá Lặc làm Sanh Lực tướng

quân, dẫn một nghìn quân, thống suất các tướng: Tự Kiển, Lỗ Túc, Khước Ban, Tỳ Chung, Lâu Tiếp, chia quân làm hai vệ: Thì, Điển, kéo thẳng đến phía đông ngòi Tô để chặn đường rút lui của địch; dùng Đỗ Anh Hàn làm Đại thủ lĩnh; Đỗ Nho làm Phòng bị sứ, đem một nghìn quân, thống suất các tướng: Dịch Hào, Tống Mục và Trương Hoằng Vệ, chia ra tám mặt để phòng thủ các châu Đường Lâm, Trường Phong.

Bấy giờ Anh Hàn bị quân địch giết chết, đem đầu nộp cho nhà Đường. Đỗ Nho bèn khuyên Phùng Hưng gấp rút tiến quân. Phùng Hưng bèn tự thống lĩnh đại quân một vạn người, dẫn đầu 28 tướng: Chử Viêm, Bốc Thiệm, Điền Phương, Đoàn Viêm v.v...kéo thẳng đến châu trị. Cao Chính Bình cũng xuất tướng sĩ dưới trướng, hơn bốn vạn người, hai bên cùng chống giữ. Trận đánh lớn diễn ra bảy ngày liền, trống trận vang dậy, quân sĩ nhà Đường bị chết vô kể: đầu rơi đầy nội, máu chảy thành ngòi, nước sông Nhị và sông Lô đỏ ngòm! Chính Bình thấy thế quân ta to quá, không dám đánh nữa, rút chạy vào thành, đóng chặt cửa cố giữ.

Phùng Hưng chia làm tám mặt, sai các tướng tập hợp quân lại để bao vây. Chính Bình lo sợ phẫn uất thành bệnh mà chết, quân tướng nhà Đường đều xin hàng hết.

Phùng Hưng vào thành, đem gia thuộc của Chính Bình giết đi, giữ lấy phủ thành, lên ngôi ngự trị, không được bao lâu, bị bệnh mất.

Các tướng muốn lập Phùng Hãi nối ngôi, nhưng có

một đại thần là hạng đầu mục, tên là Bồ Phá Lạc không theo, bèn đưa người con của Phùng Hưng là Phùng An lên ngôi, rồi đem quân chống lại Phùng Hãi. Hãi than rằng: "Chung sức cần lao hàng 20 năm, không ngờ ngày nay lại xảy ra việc này! Có lẽ ý trời chưa muốn cho Việt Lạc được bình trị chăng? Vả lại cốt nhục tương tàn, là điềm không lành!", bèn cùng Phùng Dĩnh trút bỏ vũ khí, đổi họ thay tên, vào ở ẩn trong động Chu Nham.

Người trong nước đều khen việc làm này, về sau không rõ kết cục ra sao?

Phùng An tôn tên thụy cha là "Bố Cái đại vương".

***

Như vậy nội dung bia bổ sung thêm được mấy điểm về Phùng Hưng như sau:

1- Tổ tiên họ Phùng từ mấy đời trước đã nối nhau làm quan lang ở châu Đường Lâm, cho tới đời Phùng Hưng.

2- Sử sách xưa nay chỉ nói đến Phùng Hưng và Phùng Hãi (có sách chua là Phùng Hải) là hai anh em có sức khỏe ở Đường Lâm, không nói đền Phùng Dĩnh là ba anh em sinh ra từ một bọc như trong bia.

3- Sử sách chỉ nói đến Đỗ Anh *Luân* (*Việt điện u linh)* không phải là *Luận*, đã bày kế cho Phùng Hưng vây đánh, làm Cao Chính Bình uất mà chết, không nhắc đến Đỗ Anh Nho và Đỗ Anh Hàn, người hiến kế cho Phùng Hưng, sau bị quân Đường chém đầu đưa về nộp cho vua

Mùng 7

12- Hội làng Thúy Lĩnh..... *Trần Văn Mỹ* 72

13- Hội làng Đại Lan..... *Trần Văn Mỹ* 78

14- Hội đình Thượng Lão..... *Văn Hậu* 83

15- Hội Đại Mỗ ..... *Thanh Hương* 86

16- Hội đình Phú Đô..... *Văn Hậu* 90

17- Hội làng Phú Mỹ - Kiều Mai .... *Văn Hậu* 93

Mùng 8

18- Hội cướp cầu Viên Nội..... *Nguyễn Thị Hồng Hạnh* 99

19- Hội làng Thụy Hà..... *Nguyễn Thị Hồng Hạnh* 104

20- Hội Thị Cấm.....*Hoàng Lê* 109

Mùng 9

21- Hội làng Bà Già..... *Văn Hậu* 114

Mùng 10

22- Hội đình Kim Mã Hạ..... *Thanh Hương* 117

Ngày 11

23- Hội đền Sái..... *Nguyễn Thị Hồng Hạnh* 120

Ngày 12

24- Hội làng Quậy..... *Nguyễn Văn Phái* 125

Ngày 13

25- Hội Cống Yên..... *Văn Hậu* 129

Ngày 14 - 16

26- Hội làng Tả Thanh Oai..... *Tố Uyên* 133

Ngày 17

27- Hội Ngũ Xã - Nam Tràng..... *Văn Hậu* 142

Ngày 18

28- Hội Chử Đồng Tử..... *Hoàng Lê* 149

Ngày 19

29- Hội bên núi Sưa..... *Văn Hậu* 160

Ngày 22

30- Hội Yên Mỹ..... *Văn Hậu* 165

Ngày 25

31- Hội chùa Thánh Chúa..... *Văn Sáu* 168

Hội tháng Hai

Mùng 4

32- Hội chùa Nành..... *Lê Hồng Lý* 173

Mùng 5

33- Hội Hai Bà Trưng ..... *Lê Trung Vũ* 178

34- Hội làng Lương Quy..... *Lê Hồng Lý* 189

Mùng 8

35- Hội làng Đông Dư ..... *Hoàng Lê* 200

36- Hội làng Thọ Am..... *Tố Uyên* 207

Mùng 9

37- Hội đình Vạn Phúc ..... *Văn Hậu* 212

38- Hội làng Ngọc Trì..... *Hoàng Lê* 217

39- Hội làng Thổ Khối..... *Hoàng Lê* 221

40- Hội đình Thanh Liệt ..... *Tố Uyên* 224

41- Hội làng Kim Giang..... *Tố Uyên* 232

42- Hội đình Bà Tía..... *Tố Uyên* 239

43- Hội đền Voi Phục..... *Lê Trung Vũ* 244

84- Hội làng Tó..... *Phạm Thanh Quy* 470

Mùng 10

85- Hội bơi Thượng Cát..... *Lê Trung Vũ* 476

86- Hội làng Đăm..... *Lê Hồng Lý* 480

87- Hội làng Thanh Am..... *Hoàng Lê* 496

Ngày 12

88- Hội làng Tầm Xá..... *Nguyễn Văn Phái* 503

Ngày 14

89- Hội làng Đại Yên..... *Văn Hậu* 506

Ngày 15

90- Hội chùa Nhót..... *Trần Văn Mỹ* 511

91- Hội làng Đông Phù Liệt..... *Lê Trung Vũ* 516

92- Hội làng Lê Xá..... *Nguyễn Văn Phái* 527

Ngày 16

93- Hội đền Kim Liên..... *Lê Trung Vũ* 531

Ngày 23

94- Hội làng Lệ Mật 539

Cuối xuân

95- Hội thả chim làng Dục Tú..... *Lê Hồng Lý* 543

Hội tháng Tư

Mùng 4

96- Hội làng Văn Trì ..... *Trần Đồng Quang* 546

Mùng 5

97- Hội Lỗ Khê..... *Bạch Vân* 551

Mùng 9

98- Hội Thánh Gióng..... *Lê Trung Vũ* 557

99- Hội làng Vo.....*Thanh Hương* 570

Hội tháng Năm

Ngày 15

100- Hội Chèm..... *Văn Hậu* 573

101- Hội chùa Hàm Long..... *Văn Hậu* 576

Hội tháng Bảy

Ngày 20

102- Hội bơi làng Võng La..... *Nguyễn Thị Hồng Hạnh* 578

Hội tháng Tám

Mùng10

103- Hội bơi chải Vĩnh Tuy..... *Trần Văn Mỹ* 582

Ngày 12

104- Hội Bích Câu đạo quán..... *Bạch Vân* 588

Ngày 14

105- Hội làng Phú Xá ..... *Văn Hậu* 592

106- Hội làng Giáp Lục..... *Trần Văn Mỹ* 596

Ngày 15

107- Hội đua thuyền Yên Duyên..... *Lê Trung Yên* 600

Ngày 19

108- Lễ hội đền Lừ..... *Thanh Hương* 604

In 1040 cuốn, khổ 14.5x20.5 Tại Xưởng in NXBNN
Giấy phép chấp nhận kế hoạch số 67/XB-CXB
In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2001

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
HN
TRUNG TÂM
THÔNG TIN - THƯ VIỆN
V-00
8571

LỄ HỘI THĂNG LONG

TT TT-TV * DHQGHN
V-00/08571

Giá: 57.800đ